

THE FIRST UNCENSORED EDITION

IN THE FIRST CIRCLE

A NOVEL



"A CLASSIC . . . FILLED WITH SUSPENSE." — NEW YORK TIMES (ON THE 1968 EDITION)

ALEKSANDR

WINNER OF THE NOBEL PRIZE IN LITERATURE

SOLZHENITSYN

Tăng Đầu Địa Ngục

Aleksander I. Sozhenitsyn

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

Lời nhà xuất bản	
Tác giả và tác phẩm	
1 Và anh là ai?	
2 Ý tưởng của Dante	
3 Một lễ giáng sinh Cơ đốc	
4 Boogie - Woogie	
5 Một cuộc sống êm đềm	
6 Trái tim một người đàn bà	
7 Ô, thời gian, xin ngừng lại	
8 Năm thứ năm sống trong lao tù	
9 Hai nhà toán học	
10 Tòa lâu đài huyền diệu	
11 Số bảy	
12 Một người không thể nói dối	
13 Ánh sáng xanh	
14 Người đàn ông nào cũng cần đàn bà	
15 Tam đầu chế gian dối	
16 Không có nước sôi pha trà	
17 Đũa thần hóa phép đi	
18 Sinh nhật của người hùng	
19 Ngôn ngữ là dụng cụ của sản xuất	
20 Iosif Vissarionovich, xin cho lại chúng tôi án tử hình	
21 Tuổi già	
22 Hồ thăm kêu gọi	
23 Giáo đường Thánh John	
24 Việc làm của ông Trung tá	
25 Lên cao tuyệt đỉnh	
26 Dấu phạt	
27 Giấy in tiếng	
28 Cấm không được hôn	
29 Dấu tiếng	
30 Đi đây? Dễ lắm!	
31 Cuộc gặp	
32 Một cuộc gặp mặt khác	
33 Chuyện vặt trong tù	
34 Cái thùng sắt	
35 Hai kỹ sư	
36 Không phải nghề tôi	
37 Không, không phải em...	
38 Hãy bỏ lại hy vọng, hỏi những ai vào đây	
39 Tổng giam vĩnh viễn	
40 Trận gió thứ nhì	
41 Buổi sáng hành quyết	
42 Vĩnh biệt, vĩnh biệt...!	
43 Thịt	
44 Hoàng Hải Thủy - Tầng đầu địa ngục và lương tâm của một văn sĩ	

Lời nhà xuất bản

Tác phẩm *Tầng đầu địa ngục* do Nhà xuất bản Đất Mới chúng tôi gửi tới tay bạn đọc được dịch theo bản Anh văn *The First Circle* do Nhà Bantam Books ấn hành. Quyển này dày 674 trang và gồm 87 chương.

Như các bạn đã thấy, tiểu thuyết *Tầng đầu địa ngục* của Aleksandr I. Solzhenitsyn diễn tả cuộc sống mất tự do trong tù ngục của những chính trị phạm Nga trên Liên bang Xô Viết. Chính tác giả từng sống trong những ngục tù này nên những gì ông viết lại đều rất trung thực, rất sống, làm rung động tâm hồn người đọc. Trong truyện, ông viết lại cuộc đời của rất nhiều tù nhân, mỗi tù nhân là một trường hợp đặc biệt, một cảnh ngộ riêng. Vì muốn diễn tả thật nhiều trường hợp bị tù đầy nên trong *The First Circle* có quá nhiều nhân vật không liên lạc gì đến cốt truyện.

Với mục đích làm cho cốt truyện được đúc kết hơn, có liên lạc hơn, chúng tôi đã lược bỏ một số trang khi dịch *The First Circle* sang *Tầng đầu địa ngục*. Việc lược bỏ của chúng tôi chỉ làm cho tác phẩm thêm trong sáng, chặt chẽ, cốt truyện vẫn còn nguyên, những nhân vật chính vẫn có đủ mặt. Giá trị văn chương của *The First Circle*, qua bản dịch của chúng tôi, theo chúng tôi nghĩ, chỉ có tăng chứ không giảm.

Chúng tôi mong bạn đọc nhận xét, so sánh, nhận biết sự cố gắng của chúng tôi và đồng ý với chúng tôi rằng khi chuyển ngữ một tác phẩm tiểu thuyết ngoại ngữ sang tiếng Việt, đôi khi việc lược bỏ vài đoạn không liên hệ đến cốt truyện là việc làm cần thiết và hợp lý.

Trân trọng cảm ơn bạn đọc.

Nhà xuất bản Đất Mới.

Nguồn: Tác phẩm viết bằng tiếng Nga của Aleksandr I. Solzhenitsyn, giải Văn chương Nobel 1970 do Nhà Harper và Row dịch và ấn hành lần thứ nhất năm 1968 ở Hoa Kỳ dưới nhan đề tiếng Anh *The First Circle*. Bản dịch tiếng Anh của Thomas P. Whitney. Bản Việt văn của Hải Triều dịch theo bản tiếng Anh của Thomas P. Whitney do Nhà xuất bản Đất Mới ấn hành lần thứ nhất Sài Gòn, Việt Nam, 1973. Nhà xuất bản Đất Mới giữ bản quyền. KD. Số 2137/PTUDV ngày 15-5-1973.



Tác giả và tác phẩm

Aleksandr I. Solzhenitsyn được thi sĩ Yevgeny Yevtushenko, một nhà thơ trẻ tuổi được ái mộ nhất của văn nghệ Nga Xô gọi là “Nhà văn cổ điển duy nhất của chúng ta...” Ở Nga Xô không

có nhà văn nào xứng đáng với danh hiệu trên hơn là tác giả Tầng đầu địa ngục. Solzhenitsyn ra đời năm 1918. Sau mười một năm sống trong những trại tập trung tù chính trị của chế độ Xô Viết, nơi ông thu thập, ghi nhận những tài liệu sống để viết thành hai tác phẩm. Một ngày trong đời của Ivan Denisovich và Tầng đầu địa ngục, ông sống như một bệnh nhân trong một bệnh viện điều trị bệnh ung thư cho tới năm 1950. Năm 1967, ông công khai lên tiếng chống lại chính sách đàn áp tư tưởng con người của chế độ Xô Viết. Ông từng viết: “Không còn có thể chịu đựng được lâu hơn nữa sự đàn áp tinh thần ấy, nền văn nghệ của chúng ta đã quần quai dưới sự đàn áp ấy trong nhiều thế hệ. Không ai có thể chặn đường sự thật. Để chiến đấu cho sự thật, tôi đã chuẩn bị sẵn sàng và chấp nhận cả cái chết”.

Harrison E. Salisbury, một chuyên gia Hoa Kỳ về các vấn đề Nga Xô Viết, đã ví Aleksandr I. Solzhenitsyn như một Dostoevsky của thời đại mới. Harrison E. Salisbury đã viết về Aleksandr I. Solzhenitsyn và tác phẩm Tầng đầu địa ngục như sau trên tờ *New York Times Book Review*: “Tầng đầu địa ngục là một tác phẩm mới nối tiếp tập Hồi ký của Dostoevsky. Trong thời gian chế độ Xô Viết ngự trị trên đất Nga chúng ta có một chuỗi dài vô tận những tiết lộ bi thảm về những trại giam tù chính trị ở đó. Giờ đây, vóc dáng to lớn vượt bậc của Solzhenitsyn xuất hiện. Cũng giống như Dostoevsky, Solzhenitsyn là một kẻ sống sót, một người trở về từ địa ngục lao tù. Ông từng sống nhiều năm trong tù ngục và lưu vong. Những người đàn ông, đàn bà trong tác phẩm của ông đều là những nhân vật bằng xương, bằng thịt, họ yêu, họ ghét, họ thù, họ thương, họ cười, họ khóc, họ trò chuyện, họ ước mơ. Và bỗng dưng, ta hiểu rằng lao tù, khủng bố, sa đọa và tàn ác chỉ làm trong sạch thêm tinh thần con người. Cuối cùng, không phải tù nhân là những kẻ bị tiêu diệt dù rằng họ có thể bị mất đời sống. Kẻ bị tiêu diệt dù rằng họ có thể bị mất đời sống. Kẻ bị tiêu diệt chính là những tên cai ngục. Bọn đàn áp chính là bọn thất bại. Những nhà độc tài kế tiếp nhau đã cố gắng ngăn chặn ý tưởng tiến đến những lý tưởng nhân bản của các nhà văn Nga trong quá nhiều năm đến nỗi giờ đây, ta khó có thể biết chắc sự cố gắng ngăn chặn ấy bắt đầu có từ bao giờ. Nhưng ta biết chắc rằng họ đã thất bại thê thảm. Solzhenitsyn là bằng chứng của sự thất bại ấy”.

Aleksandr I. Solzhenitsyn được giải văn chương Nobel năm 1970. Chính quyền cộng sản Nga ngăn cản không cho ông đi sang Thụy Điển để lãnh giải này. Tầng đầu địa ngục là tác phẩm dài nhất của ông. Tác phẩm này không được xuất bản ở trong nước Nga, tác giả của nó đã phải gửi bản thảo ra ngoại quốc để in. Tầng đầu địa ngục được dịch và ấn hành ở Hoa Kỳ dưới nhan đề *The First Circle* trong năm 1968. Trong khoảng thời gian năm năm trời nay, *The First Circle* là quyển tiểu thuyết được nhiều người đọc nhất thế giới.

Hiện nay, Aleksandr I. Solzhenitsyn sống ở ngoại ô Mạc Tư Khoa cùng với gia đình ông gồm một người vợ trẻ và hai đứa con nhỏ. Công Đảng Nga mở chiến dịch bôi lọ ông, vu cáo ông và cô lập ông, họ không cho vợ chồng ông làm việc ở bất cứ đâu và gạt ông ra ngoài mọi hoạt động văn nghệ. Nhưng uy tín và giá trị cá nhân của ông đã quá lớn, cho tới nay những người lãnh đạo chế độ Xô Viết ở Nga chỉ cố tình quên ông nhưng chưa dám thẳng tay hãm hại ông.

1 Và anh là ai?

Đôi kim đồng hồ chỉ bốn giờ năm phút.

Trong ánh sáng hấp hối của một ngày tháng Chạp, mặt đồng của chiếc đồng hồ đặt trên giá trông như có màu đen.

Hai cánh cửa kiếng của khung cửa sổ cao nhìn xuống dãy phố đông đảo, nhộn nhịp bên dưới, nơi những người gác cửa đang dồn những mảnh tuyết nâu lại thành từng đống, tuyết tuy mới rơi nhưng đã ướt và dơ bẩn, những cây cào gỗ đẩy tuyết ngay dưới chân những người qua đường.

Innokenty Volodin, cố vấn Quốc gia đệ nhị, nhìn ngáy xuống cảnh đó nhưng không ghi nhận gì

hết, chàng đứng dựa vào thành cửa sổ, miệng khẽ huýt gió một điệu nhạc mệt mỏi. Những ngón tay chàng lật mở từng tờ giấy trắng bóng, in sắc sỡ nhiều màu của một tập san ngoại quốc. Nhưng mắt chàng cũng không nhìn thấy những hình ảnh in trên những trang báo đó. Cố vấn Quốc gia đệ nhị hạng Innokenty Volodin, chức vụ này của chàng trong ngành ngoại giao tương đương với cấp Trung tá trong quân đội, là một thanh niên cao và mảnh mai. Không bận đồng phục và bận bộ y phục may bằng một thứ hàng len dệt, trông chàng có vẻ là một công tử hào hoa hơn là một viên chức trung cấp trong Bộ Ngoại giao. Bây giờ đã đến lúc chàng phải bật đèn trong văn phòng nếu chàng muốn ở lại làm việc ngoài giờ, nhưng chàng không bật đèn, hoặc rời văn phòng để về nhà. Chàng cũng không để lộ vẻ gì là sửa soạn ra về.

Bốn giờ chiều không có nghĩa là giờ làm việc trong ngày đã hết, bốn giờ chiều chỉ có nghĩa là ánh sáng của một ngày đã tắt, hoặc mờ đi, vào giờ này tất cả mọi người đều về nhà ăn bữa tối để rồi bắt đầu từ mười giờ đêm, cả ngàn khung cửa sổ của sáu mươi nhăm cơ quan chính phủ ở Mạc Tư Khoa lại sáng đèn. Chỉ có một người, một người mà thôi, sống ở giữa khoảng một tá tường thành ở Mạc Tư Khoa, không ngủ được ban đêm, và người này đã làm cho tất cả những viên chức chính phủ lớn nhỏ ở Mạc Tư Khoa cũng phải thức với y cho tới ba, bốn giờ sáng. Vì đã biết rõ thói quen thức đêm của Vị Chúa Tế, đêm nào cũng vậy, khoảng ba mươi ông Tổng trưởng ngồi như những chú học trò được gọi đến tên. Để cho khỏi buồn ngủ, những ông Tổng trưởng này hành hạ những ông phụ tá, những ông phụ tá hành hạ những ông trưởng phòng và những nhân viên phụ trách lưu trữ hồ sơ vất vả leo lên những bậc thang mở những ô kéo tìm những tấm phiếu lý lịch hồ sơ, trong hành lang có những viên thư ký hấp tấp đi lại và trong văn phòng có những viên thư ký hồi hộp làm gãy những ngọn viết chì.

Và ngay cả hôm nay nữa, đêm nay là đêm Giáng sinh Tây phương, từ hai ngày nay tất cả những Tòa đại sứ ở Mạc Tư Khoa đều đóng cửa, tê cứng trong cái lạnh đêm cuối năm, trong những Tòa đại sứ ấy tất cả những máy điện thoại đều ngừng reo chuông, và ngay trong phút này, nhân viên của những Tòa đại sứ ấy chắc là đang thoả mái ngồi chung quanh những cây Giáng sinh, trong những cơ quan chính phủ này người ta vẫn làm việc. Nhiều người ngồi đánh cờ, nhiều người ngồi khảo chuyện phiếm, nhiều người khác nữa ngủ gật - nhưng đêm nay, người ta vẫn là làm việc.

Những ngón tay bối rối, hơi run của Volodin lơ đãng lật nhanh những trang tập san. Suốt trong thời gian đó cảm giác sợ hãi dâng lên trong chàng, nó bốc lên như lửa một lúc rồi tàn đi và sau cùng, đông lại.

Từ ngày còn thơ ấu, Innokenty đã biết bác sĩ Dobroumov, chàng vẫn nhớ rõ hình ảnh của ông từ ngày đó cho đến bây giờ. Thời ấy bác sĩ Dobroumov hẳn còn là một ông thầy thuốc rất thường, danh tiếng ông chưa nổi sáng và người ta chưa cử ông cầm đầu những phái đoàn đi ra ngoại quốc. Thời ấy, chưa ai coi ông là khoa học gia, ông chỉ là một ông thầy thuốc đi chữa bệnh tận nhà. Mẹ của Innokenty thường đau yếu luôn và lần nào có bệnh bà cũng mời đến bác sĩ Dobroumov. Bà tin ở tài năng và kinh nghiệm của ông. Mỗi lần ông đến nhà và treo cái mũ da của ông lên mắc dsau cánh cửa, cả nhà như tràn đầy một làn không khí dễ chịu bình yên, tin tưởng. Không lần nào ông ngồi lại dưới nửa tiếng đồng hồ bên cạnh giường người bệnh. Ông hỏi về tất cả những khó chịu, những đau đớn của người bệnh, như những chuyện đó làm cho ông hài lòng, ông xem mắt, xem lưỡi, nghe ngực người bệnh và sau đó ông giải thích cho người bệnh nghe về phương pháp điều trị mà ông áp dụng cho người bệnh. Khi đi ra khỏi nhà, lần nào đi ngang trước mặt chú nhỏ ông cũng dừng lại để hỏi một câu, chú nhỏ sẽ nói ra một câu thông minh. Trong những ngày xa xưa đó, ông bác sĩ đã có mái tóc bạc xám. Bây giờ không biết ông ra sao?

Innokenty liệng tập bào xuống bàn và thần kinh chàng căng thẳng, bối rối, khó nghĩ, chàng đi đi lại lại trong phòng.

Chàng có nên gọi điện thoại hay không?

Nếu vụ này liên can đến những bác sĩ mà chàng không đích thân quen biết, Innokenty sẽ không phải bận trí suy nghĩ đến hai lần về việc nên hay không báo cho người trong cuộc biết. Nhưng người trong cuộc lại là bác sĩ Dobroumov!

Có thể có cách nào làm người ta nhận ra được giọng của một người qua ống điện thoại nếu người nói nói thật nhanh, gác máy và đi ngay khỏi chỗ đặt máy điện thoại? Họ có thể nhận ra

tiếng nói của một người qua điện thoại không? Chắc là họ chưa có kỹ thuật nào dùng vào việc này.

Chàng đi trở lại bàn giấy của chàng. Trong bóng tối của ngày đông tàn chàng vẫn nhìn thấy rõ tập chỉ thị mật về công tác mới mà chàng sắp phải làm. Chàng sẽ đi trước ngày đầu Năm mới, vào thứ Tư hay thứ Năm gì đó.

Nếu chàng đợi thì hợp lý hơn. Chàng cũng sẽ khôn ngoan hơn nếu chàng đợi.

Trời ơi! Hai vai chàng rung động trong một cái rùng mình, vai chàng chưa bao giờ bị đè nặng như thế này. Nếu chàng đừng biết gì hết về vụ này, chàng sẽ đỡ khổ biết là chừng nào. Nếu chàng đừng biết...

Chàng cầm tập chỉ thị và tất cả những giấy tờ trên bàn đem đến cất vào trong tủ sắt.

Nhưng... Làm sao người ta lại có thể kết tội bác sĩ Dobroumov chỉ vì lời hứa đó của ông? Lời hứa đó chỉ biểu lộ tấm lòng quảng đại của một người có tài. Tài năng là một cái gì bao giờ cũng biểu lộ ra ngoài bất kể người có tài muốn biểu lộ hay không, người có tài và có lòng tốt bao giờ cũng sốt sắng chia sẻ tài năng của mình cho người khác.

Cảm giác bối rối, khó xử trong Innokenty tăng lên, mạnh hơn. Chàng đứng tựa vai vào thành tủ sắt, đầu cúi xuống, hai mắt nhắm lại. Chàng đứng như thế ở đó một lúc khá lâu.

Rồi đột ngột, như chàng vừa để cơ hội tốt cuối cùng trôi qua, không gọi điện thoại xuống nhà để xe để người ta mang xe hơi của chàng ra trước cửa, không kịp cả đẩy nắp lọ mực trên bàn, Innokenty đi vội ra khỏi văn phòng. Chàng khóa cửa và đưa chìa khóa cho người hạ sĩ trực ngồi ở cuối hành lang, bận áo khoác ngoài và bước nhanh xuống thang lầu. Chàng đi như chạy ra khỏi tòa nhà, len lỏi giữa đám nhân viên bận những chiếc áo thêu vàng, cầu vai vàng, nẹp vàng. Và chàng chạy vào vùng trời hoàng hôn bên ngoài, chàng thấy dễ chịu hơn nhờ sự hoạt động này.

Đôi giày da bóng theo kiểu Pháp của chàng súc vào những tảng tuyết ướt bắn.

Đi ngang đài kỷ niệm Vorosky trong sân trước của Bộ Ngoại giao, Innokenty nhìn lên và không thể ngăn được rùng mình. Chàng cảm thấy tòa nhà mới xây cất ở đường Bolshaya Bubyanka đối diện với công viên Furkasovsky có một ý nghĩa mới đối với chàng. Tòa nhà trắng xám chín tầng kia giống như mười tám khẩu đại bác. Cô đơn và yếu đuối, Innokenty bị cuốn hút qua công viên nhỏ tới dưới đầu chiến hạm khổng lồ ấy.

Chàng quay đi, như để tự cứu - chàng rẽ tay phải, đi xuống đường Kuznestsy Most. Ở đầu đường này, ngay khúc quanh, một chiếc tắc xi sắp rời khỏi vỉa hè. Innokenty vào xe và bảo tài xế chạy theo đường Kuznestsy Most rồi quẹo trái để vào con đường Petrvka vừa mới sáng đèn đường.

Chàng vẫn còn do dự - chàng nghĩ đến chuyện chàng có thể gọi điện thoại ở đâu để khỏi bị người đứng chờ đến lượt bên ngoài gõ gõ lên cửa kiếng phòng điện thoại thúc dục chàng nói mau và nhường chỗ. Nhưng nếu chàng đi tìm một phòng điện thoại công cộng ở một chỗ vắng vẻ, ít người, chàng sẽ còn dễ bị nghi ngờ nhiều nữa. Có lẽ chàng nên đến một phòng điện thoại ở một khu thật đông người, miễn là phòng điện thoại đó đứng sát vào một bức tường. Rồi chàng nghĩ ra rằng chàng không nên đi lang thang vô định trong thành phố trong chiếc tắc xi này, nếu có chuyện gì xảy ra, người tài xế này sẽ là một người làm chứng. Chàng thò tay vào túi áo tìm một đồng mười lăm kopeck.

Bỗng dưng tâm trí chàng an định gần như hoàn toàn. Tất cả những đe dọa dường như vừa trở thành không đáng kể nữa. Chỉ trong vài giây đồng hồ ngắn ngủi, Innokenty bỗng thấy tâm hồn bình thản như chàng chưa từng bao giờ sợ hãi, chưa từng bao giờ do dự trước việc làm này. Vì chàng vừa nhận ra rằng chàng không sao làm khác được. Việc này có thể nguy hiểm, nhưng chàng vẫn phải làm...

Nếu người ta cẩn thận quá, nếu người ta đề phòng quá, người ta có thể nào còn là người được không?

Dưới ánh những ngọn đèn đường Okhotny Ryad những ngón tay chàng tìm thấy trong túi áo hai đồng mười lăm kopeck - một dấu hiệu tốt!

Xe chạy ngang trường Đại học và Innokenty ra hiệu cho người tài xế rẽ sang tay phải. Xe chạy nhanh về đường Arbat. Innokenty trả tiền cho tài xế và không đợi lấy lại tiền lẻ, chàng đi ngang công trường. Chàng cố giữ cho chân bước từ từ và đều đều.

Khu Arbat cũng đã sáng đèn. Từng dãy khán giả sắp hàng trước cửa rạp hát bóng chày vào coi

phim *Tình nàng vũ nữ*. Chữ “M” màu đỏ trên cửa xuống trạm xe điện ngằm mờ nhạt và gần như chìm mất trong làn sương xám. Một người đàn bà ăn bận giống một thiếu phụ Bô-hê-miêng đứng bán những cành hoa mimosa màu vàng.

Cố gắng làm việc này thật nhanh. Nói ít thôi, càng ngắn càng tối - cắt máy ngay. Càng nhanh chừng nào nguy hiểm càng ít chừng ấy.

Innokenty đi thẳng về phía trước mặt. Một thiếu nữ qua đường nghiêng mặt nhìn chàng.

Rồi một thiếu nữ khác.

Một phòng điện thoại công cộng vách gỗ ở trước cửa xuống trạm xe điện ngằm không có người bên trong nhưng Innokenty đi ngang không nhìn vào, chàng đi thẳng vào trong nhà trạm.

Trong này có bốn phòng điện thoại, tất cả bốn phòng đều sát vách - nhưng trong cả bốn phòng đều có người. Innokenty dừng lại. Ở trong phòng đầu tiên bên trái người thanh niên đứng bên trong đã mắc ông nói lên máy. Thanh niên này vừa ra, Innokenty bước vội vào, chàng cẩn thận đóng cánh cửa kiếng dày lại, một tay giữ cửa, tay kia chàng run run nhét đồng tiền vào máy và quay số. Hai tay chàng vẫn còn mang bao tay.

Sau nhiều tiếng chuống reo dài, máy nói ở đầu dây bên kia được một người nào đó nhắc lên.

“Tôi nghe...”

Một giọng nói đàn bà vang lên, giọng nói không có vẻ vui nhưng cũng không có vẻ khó chịu.

“Đây có phải là nhà riêng của bác sĩ Dobroumov?”

Innokenty hỏi, chàng cố gắng làm cho giọng nói của chàng đổi khác đi.

“Dạ phải”.

“Làm ơn cho mời bác sĩ cho tôi nói chuyện”.

“Anh là ai? Anh là ai mà muốn nói chuyện với bác sĩ?”

Giọng nói của người đàn bà hơi nặng và lười biếng. Rất có thể chị ta đang nằm dài trên đi văng trong khi trả lời chàng, chị ta không vội vã như chàng.

“... Thưa cô... cô không biết tôi là ai đâu. Việc tôi là ai không quan trọng... nhưng mà... tôi có chuyện cần nói với bác sĩ gấp. Thật mà... Mời bác sĩ tới ngay giúp tôi”.

Quá nhiều lời thừa thãi, vô ích - Innokenty hồi hộp nghĩ thầm tất cả chỉ vì chàng lịch sự, lễ phép quá.

Giọng nói của người đàn bà bắt đầu có những âm thanh bất mãn:

“Bác sĩ đâu có thể mất thì giờ nói chuyện với bất cứ ai gọi điện thoại đến...”

Giọng nói của thị làm cho Innokenty nghĩ rằng thị có thể gác ngay ống nói sau khi nói câu đó.

Bên ngoài khung cửa kiếng dày, người ta qua lại tấp nập, người ta dừng lại chờ nhau, người ta bước vội cho kịp nhau. Có người đã dừng chờ đến lượt vào gọi điện thoại ở bên cửa.

“Anh là ai? Tại sao anh lại không xưng tên?”

“Tôi là một người bạn của bác sĩ. Tôi có chuyện quan trọng cần nói với bác sĩ”.

“Thì sao? Sao anh lại sợ không dám cho tôi biết tên?”

Đã đến lúc chàng nên cắt đứt cuộc điện đàm lăm chằm, vô ích này. Người ta không có quyền lấy những chị đàn bà ngu ngốc này làm vợ.

“Cô là ai? Phải cô là vợ của bác sĩ không?”

“Tại sao tôi phải trả lời anh trước?” - Người đàn bà phản đối - “anh phải nói trước...”

Bàn tay cầm ống nói của Innokenty đã giơ lên với ý định là gác máy không nói nữa. Nhưng trong vụ này, không phải chỉ có một mình bác sĩ Dobroumov là bị liên can. Con giận trong Innokenty dâng lên và chàng không còn để ý tới chuyện làm thay đổi giọng nói nữa, chàng cũng không còn cố nén hồi hộp, cố giữ bình tĩnh để giọng nói của chàng giống giọng nói của một người chỉ gọi đến để nói một chuyện rất thường. Chàng gần lên vào ống nói, vừa năn nỉ vừa giục dã:

“Cô nghe tôi... Này cô... Tôi phải báo cho bác sĩ biết một chuyện nguy hiểm”.

“Nguy hiểm?”

Giọng nói của người đàn bà trầm xuống, rồi tắt đi. Nhưng chàng vẫn không nghe thấy tiếng thị gọi ai đến máy. Rồi giọng thị lại cất cao:

“Nếu vậy, tôi lại càng không nên gọi ông ấy tới. Chuyện gì là chuyện nguy hiểm? Biết đâu anh chẳng bày đặt? Làm sao tôi biết được là anh nói thật hay nói dối?”

Sàn phong điện thoại như có lửa bốc lên đốt hai chân Innokenty và ống nói đen có dây xích sắt buộc vào dàn máy như trơn tuột trong lòng bàn tay chàng.

“Nghe tôi nè... Cô phải nghe tôi...” Chàng kêu lên trong tuyệt vọng. “Lần xuất ngoại vừa rồi, khi ông bác sĩ ở Paris, ông ấy có hứa với những bác sĩ Pháp là ổng sẽ cho họ một thứ gì đó. Một thứ thuốc mới. Trong vài ngày nữa ổng sẽ đưa cho họ thứ thuốc ấy. Họ là người ngoại quốc. Cô hiểu gì không?”

“Ông ấy không có quyền cho người ngoại quốc bất cứ thứ gì... Ông sẽ bị...”

Một tiếng cách vang lên và Innokenty đứng chết lặng với ổng nói áp trên tai.

Một kẻ nào đó đã cắt đứt đường dây.

2 Ý tưởng của Dante

“Mới tới!”

“Họ đưa tới nhiều người mới!”

Những tù nhân đứng chật hành lang chính. Những người mới đến đứng giữa và những người cư ngụ trước trong nhà tù Mavrino, trong số có những người vừa ăn xong trong lượt tù ăn đầu, những người đi tới để vào phòng ăn, đứng vây quanh họ.

“Từ đâu đến đó các đồng chí?”

“Các bạn, ở đâu đến vậy?”

“Trên ngực áo, trên mũ của các bạn có cái gì vậy? Họ dán cái gì vào đây vậy?”

“Số của bọn tôi đó” - Một tù nhân mới tới đáp - “Trên lưng áo chúng tôi cũng có số, cả trên hai đầu gối quần nữa này. Khi chúng tôi đi, họ xé hết những miếng vải ghi số đó đi thành ra quần áo có vết...”

“Bạn nói chi? Số là cái gì?”

“Thưa quý vị” - Valentine Pryanchikov cao giọng nói - “tôi xin phép được đặt câu hỏi này trước quý vị: Chúng ta hiện đang sống trong thời đại gì?”

Anh quay lại hỏi Lev Rubin, người bạn tù của anh:

“Ghi số trên con người. Lev Grigovich... Cho phép tôi được hỏi anh. Anh có thể cho như vậy là tiến bộ được không?”

“Thôi mà Valentulya, đừng có nặng phần trình diễn” - Rubin nói - “Đi vào ăn cho xong đi”.

“Nhưng làm sao tôi có thể ăn uống được khi quanh tôi còn có những con người bị ghi số lên áo, lên mũ? Đây là thời Mạt thế mất rồi”.

“Các bạn” - Một tù nhân khác của Mavrino nói - “Họ sẽ phát cho bọn mình mỗi người chín gói Belomor vào cuối tháng Chạp này. Các bạn mới đến như vậy là hên lắm ạ”.

“Bạn nói thuốc lá Belomor-Yavas hay là thuốc Belomor-Dukats?”

“Mỗi thứ một nửa”.

“Dã man thật. Họ định giết mình vì thúc Dukats. Tôi sẽ khiếu nại việc này với đồng chí Tổng trưởng cho mà coi. Tôi thề danh dự với các bạn là tôi sẽ khiếu nại”.

“Còn các bạn, các bạn bận quần áo gì thế này?” - Người tù mới tới hỏi nãy giải thích về những vết vải khác màu trên y phục họ lên tiếng - “Tại sao bạn nào ở đây cũng bận đồ như lính nhảy dù vậy?”

“Đây là đồng phục mà tất cả anh em trong này phải bận. Bây giờ họ bắt đầu hà tiện với anh em mình rồi. Trước kia họ vẫn phát quần áo len, có cả áo ngoài”.

Thêm nhiều tù nhân Mavrino nữa bước vào hành lang.

“Kìa... anh em mới”.

“Có nhiều anh em mới tới”.

“Thôi mà các bạn. Các bạn làm như chưa từng nhìn thấy tù mới bao giờ vậy. Đứng nghệt hết đường đi...”

“Ô kìa... Phải anh là Dof-Dneprovsky không? Đúng rồi. Mấy năm nay anh ở đâu? Năm 45, tôi đi khắp Vienna [2] tìm anh. Tìm khắp không thấy”.

“Bạn nào cũng rách rưới, râu ria. Không được cạo râu à? Các bạn tù trại tập trung nào đến đây vậy?”

“Nhiều nơi lắm. Anh em tôi ở Rechlag...”

“Chúng tôi ở Dubrovlag...”

“Tôi ở tù đã tám năm rồi sao tôi chưa từng bao giờ nghe nói đến hai trại đó kìa?”

“Trại mới cả, trại đặc biệt. Mới có từ năm ngoái, năm 48, theo chỉ thị của Staline: kiện toàn hậu phương...”

“Hậu phương? Hậu phương nào mới được chứ?”

“Chẳng biết. Chỉ biết là tôi bị họ bắt ngay trước cửa vào nhà thờ Đức Bà Vienna - Họ nắm cổ tôi, tống tôi lên xe cây...”

“Chờ chút, Mitenka... Xem anh em mới tới nói gì”.

“Không, đi ra sân, đi bộ sau bữa ăn. Đi ra ngoài trời một lúc. Theo đúng thời khắc biểu. Dù có động đất cũng đi. Lev sẽ hỏi họ rồi kể lại cho chúng mình nghe, đừng sợ”.

“Đội thứ hai vào ăn”.

“Chúng tôi đến từ Ozerlag, Luglag, Steplag, Peshanlag”.

“Rất có thể là một nhà thơ lớn nào đó có tâm hồn thơ mộng như Puskhin chưa được ai biết đến ở trong bộ An ninh. Nhà thơ lớn chưa được đời biết này không thêm làm những câu thơ dài, nhưng chọn toàn những cái tên đẹp đặt cho trại tập trung. Thấy không?”

“Ha... ha... Ha. Hay lắm. Thật hay” - Pryanchikov nói - “Xin hỏi quý vị chúng ta đang sống trong thời đại gì?”

“Đừng làm ồn ào, Velentulya”.

“Xin lỗi” - Một tù nhân mới hỏi Rubin - “Tên bạn là gì?”

“Lev Grigorich”.

“Bạn cũng là kỹ sư?”

“Thưa không, tôi không phải là kỹ sư, tôi là nhà ngôn ngữ học”.

“Ngôn ngữ học? Người ta giữ cả những nhà ngôn ngữ học ở đây sao?”

“Có lẽ bạn nên hỏi những ai không bị giữ trong nhà tù này thì dễ trả lời hơn” - Rubin nói - “ở đây chúng tôi có những toán học, vật lý học, bào chế sư, kỹ sư vô tuyến, quang tuyến, kỹ sư điện, chuyên viên điện thoại, nghệ sĩ, dịch giả, kiến trúc sư, thợ đóng sách, thợ đóng giày, thợ may, họa sĩ, trắc lượng viên, có cả bác sĩ đỡ đẻ nữa”.

“Bác sĩ đỡ đẻ làm gì trong này?”

“Ổng xoay xở khéo lắm. Hiện ông làm việc trong Phòng phim ảnh”.

“Lev... Anh vẫn nhận anh là nhà duy vật nhưng anh chuyên nói với người khác những chuyện duy tâm” - Valêntin Pryanchikoy nói - “Các bạn mới đến nên nghe lời tôi: Khi họ cho các bạn vào phòng ăn, chúng tôi sẽ để sẵn cho các bạn ba mươi đĩa thức ăn ở cái bàn cuối cùng gần cửa sổ. Các bạn tha hồ ăn, ăn cho no, nhưng nhớ đừng ăn quá mà bội thực a”.

“Cám ơn lắm. Nhưng... các bạn chẳng nên nhường phần ăn cho bọn tôi”.

“Không đâu. Tại tui tui chán ngấy mấy món ấy rồi. Thời buổi này mà còn ăn cá mòi Mezen với bánh bột kiều mạch kê nữa. Hai món đó ăn thường quá”.

“Cái chi? Bạn cho bánh bột kiều mạch kê là tầm thường ư? Năm năm rồi tôi chưa từng được trông thấy mặt mũi cái bánh ấy ra thế nào”.

“Chắc không phải là bột kiều mạch đâu, dám là bột bắp lắm à”.

“Bột bắp? Bạn điên hay sao mà nói vậy? Họ đâu dám cho bọn mình ăn bột bắp. Nếu là bột bắp, tôi sẽ nức vào mặt họ”.

“Vấn đề ăn uống trong những trại tạm trú hồi này ra sao?”

“Ở trại tạm trú Chelyabinsk...”

“Chelyabinsk mới hay Chelyabinsk cũ?”

“Câu hỏi của bạn chứng tỏ bạn là người hiểu biết nhiều. Ở trại mới...”

“Ở đó hồi này ra sao? Họ có còn cấm các bạn không được dùng bồn rửa mặt mà phải xách nước từng xô, rửa xong đem đi đổ ngay không?”

“Vấn vậy”.

“Các bạn vừa nói nhà tù này là nhà tù đặc biệt. Như thế nào là đặc biệt?” [3]

“Ở đây mỗi người được phát bao nhiêu bánh mì?”

“Những gì chưa ăn, vào đi. Toán thứ hai vào phòng ăn”.

“Bánh mì trắng - ba trăm gờ ram, bánh mì đen thì tùy tiện”.

“Xin lỗi, bạn nói tùy tiện nghĩa là sao?”

“Tùy tiện nghĩa là tha hồ ăn. Bánh cắt sẵn để trên bàn, bạn thích ăn thì lấy ăn, không thích thì thôi”.

“Đúng vậy, nhưng nếu muốn có bơ và gói thuốc Belomor, chúng ta phải làm việc gãy lưng mỗi ngày từ mười hai đến mười bốn tiếng”.

“Làm gì mà gãy lưng? Ở đây không có ai phải làm việc đến gãy lưng cả, nhất là anh, vì anh ngồi ở bàn làm việc. Người gãy lưng là người làm việc với một cái rìu”.

“Mẹ kiếp. Hơn gì đâu? Mình ngồi trong nhà này đâu có khác gì mình ở giữa vùng sa mạc hay đồng lầy - mình cũng bị xa cách với cuộc đời như thế. Các bạn nghe tôi nói đây: họ khoe họ đã tận diệt được bọn ăn trộm và móc túi, ở bất cứ thành phố nào, bạn không còn sợ bị móc túi nữa. Tôi nghĩ rằng nghề móc túi sợ dĩ bị diệt là bởi vì đâu có ai còn gì trong túi để mà móc”.

“Phần bơ phát cho giáo sư, kỹ sư ở đây là ba mươi gờ ram, phần bơ phát cho chuyên viên là hai mươi gờ ram. Các bạn thấy không? Làm tùy khả năng hưởng tùy... người ta cho bao nhiêu biết từng ấy”.

“Như vậy là bạn từng làm việc ở Dneprostroi?”

“Phải. Và tôi bị tù vì xưởng Dneprosgres”.

“Bạn nói vậy là sao?”

“Dễ hiểu quá. Vì tôi bán xưởng đó cho bọn Đức”.

“Bán gì nổi? Xưởng đó bị bom tan tành hết mà?”

“Thì tôi bán xưởng đó cho bọn Đức với tình trạng tan tành đó chứ sao”.

“Tuyệt diệu. Như một trận gió. Tôi như cánh lá bay theo gió. Này nhé... Vô trại tạm trú, lên xe Stolypin. Xe chạy bon bon trên đường thiên lý. Vô trại tạm trú nghỉ. Sáng sau lại lên xe đi. Du lịch như ông hoàng... Ước gì xe chạy thẳng đến công trường Đỏ...”

“Rồi lại chạy trở về...”

“Bạn nói phải. Rồi lại chạy trở về. Và lần trở về, chắc chắn là xe chạy nhanh hơn”.

Một người tù mới đến nói với Rubin:

“Lev Grigorich... đầu óc tôi quay cuồng vì sự thay đổi đột ngột này. Tôi đã sống năm mươi hai năm rồi, tôi đã đau nặng gần chết và thoát chết mấy lần, tôi từng được ôm trong tay nhiều người đàn bà đẹp, tôi có vợ, tôi có con, tôi từng được trao tặng nhiều giải thưởng khoa học, nhưng thực tình là tôi chưa bao giờ sung sướng như ngày hôm nay. Hôm nay tôi được đưa đến đây. Sáng sớm mai họ sẽ kinh phí bắt tôi ra làm việc ngoài đầm nước lạnh giá nữa. Tôi được hưởng mỗi ngày ba mươi gờ ram bơ tươi. Tôi được ăn bánh mì đen tha hồ ăn no, ăn chán thì thôi. Ở đây họ không cấm tôi đọc sách. Ở đây tôi được quyền cạo râu. Ở đây lính không đánh tù như đánh loài vật. Trời ơi, hôm nay là ngày gì? Sao ánh sáng ở đây trong đến thế? Hay là tôi đã chết? Hay là tôi đang nằm mơ? Có thể tôi đang ở Thiên đàng chăng?”

“Không đâu ông bạn ơi” - Rubin nói - “ông bạn vẫn sống ở một nơi giống như nơi ông bạn vừa ở, tức là ở Địa ngục. Nhưng ông bạn vừa leo lên được tầng địa ngục cao nhất, tầng địa ngục sướng nhất, tức là tầng địa ngục đầu tiên. Ông bạn vừa hỏi nhà tù đặc biệt này có những gì đặc biệt, tôi xin trả lời ông bạn rằng người có khái niệm đầu tiên về loại nhà tù này là Dante. Ông bạn nhớ rằng thi hào Dante đã vò đầu, bứt tai đến rụng hết cả tóc về vấn đề ông không biết nên cho những nhà thông thái đã chết ở vào chỗ nào dưới địa ngục. Theo tín lý Gia Tô giáo, bốn phần của những tín đồ Gia Tô là phải tống khứ bọn vô đạo xuống địa ngục, những nhà thông thái đời xưa cũng là bọn vô đạo, nhưng lương tâm của nhà đại thi hào không nỡ bắt những nhà thông thái đó phải ở chung một chỗ với bọn phạm đủ thứ tội lỗi và cũng phải chịu những hình phạt như bọn người tội lỗi đó, nên Dante nghĩ ra một nơi đặc biệt dành riêng cho những người hiểu biết ở dưới địa ngục. Vẫn là địa ngục nhưng được ở một tầng riêng. Nếu các bạn cho phép, tôi xin trưng bằng chứng. Ở Ca khúc thứ tư có những câu:

Sau cùng

chúng tôi tới chân tòa thành vĩ đại.

Chỉ cần một chút tưởng tượng các bạn sẽ thấy đây là tòa thành!

... với bảy lần tường cao vút bao quanh và một dòng suối chảy bên ngoài tất cả. Các bạn tới đây trong những chiếc xe Maria Đen [4] nên các bạn chưa nhìn thấy rõ cảnh vật quanh đây.
... Tôi nhìn thấy bốn Hiện Diện rất mạnh đi tới những Hiện Diện không vui, không buồn. Những linh hồn nào mà sự hiểu biết soi sáng bước đi cả ở Địa ngục kia...?" [5]
"Thôi, đủ rồi Lev Grigorich, anh thi sĩ quá" - Valentine Pryanchikov nói - "Tôi có thể giải thích cho ông bạn đây hiểu về nhà tù đặc biệt này rõ ràng hơn anh nhiều. Bạn chỉ cần nhớ lại một bài đăng báo trong đó có câu: 'Kinh nghiệm cho ta thấy ta lấy được len nhiều hay ít ở lưng cừu chính là do việc ta nuôi cừu và săn sóc cừu'."

[1] Dante, đại thi hào của Ý quốc và cũng là một đại thi hào của nhân loại. Ông sống ở Ý quốc giữa hai thế kỷ XIII-XIV. Tên họ của ông là Alighieri Dante, sinh năm 1265, mất năm 1321. Ông viết tập truyện thơ bất hủ La Divine Comédie. Trong tập này ông tả cảnh địa ngục và cảnh con người đau khổ dưới địa ngục. Ông mô tả địa ngục có nhiều tầng. Tác phẩm Tầng đầu địa ngục lấy ý từ La Divine Comédie của Dante.

[2] Vienna, thủ đô Áo quốc. Năm 1945, Hồng quân Nga tiến đánh quân Đức Quốc xã ở đây. Lời nói này có nghĩa là tù nhân nói câu đó từng chiến đấu trong hàng ngũ Hồng quân Nga.

[3] Trong truyện này, Nhà tù là nhà tù Mavrino được tác giả gọi là "sharaskha". Đó là một tòa nhà lớn ở vùng ngoại ô thành phố cho để đi lại được chính quyền cộng sản Nga làm thành nhà tù, trong nhà này chứa những tù nhân kỹ sư, chuyên viên, những người này bị bắt buộc phải làm việc theo khả năng chuyên môn của họ. Đời sống vật chất của họ đỡ khổ hơn ở những nhà tù chính. Vì chỉ có Nga Xô mới có loại nhà tù này nên tiếng Anh không có danh từ tương đương. Bản dịch tiếng Anh vẫn giữ nguyên danh từ "Sharaskha".

[4] Tù nhân gọi những chiếc xe chuyên chở tù sơn đen, kín mít là xe Maria Đen.

[5] Những câu thơ này được trích trong chuyện thơ dài The Divine Comedy của thi hào Dante.

3 Một lễ giáng sinh Cơ đốc

Cây Nô en của họ là một cành thông cắm vào một cái khe trên cái bục gỗ. Một dây bóng đèn nhỏ, ánh sáng yếu ớt được quấn hai vòng quanh thân cây, đầu dây cắm vào bình điện nhỏ đặt dưới sàn.

Cây Nô en được đặt trong một góc phòng, giữa hai dãy giường tầng, một tấm nệm giường được dựng lên để che ánh ngọn đèn điện trên trần và chiếu vào đó.

Sáu người đàn ông bận những bộ quần áo binh sĩ Nhảy dù dày, màu xanh đậm, đứng xúm xít quanh cây Nô en tí hon. Họ chụm đầu vào nhau và cúi mặt yên lặng. Max Richman, một người trong bọn họ, đọc khế bản kinh cầu nguyện đêm Giáng sinh của đạo Cơ đốc.

Không còn ai khác ngoài sáu người này trong căn phòng rộng chỉ có những chiếc giường hai tầng đứng xếp hàng. Tất cả đều là giường sắt. Sau bữa ăn tối và một giờ đồng hồ đi bộ ngoài sân, mọi người đều đi làm việc đêm.

Max đọc xong bài kinh và sáu người cùng ngồi xuống. Năm người trong bọn họ đang ngẩn ngơ

vì tâm hồn dạt dào những kỷ niệm vừa dịu ngọt vừa cay đắng về quê hương họ - những Đức mến yêu, những Đức trật tự của họ, ở đó dưới những mái nhà lợp ngói đá đen, cuộc lễ đêm nay được coi là lễ quan trọng nhất trong năm, cuộc lễ được cử hành ở đó trong không khí thiêng liêng, tin tưởng vui vẻ và ấm cúng biết là chừng nào. Người thứ sáu trong bọn họ là một người đàn ông vóc dáng lực lưỡng với một bộ râu quai nón đen nhánh như những nhà tiên tri trong Thánh Kinh - tên anh là Lev Rubin, anh là người Do Thái và anh là một đảng viên Cộng sản. Số mệnh của Lev Rubin liên hệ nhiều đến nước Đức cả trong thời chiến và thời bình. Trong thời bình, anh là một nhà ngôn ngữ học chuyên về Đức ngữ, anh có thể nói tiếng Đức thông thạo không sai một âm thanh, đôi khi cầ đến anh còn có thể nói được cả những thổ ngữ của miền núi nước Đức. Anh có thể nói đến bất cứ một văn thi sĩ người Đức có tác phẩm xuất bản như nói đến một người bạn quen. Anh có thể tả cảnh những thị trấn nhỏ nhất hai bên dòng sông Rhin như anh từng sống ở những nơi đó nhiều năm.

Nhưng thực ra, Lev Rubin chỉ mới đặt chân lên đất Áo - rồi từ đó anh lên mặt trận. Trong trận đại chiến thế giới, anh là một thiếu tá Xô Viết trong đoàn đặc biệt mệnh danh là "Lực lượng phá hoại tinh thần chiến đấu của binh sĩ địch". Anh tới những trại giam tù binh tuyển chọn những tù binh Đức nào chịu giúp anh thi hành công tác. Anh đem những tù binh này ra khỏi trại giam, anh huấn luyện và cấp cho họ những vật dụng cần thiết. Vài người trong bọn này vượt được những chiến tuyến bằng những bộ quân phục giả, phù hiệu giả, căn cước quân nhân giả, giấy tờ giả ngũ giả và những bánh thuốc nổ TNT thật. Họ đặt thuốc nổ phá hoại những cây cầu ở sau lưng quân Đức Quốc xã và tìm đường về nhà để sống cho đến ngày họ bị bắt. Với nhiều người khác, Lev Rubin thảo luận về Goethe và Schiller và những tờ truyền đơn tuyên truyền, sau đó anh cho những người này lên những chiếc xe phóng thanh đi ra mặt trận dùng loa kêu gọi những chiến hữu của họ hãy quay súng bắn lại Hitler. Với một số ít người khác, anh vượt qua mặt trận, và chỉ dùng lời thuyết phục, anh chiếm được nhiều cứ điểm của quân Đức, cứu được nhiều tiểu đoàn Xô Viết.

Nhưng Lev Rubin không thể thuyết phục được những người lính Đức nếu anh không trở thành một người như họ, nếu anh không yêu thương họ chân thành, và bắt đầu ngày quân Đức bại trận, anh không thể không thương hại họ. Chỉ vì việc sau cùng này, anh bị bắt. Sau cuộc tấn công tháng Giêng năm 1945, anh bị kết tội phản bội, vì anh đã chống lại chiến dịch trả thù "máu trả máu, chết trả chết" do Hồng quân Xô Viết phát động trên đất Đức chiến bại. Lời kết tội đúng, Lev Rubin không hề nói là anh oan. Xong sự thật phức tạp hơn, tế nhị hơn, rắc rối hơn nhiều những gì được đăng tải trên các báo hồi đó và ghi trong bản án kết tội anh. Hai chiếc bàn nhỏ được kê sát vào nhau cạnh cây Nô en làm thành bàn ăn. Họ bắt đầu thưởng thức món đồ hộp mua được từ những Hợp tác xã thực phẩm - (tù nhân ở những nhà tù đặc biệt được quyền gửi mua thức ăn ở những tiệm bán thực phẩm ở Mạc Tư Khoa nếu họ có tiền) - Sau đó họ chia sẻ nhau chiếc bánh Nô en do họ làm lấy và cà phê lạnh. Cuộc nói chuyện bình thường của những cuộc họp mặt anh em nổi lên. Max hướng dẫn cuộc nói chuyện về những đề tài hòa bình: những phong tục, tập quán xưa cũ, những câu chuyện cảm động về đêm Giáng sinh. Alfred, mang kiếng trắng, một sinh viên không được học hết khoa vật lý ở Vienna, nói chuyện rất vui với giọng nói người Áo của anh. Gustav, một đoàn viên đoàn Thanh niên Hitler, bị bắt một tuần lễ sau ngày chiến tranh kết liễu, một thanh niên còn quá trẻ, má bầu, tai hồng, ngồi mở lớn cặp mắt xanh nhạt nhìn cây Nô en, không dám tham dự vào cuộc nói chuyện của các bậc tiền bối.

Tuy vậy, cuộc nói chuyện rồi cũng quay về với chiến tranh. Một người trong bọn nhớ lại lễ Giáng sinh năm 1944 năm năm trước đêm nay, khi tất cả những người Đức đều kiêu hãnh vì trận tấn công ở miền rừng núi Ardennes, y như những chuyện đã xảy ra thời thượng cổ, trong trận tấn công này, kẻ thua đuổi theo kẻ thắng. Họ nhớ lại trong đêm Giáng sinh năm ấy, toàn thể nước Đức đã lắng nghe tiếng nói của Goebbels.

Rubin, những ngón tay rút nhẹ những sợi trố ra ngoài bộ râu đen nhánh của anh, công nhận chuyện này. Anh nhớ rõ bài diễn văn đêm Giáng sinh năm xưa của Goebbels nói với một sự xúc động sâu xa như y đích thân gánh chịu tất cả gánh nặng đang làm cho nước Đức gục ngã. Có thể trong đêm đó Goebbels đã có linh tính biết trước cái chết của riêng y.

Reinhold Zimmel, cựu Quận trưởng SS, vì quá cao nên phải ngồi khom lưng để đầu khỏi chạm thành giường, bắt mắt vì câu nói lịch sử của Rubin. Y không thể chịu nổi việc gã Do Thái kia

dám lên tiếng phê bình Goebbels. Y không bao giờ thêm ngồi chung bàn với gã Do Thái đó nhưng đêm nay là đêm Giáng sinh, nếu y không chịu thì y sẽ không được dự cuộc họp mặt với đồng bào của y. Y không bằng lòng những bốn người Đức kia quyết định phải mời Rubin đến dự cho bằng được. Vì với nhóm người Đức nhỏ xíu lạc lõng, chìm mất vì số mệnh trong nhà tù này, người duy nhất có thể hiểu được họ là viên Thiếu tá của cái quân đội đã đánh bại quân đội họ, người đã sống qua cuộc chiến với việc gieo rắc nghi ngờ và phá hoại quanh họ. Chỉ có người này mới có thể giải thích cho họ biết những phong tục, tập quán của giống người xa lạ ở đây, chỉ cho họ cách xử sự như thế nào là đúng và dịch cho họ những tin tức thế giới từ tiếng Nga sang tiếng Đức cho họ nghe.

Với mục đích nói ra một câu gì đó làm cho Rubin phải khó chịu đến tối đa, Zimmer nói rằng Đức quốc thời đó có cả trăm diễn giả tuyệt vời như Goebbels và y vẫn lấy làm lạ không hiểu tại sao những người Bôn Sơ Vích chỉ thích đọc những bài diễn văn đã được viết trước và được cấp trên chấp thuận cho đọc.

Đúng như ý muốn của Zimmer, lời nhận xét có tính cách chê bai này làm cho Rubin khó chịu, anh càng khó chịu hơn khi thấy sự chê bai đó đúng. Nhưng anh không thể giải thích những lý do lịch sử của việc ấy với tên sát nhân này. Rubin ghê tởm Zimmer. Cảm giác ghê tởm vẫn mạnh như ngày đầu. Anh nhớ lại lần đầu tiên anh nhìn thấy y đến đây từ khám đường Butyrshkaya trong chiếc áo da đã rạn hầy còn dấu vết huy hiệu SS thường dân - bọn SS thường dân là bọn tàn ác, dã man nhất hạng. Ngay cả nhà tù và những năm tù đầy vẫn không xóa được những nét tàn ác trên mặt Zimmer. Dấu hiệu riêng của những tên hành hạ người đã được đóng sâu trên bộ mặt ấy. Sự cố mặt của Zimmer trong bữa ăn này làm cho Rubin mất vui nhưng nhóm người Đức lẻ loi này khẩn khoản mời anh đến dự, và anh thương hại họ cô đơn và lạc lõng ở đây, anh thấy anh không thể nào làm cho ngày lễ của họ trở thành đen tối vì sự từ chối của anh.

Nén giận, Rubin nói bằng tiếng Đức lời khuyên của Pushkin [1] cho một số người: Đừng đưa ra lời xét đoán, nào cao hơn mũi giày của mình.

Max, hoảng hốt và vội vàng dẹp sự mâu thuẫn đang nhen nhúm như ngọn lửa sắp bốc lên. Max là người, dưới dự hướng dẫn của Lev Rubin, đã đọc được từng vần thơ của Puskin bằng tiếng Nga. Tại sao, Max hỏi, Reinhold lại không ăn bánh với bơ? Và Lev Rubin ở đây trong ngày Giáng sinh năm 1944?

Reinhold phết một chút bơ lên miếng bánh và Lev Rubin nhớ lại rằng ngày Giáng sinh năm ấy anh ở trong một pháo đài trên chiến tuyến Narew gần Rozan.

Và trong lúc năm người đàn ông Đức tưởng nhớ, mơ về những Đức bị giày xéo, chia xẻ, tan nát của họ với những màu sắc rực rỡ nhất do tưởng tượng của họ đắp lên đó, Rubin đột ngột nhớ lại tuyến đầu Narew và những khu rừng ẩm ướt quanh hồ Ilmen.

Ánh đèn xanh đỏ trên cây Nô en sáng lên trong mắt của sáu người ngồi dưới gốc cây.

Sau đó, Rubin được hỏi về những tin tức mới. Anh cảm thấy xấu hổ, ngượng ngùng vì những sự kiện xảy ra trong tháng Chạp này ở trên đất Nga cũng như trên khắp trái đất. Nhưng anh vẫn không sao có thể xử sự như một kẻ không phải là người Cộng sản và từ bỏ hy vọng truyền bá chủ nghĩa cho những người này. Xong, anh vẫn không sao có thể giải thích cho họ hiểu được rằng trong chế độ xã hội phức tạp này sự thật nhiều khi tiến triển theo đường lối quanh co và biến dạng. Vì vậy anh tuyển lựa cho họ - cũng như anh từng tuyển lựa cho chính anh - những sự kiện nào có tính cách chứng tỏ chủ nghĩa xã hội sẽ thắng, anh quên đi những sự kiện nào trái với điều ấy, kể cả những sự kiện làm cho người ta khó hiểu.

Nhưng trong tháng Chạp đặc biệt này, ngoài cuộc hội thảo Nga Xô Viết - Trung Hoa cộng sản vẫn kéo dài và ngày kỷ niệm sinh nhật thứ bảy mươi của vị Lãnh đạo Nhân dân, không còn sự kiện gì đáng để nói cả. Thực ra còn có nhiều chuyện có thể nói về vụ xử án Traicho Kostov, nhưng nếu nói đến vụ xử này, anh sẽ bắt buộc phải kể rằng đó là một trò hề sống sượng, vụng về, rằng những phóng viên nhà báo đến dự phiên tòa xử đã được, sau một chậm trễ khó hiểu nhiều tiếng đồng hồ, phát một bản thú tội giả mạo nói rằng do chính tay Kostov viết trong khám tử tội - những chuyện này làm cho Rubin cảm thấy nhục và anh thấy rõ là chúng không thể có lợi cho việc tuyên truyền chủ nghĩa.

Do đó Rubin chỉ nói với họ về những chiến thắng lịch sử của Đảng Cộng sản Trung Hoa.

Max chăm chú nghe Rubin nói. Thỉnh thoảng y lại gật đầu tỏ vẻ đồng ý, tán thành. Đôi mắt nâu

nhìn trái ô liu của Max biểu lộ sự tin tưởng ngây thơ. Trước đây Max hoàn toàn tin tưởng và trung thành với Rubin, nhưng từ ngày xảy ra cuộc phong tỏa Bá Linh, y bắt đầu nghi ngờ về sự đứng đắn của những nguồn tin Rubin vẫn liều mạng sống để nghe trộm những bản tin của hai đài phát thanh BBC và Colonge phát đi bằng tiếng Đức bằng một cái máy thu thanh tí hon do chính tay y chế tạo bí mật. Mỗi ngày Max đều ráp cái máy thu thanh này, nghe tin xong lại tháo rời ra từng bộ phận cất đi dù rằng đó là một cái máy thu thanh. Với cái máy này không những Max chỉ biết rõ rằng Traicho Kostov đã lên tiếng tố cáo ở giữa tòa việc mình bị bắt buộc phải ký vào những bản thú tội viết sẵn trong những kế hoạch của Liên minh Bắc Đại Tây dương và những tin tức kinh tế của Tây Đức. Tất nhiên là Mã đều nói lại tất cả những tin tức này cho những người Đức ở tù với anh cùng biết.

Tuy vậy, tất cả năm người vẫn chăm chú nghe Rubin với những vẻ mặt tin tưởng.

Bây giờ Rubin thấy rằng đã đến lúc anh nên từ biệt họ. Đêm nay cũng như mọi đêm, anh vẫn phải đi làm việc đêm. Rubin thốt ra vài câu ca ngợi cái bánh ngon và chàng sinh viên Vienna, người tạo ra cái bánh, sung sướng nhận lời khen ngợi. Sau đó Rubin xin kiếu từ. Năm người Đức giữ anh lại theo phép lịch sự trước khi để anh đi. Sau khi Rubin đi khỏi phòng, họ chuẩn bị nho nhỏ những bài ca Giáng sinh.

Lev Rubin đi ra hành lang, tay ôm một quyển từ điển Mông Cổ - Phần Lan và một quyển tiểu thuyết của Hemingway bằng tiếng Anh.

Hành lang rộng, đường đi lát bằng những phiến gỗ lớn, hai bên vách không có cửa sổ và ở đây đèn điện được thắp suốt đêm. Cũng trong hành lang này trước đây hơn một tiếng đồng hồ, Rubin cùng nhiều tù nhân cũ đứng xúm xít hỏi chuyện những tù nhân mới đến. Một cánh cửa từ chân thang lầu mở ra hành lang này, tiếp đó là nhiều cánh cửa phòng khác.

Cửa phòng và cửa xà lim. Được gọi là phòng vì cánh cửa không có khóa, bị gọi là xà lim vì tên cánh cửa có lỗ lắp kiếng để lính canh có thể đứng ngoài hành lang nhìn vào bên trong. Bọn lính canh ở đây ít khi dùng đến những lỗ nhìn này nhưng người ta vẫn cứ cho đục chúng trên những cánh cửa như trong một nhà tù thực sự theo đúng quy chế nhà tù, vì trên giấy tờ chính thức, nơi này vẫn được gọi là “nhà tù đặc biệt”...

Qua một lỗ nhìn một cánh cửa đó, đêm nay người đi qua hành lang có thể nhìn thấy một cuộc lễ Giáng sinh nữa. Đó là cuộc lễ của nhóm tù nhân Latvia, nhóm người này cũng xin được phép nghỉ làm việc đêm nay để hành lễ.

Tất cả những tù nhân khác đều đi làm việc. Nghĩ đến chuyện này Rubin hơi lo lắng rằng anh có thể bị đưa tới Thiếu tá Shikin để giải thích về sự vắng mặt của anh.

Hai đầu hành lang là hai cánh cửa lớn. Một cửa hai cánh gỗ dẫn vào một nơi trước kia, khi tòa nhà này còn là một giáo đường miền quê chưa bị biến thành nhà giam, là tầng lầu ở trên bàn thờ. Nơi này bây giờ trở thành phòng giam người. Cửa thứ hai bọc sắt kín từ trên xuống dưới, có lính canh và người đứng ngoài không thể tự mở ra để bước vào. Tù nhân gọi cửa này là “Cửa thánh”...

Rubin đi tới trước cánh cửa bọc sắt đó và gõ nhẹ lên khung cửa sổ nhỏ trên đó. Bên trong, khuôn mặt chăm chú, bất động của người lính canh hiện ra sau mặt kiếng.

Chìa khóa xoay nhẹ trong ổ khóa. Người lính này là một ông dễ tính và điều này là một may mắn cho Rubin. Người lính này có thể không cho anh vào phòng làm việc vì đã quá giờ và đưa anh tới gặp thiếu tá Shikin.

Rubin đi lên thang lầu. Hai đường thang làm thành một vòng cung và gặp nhau ở tầng trên. Anh rảo bước dưới cây đèn đồng cổ lộ đã từ lâu rồi không còn xài được nữa và tới dãy cánh cửa phòng nghiên cứu đề hàng chữ: AM THÍNH.

[1] Alexandr Sergeyevitch Pushkin, thi sĩ Nga nổi tiếng, sinh 1799, mất 1837.

4 Boogie - Woogie

Phòng nghiên cứu âm thính là một căn phòng rộng, trần cao có nhiều cửa sổ. Trong phòng bừa bộn và đầy chật những dụng cụ điện tử đặt trên những tấm ván, quầy sắt, bàn ráp máy, trong những ngăn tủ ván ép được chế tạo từ một công xưởng ở Mạc Tư Khoa đem đến, máy móc, dụng cụ cũng đặt đầy cả trên mặt tất cả những chiếc bàn trong phòng. Những bóng đèn điện nằm trong những lồng kiếng mờ trên trần tỏa một làn ánh sáng dễ chịu khắp phòng.

Trong góc phòng có một vật trong như cái tủ đứng, bốn mặt đều có kiếng. Đó là phòng ghi âm kín, tiếng động bên ngoài không lọt vào được. Phòng ghi âm này có vẻ như chưa được hoàn toàn. Ở dưới chân ba mặt phòng ghi âm có xếp những bọc rơm để ngăn tiếng động. Lúc này cánh cửa kiếng dày của phòng được mở rộng, tấm màn len che cửa được gạt sang bên để cho phòng thoáng khí. Bên cạnh phòng ghi âm những hàng cốt đầu dây điện bằng đồng sáng lên trên một phiến đá đen.

Một thiếu nữ nhỏ nhắn, gầy gò, khuôn mặt hơi dài có những nét nghiêm trọng, ngồi ở cái bàn gần với phòng ghi âm nhất. Lưng nàng quay vào cửa phòng, đôi vai gầy gò của nàng được choàng một chiếc khăn len.

Ngoài thiếu nữ này, trong phòng có chừng mười người nữa, tất cả đều là đàn ông, tất cả đều bận những bộ y phục đậm màu giống nhau. Được soi sáng bởi những bóng đèn điện trên trần và thêm nhiều bóng đèn nữa trên bàn, họ bận rộn làm việc. Họ đi lại, nối dây điện, ráp những bộ phận máy vào nhau, hàn điện, vặn kềm, gõ búa, ghi chép...

Ở ba chỗ khác nhau trong phòng có ba dàn máy radio, cả ba dàn máy thanh này đều không có vỏ bao ngoài, cả ba dàn đều đang phát thanh những chương trình nhạc khác nhau. Ba tiếng nhạc hòa lẫn, mâu thuẫn, đối chọi nhau trong phòng; nhạc jazz, nhạc dương cầm hòa tấu và nhạc dân ca miền Đông.

Rubin bước chậm qua phòng để đi đến bàn làm việc của anh, hai tay anh cẩn thận ôm trước ngực quyển từ điển Mông Cổ - Phần Lan và quyển tiểu thuyết Hemingway. Trên bộ râu quai nón rậm và đen của anh còn vương những mẩu bánh vụn.

Dù tất cả những bộ y phục phát cho tù nhân đều được may cắt cùng một kiểu giống nhau, những người đàn ông ở đây vẫn bận chúng khác nhau. Bộ áo trên người Rubin có một nút áo ngực bị mất, dây lưng áo không được gài chặt, những nếp áo thùng thình quanh bụng anh. Trái lại, người thanh niên có mái tóc màu nâu gụ dài và bông, người đứng chặn đường đi của Rubin, lại bận bộ quần áo trên người anh như một chàng công tử hào hoa. Dây lưng áo được chàng gài sát vào vòng bụng thon làm nổi bộ ngực nở và đôi vai lớn của chàng. Bên trong chàng bận chiếc áo sơ mi màu xanh, tuy màu áo đã bạc vì giặt quá nhiều lần nhưng trông vẫn còn sang và hợp với màu chiếc ca vát chàng mang trên cổ. Người thanh niên này chặn mất lối đi của Rubin. Tay phải chàng cầm cây hàn điện, chân trái chàng đặt trên một cái ghế đẩu. Cúi mình trên đầu gối, chàng đang chú tâm vào việc ráp một bộ phận thanh phát thanh theo một đồ hình trên tờ tập san Wireless Engineer mở trên bàn, miệng chàng hát khẽ:

Boogie-woogie... boogie-woogie
Samba! Samba!
Boogie-woogie... boogie-woogie
Samba! Samba!

Rubin không thể đi qua được và anh đứng lại đó với vẻ mặt giả vờ sợ hãi, bối rối. Người

thanh niên có vẻ như không hay biết có anh đứng đó.

“Valentulya...” - Rubin nói - “Anh làm ơn nhích giùm cho tôi đi nhờ”.

Valentine, người thanh niên tóc hạt dẻ, không nhìn lại Rubin, chàng nói bằng một giọng nhát gừng:

“Lev Grigovich! Anh làm rộn tôi trong lúc tôi đang làm việc. Anh làm rộn mọi người. Anh làm mất thì giờ. Anh tới đây ban đêm làm chi? Ở đây đâu có chuyện gì cho anh làm?”

Chàng quay lại và đôi mắt sáng, trẻ trung của chàng lại để lộ ý ngạc nhiên khi chàng nhìn Rubin:

“Một nhà ngôn ngữ học có thể làm được việc gì ở đây? Ha... Ha... Ha... Anh không phải là kỹ sư. Thật xấu hổ”.

Rubin dẫu môi ra như một anh bé con bị đời chế nhạo và đôi mắt trợn lên:

“Chú em... Chú nên biết rằng trong xã hội này kỹ sư của chú không có giá trị gì cả. Chú không thấy có những kỹ sư đi bán nước ngọt, xô đa ngoài đường, đi làm bồi nhà hàng đó ư?”

“Những kẻ thất bại đó không liên can gì đến tôi. Tôi không ở hạng kỹ sư đó. Tôi là kỹ sư hạng nhất. Ông già râu dề nên nhớ kỹ điều quan trọng đó”.

Valentine đặt cây hàn điện xuống bàn và đứng thẳng người lên.

Valentine có cái vẻ sạch sẽ, tươi tắn của tuổi trẻ. Cuộc đời chưa in hằn một vết nhăn nào trên mặt chàng. Nhìn chàng, người ta khó có thể tin rằng chàng đã tốt nghiệp đại học trước cuộc đại chiến, chàng đã nhập ngũ chiến đấu trên mặt trận, đã bị bắt làm tù binh và sống sót từ trại tù binh của Đức Quốc Xã, chàng từng sống ở Âu châu và giờ đây chàng đang sống năm tù thứ năm ở ngay trên tổ quốc của chàng.

Rubin thở dài:

“Rất tiếc. Vì đồng chí không có giấy tờ chứng minh nên tôi không thể tin được lời đồng chí...”

“Giấy tờ chứng minh là cái quái gì?? Anh tin ở con người hay anh tin ở giấy tờ?”

Người hỏi câu này là Pryanchikov:

“Ha... ha...” - Pryanchikov cười lớn và nói tiếp - “Quên giấy tờ đi chứ. Các bạn có tin không khi tôi nói ằng tôi yêu đàn bà lắm, tôi yêu mê đàn bà đến điên dại”.

Người thiếu nữ có khuôn mặt nghiêm trang không thể ngăn môi nàng thoáng nở nụ cười.

Một tù nhân khác ngồi ở cái bàn cạnh cửa sổ ngừng tay làm việc để gật đầu tỏ ý tán đồng với Pryanchikov.

“Trên lý thuyết, lời bạn vừa nói có thể tin được”. Rubin nói với vẻ mặt suy nghĩ.

“Tôi thích tiêu tiền nữa”.

“Bạn có thể thích tiêu tiền nhưng bạn không tiêu được, vì bạn không có tiền”.

Pryanchikov nhún vai:

“Nếu tôi yêu đàn bà, nếu tôi thích tiêu tiền, nhất định tôi không thể là một kỹ sư xoàng. Này nhé... để có thể yêu được đàn bà và được đàn bà yêu - tôi nói yêu nhiều đàn bà chứ không phải yêu một ạ - tôi cần có tiền. Không phải chỉ cần có tiền mà thôi, tôi còn cần có nhiều tiền nữa. Và để có nhiều tiền, tôi cần làm việc nhiều. Nói cách khác, muốn có nhiều tiền, tôi phải là tay xuất sắc, tay cự phách trong ngành chuyên môn của tôi. Tôi không thể xuất sắc được nếu tôi không có tài, nhất là nếu tôi không yêu nghề. Ha... Ha... Đúng chưa? Lý luận chính xác của tôi làm bạn ngán chưa? Hình như bạn xanh mặt thì phải”.

Tuy là nói rồn chơi cho vui nhưng sự tin tưởng cũng sáng lên trên mặt Valentine. Chàng ngừng lại chờ đợi Rubin trả lời.

“A ha...”

Người tù ngồi ở cái bàn đối diện với bàn thiếu nữ mặt buồn đột nhiên la lên:

“Lev... Lại đây nghe... Tôi vừa thấu được tiếng nói của Valentulya. Rõ lắm, tuyệt lắm. Tiếng nói nghe như tiếng chuông. Trong như tiếng chuông. Tôi phải ghi ngay điều này vào báo cáo của tôi mới được. Đúng là như tiếng chuông. Ta có thể nhận ra ngay tiếng nói này của ai bất kể những tiếng động khác”.

Người tù này mở vội một quyển sổ lớn bìa cứng, trên những trang giấy trong quyển sổ này vẽ chi chít những hình kỷ hà tượng trưng cho đặc tính của tiếng nói từng người.

Valentulya lại cầm cây hàn điện lên, chàng chỉ nói:

“Việc của anh làm chỉ là việc lăm cẩm, không thể tin được”.

Chàng đứng sát vào bàn nhường lối cho Rubin đi qua. Rubin đi tới đứng cạnh bàn kỹ sư Gleb

Nerzhin, người vừa gọi anh đến để nghe tiếng nói trong như tiếng chuông.
Lev Rubin và Gleb Nerzhin là hai người bạn thân, thông cảm nhau trong nhà tù này. Họ cùng yên lặng nhìn xuống trang giấy.

“Tiến bộ nhiều rồi đấy, Gleb” - Rubin nói nhỏ đủ cho một mình bạn anh nghe - “Cùng với ấn bản âm thanh, chúng ta sẽ có thể đi tới việc phát hiện những đặc tính của tiếng nói qua máy điện thoại”.

Chợt Rubin giật mình:
“Cái chi vậy?”

Tiếng nhạc jazz lớn nhất trong phòng nhưng giữa những âm thanh kèn đồng rộn rịp ấy họ nghe thấy một tiếng nhạc khác. Tiếng nhạc này trong vắt như lúc có lúc không, phát ra từ chiếc radio nhỏ do họ làm lấy đặt trên thành cửa sổ sau lưng Nerzhin.

“Đó là một phép lạ” - Nerzhin nói - “bản Sonata thứ bảy trên D thứ của Beethoven. Không biết vì sao, chưa bao giờ... Nghe đi. Đừng nói”.

Hai người ghé tai vào chiếc radio nhưng tiếng nhạc jazz quá lớn làm họ khó chịu.

“Valentine...” - Nerzhin nói - “Làm ơn cho chúng tôi nghe. Chịu chúng tôi một chút”.

“Tôi đã chịu các anh nhiều quá rồi” - Valentine đáp - “Tôi đã ráp dây vào máy cho các anh. Nếu tôi tháo dây ra các anh sẽ không biết đường nào mà mò”.

Người thiếu nữ duy nhất trong phòng nhượng đôi lông mày:
“Valentine Martunich... Tắt máy của anh đi. Làm sao nghe được cả ba cái radio phát thanh cùng một lúc”.

Nàng nói câu này mặc dù nàng cũng thích nghe nhạc jazz như Valentine.

“Serafima Vitalyevna... Không thể được...”

Valentine buông cây hàn điện xuống bàn, chàng đứng vịn tay lên thành ghế và nói như người đang diễn thuyết trên diễn đàn:

“Một người trẻ tuổi, yêu đời như cô nhất định phải thích nghe nhạc jazz, điệu nhạc khỏe mạnh, bổ dưỡng tinh thần. Cô không nên thương hại vô lý những anh già bệnh hoạn. Cô phải nghĩ đến cô trước đã. Cô chưa bao giờ nhảy bản Blue Tango hay sao? Cô chưa bao giờ được nhìn thấy những bước lướt đi tuyệt diệu của Arkady Raikin? Nghĩa là cô chưa được biết những cái gì đẹp nhất mà loài người có thể tạo ra được. Đáng buồn cho cô hơn nữa là cô chưa từng bao giờ được sống ở Âu châu. Không ở đâu trên trái đất này cô có thể học sống thanh thoát bằng ở Âu châu. Tôi chân thành khuyên cô: cô nên yêu một người nào đó. Thật mà. Cô yêu ai cũng được, nhưng cô phải yêu. Yêu ai tùy cô, nhưng nhất định là phải yêu trước đã. Rồi cô sẽ thấy ánh sao sáng trong trời đêm mặc dù đêm không có sao, tiếng nhạc êm đềm trong không gian mặc dù quanh cô không có nhạc...”

Chàng say sưa nói và không để ý gì đến vành môi cay đắng mím chặt của người thiếu nữ.

“Hắn lại bốc đồng rồi” - Rubin nói - “Mình bắt buộc phải dùng đến sức mạnh”.

Và Rubin thò tay ra vặn tắt chiếc radio sau lưng Valentine.

Valentine quay phắt lại:
“Lev Grigorich... Ai cho phép anh...?”

Chàng cau mày và cố gắng làm ra vẻ đe dọa.

Tiếng nhạc sonata thứ bảy bay vút lên trong như tiếng suối. Trong phòng chỉ còn tiếng nhạc dân ca phát ra từ chiếc máy ở tít đầu kia.

Rubin xịu mặt xuống trước vẻ đe dọa hung hăng của chàng thanh niên, bộ râu đen còn vương những vụn bánh của anh run run khi anh hỏi:

“Kỹ sư Pryanchikov. Anh có còn thắc mắc gì về Hiến chương Liên minh Đại Tây dương không? Anh đã viết di chúc chưa? Anh từ chối không chịu để lại cho ai đôi giày vải cũ của anh?”

Lời nhắc đến cái chết chung đó là một ước lệ bất thành văn của những tù nhân ở đây. Mỗi lần có người nổi nóng là người khác có bốn phận hỏi y một câu tương tự. Quả nhiên câu hỏi này có mãnh lực làm cho Pryanchikov dịu lại. Chàng nhìn vào mắt Rubin và dịu giọng:

“Anh làm tôi phát điên. Dù ở tù, ít nhất mình cũng phải có một chút tự do chứ”.

Có một người cất tiếng gọi Pryanchikov. Chàng lặng lẽ bỏ đi, nét mặt vẫn u buồn.

Rubin cũng lặng lẽ ngồi xuống chiếc ghế sau bàn làm việc dành riêng cho anh cạnh bạn của Gleb Nerzhin. Anh vội vã chú tâm nghe nhạc nhưng tiếng nhạc đang êm đềm bỗng tắt ngang, mất hẳn không ngờ, như một bài diễn văn bị cắt đứt ở giữa một tiếng. Bản sonata thứ bảy tiêu

tan luôn.

Rubin thốt ra một tràng chửi thề trong bộ râu, những tiếng chửi thề này chỉ có một mình Gleb Nerzhin nghe hiểu.

“Làm ơn đánh vắn giùm, tôi nghe không kịp”.

Gleb nói đùa nhưng không cười. Gleb Nerzhin và Lev Rubin ngồi đầu lưng vào nhau. Họ quen nói nhỏ với nhau mà không ai quay lại. Họ có thể nói với nhau cả tiếng đồng hồ mà người ngồi xa họ vẫn không hiểu.

“Tôi thật không may...” - Rubin dẫn giọng - “Thế là tôi mất dịp nghe bản nhạc tôi chưa từng được nghe bao giờ”.

“Đó lại tại vì anh sống không có tổ chức. Đã bao lần tôi nói với anh điều ấy?...”

Gleb Nerzhin nói như người nói một mình. Trước đó vài phút anh hào hứng, hăng hái theo tiếng nói của Pryanchikov để thí nghiệm, nhưng bây giờ anh âu sầu và mệt mỏi:

“Bản sonata của Beethoven là một bản nhạc tuyệt vời. Nhưng tại sao nhạc sĩ không đặt cho nó một cái tên như tất cả những bản nhạc khác? Như “Nhạc khúc rực rỡ” chẳng hạn. Đúng lắm chứ. Tất cả những gì chứa đựng trong nó sáng lên, long lanh - tốt và xấu, vui lẫn buồn, như trong cuộc đời. Và cũng như cuộc đời... nó không có đoạn kết... Có thể gọi là “Nhạc đời” Anh làm gì mà đến muộn vậy?”

“Tôi dự lễ Giáng sinh với những người bạn Đức”.

“Tốt”, Gleb nghĩ thầm và nói:

“Tôi mến thái độ của anh đối với bọn họ. Hay lắm. Tôi biết anh vẫn dành nhiều thì giờ để dạy chàng Max học tiếng Nga trong lúc anh có đủ các lý do để thù hận họ”.

“Thù hận? Không, tôi không thù hận gì họ nhưng tôi cũng phải nói rằng cảm tình trước đây của tôi đối với họ đã mờ đi nhiều. Ngay cả anh chàng Max, dù trước đây không biết gì đến chính trị, cũng phải chịu chung trách nhiệm với bọn giết người. Ít nhất chúng ta cũng đã không làm gì để ngăn cản bọn giết người”.

“Cũng như chúng ta giờ đây, chúng ta không làm gì hết để ngăn cản Abakumov và Shishkin - Myshkin”.

“Anh nghe tôi... lần này là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng... tôi là người Do Thái nhưng tôi cũng là người Nga. Và tôi tuy là người Nga nhưng tôi cũng là một công dân của thế giới!”

“Hay lắm. Công dân thế giới. Nghe có vẻ hiền lành và không khát máu chút nào”.

“Vì là công dân thế giới, họ có lý khi họ bỏ tù chúng ta”.

“Tất nhiên là họ có lý rồi. Vậy mà anh vẫn cứ cố gắng làm cho Hội đồng Xô Viết tối cao thấy rằng họ sai”.

Chiếc radio trên thành cửa sổ đang loan bản tin thành tích thi đua gia tăng năng suất trong ngày. Gleb Narzhin đưa tay ra lạnh lùng vặn nút radio, làm mất đi giọng nói khàn khàn của xưởng ngôn viên. Khuôn mặt mệt mỏi của Gleb có màu xanh tái.

Valentine Pryanchikov lúc này đã đặt hết tâm trí vào một công việc mới. Chàng vừa làm việc vừa hát như một kẻ tự do, không ưu tư và bất cần đời...

Boogie-woogie... boogie-woogie
Samba! Samba!

Boogie - Woogie, tên một điệu nhảy phổ thông phát sinh từ Hoa Kỳ sau trận Thế chiến thứ

hai.

5 Một cuộc sống êm đềm

Gleb Nerzhin cùng tuổi với Valentine Pryanchikov nhưng trông anh có vẻ già hơn nhiều. Mái tóc hung hung đỏ của anh không thưa và cũng chưa bạc, song trên khuôn mặt mệt mỏi của anh đã có nhiều vết nhăn đậm, những vết nhăn xúm xít ở hai đuôi mắt anh, ở hai bên mép anh và trên trán anh có nhiều đường nhăn dài. Nước da anh như phai màu vì cuộc sống thiếu ánh nắng và gió. Nhưng thực ra chính là vì vẻ hà tiện cử chỉ làm cho anh có vẻ già - tiết kiệm cử chỉ là một thái độ mà thiên nhiên đã dạy cho những người sống lâu năm trong tù để có thể có đủ sức chống chọi lại với chế độ tàn nhẫn của những trại tập trung. Thực ra, sống trong nhà tù đặc biệt này, tù nhân được tương đối tự do, được ăn thịt và năng lực không bị tiêu mất vì những công việc lao động chân tay nặng nhọc. Nerzhin không cần phải tiết kiệm cử chỉ nhưng anh biết rõ hơn ai hết tình trạng bấp bênh đầy bất ngờ của bạn tù của anh ở đây nên anh vẫn tiết kiệm để đề phòng, anh muốn thái độ đó trở thành một thói quen thường trực của anh. Từng chồng sách vở và hồ sơ dựng lên trên mặt bàn của anh, ngay cả phần mặt bàn dành để làm việc cũng bị hồ sơ xâm lấn, lẫn vào đó là những bản đánh máy, những tập san Nga và ngoại quốc - tất cả đều mở. Bất cứ ai cũng có thể nhìn thấy trên cảnh hỗn độn, vô trật tự của mặt bàn này dấu vết để lại của cơn bão lốc tư tưởng khoa học.

Nhưng thực ra, cảnh đó chỉ là một bộ mặt che đậy. Nerzhin dọn cảnh đó mỗi ngày để phòng những viên chức có quyền kiểm soát trong nhà tù này bất ngờ đến bàn anh xem anh đang làm gì.

Ngay lúc này, anh không để mắt tới những gì được bày trên bàn anh. Anh đã kéo tấm màn che cửa sổ hở ra và anh nhìn qua đó ra vùng tối đen bên ngoài. Xa kia trong nền trời đêm âm u, ánh sáng của Mạc Tư Khoa lấp lánh, thành phố bị che khuất vì một ngọn đồi, sáng như một cột ánh sáng mờ khổng lồ làm cho nền trời trở thành có màu nâu sậm.

Chiếc ghế ngồi đặc biệt của Nerzhin, chiếc ghế có lò xo mắc vào thành để người ngồi có thể ngả người được một cách thoải mái, cái bàn bằng sắt có nhiều ô kéo không phải là kiểu bàn được chế tạo trong Liên bang Xô Viết cùng chỗ ngồi nhìn ngay ra cửa sổ phía nam của Nerzhin có thể là những bằng chứng cho những người quen thuộc với lịch sử biết rằng anh là một người lập nên nhà tù này, hoặc nói một cách khác, anh là tù nhân đầu tiên trong số những tù nhân đầu tiên được đưa tới làm việc ở đây.

Nhà tù đặc biệt này lấy tên làng Mavrino ở gần đây, làng này từ lâu đã bị sáp nhập vào vùng ngoại thành Mạc Tư Khoa. Những nhà tù đặc biệt kiểu này được lập lên vào một đêm tháng Bảy cách đây đã ba năm. Thoạt đầu, người ta lựa trong những trại tập trung từng toán khoảng mười lăm người đưa về sống trong một tòa nhà nào đó ở vùng Mạc Tư Khoa, chung quanh tòa nhà này đã được rào bằng dây thép gai. Những nhà tù đặc biệt thời ấy được gọi là nhà tù thời "Krylov" và được người ta nhớ lại như một thời dễ chịu hơn bây giờ nhiều. Thời đó ở đây buổi tối tù nhân có thể được tự do đi quanh quần ở khu vực bây giờ là "khu cấm". Đó là khu bãi cỏ nằm giữa lối đi chung quanh nhà và hàng rào dây thép gai. Khu này có cỏ xanh, mặc dù luật bắt phải cắt hết cỏ chung quanh nhà tù đi vì bọn tù có thể ban đêm, bò trên cỏ đến hàng rào nhưng ở đây người ta vẫn để nguyên cỏ. Trong thời mới thành lập nhà tù đặc biệt Mavrino, ban đêm những tù nhân đi dạo thường trông thấy Zhvakun, một trung sĩ chuyên gác đêm, mồ hôi mồ kê vẫn những khúc gỗ do y lấy cắp được của đồng gỗ trong nhà tù, luồn ra dưới hàng rào dây thép gai để đem về nhà làm củ đun.

Trong thời gian đầu, không một ai, kể cả những cai ngục, trong nhà tù Mavrino biết rõ về mục đích khoa học của nhà tù, nghĩa là không ai biết những khoa học gia được đưa về đây sẽ làm gì,

nghiên cứu gì? Suốt ngày tù nhân bận rộn với việc tháo, mở những thùng cây đóng kín được hai chuyến xe hỏa chở tới. Trong những thùng cây đó họ lấy ra những dụng cụ, máy móc về âm thanh, vô tuyến, điện thoại, những bộ máy siêu tần số đã lạc hậu và hư hỏng, nhiều máy thiếu mất những bộ phận quan trọng nhất. Về sau người ta được biết đó là những dàn máy những dụng cụ âm thính học do quân đội Nga tịch thu được của người Đức ở Bá Linh và gửi về, nhưng những dụng cụ điện tử tối tân nhất cùng những tài liệu về những dụng cụ này đã bị những tù binh Đức lo việc đóng thùng, vô thùng phá hủy, lấy đi mất trong khi gã Đại úy mật vụ được phái đến chỉ huy vụ này suốt ngày mò mẫm đi khắp vùng Bá Linh để tìm bàn ghế, giường tủ bằng gỗ quý gửi về cho các sĩ quan thượng cấp và cho chính nhà gã. Tất nhiên là những đồ đạc này cũng được coi là chiến lợi phẩm. Gã đại úy này biết rành về bàn ghế, giường tủ hơn là biết về dụng cụ âm thanh học.

Trong khoảng một năm trở lại đây, cỏ trong vườn bao quanh nhà đã bị cắt. Khung cửa sắt từ nhà ra khu vườn nơi những tù nhân tập thể dục luôn luôn đóng khóa và có lính gác. Nhà tù đặc biệt Mavrino được chuyển từ quyền tài phán của Béria sang quyền tài phán của Abokumov và mọi người trong nhà tù này được đặt vào việc nghiên cứu âm thanh để chế tạo những máy điện thoại riêng cho Stalin và dò xét những cuộc điện đàm bí mật. Việc nghiên cứu này được giới hạn trong vòng một năm nhưng đã kéo dài đến hai năm mà vẫn chưa có kết quả đáng kể. Cuộc nghiên cứu mỗi ngày một trở thành rộng hơn, phức tạp hơn kéo theo nhiều công tác phụ thuộc khác. Giờ đây trên bàn giấy Rubin và Nerzhin, cuộc nghiên cứu đã đi đến giai đoạn tìm cách nhận ra tiếng nói đặc biệt của một người qua máy điện thoại và khám phá ra có những gì làm cho tiếng nói của con người không thể lẫn lộn được với nhau.

Trước họ, chưa có ai thực hiện cuộc nghiên cứu thí nghiệm này. Họ không tìm thấy một báo cáo, một tài liệu nhỏ nào có sẵn liên can đến việc họ tìm tòi. Họ được cho thời hạn sáu tháng để hoàn thành và sau đó được nói thêm sáu tháng nữa. Họ tiến triển chậm và giờ đây, thời gian còn lại của họ đã gần hết.

Bị ám ảnh sự thúc bách này, Rubin than:

“Không biết sao đêm nay tôi không muốn làm việc chút nào”.

“Lạ nhỉ?” - Nerzhin nói - “Anh chỉ mới tham dự chiến tranh có bốn năm, mới ở tù có năm năm mà anh đã mệt mỏi rồi sao? Anh nên đi nghỉ vài tháng ở Crimea [1]”.

Họ yên lặng.

“Phải anh đang bận làm việc riêng không?” Rubin thản nhiên hỏi.

“Có thể” - Nerzhin trả lời mơ hồ.

“Vậy thì ai sẽ là người làm cuộc nghiên cứu tiếng nói?”

“Nói thật với anh tôi trông cậy ở anh”.

“Kỳ cục thật, tôi cũng đang trông cậy ở anh”.

“Anh là người không có lương tâm. Anh đã mượn được bao nhiêu sách ở thư viện Lenin nhờ công việc này? Theo tôi biết sơ thì quyển *Diễn văn của những luật sư danh tiếng. Hồi ký của Koni*, quyển *Người nghệ sĩ chuẩn bị* của Stanishlavsky. Làm gì có người tù thứ hai nào trên khắp liên bang này được đọc một số sách như anh”.

Rubin trề môi ra, cái trề môi này luôn luôn làm cho khuôn mặt anh trở thành khô hài:

“Kể cũng buồn cười. Tôi đọc tất cả những quyển sách mượn được đó cùng với một người nữa ở đây, nhiều khi người đó đọc sách ngay trong giờ làm việc. Hình như người đó là anh, phải không nhỉ?”

“Đúng là tôi. Đáng lẽ phải làm việc thì tôi bắt chước anh ngồi lên đọc sách. Ngay cả đêm nay nữa, đáng lẽ ra tôi phải làm việc rất hăng, nhưng đêm nay tôi không làm việc được vì có hai việc ám ảnh tôi. Một việc thuộc về dĩ vãng. Tôi đang bận tâm vì một số những tấm ván lát nền một tòa nhà”.

“Những tấm ván lát sàn tòa nhà nào?”

Rubin có vẻ ngạc nhiên khi anh hỏi bạn câu trên.

“Một tòa nhà ở cổng Kaluga” - Nerzhin âu sầu đáp - “một tòa nhà được xây dựng trên cho nhân viên chính phủ ở. Tôi nhớ rõ đó là tòa nhà hình tròn có cái tháp cũng tròn. Năm 1945, tôi ở trong số tù nhân được đưa đến xây tòa nhà đó. Năm đó tôi chỉ là một anh thợ tập việc. Tôi phụ trách việc lát những tấm ván làm sàn nhà. Mới hôm nay tôi được tin là Roitman đang ngụ trong tòa nhà đó. Tôi nhớ lại những sàn phòng do tôi dựng lên ở đó và tôi thắc mắc nhiều vì việc

những sàn phòng đó bị hở, hoặc kêu khi chân người dẫm lên. Nếu sàn phòng hở hoặc kêu là do người thợ làm sàn không được rành nghề. Tôi thắc mắc nhưng không có cách nào được biết rõ, mà có được biết rõ, tôi càng khổ sở thêm, vì tôi không có cách nào sản xuất được khuyết điểm ấy”.

“Anh thắc mắc là phải. Chuyện cả anh đúng là một cơn ác mộng. Còn việc thứ hai?”

“Việc thứ hai là: chúng ta có thể làm việc được trong đêm thứ bảy không khi ta biết rằng chủ nhật là ngày chỉ có những người tự do mới được nghỉ làm việc?”

Rubin thở dài:

“Ngay cả lúc này, khi chúng ta ngồi đây, những viên chức tự do đang ở những chỗ giải trí vui vẻ.

Tình trạng này quả là khó chịu”.

“Nhưng họ có đến được những nơi xứng đáng hay không, họ có được hưởng gì ở cuộc đời này nhiều hơn chúng mình không? Đó mới là vấn đề”.

Họ nói chuyện nong nân nhưng thói quen giữ bí mật của những tù nhân vẫn làm cho họ giữ được tình trạng nói chuyện với nhau mà người ngồi gần họ nhất là Serafima Vitalyevna, người thiếu nữ gầy gò với khuôn mặt nghiêm trọng, một viên chức tự do, vẫn không nghe được tiếng họ nói.

Bây giờ hai người bạn tù ngồi hơi nghiêng mặt về cùng một phía. Họ cùng nhìn ra cửa sổ về khu cấm bên ngoài nhà giam, họ không nhìn thấy nhưng cảm biết tháp canh đứng sừng sững trong vùng đêm tối, họ nhìn thấy những ánh đèn trong sương mờ và cột sáng bốc lên nền trời đêm từ thành phố xa.

Nerzhin, mặc dù là một nhà toán học, không xa lạ gì với địa hạt ngôn ngữ học. Kể từ ngày Viện Nghiên cứu khoa học Mavrino - một tên khác của chủ nhà tù đặc biệt này - bắt đầu mở cuộc nghiên cứu về âm thanh ngôn ngữ Nga, Nerzhin đã được xếp sếp làm việc chung với Rubin, nhà ngôn ngữ học duy nhất ở đây. Trong hai năm trời, họ đã ngồi gần nhau, đầu lưng vào nhau mười hai tiếng đồng hồ mỗi ngày. Và cũng ngay từ những ngày đầu gần nhau, họ đã khám phá ra họ có nhiều điểm giống nhau: cả hai cùng nhập ngũ và chiến đấu trên mặt trận, họ cùng ở mặt trận miền Tây Bắc và cả hai cùng có một số huy chương giống nhau, họ bị bắt ở trên mặt trận cùng trong một tháng và cùng do một trung đội mật vụ Smersh - những người đi bắt Rubin cũng là những người đến bắt Nerzhin - họ cùng bị bắt dưới tinh thần một sắc luật gồm mười điều - mười điều này có thể áp dụng trong tất cả mọi trường hợp, có thể dùng để kết tội và để bắt tất cả mọi người. Và cả hai người cùng bị xử tù mười năm. Thực ra, gần như tất cả mọi người bị bắt đều bị án tù mười năm. Sự khác biệt giữa họ chỉ là việc họ hơn kém nhau sáu tuổi - Nerzhin trẻ hơn Rubin - và Nerzhin là đại úy và Rubin là thiếu tá khi họ bị bắt. Họ nghĩ rằng rất có thể trước cuộc Thế chiến xảy ra Nerzhin từng đến nghe giáo sư Rubin giảng ít nhất là một lần trong trường đại học.

Hai người im lặng nhìn ra trời đêm một lúc lâu.

Rồi Rubin buồn rầu:

“Anh không có điều kiện để tra dồi kiến thức. Đó là điều làm tôi lo nhất”.

“Tôi không cần tra dồi kiến thức như ý anh, tôi không muốn hiểu ý nghĩa của cuộc sống, của vật chất. Ở đời này thiếu gì người hiểu biết nhưng có ích lợi gì đâu?”

“Tôi có quyển sách này, anh nên đọc”.

“Hemingway? Phải chăng đó lại là một quyển sách viết về đời sống của những con bò rừng bị người ta đẩy vào đấu trường ở Tây Ban Nha?”

“Không”.

“Về những con sư tử bị người ta tàn sát ở Phi châu?”

“Cũng không nữa?”

“Đến cả chuyện người tôi cũng còn không cần biết, tôi cần biết làm chi đến chuyện bò rừng, chuyện sư tử?”

“Anh cần phải đọc quyển sách này”.

Nerzhin gằn giọng:

“Tôi không cần phải làm bất cứ việc gì hết. Anh cần nhớ như thế. Tôi đã trả hết nợ nần của tôi đối với xã hội, với cuộc đời, như anh bạn của bọn mình là Spiridon đã nói”.

Rubin vẫn quả quyết:

“Anh phải đọc. Đây là một quyển sách giá trị nhất trong những quyển sách giá trị nhất của thế

kỷ hai mươi”.

“Sách này liệu có thể đem lại cho tôi những gì tôi đích thực cần biết không? Tác giả nó có quả thật đã giải thích được sáng tỏ những gì đã làm cho loài người hoang mang, bối rối không?”

“Hemingway là một nhà văn thông minh, tinh thần tốt và vô cùng lương thiện. Ngoài ra, ông ta còn là một chiến sĩ, một người đi săn, một người bắt cá giỏi, ông thích rượu và thích đàn bà, ông yêu nhiều và sống thực bất kể những giả dối của đời, một người đàn ông đơn giản, một nhà văn rất người, ông có cái ngây thơ của một thiên tài...”

“Thôi đi bạn...”

Nerzhin cười nhẹ:

“Tôi đã sống qua ba mươi năm trời không có Hemingway và tôi còn cố sống được ít năm nữa. Trước đây anh đã thuyết phục tôi đọc Capek, rồi Fallada. Đời tôi đã tan nát đủ rồi, đừng làm cho nó tan nát thêm. Tôi cần tự mình tìm một hướng đi cho đời tôi mà không có sự chỉ bảo của bất cứ ai, nhất là của mấy ông văn sĩ”.

Nerzhin quay lại để ngồi thẳng vào bàn.

Rubin thở dài. Anh không nói nữa nhưng anh vẫn không cảm thấy hăng hái làm việc.

Anh nhìn lên tấm bản đồ Trung Hoa lục địa đặt trên ngăn kệ sắt. Anh cắt tấm bản đồ này từ một tờ nhật báo và dán nó lên một miếng giấy dày. Suốt năm ngoái anh dùng viết chỉ đỏ ghi lên đây bước tiến của quân đội Trung Hoa cộng sản và giờ đây, sau khi quân đội đó thắng lợi hoàn toàn, anh để tấm bản đồ trước mặt anh để trong những lúc thất vọng và mệt mỏi, nó làm cho anh phấn khởi.

Nhưng đêm nay nỗi buồn rầu tràn đầy trong tâm hồn Rubin, khối chiến thắng lớn ở Trung Hoa cũng không làm cho anh vui lên được.

Nerzhin, thỉnh thoảng lại đưa đoạn cuối của cây viết bằng plastic lên môi, ngồi yên suy nghĩ, rồi anh viết những hàng chữ nhỏ, thanh thanh lên một tờ giấy dẫu trong đồng giấy tờ bừa bộn trên bàn:

Tôi nhớ lại một đoạn Marx nói (tôi khó tìm được đoạn này), rằng giai cấp vô sản chiến thắng có thể sống mà không cần tước đoạt hết tài sản tư hữu của giai cấp tiểu địa chủ. Điều này có nghĩa là Marx nhìn thấy một biện pháp kinh tế nào đó chấp nhận sự có mặt của giai cấp nông dân trong chế độ xã hội mới. Tất nhiên là Người Cày đã không chịu tìm con đường mà Marx đã nói đến đó trong năm 1929. Nhưng tại sao ta lại hy vọng một người như hần nghĩ ra một điều gì giá trị và tỏ ra thông minh? Khi một anh đồ tể đi làm thầy thuốc chữa bệnh... [2]

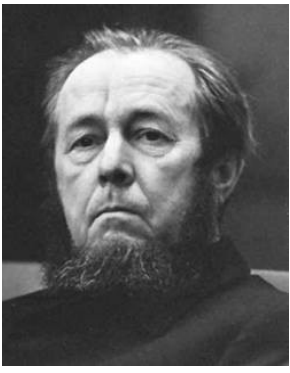
Phòng Thí nghiệm và nghiên cứu âm thính sống với nhịp sống thường đêm của nó. Có tiếng động cơ ngừng nổ và tiếng người ra lệnh: “Chạy máy kia... Tắt máy này!” Tiếng nhạc du dương phát ra từ những chiếc radio. Có người nào đó hỏi xin một ống điện 6K7.

Nhân một lúc không có ai nhìn mình, Serafima Vitalyevna chăm chú nhìn Nerzhin, anh này vẫn cúi xuống viết những hàng chữ nhỏ xíu lên trang giấy.

Thiếu tá an ninh Shikin đã ra lệnh cho nàng phải theo dõi từng cử chỉ của tù nhân này.

[1] Crimea: nơi nghỉ mát của những lãnh tụ cộng sản Nga.

[2] Marx được nói tới đây là Karx Marx, người khai sinh ra lý thuyết chủ nghĩa cộng sản. Người Cày được nói tới đây là một tên hiệu trong nhiều tên hiệu của Staline.



6 Trái tim một người đàn bà

Serafima Vitalyevna nhỏ bé đến nỗi người ta không thể không gọi nàng là “Simochka”. Nàng bận bộ y phục bằng vải len dày, choàng chiếc khăn len ấm trên vai và nàng là một trung úy thuộc Bộ An ninh quốc gia.

Tất cả những viên chức tự do làm việc trong Viện Nghiên cứu này đều là sĩ quan an ninh. Những viên chức tự do, theo những đạo luật do Staline ban hành áp dụng trên khắp lãnh thổ Liên bang Xô Viết có rất nhiều quyền lợi. Trong số này có cái quyền được làm việc. Tuy vậy, quyền này chỉ giới hạn trong có tám tiếng đồng hồ một ngày và sự làm việc của họ không có tính cách sáng tạo, họ chỉ có việc kiểm soát những tù nhân. Bọn tù, để bù lại tình trạng bị tước đoạt tất cả những quyền khác, được hưởng quyền làm việc rộng rãi hơn: quyền làm việc mười hai tiếng đồng hồ một ngày. Những viên chức tự do thay phiên nhau có mặt tuần tự ở khắp các phòng thí nghiệm và vì vậy, bọn tù bị kiểm soát liên tục không ngừng kể cả trong bữa ăn sáng, tức là từ 6 giờ sáng cho đến 11 giờ đêm.

Đêm nay, Simochka đến phiên đi làm đêm. Trong Phòng Nghiên cứu âm thính, người thiếu nữ nhỏ bé như con chim này là nhân vật duy nhất đại diện cho chính quyền, cho hành pháp. Theo những điều luật, nàng có mặt để bắt bọn tù phải làm việc chứ không được ngồi chơi, nói chuyện láo, để họ không được dùng những dụng cụ trong phòng vào việc chế tạo vũ khí, đặt mìn phá hoại, đào đường hầm ra ngoài và nhất là để họ không thể dùng những bộ phận truyền thanh để chế máy thu phát thanh liên lạc với Tòa Bạch ốc. Tới mười một giờ thiếu mười phút, nàng có bốn phận thu lượm tất cả những tài liệu tối mật cất vào tủ sắt và sau cùng, đóng cửa và khóa cửa phòng. Trước khi về, nàng còn phải niêm phong cửa phòng để không một ai có thể lén vào phòng được.

Simochka mới tốt nghiệp khóa kỹ sư truyền tin được nửa năm và nàng được phái ngay về Viện Nghiên cứu khoa học tối bí mật này để làm việc nhờ hồ sơ an ninh trong vạt của nàng. Viện Nghiên cứu này, vì những lý do an ninh, có một con số để gọi thay tên nhưng những tù nhân vẫn cứ gọi bậy là nhà tù. Những viên chức được nhận làm việc ở đây lập tức được hưởng quy chế đặc biệt, họ được lãnh lương cao hơn, nhiều phụ cấp hơn những công chức thường. Họ được hưởng phụ cấp về cấp bậc, phụ cấp quân phục và người ta chỉ đòi hỏi họ có sự trung thành và mẫn cán.

Sự kiện ở đây người ta không ai hỏi gì đến những khả năng chuyên môn về khoa học của Simochka là một may mắn cho nàng. Không phải chỉ riêng nàng mà thôi, rất nhiều cô bạn cùng tốt nghiệp với nàng đều không hiểu biết gì hết về khoa học. Tình trạng này có nhiều nguyên nhân. Những thiếu nữ như Simochka tuy có học hết chương trình trung học nhưng rất kém căn bản Toán và Vật lý. Khi vào đại học, các cô được biết rằng trong những phiên họp ông Viện trưởng thường bắt mẫn với các giáo sư cho sinh viên điểm kém, và các cô còn biết rằng sinh viên chẳng cần học gì hết vẫn được chứng chỉ tốt nghiệp như thường. Ở Viện Đại học, mỗi lần có thì giờ học về Toán và kỹ thuật vô tuyến truyền tin, các cô lạc lõng như những người mò

mầm trong rừng rậm. Những thì giờ dành cho việc học chuyên môn này rất ít, ít đến gần như hoàn toàn không có. Cứ mỗi một mùa các sinh viên lại rời trường để về các nông trại tập thể sinh hoạt canh tác mất chừng một tháng. Ở những nông trại này các sinh viên đi lượm khoai tây, cà rốt. Vì những tháng sinh hoạt canh tác này, khi trở lại trường, họ phải ngồi nghe giảng liên tiếp từ tám giờ đến mười giờ một ngày trong suốt năm, họ không còn thì giờ để học bài và thực tập những gì họ học được. Ngoài ra họ phải dự những buổi học tập chính trị mỗi tối thứ hai trong tuần, mỗi tuần ít nhất họ cũng phải dự một cuộc thảo luận về một vấn đề chính trị nào đó. Rồi họ còn phải làm những công tác xã hội: phát truyền đơn, tổ chức hòa nhạc, diễn kịch. Họ còn phải làm nhiều việc riêng cho họ, tắm rửa, trang điểm, đi mua hàng, may y phục. Đó là chưa kể đến việc đi coi xi nê, đi coi hát, đi nhảy. Nếu một người con gái không được vui chơi trong những năm còn đi học, người con gái đó sẽ suốt đời không còn biết vui chơi là gì. Khi đi thi Simochka và những cô bạn cùng học của nàng viết những bài giải vào những mảnh giấy dẫu vào những nơi mà đàn ông không có quyền khám và trong giờ thi, họ lấy ra những mảnh giấy nào mà họ cần, vuốt thẳng và đàn ông đặt lên bàn như tờ giấy nháp. Những vị giám khảo tất nhiên là có thể khám phá ra ngay sự ngu dốt của những nữ sinh viên, nhưng chính họ cũng tối tăm mặt mũi vì cả trăm phiên họp ủy ban, liên ủy ban, học tập chính sách giáo dục, kiểm thảo vì những chương trình kế hoạch, vì những báo cáo thành tích. Họ không thể có thì giờ để kiểm soát các nữ sinh viên nhiều hơn. Nhất là sau một cuộc thi, khi số nữ sinh viên bị đánh hỏng nhiều, không những chỉ những giáo sư bị chỉ trích mà thôi, cả những giám khảo cũng bị kết tội là... phá hoại. Không ai muốn nghe thấy hai tiếng phá hoại. Trong xã hội cộng sản, chỉ có thành công chứ không có thất bại, nhất là không thể có chuyện sinh viên dốt. Những vị giám khảo không tìm cách đánh hỏng thí sinh, ngược lại, họ tìm cách cho thí sinh đậu thật nhiều, càng đậu nhiều chừng nào càng tốt cho họ chừng ấy.

Trong những ngày học cuối cùng. Simochka và nhiều cô bạn cùng học thấy rằng họ không yêu nghề chuyên môn này chút nào, họ thấy đó là một nghề đáng nản, không chút hào hứng, nhưng lúc này đã muộn quá rồi họ không còn có thể thay đổi được nữa. Nhiều lúc Simochka run sợ khi nghĩ đến chuyện nàng sẽ phải làm cái nghề này suốt đời.

Rồi nàng được phái về Mavrino. Nàng sung sướng khi thấy người ta không đặt nàng vào việc nghiên cứu, và nàng run sợ khi biết đây là một Viện Nghiên cứu khoa học đặc biệt gồm toàn những tù nhân bị bắt buộc phải làm việc. Cùng được biệt phái tới Mavrino với Simochka còn có chín cô bạn khác cùng tốt nghiệp một khóa với nàng. Các cô được người ta cho biết rằng công tác mà các cô sắp làm đầy quan trọng và nguy hiểm hơn là những công tác trong thời chiến, các cô sẽ phải sống trong một ổ rắn độc trong đó mỗi lỗ lằm, mỗi sơ xuất đều có hậu quả tai hại vô cùng. Các cô được nói cho biết rằng các cô sắp tới phục vụ ở một nơi có những tên bất lương thuộc hạng hạ tiện nhất của xã hội, những tên không xứng đáng được nói tiếng Nga. Các cô được cảnh cáo rằng những tên phản quốc đó nguy hiểm vô cùng vì chúng không bao giờ để lộ bộ mặt thật đê tiện, bỉ ổi của chúng ra, trái lại, chúng giấu diếm mặt thật của chúng dưới mặt nạ lịch sự, hiền lành, học thức. Nếu có ai hỏi chúng về những tội lỗi mà chúng đã làm - việc này bị cấm chỉ, các nữ đồng chí tuyệt đối không được hỏi - chúng sẽ chối tội với những lời lẽ khéo léo và nghe chúng kể lể, người ta sẽ có thể lầm tưởng rằng chúng bị oan, chúng đóng vai nạn nhân rất giỏi. Tuy vậy, đối với những con rắn độc ấy, các cô không nên tỏ ra ác cảm với chúng, các cô không nên trút thù hận lên đầu chúng, thái độ đúng nhất của các cô là đối xử bình đẳng với chúng, không bao giờ nói với chúng bất cứ một chuyện gì ngoài chuyện công việc đang làm, không làm giùm chúng bất cứ một việc gì, nhất là việc nhả tin ra ngoài hay đưa tin từ ngoài vào cho chúng - và mỗi khi thấy có sự vi phạm, hoặc ngờ có vi phạm, hoặc thấy có thể có sự vi phạm, các cô phải lập tức báo cáo ngay với sĩ quan an ninh, thiếu tá Shikin.

Thiếu tá Shikin là một người đàn ông hơi thấp, vạm vỡ, tự coi mình là quan trọng và luôn luôn quan trọng hóa mọi việc. Ông có cái đầu lớn, mái tóc xám cắt ngắn và hai bàn chân nhỏ nằm trong đôi giày như giày học sinh. Trong khi giải thích cho những nữ viên chức mới đến trách vụ của họ và nhân cách hạ tiện của bọn tù nhân. Thiếu tá Shikin nói rằng với một người nhiều kinh nghiệm như ông, bọn tù nhân không thể lừa dối, che giấu được ông điều gì, ông nhìn thấu trái tim rắn độc của chúng nhưng trong số những nữ viên chức mới tới này rất c53 có người mũi lòng xót thương số phận của chúng, người đó sẽ có thể đại dốt phạm lỗi vì lòng nhân từ như mượn giùm cho tên tù một quyển sách từ thư viện bên ngoài mang vào, gửi giùm một bức

thư, và ông nhấn mạnh: bất kể thư gửi cho Maria hay Tania, tất cả những lá thư đó đều được chuyển đến cho bọn gián điệp ngoại quốc... Và bốn phần của các nữ đồng chí là... ngoài việc kiểm soát bọn tù nếu thấy chị em nào đại đột vi phạm như trên phải lập tức báo cáo ngay. Báo cáo như vậy tức là giúp cho đồng chí bạn khỏi sa vào lầm lỗi nặng hơn.

Tất nhiên là họ phải báo cáo với thiếu tá Shikin.

Sau cùng, thiếu tá Shikin cũng không quên nói cho các nữ viên chức biết rằng phạm tội tư tình với tù nhân sẽ bị trừng phạt như một trọng tội, can phạm sẽ bị đưa ra Tòa án Quân sự và sẽ có thể bị phạt tù khổ sai hai mươi lăm năm.

Những nữ sinh viên mới ra trường không cô nào không run khi nghĩ đến tương lai đen tối đang chờ đợi họ. Vài cô rơm rớm nước mắt. Nhưng sự nghi ngờ đã được gieo vào lòng họ. Sau buổi nghe giải thích ấy, không cô nào bàn tán về những chuyện họ được nghe nói để khỏi phải bày tỏ những ý nghĩ của mình.

Buổi sáng đầu tiên Simochka theo thiếu tá kỹ sư Roitman bước vào Phòng Nghiên cứu âm thính, nàng có cảm giác như nàng đi vào chỗ chết, trong vài phút đầu nàng như người sắp ngã ngất, nàng ngần ngại không ghi nhận được gì hết ở quanh nàng.

Kể từ buổi sáng đó, sáu tháng trời đã trôi qua và có một sự kiện khủng khiếp đã xảy đến với Simochka. Không những niềm tin rằng chế độ Xô Viết luôn luôn bị bọn đế quốc phá hoại đã tan vỡ ở trong nàng, nàng còn không tin rằng tất cả những nhà khoa học bị cầm tù ở đây đều là những người dễ tiện phản bội nhân dân, làm những âm mưu có hại cho tổ quốc. Thoạt đầu nàng cho rằng chỉ những tù nhân làm việc ở những phòng khác mới là bọn dễ tiện, bọn phản bội. Mỗi ngày, nàng ở gần mười hai tù nhân trong Phòng Nghiên cứu âm thính và nàng thấy họ lạnh lùng, thần nhiên với tự do và tù đầy, nhận chịu số mệnh của họ, bình tĩnh sống trước những hạn tù mười và hai mươi lăm năm, nàng thấy họ đều là những khoa học gia, kỹ sư, chuyên viên, và họ chỉ chú tâm vào công việc - dù đó không phải là việc họ tự ý làm, việc không có nghĩa lý gì đối với họ, việc không đem lại cho họ một đồng thù lao hay một chút vinh quang nào - nàng cố gắng nhưng nàng vẫn không sao có thể nhìn họ như những tên phản bội dễ hèn mà nàng từng thấy trong những tuồng hát, những phim ảnh, những tên sau cùng bao giờ cũng bị những nhân viên phản gián thông mình và can đảm lột mặt nạ.

Sống giữa họ Simochka không thấy sợ hãi chút nào. Nàng cũng không sao có thể thù ghét được họ. Những người này chỉ làm cho nàng kính trọng họ, vì họ có tài, vì họ hiểu biết, vì họ can đảm thẳng thắn chịu đựng số mệnh không may của họ. Và mặc dù lương tâm trách nhiệm của nàng, tình yêu tổ quốc của nàng đòi hỏi nàng phải báo cáo tất cả những vi phạm dù nhỏ nhất, dù vô tình hay hữu ý, của những tù nhân này với sĩ quan an ninh, rất sớm Simochka đã thấy rằng trách nhiệm, cũng như bốn phần, là một cái gì đáng ghét và không nên làm tròn.

Đặc biệt là nàng không sao làm tròn trách nhiệm dò xét và báo cáo những hành vi của Gleb Nerzhin, người ngồi gần nàng nhất.

Simochka làm việc dưới sự chỉ dẫn chuyên môn của Nerzhin. Nàng thực hiện những cuộc nghiên cứu, thí nghiệm nhỏ về tiếng nói. Ở Mavrino người ta tìm mức độ trung thực của tiếng nói khi được truyền đi qua điện thoại với nhiều máy điện thoại khác nhau.

Nerzhin nghiên cứu về tiếng nói trên bình diện toán học. Cuộc nghiên cứu và thí nghiệm chung của Nerzhin và Simochka đem lại kết quả tốt. Nerzhin đã viết được một báo cáo nhiều trang ghi lại kết quả này. Mỗi khi hai người bị du vào tình trạng có quá nhiều việc phải làm. Nerzhin quyết định thật nhanh chóng và sáng suốt những việc gì cần phải làm trước và những việc gì có thể hoãn lại. Trong những giây phút phải quyết định đó, khuôn mặt Nerzhin trở lại trẻ trung và Simochka tưởng tượng lại những cảnh chiến tranh mà nàng thấy trên màn bạc, nàng thấy hiện ra trước mắt hình ảnh Nerzhin trong bộ quân phục với cấp bậc đại úy trên cổ áo, mái tóc hung của chàng tung bay, chàng đứng hiên ngang giữa làn khói súng hô lớn lệnh khai hỏa.

Nhưng Nerzhin chỉ muốn làm việc nhanh để sau khi làm hết phần việc được người ta trao cho chàng, chàng khỏi phải làm gì hết. Có lần chàng nói với Simochka: "Tôi chỉ hoạt động vì tôi ghét hoạt động". Nàng e lệ hỏi chàng: "Vậy thì anh thích cái gì?" - "Tôi thích nhìn ngắm, thích suy tưởng...", Nerzhin đáp. Và đúng như lời chàng nói sau khi đã làm đủ phần việc phải làm trong ngày chàng thường ngồi hàng giờ không thay đổi tư thế. Làn da mặt chàng những lúc ấy trở thành xanh xám, già đi và những nếp nhăn hiện rõ trên đó. Về tự tin của chàng biến đi đâu mất hết. Chàng trở thành chậm chạp và do dự. Chàng suy nghĩ rất lâu trước khi hạ bút viết

những hàng chữ nhỏ li ti trên tờ giấy chằng giấu giữa đồng hồ sơ, báo cáo và báo chí lộn xộn, trên bàn chằng, cũng như đêm nay, nàng thấy chằng vừa mới viết. Nàng còn nhận thấy Nerzhin cất tờ giấy mới viết đó ở đâu đó trên bàn chứ không bỏ vào ngăn kéo. Nàng tò mò muốn biết chằng viết gì và viết cho ai. Nerzhin hoàn toàn không biết, không ngờ rằng chằng đã trở thành một người chiếm trọn cảm tình và thần phục của Simochka.

Cuộc đời con gái của Simochka đã trôi qua không có một chút hạnh phúc. Nàng không xinh, không đẹp. Khuôn mặt nàng hư vì cái mũi quá dài, quá nhọn. Tóc nàng thưa và được búi lại thành một búi nhỏ sau ót. Nàng không chỉ bé nhỏ không mà thôi - nhiều người đàn bà thần thể bé nhỏ nhưng vẫn đẹp, vẫn quyến rũ được đàn ông - cái bé nhỏ của nàng còn có sự gầy gò, khẳng khiu nữa. Nàng giống một cô học trò tiểu học hơn là một thiếu nữ sắp trở thành thiếu phụ về tuổi tác. Đã thế nàng lại ít nói, ít đùa cợt, nét mặt lúc nào cũng ủ ê. Và sự ít nói, ít đùa cợt này làm cho những người thanh niên trẻ tuổi không ai muốn gần nàng. Và năm nay nàng đã hai mươi lăm tuổi, Simochka vẫn chưa được một người đàn ông nào tán tỉnh nàng, chưa người đàn ông nào ôm nàng, chưa người đàn ông nào hôn nàng.

Nhưng cách đây không lâu, đúng ra là một tháng trước đây, chiếc micro trong phòng ghi âm bị hư và Nerzhin gọi Simochka vào để sửa. Nàng vào đó tay cầm cây dùi mở đánh vít và trong căn phòng hẹp không thể đủ chỗ cho hai người đứng, nàng cúi mặt nhìn xuống chiếc micro trong lúc Nerzhin cũng đang cúi nhìn và trước khi Simochka kịp biết, má nàng chạm vào má chằng. Cái chạm ấy làm cho Simochka tưởng nàng chết ngất ngay tại chỗ. Đáng lẽ ra nàng phải lùi lại nhưng lúc ấy toàn thân nàng như tê liệt, nàng cứ đứng chết trong tư thế ấy, mắt mở lớn nhìn ngậy vào chiếc micro. Giây phút đó là giây phút dài nhất, kinh dị nhất trong đời nàng - hai má họ nóng ra như bốc lửa, như dính liền vào làm một. Và Nerzhin cũng không nhích ra. Đột ngột, chằng đưa hai tay lên nâng hai bên đầu nàng và nhẹ hôn lên môi nàng. Toàn thân Simochka như chảy ra thành nước. Lúc ấy, nàng không nói gì về luật lệ, và vi phạm, nàng chỉ thiều thào: “Cửa không đóng!...”

Một tấm màn nhung xanh đậm, lung lay, đu đưa, ngăn cách họ với cuộc hoạt động ồn ào bên ngoài, với những người đang đi lại, làm việc, cười nói bên ngoài, những người có thể vén tấm màn lên để nhìn vào bất cứ lúc nào. Tù nhân Nerzhin, nếu bị bắt gặp, chỉ bị phạt nhiều lắm là mười ngày nằm xà lim. Nữ viên chức Serafima Vitalyeyna, nếu bị bắt gặp, sẽ mất sự trong trắng của hồ sơ lý lịch, mất chức vụ và có thể mất cả tự do. Nhưng nàng không có đủ sức để gỡ nàng ra khỏi đôi bàn tay đang nâng đầu nàng.

Đây là lần thứ nhất trong đời nàng một người đàn ông hôn nàng.

Và như vậy là sợi dây xích tàn nhẫn, vô tình bị đứt một mắt xích. Mắt xích đó là mắt xích được làm bằng trái tim một người đàn bà.

7 Ô, thời gian, xin ngừng lại

“Cái đầu hói của vị nào ở sau đầu tôi đây?”

“Này bạn, tôi đang ở trong một trạng thái tinh thần thơ mộng. Chúng ta có thể nói chuyện với nhau được lắm”.

“Trên nguyên tắc, tôi đang làm việc”.

“Bận việc - bận nào. Để tôi kể lại với anh câu chuyện đáng kể này. Hồi nãy, tôi ngồi dưới cây Giáng sinh nghèo nàn của mấy người bạn Đức của tôi và trong lúc tôi đang nói với họ về một đêm Giáng sinh năm xưa tôi sống dưới một pháo đài ở chiến tuyến phía bắc Pulutsk, bỗng dưng tôi thấy rõ ràng là tôi đang sống ở mặt trận. Mặt trận trở lại bao quanh tôi, thật sống, thật thực. Phải chăng là cả chiến tranh rồi cũng trở thành một kỷ niệm đẹp của con người?”

“Tôi nghĩ anh không nên để cho tình trạng ấy xảy ra. Đạo Đức Kinh của Lão Tử có câu: ‘Vô khí là dụng cụ của đau khổ, không phải là vật để con người tự hào. Người khôn chinh phục mà

không cần tỏ ra muốn chinh phục’.”

“Chi vậy? Bộ anh đã chuyển ngữ từ chủ nghĩa hoài nghi sang đạo Lão rồi ư? [1]”

“Có chuyển nhưng chưa chuyển xong”.

“Trước hết, tôi nhớ lại chú lính Đức cộng tác hữu hiệu nhất thời ấy của tôi - tôi và chú ta cùng viết truyền đơn và ra ý cho họa sĩ vẽ tranh: bức tranh bà mẹ Đức ôm con và người thiếu phụ Đức đứng khóc trước cảnh căn nhà đổ nát còn nghi ngút khói là những tuyệt tác phẩm của hai chúng tôi. Hai bức tranh đó có cả bài thơ bằng tiếng Đức đi kèm”.

“Tôi biết. Tôi có nhớ được một tờ”.

“Tôi nhớ lại những buổi chiều êm, chúng tôi ngồi trong xe phóng thanh đi lên mặt trận”.

“Và giữa những bản nhạc tango, những người bạn Đức của anh đọc những lời kêu gọi những người lính Đức chiến hữu của họ quay súng bắn lại Hitler. Nhiều lần chúng tôi cũng leo lên miệng hầm để nghe nhờ những bản nhạc. Vô tư mà nói, tôi thấy những lời kêu gọi của anh có hơi... ngớ ngẩn”.

“Ngớ ngẩn? Xin lỗi... Anh nhớ cho rằng chỉ nhờ những lời kêu gọi ấy, chúng tôi đã chiếm được hai thị trấn Graudenz và Elbing không phải bắn một viên đạn nào”.

“Đúng. Nhưng cũng xin anh nhớ cho rằng chuyện ấy xảy ra vào năm 1945. Vào thời gian đó, khỏi cần phải anh kêu gọi, nước Đức cũng sắp đầu hàng”.

“Bây nào. Những chiến thắng nhỏ hợp thành chiến thắng lớn chứ. Nếu không mở đầu bằng những cuộc đầu hàng nhỏ làm sao có cuộc đầu hàng lớn? Không biết đã có lần nào tôi kể cho anh nghe chuyện nàng Milka chưa nhỉ? Nàng là một sinh viên Viện Ngoại ngữ, tốt nghiệp năm 1941. Vừa ra khỏi trường nàng được điều động ngay đến đại đội của tôi để làm thông dịch viên. Một thiếu nữ mũi hìn, nhanh nhẹn...”

“Chờ chút. Phải nàng là người cùng đi với anh đến tiếp thu một căn cứ quân Đức đầu hàng không?”

“Phải đó. Nàng tự kiêu lắm. Nàng rất thích được người ta ca ngợi. Tôi không dám trách nàng nửa tiếng. Nàng thích được tuyên dương để được trao tặng huy chương. Anh có nhớ cảnh mặt trận Tây Bắc khúc ngay cạnh bờ sông Lovat không? Đoạn ở giữa Rahklits và Novo-Svinukhovo, phía nam Podtsepchiya đó. Chỗ ấy có một khu rừng”.

“Chỗ ấy nhiều rừng lắm. Chỗ ở xa hay ở gần sông Redya?”

“Ở gần”.

“Tôi biết”.

“Nàng và tôi đi chơi lang thang suốt một ngày trong khu rừng ấy. Lúc đó đang là mùa xuân - chưa hẳn là mùa xuân, hãy còn là tháng Ba. Chúng tôi lội trong những vũng bùn ngập đến ngang đôi giày boots cao cổ chúng tôi đi dưới chân, cổ áo và mũ lông của chúng tôi ướt đầm mồ hôi. Mùi mùa xuân hồi sinh tràn đầy trong không khí. Anh biết không... chúng tôi dặt tay nhau đi như hai người yêu nhau, hai người yêu lần đầu, như một cặp vợ chồng mới cưới. Không biết tại sao với một người đàn bà mới, mình lại cảm thấy mới tinh như đây là lần đầu mình yêu, mình lại yêu lại từ đầu. Yêu như một đứa trẻ. Ôi... cánh rừng dài như vô tận. Đây đó bốc lên những đám khói từ những khẩu đại bác quân mình đặt ở bìa rừng... Chúng tôi tránh đến gần những ổ súng đó. Chúng tôi đi lang thang như thế cho đến sẩm tối, người ướt đầm mồ hôi và chứa chan hạnh phúc. Nàng làm tôi điên lên suốt một ngày. Rồi đến lúc tối mịt, chúng tôi tìm thấy một pháo đài bên trong không có đại bác không có lính...”

“Pháo đài nổi?”

“Anh nhớ không? Chắc là anh phải nhớ. Có rất nhiều pháo đài như thế được dựng lên ở đấy trong năm đó. Như những hang thú rừng. Bên trong lát ván, trên sàn gỗ có những đồng củi thông, và mùi nhựa thông tiết ra từ những thân cột, mùi khói bốc ra từ đồng lửa. Trong đó không có bếp, chúng tôi đốt lửa ngay trên mặt đất để sưởi. Trên mái có một cái lỗ nhìn thấu lên nên trời. Không có ánh đèn, chỉ có ánh lửa bập bùng. Lửa chiếu bóng chúng tôi lên vách. Anh nghĩ sao, Gleb? Đó là những giây phút đáng sống chứ?”

“Tôi nhận thấy rằng trong những câu chuyện kể ở trong tù, bao giờ cũng có một người con gái. Người con gái bao giờ ở đầu chuyện cũng hoàn toàn trinh trắng và đến cuối chuyện, bao giờ cũng hết còn trinh trắng. Hình như với những tù nhân, điểm đó là điểm chính, điểm quan trọng nhất trong câu chuyện của mình. Anh có nghĩ rằng như vậy là chúng mình đòi hỏi công lý với điểm đặc biệt ấy không? Một người không mù ngay từ khi lọt lòng mẹ, nghĩa là một người mắt

đã nhìn thấy trời xanh, mây trắng, nắng vàng rồi bị mù luôn luôn cần được những người còn nhìn thấy xác nhận với họ rằng trời vẫn xanh, mây vẫn trắng, nắng vẫn vàng. Một tù nhân cần được biết chắc rằng cuộc đời này vẫn còn những người đàn bà đẹp, sống thực, quyến rũ, đáng yêu... tự nguyện cho những anh đàn ông may mắn được yêu một người con gái đẹp chiến tranh vì đêm đó có anh là người đàn ông may mắn được yêu một người con gái đẹp trong một ổ súng giữa rừng vắng, không có kẻ thù nào chĩa súng bắn vào anh. Nhưng đêm đó cũng là đêm mà vợ anh khổ sở đếm đi đếm lại mãi những ấm phiếu mua đường, bánh mì, lòng lo âu không biết phải làm sao để con anh có thể tạm no được trong suốt một tháng. Và đêm đó cũng là đêm ở khám đường Bytyrskaya, xà lim số 73..."

"Ở từng thứ hai, cuối cùng của một lối đi hẹp..."

"Đúng. Ông giáo sư trẻ tuổi chuyên về Sử ở Mạc Tư Khoa tên là Razvodovsky, người vừa bị bắt và chưa từng sống ở mặt trận ngày nào, đã thành công rõ ràng trong việc chứng minh với những luận cứ xã hội, lịch sử một cách thông minh và hùng hồn rằng chiến tranh cũng có mặt tốt. Và ở xà lim đó có những tù nhân cũng còn trẻ như ông giáo sư nhưng đã từng chiến đấu ở khắp các mặt trận, trong tất cả những binh chủng... thiếu chút nữa đã ăn thịt sống ông ta. Những người này tức giận và họ nói rằng, không, chiến tranh không có gì tốt đẹp hết. Tôi ngồi ngậm miệng nghe họ nói. Razvodovsky cũng có những lý lẽ khá vững. Có lúc tôi cho rằng hẳn đúng. Nhưng tôi không dám ra mặt cãi lại những người lính kia. Sự kiện làm tôi đồng ý với ông giáo sư thường dân cũng chính là sự kiện đã làm cho tôi khác với những người lính này. Đó là việc tôi là một sĩ quan pháo binh phục vụ trong một đơn vị pháo chuyên bảo vệ Bộ Tư lệnh. Lev, thực ra trong suốt thời gian ở mặt trận, tôi không làm gì ngoài việc ngồi yên trong những ổ súng thỉnh thoảng ra lệnh bắn vài phát vu vơ thị oai. Tôi không phải dự một cuộc tấn công nào, tôi không phải đẩy binh sĩ dưới quyền tôi vào chỗ chết, tôi cũng không phải rút lui, không phải ra lệnh cho người khác ở lại để chết. Chiến tranh của tôi là như thế, và do đó tôi có thể thấy chiến tranh tốt, chiến tranh đẹp..."

"Tôi không mồn nói đến chuyện ấy..."

"Tất cả những gì đẹp, vui, êm đềm nổi cả lên trên. Chúng ta thường quên đi những gì làm cho chúng ta khó chịu. Những lần đoàn Junker nhào xuống thả bom làm thân xác tôi suýt nữa tan tành ở Orel, tôi thấy không có gì thú vị cả. Không, Lev... chiến tranh tối chỉ là trận chiến tranh đã qua, đã chấm dứt".

"Tôi không nói là chiến tranh tốt đẹp, tôi chỉ nói là những gì chúng ta nhớ lại đều tốt đẹp".

"Đúng. Và tôi hy vọng rồi sẽ có ngày chúng ta nhớ lại những ngày sống trong những trại tập trung là đẹp. Cả trong những trại tạm trú".

"Trai tạm trú? Như Gorky? Girov? Không? Không đời nào..."

"Đó là bởi vì ở những nơi đó anh bị tước đoạt nhiều thứ quá nên anh không còn vô tư nữa.

Xong anh cần nhớ rằng ngay ở những nơi đó cũng có những người sung sướng chứ? Ở đó vẫn có những tù nhân no đủ như là những người giữ nhà tắm, ở đó có những người có thể ăn nằm với những nữ tù nhân, những người đó có thể chân thành nói rằng ở trên trái đất này không có đâu sướng bằng ở trong những trại giam tạm trú. Hạnh phúc của con người ta là một cái gì tùy thuộc từng người, một giả tưởng".

"Tiếng "hạnh phúc" phát sinh từ một tiếng có nghĩa là giờ đây, lúc này..."

"Xin lỗi giáo sư. Ông nên đọc Vladimir Dahl. "Hạnh phúc" phát xuất từ một tiếng có nghĩa là số phận của người ta, là những gì người ta muốn có ở đời..."

"À... lời giải thích của tôi cũng là của Dahl".

"La vậy. Lời giải thích của tôi cũng thế".

"Mình phải tìm nguyên nghĩa tiếng hạnh phúc ở khắp các thứ tiếng nói trên thế giới mới được. Tôi sẽ thực hiện cuộc truy nguyên này".

"Anh thì cái gì cũng phải... Phải thế này, phải thế nọ..."

"Anh có đọc phần thứ hai tác phẩm Faust chưa nhỉ?"

"Anh nên hỏi tôi đã đọc phần thứ nhất chưa. Ai cũng nói rằng đó là một tuyệt phẩm, một sáng tạo của thiên tài, nhưng chẳng ai chịu đọc cả. Hoặc người ta chỉ biết nó nhờ Gounod [2]".

"Phần đầu không có gì khó hiểu hết. Phần đầu của Faust có những câu như:

Tôi không có gì để nói về mặt trời và trái đất
Tôi chỉ nhìn thấy sự đau khổ của con người”.

“Hai câu đó nghe được”.

“Hoặc:

Những gì chúng ta cần, chúng ta không biết.
Chúng ta biết những gì chúng ta không cần”.

“Hay”.

“Phần thứ hai nặng hơn, tôi nhận là nặng. Nhưng dù vậy, tư tưởng chứa đựng ở đó cũng kỳ diệu biết là chừng nào. Anh biết về bản hợp đồng ký kết giữa Faust và Mephistopheles. Mephistopheles chỉ được nhận lãnh hồn của Faust khi nào Faust kêu lên: “Ồ... Thời gian, xin ngừng lại...”. Nhưng bất kể Mephistopheles đem lại cho Faust những gì - sự trở lại của tuổi trẻ, tình yêu của Marguerite, những cuộc chiến thắng rực rỡ của Faust trước những kẻ thù, sự giàu sang vô tận, sự hiểu biết những bí mật của cuộc sống - nhưng vẫn không có gì có thể làm cho Faust thốt lên câu nói ấy. Năm tháng qua. Chính Mephistopheles cũng mệt mỏi vì việc đuổi theo mãi con người không bao giờ chán sống ấy. Y thấy không cách nào có thể làm cho con người sung sướng hoàn toàn và y đã có ý định từ bỏ cuộc theo đuổi. Thế rồi Faust lại già đi một lần thứ hai, trở thành mù, ra lệnh cho Mephistopheles tụ họp cả trăm ngàn công nhân lại để đào sông và tháo nước từ những cánh đồng lầy. Trong bộ óc hai lần già của Faust, bộ óc mà Mephistopheles cho là đã trở thành điên khùng, nảy ra một tư tưởng lớn: làm cho nhân loại sung sướng, hạnh phúc. Theo lệnh của Mephistopheles, bọn quỷ sứ dưới Địa ngục đem cuốc xẻng lên để đào huyết chôn Faust. Mephistopheles lúc ấy chỉ muốn chôn Faust cho xong chuyện và không còn chờ đợi bắt linh hồn của Faust nữa. Faust nghe thấy tiếng động của những lưỡi cuốc trong lòng đất nên hỏi: “Chi đó?”. Mephistopheles, trung thành với bản tính đùa giỡn của y, trả lời Faust rằng những cánh đồng lầy đã hết nước đọng. Những nhà phê bình văn nghệ của chúng ta vẫn thường phân tích đoạn này theo quan niệm chủ quan, họ cho rằng lúc ấy Faust sung sướng vì nghĩ rằng mình đã đem lại được hạnh phúc cho mọi người nên hài lòng kêu lên: “Ồ... Thời gian... xin ngừng lại...” Nhưng nếu phân tích khách quan hơn, ta có thể thấy rất có thể chủ ý của Goethe là chế nhạo ảo ảnh hạnh phúc của con người. Bởi vì thật ra, Faust tuy sống lâu và nhiều quyền lực là như thế, vẫn chẳng làm được chuyện gì đem lại hạnh phúc cho nhân loại. Sau khi thốt lên câu nói đó, bọn quỷ sứ đẩy Faust xuống mồ ngay. Như vậy nghĩa là gì? Một bản nhạc ngợi ca hạnh phúc hay là chế nhạo ảo ảnh hạnh phúc?”

“Ồ... Lev, bạn tôi. Tôi thích bạn trong những lúc thế này, khi bạn tranh luận với trái tim và diễn tả tư tưởng một cách thông minh, khi bạn không dán những nhãn hiệu lên những sự kiện”.

“Tôi biết tôi chưa bao giờ làm anh hài lòng cả. Nhưng anh nghe chuyện này: Có một lần trước chiến tranh, tôi đứng trong một giảng đường đại học, giảng cho các sinh viên nghe về quan niệm hạnh phúc trong tác phẩm Faust. Tôi bỗng buồn rầu cảm thấy rằng cuộc đời này không có hạnh phúc, không có cái gì có thể gọi là sung sướng. Tôi nói như thế và có một sinh viên đưa lên cho tôi một mảnh giấy nhỏ xé từ một cuốn sổ. Mảnh giấy đó có hàng chữ: *Nhưng tôi đang yêu, và tôi đang sung sướng. Giáo sư trả lời sao?*”

“Và anh trả lời sao?”

“Làm sao có thể trả lời được?”

[1] Đạo Lão: Đạo của Lão Tử ở Trung Hoa.

[2] Gounod là một nhà soạn nhạc người Pháp ở thế kỷ XIX, ông soạn vở nhạc kịch Faust theo tác phẩm văn chương Faust của Goethe, văn hào Đức. Người ta biết đến Faust nhiều nhờ vở nhạc kịch của Gounod hơn là coi chính bản.

8 Năm thứ năm sống trong lao tù

Họ để hết tâm trí vào cuộc nói chuyện tay đôi ấy đến nỗi họ không còn nghe thấy những tiếng động trong phòng hoặc tiếng nhạc phát ra từ chiếc radio ở góc phòng đằng kia. Một lần nữa Nerzhin xoay cái ghế anh ngồi để quay lưng vào phòng nhìn ra cửa sổ. Rubin cũng ngồi nghiêng, tay khoác lên thành ghế, bộ râu đặt trên cánh tay anh.

Nerzhin nói bằng một giọng nồng ấm, chân thành, như người nói ra những ý tưởng đã được suy nghĩ rất chín trong một thời gian rất lâu:

“Khi tôi còn tự do, tôi thường đọc những quyển sách trong đó có những người hiểu biết viết về ý nghĩa của cuộc sống và bản thể của hạnh phúc. Khi đó tôi chẳng hiểu gì nhiều về những vấn đề được viết trong những quyển sách dày đó. Tôi nghĩ: những người hiểu biết phải suy nghĩ. Suy nghĩ là nghề của họ. Nhưng còn ý nghĩa của cuộc sống? Chúng ta sống - đó là ý nghĩa cuộc sống. Còn hạnh phúc? Hạnh phúc là khi nào mọi việc xảy ra như ý mình mong muốn, ai cũng hiểu như thế. Xin cảm tạ Thượng đế đã sinh ra nhà tù. Nhà tù giúp cho tôi cơ hội và điều kiện để suy nghĩ. Để có thể hiểu được bản thể của hạnh phúc, ta cần phải phân tích tình trạng nó đủ, thừa thãi, chán mứa trước. Hãy nhớ lại Lubyanka. Hãy nhớ lại những tô súp loãng không có lấy được một giọt mỡ ở đó. Anh có thể nói được rằng anh ăn thứ súp đó được không? Không, anh hòa mình với nó. Anh đưa nó vào cơ thể như một thứ bánh thánh, như hạt mè của những vị tịch cốc tu tiên. Anh đưa nó vào miệng anh chậm chạp, từng tí một, anh thận trọng khi cho nó vào miệng, thành kính như anh đang làm một hoạt động có tính cách thiêng liêng, anh ăn và nghĩ đến ăn và nó thấm trong cơ thể anh như một thứ nước hồi sinh. Anh run rẩy vì mùi vị ngọt đậm của những hạt lúa mì trôi trong chất nước sền sệt đó. Thế rồi, gần như không được ăn uống gì cả, anh tiếp tục sống sáu tháng, mười hai tháng. Anh có thể so sánh việc ăn ngấu ăn nghiêng, ăn mà không biết là đang ăn, không cảm thấy mùi vị, một miếng bít tết lớn với tô súp ấy?”

Rubin không thể ngồi im để nghe người khác nói lâu được. Trong bất cứ cuộc nói chuyện nào, anh cũng là người hướng dẫn, đưa ra những đề tài mới, những nhận xét chưa được phát biểu. Giờ đây anh cũng nóng nảy tìm cách cắt ngang nhưng Nerzhin nắm lấy ngực áo anh và lắc mạnh bắt anh phải nghe:

“Vì vậy, nhờ sống ở trong tù, nhờ những đồng chí khốn nạn của chúng ta, chúng ta được biết thế nào là no đủ. No đủ không được quyết định trên sự kiện ăn nhiều chừng nào mà là ở trên việc ta ăn như thế nào. Hạnh phúc cũng thế. Lev, hạnh phúc không căn cứ trên việc chúng ta được hưởng những gì ở cuộc đời, mà là nằm ở thái độ của chúng ta đối với việc hưởng thụ những tiện nghi đó. Kinh của Đạo lão có câu: ‘Kẻ nào biết đủ bao giờ cũng hài lòng’ [1].”

Rubin nở nụ cười mỉa mai:

“Anh trở thành chuyên viên chiết trung rồi đó. Anh nhớ những sợi lông bóng bẩy ở khắp nơi”. Nerzhin lắc đầu. Tóc anh xơ xuống trán. Anh đang say sưa nói. Trong lúc này, trông anh giống một thiếu niên mười tám tuổi.

“Đừng lộn xộn trật tự, Lev. Tôi không phải là kẻ chuyên đi thu nhặt những tư tưởng rai rác ở khắp nơi để đúc kết lại thành của riêng tôi đâu. Tôi đi đến những kết luận không căn cứ trên những quyển sách triết học tôi đã đọc mà là căn cứ trên những chuyện về những người sống thực mà tôi gặp trong những nhà tù. Trong thế giới triết học, tất cả mọi địa hạt đều đã có người khai thác, khám phá. Tuy vậy, tôi vẫn có những phát kiến mới của riêng tôi. Đừng ngắt lời, nghe tôi nói đã. Tôi sắp cho anh một tí dụ. Nếu trong một nhà tù - như nhà tù đặc biệt này chẳng hạn - có một sự lạ xảy ra như là một ngày chủ nhật tự do, một ngày chủ nhật không phải làm việc. Trong ngày đó tâm hồn chúng ta sẽ không bị đông đặc như đá. Và dù rằng đời sống bên ngoài của tôi không có gì thay đổi nhiều, nghĩa là tôi vẫn bị quản thúc như mọi ngày, gông cùm ngực tù cũng nói lỏng được đôi chút trên cổ tôi, tôi có thể nói chuyện được thỏa thích với một người bạn nào đó, đọc một trang sách lương thiện, và tôi có thể thả hồn tôi trên làn sóng tư tưởng. Tôi đã không được sống thực sự là sống trong nhiều năm nhưng tôi đã quên mất tình trạng đó. Tôi ngằm ngửa trên giường, mắt nhìn lên trần. Trần phòng rất gần tôi, nó lơ lửng, nó lơ lửng - và tôi run rẩy vì cuộc sống bên trong tôi. Tôi sẽ ngủ đi trong sung sướng, hoan lạc. Dám chắc không một ông Quốc trưởng, một Tổng trưởng nào có thể ngủ ngon và hài lòng như tôi trong ngày chủ nhật ấy của tôi”.

Rubin lại cười. Nụ cười này không mỉa mai, chế nhạo nữa. Đó là nụ cười bao dung trong đó có ý chấp nhận của một người đàn ông đối với người bạn ít tuổi hơn mình:

“Kinh Vệ đà nói gì về vấn đề này?” [2]

Rubin hỏi, môi anh trề ra như người đang vui.

“Tôi không biết gì về kinh Vệ đà” - Nerzhin trả lời bằng một giọng quả quyết - “Nhưng tôi biết có một triết thuyết Ấn Độ nói rằng: ‘Với những ai hiểu biết, hạnh phúc của nhân loại là đau khổ’.”

Rubin nói trong bộ râu:

“Tôi chắc anh đã sắp sẵn tất cả những câu anh vừa nói. Phải anh nghe được câu đó từ Sologdin không?”

“Có thể. Không tưởng? Duy tâm? Đúng? Sai? Anh còn đợi gì nữa mà không dán nhãn hiệu? Anh râu dê. Nghe cho kỹ này - hạnh phúc vì chiến thắng, hạnh phúc vì ước ao mà được, địa phương vì thành công và vì no đủ - tất cả đều là khổ não. Đó là sự tiêu diệt của linh hồn, một thứ đau khổ tinh thần không bao giờ ngừng. Đó không phải là những triết gia Ấn Độ cổ xưa đã nghĩ ra điều ấy, đó là do tôi, do chính tôi, Gleb Nerzhin, một tù nhân chịu gông cùm trong năm thứ năm, người mà tinh thần đã vượt lên đến tình trạng thấy rằng những cái gì xấu đã bắt đầu trở thành tốt. Và tôi nắm vững quan niệm là người đời không biết rõ họ muốn thích cái gì, không biết họ mong ước gì. Họ tiêu pha đời sống của họ trong việc tranh chiếm một số những của cải vô giá trị và họ chết mà hoàn toàn không hay biết gì về đời sống tinh thần phong phú của họ. Khi Lev Tolstoy mơ đến chuyện được ở tù, đó là lúc ông lý luận như một người thực sự hiểu biết và tinh thần ông đang mạnh mẽ vô kể”.

Rubin cười thành tiếng. Anh vẫn cười thành tiếng mỗi khi anh không chấp nhận một quan niệm nào của đối tượng trong cuộc thảo luận.

“Thôi đi, chú nhỏ” - Rubin nói - “đó là cái tinh thần còn non, chưa trưởng thành ở trong chú nói lên những câu đó. Chú cho những kinh nghiệm riêng của chú đúng hơn kinh nghiệm chung của cả nhân loại? Chú đã bị lệch lạc vì đời sống ở trong tù và chú nhìn xã hội qua cánh tù đầy. Đâu có phải chỉ vì cuộc đời của chúng ta tan nát, vì số mệnh của chúng ta không may mà loài người phải thay đổi quan niệm về cuộc sống?”

“Anh mới là người kém trưởng thành. Đáng lẽ ra anh phải học được nhiều sự thật ở trong tù, trong lúc anh có thể nhìn thẳng vào đời sống và học thẳng được ở đó...”

“Anh nói đời sống nào? Đây là tù, đây đâu phải là sống?”

Nerzhin vẫn nòng nân với ý nghĩ:

“... anh đã tự tay buộc cái khăn bịt mắt lên che kín hai mắt anh, tự dứt nút lỗ tai anh, anh chọn một thái độ và anh cho đó là thông minh? Theo anh, thông minh là việc không cần biết gì thêm, không cần học hỏi nữa?”

“Thông minh là khách quan”.

“Anh... - Anh mà khách quan à?”

Rubin nghiêm giọng đáp:

“Phải. Khách quan tuyệt đối”.

“Chưa bao giờ tôi gặp một người nào thiếu khách quan như anh”.

“Anh hãy nhắc đầu anh ra khỏi cát. Hãy nhìn sự kiện theo kiến trúc lịch sử của chúng. Đáng lẽ ra tôi không nên nói những lời của chính tôi như những bằng chứng, nhưng:

Cuộc sống của con bọt nước chỉ có một ngày.
Cuộc sống của cây tùng dài một trăm năm.

Luật thiên nhiên - anh có hiểu nghĩa danh từ đó không? Những điều luật thiên nhiên không sao có thể tránh được. Tất cả những gì có ở đời đều đi theo một con đường nhất định. Thật là vô ích khi chúng ta nghĩ rằng ta có thể ở lại được nếu ta hoài nghi”.

“Lev... Đừng bao giờ anh nghĩ rằng hoài nghi là một việc dễ. Với tôi, hoài nghi có thể là một

chiếc quán bên đường để tôi có thể vào nghỉ khi trời đông bão. Nhưng hoài nghi là một cách để giết tinh thần con người ra khỏi những ràng buộc của giáo điều. Chỉ cần làm việc đó, ta đã thấy nó có giá trị đáng kể rồi”.

“Giáo điều? Anh thật là bậy. Tôi mà lại là người tin giáo điều hay sao?”

Đôi mắt mở lớn của Rubin nặng những hờn trách:

“Tôi cũng là một tù nhân cùng loại với anh. Tôi cũng bị bắt năm 1945: Tôi cũng sống bốn năm trên mặt trận, một mảnh đạn trọng pháo nằm ở mạng sườn và năm năm ở tù. Vì vậy tôi nhìn cuộc đời cũng giống hết anh. Cái gì phải có là phải có. Quốc gia không thể tồn tại được nếu không có một hệ thống trừng phạt có tổ chức”.

“Tôi không chịu. Tôi không chấp nhận điều ấy”.

“Tất nhiên. Vì anh hoài nghi. Nhưng thái độ hoài nghi của anh cũng không đúng. Tại sao anh lại xúc động dữ vậy? Người hoài nghi đâu có bao giờ xúc động? Người hoài nghi không bao giờ đưa ra những quyết đoán. Người hoài nghi bất cứ trong trường hợp nào cũng thần nhiên”.

“Anh nói đúng...”

Nerzhin nói bằng một giọng buồn rầu, thê thảm như người tuyệt vọng:

“Tôi muốn có những tư tưởng thoát tục, nhưng thực tế vẫn giữ tôi lại...”

“Thoát tục? Vậy mà hồi ở Dzhezkagan, anh nổi điên lên vì nơi đó thiếu nước uống...”

“Lẽ ra anh phải sống ở đấy suốt đời anh mới phải. Anh là người duy nhất trong cả bọn nghĩ rằng người cày làm đúng, rằng những việc hẩn làm đều rất thường và cần thiết. Nếu anh sống ở Dzhezkagan, anh sẽ thay đổi ý kiến ngay lập tức...”

“Anh phải nghe tôi...”

Bây giờ đến lượt Rubin nắm lấy tay áo Nerzhin.

“Ông ấy là người vĩ đại nhất. Rồi sẽ có ngày anh thấy, sẽ có ngày anh hiểu. Ông ấy là Robespierre và Napoleon nhập lại làm một của cuộc cách mạng của chúng ta. Ông ấy khôn ngoan, thực sự khôn ngoan. Ông ấy nhìn xa, thấy rộng hơn tầm mắt của chúng ta rất nhiều...”

“Anh chỉ nên tin những gì mắt anh nhìn thấy được...”

Nerzhin ngắt lời:

“Anh cũng nghe tôi... Hồi tôi còn là một chú bé, tôi đọc những cuốn sách hẩn viết khi tôi đọc Lenin. Tuy ham đọc lắm nhưng tôi không sao có thể đọc hết được những gì hẩn viết. Sau bút pháp của Lenin: sáng sủa, rõ rệt, nồng nàn, đi thẳng vào trái tim người đọc, bút pháp của hẩn như một đồng bunn. Tư tưởng nào của hẩn cũng thô tục và ngu ngốc - Hẩn còn tỏ ra hẩn không biết hẩn cần nhấn mạnh những gì, phớt qua những gì, những gì là quan trọng và những gì là phụ thuộc...”

Rubin tỏ vẻ nghi ngờ:

“Anh biết được những điều ấy khi anh còn là một chú bé?”

“Tôi biết như thế khi tôi đã học khá cao. Khi còn nhỏ, tôi mới chỉ hoang mang không hiểu. Anh không tin tôi ư? Những người thẩm vấn và làm bản tội trạng của tôi cũng không tin như anh. Thái độ kiêu căng phách lối, những luận điệu kẻ cả, bề trên trong những lời tuyên bố của hẩn làm tôi điên lên vì khó chịu. Hẩn cố vẽ thực sự nghĩ rằng hẩn thông minh hơn tất cả những người Nga khác”.

“Và sự thật đúng như thế”.

“... và hẩn tin rằng hẩn làm cho chúng ta sung sướng bằng cách cho chúng ta chiêm ngưỡng hẩn, thần phục hẩn”.

Trong cơn nồng nhiệt của cuộc tranh luận, hai người bạn trở thành quên đề phòng. Những lời họ nói lúc này có thể lọt vào tai Simochka, người ngồi gần họ nhất và cũng là người đang lắng tai nghe họ nói gì với nhau. Thỉnh thoảng Simochka lại liếc nhìn Nerzhin, đôi mắt biểu lộ sự hờn trách. Nàng hờn dỗi vì nàng thấy rõ rằng không những là Nerzhin không tỏ vẻ gì là lợi dụng sự có mặt của nàng ở cạnh chàng đêm nay, chàng còn không cả nhìn nàng, chàng như không hề biết là đêm nay có nàng ở trong phòng này.

Rubin nói bằng cái giọng của người muốn kết thúc cuộc tranh luận:

“Anh lầm - anh lầm vì anh mò mẫm trong những vấn đề mà anh hoàn toàn không biết rõ. Anh là một nhà toán học, anh không hiểu biết gì về lịch sử và triết học. Sao anh dám đưa ra những lời buộc tội nặng đến như thế?”

“Nghe đây... Những huyền thoại về những người khám phá ra tiểu hòa tử và cân được Beta

Sirius mặc dù chưa bao giờ nhìn thấy nó nhưng con nít đến nỗi không biết giải quyết những vấn đề thường ngày của cuộc sống đã trở thành những chuyện lăm cẩm không làm cho ai tin. Chúng tôi không còn cách nào khác. Nếu sử gia các anh không chịu tự hạn chế trong phạm vi lịch sử, còn có gì sót lại để cho chúng tôi, những nhà toán học, những chuyên viên, làm nữa? Tôi thấy những người lãnh những giải thưởng, những người được hưởng quy chế lương bổng dành cho học giả... Những người đó không viết sử, họ chỉ quỳ gối, khom lưng ở một chỗ nào đó. Vì vậy chúng tôi, những nhà trí thức khoa học, chúng tôi bắt buộc phải nghiên cứu lịch sử”.

“Ồ... Sao anh nói có vẻ thâm quá...”

Trên mặt bàn không người ngồi của thiều tá kỹ sư Roitman, máy điện thoại reo chuông.

Simochka đứng dậy đi tới nhắc máy trả lời.

“Gleb Vikentich...”

Simochka gọi về phía Nerzhin nhưng đang mải tranh luận với Rubin, chàng này không nghe tiếng.

Simochka gọi lớn hơn:

“Gleb Vikentich...!”

“Có tôi...”

Nerzhin quay lại nhìn.

“Anh không nghe tiếng gì ư? Có điện thoại”.

Simochka nghiêm khắc nói. Nàng đứng sau bàn của nàng, đôi lông mày nhíu lại, hai tay khoanh trước ngực, chiếc khăn choàng kéo sát xuống trên vai nàng:

“Anton Nikolayevich cần gặp anh trong văn phòng của ông”.

“Vậy ạ?”

Trên khuôn mặt Nerzhin những nét nồng nhiệt của cuộc tranh luận đã biến đi, những nếp nhăn đã trở lại:

“Cám ơn Serafima Vitalyevna. Anh nghe gì không, Lev? Yakonov muốn gặp tôi. Không biết là chuyện gì đây”.

Việc ông giám đốc Viện gọi một tù nhân lên văn phòng mình vào lúc mười giờ đêm thứ bảy là một sự kiện kỳ lạ. Mặc dù Simochka cố gắng giữ vẻ bình thản của một viên chức, ánh mắt nàng, ngay cả Nerzhin cũng nhận thấy, vẫn có vẻ lo âu.

Thế rồi, như giữa họ chưa từng bao giờ xảy ra tranh luận và bất đồng ý kiến hết, Rubin nhìn bạn bằng đôi mắt đầy những oán ngại. Khi đôi mắt của Rubin không sáng lên vì tranh luận sôi nổi, chúng trở lại dịu hiền như mắt đàn bà.

“Tôi không hào hứng khi thấy thiên hạ để ý đến mình” - Rubin nói - “Người xưa có câu: ‘Đừng đại dốt mà làm nhà cạnh cung điện của ông Hoàng’.”

“Nhưng chúng mình có gì đáng được để ý đâu? Công việc của chúng mình chỉ là một việc phụ ở đây: nghiên cứu tiếng nói”.

“Vậy mà Anton vẫn để ý đến mình... Rất có thể mình sẽ bị khiển trách về việc tập Hồi ký của Stanisvsky và quyển Diễn văn của luật sư...”

Rubin cười và nói tiếp:

“Cũng có thể là vì bản báo cáo anh vừa gửi lên không được rõ ràng...”

Nerzhin lắc đầu:

“Chắc không phải vì báo cáo đâu. Báo cáo mình gửi lên đã lâu rồi, êm ru không nghe thấy thiên hạ phàn nàn gì hết. Nếu không thấy tôi trở lại nữa, anh...”

“Đừng có vớ vẩn...”

“Vớ vẩn là thế nào? Đời là như thế. Chuyện thường xảy ra”.

Nerzhin cúi xuống như để thu xếp lại những giấy tờ trên bàn, anh nểnh và nhanh với bạn:

“... đốt hết những cái đó đi giùm tôi”.

Nerzhin khóa ngăn kéo bàn và đưa chìa khóa cho Rubin. Rồi anh đi ra khỏi phòng với dáng điệu khoan thai của một người tù đã sống đến năm thứ năm trong tù, người tù không bao giờ vội vã vì luôn luôn chỉ chờ đợi những gì bất hạnh hơn xảy đến.

[1] Trong đoạn này, tác giả nói đến đạo Lão của Trung Hoa. Xong các câu nói trên đây có vẻ là một cách ngông của Khổng giáo về vấn đề “tri túc” hơn là một câu trong Đạo Đức Kinh của Lão Tử (Nd).

[2] Kinh Vệ đà: Một kinh sách tôn giáo có trước Phật giáo ở Ấn Độ, trước đây hơn 2.000 năm.

9 Hai nhà toán học

Nerzhin đi lên thang lầu lớn, rộng, trải thảm đỏ, dưới những cây đèn bằng đồng và trần nhà bằng thạch cao đắp vòng cung. Vào giờ khuya này, thang lầu vắng tanh. Anh cố gắng trấn tĩnh để bước đi với một vẻ thần nhiên khi anh đi ngang người sĩ quan trực ở phòng gác bên ngoài và tới gõ lên cánh cửa văn phòng của ông giám đốc Viện Nghiên cứu khoa học Mavrino: Đại tá kỹ sư Bộ An ninh quốc gia Anton Nikolayevich Yakonov.

Văn phòng rộng thênh thang, trên sàn có trải thảm, bàn ghế bằng gỗ quý đánh bóng. Ở giữa phòng là một chiếc bàn hội dài trải khăn xanh. Ở trong góc phòng xa tít kia mới là bàn làm việc của Yakonov. Nerzhin từng vài lần đặt chân vào phòng này, nhưng anh chỉ đến đây với nhiều người khác để dự những phiên họp nghe chỉ thị, đây là lần thứ nhất anh một mình tới đây. Đại tá kỹ sư Yakonov đã ngoài năm mươi nhưng trông vẫn còn trẻ và tráng kiện. Y cao lớn, khuôn mặt y thoa phớt một làn phấn sau khi y cạo râu. Y không mang kiềng trắng mà chỉ dùng một chiếc pince-nez bằng vàng. Y có cái vẻ vạm vỡ của một vương tử Obolensky hay Dolgorukov. Những cử chỉ kiểu cách, quan dạng làm cho ý nổi bật lên giữa những viên chức khác trong Bộ An ninh.

“Mời ngồi, Gleb Vikentich...”

Yakonov nói lớn và thừa thãi. Y ngồi dựa lưng trên chiếc ghế bành da quá lớn sau mặt bàn rộng, một tay mân mê cây viết chỉ đỏ thật lớn trên bàn.

Việc gọi tên riêng và tên thánh của Nerzhin chứng tỏ sự lễ độ và thiện chí của Yakonov, nhưng thực ra y không cần phải cố gắng chút nào để có thể nhớ được tên riêng của những nhà khoa học bị tù ở đây, bởi vì dưới mặt tấm kiềng trên bàn y có nằm một bản danh sách ghi tên riêng của tất cả những tù nhân. (Những ai không biết y có bản danh sách này để ngạc nhiên về khả năng nhớ được tên riêng cả trăm người của Yakonov) Nerzhin cúi đầu chào lại y và không đứng nghiêm chào, anh lặng lẽ ngồi xuống chiếc bàn nhỏ gần đó, đôi mắt anh chăm chú nhìn Yakonov, chờ đợi ý nói. Giọng nói của Yakonov có những âm thanh trầm bổng như giọng một kép hát sân khấu. Người ta không hiểu sao con người có vẻ quý phái này lại không uốn lưỡi chữ “r” như kiểu nói những nhà quý phái thời xưa.

Yakonov lên giọng:

“Gleb Vikentich... Trước đây nửa tiếng đồng hồ, tôi có dịp nói đến anh. Tôi nghĩ đến những nguyên nhân đã đưa anh tới Phòng Âm thính, tới làm việc với Roitman?”

Yakonov cố tình nói đến tên Roitman với một vẻ khinh mạn không cần che giấu. Y không cần cả gọi Roitman là thiếu tá trước mặt một tù nhân. Tình trạng ác cảm hổ tương giữa viên giám đốc viện và viên phụ tá giám đốc đã đi đến điểm không cần phải che giấu nữa.

Nerzhin cảm thấy thần kinh mình căng thẳng. Linh tính cho anh biết cuộc hội kiến đêm nay đã mở đầu bất lợi cho anh. Trước đây nhiều ngày, anh đã thấy nét mỉa mai này hiện trên vành môi Yakonov khi y nói với anh rằng mặc dù anh vẫn chăm chỉ làm việc, y biết anh coi thường những kết quả thu lượm được ở Phòng Nghiên cứu số bảy. Phòng Nghiên cứu này là niềm kiêu hãnh

của Yakonov, y đặt tất cả lòng tin của y vào đấy. Nhưng sự làm việc ở đó lại không tiến triển như ý muốn của Yakonov.

“... Tất nhiên là tôi phải nhận rằng kết quả cuộc nghiên cứu của anh về tiếng nói rất có giá trị...” Nerzhin nghĩ thầm: “Hắn chế nhạo mình”.

“... Và tôi rất buồn khi thấy bản báo cáo của anh không được công bố cho cả thế giới khoa học được biết, làm anh mất cơ hội trở thành một George Fetcher của Nga Xô Viết...” Nerzhin nghĩ thầm: “Hắn nhạo mình quá sỗ sàng...”.

“Tuy vậy, tôi vẫn nghĩ cách làm sao cho anh có cơ hội làm những việc hợp với khả năng của anh hơn, để cho có lợi hơn. Chắc anh biết tôi là người rất kính trọng những khoa học trù tượng nhưng tôi cũng là một người rất thực tế...”

Đại tá kỹ sư Yakonov tuy giữ một địa vị cao trong y không quá ở gần Lãnh tụ đến nỗi phải che giấu sự thông minh của y hoặc luyện thành thói quen không có ý kiến riêng.

“Tôi muốn thành thật hỏi anh... hiện anh đang làm gì ở Phòng Âm thính?”

Yakonov không thể nào đặt với Nerzhin một câu hỏi tàn nhẫn hơn. Y không thể có thì giờ xét kỹ đến tất cả mọi trường hợp, để ý đến riêng từng tù nhân. Nếu y chịu xét đến tình trạng của Nerzhin. Y đã có trả lời từ lâu.

“Anh mất thì giờ với việc nghiên cứu vớ vẩn ấy làm chi? Anh là một nhà toán học, một người xuất thân đại học. Quay lại nhìn coi...”

Nerzhin quay lại nhìn và anh vội đứng dậy. Trong phòng còn một người thứ ba nữa. Một người đàn ông trông có vẻ rất thường bần bộ y phục thường dân màu đen đứng lên từ chiếc ghế dài và đi đến gần Nerzhin. Khung kiếng mắt tròn của ông này sáng lấp lánh. Dưới vầng ánh sáng rơi xuống từ bóng đèn điện trên trần. Nerzhin nhận ra giáo sư Pyotr Trofimovich Verenyov. Trước chiến tranh, giáo sư Verenyov dạy ở trường đại học anh học. Tuy vậy, theo thói quen của cuộc sống trong nhà tù, Nerzhin vẫn đứng yên, không nói, không làm một cử chỉ. Anh đoán rằng giáo sư Verenyov cũng là một tù nhân và anh có thể làm hại ông bằng những câu nói vội vã. Verenyov mỉm cười, nhưng ông cũng có vẻ bối rối.

Yakonov nói bằng một giọng vừa trấn an vừa khuyến khích:

“Thật hay... những nhà toán học có khả năng tự chế ngự hơn người thật. Suốt đời tôi, tôi vẫn nghĩ là những nhà toán học đều ở trong một đạo giáo bí mật nào đó và tôi vẫn ân hận vì không có dịp khám phá sự bí mật ấy. Xin nhĩ vị cứ tự nhiên. Hãy bắt tay nhau và coi đây là một nơi riêng của quý vị. Tôi sẽ vắng mặt ở đây vào khoảng nửa giờ để nhĩ vị nhắc lại với nhau những kỷ niệm xưa và để giáo sư Verenyov nói với anh Nerzhin về công tác mà cả ba chúng ta cùng phải làm”.

Yakonov đứng lên từ chiếc ghế da. Cặp cầu vai nền bạc và xanh trên hai vai áo y càng làm cho khổ người vạm vỡ của ý thêm to lớn - Y đi nhanh và nhẹ nhàng ra cửa phòng. Khi Verenyov và Nerzhin đến gần hơn để bắt tay nhau, họ chỉ còn có hai người ở trong phòng.

Người đàn ông xanh xao này, người mang đôi mắt kiếng trắng phản chiếu ánh đèn sáng lấp lánh, với tù nhân Nerzhin, như một bóng ma trở về từ một thế giới đã bị quên lãng. Giữa thế giới xưa cũ đó với thế giới đêm nay có những khu rừng ở bên hồ Hmen, những ngọn đồi và những thung lũng ở vùng Orel, những trang trại trù mật ở Ba Lan, những mái nhà ngói trong những thị trấn nước Đức. Trong khoảng thời gian chín năm chia đôi hai thế giới ấy có những xà lim nhà tù tro tro sáng rực ánh đèn điện đến chói lòa hai mắt, những “thùng gỗ” của khám đường Bolshây Lubyanka, những trại giam tạm trú sắc mùi hôi thối, tanh tưởi, những toa xe chở tù Stolopyn chật ních, có những cơn gió cắt da trên những cánh đồng cỏ bao la. Tất cả những cái đó làm cho Nerzhin không sao có thể trở lại được là anh sinh viên đứng viết một phương trình đại số trên bảng đen.

Và Nerzhin cảm thấy bối rối nhiều hơn là vui.

Hai người cùng đốt thuốc lá và cùng ngồi xuống mặt bàn nhỏ ngăn cách họ.

Đây không phải là lần thứ nhất Verenyov gặp lại một sinh viên cũ của ông từng học ông ở Đại học Mạc Tư Khoa. Nhưng cuộc gặp gỡ đêm nay có những yếu tố đặc biệt làm cho ông cũng cảm thấy bối rối: sự cô lập của Viện Nghiên cứu khoa học nằm ở ngoại ô Mạc Tư Khoa, nơi bí mật bao trùm, nơi có hàng rào dây thép gai bao quanh và người học trò cũ ít nói bật bộ y phục xanh đậm này thay vì bần y phục thường dân.

Sự bất ngờ xảy ra là Nerzhin, người trẻ nhất trong hai người, người thất bại không có danh vị

học giả lại là người đặt những câu hỏi. Những nếp nhăn quanh miệng anh hằn sâu hơn, hiện rõ. Và người đàn ông nhiều tuổi hơn trả lời từng câu hỏi, như ông ngưng ngừng vì cuộc sống vô sự của một nhà khoa học không có gì xuất sắc lắm: cuộc di tản trong thời chiến, cuộc di tản lần thứ nhất, ba năm làm việc với K., một luận án về toán học trắc đồ. Và Nerzhin trở thành lơ đãng đến độ gần như vô lễ, quên không hỏi rõ hơn về luận án khô khan của môn học cần cỗi mà ngày xưa anh từng học này. Bỗng nhiên, anh cảm thấy thương hại Verenyov. Vào thế kỷ hai mươi tư may ra luận án của Verenyov có thể có ích cho vài người, còn bây giờ thì vô phương.

Tôi không còn gì để nói với mặt trời và trái đất

Tôi chỉ nhìn thấy sự đau khổ của con người.

Bằng cách nào Verenyov vào tổ chức này? Tại sao ông lại bỏ đại học? Tôi được biết phái đến đây. Ông có thể từ chối được không? Được, có thể từ chối được nhưng lương bổng ở đây gấp đôi. Ông có con không? Bốn đứa.

Vì một nguyên nhân nào đó họ kiểm lại danh sách những sinh viên cùng khóa với Nerzhin, những người cũng như Nerzhin, thi ra trường cùng một ngày với ngày chiến tranh bắt đầu. Những người xuất sắc nhất đều đã chết trên mặt trận hoặc bị tiếng đạn, tiếng bom làm cho ngớ ngẩn. Họ là những người luôn luôn đi trước, những người không bao giờ dừng lại để nhìn mình xem mình ra sao. Và những người thời đó không ai thêm để ý, những kẻ thời đó không đáng gì cả nay đã hoàn tất được việc học cao hơn được đã giữ những chân giảng sư quan trọng ở những Viện Khoa học lớn. Còn người làm cho chúng ta sung sướng và kiêu hãnh, anh Dmitri Dmitrich Goryainov-Shakhovsky bây giờ ra sao?

Goryainov-Shakhovsky! Con người thấp nhỏ, bê bối trong tuổi già, người suốt đời mang vết phấn trắng trên tay áo, người bỏ túi chiếc khăn lau bảng vì tưởng rằng đó là ta khăn mùi soa. Ông là một huyền thoại sống của trường đại học, một huyền thoại được xây dựng bằng không biết bao nhiêu chuyện khôi hài về “nhà thông thái hay đăng trí” điển hình. Ông là linh hồn của đại học đường Warsaw. Một nửa thế kỷ làm việc cho khoa học làm ông nhận được những điện văn ca ngợi gửi đến từ Milwaukee, Captown, Yokohama. Để rồi ông bị thanh trừng trong cuộc phát động gọi là “trẻ trung hóa hàng ngũ”. Ông đi về Mạc Tư Khoa và trở lại với mệnh lệnh của Kalinin: “Đừng động đến ông già này”. Người ta đồn rằng trước đây ông già của Kalinin là tá điền của ông thân sinh ra giáo sư Goryainov-Shakhovsky.

Và không đúng đến ông thật. Họ để mặc ông muốn nói gì thì nói, muốn làm gì thì làm. Ông có thể viết một luận án về khoa học thiên nhiên trong đó ông đưa ra những bằng cứ chứng minh bằng toán học về sự có mặt của Chúa. Hoặc trong những cuộc giảng thuyết của ông về Newton, nhân vật mà ông thích nói đến nhất, ông có thể xỉ mũi trong chòm râu vàng vố của ông và nói: “Có người vừa đưa lên tôi câu hỏi như sau: Marx viết rằng Newton là một nhà duy vật. Sao giáo sư lại nói rằng Newton duy tâm? Tôi trả lời: Marx lầm. Newton tin ở Chúa, như tất cả những nhà khoa học lớn khác”.

Ghi chép những lời ông nói trong những buổi thuyết giảng ấy là một việc làm khủng khiếp. Cả đến những tốc ký viên cũng phát điên vì không sao ghi chép kịp. Vì hai chân ông yếu nên ông ngồi ngay trước bảng đen, quay lưng vào cử tọa, tay phải ông cầm phấn viết lên bảng trong khi cùng một lúc tay trái ông cầm khăn tay đi. Không ai có thể hiểu được tư tưởng của ông trong khi nghe ông giảng nhưng khi Nerzhin, cộng tác với một số bạn học, thành công trong việc ghi lại được trọn vẹn những lời ông nói và họ đọc, họ nghiền ngẫm những tư tưởng ấy suốt một đêm dài, họ xúc động đến ghen ngào khi họ thấy lấp lánh ánh sao của thiên đường.

Có chuyện gì đã xảy đến với ông? Khi thành phố R. bị oanh tạc nặng, ông già bị tiếng bom làm cho ngớ ngẩn. Ông được di tản đến Kirghizia trong tình trạng chết dở. Sau đó ông đã trở lại nhưng ông không còn dạy đại học nữa, ông dạy ở Viện Sư phạm. Vậy là ông vẫn còn sống ư? Còn sống. Hay thật. Thời gian qua, đã qua, và sẽ qua...

Vì sao anh lại bị bắt?

Nerzhin cười nhẹ:

“Còn vì sao nữa? Vì tư tưởng của tôi. Ở Nhật Bản, họ có một đạo luật cho phép người ta có thể kết tội một người chỉ vì những ý nghĩ chưa từng được nói ra của người này...”

“Ở Nhật Bản thì nói làm chi? Ở đây chúng ta đâu có luật nào như thế?”

“Có chứ. Chúng ta có. Đó là Điều 68, Khoản 10”.

Nerzhin chỉ nghe loáng thoáng những lời giải thích của Verenyov về mục đích của Yakonov khi

ý cho hai người gặp nhau. Verenyov được đặc phái tới Mavrino để xúc tiến và hệ thống hóa cuộc nghiên cứu ám số ở đây. Họ cần thêm nhiều nhà toán học và Verenyov mừng rỡ khi biết rằng ngay ở đây có sẵn một nhà toán học từng là học trò của ông, người sinh viên mà ngày xưa ông cho là có một tương lai tươi sáng.

Nerzhin lơ đãng đặt những câu hỏi liên can đến cuộc nghiên cứu và giáo sư Verenyov, hào hứng và hoạt bát khi nói đến những vấn đề toán học, trình bày những việc phải làm và ông nói đến cả những cuộc thí nghiệm nào cần phải làm, những công thức nào phải kiểm soát lại. Nhưng trong lúc ấy Nerzhin nghĩ đến những tờ giấy nhỏ anh viết đầy những dòng li ti, những ý tưởng anh đã ghi lại với sự thanh thản của tâm hồn sau chiếc bàn dài cạnh cửa anh, dưới những tia mắt cạnh gác chạn chứa tình ái của Simochka, với những tiếng thì thầm đầy khuyến khích của Rubin. Những tờ giấy nhỏ đó là những ghi chép đầu tiên trong ba mươi lăm năm làm người của anh.

Tất nhiên anh sẽ vui và dễ chịu nếu anh trước trưởng thành trong địa hạt chuyên môn của anh. Tại sao, người ta có thể hỏi, anh lại tự đưa đầu anh vào hàm răng mở rộng và nhọn hoắt của thời gian xưa cũ khi mà ngay cả những sử gia cũng bỏ trốn đến những nơi an toàn hơn? Sức mạnh gì đã thúc đẩy anh xét đoán hành động và giá trị của Người Khổng Lồ quyền uy ghê gớm đó, chỉ một cái chớp mắt của người đó cũng đủ làm cho đầu Nerzhin lìa khỏi cổ.

Và anh, anh có nên đầu hàng trước những cánh tay dài như vòi bạch tuộc của Ám số - để làm việc mười bốn giờ một ngày, không một ngày nghỉ, đầu óc đầy nặng những lý thuyết về xác suất, lý thuyết về đại số, lý thuyết về lăm lăm, một bộ óc chết, một linh hồn khô héo? Anh sẽ còn lại những gì để suy nghĩ? Sẽ còn những gì để anh học hỏi về cuộc đời?

Vẫn còn Viện Nghiên cứu Mavrino. Đây không hẳn là một nhà tù thuần túy. Ở đây có thịt trong bữa trưa, có bơ trong bữa ăn sáng. Ở đây hai tay không bị rã rời vì mỏi, những ngón tay không đông cứng vì lạnh, không phải nằm ngủ trên những tấm ván, thân thể chết cứng như khúc gỗ. Ở đây anh được nằm trên giường có nệm đàn hoàng, nằm ngủ với cảm giác thoải mái.

Nhưng tại sao phải sống suốt cả một đời dài? Sống chỉ để mà sống? Sống chỉ là việc giữ cho thân thể khỏi chết? Nếu sống chỉ có thể thôi và không còn gì khác cả, chúng ta cần sống để làm gì?

Sự khôn ngoan thúc giục: “Chịu đi” nhưng trái tim nói: “Satan, đem những thứ đó đi khỏi mặt ta”.

“Ông có biết đóng giày không?”

“Anh nói chi?”

“Tôi hỏi: Ông có thể dạy tôi thuật đóng giày không?”

“Xin lỗi, tôi không hiểu”.

“Ông sống trong một cái vỏ. Còn tôi, sau khi sống hết hạn tù của tôi ở đây, tôi sẽ đi tới những miền rừng núi xa, tôi sẽ sống ẩn dật suốt đời. Tôi không biết cách làm việc bằng hai tay, làm sao tôi có thể sống? Ở những nơi tôi sẽ đến sống đầy loài báo rừng. Ở đây tôi sẽ không cần đến lý thuyết, công chức, đến toán học...”

“Nerzhin, anh nói gì vậy? Là một chuyên viên ám số, nếu công tác đạt thành quả tốt, anh sẽ được trả tự do trước hạn kỳ, án tích sẽ có thể xóa bỏ trong hồ sơ lý lịch của anh, anh sẽ có một căn nhà ở Mạc Tư Khoa”.

“Họ sẽ xóa án tích trong hồ sơ lý lịch của tôi?”

Nerzhin giận dữ kêu lên, đôi mắt anh cau lại:

“Tại sao ông lại nghĩ rằng tôi mong họ ban cho tôi món quà nhỏ đó? “Vì anh làm việc tốt nên chúng tôi trả lại tự do cho anh, chúng tôi tha tội cho anh”. Không... Không thể như thế được...”

Những ngón tay Nerzhin gõ mạnh xuống mặt chiếc bàn nhỏ:

“Ông đi ngược... Họ phải nhận trước rằng họ không đúng, họ không có quyền bắt người khác vào tù chỉ vì người khác vào tù chỉ vì người khác không nghĩ như họ. Đến lúc đó chúng tôi sẽ xét xem chúng tôi có tha thứ cho họ hay không?”

Cánh cửa mở và viên chức chính quyền vạm vỡ với chiếc prince-nez vàng trên sống mũi bước vào.

“Sao? Nhị vị toán học gia? Các vị đã đi đến thỏa thuận rồi chứ?”

Nerzhin không đứng lên, anh nhìn thẳng vào mặt Yakonov khi anh nói:

“Ông có quyền quyết định. Riêng tôi, tôi nghĩ rằng công việc tôi đang làm ở Phòng Âm thánh

hãy còn dở dang”.

Vài phút sau đó trong phòng chỉ còn có một mình Yakonov đứng sau cái bàn lớn. Chỉ những ai biết rõ Yakonov mới biết rằng lúc đó y đang cáu giận. Y lẩm bẩm: “Đồ ngu. Có dịp tốt để khá hơn mà không biết. Cho mi chết...”

Cầm cây viết chì đỏ y viết lên quyển sổ trên bàn:

“Nerzhin sẽ phải đi”.

10 Tòa lâu đài huyền diệu

Trong nhiều năm - trong thời gian chiến tranh và sau đó - Yakonov ngồi vững với địa vị kỹ sư trưởng Sở Tiếp liệu đặc biệt. Y mang với một vẻ trang trọng đáng kính đôi cầu vai nền bạc viền xanh ở giữa có ba ngôi sao mà sự hiểu biết của y đã đem lại cho y. Chức vụ của y đặc biệt đến nỗi y có thể hoạt động trên một địa bàn rất rộng: đôi khi đọc một báo cáo đầy những danh từ khoa học trước những nhân viên cao cấp trong guồng máy nhà nước, đôi khi thảo luận một cách thông minh với một ngôn ngữ đầy những danh từ chuyên môn với những kỹ sư về những phát minh mới nhất. Nhìn chung, y tự tạo cho y cái uy tín là một nhà chuyên môn nhưng không phải lãnh trách nhiệm về bất cứ một chuyện gì, và mỗi tháng y được lãnh vài ngàn đồng ruble. Yakonov chủ tọa cuộc lễ khai sinh ra tất cả những phòng chuyên môn, những cuộc phát động thực hiện kế hoạch, y biến mất trong giai đoạn khó khăn của kế hoạch để rồi lại xuất hiện trước quan tài của những kẻ thất bại hoặc để choàng vòng hoa chiến thắng lên đầu những kẻ thành công.

Anton Nikolayevich Yakonov không còn đủ trẻ và đủ tự tin để mơ tưởng đến chuyện có ngày đoạt được huy chương Sao vàng hoặc giải Stalin, hoặc mỗi khi có dịp là vỗ lấy người dự án lớn, quan trọng do Tổng thống hay do chính Thủ lĩnh tối cao đưa ra. Y đã có đủ kinh nghiệm và tuổi đời để khôn ngoan lẩn tránh hệ thống rắc rối, phức tạp những xúc động, sợ hãi, âu lo do tham vọng thái quá gây ra.

Với những quan điểm đó về cuộc đời, y sống an nhàn, đầy đủ, sung sướng cho đến tháng Giêng năm 1948. Trong tháng Giêng ấy có một kẻ nào đó đề nghị với Cha chung của dân tộc Nga La Tư ý kiến chế tạo một dàn máy điện thoại đặc biệt chỉ để dành riêng cho Lãnh Tu Tối Cao dùng mà thôi. Dàn máy điện thoại đó sẽ được chế tạo sao cho không một kẻ nào có thể hiểu được Lãnh tụ nói gì, dù cho máy có bị cấm lên nghe trộm. Với ngón tay thần thánh, ngón tay vàng vì khói thuốc lá, vị Cha hiền dân tộc chỉ lên tấm bản đồ. Ngón tay đặt đúng lên Mavrino. Lúc ấy Mavrino là một xưởng chế tạo máy truyền thanh xách tay cho cảnh sát dùng. Câu nói lịch sử của Người trong dịp này là “Ta cần những máy truyền thanh này để làm gì? Để bắt kẻ trộm à? Ai thèm để ý đến bọn ăn trộm?”

Người ra thời hạn: ngày mừng một tháng Giêng 1949. Người suy nghĩ rồi nói: “Thôi được. Cho đến mừng một tháng Năm”.

Công tác này được đặt vào hàng ưu tiên số một và quan trọng số một. Thời hạn của công tác quá chặt chẽ, quá gấp rút. Ở Bộ An ninh, người ta thảo luận lý và người ta lựa Yakonov để trao cho việc đích thân đốc xuất công tác này. Yakonov cố gắng một cách vô ích để trình bày rằng y đã phụ trách quá nhiều việc và y không thể nào làm tròn được hai việc cùng một lúc. Nhưng Foma Guryanovich Oskolupov, giám đốc Nha Kế hoạch Bộ An ninh, thượng cấp trực tiếp của Yakonov, chiếu cặp mắt xanh như mắt mèo nhìn thẳng vào mắt Yakonov - và Yakonov nhớ lại vết đen trên hồ sơ an ninh của y. Chính y cũng đã từng phải ở tù sáu năm. Vì vậy, y ngậm miệng lại không dám nói gì nữa.

Từ đó - đã gần hai năm trời trôi qua - văn phòng trưởng Phòng Kỹ sư ở Tổng bộ An ninh vẫn để trống không có ai ngồi. Trưởng Phòng Kỹ sư Yakonov sống suốt ngày đêm ở Viện Nghiên cứu Mavrino nằm ở ngoài thành Mạc Tư Khoa, nơi có một tầng tháp hình lục lăng nổi cao trên mái

tòa giáo đường xưa cũ.

Thoạt đầu, việc một mình có toàn quyền quyết định mọi việc là một lạc thú, Yakonov cảm thấy khoái lạc trong việc đóng cánh cửa chiếc xe hơi Pobeda dành riêng cho y di chuyển với cử chỉ một mối. Y khoan khoái ngồi trong chiếc xe êm đưa y tới Mavrino, đi ngang người binh sĩ chào nghiêm với cây súng trên tay ở vụng gác ngoài cổng để vào tòa nhà chung quanh có dây thép gai. Cuộc sống thật dễ chịu trong mùa xuân, khi cảnh vật đều trẻ trung và tươi mơn, đi bộ dưới những hàng cây để từng sống cả trăm năm bao quanh Mavrino với một đám thiếu tá, đại úy tùy tùng. Trong thời gian đầu, những vị thượng cấp của Yakonov không ai đòi hỏi gì ở Mavrino - Yakonov chỉ có việc đều đặn gửi về Tổng bộ một lô những chương trình kế hoạch, sơ đồ và lời hứa sẽ làm trọn những "bốn phần đối với chế độ". Và vật dụng đủ thứ được tới tấp đổ xuống Viện Nghiên cứu khoa học Mavrino: những bộ phận máy radio do Nga Xô chế tạo và những bộ phận do ngoại quốc chế tạo, máy điện, dụng cụ nghiên cứu, bàn ghế, tủ, tủ sắt, một tủ sách gồm ba mươi ngàn quyển sách chuyên khoa kỹ thuật, những tù nhân chuyên viên được lấy ra từ những trại tập trung, những sĩ quan mật vụ ưu tú nhất được phái đến, những viên chức lưu trữ hồ sơ được biệt phái tới làm việc và sau cùng, một đại đội binh sĩ phòng vệ đặc biệt kéo đến. Cũng trong thời gian đầu, Yakonov phải cho sửa lại tòa nhà, làm thêm phòng, chuyển những căn phòng trong nhà y thành phòng thí nghiệm và văn phòng, xây hầm đặt máy điện. Cho đến khi những hàng cây để nở hoa vàng và tỏa ngát hương thơm, tiếng nói buồn rầu của những tù binh Đức được gửi đến làm lao công vang lên trong vườn tòa nhà.

Những tên Phát xít lười biếng đang sống nằm tù thứ tư sau chiến tranh ấy không muốn làm bất cứ một việc gì. Trước mắt những người Nga, cảnh bọn tù binh Đức chuyển những viên gạch từ trên những chiếc xe vận tải xuống là một cảnh chứng mắt chịu không nổi: chúng xếp hàng một từ xe vào đến chỗ xếp gạch, chúng chuyển tay nhau từng viên gạch chậm chạp, cẩn thận, như đó là những khối vàng nén. Chúng cố tình làm chậm như thế và chúng chỉ chuyển hết số gạch trên một chiếc xe xuống là hết ngày. Trong lúc những công nhân đặt máy thông hơi, máy sưởi ở cửa sổ và lát ván lại những căn phòng trong nhà, bọn tù binh Đức đi lang thang khắp nhà, chúng vào cả những căn phòng tối mật và đứng nhìn những thùng đồ ghi chữ Đức và chữ Anh. Bất cứ một chú học sinh người Đức nào cũng có thể đoán biết phòng thí nghiệm gì được lập lên ở đó. Rubin đã ghi tất cả những chi tiết này trong một bản báo cáo gửi đến đại tá kỹ sư Yakonov, báo cáo này ghi nhận đúng nhưng cũng rất phiền cho hai sĩ quan phụ trách an ninh ở đây - Shikin và Myshkin - (bọn tù nhận gọi hai nhân vật này bằng cái tên chung là Shishkin và Myshkin) - bởi vì lúc đó, người ta chẳng còn sửa chữa gì được nữa. Họ không thể gửi báo cáo đó lên thượng cấp vì sự sơ xuất đó là lỗi của họ. Và đến lúc đó bọn tù binh Đức đã được trở về Đức quốc. Yakonov rung mình kinh sợ khi nghĩ rằng nếu trong bọn tù binh ấy có tên nào trốn sang Tây Đức, tên đó sẽ có thể kể lại vị trí Viện Nghiên cứu này với bọn gián điệp đế quốc tư bản. Sau đó, những biện pháp bảo vệ bí mật đến tối đa được áp dụng ở Mavrino: tù nhân làm việc ở phòng thí nghiệm này không được đặt chân sang phòng thí nghiệm khác, các tù nhân không được tiết lộ những công tác nghiên cứu với nhau, trừ khi nào được ban giám đốc cho phép. Việc Yakonov được cử đi điều Viện Nghiên cứu khoa học Mavrino cũng được giữ kín ở Tổng bộ An ninh. Ở trong Bộ, hỏi đến đại tá kỹ sư Yakonov đều được yêu cầu ghi tên, cấp bậc và lý do cần gặp lên giấy và sẽ được trả lời sau. Nếu cần phải gặp những người này, bao giờ Yakonov cũng về Bộ để gặp. Y không tiếp bất cứ ai ở Mavrino.

Khi bọn tù binh Đức được gửi về nước, họ đưa tới Mavrino đám tù khác để làm lao công. Đám tù này giống hệt những tù nhân làm việc chuyên môn trong việc trừ điểm quần áo của họ do dáy hơn, rách rưới hơn và họ không được quyền ăn bánh mì trắng. Đám tù Nga này làm việc khác hẳn bọn tù binh Đức: họ vừa làm việc vừa chải rửa tục tĩu những viên gạch bay tới tấp từ trên xe vận tải xuống sân và kết quả là gần như không còn viên gạch nào lành lặn hoàn toàn. Với tiếng: "Một... hai... ba..." bọn tù Nga quăng tấm mui xe bằng vải bạt chum lên xe và chúng chui và đổ để đi về nhà giam, trên đường đi chúng đùa giỡn với những nữ tù nhân. Buổi sáng chúng được đưa đến làm việc, buổi chiều đưa trả về nhà giam.

Và tòa lâu đài huyền diệu đó, nằm riêng rẽ ở một khu ngoài thành phố, một khu tuy không thấy có gì khác lạ nhưng bọn thường dân không dám tới gần, được thay đổi gần như toàn diện: lâu đài có một bồn chứa nước, một hệ thống đốt rác tối tân, một nhà máy điện riêng, những căn phòng cửa sắt được sưởi ấm vào mùa đông và những bồn hoa tươi trong vườn cỏ.

Cũng trong thời gian đó, Viện Nghiên cứu khoa học được ưu đãi đặc biệt này mỗi ngày một phát triển lớn hơn, đông nhân viên hơn. Viện tiếp nhận cả một Viện Nghiên cứu khác với toàn thể nhân viên của viện này. Đó là Viện Nghiên cứu được trao cho thiếu tá kỹ sư Roitman chỉ huy. Viện này cũng được lập lên để nghiên cứu về điện thoại và truyền tin. Thiếu tá kỹ sư Roitman trở thành vị phụ tá của đại tá kỹ sư Yakonov. Người khai sinh và bảo vệ Viện Nghiên cứu bị sáp nhập này là đại tá Yakov Ivannovich Mamurin, nguyên Trưởng Sở Liên lạc đặc biệt và nguyên là một viên chức cao cấp, quan trọng của chính phủ Xô Viết. Trước đó ít lâu, đại tá Mamurin đã biến mất trong trường hợp bí ẩn như sau này.

Số là có một lần vị lãnh đạo Nguyên liệu tiến bộ nói chuyện bằng điện thoại với một người ở tỉnh Yenani và Lãnh Tu bất mãn vì đường dây rè rè khó nghe, khó nói quá. Người bên gọi Beria tới và nói bằng tiếng địa phương Georgian: “Lavrety... Anh để cho thằng ngu nào giữ Sở Liên lạc đặc biệt vậy? Tổng cổ nó đi”.

Và như thế là Mamurin bị tổng đi. Bị tổng đi có nghĩa là đi tù. Họ giam Mamurin vào nhà tù Lubyanka. Họ tổng y đi nhưng họ không biết sau đó phải giải quyết tình trạng của y ra làm sao, phải đối xử với y như thế nào. Họ không có chỉ thị phải làm về vụ Mamurin, không có lệnh phải xử tù Mamurin và nếu xử tù thì cho tù bao nhiêu năm. Nếu Mamurin không phải là anh em đồng chí của họ, họ đã xử y “một phần tư thế kỷ và năm năm khóa mõm”, nghĩa là tù khổ sai hai mươi lăm năm và năm năm mất quyền công dân, và tổng y đi Norilsk. Nhưng họ bị ám ảnh bởi lời nguyên: “Hôm nay tôi, mai đến bạn”, những người bạn đồng nghiệp cũ của Mamurin ngấm ngấm ủng hộ y. Khi họ biết chắc rằng Stalin đã quên Mamurin, họ dần xếp cho Mamurin đến sống ở Viện Nghiên cứu khoa học Mavrino.

Vì vậy, trong một đêm mùa hạ năm 1948, họ đưa một tù nhân mới đến Mavrino. Tất cả mọi sự kiện liên can đến tù nhân này đều khác thường: Y được đưa tới trên một chiếc xe hơi du lịch chứ không phải trên một chiếc xe Maria Đen như tất cả những tù nhân khác. Y được viên quản đốc nhà tù đích thân đi đón về, và y được mời ăn bữa đầu tiên trong nhà tù ở trong văn phòng của viên quản đốc, bàn ăn của y đêm đó có trải khăn trắng đàng hoàng.

Những tù nhân có trước trong nhà tù này nghe biết - trên nguyên thể, họ không được nghe, thấy biết gì hết nhưng trên thực tế, họ vẫn nghe, vẫn thấy và vẫn biết hết mọi chuyện - tù nhân mới đến này nói rằng y không thích ăn xúc xích và viên quản đốc lễ phép mời y chịu khó ăn nhiều cho khỏe. Một tù nhân bị đau trên đường đi tới phòng khám bệnh nghe lỏm được những lời trao đổi này. Anh trở về kể sự lạ ấy với các bạn và đám tù nhân bán tán xôn xao một lúc về sự lạ ấy. Họ đi đến kết luận là dù sao đi nữa, kẻ mới đến cũng chỉ là một anh tù. Sau đó, họ ngủ. Những sử gia của Nhà tù đặc biệt Mavrino không bao giờ xác định được rằng đêm đầu tiên ấy kẻ mới đến ngủ ở đâu. Sáng sớm hôm sau, ở một khu mà các tù nhân bị cấm không được đặt chân đến, một tù nhân chuyên viên thợ tiện, tình cờ chạm trán với một kẻ mới đến trong đêm qua.

“Ê bạn...” - Người tù thợ tiện hỏi vội với ngón tay thô chọc mạnh vào ngực kẻ mới tới - “Bạn từ đâu đến? Bị vồ ở đâu? Vì sao? Ngồi đây, hút thuốc không?”

Nhưng kẻ mới đến lùi xa người tù thợ tiện với vẻ kinh hãi khinh mạng hiện rõ trên mặt. Người tù thợ tiện trợn mắt nhìn cái đầu hói và đôi mắt trắng của kẻ mới đến, anh giận dữ nói:

“Đồ phách chó. Để rồi khi anh vào ở chung với chúng tôi anh có chịu nói chuyện với chúng tôi hay không”.

Nhưng “Phách chó” không bị nhốt vào phòng ngủ chung với tù nhân. Bên cạnh hành lang đưa tới những phòng thí nghiệm, ở tầng thứ ba, ban quản đốc làm được cho y một căn phòng nhỏ, trước đây phòng này được dùng làm phòng tối rửa hình, họ khiêng vào đó một cái giường, một cái bàn, một cái tủ, một chậu cây cảnh và một cái bếp điện. Họ gỡ những tấm ván ra khỏi khung cửa sổ, cửa sổ này không mở ra ngoài trời mà là nhìn ra một cầu thang nhỏ. Vì vậy ngay cả những buổi trưa trời nắng nhất, ánh sáng cũng không lọt được tới khung cửa sổ căn phòng nhỏ này. Cửa sổ còn có chấn song sắt. Những chấn song này có thể gỡ ra được nhưng ban quản đốc nhà tù, sau nhiều do dự, quyết định để nguyên. Những người có quyền ở đây cũng không ai hiểu rõ về tình trạng rắc rối bao quanh tù nhân này và họ cũng không biết phải xử sự làm sao cho đúng.

Từ đó, tù nhân mới tới được đặt tên là “Người mặt nạ sắt”. Trong một thời gian rất lâu sau đó không ai biết tên y là gì. không ai có thể nói chuyện được với y. Qua khung cửa sổ, những tù

nhân đi lại trên cầu thang nhỏ trông thấy y ngồi cúi đầu trong căn phòng cô đơn, hoặc đi vất vưởng như bóng một cô hồn dưới hàng cây đề trong những giờ tù nhân bị cấm ra khỏi phòng giam. Mặt nạ sắt cũng gầy gò, xanh xao như bất cứ một tù nhân nào sau hai năm bị giam cầm nhưng việc y từ chối không chịu ăn xúc xích cho người ta biết rằng không phải y gầy xanh vì thiếu ăn hay vì bị thẩm vấn.

Lại qua một thời gian rất lâu sau nữa, khi Mặt nạ sắt làm việc với phòng Số bảy, tù nhân được những viên chức tự do cho biết rằng y chính là đại tá Mamurin, người khi còn là giám đốc Sở Liên lạc đặc biệt, đã cấm không cho bất cứ ai đi ngang cửa văn phòng của y được đặt gót giày xuống sàn, nghĩa là tất cả mọi người đi qua cửa văn phòng y đều phải đi kiễng chân, nhón gót để khỏi gây ra tiếng động. Nếu không, y sẽ từ trong phòng hăm hăm chạy ra, quát lớn: “Đồ thô tục. Có biết văn phòng ai đây không? Tên là gì?”.

Về sau, người ta được biết rằng sự khổ sở của Mamurin thuộc về tinh thần. Thế giới những người tự do hắt hủi, chê bỏ y và y không thể gia nhập thế giới của những người bị tù đầy. Thoạt đầu, trong cảnh cô đơn, y đọc sách. Y đọc những tác phẩm bất hủ như quyển Chiến đấu cho hòa bình của Panferov, quyển Chàng kỵ sĩ sao vàng của Babayevsky. Y đọc Sobolev, Nikulin, rồi đọc thơ của Prokofiev và Gribachev. Và trong tâm hồn y một sự chuyển biến kỳ diệu xảy ra: y bắt đầu làm thơ. Người ta biết rằng sự bất hạnh và tình trạng đau khổ về tinh thần thường sản xuất ra những nhà thi sĩ và sự đau khổ của Mamurin sắc nhọn hơn sự đau khổ của nhiều tù nhân khác. Sống trong nhà tù đã hai năm nhưng không bị thẩm vấn cũng không bị đưa ra tòa xử, không có án, y vẫn sống giống hệt như y sống trước khi bị tù, nghĩa là tuân theo đúng những chỉ thị của Đảng, tôn thờ Lãnh tụ Tối cao. Mamurin thú thật với Rubin rằng không phải thức ăn trong nhà tù tồi tàn - (những bữa ăn của y được nấu riêng) - cũng không phải vì tình trạng phải xa những người thân trong gia đình - (mỗi tháng y được bí mật đưa về nhà riêng của y, nơi y ngủ lại một đêm) - y khổ sở và cay đắng chính là vì tình trạng Yosif Vissarionovich Stalin không còn tin cần y nữa. Y đau đớn vì y không còn là một vị đại tá, vì y bị thất sủng. Chính vì vậy mà những người như Rubin và Mamurin sống khổ sở trong tù hơn là những người tù khác thủ hận, chống đối chế độ.

Cơ quan là một đảng viên Cộng sản. Nhưng sau khi nghe những lời thở than, tâm sự của Mamurin và nhất là sau khi đọc tập thơ của Y. Rubin trở thành lẩn tránh y. Rubin vui vẻ sống với những người chỉ trích anh một cách bất công nhưng chịu chung cảnh ngộ với anh.

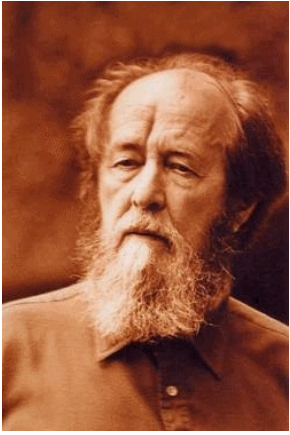
Về phần Mamurin, y bị thôi thúc vì một ý muốn, ý muốn này cũng làm cho y nhức nổ, khó chịu như những cơn đau răng da diết: ý muốn chứng tỏ giá trị con người của y qua việc làm. Nhưng than ôi, những hiểu biết chuyên môn của Mamurin về liên lạc và truyền tin, mà y từng là một viên chức cao cấp trong ngành, chỉ là việc nhắc ống điện thoại lên quay số và nói. Do đó y không sao có thể tự y làm việc được, y chỉ có thể sai khiến người khác làm việc mà thôi. Nhưng việc điều khiển một dự án nào đó do dự án của người khác làm việc ra không bao giờ có thể làm cho y chiếm lại được sự tin cần của Người Bạn Thân Nhất của công nhân truyền tin [1], y cần phải nghĩ ra một dự án riêng để đệ trình lên Lãnh tụ.

Trong thời gian Mamurin phát minh ra được điều này, Viện Nghiên cứu Mavrino đang sửa soạn thực hiện hai dự án đáng kể, hứa hẹn nhiều vinh quang. Đó là dự án chế tạo máy Vocoder, một máy đo tiếng nói, và thiết lập Phòng Nghiên cứu số Bảy.

Vì những nguyên nhân sâu xa nhưng vô lý nào đó, người ta thường có cảm tình hay ác cảm với nhau, chịu nhau hay không sao chịu nổi nhau, ngay từ giây phút gặp gỡ đầu tiên, từ cái nhìn thấy mặt nhau thứ nhất. Yakonov và Roitman có ác cảm với nhau và không chịu nhau. Thời gian trôi qua, sự ác cảm này càng nặng nề, họ như hai con vật cùng bị một bàn tay mạnh hơn đưa vào kéo chùng một cái gông, họ như hai con ngựa bị ghép chung vào một cái xe, hai con ngựa không sao thoát ra được nhưng kéo đi về hai hướng khác nhau. Khi công tác chế tạo máy điện thoại bí mật được thực hiện ở Mavrino, Roitman quy tụ tất cả những tù nhân chuyên viên xuất sắc mà y có thể quay tụ được vào làm việc trong Phòng Âm thính. Để trả đũa, Yakonov cũng nhặt nhanh tất cả những chuyên viên tài giỏi trong nhà tù về làm việc trong Phòng số bảy do y lập ra và điều khiển. Yakonov còn đem tất cả những dụng cụ khoa học tốt nhất tập trung về Phòng số bảy. Trong trận tranh chấp quyết liệt và tàn nhẫn này, Roitman có vẻ yếu thế hơn. Yakonov bắt buộc phải lập lên Phòng Nghiên cứu số bảy vì y không thể để cho Roitman làm hết mọi việc ở ngay thiết bị Viện Nghiên cứu mà y được cử làm giám đốc. Y phải chứng tỏ cho

thượng cấp biết là y mẫn cán, y có khả năng. Kể từ ngày đó Yakonov có thể có mặt trong Viện ban đêm hay không tùy ý. Và người tù cô đơn với đôi mắt nhiều tròng trắng hơn tròng đen, viên cựu đại tá từng giữ chức giám đốc Sở Liên lạc đặc biệt, người tù từ chối không chịu ăn uống, tạm dè nén hứng thơ để làm việc như một tên nô lệ cho đến hai giờ sáng trong Phòng số bảy. Chỉ có một mình Mamurin có thể làm việc được nhiều giờ như thế vì ý là tù nhân duy nhất không bị viên chức canh gác trong nhà tù này.

[1] Người Bạn Thân Nhất đây chính là Stalin. Ở Nga dưới thời Stalin ngự trị, tất cả mọi ngành công nhân đều gọi Stalin là Người Bạn Thân Nhất, cả những binh chủng cũng vậy.



11 Số bảy

Không ai nói cho những người lính chiến trên mặt trận biết rằng những vị tướng tư lệnh dự định những gì, đặt kế hoạch ra sao nhưng luôn luôn họ biết, họ biết rõ, biết đúng nữa là khác, đơn vị của họ ở trong mũi dùi tấn công chính hay là ở cạnh sườn. Cũng giống như thế, ba trăm tù nhân chuyên viên sống trong Viện Mavrino biết rằng Phòng số bảy là nơi quan trọng nhất của Viện.

Không một tù nhân nào trong Viện được quyền biết về những việc làm trong Phòng số bảy nhưng trên thực tế, tất cả mọi người đều biết. Công tác chính của Phòng số bảy là thí nghiệm và hoàn thành một máy điện thoại đặc biệt cho Lãnh tụ Tối cao dùng. Đại khái người ta hiểu là tiếng nói vào máy này sẽ bị chia cắt thành những âm thanh hỗn độn, những âm thanh này sẽ được kết tụ lại do một cái máy kách và trở lại thành tiếng nói như khi mới được phát ra. Để làm việc này người ta bắt chước những dàn máy radio đã được chế tạo của người Hoa Kỳ song người ta vẫn cứ cố tình coi đó là những gì do các kỹ sư điện tử Nga chế ra. Những đặc san và những quyển sách giải thích về vô tuyến truyền thanh, trong có những họa đồ, mẫu đồ được bán đầy những tiệm sách cũ ở New York được người ta ở đây đóng bìa da, đánh số, coi là tài liệu tối mật, được cất kỹ trong những tủ sắt kiên cố để ngăn không cho bọn... gián điệp Mỹ lấy

trộm.

Trong những cơ sở cưỡng bách lao động như Viện Mavrino, thông lệ đã có và ai cũng biết là những khoa học gia, những chuyên viên nào thành công trong việc phát minh được một bộ máy hữu ích có thể nhận được tất cả: tự do, một sổ thông hành không ghi án tích - Gọi là Sổ thông hành sạch - một căn nhà ở Mạc Tư Khoa trong khi những người khác không nhận được gì hết, không cả một ngày giam án, không có cả một ly vodka nhỏ uống mừng những người thành công.

Ở đây chỉ có hai hạng người: thành công và thất bại, ở đây không có hạng người đứng giữa.

Vì vậy, ở Viện Mavrino những người tù khôn ngoan đều tìm hết cách để được vào làm việc trong Phòng số bảy. Được vào làm việc trong phòng này họ có điều kiện để thành công.

Kỹ sư Markushev lọt được vào Phòng số bảy với tinh thần ấy, bộ mặt ma cô thô tục của y biểu lộ ý muốn được chết vì những ý tưởng của đại tá kỹ sư Yakonov. Nhiều kẻ khác là việc ở Phòng số bảy cũng có tâm trạng giống như Markushev.

Nhưng Yakonov cũng không phải là người ngu, y cũng chọn vào làm việc trong Phòng số bảy cả những người không muốn vào đây làm việc. Đó là trường hợp của kỹ sư Amantai Butalov, một người dân Tatar miền Kazan mang đôi kiếng trắng lớn gọng bằng sừng trên mắt, một người đàn ông thẳng tính có giọng cười vang nhà làm cho người khác điếc tai. Butalov bị án tù mười năm vì tội để cho quân Đức bắt được trên mặt trận và chịu cộng tác với kẻ thù nhân dân là Musa Djalil. Người thứ hai không muốn nhưng vẫn bị Yakonov đưa vào Phòng số bảy là Andrei Andreyevich Potapov, một chuyên viên siêu cao điện áp từng dự phần xây cất nhiều nhà máy điện lớn. Potapov tới Viện Mavrino vì lỗi lầm của một viên thư ký ngu dốt giữ việc sắp xếp những phiếu di chuyển tù nhân. Xong vì là một công nhân yêu việc làm và là một kỹ sư có lương tâm nhà nghề, Potapov thích hợp rất nhanh với cuộc sống ở đây và anh trở thành một chuyên viên không thể thay thế được trong việc sử dụng những dụng cụ đo lường điện tử phức tạp, chính xác và tế nhị.

Một người nữa trong nhóm người không cần xin vào làm việc ở Phòng số bảy là kỹ sư Khorobrov, một chuyên viên radio có tài. Anh được cất vào làm việc ở Phòng số bảy ngay từ đầu, khi nó chưa phát triển lớn như bây giờ. Và trong thời gian gần đây, anh đã chán nản và không gia nhập vào cuộc hoạt động tới tấp quanh anh nữa. Cũng trong thời gian gần đây, Mamurin tỏ ra khó chịu nhiều trước thái độ của Khorobrov.

Sau cùng, từ một trại tập trung cưỡng bách lao động tàn nhẫn nhất người ta đưa về một thiên tài điện tử u sầu tên là Bobynin. Kỹ sư Bobynin lập tức được coi là chuyên viên số một và được đặt ở trên tất cả mọi người. Anh sắp chết ở trong trại thì được lấy ra, đem về và trong trường hợp thành công, anh là người đầu tiên có hy vọng được trả lại tự do. Vì vậy Bobynin thức làm việc đến quá nửa đêm, nhưng anh làm việc với một vẻ trịnh trọng kiêu mạn đến nỗi Mamurin phải sợ anh. Bobynin là người duy nhất làm việc ở đây mà Mamurin tránh không nói động đến. Phòng số bảy cũng là một căn phòng dài rộng y hệt Phòng Âm thính ở tầng dưới. Phòng này cũng trang bị những dụng cụ không khác gì nhiều những dụng cụ trong Phòng Âm thính.

Mỗi ngày Yakonov đến Phòng số bảy nhiều lần... Vì vậy sự có mặt của y ở đây không gây ra tình trạng căng thẳng khi có Xếp lớn đến thăm. Chỉ có Markushev và bọn hạ tiện cùng loại với y là tỏ ra làm việc cần mẫn hơn, chăm chú hơn khi có Yakonov tới. Riêng Potapov, anh đặt những dàn điện tử của anh lên một kệ sắt kê ở cuối phòng và kệ sắt này trở thành bức vách ngăn anh với mọi người trong phòng. Potapov ngồi ở đó như ngồi riêng hảnh một nơi cách biệt. Anh làm việc chậm rãi, cẩn thận và đúng lúc Yakonov bước vào, anh đang chế tạo một chiếc hộp đựng thuốc lá bằng Plastic đỏ để biếu một người làm quà sinh nhật vào sáng hôm sau.

Mamurin đứng lên chào đón Yakonov như chào đón một người ngang hàng. Y không bận bộ đồng phục màu xanh đậm của tù nhân, bộ quần áo y bận là một bộ hàng len đắt tiền, nhưng bộ đồ sang trọng này cũng chẳng làm cho khuôn mặt gầy gò và dáng người xương xẩu của y sang hơn được chút nào.

Có một vẻ gì đó xuất hiện trên vầng trán bóng như trái banh và trên vành môi mỏng mím chặt của Mamurin cho Yakonov biết rằng y đang vui sướng:

“Anton Nikolaich...” - Mamurin nói - “Chúng ta tiến bộ nhiều lắm rồi. Đây, ông nghe... Tôi đọc cho ông nghe...”

“Nghe” và “đọc” là hai việc thí nghiệm quan trọng được thực hiện mỗi ngày trong Phòng số

bảy trong thời gian này. Không giải thích thêm nữa, Mamurin đi về cuối phòng và đứng quay lưng lại Yakonov. Y đưa ống nói lên và đọc vào đó một bài báo. Ở đầu dây đằng kia, Yakonov mắc ống nghe lên tai và chăm chú nghe. Giữa những tiếng nói the thé của Mamurin, y còn phải nghe không biết bao nhiêu tiếng động chói tai khác. Nhưng như một người mẹ âu yếm nhìn đứa con quái thai của mình, Yakonov vẫn không nhấc ống nghe ra khỏi tai, y thấy rằng những tiếng động phá hoại ấy có vẻ êm hơn, nhẹ hơn những tiếng y vừa nghe lúc trưa nay. Bài báo Mamurin đọc qua máy truyền thanh cho y nghe là một bài báo viết về sự hỗn hào của bọn lính Yugoslav gác biên giới và sự tàn ác của tên đồ tể Tito, kẻ đã biến quốc gia yêu hòa bình này thành một lò sát sinh vĩ đại [1]. Yakonov có thể dễ dàng đoán ra được những gì y không nghe rõ, y đoán nhưng không nhớ y đoán, và việc này càng làm cho y tin chắc rằng việc truyền thanh đã tiến bộ nhiều.

Yakonov muốn trao đổi ý kiến và quan điểm về sự tiến bộ của dàn máy đang được thí nghiệm này với Bobynin. Người tù này ngồi gần y. Ngay cả lúc ngồi Bobynin cũng vẫn to lớn, đôi vai anh mở rộng và mái tóc anh cắt ngắn đúng kiểu tóc tù nhân mặc dù ở đây tù nhân muốn để tóc theo kiểu nào cũng được. Bobynin không cả ngoảnh mặt nhìn lại khi Yakonov vào phòng. Cúi trên một máy dao động đồ hình, Bobynin đang chăm chú đo đạc bằng một cây thước com phương án.

Tên Bobynin này chỉ là một tên tù không đáng kể, một thứ sâu bọ mang hình người, một tên thuộc giai cấp hạ tiện cuối cùng của xã hội. Trong khi ấy Yakonov là một viên chức chính quyền cao cấp. Vậy mà Yakonov không dám làm rộn Bobynin mặc dù y rất muốn.

Người ta có thể xây dựng những tòa nhà trăm tầng như tòa Empire State, người ta có thể làm cho quân đội Phổ có kỷ luật, suy tôn Lãnh Tụ lên cao hơn cả Thượng đế nhưng người ta vẫn không có thể áp chế được tinh thần của một số người.

Có những người lính trốn làm cho những sĩ quan chỉ huy họ phải sợ họ, có những người thợ làm cho bọn cai phải bối rối và có những người tù làm cho bọn cai ngục run rẩy.

Bobynin biết như thế và anh lợi dụng tình trạng này trong việc giao thiệp và đối phó với những kẻ có quyền.

Mỗi lần Yakonov nói chuyện với Bobynin là một lần y thấy y tìm cách lấy lòng Bobynin, tránh không làm cho Bobynin khó chịu hoặc nổi giận. Y rất bất mãn về việc này nhưng y cũng nhận thấy rằng không phải chỉ riêng mình y có thái độ đó với Bobynin, tất cả mọi người đều có thái độ như thế đối với người tù tên là Bobynin.

Nhấc ống nghe ra khỏi tai, Yakonov ngắt lời Mamurin:

“Khá lắm, Yakov Ivanich, tiến bộ khá lắm. Tôi muốn nhờ Rubin nghe coi sao. Tai hẳn tốt”.

Một người nào đó từng được Rubin khen ngợi về một chuyện gì đó có lẽ nói rằng Rubin có đôi “tai tốt”. Và lời nhận xét này được mọi người tin. Rubin là người tù trôi giạt tới Viện Mavrino cũng vì một sự lầm lẫn. Từ đó anh tự làm cho anh trở thành cần thiết bằng cách phiên dịch những tài liệu chuyên môn tiếng ngoại quốc ra tiếng Nga. Tai bên trái của anh nghe được nhưng cũng không tốt gì hơn tai những người khác, nhưng tai bên phải của anh đã bị điếc vì tiếng bom nổ trên mặt trận Tây Bắc. Sau khi được đề cao là có đôi “tai tốt”, Rubin dấu kỹ không để cho ai biết rằng tai bên phải của anh đã bị điếc. Uy tín “tai tốt” làm cho địa vị của Rubin càng thêm vững chắc trong Viện Mavrino, và anh làm cho địa vị này vững chắc thêm bằng một bài khảo cứu nhan đề Âm thanh nhân tạo và hiệu thính âm điện tử trong tiếng nói Nga Ta Lư. Họ gọi điện thoại xuống Phòng Âm thính mời Rubin lên. Trong khi chờ đợi, họ lại học và lại nghe. Đây là lần thứ mười trong ngày họ đọc và nghe như thế. Markushev, với đôi lông mày nhìn lại và đôi mắt mệt mỏi vì chú ý, mùng ống nói lên một lúc và trịnh trọng nói rằng có sự tiến bộ, rất nhiều tiến bộ. Dyrsin gượng cười như người xin lỗi và gật đầu. Bulatov nói lớn rằng họ sắp đi đến thành công lúc hai chuyên viên điện khi nghe chung một cặp ống nghe cùng nói bằng một giọng tin tưởng rằng âm thanh đã rõ hơn nhiều lắm.

Bobynin vẫn tiếp tục đo trên dao động đồ, anh vẫn không ngừng đầu lên nhìn.

Đôi kim đen trên mặt chiếc đồng hồ treo tường lớn đã chỉ 10 giờ 30. Chỉ còn nửa tiếng nữa mọi công việc trong Viện sẽ ngừng trừ Phòng số bảy, những tập đặc san được đánh số và coi như tài liệu tối mật sẽ được cất vào tủ sắt và bọn tù sẽ về phòng ngủ, những viên chức tự do sẽ vội vã đi đến trạm xe buýt. Họ sẽ phải chờ lâu mới có xe về vì ban đêm, xe buýt chạy ít.

Ilya Terentevich Khorobrov, ở cuối phòng và bên ngoài mắt nhìn của những ông xếp, nặng nề

lê chân ven theo tường về phía Potapov. Khorobrov là người vùng hoang vu nhất của miền Vyatka, gần Kai, quê anh nằm cạnh một vùng đồng lầy ruộng bao la - diện tích của vùng đồng lầy này lớn hơn toàn thể diện tích lãnh thổ nước Pháp - trong đầm lầy này có những trại tập trung đáng sợ nhất của chế độ Nga Xô Viết. Khorobrov từng có dịp nhìn thấy, và biết nhiều hơn mọi người nhưng sự cần thiết phải luôn luôn giấu kín ý nghĩ và đè nén sự đòi hỏi công lý đã làm cho tinh thần và cả thể xác anh nữa, trở thành cong queo, gù xuống, lệch lạc, làm cho vẻ mặt anh trở thành khó coi và vành môi anh rúm lại trong một đường nét thật bẩn. Sau cùng, trong cuộc bầu cử thứ nhất được tổ chức sau chiến tranh, anh không còn chịu đựng được nữa và anh viết bảy những hàng chữ rửa của giới nông dân thô tục lên tấm phiếu bầu, những lời chữ rửa này được anh tặng cho vị Lãnh tụ Tối Cao, vị Thiên Tài của những Thiên Tài. Đó là thời những căn nhà đổ nát không được sửa chữa lại và ruộng nương không được cày vì thiếu người. Trong cả một tháng trường sau ngày bầu cử nhiều nhân viên mật vụ trẻ tuổi nghiên cứu nét chữ viết của tất cả những người đi bầu trong vùng và họ bắt được đúng kẻ viết bảy là Khorobrov. Anh đi tù với niềm ngây ngô là từ nay anh sẽ được dịp nói hả hê những điều anh muốn nói - ở tù rồi còn sự gì nữa - nhưng cuộc sống trong tù vẫn không cho anh tự do chữ rửa như anh tưởng. Cả đồng chí điểm viên thi nhau báo cáo về Khorobrov và rất sớm, anh nhận thấy rằng anh nên ngậm miệng là hơn.

Trong Viện Mavrino, sự khôn ngoan tầm thường nhất cho Khorobrov biết rằng anh nên hòa mình vào số những người làm việc ở Phòng số bảy. Lot vào đây dù anh không có hy vọng gì được trả lại tự do nếu người ta thành công, ít nhất anh cũng được hưởng một đời sống vật chất tương đối sống được. Nhưng sự bất công, vô lý của những trường hợp bị tù của những người khác mà anh đã ở thấy đây làm cho Khorobrov buồn nôn, anh đã đi tới giai đoạn một người không còn muốn sống nữa.

Đi tới chỗ Potapov ngồi, Khorobrov cúi lưng trên bàn và nói bằng một giọng bình thản:

“Andreich... Nghỉ thôi. Đêm nay là đêm thứ Bảy”.

Potapov vừa gắn cái chốt gài hai nắp hộp đựng thuốc điếu vào nhau, cái chốt này màu hồng. Anh nghiêng đầu ngắm vật thủ công do chính ta anh làm ra và hỏi:

“Thấy sao, Terentich? Hai màu này hợp nhau chứ?”

Không thấy Khorobrov trả lời, Potapov ngược mắt nhìn người bạn tù. Ánh mắt anh dưới làn kiếng trắng dày nhân từ như ánh mắt bà ngoại nhìn anh cháu.

“Vội gì, Terentich. Thời gian làm việc cho chúng ta. Anton sắp ra về và chúng ta sẽ biến vào không khí ngay lập tức...”

Anh nhấn mạnh ba tiếng “ngay lập tức” như đó là những tiếng quan trọng.

Rubin đã có mặt trong phòng. Bảy giờ là mười một giờ đêm, ngày làm việc đã chấm dứt, Rubin đang muốn về giường ngủ đọc Hemingway. Nhưng muốn tỏ ra chú ý đến việc làm của Phòng số bảy, anh hoặc Markushev đọc đi đọc lại những câu mà anh cho là có nhiều âm thanh cần kiểm soát nhất. Anh ra hiệu bằng tay cho Markushev đọc to hơn, đọc nhỏ hơn, như đó là những việc rất quan trọng. Sau cùng, anh gỡ ống nghe ra khỏi tai và tuyên bố rằng theo anh sự tiến bộ tuy có rõ rệt đấy nhưng vẫn còn nhiều khuyết điểm lắm.

Mọi người ồn ào lên tiếng tán thành và bày tỏ sự vui mừng khi có tiến bộ. Đến lúc này, Bobynin mười ngừng mặt lên khỏi bàn dao động đồ và nói bằng giọng nói trầm tĩnh, ngạo mạn đặc biệt của anh:

“Ngốc. Tiến lên được một bước. Các anh làm việc mò mẫm như thế làm sao có thể thành công được. Phải có phương pháp, phải biết trước mình sẽ làm gì, mình đi tới đâu”.

Dưới cặp mắt nhìn nghiêm khắc không chút rung động của Bobynin, tất cả mọi người trong phòng đều im lặng.

Sau bức vách sắt làm bằng kệ sắt xếp đầy máy, Potapov dán khóa gài vào nắp hộp đựng thuốc điếu. Potapov từng sống ba năm trong trại tù binh Đức và anh chỉ sống sót được ở đó nhờ tài chế tạo những chiếc bật lửa, hộp đựng thuốc điếu và tẩu gắn thuốc điếu tuyệt đẹp bằng những vật dụng vứt đi. Anh chế tạo chúng mà không cần có dụng cụ gì cả, chỉ hoàn toàn bằng những ngón tay thần diệu của anh.

Không có một ai trong phòng tỏ vẻ muốn về nghỉ mặc dù ngày mai sắp đến là một ngày chủ nhật.

Đúng lúc ấy Khorobrov đứng thẳng người lên. Anh đặt tập tài liệu được phát cho anh nghiên

cứu lên mặt bàn của Potapov để chờ cất vào tủ sắt, rồi anh đi về phía cửa phòng. Anh lặng lẽ đi ngang đám người xúm xít quanh cái máy được gọi là “Máy cắt âm thanh”.

Mamurin, mặt xanh mướt trợn mắt nhìn theo Khorobrov:

“Ylia Trentich... Tại sao anh không chịu nghe? Mà anh đi đâu vậy?”

Không vội vã Khorobrov từ từ quay lại, với nụ cười méo mó trên vành môi rúm, anh trả lời rõ ràng từng tiếng:

“Tôi không muốn nói lớn nhưng nếu ông nhất định đòi biết, tôi xin nói: ra khỏi đây tôi đi tới phòng vệ sinh. Nói rõ hơn: tôi đi tiểu tiện và đại tiện. Sau đó, nếu không có việc gì bất ngờ xảy ra, tôi đi về phòng giam và nằm xuống ngủ”.

Trong bầu không khí im lặng nặng nề đè xuống gian phòng sau câu nói đó, người ta nghe tiếng cười giòn của Bobynin, người không cười mỉm bao giờ, vang lên.

Việc làm của Khorobrov được coi như một hành động nổi loạn.

Mamurin bước tới để đánh Kinh, y rít lên:

“Anh nói gì? Về ngủ? Tất cả mọi người đều làm việc trong khi anh về ngủ?”

Khorobrov đặt tay lên nắm đấm cửa, anh trả lời như người đang ở vào tình trạng gần mất tự chủ:

“Phải, đúng thế - tôi về ngủ. Hôm nay tôi đã làm việc đủ 12 tiếng đồng hồ do Hiến pháp qui định rồi. Tôi làm việc đã đủ”.

Anh có vẻ sắp nói thêm một câu gì nữa, và câu này sẽ là một câu không còn gì có thể cứu vãn được, cánh cửa phòng bỗng mở ra và người sĩ quan trực bước vào báo:

“Thưa đại tá... có điện thoại trên Tổng bộ gọi đại tá”.

Yakonov vội đứng lên và đi ra khỏi phòng trước cả Khorobrov.

Một lát sau, Potapov tắt đèn trên bàn, anh đặt tập tài liệu được trao cho anh cùng tập tài liệu của Kinh lên mặt bàn của Butatov và khập khiễng đi về phía cửa. Anh đi khập khiễng vì chân trái anh bị thương vì một tai nạn xe máy dầu xảy ra trước chiến tranh.

Phụ tá Tổng trưởng Bộ An ninh Sevastyanov gọi điện thoại tới ra lệnh cho Yakonov phải có mặt ở Bộ vào lúc 12 giờ đêm nay.

Yakonov trở về văn phòng của y. Y cho Nerzhin về và mời Verenyov cùng về thủ đô trong xe hơi của y. Y bận áo ngoài, mang bao tay và trở lại bàn viết. Dưới hàng chữ “Nerzhin sẽ phải đi”, y viết thêm:

“Cả Khorobrov nữa”.

[1] Yugoslav là Nam Tư và là người lãnh đạo Nam Tư, Tito, bị Stalin ghét nhất.

12 Một người không thể nói dối

Khi Nerzhin đi trở lại phòng âm thính với cảm giác mơ hồ rằng việc anh vừa làm không sao còn cứu vãn hay sửa chữa được, tâm hồn còn dao động, anh thấy Rubin không còn có mặt trong phòng nhưng tất cả những người khác còn nguyên trong đó. Valentulya, đứng trên lối đi

hai bên xếp cao những dàn máy truyền tin, chiếu cặp mắt sáng, linh động, nhìn anh.

“Đừng vội, chàng trẻ tuổi...”

Valentulya giơ tay lên ngăn Nerzhin lại như một viên cảnh sát chặn một chiếc xe hơi đang chạy:

“Người ta gọi anh có việc gì vậy? *Qu’est ce que c’est que c’est passé?*” (có chuyện gì xảy ra vậy?)

“Đừng lắm chuyện Valentine...”

Nerzhin cau có lẩn tránh câu hỏi. Anh không thể nào nó cho gã trẻ tuổi đầy kiêu mạn này biết rằng anh vừa từ chối cơ hội hiếm có được làm việc với khả năng toán học chuyên môn của anh.

Valentine vẫn vui vẻ:

“Nếu anh có vấn đề gì nan giải, tôi khuyên anh nên mở nhạc khiêu vũ. Anh đã đọc bài thơ của anh chàng thi sĩ trên là gì đó nhỉ? Anh chàng thi sĩ chụp hình với điều thuốc lá gắn trên môi đó...”

Cảnh sát của tôi

Bảo vệ tôi

Trong khu vực hạn chế

Ôi... đời sống đẹp biết chừng nào...

Nói thực với anh, chúng ta còn đòi hỏi hơn ngoài nhạc khiêu vũ?”

Nói xong, không chờ Nerzhin trả lời, Valentine đã nghĩ ngay sang chuyện khác. Quay về cuối phòng, Valentine gọi lớn:

“Vadka... Làm ơn cắm điện vào máy cho tôi...”

Đi gần tới bàn mình, Nerzhin nhìn thấy rõ sự lo âu hiện trên mặt Simochka. Nàng trở mắt nhìn anh, dò hỏi, không cần che giấu và đôi lông mày của nàng nhú lại.

“Gã Râu đen đi đâu rồi, Serafima Vitalyevna?”

“Anton Nikolayevich gọi anh ấy lên Phòng số bảy” - Simochka trả lời lớn để cho tất cả mọi người trong phòng cùng nghe, xong nàng lại nói lớn - “Gleb Vikentich... Chúng ta kiểm soát lại bản danh sách âm thanh này. Còn nửa giờ nữa mới hết giờ”.

Nerzhin nhìn quanh và hỏi lại:

“Ồn ào như vậy làm sao có thể làm việc ấy được?”

“Ờ... vào phòng ghi âm...”

Simochka đã sắp đặt trước việc này. Nàng liếc nhìn Nerzhin để ra hiệu và cầm bản danh sách, nàng đi vào căn phòng kiếng nhỏ xíu ở cuối phòng trước Nerzhin.

Nerzhin đi theo nàng vào đó. Anh với tay đóng cánh cửa lại, gài khóa cẩn thận và buông tấm màn che xuống. Simochka bá lấy cổ anh, nàng đứng nhón gót để hôn lên môi anh.

Trong lòng căn phòng hẹp không còn chỗ để cho hai người xoay chuyển. Nerzhin nhắc bổng người thiếu nữ gầy và nhẹ lên, anh ngồi xuống chiếc ghế duy nhất trong phòng và đặt nàng ngồi lên đùi anh. Họ ngồi ôm nhau như thế trước ống micro và tập danh sách bị vứt ở góc bàn.

“Anton gọi anh lên làm gì? Có việc gì vậy?”

Nerzhin thì thầm:

“Máy phóng thanh có mở không đấy? Coi lại xem. Đừng để cho cả phòng nghe tiếng mình nói”.

“Chuyện gì?”

“Sao em lại cho rằng có chuyện gì xảy ra?”

“Em biết ngay có chuyện khi họ gọi anh. Lúc anh trở về, chỉ nhìn mặt anh em biết ngay. Chuyện gì?”

Anh cảm thấy hơi nóng từ da thịt nàng chuyển sang anh, má anh chạm vào má nàng. Cảm giác này là cảm giác hiếm có với những người ở tù. Không biết bao nhiêu năm tháng đã qua trong đời anh kể từ lần cuối cùng anh được ôm một người đàn bà.

Thế xác Simochka thật nhẹ, nhẹ một cách lạ lùng, như trong nàng không có xương, như cả người nàng đều là sáp ong. Nàng như một loài chim trông thì có vẻ lớn nhưng chỉ có toàn lông.

“Em yêu... có lẽ anh sắp phải đi...”

Nàng xoay mình trong vòng tay anh và đặt hai bàn tay nhỏ bé của nàng lên hai thái dương anh, chiếc khăn len choàng trên vai nàng trễ xuống:

“Đi đâu?”

“Sao em lại còn hỏi anh đi đâu? Anh đến đây từ vực thẳm, từ địa ngục, anh lại trở về đó. Về trại tập trung”.

“Nhưng tại sao...? Tại sao?”

Nerzhin nhìn vào đôi mắt mở lớn đang nhìn ngày chàng của người con gái mộc mạc này, người con gái mà anh không ngờ chiếm được tình yêu. Nàng còn xúc động vì số mệnh của anh hơn cả chính anh.

“Anh vẫn có thể ở lại được” - Nerzhin buồn rầu nói - “Nhưng anh sẽ phải sang Phòng khác. Dù có chuyện gì xảy ra đi nữa, chúng mình cũng không còn được gần nhau”.

Với tất cả sức mạnh của đôi vòng tay, nàng ôm ghì lấy anh, nàng đặt hết trọng lượng thân thể nhẹ bồng của nàng lên anh và nàng hỏi anh có yêu nàng không.

Trong những tuần lễ vừa qua, sau khi hôn Simochka chiếc hôn đầu, tại sao anh lại không tiến tới việc yêu nàng? Sao anh lại thương hại nàng? Sao anh lại chỉ nghĩ đến chuyện nàng sẽ khổ sở nhiều hơn là sung sướng với cuộc tình ngắn ngủi này? Dù anh có không yêu nàng, nàng cũng khó lòng tìm được một tấm chồng, dù là chồng không ra hồn, nàng sẽ rơi vào tay một gã đàn ông nào khác, bất kể là gã nào có dịp gần gũi nàng. Nàng đến trong vòng tay anh, tự nguyện hiến dâng, sẵn sàng cho anh yêu. Tại sao lại từ chối anh và từ chối cả nàng? Mai đây anh sẽ trở về trại tập trung và cơ hội hiếm có này sẽ không thể đến với anh trong nhiều năm nữa...

Anh vội vã nói:

“Anh không muốn ra đi như thế này... Anh không muốn xa em mà không để lại cho em một kỷ niệm gì của anh... Anh muốn... anh muốn cho em một đứa con...”

Nàng giấu mặt nàng vào ngực anh và anh đặt ngón tay dưới cằm nàng, âu yếm nâng mặt nàng lên.

“Em yêu, đừng giấu mặt. Nhìn anh, xin em nhìn anh... Sao em không nói? Em không thích ư? Em không chịu ư?”

Nàng ngừng đầu lên và từ tận cùng trái tim nàng, tâm hồn nàng, nàng nói:

“Em sẽ chờ anh. Anh chỉ còn năm năm? Em sẽ chờ anh năm năm? Khi nào anh được ra, anh về với em?”

Nerzhin chưa bao giờ nói với nàng như thế. Nàng đã ước mơ, nàng đã làm cong queo sự thật, nàng làm như chàng là người không có vợ. Tội nghiệp cho nàng, người con gái có chiếc mũi dài quá khổ này, nàng ao ước được lấy chồng.

Vợ Nerzhin sống ở đâu đó trong thủ đô Mạc Tư Khoa ngay gần đây, nhưng với anh, nàng cũng xa xôi như nàng đang ở trên Hoả tinh.

Và bên cạnh người con gái đang ngồi trên đùi anh, bên cạnh vợ anh đang sống ở Hỏa tinh, anh còn những trang giấy giấu trong bàn viết của anh những trang giấy ghi những hàng chữ trừu tượng đã làm anh tổn không biết bao nhiêu công phu, tâm huyết. Đó là những ghi nhận và phê phán của anh, về thời đại hậu Lenin, những tư tưởng đẹp nhất được đúc kết trong óc anh.

Nếu anh đi khỏi đây trong một chiếc xe chở tù công cộng, tất cả những công phu ấy sẽ phải làm mồi cho ngọn lửa.

Anh nên nói dối nàng, nàng nên hứa là khi ra khỏi tù, anh sẽ đến với nàng, sống với nàng. Một lời nói dối, một lời hứa như tất cả mọi người vẫn nói, như bất cứ người nào ở trong tình trạng của anh cũng phải nói. Nói dối để khi anh phải ra đi, những tờ giấy quý báu của anh sẽ được nàng giữ cho anh. Chắc chắn, không sao có thể mất được.

Nhưng anh không sao có thể nói dối được với cặp mắt đang nhìn anh chứa chan hy vọng kia. Để tránh tia mắt ấy, anh cúi xuống hôn lên đầu vai xương xẩu do những ngón tay anh mở lộ dưới áo nàng.

Một lát sau, anh do dự nói:

“Có lần em hỏi anh là anh viết những gì trên những tờ giấy nhỏ đó... Em nhớ không?”

“Nhớ. Mà anh viết gì vậy?”

Nàng hỏi anh với giọng tò mò y hệt lần hỏi đầu tiên.

Nếu nàng đừng hỏi lại anh câu đó, nếu nàng đừng tỏ ra tò mò, đừng có vẽ thúc giục anh nói, Nerzhin đã nói hết với nàng sự thật ngay lúc đó. Nhưng vẽ tò mò dục dã của nàng làm cho anh chợt nhớ đến việc đề phòng. Anh đã sống quá nhiều năm trong cuộc sống mà đề phòng trở thành một thói quen như việc hít thở khí trời, giữa những bãi mìn đầy những dây bẫy vô hình có thể làm nổ tung bất cứ lúc nào.

Đôi mắt ngây thơ, chan chứa yêu thương này có thể là đôi mắt của một nhân viên mật vụ. Lát nữa đây biết đâu nàng lại chẳng kể lại hết từng tiếng anh nói với tên sĩ quan thượng cấp của

nàng.
Đột nhiên, nàng nhớ lại những chuyện đã xảy ra giữa anh và Simochka. Lần đầu tiên, chính nàng đã để má nàng chạm vào má anh trong phòng ghi âm này. Biết đâu đó lại chẳng phải là một hành động cố ý? Biết đâu nàng lại chẳng nhận được lệnh phải làm như thế? Biết đâu tất cả mối tình này lại chẳng là một cái bẫy?
“Đó là những tài liệu anh ghi về lịch sử” - Nerzhin trả lời mơ hồ - “Lịch sử nói chung kể từ đời vua Peter. Chẳng có giá trị gì với người khác nhưng có giá trị với riêng anh. Anh sẽ tiếp tục viết cho đến khi nào Yakonov tổng cổ anh ra khỏi đây. Nhưng nếu anh phải đi, không biết anh có thể nhờ ai giữ gìn anh”.
Đôi mắt Nerzhin bây giờ nhìn sâu vào mắt Simochka, nhưng anh nhìn không phải là để xúc động, để tỏ tình mà là để dò xét.
Simochka bình thản mỉm cười:
“Anh còn phải hỏi nữa sao? Đưa cho em, em giữ cho anh. Anh cứ viết đi. Đừng sợ”.
Và nàng hỏi câu hỏi nàng muốn hỏi từ lâu nhưng vẫn sợ phải nghe câu trả lời:
“Nói cho em biết... vợ anh... đẹp lắm phải không?”
Tiếng chuông máy điện thoại nổi liên phòng ghi âm với phòng thí nghiệm bên ngoài chọt reo làm đôi tình nhân giật mình. Simochka mở máy khuếch âm trước khi nhắc ống nghe để trả lời người gọi vào bên ngoài. Nàng ngồi đó, đôi má đỏ hồng, y phục sộc sệch và nói vào máy như người đang bận rộn với việc đọc bản danh sách âm thanh “Dop, fskop, sthap”. Những người ở bên ngoài sẽ nghe thấy những tiếng nàng vừa nói.
Nàng nhắc ống điện thoại và trả lời:
“Chi đó Valentine Martynich? Ông đèn đôi diode-triode ư? Anh cần gấp không? Mình không có sẵn đèn 6G7 nhưng đèn 6G2 thì có. Được, để tôi đọc xong sẽ lấy cho anh... Droot, moot, shoot...”
Nàng tắt máy và vuốt nhẹ má Nerzhin:
“Em phải ra thôi. Họ nghĩ... Cho em ra...”
Nhưng nàng không có vẻ gì là muốn ra khỏi đó.
Nerzhin hôn nàng, anh ôm ghì lấy nàng chặt hơn.
“Em không đi đâu hết. Ở đây, anh... anh muốn...”
“Đừng. Họ đang chờ em. Em còn phải cất tài liệu...”
“Ngay bây giờ...”
Anh đòi hỏi. Và anh hôn nàng.
“Ngay bây giờ thì không thể được...”
“Bao giờ? Bao giờ?”
Nàng ngoan ngoãn trả lời anh như lời anh hỏi là một mệnh lệnh:
“Thứ hai. Thứ hai em lại trực. Em trực thay cho Lyra. Anh đến đây sau giờ ăn trưa. Chúng mình sẽ có cả một giờ đồng hồ. Chỉ sợ gã khùng Valentulya giờ trò đến làm việc”.
Trong lúc Gleb Nerzhin mở cửa, Simochka vuốt lại mái tóc, sửa lại y phục, gài lại nút áo và nàng bước ra khỏi đó trước anh, dáng điệu kiêu kỳ và vẻ mặt lạnh lùng.

13 Ánh sáng xanh

“Có đêm tôi sẽ quăng cái giầy lên bóng đèn xanh kia. Nó làm tôi chịu không nổi”.
“Anh sẽ ném trật”.
“Gì mà trật? Sáu thước mà trật sao? Tôi cá với anh phần trảng miệng trái cây trưa mai là tôi ném trúng đây”.
“Nằm ở giường dưới này ném. Xa hơn một thước đấy...”
“Bảy thước cũng trúng như thường. Bọn quái quỷ... Không biết chúng còn nghĩ ra những gì để hành hạ mình nữa? Ánh đèn này rọi vào mắt tôi suốt đêm”.

“Đèn xanh mà?”

“Thì xanh chứ sao. Bộ anh thì không chói mắt sao? Ánh sáng cũng có sức ép. Lebedev phát minh ra chuyện ấy. Aristip Ivanich... ngủ chưa? Chưa ngủ thì làm ơn đưa cho tôi cái giấy của tôi...”

“Tôi sẽ đưa giấy cho anh. Vyascheslav Petrovich, nhưng trước hết, anh phải nói cho tôi biết tại sao anh lại không chịu ánh đèn xanh?”

“Ánh sáng xanh phát ra những làn sóng ngắn, và những làn sóng ngắn có nhiều lượng tử. Lượng tử làm hại mắt tôi”.

“Vớ với tôi, ánh sáng xanh rất dịu, rất mát. Nó gọi cho tôi nhớ lại ánh đèn ngày xưa mẹ tôi thắp trên bàn thờ ban đêm, khi tôi còn thơ...”

“Mẹ ời... Làm sao loài người có thể thực hiện được chế độ dân chủ? Làm sao thỏa mãn được tất cả mọi người? Vì mỗi người có một ý riêng, những sở thích riêng. Tôi nhận thấy trong một phòng giam, những vấn đề giản dị nhất thường gây ra những trận xung đột ý kiến gay gắt nhất. Chẳng hạn như việc chén đĩa, việc quét nhà. Tự do sẽ là giai đoạn cuối cùng của nhân loại. Hỡi ời, chỉ có gậy gộc mới có thể cho loài người biết được sự thật mà thôi”.

“Đúng đấy. Nhưng việc đặt bóng đèn xanh ở chỗ này cũng được lắm chứ? Nơi đây trước kia là bàn thờ mà”.

“Không phải là bàn thờ. Đây tầng tháp tròn ở trên bàn thờ. Họ làm thêm ở đây một sàn phòng”.

“Dmitri Aleksandrovich... Anh làm cái gì vậy? Mở cửa sổ trong đêm tháng Chạp! Vừa thôi chứ?”

“Thưa các bạn... dưỡng khí làm cho những tù nhân trở thành bất tử. Có tới hai mươi tư gã đàn ông trong căn phòng nhỏ này và ngoài kia trời không có gió, không có sương tuyết. Tôi chỉ mở hé bằng một quyển Ehrenburg [1]”.

“Mở lớn hơn đi. Trong này ngột thở lắm”.

“Bạn mở hé bằng chiều dày một quyển Ehrenburg hay bằng chiều cao?”

“Bằng chiều cao chứ. Cửa sổ này lớn lắm mà”.

“Mình có thể phát điên lên vì phải sống ở đây lắm. Áo lạnh của tôi đâu rồi?”

“Nếu tôi có quyền, tôi sẽ cho hết những anh nghiện dưỡng khí này đến Oimyakon làm khổ sai ngoài trời. Làm việc mười hai tiếng đồng hồ một ngày ở một nơi lạnh sáu mươi độ dưới số không, các cậu sẽ chui hết vào vào chuồng dê để trốn lạnh”.

“Trên nguyên tắc, tôi không chống lại dưỡng khí, nhưng tại sao lại cứ phải là dưỡng khí lạnh? Tại sao không có dưỡng khí ấm?”

“Có chuyện gì xảy ra trong phòng này vậy? Sao tối om thế? Tại sao họ lại tắt đèn sớm quá vậy?”

“Valentulya, anh cứ làm như anh ngây thơ lắm vậy. Một giờ sáng rồi anh vẫn còn đi lang thang chưa chịu ngủ. Nửa đêm anh cần đèn để làm gì?”

“Còn anh là một tên nô lệ cho thời trang...”

“Phòng này đầy khói. Quái thật, tại sao các anh lại phải hút thuốc lá mới sống được nhỉ? Mà anh nào cũng hút. Trời, hồi quá. Bình trà lại nguội rồi”.

“Lev đâu rồi nhỉ?”

“Gì? Hắn không nằm trên giường hắn sao?”

“Trên giường hắn chỉ có mấy chục quyển sách người không có hắn”.

“Nếu vậy chắc hắn lại ở trong nhà vệ sinh rồi”.

“Sao anh biết?”

“Trong ấy có bóng đèn điện sáng, nhà bếp bên cạnh làm cho vách phòng ấm. Chắc hắn ngồi đọc sách ở trong đó. Tôi đi rửa mặt đây, anh có cần tôi bảo gì hắn không?”

“... Sau đó chuyện như thế này: nàng trái tím mền lên sàn cho tôi còn nàng nằm ở trên giường. Tuyệt vời... Ngon ời là ngon...”

“Các bạn làm ơn cho tôi xin. Hãy nói sang chuyện khác, đừng nói đến đàn bà. Với tình trạng kiêng ăn thịt của bọn mình, đàn bà là một đề tài có hại”.

“Thôi đi các bạn họ nhà vạc, ngừng nói và ngủ đi. Chuông tắt đèn reo từ lâu lắm rồi”.

“Đúng, nhưng mà tôi chưa buồn ngủ”.

“Nếu anh muốn ngủ, anh sẽ ngủ...”

“... Ở Phi châu, tôi chiến đấu dưới quyền Rommel. Ở đó điều phiền nhất là khí hậu quá nóng mà lại không có nước”.

“... Ở Bắc Băng dương có một hòn đảo tên là Makhotkin. Makhotkin trước kia là một phi công

bay thám hiểm Bắc Băng dương. Nay hẳn ngồi tù vì tội tuyên truyền chống lại Xô Viết".

"Mikhail Kuzmich... Anh làm gì mà trở mình dữ vậy?"

"Bộ tôi không còn có cả quyền trở mình hay sao đây?"

"Còn chứ, xong anh nhớ cho rằng mỗi một chuyển động nhẹ của anh dưới đó sẽ được chuyển lên trên này lớn và mạnh kinh khủng".

"Ivan Ivanavich... anh cần phải được sống vài năm ở trại tập trung mới khá được. Ở đó mỗi lần có người trèo lên giường, nên nhớ mỗi giường nằm bốn người, là có ba anh bị xô vào nhau như đang nằm trên tàu biển. Và mỗi khi ở chiếc giường tầng dưới có ai đóng cái đinh treo màn hoặc mang một chị đàn bà về là... rầm rầm, rung rinh như động đất. Vậy mà người ta vẫn cứ ngủ được như thường".

"Tôi từng ở Auschwitz [2]. Ở đó mới thật là khủng khiếp. Họ đưa anh thẳng từ nhà ga xe lửa tới lò hơi ngột và đốt xác, có cả ban nhạc đi theo".

"Câu cá ở đó thì thật tuyệt. Đi săn cũng tuyệt. Vào mùa thu anh có thể đi trong một tiếng đồng hồ là có quyền trở về với cả chục con chim trĩ. Nếu anh đi vào rừng, anh bắn gấu. Nếu anh đi trong cánh đồng cỏ, anh bắn thỏ".

"Những nhà tù đặc biệt kiểu này được bắt đầu lập lên vào khoảng năm 1930. Năm đó người ta kết tội những kỹ sư nhóm "Promparty" tội âm mưu, tư thông với người Anh. Sau đó người ta lại muốn biến những kỹ sư ấy có thể làm được những việc gì trong nhà tù. Người điều khiển nhà tù đặc biệt thứ nhất là Leonid Konstantinovich Ramzin. Cuộc thí nghiệm là một thành công lớn. Ở ngoài nhà tù, người ta không sao có thể tụ hội được hai kỹ sư lớn hoặc hai vị đại khoa học gia cùng làm việc một nơi. Nếu chẳng may có hai vị cùng ở một chỗ các vị sẽ tranh chấp nhau vì tên tuổi, danh vọng, vì giải Stalin, và vị mạnh thế hơn nhất định sẽ đá vị kia ra khỏi sở. Vì vậy nên ở bên ngoài nhà tù tất cả những viện khoa học, những sở nghiên cứu đều chỉ có một nhóm người không có gì xuất sắc bao quanh một vị dẫn đầu tài ba. Nhưng còn ở trong nhà tù? Trong nhà tù người ta không còn bận trí đến chuyện tiền tài hay danh vọng nữa. Nikolai Nikolaich mỗi ngày được hưởng nửa ly sữa và Pyotr Petrovich cũng vậy. Cả tá khoa học gia cừ khôi như những con sư tử sống chung hòa bình với nhau trong một cái chuồng. Vì không thể đi đâu được hết, vì ngồi đánh cờ hay hút thuốc mãi cũng chán, họ rủ nhau: Sáng chế cái gì cho vui đi. Được đấy. Làm thì làm, sợ gì. Rất nhiều thứ đã được chế ra bằng cách ấy. Đó là căn bản tính của những nhà tù đặc biệt".

"Các bạn ơi... có tin mới: Bobynin vừa được họ mang đi đâu đó".

"Valentulya... Anh nói nhỏ chứ... Tôi đề cái gối này lên mặt anh cho anh hết thở bây giờ..."

"Họ mang Bobynin đi đâu, Valentulya?"

"Họ mang hẳn đi bằng cách nào?"

"Gã trung úy đến tận phòng, bảo Bobynin bận áo ngoài, đội mũ".

"Có mang tất cả quần áo đi theo không?"

"Không. Quần áo vẫn để lại".

"Chắc hẳn được đưa đi gặp Xếp Lớn rồi".

"Gặp Oskolupov ư?"

"Oskolupov lên đây chứ không cho gọi đến. Người gọi là người cao hơn Oskolupov".

"Trà nguội rồi. Khó chịu quá..."

"Anh bảo tôi làm cách nào cho tan đường?"

"Làm cách nào cũng được nhưng làm trong yên lặng".

"Chỉ có những tai họa tinh tú mới xảy ra im lặng vì tiếng động không truyền đi được ở ngoài không gian. Nếu một ngôi sao mới nổ tan ở sâu lưng anh, anh cũng không nghe thấy được tiếng nổ. Ruska, mền của anh rớt xuống sàn kia, sao anh lại nằm vắt ngang mép giường kỳ vậy? Anh ngủ sao? Anh có biết rằng mặt trời của chúng ta chỉ là một ngôi sao mới thành hình và vì vậy, trái đất sẽ bắt buộc phải tan vỡ trong một tương lai gần đây?"

"Tôi không muốn tin chuyện ấy. Tôi còn trẻ tôi muốn sống".

"Ha... Ha... Câu nói đơn sơ đến là chùng nào. C'est le mot. Hẳn muốn sống. Trà nguội uống khó chịu quá".

"Valentulya... Họ đưa Bobynin đi đâu?"

"Làm sao tôi biết. Có thể đưa đi gặp Stalin lắm ả".

"Valentulya... Nếu người ta đưa anh đến gặp Stalin, anh sẽ làm gì?"

“Tôi hả? Hô... Hô... Tôi sẽ nói với ông ấy tất cả những lời khiêu nại của tôi. Nói từ A đến Z”.

“Nghĩa là nói những gì? Kể thử vài điều ra coi...”

“Kể hết. Kể hết. Par exemple... tại sao chúng ta lại phải sống không có đàn bà. Tình trạng ấy hạn chế khả năng sáng tạo của chúng ta”.

“Pryanchikov... thôi đi. Mọi anh em khác ngủ cả từ lâu rồi. Tại sao anh lại cứ phải hét lên như vậy?”

“Tôi không muốn ngủ...”

“Các bạn, ai hút thuốc đó? Giấu đi. Gã trung úy tới đó...”

“Tên đó đến đây làm chi? Cẩn thận đó công dân trung úy. Cẩn thận kẻ ngã bễ mũi đó”.

“Pryanchikov!”

“Cái gì đó?”

“Anh nằm đâu? Anh ngủ chưa?”

“Tôi ngủ rồi”.

“Dậy mau, bận quần áo lên, lẹ lên. Nhớ bận áo ngoài, đội mũ”.

“Không. Lẹ lên. Có xe chờ anh”.

“Tôi đi cùng với Bobynin ư?”

“Hắn đi trước rồi. Có xe khác chờ anh”.

“Xe gì, trung úy ư? Xe Maria Đen chẳng?”

“Lẹ lên. Lẹ lên. Xe Pobeda”.

“Ai kêu tôi vậy?”

“Thôi đi, Pryanchikov. Tại sao tôi lại phải giải thích với anh nhỉ? Chính tôi cũng không biết ai. Mau đi”.

“Valentulya... Nhớ nói hết với họ nghe”.

“Khiêu nại với họ về quyền được tiếp thân nhân của chúng ta. Hỏi họ tại sao những tù nhân bị bắt vì Đoạn 58 lại chỉ được quyền tiếp thân nhân một năm có một lần”.

“Khiêu nại về quyền đi bộ ngoài trời của chúng mình”.

“Về thư từ...”

“Quần áo nữa”.

“Ha... Ha. Vĩnh biệt các bạn”.

“Đồng chí trung úy... Tên Pryanchikov đâu?”

“Hắn ra đây. Đồng chí thiếu tá, hắn đâu?”

“Nói thẳng với họ hết mọi chuyện, đừng khóps nghe Valentulya”.

“Đêm nay lộn xộn quá ta...”

“Chuyện gì vậy?”

“Chuyện này chưa từng bao giờ xảy ra”.

“Có thể là lại mới có chiến tranh xảy ra. Họ lôi chúng mình đi bắn”.

“Đừng vớ vẩn. Ai thềm bận tâm đến chúng mình vào giữa một hai giờ sáng? Nếu có chiến tranh, họ đã dùng đại liên đồn bọn mình cho chết hết một lúc hoặc là cho bệnh dịch vào đây...”

“Xong rồi, các bạn. Đến giờ ngủ. Sáng mai chúng ta sẽ biết rõ hết mọi chuyện”.

“... Chuyện này thường xảy ra vào năm 1930. Tới năm 1940 Beria cho gọi Boris Sergeyevich Stechkin từ nhà tù đặc biệt về. Boris không phải là loại tù trở về nhà tù tay không. Mỗi lần được gọi về như thế là phải có sự thay đổi trong nhà tù, không tên giám đốc bị thay thế thì giờ đi bộ ngoài trời được nới rộng hơn. Boris nhất định không chấp nhận sự phân chia giai cấp trong phạm vi ăn uống. Ông không chịu cái cảnh cùng sống trong tù nhưng một đại học giả được ăn trứng gà và sữa chua, một giáo sư được hưởng ba mươi gờ ram bơ trong khi một tù nhân làm lao công chỉ được hưởng một nửa thế. Boris Sergeyevich Steckhin là một người tốt, thực tốt... Cầu cho ông ấy được yên vui...”

“Ông chết rồi sao?”

“Không, họ cho ổng ra. Họ trao cho ổng giải Stalin”.

[1] Ilya Ehrenburg, văn sĩ Nga, tác giả những quyển tiểu thuyết Cơn bão, Cuộc sa đọa (La Tempete, La Chute) viết về đời sống của dân Nga và dân Đức trong Thế chiến thứ hai, được giải Văn chương Stalin.

[2] Auschwitz, tên một lò sát sinh do Đức Quốc xã lập lên để giết người Do Thái. Lò nằm trên đất Đức. Trong đó có lò hơi ngạt kiêm lò đốt xác người. Nạn nhân bị lừa vào phòng cả ngàn người cùng một lúc, bị xì hơi ngạt cho chết rồi xít lửa đốt ra tro than ngay trong đó.

14 Người đàn ông nào cũng cần đàn bà

Giọng nói đều đặn, mệt mỏi của Adamson tắt đi. Adamson là một trong số những người sống kỳ cựu nhất trong những nhà tù đặc biệt như Viện Mavrino. Đây đó trong phòng giam, thỉnh thoảng lại có tiếng thì thào của những kẻ nói tiếp câu chuyện bỏ dở. Có người ngáy lớn. Có những tiếng ngáy dữ dội vang lên rồi tắt đi.

Bóng đèn xanh gắn trên vòm trần nhà hình tròn ngay trên cánh cửa đôi tỏa ánh sáng nhạt mờ xuống mười hai chiếc giường hai tầng kê thành hình cánh quạt trong căn phòng lớn. Căn phòng này có lẽ là căn phòng duy nhất có hình thể cổ lỗ còn sót lại ở Mạc Tư Khoa. Trên nó là một mái nhà hình tròn và ở đỉnh mái là một cái tháp. Vòng theo hình tròn của mái nhà có nhiều khung cửa sổ. Những khung cửa sổ này bị đóng chặt lại nhưng không bị che kín. Ban ngày, người ta có thể nhìn qua những khung cửa sổ này ra con đường nhựa lớn và những công viên không được sửa sang cây cối rậm rạp như rừng. Từ đó vào những tối mùa hạ, người ta nghe thấy tiếng hát khêu gọi, khuấy động của những thiếu nữ thiếu đàn ông sống ở vùng ngoại thành Mạc Tư Khoa.

Nằm trên chiếc giường trên bên cạnh cửa sổ chính của văn phòng Nerzhin trần trọc không ngủ được. Và chàng cũng không muốn ngủ. Ở chiếc giường bên dưới giường anh, kỹ sư Potapov, từ lâu, đã ngủ giấc ngủ yên bình của những người vừa qua một ngày dài làm việc vất vả. Trên chiếc giường trên ở bên trái Nerzhin, người tù có khuôn mặt tròn vành vạnh tên là Zemelya nằm duỗi thẳng chân tay và ngáy ròn. Trên chiếc giường trên bên phải Nerzhin là giường của Ruska Doronin, người tù ít tuổi nhất Mavrino. Ruska cũng xoay trở trên giường và có vẻ trần trọc không ngủ được. Bên dưới chiếc giường của Zemelya là giường của Pryanchikov. Giường này trống không có người nằm vì Pryanchikov vừa được gọi đi.

Giờ đây, trong khi nằm thao thức nhớ lại từng chi tiết cuộc nói chuyện vừa qua của mình với Verenyov trong văn phòng phòng của Yakonov, Nerzhin hiểu rõ tất cả mọi chuyện một cách sáng suốt và tinh tường hơn. Việc anh từ chối tham gia công tác ám số không phải là một sự kiện ngẫu nhiên mà có, nó đánh dấu khúc rẽ quan trọng trong đời anh. Hành động từ chối của anh chắc chắn sẽ có hậu quả, và hậu quả này có thể đến sớm hơn là anh tưởng, anh sẽ phải làm một chuyến đi dài và gian khổ tới. Tây Bá Lợi Á hoặc Bắc Băng dương, đến cái chết hoặc đến cuộc chiến thắng cơ cực cái chết.

Nerzhin muốn suy nghĩ về ý nghĩa khác rẽ quan trọng này trong đời chàng. Anh đã làm được những gì trong ba năm sống tương đối đỡ khổ trong Viện Nghiên cứu này? Anh đã rèn luyện được anh đủ để có thể nhảy trở về vực thẳm là những trại tập trung hay chưa?

Và ngày sắp tới lại chính là ngày sinh nhật của Nerzhin. Anh đã được ba mươi một tuổi. (Tất

nhiên là Nerzhin không nỡ nhắc nhở cho những người bạn đồng tù của anh biết sự kiện này.) Ba mươi một tuổi phải chăng là đoạn giữa của đời anh, là đoạn cuối cùng hay cũng là đoạn mở đầu?

Ý nghĩa của anh trở thành lộn xộn. Anh không sao có thể tập trung tư tưởng vào những vấn đề thiết yếu. Mặt khác, một cảm giác yếu đuối ám ảnh tâm trí anh: thực ra, tới lúc này anh muốn sửa đổi lại cũng chưa phải là quá muộn, nghĩa là anh vẫn còn có thể ngó ý muốn gia nhập công tác ám số. Anh lại cảm thấy cái đau nhói ở trái tim khi nhớ tới những tháng dài dằng dặc không được gặp mặt vợ anh, không được nhìn thoáng thấy nàng. Đã gần một năm rồi anh không được gặp vợ. Liệu anh có thể gặp nàng một lần trước khi ra đi hay không?

Và sau cùng, ở trong anh, trỗi dậy con người tinh tế, linh động, sắc sảo, con người đã sống trong anh từ lâu, từ ngày anh còn là chú thiếu niên đứng xếp hàng chờ đến lượt vào mua bánh mì trong kế hoạch ngũ niên thứ nhất. Con người bên trong kiên nhẫn và can cường này đã chuẩn bị chờ đợi những cuộc khám xét gắt gao mà anh sẽ phải chịu trong những ngày đen tối sắp tới - anh sẽ bị khám xét rất kỹ khi anh ra khỏi Mavrino, khi anh đến những trung tâm nhận tù nhân ở Butyrskaya, rồi đến Krasnaya Presnya - con người bên trong đó cũng đã thầm nghĩ đến chuyện làm cách nào để có thể giấu được những mẫu chì nhỏ lấy ra từ những cây viết chì trong nẹp áo, làm cách nào để có thể mang theo được hết số áo quần anh hiện có ở đây - với một người tù khổ sai phải làm việc ngoài trời, mỗi một lượt vải đắp thêm được lên người là một cái gì quý báu vô giá - làm cách nào chứng minh được rằng cái muỗng bằng nhôm đi theo anh từ ngày đầu anh vào tù là vật của riêng anh chứ không phải là vật do anh lấy trộm của nhà tù này - điều khó khăn là những chiếc muỗng nhôm được dùng trong nhà tù đặc biệt này cũng gần giống hệt chiếc muỗng của anh.

Nerzhin ngồi dậy và dưới ánh sáng mờ của bóng đèn xanh, anh lặng lẽ, âm thầm chuẩn bị. Anh xếp lại quần áo, tìm trước những chỗ giấu.

Trong lúc đó Ruska Doronin, người tù trẻ nhất nằm trên chiếc giường cạnh Nerzhin vẫn xoay trở không ngủ. Đột ngột, Ruska ngồi lên và đẩy cái gối sắt vào thành giường để ngồi dựa lưng trên đó, rồi chàng mở quyển Lịch sử La Mã của Mommsen ra định đọc. Nhận thấy Nerzhin chưa ngủ, hai mắt vẫn mở nhìn thẳng lên ngọn đèn xanh trên trần nhà, Ruska thì thầm:

"Gleb... Còn thuốc lá không? Cho tôi một điếu".

Lúc thường Ruska vẫn không hút thuốc. Nerzhin thò tay vào túi chiếc áo ngoài treo ở cột giường, móc ra hai điếu thuốc lá. Họ châm lửa hút.

Ruska hút thuốc một cách chăm chú, chàng không quay lại nhìn Nerzhin. Dưới mái tóc bông, khuôn mặt Ruska vẫn có những nét hấp dẫn mặc dù bị soi sáng bởi một làn ánh sáng âm ảm như chết. Khuôn mặt Ruska luôn luôn thay đổi, có khi đó là khuôn mặt của một thiếu niên chất phác, thành thật, đôi khi đó là khuôn mặt của một người đàn ông hiểu biết, tự tin.

"Gạt tàn vào cái này..."

Nerzhin đưa cho Ruska một bao thuốc Belomor không.

Cả hai người cùng gạt chung tàn thuốc vào bao giấy đó.

Ruska mới đến Mavrino vào đầu mùa hè và Nerzhin có cảm tình ngay với người tù ít tuổi này từ phút đầu. Sự trẻ trung của Ruska gợi lên trong Nerzhin ý muốn bảo vệ, giúp đỡ.

Nhưng sự thực là mặc dù Ruska mới có hai mươi năm tuổi - (vì bị người ta kết án đúng hai mươi năm năm tù) - chàng không phải là kẻ cần được bảo vệ, che chở, hướng dẫn. Cá tính của Ruska và những quan niệm của chàng về cuộc đời đều đã được nhào nặn, trui rèn, thành hình trong cuộc sống tuy ngắn nhưng rất sôi động, bão tố của chàng - Ruska không biết gì về đời nhờ hai tuần lễ chàng sống ở Đại học đường Mạc Tư Khoa, cũng không nhờ hai tuần lễ chàng sống ở Đại học đường Leningrad - mà là nhờ hai năm trời chàng sống với một sổ thông hành giả trong lúc tên thật của chàng bị ghi trong danh sách tội phạm bị tầm nã trên khắp Liên Bang Xô Viết - (Gleb được chính Ruska tiết lộ cho biết sự bí mật này) - tiếp theo đó là hai năm tù ở. Với khả năng thích nghi với hoàn cảnh thiên phú, Ruska lập tức hiểu ngay và nắm được ngay những bí quyết để sống trong tù: chàng lúc nào cũng đề phòng, chỉ thành thật với một số rất ít người và làm cho tất cả mọi người tin rằng chàng hãy còn ngây thơ, khờ khạo như một đứa trẻ. Ngoài những tính tốt đó, chàng còn tỏ ra nhiệt thành, muốn làm thật nhiều việc trong một thời gian thật ngắn, đọc sách là một trong những việc chính của chàng.

Gleb, bất mãn vì những ý nghĩ lộn xộn và hạ tiện của chính mình và chàng không muốn ngủ, nói

nhỏ trong bầu không khí im lặng của gian phòng.
“Này... lý thuyết lịch sử đi theo vòng tròn của chú đến đâu rồi?”
Hai người từng thảo luận về lý thuyết này và Ruska đang cố ý tìm những chứng minh và công nhận trong tác phẩm của Mommsen [1].
Ruska quay lại sau tiếng thì thầm, nhưng Nerzhin hỏi quá nhỏ và chàng nghe không rõ. Đôi lông mày chàng trẻ tuổi nhíu lại trong cố gắng tìm hiểu mình vừa được hỏi gì.
“Tôi hỏi... lý thuyết lịch sử đi theo vòng tròn của chú đến đâu rồi?”
Ruska thở ra một hơi dài và vẻ cố gắng biến ngay trên mặt chàng, cả những ý tưởng ám ảnh chàng trong lúc chàng hút thuốc cũng tan đi. Chàng nằm sấp chống hai cùi chỏ xuống giường, mặt hướng về phía Nerzhin và sau khi bỏ mẩu thuốc tàn vào bao giấy, chàng nói:
“Chẳng đi đến đâu hết. Tất cả làm tôi chán ngấy. Sách với lý thuyết cũng vậy”.
Họ lại yên lặng. Nerzhin muốn nằm quay mặt sang phía giường bên kia cho đỡ mỏi nhưng Ruska đã đột ngột phát lên tiếng cười nhẹ và bắt đầu nói. Càng nói, chàng càng nói nhanh hơn và thêm hào hứng:
“Lịch sử đều đều, phẳng lặng, không có sự kiện gì lạ đến nỗi làm cho tôi cảm thấy tiếc thì giờ khi đọc lại nó. Ở đâu và ở thời nào cũng vậy, mỗi người càng lương thiện, càng đức hạnh chừng nào càng bị những kẻ đồng thời đối xử tàn tệ chừng ấy. Cassius Vecellinus, Nhiếp chính quan La Mã, muốn phát đất ruộng cho quần chúng và quần chúng treo cổ ông ta. Spurius Maelius muốn làm cho dân đói bớt đói và người ta xử tử ông vì tội âm mưu chiếm đoạt ngôi vua. Nhiếp chính quan Marcus Manlius bảo vệ được điện Capitol khỏi bị tàn phá để rồi bị xử tử vì tội phản bội. Anh thấy không?”
Ruska cười cay đắng và ngạo mạn:
“Và khi nhớ lại anh hùng Hannibal, nếu không có người, chúng ta có thể sẽ không bao giờ nghe nói đến cái tên thành Carthage, bị lưu đày vì chính Carthage, sản nghiệp của ông bị tịch thu và tòa nhà ông từng sống bị đập phá thành đất bằng. Tất cả những gì đang xảy ra bây giờ đều đã xảy ra trước đây. Họ nhốt vào hào Gnaenus Naevius vào tù để ngăn không cho ông sáng tác những vở kịch can đảm đề cao tự do của con người. Và bọn Aetolia ban hành lệnh đại ân xá giả để đánh lừa những người di cư tị nạn trở về và giết họ. Ngay cả ở La Mã thời cổ người ta đã khám phá ra sự thật, nhưng sau đó người ta lại quên đi, là việc để cho bọn nô lệ đói khổ, là việc có hại cho bọn chủ nhận nhiều hơn là có lợi. Tất cả lịch sử chỉ là một chuỗi dài những thói tha liên tục, kế tiếp nhau. Ở đó không có sự thật mà cũng không có ảo vọng. Con người không thể trông đợi vào đâu và cũng không thể đi được đến đâu hết”.
Trong làn ánh sáng xanh leo lét, chập chạc, sự rung động, hoài nghi bi quan trên làn môi của người trẻ tuổi có một vẻ thâm trầm đáng kinh sợ.
Chính Nerzhin đã gieo những tư tưởng hoài nghi ấy vào óc Ruska nhưng giờ đây khi nghe Ruska nói như thế, anh lại muốn chống đối. Trong số những người bạn tù đồng tuổi. Nerzhin vẫn nổi tiếng là người chuyên môn đập phá những thần tượng, nhưng ngay lúc này anh thấy anh có trách nhiệm với người trẻ tuổi này. Vì vậy, anh ngồi nhô người sang giường của Ruska để có thể nói nhỏ mà Ruska vẫn nghe rõ.
“Ruska... Tôi cần phải nói trước để chú biết, bất cứ chú hoài nghi và bi quan đến chừng nào chú cũng phải nhìn nhận rằng mục đích chính của những người bây giờ là làm cho chúng ta mất tinh thần. Họ chỉ áp dụng lại những biện pháp đàn áp xưa vì họ thấy những biện pháp ấy vẫn còn đem kết quả như ý họ muốn lại cho họ”.
“Cho tôi xin điếu nữa” - Ruska nói - “Có lợi gì cho họ khi họ ngăn cản không cho tôi học thêm? Tôi có thể tốt nghiệp đại học và học cao hơn. Tôi có thể trở thành một khoa học gia. Tôi có thể viết ra những quyển sách dày, thật dày. Tôi có thể thực hiện những cuộc khảo cứu như... khảo cứu về hệ thống hành chính quận lý thời cổ ở Novogrod hoặc về trận chiến tranh giữa Caesar với dân Helvetia. Có biết bao nhiêu là nền văn hóa trên trái đất này! Bao nhiêu ngôn ngữ, bao nhiêu quốc gia! Trong mỗi quốc gia có biết bao nhiêu người thông minh, biết bao nhiêu là quyển sách hay được viết ra... Và tình yêu...”
Tiếng nói của Ruska vẫn thì thầm, vẫn khàn khàn nhưng như bay vút lên trời cao khi chàng nói đến tình yêu:
“Tình yêu. Con người phải có tình yêu. Con người phải yêu. Không yêu lịch sử hay yêu lý thuyết mà là yêu một người đàn bà”.

Chàng nắm lấy tay áo Nerzhin, giọng đau đớn thê thảm và khẩn thiết:
“Họ tước đoạt của chúng ta những quyền gì? Thực sự ta bị mất những quyền gì? Nói tôi nghe coi... quyền đi dự mít tinh, quyền mua quốc trái? Điều duy nhất mà Lão Ma Đầu có thể làm chúng ta đau đớn là điều làm cho đời sống của có thể thiếu đàn bà. Và lão đã làm điều ấy. Trong hai mươi năm năm trời! Thằng chó đẻ! Ai có thể tưởng tượng được...”
Chàng nắm hai bàn tay lại tự đâm lên ngực:
“... một người đàn bà có nghĩa như thế nào với một người đàn ông bị tù?”
“Coi chừng. Cứ nghĩ như vậy chú sẽ phát điên đó...”
Nerzhin cố gắng tự trấn tĩnh nhưng một làn sóng đột ngột đến làm cho tâm hồn anh quay cuồng khi anh nhớ tới Simochka, tới lời hẹn hò ngày thứ Hai sắp tới của nàng, anh nói tiếp:
“Quên ngay ý nghĩ đó đi. Nó có thể làm cho óc chú tê liệt. Mặc cảm Freud hay gì đó... Mẹ kiếp không biết bọn ở ngoài gọi nó bằng cái tên quái quỷ gì. Chuyển năng lực tinh thần của chú sang những địa hạt suy tưởng khác. Tập trung vào triết học. Chú sẽ không cần đến bánh mì, đến nước, đến đàn bà khi chú suy tưởng về triết học”.
(Nhưng thứ hai này. Chuyện rất thường của những cặp vợ chồng yêu nhau trở thành sự thèm khát bốc cháy trong trái tim một người tù.)
“Óc tôi đã tê liệt rồi. Tôi sẽ không sao ngủ được cho đến sáng. Một người đàn bà. Tất cả mọi người đàn ông đều cần có một người đàn bà. Cảm thấy nàng rung động trong tay mình. Thấy... Trời ơi... trời...”
Ruska buông rơi mẫu thuốc hầy còn cháy dở trên tấm mền và không biết và quay vội đi. Chàng nằm úp mặt xuống gối, kéo mền lên phủ kín đầu.
Nerzhin lượm được mẫu thuốc trước khi nó rơi xuống giường của Potapov bên dưới. Anh dụi mắt nó và bỏ vào bao giấy. Anh chỉ còn phải sống có một ngày, một đêm nữa là được gần Simochka. Trong khoảnh khắc anh tưởng tượng ra tất cả những chi tiết những gì sẽ xảy ra trong ngày thứ Hai. Rồi anh rùng mình gạt bỏ ý nghĩ đó ra khỏi óc. Nghĩ đến nhiều chuyện đó, anh cũng có thể phát điên. Anh ghé miệng xuống tai Ruska:
“Ruska... Chú... sao? Chú có... người... nào chưa?”
“Có. Có chứ. Tôi có...”
Ruska khổ sở trả lời trong tiếng thì thào ghen ngào. Chàng nằm ngửa trở lại và ôm xiết cái gối trong vòng tay. Chàng thở vào đó và hơi ấm của chiếc gối, và sức mạnh của tuổi trẻ chan chứa trong cơ thể chàng, sức mạnh bị dồn ép tới chỗ héo quắt, tàn tạ - tất cả làm cho người chàng nóng ran, sứ sống trong tấm thân thể trẻ trung nhưng bị tù đầy của chàng đòi hỏi được giải thoát. Chàng nói: “Tôi có”... và chàng nồng nàn muốn tin là chàng đã có... Xong, chàng biết rõ hơn ai hết là chàng vẫn chưa có. Những gì xảy ra chưa có gì đáng kể. Chàng chưa được hôn nàng lấy một cái, chưa được nghe nàng hứa hẹn một lời. Nàng chỉ là người thiếu nữ đã ngồi nghe chàng nói chuyện suốt buổi tối hôm đó với vẻ mặt thiện cảm và thích thú khi chàng kể về đời chàng, người thiếu nữ thứ nhất mà trong ánh mắt nàng Ruska thấy rằng chàng được nhìn như một người hùng trong một chuyện phiêu lưu kỳ thú. Chưa có gì xảy ra giữa họ nhưng những gì đã xảy ra cũng đủ để chàng có quyền nói “có”.
“Nàng là ai?”
Gleb hỏi. Và mở hé tấm mền, Ruska trả lời từ trong bóng tối:
“Clara...”
“Clara? Cô con gái của lão tổng biện lý ư?”

[1] Theodor Mommsen, sử gia người Đức, sinh năm 1817, mất năm 1903, tác giả nhiều bộ sử về văn minh cổ Hy Lạp và La Mã.

15 Tam đầu chế gian dối

Giám đốc Sở Không Một vừa trình bày xong bản báo cáo của y với Tổng trưởng Abakumov. Cao lớn, với mái tóc đen chải ngược về sau ót, mang trên cầu vai áo cặp lon ba ngôi sao của Tướng Ủy viên Đề nghị hạng, Abakumov uy nghi chống hai cùi chỏ lên mặt bàn rộng. Y to con nhưng không mập bự - y biết giá trị của một hình dáng đẹp và đôi khi y chịu khó chơi quần vợt. Đôi mắt của y là mắt của một người không mắc lừa ai bao giờ, không ai có thể đánh lừa được. Đôi mắt ấy biểu lộ sự nhanh trí, khả năng ứng biến và bản tính đa nghi. Mỗi khi y thấy cần nói một câu nào đó trong lúc Viên Giám đốc Sở Không Một đang báo cáo, viên này vội vã ghi những lời đó xuống giấy.

Văn phòng của Abakumov, mặc dù không quá rộng, không phải là một văn phòng tầm thường. Trong phòng có một lò sưởi bằng đá vân được để lại từ ngày xưa, lò sưởi này bây giờ không còn được dùng tới nữa, và một tấm gương soi lớn kín cả một bức tường. Trần phòng đắp bằng thạch cao đắp hình hoa lá, có một dàn đèn lớn và những hình thiên thần, tiên nữ đuổi nhau vẽ nhiều màu.

(Abakumov giữ lại những hình vẽ này, chỉ những nét màu xám bị xóa đi, vì đó là màu mắt y chịu không nổi.) Phòng có một cửa ra ban-công, cửa này bị đóng kín trong hai mùa đông và mùa hạ, và có nhiều cửa sổ lớn nhìn xuống công trường trước Bộ nhưng quanh năm không bao giờ được mở. Trong phòng có nhiều đồng hồ: một đồng hồ thường được gọi là “đồng hồ ông nội” nằm trong vỏ gỗ quý, một chiếc đồng hồ treo tường với một hình tượng nhỏ đánh chuông giờ, trên tường còn treo một đồng hồ điện, loại đồng hồ của các nhà ga xe lửa. Những chiếc đồng hồ này chỉ không đúng giờ nhau nhưng Abakumov bao giờ cũng biết đích xác thời gian là mấy giờ vì y còn có hai chiếc đồng hồ nữa mang trên người y: một đồng hồ đeo tay vàng trên cổ tay lông lá của y, một đồng hồ quả quít nằm trong túi đựng đồng hồ trong áo y.

Những văn phòng trong tòa nhà này lớn rộng hơn tùy theo địa vị và cấp bậc của chủ nhân cuộc sống. Những bàn viết cũng lớn hơn dần dần. Bàn hội nghị trên trái thảm xanh cũng mỗi phòng một lớn hơn. Tất cả những đồ đạc trong văn phòng của Abakumov đều lớn nhất trong nhà này. Nhưng bức hình Đại-Thống-Chế được đặt trong phòng này lớn nhất, rực rỡ nhất và nổi bật hơn tất cả. Ngay cả trong những phòng thẩm vấn tầm thường nhất cũng có treo những tấm hình Lãnh tụ lớn hơn người thật, nhưng trong văn phòng của Abakumov, bức hình vẽ này trở thành vĩ đại. Vị Chiếu Lược Gia Tài Ba Vô Song của Muôn Đời và Muôn Dân Tộc được vẽ trong một bức tranh cao mười thước, toàn thân, từ đôi giày ủng tới chiếc mũ Thống Chế lưỡi trai, trên ngực áo rực rỡ tất cả những huy chương và biểu chương. (Thực ra, trong đời sống thực, Stalin chưa từng bao giờ mang những huy chương này trên ngực, một số những huy chương này là do Stalin tự phong, số còn lại do những Sứ thần và Tổng thống các quốc gia khác trao tặng.) Chỉ có những huy chương của Yugoslav là không thấy vẽ lên tranh mà thôi.

Tuy vậy, như để xác nhận rằng ngay cả bức tranh vẽ vĩ đại ấy đứng trong phòng cần phải có hình ảnh Người Bạn Thân Nhất của Chuyên-Viên-Phản-Gián-Điện ở luôn luôn trước mặt để gợi hứng, y đặt một bức hình chân dung nửa của Stalin trên bàn viết của y.

Trên một bức tường khác trong phòng treo một bức hình Beria khá lớn. Beria là thượng cấp trực tiếp của Abakumov.

Sau khi Viên Giám đốc Sở Không Một ra khỏi phòng, có ba người đến trước cửa vào văn phòng Abakumov. Ba người đó là: Ủy viên Phụ tá Tổng trưởng Sevastyanov, Thiếu tướng Oskolupov, Giám đốc Sở Kỹ thuật Đặc biệt và Đại tá Kỹ sư Yakonov, Giám đốc Viện Nghiên cứu Khoa học Mavrino.

Để biểu lộ lòng tôn kính vị chủ nhân văn phòng này, ba người vào đi theo hàng một, theo cấp bậc. Họ bước theo nhau trên tấm thảm dày, gần như nối gót vào nhau và chỉ có tiếng giày của Sevastyanov là thấp thoáng vang nhẹ.

Là một ông già bận bộ y phục mà xám, mái tóc cắt ngắn lẫn nhiều sợi bạc, Sevastyanov là ủy viên duy nhất trong số mười ủy viên của Bộ An ninh là thường dân. Trách nhiệm của Sevastyanov ở đây không phải là việc điều tra hoặc hành chánh. Y giữ về liên lạc và kỹ thuật. Vì vậy y ít khi phải chịu đựng những cơn thịnh nộ lôi đình của Tổng trưởng trong những phiên họp kiểm điểm công tác hoặc trong những buổi trình diện nhận chỉ thị, có thể nói Sevastyanov là người thần kinh ít bị căng thẳng nhất Bộ An ninh mỗi khi phải đặt chân vào văn phòng này. Y ngồi ngay xuống chiếc ghế bọc da dày và êm đặt trước bàn.

Sau khi Ủy viên Phụ tá Tổng trưởng Sevastyanov ngồi xuống, Oskolupov trở thành người dẫn đầu. Yakanov đứng sát ngay sau lưng Oskolupov như để giấu đi thân hình vạm vỡ của y.

Abakumov nhìn thẳng vào mặt Oskolupov - người mà y chỉ mới gặp có chừng ba lần từ trước đến giờ - và y thấy trong con người của Oskolupov có một vẻ gì đó làm y có cảm tình.

Oskolupov cũng có khuynh hướng trở thành to lớn về thân xác. Cổ y phình ra trên cổ áo và lúc này y cố ý ngửa mặt để cho cái cằm đôi của y khỏi xệ xuống. Bộ mặt nhẵn và trơn như gỗ của Oskolupov là bộ mặt của một người đàn ông chất phác, đơn sơ chỉ biết hành động, không phải là bộ mặt thâm trầm, khinh khỉnh của kẻ tự cho mình là trí thức.

Chiều cặp mắt qua vai Oskolupov để nhìn Yakanov, Abakumov hỏi đột ngột và buông thõng: "Anh là ai?"

"Thưa... tôi ạ".

Oskolupov cúi mình về phía bàn, hoảng loạn và khổ sở khi thấy đồng chí Tổng trưởng không nhận ra mình là ai.

"Thưa... tôi ạ".

Yakanov cũng nhô người về đằng trước, nhưng y chỉ nhô một chút thôi để ngực y khỏi chạm vào lưng Oskolupov, vì y vẫn đứng sát sau lưng Oskolupov. Lúc này y đang cố gắng giữ cho cái bu nguyên phê của y khỏi phình ra nhưng y bối rối nhận thấy bụng y mỗi lúc một nở lớn bất chấp những cố gắng kềm giữ của y. Trong đôi mắt mở lớn của Yakanov không có qua một ý nghĩa nào được hiển lộ.

"Anh và anh..."

Ngón tay trở to tướng của Abakumov đưa ra điểm hai cái vào không khí:

"Hai anh phụ trách dự án Mavrino phải không? Ngồi xuống".

Hai người còn đứng trước bàn lú lú ríu ríu ngồi xuống.

Tổng trưởng Abakumov đưa cây rọc giấy làm bằng plastic màu hồng ngọc lên gãi nhẹ sau tai và nói:

"Sao? Các anh đã đùa giỡn với tôi bao nhiêu lâu rồi? Hai năm? Theo chương trình, các anh chỉ có mười lăm tháng để hoàn thành công tác. Bao giờ có máy điện thoại?"

Và y tiếp bằng một giọng đe dọa.

"Đừng nói dối. Tôi không thích nghe nói dối".

Đây chính là câu hỏi mà ba viên chức cao cấp ngành đối trá đã chuẩn bị để trả lời ngay từ khi họ được biết là họ được gọi tới cùng một lúc để hỏi. Theo sự xếp đặt trước, Oskolupov là người đầu tiên lên tiếng nói. Y nói với đôi bờ vai vuông đầy đặn ra đằng trước như chính đôi vai vuông ấy đầy tiếng nói ra khỏi miệng Y:

"Thưa đồng chí Tổng trưởng... Thưa đồng chí Đại tướng... Xin đồng chí cho tôi được trình bày trước hết rằng toàn thể nhân viên đều phục vụ với một tinh thần..."

Bộ mặt Abakumov để lộ vẻ ngạc nhiên:

"Anh tưởng anh đang ngồi ở đâu đây? Đây đâu phải là hội nghị. Tôi cần tinh thần của anh để làm cái gì? Để xuống đất ngồi lên ư? Tôi hỏi anh: Bao giờ? Ngày nào?"

Bây giờ, cũng theo như xếp trước, đến lượt Yakanov. Lối nói và nhất là giọng nói trầm, nhỏ của y cho người nghe hiểu rằng y nói với tư cách là chuyên viên kỹ thuật chứ không phải là một nhân viên điều hành:

"Kính thưa đồng chí Tổng trưởng... trong một hệ thống siêu tần cao tới 2.400 chu kỳ cho ta một cường độ truyền thanh ở mức zéro điểm chín..."

"Chu kỳ, chu kỳ...! Zéro điểm chu kỳ... Zéro ... Các anh sản xuất ra... Zéro... Siêu tần... zéro... Mẹ kiếp... Tôi muốn có máy điện thoại. Hai giàn máy. Bao giờ tôi có? Hả?"

Bây giờ đến lượt Sevastyanov lên tiếng. Y nói chậm và nhỏ, vừa nói vừa lùa những ngón tay vào mái tóc thưa và xám:

“Xin cho chúng tôi biết đồng chí nghĩ như thế nào? Về máy điện thoại, chúng tôi đang chế tạo máy thu phát âm hiệu...”

Abakumov trừng mắt:

“Đồng chí coi tôi là một thằng ngu hay sao? Máy thu phát âm hiệu là cái quỷ gì? Tôi cần gì biết đến chuyện các người đang làm gì hay mấy người ăn không”.

Mười lăm năm trước đây, khi không một ai trong cõi đời này, kể cả Abakumov, lại nghĩ rằng có ngày y trở thành Tổng trưởng, khi y còn là một tổng thư văn của Sở Mật vụ - thời đó Abakumov là một gã trai khỏe mạnh, rắn rỏi, có cặp chân dài và đôi tay dài - bốn năm trời học ở bậc tiểu học đã cung cấp cho y có được số vốn học vấn đủ dùng. Từ đó y “tự tiến bộ” hoàn toàn nhờ ở những đòn Jiu-jitsu và trường huấn luyện chuyên môn của y là phòng tập võ của Hội quán Thể thao Dynamo.

Thế rồi, trong những năm ngành mật vụ phát triển và nhân viên mật vụ được thay mới, tăng thêm người ta thấy rằng Abakumov là một chuyên viên thẩm vấn có biệt tài và làm việc thật hữu hiệu, đôi tay dài và cứng của y là những lợi khí khi cần phải tra tấn người khác. Sự nghiệp lớn của y bắt đầu thành hình. Sau bảy năm hành nghề tra tấn người, Abakumov trở thành Chánh sở Phản gián SMERSH và bây giờ, y trở thành Tổng trưởng. Không một lần nào trong cuộc trèo dài dằng dặc ấy y cảm thấy y thiếu thốn về học vấn. Ngay cả bây giờ ngồi ở chức vụ cao nhất cái Bộ quan trọng nhất này, những thuộc cấp của y cũng không một người nào có thể lừa được y hay ngăm coi thường y.

Và khi nghe Sevastyanov nói ra câu trên đó, cơn giận của Abakumov nổ ra. Y giơ nắm tay lớn như cái búa sắt lên định nện xuống mặt bàn. Cánh cửa phòng bỗng mở ra và một gã đàn ông thấp nhỏ với đôi má trắng hồng bước vào phòng không cần gõ cửa. Gã này là Mikhail Dmitriyevich Ryumin. Nhân viên cả Bộ gọi gã là “Minka” - Nhưng ít có người dám gọi gã bằng cái tên này trước mặt gã.

Gã lướt đi nhanh và êm như một con mèo. Khi đến gần bàn, gã bao bọc cả ba người ngồi đó trong một tia nhìn. Gã bắt tay Sevastyanov và Sevastyanov nhồm người dậy, rồi gã đi tới đứng ở đầu bàn, cúi người xuống gần Abakumov, gã nói với vẻ mặt suy nghĩ:

“Victor Semyonovich... ông nên nghe tôi. Nếu chúng ta phải phụ trách vụ này, chi bằng giao hết cho Sevastyanov. Tại sao mình lại để cho họ ăn không nhí? Họ có thể nhận ra được tiếng một người ghi trên băng nhựa hay không? Nếu không, tổng cổ họ ra hết...”

Trong khi miệng nói những câu đó, gã vẫn cười ngọt ngào như khi gã mời một cô bé ăn kẹo sô-cô-la. Gã nhìn ba kẻ có thể là nạn nhân của lời gã ngồi đó bằng đôi mắt vuốt ve, trù mẩn.

Trong nhiều năm trời Ryumin sống hoàn toàn là một gã vô danh không được ai biết đến. Gã từng giữ chân ủy viên kích thích của Hợp tác xã Tiêu thụ Tỉnh Archangel. Má hồng và trắng trẻo, gần như mũm mĩm, với đôi môi mỏng luôn luôn mím chặt, hờn giận, gã hành hạ tận tình những nhân viên dưới quyền gã bằng những câu nói đều giả, tàn nhẫn nhất mà gã có thể nghĩ ra được, trong lúc đó gã chia phần bớt xén, biển thủ với bọn chuyên chở, thảo luận chính trị với những bác tài xế xe hơi, tỏ ra khinh mạn những người đánh xe ngựa lạc hậu và đặt những bản thống kê thành tích toàn hảo lên bàn ông Chủ tịch Hợp tác xã đúng lúc cần đến.

Chiến tranh xảy ra, Ryumin được thu nhận vào Hải quan và ở đây, người ta làm cho gã trở thành chuyên viên thẩm vấn của Sở An ninh Đặc vụ. Gã thích thú việc làm này và chẳng bao lâu gã thành công trong việc dựng đứng lên cả một vụ gián điệp vu cáo cho một phóng viên nhật báo hoàn toàn vô tội được phái đi viết phóng sự về Hạm đội Miền Bắc. Nhưng đây là vụ vu cáo đầu tiên trong đời gã, gã thực hiện nó lộ liễu và trắng trợn quá đến nỗi Văn phòng Tổng Biện lý - vì không dính líu tới việc làm của ngành mật vụ - yêu cầu Văn phòng Tổng trưởng Abakumov điều tra vụ này. Chú chuyên viên thẩm vấn bé nhỏ của Ban SMERSH trên Hạm đội miền Bắc bị gọi về Tổng Bộ để chịu khiển trách. Gã sợ hãi bước vào văn phòng Abakumov để nhận lãnh những gì ghê gớm chờ đợi gã ở đó. Cánh cửa đóng lại. Khi cánh cửa mở ra cách đó một tiếng đồng hồ, Ryumin từ bên trong bước ra với vẻ mặt quan trọng - y vừa được Tổng trưởng cử giữ chức chuyên viên tình hình chính thức của SMERSH Trung ương, chuyên phụ trách thẩm vấn những vụ tối quan trọng. Kể từ ngày đó, ngôi sao của gã sáng đều và lên đều.

“Tôi sẽ lo cho họ, Mikhail Dmitriyevich Ryumin. Ông tin đi. Tôi sẽ đặc biệt lo cho họ. Thân nhân họ sẽ không còn nhận ra họ được nữa...”

Abakumov gằn giọng nói, mắt y nhìn trừng trừng đe dọa ba gã đàn ông ngồi rúm ró trước mặt

y.

Cả ba gã này đều cúi mặt xuống như những kẻ phạm tội.

“Tôi sẽ đưa cho họ những băng nhựa thâu tiếng nói. Họ có thể nghe lại và so sánh, tìm ra...”

Ryumin nói và Abakumov hỏi vội:

“Ồ... bắt được ai chưa?”

“Rồi. Nhất định là phải rồi chứ” - Ryumin trả lời với nụ cười ngọt - “Chúng tôi bắt được bốn tên tình nghi ở gần ga xe điện ngầm Arbat”.

Nhưng bộ mặt tươi tỉnh của Ryumin thoáng trầm xuống. Gã biết rõ hơn ai hết là những kẻ bị bắt đó đã bị bắt quá muộn, họ đều là những người bị nghi oan và bắt oan. Tuy nhiên, một khi đã bị bắt, dù có tội hay không những kẻ đó sẽ không bao giờ, mãi mãi không bao giờ còn được thả ra nữa. Họ sẽ bị giữ mãi và khi cần đến, họ sẽ phải nhận tội chỉ vì chấp nhận tình trạng có vụ án không tìm ra manh mối.

Giọng nói của Ryumin vừa có những âm thanh bất mãn vừa đề nghị:

“Tôi có thể ghi tiếng nói của một nửa tổng số nhân viên Bộ Ngoại giao lên băng nhựa nếu ông Tổng trưởng muốn. Xong tôi nghĩ việc đó không cần thiết. Chỉ có sáu hoặc bảy người ở đó khả nghi mà thôi - họ là những người duy nhất được biết vụ đó”.

Abakumov giận dữ:

“Sao không bắt hết lũ chó ấy đi? Còn chờ gì nữa? Bảy người, Liên bang mình vĩ đại lắm, mất đi bảy tên đâu có ăn thua gì”.

“Ông không thể bắt họ như thế được” - Ryumin phản đối - “Đó là một Tổng Bộ trong chính phủ, đó không phải là một xưởng máy chế tạo thực phẩm và làm thế, chúng ta sẽ mất hết dấu vết. Trong vụ này, chúng ta cần phải tìm đúng kẻ có tội là ai. Và phải tìm ra cho mau”.

“Hừm...”

Abakumov suy nghĩ và nói lớn lên ý nghĩ:

“So sánh băng ghi âm này với băng ghi âm kia, tìm xem hai tiếng nào cùng của một người nói. Hay đấy. Sẽ có ngày mình phải nắm vững được kỹ thuật này. Sevastyanov, ông làm nổi việc này không?”

“Thưa... tôi vẫn chưa hiểu gì cả...”

“Có gì rắc rối đâu mà không hiểu. Không có gì hết. Có một thằng chó đẻ, một thằng khốn nạn nào đó - chắc chắn phải là một nhà ngoại giao nếu không hẳn không sao có thể biết được chuyện này, gọi điện thoại đến cho một lão giáo sư. Tên lão giáo sư ấy là gì nhỉ?”

“Dobroumov...” Ryumin nhắc.

“Ừ, Dobroumov. Một lão bác sĩ. Nói vắn tắt là lão bác sĩ ấy vừa mới xuất ngoại sang Pháp trở về, trong khi ở trên đất Pháp lão có hứa sẽ gửi cho bọn bác sĩ Pháp một thứ thuốc mới do lão sáng chế - lão ôn dịch gọi đó là trò trao đổi kinh nghiệm và kiến thức y học. Nhưng lão quên rằng tổ quốc lão phải được hưởng ưu tiên thứ thuốc sáng chế đó. Chúng tôi muốn cho lão gửi đi sổ thuốc đó để bắt lão quả tang. Vụ án của lão sẽ là một vụ án chính trị lớn làm gương cho bọn khoa học gia hèn hạ nình bộ ngoại quốc. Nhưng có một thằng chó đẻ nào đó biết chuyện này và đã gọi điện thoại đến cho lão bác sĩ, bảo lão đừng gửi thuốc cho. Chúng ta vẫn sẽ bắt lão bác sĩ và lão phải nhận tội như thường, nhưng vụ này như vậy là đã mất một nửa giá trị. Sao? Các người nghĩ sao? Nếu các người tìm được ra tên này, các người sẽ nổi tiếng ghê gớm”.

Sevastyanov nhìn qua mặt Oskolupov sang Yakanov. Yakanov để mắt y chạm vào tia nhìn của Sevastyanov và lông mày của y hơi nhếch lên. Với cái nhếch lông mày này Yakanov muốn nói rằng việc tìm tiếng người nói điện thoại được ghi lên băng nhựa là một nghệ thuật mới lạ cần có một thời gian dài để nghiên cứu, tìm hiểu, thí nghiệm, và hiện lúc này Viện Mavrino còn đang chết dở vì công tác chế tạo máy điện thoại đặc biệt, không nên nhận thêm công tác mới. Sevastyanov cũng thông minh để hiểu ý nghĩ cái nhếch lông mày của Yakanov và tình thế khó khăn y chuẩn bị để trả lời lửng lơ câu hỏi của Abakumov.

Nhưng Foma Guryanovich Oskolupov lại có những ý nghĩ riêng về việc làm của y. Y không muốn y chỉ là anh giám đốc bù nhìn. Ngay từ khi y được tin y được cử làm Giám đốc, y đã tin chắc ở tài năng của y, ở giá trị cá nhân của riêng y và nghĩ rằng y làm chủ tất cả mọi vấn đề và có thừa khả năng giải quyết những vấn đề rắc rối nhất khéo léo hơn tất cả mọi người khác. Nếu không thế, người ta đã chẳng đề cử y. Tuy ngày xưa, y chưa học được đủ bảy năm ở nhà trường, nhưng bấy giờ không bao giờ y chịu rằng những thuộc cấp của y lại có thể hiểu biết về những

việc làm hơn y. Họ có thể biết rõ hơn y về một phần nào đó của vấn đề, về chi tiết của bộ máy, về một đồ hình, nhưng họ không thể biết hơn y về đại thể. Cách đây không lâu, y từng có dịp đến nghỉ mát ở một khu nghỉ mát hạng nhất dành riêng cho những viên chức cao cấp và những khoa học gia làm việc với chính phủ. Ở đây y tự giới thiệu với mọi người y là một giáo sư điện tử. Y gặp ở đây một văn sĩ nổi tiếng và nhà văn này không sao có thể rời mắt nhìn Foma Guryanovich, nhà văn quan sát y và ghi những điều nhận xét vào cuốn sổ tay. Nhà văn cho y biết là ông sẽ diễn tả hình dáng của một nhà khoa học thời đại này theo hình dáng của Foma Guryanovich. Từ đó, Foma biết chắc rằng y là một nhà khoa học chính cống.

Đột ngột, Foma Guryanovich nhảy vào cuộc đối thoại:

“Thưa đồng chí Tổng trưởng... chúng tôi có thể làm được”. Sevastyanov nhìn y ngạc nhiên:

“Làm ở đâu? Ở phòng thí nghiệm nào?”

“Ở phòng thí nghiệm Âm Thính của Viện Mavrino. Ở đó chúng ta đang nghiên cứu về điện thoại. Họ cũng gọi điện thoại cho nhau mà”.

“Nhưng Mavrino đang bận thực hiện dự án khác quan trọng hơn...”

Oskolupov quả quyết:

“Không sao. Chúng ta sẽ tìm được người. Chúng ta có những ba trăm người ở Mavrino kia mà. Ta có dư người để phụ trách thêm vụ này”.

Và y nhìn ông Tổng trưởng của y với vẻ mặt của kẻ sẵn sàng thi hành mệnh lệnh.

Tuy Abakumov không hề mỉm cười nhưng một lần nữa trên mặt y hiện ra vẻ hài lòng, một lần nữa y thấy có cảm tình với Oskolupov. Thái độ này cũng từng là thái độ của y trong thời gian y hãy còn trẻ và đang xây dựng sự nghiệp - nghĩa là hăng hái, sẵn sàng làm tất cả mọi việc cấp trên muốn, giết bất cứ ai nếu cần. Một người trẻ hơn mình mà giống mình bao giờ cũng làm cho mình có cảm tình.

“Được lắm. Khá lắm” - Abakumov nói - “Đó là thái độ đúng: quyền lợi của quốc gia trên hết, những cái khác dẹp lại sau. Đúng không?”

“Thưa đúng. Đồng chí Tổng trưởng nói rất đúng”.

Ryumin không tỏ vẻ gì là ngạc nhiên, gã cũng không có vẻ nể nang hay chú ý đến Oskolupov hơn trước. Mặc dù Oskolupov là người nhận làm công tác này và Sevastyanov có vẻ muốn từ chối, Ryumin vẫn nói với Sevastyanov:

“Sáng mai sẽ có tin mới cho ông”.

Gã liếc nhìn Abakumov rồi lặng lẽ ra khỏi phòng.

Vị Tổng trưởng đưa món tay vào miệng cạy một miếng thịt dặt ở chân răng từ bữa ăn tối:

“Bây giờ trở lại vụ máy điện thoại. Bao giờ đây? Các anh đã lẫn trốn tôi quá nhiều. Không biết bao nhiêu lần khất - mừng một tháng tám, rồi ngày nghỉ tháng chín, rồi ngày đầu năm. Sao?”

Y chiếu cặp mắt của Yakanov, bắt buộc Yakanov phải trả lời.

Yakanov có vẻ như đang khó chịu dữ dội vì cần cổ của y. Y nhích cổ sang bên trái, rồi nhích cổ sang bên phải, đôi mắt xanh của y nhìn vào mắt Abakumov trong vài giây rồi nhìn xuống.

Yakanov biết y là người có tài. Yakanov biết rằng nhiều kẻ khác còn có nhiều tài hơn y đang tập trung hết tư tưởng và tài năng để làm việc mỗi ngày mười bốn tiếng đồng hồ không hề có một ngày nghỉ từ hơn một năm trời nay để chế tạo ra dàn máy điện thoại mà Abakumov đang đòi hỏi. Và còn có không biết bao nhiêu là nhà khoa học ngoại quốc sống rải rác khắp nơi trên mặt đất này, những người công bố những phát minh của họ với đầy đủ chi tiết trên những tờ đặc san chuyên khoa, cũng đang tìm cách chế tạo dàn máy đó. Yakanov cũng biết rõ về cả ngàn những khó khăn đã được vượt qua nhưng đó cũng mới chỉ là bước đầu. Giữa cả chục ngàn những khó khăn đang phải đối phó, giải quyết, nhưng kỹ sư làm việc dưới quyền điều khiển của y ở Mavrino như người người đang bơi qua biển. Chỉ còn sáu ngày nữa là đến hạn chót, hạn chót của tất cả những hạn chót mà y đã năn nỉ, đã xin được ở đồng thịt bận bộ quân phục kia. Y đã bị kẹt cứng vì một chỗi những hạn kỳ ngu xuẩn bởi vì bị Lãnh tụ Anh minh, Người Hướng dẫn Khoa học của Thế giới Cộng sản đã ngay từ đầu, đặt thời hạn một năm cho một công việc cần đến mười năm để thực hiện.

Hồi này khi gặp nhau trong văn phòng của Sevastyanov, họ đã đồng ý xin hoãn lại mười ngày. Họ hứa sẽ giao hai giàn máy điện thoại đặc biệt vào ngày mười tháng giêng, Phụ tá Tổng trưởng Sevastyanov quyết định như thế. Oskolupov cũng muốn như thế. Họ tính toán rằng từ nay đến đó họ sẽ có thể làm xong được hai giàn máy điện thoại, tuy chưa hoàn hảo, ngh cũng

đã có hình thể, cũng có thể kể là một phát minh mới. Họ sẽ xin thí nghiệm thêm cho thật hoàn hảo trước khi đưa máy được trước mặt Lãnh tụ. Trong thời gian ấy, việc nghiên cứu ở Mavrino vẫn tiếp tục và rồi họ sẽ viện ra những khó khăn mới để xin triển hạn. Nhưng Yakanov cũng lại biết rằng những vật vô tri, nhất là những máy móc, không hề biết đến những hạn kỳ, những mệnh lệnh, và tới ngày mười tháng giêng, hai giàn máy điện thoại được y đề trình sẽ không truyền đi tiếng người, chúng sẽ chỉ truyền đi những tiếng động chói tai và những gì đã xảy đến với Mamurin nhất định sẽ lại xảy đến với Yakanov. Lãnh tụ sẽ gọi Beria và nói: “Thằng khùng nào làm ra cái máy này đây? Tổng cổ nó đi...”. Và Yakanov sẽ trở thành một Người Mặt Sắt nếu y còn may mắn, rất có thể y sẽ chỉ là một tù nhân thường.

Dưới mắt nhìn của Abakumov, với cảm giác nút thông lưng đang thắt chặt dần cổ, Yakanov vượt lên được cơn sợ hãi khốn khổ, khốn nạn của y và cũng tự nhiên như khi y hít thở khí trời vào phổi, y thốt lên:

“Xin cho thêm một tháng nữa. Thêm một tháng nữa. Tới mừng một tháng hai”.

Y nhìn Abakumov bằng đôi mắt van xin của một con chó.

Những người có tài ở cõi đời này thường tỏ ra tàn nhẫn và bất công với những người có tài khác. Thực ra, Abakumov tinh khôn hơn là Yakanov tưởng nhiều nhưng sau một thời gian dài không dùng đến, trí óc đã trở thành một cái gì vô-giá-trị với Abakumov. Trong suốt sự nghiệp của y, Abakumov đã thua, đã thất bại mỗi lần y suy nghĩ và làm theo ý của y, đã thắng khi y làm theo lòng trung thành và theo lệnh. Vì vậy Abakumov chỉ làm bận đến trí óc y càng ít chừng nào càng tốt.

Y có thể hiểu rằng sáu ngày hay một tháng không có nghĩa lý gì hết so với hai năm trời đã qua. Nói cách khác, nếu trong hai năm trời mà không làm xong thì cho thêm một tháng nữa cũng vô ích. Nhưng trước mắt y, bộ tam-đầu-chế dối trá này là những kẻ có lỗi - Sevastyanov, Oskolupov, Yakanov là ba tên có lỗi và phải chịu lỗi. Nếu công tác khó khăn như thế, tại sao khi chúng nhận việc trước đây hai mươi ba tháng, chúng lại nhận hạn kỳ một năm? Tại sao chúng không đòi ba năm? (Bây giờ y đã quên rằng chính ý đã ra hạn một năm và ép buộc ba người kia phải nhận.) Nếu chúng nhất định không chịu nhận hạn kỳ một năm thì y cũng đã không chịu hạn kỳ một năm với Stalin, y đã đòi cho bằng được hạn kỳ hai năm để rồi kéo dài ra thành ba năm.

Nhưng y quên rằng chính y, y cũng không dám nói gì hết về những hạn kỳ do Stalin đưa ra. Nỗi sợ hãi tiềm ẩn vào óc họ quá nhiều trong quá nhiều năm quen vâng lệnh như những tên nô lệ nên không một ai trong bọn họ, trước kia cũng như bây giờ, dám có can đảm chống lại can đảm ý muốn của cấp trên.

Abakumov cũng đã lo xa để dành riêng cho y được vài tháng. Y hứa với Stalin là máy điện thoại đặc biệt sẽ được trình vào ngày một tháng ba. Vì vậy, y có thể cho bọn này thêm một tháng và y cũng vẫn còn một thán để xoay trở.

Cầm cây viết máy lên, Abakumov hỏi:

“Anh nói một tháng là thế nào? Một tháng đúng hay anh lại nói láo lẩn nữa?”

“Một tháng. Một tháng đúng...”

Người nói câu này là Oskolupov. Mặt y tươi lên khi thấy cấp trên chấp thuận. Y có vẻ hăm hở như người ra khỏi đây là lập tức đi thẳng tới Mavrino ngồi vào bàn làm việc.

Với một cái ngoáy bút, Abakumov viết lên tập lịch để bàn:

“Rồi. Cho các người đến ngày 21 tháng giêng, ngày Kỷ niệm Lenin qua đời. Đúng ngày đó các người sẽ được lãnh giải Stalin. Sevastyanov... ngày đó có máy không?”

“Dạ... có”.

“Oskolupov ... Có không? Đến ngày đó mà không có, tôi lấy đầu anh thế cho máy ạ...”

“Dạ... có. Thưa Đồng chí Tổng trưởng... tất cả những gì cần làm chỉ là...”

“Còn anh? Anh có biết những gì sẽ xảy đến với anh nếu anh hứa láo không? Đến ngày 21 tháng Giêng có máy không?”

Thâu hết can đảm, Yakanov nằn nì:

“Xin cho một tháng. Ngày mừng một tháng hai...”

“Nếu đến ngày mừng một tháng hai vẫn không có máy thì sao? Cần thận. Nói phải đúng. Tôi biết anh đang nói dối...”

Tất nhiên là Yakanov đang nói dối. Đáng lý ra y phải xin thêm hai tháng nữa, nhưng đã lỡ rồi, y

đành hứa bằng một giọng âu sầu:
“Thưa... có”.
“Được rồi. Nhưng các người nhớ nghe... Tôi không có bắt các người phải hứa với tôi như thế. Tôi có thể tha thứ được hết trừ những kẻ nào lừa dối tôi. Cho các người đi”.
Ba kẻ thoát nạn lú lú đi ra. Họ cũng đi theo hàng một, kẻ nọ nối gót kẻ kia, mắt họ nhìn xuống trước bức tranh Stalin cao kín bức tường.
Nhưng họ đã mừng quá sớm. Họ không biết rằng vị Tổng trưởng của họ đã giương một cái bẫy cho họ chui vào.
Ba người này vừa ra khỏi phòng được vài phút thì một người khác được đưa tới văn phòng.
Tên người này được báo trước với Abakumov:
“Kỹ sư Pryanchikov”.



16 Không có nước sôi pha trà

Đêm đó theo lệnh của Abakumov và do Sevastyanov truyền lại, Yakanov được gọi đến Bộ An ninh từ Viện Mavrino. Sau đó, có hai lệnh mật được gọi bằng điện thoại tới Viện Mavrino, mỗi lệnh tới cách nhau mười lăm phút, lệnh trước là lệnh đưa tù nhân Bobynin, lệnh sau là lệnh đưa tù nhân Pryanchikov về Bộ. Bobynin và Pryanchikov được đưa về trên hai chiếc xe khác nhau và được để ngồi chờ ở hai phòng đợi khác nhau, để phòng họ đụng mặt nhau.
Nhưng dù hai tù nhân này có gặp mặt nhau, họ cũng không thể nói gì được với nhau, không thể hiểu ngầm nhau. Nói rõ hơn, Pryanchikov sẽ không sao có thể hiểu được Bobynin muốn gì ở chàng.
Linh hồn Pryanchikov đang rung động vì ánh đèn đêm ở Mạc Tư Khoa, những ánh đèn sáng lòa, lấp lánh, rực rỡ ở hai bên cửa chiếc xe Podeba. Đi từ vùng ngoại thành tối tăm quanh Mavrino vào trung tâm thành phố, Pryanchikov ngây ngất khi nhìn thấy hiện ra những đại lộ sáng choang, những cửa nhà ga xe điện ngăm đầy người, những cửa hàng rực ánh đèn néon.
Pryanchikov quên mất người lái xe và hai nhân viên mật vụ bận thường phục ngồi hai bên chàng, dường như không phải là không khí mà là lửa được hít vào và thở ra từ lồng ngực chàng. Không lúc nào chàng rời mắt nhìn qua cửa xe. Chưa bao giờ họ đưa chàng vào Mạc Tư Khoa ngay cả ban ngày, và trong lịch sử Nhà Tù Đặc Biệt Mavrino, chưa từng có một tù nhân nào được nhìn thấy Mạc Tư Khoa ban đêm.
Tới cửa Sretenka, chiếc xe chở Pryanchikov phải dừng lại chờ đám người vừa từ nhà hát bóng cuộn cuộn đi ra và sau đó, dừng lại ở ngã tư đường chờ đèn hiệu.
Tất cả những người tù trên cõi đời này đều chẳng ít thì nhiều nghĩ rằng con cái bên ngoài, vì không có họ, đã dừng lại, bên ngoài đã hết nhẵn đàn ông và những người đàn bà cô đơn vì thiếu họ, hệ thống còn vui vẻ, đàn bà đau khổ, âu sầu hết còn trưng diện vì tình yêu họ và lòng trung thành với họ. Và đây, trước mắt Pryanchikov hiện ra đám đông no đủ, rộn rịp gồm những

người đang sống ở thành phố - mũ, mang che mặt, nữ trang, áo lạnh lông thú - và mùi hương của những người đàn bà qua đường tràn đầy cảm xúc run rẩy của người thanh niên ba mươi một tuổi, mùi đàn bà ấy đi qua sương đêm, qua thanh sắt của chiếc xe, đến đập vào chàng như những nhát búa. Chàng có thể nghe được tiếng họ nói, nhưng vang vang không rõ, chàng muốn lao đầu qua làn kiếng cửa xe ra ngoài để nói lớn với họ, với những người đàn bà đang đi trước mặt chàng, rằng chàng còn trẻ, chàng đang cần yên, chàng bị người ta nhốt vào tù không chút xót thương, chàng bị tù nhưng không có tội gì cả. Sau cuộc sống cô đơn khổ tù trong tòa nhà đá ở Mavrino, cảnh sắc này là một giấc mơ thần tiên. Ngay cả thời còn tự do Pryanchikov cũng chưa bao giờ được sống cuộc sống thanh lịch mà chàng thấy trước mắt kia, khi còn là sinh viên, chàng quá nghèo, rồi chiến tranh đến chàng nhập ngũ và bị bắt làm tù binh, rồi hết chiến tranh và chàng bị tù ở chính trên quê hương chàng.

Sau đó, trong khi ngồi trong phòng đợi, Pryanchikov vẫn còn mê mẩn, chàng không nhìn rõ những cái bàn, cái ghế quanh chàng, những cảm giác ngây ngất vẫn chưa chịu từ bỏ chàng. Một Trung tá gọn ghẽ, sáng sủa bảo chàng đi theo. Pryanchikov, với cần cổ ngẩng và đôi cổ tay khẳng khiu, đôi vai hẹp, đôi chân gầy chưa bao giờ trông tang thương bằng khi chàng bước vào căn phòng rộng do người sĩ quan đưa chàng tới. Người sĩ quan này dừng lại ở cửa và chỉ một mình Pryanchikov bước vào phòng.

Căn phòng rộng đến nỗi Pryanchikov không nhận ra đó là một văn phòng, chàng cũng không nghĩ rằng người đàn ông với đôi cầu vai dát vàng ngồi tít ở tận xa kia là chủ nhân căn phòng này. Chàng cũng chẳng nhìn thấy bức hình Stalin cao tới mười thước choán hết một bức tường. Mạc Tư Khoa ban đêm và những người đàn bà đi trong đêm Mạc Tư Khoa vẫn còn chập chờn ẩn hiện trước chàng. Chàng như người say rượu. Chàng như người hoang mang không biết tại sao mình lại đi vào căn phòng rộng thênh thang này và phòng này là phòng gì? Chuyện lạ và khó hiểu hơn nữa là trong một căn phòng hình cánh quạt chật chội những chiếc giường hai tầng và giường nào cũng có người nằm ở một nơi nào đó được chiếu sáng bằng một bóng đèn xanh - dù chiến tranh đã chấm dứt từ năm năm trước - có một ly nước trà nguội còn chờ đón chàng trở lại.

Chân chàng đi trên tấm thảm rộng. Thảm dày và êm và chàng muốn nằm lăn xuống đó. Ở bên tường bên phải gian phòng có nhiều khung cửa sổ, bên tường trái gian phòng có một tấm gương lớn cao từ mặt sàn tới tận trần.

Những người ở bên ngoài không biết được giá trị của vật dụng. Với một người tù quanh năm chỉ được dùng cái gương soi mặt lớn không quá lòng bàn tay, có khi cả năm sáu tháng không được nhìn thấy mặt trong gương, việc được nhìn ngắm toàn thân mình trong một tấm gương lớn là cả một việc quan trọng.

Pryanchikov như bị nam châm hút lại, đứng sững trước tấm gương. Chàng nhìn chàng hiện ra trong đó rồi chàng đến sát gương, ngắm nghía với vẻ hài lòng hiện rõ trên khuôn mặt tươi trẻ, sạch sẽ của chàng. Chàng sửa lại cổ áo và xốc lại hai tay áo. Rồi vẫn nhìn vào gương, chàng từ từ đưa chân lùi lại rồi chàng nghiêng người sang bên và cố liếc mắt nhìn xem mặt nghiêng của chàng hình dáng ra sao. Chàng quay sang trái rồi quay sang phải. Hai chân chàng di chuyển như đi vài bước khiêu vũ và chàng lại đến sát gương, nhìn ngắm mặt chàng kỹ hơn trong đó. Sau cùng, thấy rằng mặc dù bộ y phục màu xanh bạc màu quá cũ này, mình vẫn thanh nhã và cân đối lắm, với sự hài lòng, phấn khởi trong tâm hồn, Pryanchikov đi tới - chàng đi tới không phải vì chàng biết rằng trong gian phòng này có người chờ đợi chàng mà chỉ là vì chàng cần đi để xem xét hết phòng.

Người đàn ông có thể nhốt vào tù bất cứ ai trong một phần nửa thế giới, nhà Tổng trưởng độc tài từng làm những vị tướng lãnh, thống chế sớ đến xanh mặt, ngồi nhìn gã tù nhân gầy gò với một vẻ chú ý tò mò. Lâu rồi y không có dịp nhìn kỹ một người trong số nhiều triệu người đã bắt, đã kết án, đã cho vào nhà tù, vào những trại tập trung.

Với dáng điệu của một chàng công tử đi dạo phố, Pryanchikov đi đến trước bàn và nhìn như dò hỏi vào mặt Abakumov như chàng không ngờ có người ngồi ở đó.

“Anh là kỹ sư Pryanchikov?”

Abakumov lên tiếng hỏi, tay y xếp lại những giấy tờ trên bàn.

“Phải,” - Pryanchikov lơ đãng đáp - “Phải, tôi”.

“Anh là những cầm đầu toán chuyên viên ở Mavrino làm việc về... về...”

Abakumov xem lại tờ giấy:

“Về máy Phân-Hóa Âm Thanh Nhân Tạo?”

“Cái gì là máy phân hóa âm thanh nhân tạo?” - Không trả lời vào câu hỏi, Pryanchikov nói sang chuyện khác - “Ai bày đặt ra cái tên gọi ngớ ngẩn vậy? Chúng tôi không dùng cái tên đó. Chúng tôi gọi nó là giàn máy Âm-Hiệu Âm-Thanh nhân. Tất là Âm Thanh cho tiện”.

“Nhưng anh là kỹ sư trưởng toán?”

“Trên nguyên tắc thì là tôi, nhưng có chuyện gì vậy?”

Đột nhiên Pryanchikov trở thành đề phòng.

“Ngồi xuống”.

Không chờ mời đến câu thứ hai, Pryanchikov ngồi ngay xuống ghế, chàng cẩn thận kéo cho ống quần thẳng nếp.

“Tôi muốn anh nói thật, nói thật hoàn toàn, anh không sợ rắc rối vì những người có quyền ở đó. bao giờ cái máy Âm Thanh được chế tạo xong? Tôi muốn nói là bao giờ dùng được? Cứ nói thật. Một tháng nữa hay hai tháng? Cứ nói, đừng sợ gì hết”.

“Máy Âm Thanh? Sắp dùng được? Ha ha ha”.

Tiếng cười tươi trẻ và trong như tiếng chuông của Pryanchikov vang lên. Chưa bao giờ giữa những bức tường này lại rộn ràng tiếng cười như thế. Chàng ngồi dựa lưng lên thành ghế và giờ hai bàn tay ra trước mặt:

“Ông nói cái gì? Ông nghĩ gì mà lại hỏi như thế? Rõ ràng là ông không hiểu máy Âm Thanh là cái gì. Để tôi giảng cho ông nghe...”

Chàng nhẹ nhàng đứng bồng lên từ lòng ghế và nhô người trên mặt bàn của Abakumov:

“Ông có tờ giấy trắng không? Đây rồi”.

Pryanchikov xé một tờ giấy trắng, vớ lấy cây viết màu thật tươi của Abakumov và bắt đầu vẽ vội và vụng những đường cong queo tượng trưng cho những làn sóng âm thanh.

Abakumov không chút sợ hãi - trong thái độ, cử chỉ và giọng nói của người kỹ sư trẻ tuổi lạ kỳ có một cái gì thành thật, hồn nhiên và như ngây thơ làm cho y chịu đựng cuộc tấn công này. Y nhìn ngây Pryanchikov nhưng không ghi nhận những lời chàng nói.

“Ông phải biết rằng tiếng nói của con người có rất nhiều hòa âm,” - Pryanchikov gần như nghẹn lời vì muốn nói ra tất cả những gì chàng cần nói trong một thể gian ngắn nhất - “và sáng kiến căn bản của máy Âm Thính là biến tiếng nói ra những âm thanh khác hẳn rồi lại kết hợp trở thành tiếng nói. Biến hóa cách nào tùy người sử dụng máy. Trời đất, sao ông có thể viết được với cây bút tồi như vậy? Ông biết rõ về tọa độ Cartesie chứ hả? Cái này chú học sinh nào cũng biết mà - và phương pháp Fourier?”

“Chờ chút” - Abakumov cố tự trấn tĩnh để nói - “Chỉ cần nói cho tôi biết: Bao giờ thì xong? Bao giờ thì máy dùng được? Bao giờ?”

“Bao giờ xong? Hừm, tôi chưa bao giờ nghĩ đến chuyện ấy”.

Giờ đây Pryanchikov không còn ngây ngất vì những hình ảnh chàng vừa nhìn thấy ngoài đường phố nữa, chàng bị tràn ngập bởi niềm yêu dấu công việc chàng đang làm và một lần nữa, chàng không sao có thể ngừng nói - Không trả lời câu hỏi của ba, chàng tiếp:

“Vấn đề quan trọng bây giờ là nếu mình chịu biến cả giọng nói đi. Trong trường hợp ấy, số đơn vị...”

“Nhưng ngày nào? Ngày nào, tháng nào? Ngày một tháng ba? Ngày một tháng tư?”

“Trời đất... ông nói chi vậy? Tháng tư? Không kể đến những việc về Âm Số chưa làm xong, chúng tôi chỉ có thể hoàn thành dàn máy này vào... Coi nào, không thể sớm hơn được” -

Pryanchikov nắm tay áo Abakumov, kéo mạnh - “Ông để tôi giải thích tất cả cho ông nghe. Ông sẽ hiểu và sẽ đồng ý với chúng tôi rằng việc đó không thể vội mà được...”

Nhưng Abakumov, mắt nhìn ngay xuống những hình vẽ vắn vèo vô nghĩa với y trên tờ giấy, đã đưa ngón tay ra tìm thấy nút chuông điện cạnh bàn.

Người sĩ quan mang cấp bậc Trung tá gọn ghẽ hồi nãy lại xuất hiện và mời Pryanchikov đi ra. Pryanchikov đi xa bàn với vẻ bối rối hiện rõ trên mặt, miệng chàng hé mở. Chàng thất vọng vì chàng chưa giải thích được gì hết. Và khi đã đi ra được nửa phòng, bỗng dưng chàng nhận biết người đàn ông to lớn ngồi kia là ai. Chàng nhớ lại rằng những người bạn tù của chàng đã dặn chàng phải khiêu nài, phải cố gắng đòi hỏi. Chàng quay phắt lại và nói lớn:

“Ê, tôi quên chưa nói cho ông biết”.

Nhưng người sĩ quan chặn không cho chàng đi trở lại, đồng thời y đẩy chàng ra cửa. Và Pryanchikov thấy rõ là người đàn ông ngồi ở bàn kia không nghe chàng nói. Trong một khoảnh khắc, tất cả những hành động phạm pháp, tàn ác của bọn cai ngục trở lại với chàng nhưng chàng chỉ có thể còn kêu lớn một câu:

“Nước sôi, chúng tôi làm việc khuya nhưng không có nước sôi pha trà. Chúng tôi không có trà nóng uống ban đêm”.

“Không có nước sôi?”

Một người nào đó đứng ở ngoài cửa phòng, dường như là một vị tướng lãnh, nói với Pryanchikov:

“Được rồi. Để chúng tôi lo”.

17 Đũa thần hóa phép đi

Bobynin đi vào phòng. Anh cũng bận bộ quần áo màu xanh đậm y hệt bộ quần áo của Pryanchikov, người vừa đi ra. Bobynin là một người đàn ông to và cao, quắc thước, mái tóc hung hung cắt ngắn theo kiểu tóc tù nhân.

Anh tỏ ra ít chú ý đến cảnh gian phòng và những đồ bày biện, bài trí ở đây như anh đã từng ra vào nơi đây cả trăm lần mỗi ngày. Anh đi thẳng tới trước bàn và đỉnh đặc ngồi xuống ghế không thốt ra nửa lời chào hỏi. Rồi anh rút chiếc khăn tay không được sạch lắm vì ít có dịp được giặt trong túi ra hỉ mũi.

Abakumov, sau khi thất vọng vì sự nói nhiều nhưng không đi đến đâu của Pryanchikov, tỏ ra yên tâm hơn khi thấy Bobynin điềm tĩnh và có vẻ nghiêm trọng. Y không quát lên với Bobynin “Đứng lên” như y vẫn thường quát với những đám ngồi khi chưa được y cho phép. Nghĩ rằng người tù này không biết y là ai, và gã cũng không đoán ra gã đang ở đâu, y cất giọng gần hiền lành hỏi:

“Tại sao anh lại ngồi khi chưa được phép?”

Bobynin nghiêng mặt nhìn vị Tổng trưởng quyền uy, anh vẫn dùng khăn chùi mũi và trả lời bằng một giọng thản nhiên:

“Có một câu cách ngôn Trung Hoa nói rằng: ‘Đứng tốt hơn đi, ngồi tốt hơn đứng và tốt hơn cả là nằm’.”

“Anh có biết tôi là ai không?”

Ngồi thoải mái với hai cánh tay đặt trên thành ghế, bây giờ Bobynin mới nhìn thẳng vào mặt Abakumov, anh chậm chạp đưa ra lời đoán:

“Ông là ai? Hừ... Tôi thấy ông giống như Thống chế Goering”.

“Giống ai?”

“Thống chế Goering. Có lần ông ấy đến thăm xưởng chế tạo phi cơ ở gần Halle, nơi tôi làm việc. Bọn tướng lãnh ở đó đều sợ xanh mặt, không tên nào dám đi mạnh, nhưng tôi không thềm cả nhìn xem ông ta ra sao. Ông đến, đứng nhìn một hồi rồi đi”. [1]

Có một vẻ gì gần giống như nụ cười thấp thoáng trên vành môi Abakumov, nhưng y vội nghiêm mặt lại vì ngụ ý hèn hạo trong câu nói của tên tù. Y chớp mắt và hỏi, giọng bức dọc:

“Anh không thấy có sự khác biệt ư?”

“Khác biệt giữa ông và hần? Hay khác biệt giữa ông và tôi?”

Giọng nói của Bobynin có những âm thanh lạnh, cứng như thép.

“Giữa tôi và ông, tôi thấy sự khác biệt rõ lắm: Ông cần tôi, còn tôi không cần ông”.

Abakumov cũng có giọng nói có thể gầm lên như sấm sét, và y biết cách lợi dụng nó để đàn áp người khác. Nhưng lúc này y thấy y có gầm lên cũng vô ích. Y hiểu rằng người tù này là một gã khó chế ngự được.

Vì vậy, y chỉ cảnh cáo:

“Anh tù, nghe đây. Đừng thấy rằng tôi dễ dãi mà anh có thể...”

Bobyenin vẫn thản nhiên:

“Công dân Tổng trưởng, nếu ông làm dữ với tôi, tôi sẽ không nói gì với ông nữa. Ông chỉ có thể quát tháo, chửi mắng, đe dọa bọn đại tá với tướng lãnh quân hầu của ông. Họ có nhiều thứ mà họ sợ mất trong đời”.

“Tôi có thể bắt anh phải nói”.

“Ông làm đây, Công dân Tổng trưởng”.

Đôi mắt cương cường của Bobynin sáng lên ánh lửa thù hận:

“Ông không làm gì được tôi hết vì tôi chẳng còn gì hết, ông hiểu không? Ông không thể làm hại được vợ con tôi vì một trái bom đã làm vợ con tôi tiêu tan lâu rồi. Ông cũng không thể hành hạ được cha mẹ tôi vì cha mẹ tôi đã chết. Tất cả những gì tôi có bây giờ chỉ là cái khăn tay dơ này, bộ quần áo cũng này và cái quần cụt rách”.

Như để chứng minh lời nói, Bobynin vạch áo để trần ngực:

“Tất cả những thứ này đều do chính phủ phát. Ông đã tước đoạt tự do của tôi lâu rồi, và ông không có khả năng trả lại tự do cho tôi vì chính ông, ông cũng không có tự do. Tôi đã bốn mươi hai tuổi và ông đã giáng cho tôi cái án tù hai mươi lăm năm. Tôi đã từng là tù khổ sai, từng sống với những con số thay tên trên ngực áo, từng bị còng tay, từng sống giữa bầy chó dữ, từng chết dở sống dở trong những trại giam tàn ác nhất của bọn ông. Ông còn gì nữa để mà dọa tôi? Ông chẳng còn tước đoạt ở tôi thêm cái gì nữa. Ông có thể cấm tôi hành nghề kỹ sư? Cũng được. Nhưng cấm tôi thì ông có hại nhiều hơn là tôi. Tôi hút thuốc”.

Abakumov mở nắp hộp đựng những điều thuốc đặc biệt mang nhãn hiệu Troika ra mời:

“Đây, hút thuốc này”.

“Cám ơn. Tôi không thích đổi thuốc. Thuốc của ông làm tôi ho”.

Bobyenin lấy ra một điều thuốc Belommor từ hộp đựng thuốc do anh làm lấy. Anh nói tiếp:

“Ông nên hiểu điều này, và ông nên nói lại điều này với những người trong bọn ông rằng các ông chỉ mạnh khi nào các ông không tước đoạt của người khác hết tất cả mọi thứ. Bởi vì khi một người đã bị các ông lấy mất hết tất cả, người đó sẽ không còn ngán sợ các ông nữa. Người đó lại trở thành tự do”.

Bobyenin lặng im, anh chú tâm vào điều thuốc. Anh cảm thấy thú vị đã làm được cho Tổng trưởng Abakumov hoang mang, anh khoan khoái ngồi trong chiếc ghế da quá êm này. Anh chỉ hơi hồi có một điều là với mục đích tỏ ra bất cần, anh đã từ chối điều thuốc thơm hiểm có kia. Tổng trưởng Abakumov kiểm soát trên giấy:

“Kỹ sư Bobynin, anh là kỹ sư Trưởng toán làm việc ở Phòng Số Bảy?”

“Phải”.

“Tôi yêu cầu anh trả lời thật rõ rệt: Bao giờ giàn máy điện thoại đặc biệt được hoàn thành? Bao giờ thì máy dùng được?”

Bobyenin ngược đôi lông mày đen rậm lên:

“Chuyện này hơi lạ đó. Sao ông không hỏi Đại tá Yakanov mà lại hỏi tôi?”

“Tôi muốn hỏi chính các anh. Đến tháng hai này máy có thể dùng được chưa?”

“Tháng hai? Ông có giỡn chơi không đó? Ông muốn chúng tôi chế tạo ra một thứ có thể dùng được hay là làm bậy cho xong rồi muốn ra sao thì ra? Coi nào - sớm nhất cũng phải là nửa năm nữa. Còn muốn cho máy thật hoàn hảo thì phải một năm”.

Abakumov như người bị búa tạ nện xuống đầu. Y điếng hồn nhớ lại bộ ria mép rung động, giận dữ của Lãnh tụ mỗi khi gặp điều gì trái ý hoặc phải chờ đợi, và y nhớ lại những lời y đã long trọng hứa với Lãnh tụ, những lời hứa căn cứ trên lời hứa của bọn Oskolupov, Yakanov. Y có cái cảm giác rụng rời chân tay của kẻ đi đến bệnh viện xin thuốc cảm cúm để hốt nhiên được biết mình bị ung thư cuống họng.

Và y cố gắng gằn giọng:

“Bobyenin, tôi muốn anh suy nghĩ kỹ trước khi nói: anh có thể hoàn thành cái máy đó nhanh hơn được không? Nếu được, anh cho tôi biết: Cần phải làm những gì, cần phải có những gì?”

“Nhanh hơn? Không thể được”.

“Nhưng tại sao? Vì nguyên nhân nào? Kẻ nào có lỗi? Nói cho tôi biết, đừng có sợ gì cả. Cho tôi biết kẻ nào có lỗi, bất cứ kẻ đó ở cấp bậc nào, tôi cũng tống nó xuống làm lính trơn”.

Bobyenin ngồi vất chân, dựa lưng và ngửa mặt nhìn lên trần nhà. Abakumov nói như rít lên qua

hàm răng nghiền lại:

“Dự án này đã kéo dài hơn hai năm mấy tháng rồi còn gì? Hai năm rưỡi trong lúc các anh chỉ được quyền làm trong thời hạn một năm”.

Cơn giận trong Bobynin nổ ra:

“Ông nói cái gì? Thời hạn là cái gì? Ai lại ngu si ra hạn cho một dự án khoa học bao giờ? Ông quan niệm khoa học như thế nào? Khoa học đâu có phải là cây đuốc thần của bà tiên để ông có thể ra lệnh: Xây cho ta tòa lâu đài trước sáng mai và sáng mai ngủ dậy, ông thấy tòa lâu đài mới tinh hiện ra trước mắt? Ông phải biết là vấn đề đã được đặt ra sai ngay từ đầu. Ai có thể biết trước được có bao nhiêu hiện tượng bất ngờ xảy đến trong một dự án khoa học. Thời hạn! Ông tưởng chỉ cần ra thời hạn phải làm xong đã giải quyết được tất cả hay sao? Ông có biết rằng ngoài việc ra lệnh ông còn cần phải có những người được ăn uống đầy đủ, những người thoải mái về tinh thần, những người tự do để làm công việc ấy? Không ai có thể làm việc được trong không khí nghi ngờ vô lý ở đây. Ông đâu có biết chúng tôi chỉ có một cái máy tiện cổ lỗ sĩ để dùng và chúng tôi phải khiêng cái máy hạng bét đó hết chỗ này sang chỗ khác. Vì máy quá cũ nên nó bị hư, cần trục gãy phải hàn lại mất ba mươi ruble. Cái máy tiện đó sống đã một trăm hai mươi năm trời rồi. Nó nhão hết mọi bộ phận. Vậy mà vì nó hư, anh Thiếu tá Shikin ngu đần, sĩ quan an ninh ở đó, bắt tất cả chúng tôi tới để thẩm vấn liên tục trong hai tuần lễ. Hắn muốn tìm cho ra kẻ phá hoại để gán thêm án tù vì tội phá hoại. Tên đó là sĩ quan an ninh trong Viện, một gã ăn hại. Lại còn một tên nữa cũng là sĩ quan an ninh. Tên Shikin phụ trách an ninh trong các phòng thí nghiệm, tên kia giữ an ninh trong nhà giam. Gã làm cho bọn tôi điên đầu vì những báo cáo ti tiện của gã. Mà các ông làm cái gì phải có tới hai tên sĩ quan giữ an ninh ở đây chứ? Ai cũng biết là chúng tôi chế tạo máy điện thoại cho Stalin, và chính Stalin đích thân ra lệnh làm máy này. Vậy mà với một công tác như thế các ông cũng không cung cấp cho chúng tôi đủ vật liệu cần thiết. Khi chúng tôi cần bóng đèn thì không có hoặc là có nhưng không đúng thứ chúng tôi cần dùng, cả đến những bàn dao-động-đồ cũng không đủ. Thật là xấu hổ. Vậy mà ông còn hỏi rằng ai có lỗi. Ngoài ra, các ông đâu có nghĩ gì tới những người làm việc cho các ông ở đó. Họ đều làm việc mỗi ngày mười hai tiếng có ngày tới mười sáu tiếng, nhưng các ông chỉ cho những kỹ sư trưởng toán ăn thịt còn những người khác ăn xương. Tại sao các ông không cho họ được gặp thân nhân họ? Đáng lẽ mỗi tháng họ được gặp vợ con họ một lần thì các ông chỉ cho họ mỗi năm được gặp một lần. Việc đó giúp tinh thần họ lên cao để họ có thể làm việc cho các ông hữu hiệu hơn hay sao? Hay là các ông không có đủ xe Maria đen để đưa tù đi gặp vợ con. Hay là thiếu tiền trả cho bọn lính canh để đi làm những ngày nghỉ? Trước kia trong ngày chủ nhật chúng tôi được đi lại suốt ngày ở ngoài sân vườn, bây giờ cấm. Tại sao lại cấm? Để chúng tôi làm việc nhiều hơn ư? Các ông phải biết chúng tôi làm cho các ông những công việc gì và chúng tôi cần có những gì để làm công việc ấy chứ? Nhất người ta suốt đêm trong phòng kín đâu có phải là công việc sẽ làm nhanh hơn. Mà tôi có nói với ông cũng vô ích. Như ông chẳng hạn - tại sao ông lại gọi tôi tới đây vào lúc nửa đêm như thế này. Bộ ban ngày không có đủ thì giờ hay sao? Tôi còn có việc phải đi làm ngày mai. Tôi cần ngủ”.

Bobynin đứng thẳng người, giận dữ, to lớn.

Abakumov thở phì phò, nhấn mạnh nút chuông điện.

Lúc đó đã mười một giờ hai phút. Trong một tiếng đồng hồ nữa, vào lúc hai giờ ba mươi sáng, Abakumov phải tới báo cáo với Stalin trong biệt xá ở Kuntsevo.

Nếu tên kỹ sư này nói đúng, bằng cách nào y có thể thoát được tai họa này?

Stalin không bao giờ tha thứ.

Sau khi Bobynin đi khỏi, Abakumov nhớ lại bộ tam-đầu-chế dối trá Sevastyanov, Oskolupov và Yakanov, cơn giận như một tấm màn đen phủ xuống mắt y.

Abakumov cho gọi ba tên dối trá đó trở lại.

18 Sinh nhật của người hùng

Căn phòng nhỏ hẹp và trần phong thấp. Phòng có hai cửa ra vào nhưng không có cửa sổ, tuy vậy không khí trong phòng vẫn mát và dễ chịu. Một kỹ sư đặc biệt thường trực chịu trách nhiệm giữ cho không khí trong phòng này lưu thông và trong sạch. Một phần lớn của căn phòng bị choán vì chiếc ghế dài có thành tựa bọc da nâu trên có những chiếc gối dựa bọc vải hoa. Trên tường, hai bóng đèn điện hồng nằm trong lồng kiến mờ soi sáng căn phòng. Trên chiếc ghế dài có một người đàn ông nửa nằm nửa ngồi. Người đàn ông này là người mà khuôn mặt, dáng người đã được điêu khắc trên đá, vẽ bằng dầu, bằng màu nước, bằng phấn, bằng sơn, bằng bột, bằng chì, bằng than với đủ thứ màu sắc, được đắp bằng những viên đá, viên sỏi, bằng vỏ sò vỏ ốc, bằng gạo, bằng những hạt đậu nành, bằng ngói, được chạm trổ trên ngà, trên gỗ quý, trên sừng, được đan bằng sợi, trồng bằng cỏ, được hợp lại bằng những đoàn phi cơ bay trên trời, được chụp hình, được quay phim. Trong khoảng ba tỷ năm dài của trái đất này chưa có người nào được người đời tạo hình nhiều đến như người đàn ông này.

Y nằm đó hai chân để trên cao, hai chân y đi đôi giày da cao cổ, kiểu giày của người Caucase, làn da mềm như giày chỉ là đôi vớ dày. Y bận chiếc áo làm việc có bốn túi lớn, hai túi ở ngực, hai túi bên dưới - chiếc áo đã cũ, đã được mặc nhiều lần, một trong những chiếc áo bốn túi được y mặc kể từ thời nội chiến và từng được y thay bằng bộ quân phục Thống chế kể từ sau trận Stalingrad.

Tên người đàn ông này được đăng trên báo chí, được cả ngàn xưởng-ngôn-viên của cả ngàn đài phát thanh trên thế giới nhắc đến bằng hàng trăm thứ tiếng, được hô lớn bởi những diễn giả ở đầu và cuối những bài diễn văn, được hát bởi những giọng ca tròng trẻo của những em nhi đồng, được thốt lên từ miệng những vị Giám mục. Tên người đàn ông này thấp thoáng trên môi những tù binh hấp hối, giữa những hàm răng tê cóng của những người tù rạc trong những trại tập trung. Tên người đàn ông này cũng được đặt cho vô số những thị trấn, những công viên, đường phố và đại lộ, những lâu đài, những đại học đường, trường học, bệnh viện, núi, sông, xưởng máy, hầm mỏ, nông trường, công xã, chiến hạm, tàu phá băng sơn, tàu đánh cá, ấu trĩ viện và được một nhóm ký giả báo chí Mạc Tư Khoa đề nghị đặt cho sông Volga và dùng để gọi mặt trăng.

Y chỉ là một người đàn ông hơi già với một cái cằm chẻ đôi hơi xệ - trong những bức hình chụp y người ta không bao giờ thấy cái cằm xệ này - với cái miệng đượm mùi thuốc lá Thổ Nhĩ Kỳ, những ngón tay y mập và có dầu thường để lại những vết như vết mỡ trên những trang giấy mỏng. Hôm qua và hôm nay y không được dễ chịu và khỏe lắm: Ngay cả trong bầu không khí ẩm áp của căn phòng y vẫn cảm thấy lạnh lạnh ở lưng và hai vai, trên vai y choàng chiếc khăn lông lạc đà màu nâu.

Y không bận rộn vì bất cứ chuyện gì. Y ngồi đó lật giở từng tờ một quyển sách nhỏ bìa da nâu với vẻ hài lòng hiện trên nét mặt. Y nhìn với một vẻ chú ý lên những tấm hình in trong quyển sách và thỉnh thoảng, y đọc vài đoạn trong sách mặc dù y đã dần thuộc lòng trọn quyển sách này. Và y lần giở từng trang. Quyển sách này càng thêm tiện lợi vì khuôn khổ của nó nhỏ vừa vào túi áo ngoài của mọi người, nó có thể đi theo người ta bất cứ đâu trong suốt cả một đời. Nó gồm hai trăm năm mươi trang và được in bằng chữ khá lớn và rõ để cho những người đã già mắt kém hoặc những người ít học cũng có thể đọc được dễ dàng. Nhan đề của nó được in trên bìa bằng chữ vàng: Tiểu sử Iosif Vissarionovich Stalin.

Những dòng chữ rất thường, dễ hiểu và lương thiện trong quyển sách này tất nhiên là phải có tác động đến trái tim người đọc. Tài ba về chiến thuật - chiến lược thần kỳ của Stalin, sự nhìn

xa thấy rộng của Stalin...tất cả đều được ghi lại trong quyển sách này. Kể từ năm 1918, y đã trở thành một phụ tá đắc lực của Lênin. (Đúng, đúng, chuyện này đúng). Người lãnh đạo cuộc cách mạng bị bối rối vì tình trạng lộn xộn tưởng như không sao giải quyết nổi, chính là nhờ Stalin mà cách mạng đã toàn thắng. (Đúng, thật đúng). Chúng ta may mắn vô cùng nên mới có được một vị lãnh tụ tài ba và giàu kinh nghiệm - Đại Lãnh Tụ Stalin - dẫn dắt trong những ngày khó khăn, bi thảm đó. (Đúng vậy, dân tộc này quả là may mắn.) Tất cả chúng ta đều có dịp thấy rõ sự sáng suốt vô biên của người, tinh thần quang minh tuyệt vời của người. (Đúng vậy, không nên khiêm tốn giả dối, ta phải nhận đó là sự thực.) Tình yêu thương đồng bào của người. Lòng nhân ái của người. Khả năng thông cảm sâu xa của người. Bản tính khiêm tốn kỳ diệu của người. (Khiêm tốn -phải đấy, mình khiêm tốn thật.)

Tốt. Và họ nói sách này bán chạy lắm. Ấn bản thứ hai này in năm triệu cuốn. Nhưng với một nước rộng như thế này thì con số đó vẫn còn là quá nhỏ. Ấn bản thứ ba phải in ít nhất là mười triệu cuốn, hoặc hai mươi triệu cuốn. Sách phải bán thẳng cho các xưởng may, trường học, nông xã.

Y cảm thấy hơi lợm giọng. Đặt quyển sách xuống, y bóc vỏ một trái cam tươi trên mặt bàn tròn và cắn vào trái cam. Nếu y mút chất nước của trái cam, y sẽ hết lợm giọng và miệng y sẽ dễ chịu vì chất nước chua chua ngọt ngọt của trái cam để lại.

Y nhận thấy, nhưng y sợ không dám nhìn nhận, là sức khỏe của y mỗi tháng một kém đi. Y có những phút quên lãng. Y khổ sở vì chứng lợm giọng buồn nôn. Y không đau đớn gì rõ ràng cả nhưng một sự mệt mỏi khó chịu thường giữ y ngồi dính xuống ghế nhiều giờ đồng hồ trong một ngày. Ngay cả việc ngủ cũng không làm cho y dễ chịu. Sau giấc ngủ, y tỉnh dậy và vẫn bải hoải, rã rượi, bần thần như trước khi ngủ, đầu y vẫn nặng và y không còn muốn đi lại, làm việc. Ở miền Caucase, một người đàn ông bảy mươi tuổi vẫn còn là trẻ, vẫn còn leo núi, cưỡi trên lưng ngựa, trên bụng đàn bà. Và xưa kia, y mạnh khỏe biết chừng nào. Y vẫn tin chắc là y sẽ sống đến chín mươi tuổi. Có chuyện gì đã xảy ra? Vì sao y lại thay đổi, lại yếu đi đến thế này? Trong khoảng những năm gần đây Stalin không còn có thể hưởng thụ cái khoái lạc lớn nhất trong đời y nữa - cái khoái lạc đó là việc ăn uống. Nước cam tươi làm cho lưỡi y rát, caviar dính vào kẻ răng y, và y ăn với một vẻ lãnh đạm không thấy gì là ngon cả những món ăn nhiều ớt, nhiều tiêu của miền Georgia. Y cũng không còn khoái uống rượu như xưa nữa - mỗi lần uống rượu y lại nhức đầu. Và chỉ cần nghĩ đến đàn bà thôi cũng đã đủ làm cho y kinh tởm.

Vì đã quyết định sẽ sống đến năm chín mươi tuổi, Stalin buồn rầu nghĩ rằng những năm sắp tới sẽ không đem lại cho y được một nỗi vui riêng nào, y sẽ phải chịu đựng hai mươi năm trời nữa vì hạnh phúc của nhân loại.

Một ông bác sĩ đã cảnh cáo y như thế - (và ông này đã bị bắn chết chính vì thế) - Những ông nghe run rẩy trong bàn tay của những nhân vật nổi tiếng nhất trong giới y khoa ở Mạc Tư Khoa. Những ông này không bao giờ tiêm thuốc cho Stalin. (Chính Stalin đã ra lệnh không được dùng thuốc chích). Họ chỉ dùng khoa chạy điện và khuyến cáo y dùng nhiều trái cây hơn. Ba ngày trước đây là ngày kỷ niệm sinh nhật thứ bảy mươi rực rỡ của y. Họ đã thực hiện lễ kỷ niệm nay từng giai đoạn: Trong đêm hai mươi Traicho Kostov đã bị đánh đến chết, chỉ sau khi ánh mắt của tên hèn hạ ấy đã mờ đi, lạc thần những cuộc liên hoan mới thực sự bắt đầu. Trong ngày hai mươi một có một cuộc lễ lớn được tổ chức ở Đại Hí viện Bolshoi, Mao Tse-Tung và Ibarruri cùng nhiều đồng chí khác đọc diễn văn mừng thọ ở đây. Và sau đó là một bữa tiệc lớn, rồi tiếp ngay sau đó là một bữa tiệc nhỏ. Họ uống những chai rượu quý được cất trong hầm rượu Y Pha Nho để dành vào những dịp đặc biệt này. Y uống rượu với sự thận trọng, vừa uống vừa để ý quan sát ngẫm những khuôn mặt đỏ khê quanh y. Sau nữa, y và Lavrenty uống rượu Kathetinskoye và hát những bài ca miền Goergia. Trong ngày hai mươi hai có một cuộc tiếp tân ngoại giao đoàn vĩ đại. Trong ngày hai mươi ba, y ngồi coi hai cuốn phim Trận chiến Stalingrad của Đạo diễn Virta (phần hai) và phim Năm 1919 khó quên của Đạo diễn Visnhevsky. Cả hai phim này đều có hình ảnh y do hai diễn viên điện ảnh đóng.

Mặc dù việc ngồi coi phim làm cho y mệt mỏi y vẫn thích hai cuốn phim này. (Cả hai đạo diễn đều được lãnh giải Stalin.) Hiện giờ vai trò của y trong cuộc nội chiến cũng như trong trận đại chiến Thế giới thứ hai, trận chiến tranh thần thánh bảo vệ quý hoạch, đã được diễn tả đúng và đầy đủ. Người ta đã thấy rõ ngay từ xưa y đã là một nhân vật vĩ đại đến là chừng nào. Y nhớ rằng y từng nhiều lần cảnh cáo và sửa lỗi cho Lênin. Lênin quá cả tin và đôi khi khờ khạo. Và

đạo diễn Visnhevsky đã làm đúng khi để cho y nói trong phim: “Bất cứ người công nhân nào cũng có quyền nói lên ý kiến của mình. Có ngày chúng ta sẽ ghi điều ấy vào hiến pháp”. Việc đó có ý nghĩa gì? Ý nghĩa của việc đó là trong khi ở Yudenich để chỉ huy cuộc bảo vệ Petrograd, Stalin đã nghĩ đến việc soạn thảo một hiến pháp dân chủ trong tương lai. Thời đó tình trạng xã hội được gọi là “vô sản chuyên chế” - nhưng đâu có quan hệ gì, chỉ biết là chế độ đó đúng, chế độ đó mạnh.

Và trong cuốn phim Trận chiến Stalingrad của Virta, đoạn phim ban đêm Stalin tâm sự với một người bạn là đoạn phim tốt, thành công. Thực ra, suốt đời Stalin, y chưa từng bao giờ có một người bạn nào lý tưởng như vậy cả, bởi vì loài người xảo trá và không bao giờ thành thực, nhưng khi ngồi coi đoạn phim cảm động đó chiếu trên màn ảnh, Stalin vẫn cảm thấy nghẹn ngào trong cổ họng và nước mắt ứa ra trên mi - (tâm hồn y còn là tâm hồn nghệ sĩ nữa) - và y thèm khát được có một người bạn thẳng thắn, không ích kỷ, một người bạn mà y có thể nói hết tất cả những gì y nghĩ ngợi trong những đêm dài.

Nhưng dù không có cũng không sao. Quần chúng bình dân yêu mến Lãnh tụ, hiểu y và yêu y, vậy là đủ rồi - và đó là tình trạng có thật. Y nhìn thấy sự yêu mến và thông cảm ấy hiển hiện trên những trang báo, trên phim ảnh, qua những tặng phẩm sinh nhật. Ngày sinh nhật của y đã trở thành một ngày quốc khánh, và đó là một điều làm cho y ấm lòng. Không biết bao nhiêu là điện văn chúc thọ được gửi đến. Từ những viện, những cơ sở, những tổ chức, những xưởng máy và những tư nhân. Nhật báo Pravda đã xin phép được đăng tải mỗi ngày hai cột báo những điện văn này. Họ có thể đăng hết năm này qua năm khác mà vẫn không bao giờ hết được điện văn. Được lắm, đó cũng là một ý kiến hay.

Và những tặng phẩm chất đầy mười gian phòng trong Viện Bảo tồn Cách mạng. Để khỏi ngăn cản những công dân Mạc Tư Khoa đến đó chiêm ngưỡng những tặng phẩm ban ngày, Stalin đã tới đó coi vào ban đêm. Đó là tác phẩm, chế tạo phẩm của cả ngàn tay thợ khéo, đó là những tặng phẩm đẹp nhất thế giới, những tặng phẩm hàng hà sa số được đặt, bày, treo, dựng trước mắt y. Nhưng ở đó y cũng cảm thấy lạnh đạm, chán chường. Những tặng phẩm này có ích gì cho y? Y coi thường tất cả và chán nản tất cả. Khung cảnh Viện Bảo tồn này gợi trong ký ức y một kỷ niệm khó chịu nào đó, một khó chịu mơ hồ thường ám ảnh y ít lâu nay. Y không sao biết rõ được nguyên nhân nó, y không nắm được nó, y chỉ thấy nó mơ hồ ẩn hiện và làm cho y khó chịu. Y đi qua ba gian phòng đầy tặng phẩm nhưng không chọn qua một món nào hết. Rồi y đứng lại trước một giàn máy Tivi lớn hơn hàng chữ khắc “Nhân viên Cheka kính tặng Đồng chí Stalin vĩ đại”. [1]

(Giàn Tivi này được chế tạo ở Viện Mavrino - đây là giàn Tivi duy nhất, lớn nhất được chế tạo ở Liên bang Xô Viết.)

Rồi y quay gót và đi ra.

Những ngày liên hoan trôi qua như thế. Y chẳng cảm thấy có gì là vui, là phấn khích hết. Có một cảm giác gì đó nặng nề trong lồng ngực làm cho Stalin lo âu và thắc mắc, cảm giác đó có từ lúc y đứng trong Bảo tồn viện, có một cái gì trong đó đã gây cho y cái cảm giác khó chịu ấy nhưng y vẫn không biết rõ vì cái gì.

Quần chúng muốn y, điều đó đúng, đúng lắm nhưng quần chúng không biết nhìn xa. Làm cách nào sửa được khuyết điểm ấy? Chế độ cộng sản sẽ được thực hiện nhanh chóng và hoàn hảo biết chừng nào nếu không có những tên công chức vô hồn, nếu không có những tên cán bộ cao cấp ngu dốt, nếu không có những sơ hở, yếu kém trong công tác giáo dục và hướng dẫn quần chúng. Ngay cả bọn đảng viên cũng lầm lạc và xao lãng nhiệm vụ lịch sử của chúng. Lại còn những chậm trễ trong những kế hoạch xây dựng, những chậm trễ trong kế hoạch sản xuất, sự thiếu thốn những hóa phẩm tốt, những chương trình sai lầm, sự lãnh đạm của tất cả trước những cố gắng áp dụng kỹ thuật mới và dụng cụ mới, sự từ chối của bọn trẻ lười biếng không chịu xung phong đi công tác ở những miền xa để mở rộng biên cương, năng suất nông phẩm tụt dốc, tình trạng hoang phí của bọn cán bộ thuế, tình trạng trộm cắp trong những kho chứa, tình trạng tham nhũng, biển thủ, chiếm công vi tư của bọn ủy viên, bọn tù nhân phá hoại ngầm, rồi lại còn bọn công an chủ trương tự do, bọn hành nghề chợ đen hỗn xược, bọn đàn bà nội trợ tham lam, đòi hỏi, bọn trẻ con hư vì được quá nuông chiều, bọn chuyên bàn tán nhảm trên xe buýt, bọn văn nghệ sĩ đòi tự do sáng tác, bọn “phê bình, chỉ trích” láo lếu, bọn làm điện ảnh phá phách không còn biết đến kỷ luật là gì.

Thật vậy, quần chúng có quá nhiều lỗi lầm cần phải sửa đổi. Như trong năm 1941 chẳng hạn, cái gì đã làm cho họ rút lui? Họ đã được lệnh ở lại đó cho tới chết. Tại sao họ không chịu làm thế? Năm đó, ai đã rút lui, ai đã bỏ chạy, nếu không phải là quần chúng?

Nhưng nhớ lại năm 1941, Stalin cũng không sao tránh thoát được việc nhớ lại những yếu đuối và lầm lẫn của chính y - y đã vội vã đi khỏi Mạc Tư Khoa trong tháng mười năm ấy, sự bỏ đi của y không cần thiết. Tất nhiên đó không phải là y bỏ trốn, bởi vì trước khi đi, Stalin đã để lại nhiều người có trách vụ. Y đã ra lệnh cho những người phải ở lại chiến đấu bảo vệ thủ đô đến giọt máu cuối cùng, nhưng hồi ời, chính những đồng chí được tin cần này lại yếu tinh thần, trước sức tấn công của quân Đức Quốc Xã, họ bỏ chạy và sau cùng Stalin lại phải trở về và tự lực bảo vệ thủ đô.

Y đã cho đi tù tất cả những kẻ nào không may được chứng kiến và nhớ lại cơn hoảng loạn trong ngày 16 tháng mười năm đó. Nhưng y cũng tự trừng phạt chính y - y đã đứng duyệt cuộc diễn binh trong tháng mười ấy. Khoảnh khắc thời gian đó cũng giống như y bị ngã xuống một hố băng đá ở Turukhansk, nơi y bị lưu đày. Ở Turukhansk thời đó chỉ có băng giá và tuyệt vọng, nhưng từ băng giá tuyệt vọng đã trỗi lên sức mạnh. Đó không phải là một sự kiện đáng cười - một cuộc diễn binh trong khi quân địch đã đến sát chân thành.

Nhưng muốn trở thành nhà Lãnh tụ vĩ đại nhất của muôn đời, nhà Lãnh tụ vĩ đại nhất của những nhà Lãnh tụ vĩ đại, người ta phải hy sinh, chịu đựng nhiều. Lẽ tự nhiên rồi. Một mối vì bất động, vô tình Stalin để cho tâm trí y bị tràn ngập bởi những tư tưởng hắc ám nặng nề. Y không chú tâm đến bất cứ vấn đề gì rõ rệt trong lúc này. Y nhắm mắt lại và nằm đó trong khi những mẫu ký ức rời rạc theo nhau trở về trong óc y. Không biết vì sao mỗi khi y hồi tưởng, y không nhớ được những kỷ niệm tốt đẹp, êm đềm, chỉ có những kỷ niệm xấu, khó chịu hiện ra. Nếu y nhớ lại những cảnh vật miền Gori, nơi y ra đời, những ngọn đồi cỏ xanh ở đó không hiện ra, những dòng sông Medzhuda, Liakhva nước trong cũng không thấy hiện ra. Y chỉ nhớ lại toàn những gì đáng thù ghét ở đó, những gì đã ngăn cản không cho y trở lại thăm nơi đó, dù chỉ là thăm trong một tiếng đồng hồ ngắn ngủi, nơi y đã ra đời, đã sống những ngày thơ ấu. Không một lần nào y trở về đó để thăm lại mái nhà xưa. Nếu y nhớ lại năm 1917, y chỉ nhớ có sự kiện Lênin từ ngoại quốc trở về với mở chủ nghĩa chủ quan và sự kiện Lênin đảo lộn tất cả những thành quả gặt hái được từ trước, và nhớ sự kiện thiên hạ đã cười ồ chế nhạo, khinh khi ra sao khi Stalin đề nghị thành lập một đảng hợp pháp và chung sống hòa bình với chính phủ lâm thời. Họ đã cười nhạo y hơn một lần - nhưng tại sao họ lại cứ trút những việc khó khăn, nguy hiểm, tối tăm cho y làm? Họ cười y nhưng cũng chính y chứ không phải người nào khác, trong ngày mùng 6 tháng bảy năm ấy được họ sai đi từ Lâu đài Kshesinskaya đến đồn Petropavlovsk để thuyết phục đám thủy thủ ở đây trao đồn này lại cho Kerensky và rút lui về Kronstadt đám thủy thủ ném đá đuổi về. Người ta phải biết cách nói chuyện với những người dân Nga. Y nhớ lại năm 1920 và lập tức hình ảnh Tukhachevsky hiện ra khi gã, với đôi mắt long lên, với vành môi nhăn nhúm, tố cáo lớn tiếng rằng chính là lỗi ở Stalin nên mới không chiếm được Warsaw. Gã ngu dại ấy chết vì lời tố cáo bậy bạ ấy.

Trông suốt đời y dường như không có qua một chuyện gì êm đẹp. Đời y không được êm đẹp bởi vì luôn luôn bị người khác can thiệp. Và khi kẻ này bị thanh toán đi, lại có những kẻ khác hiện ra. Cứ thế và cứ thế người ta quấy rầy y mãi không thôi.

Y nghe tiếng gõ cửa. Những tiếng này không hẳn là tiếng gõ cửa, chúng như tiếng cào nhẹ của một con chó bên ngoài cánh cửa gỗ dày.

Stalin xoay một nút điện bên tay ghế, đó là nút điện mở khóa cửa từ xa. Khóa cửa bật ra với một tiếng "cách" khẽ và cánh cửa mở hé. Cửa này không có màn che vì Stalin không thích quanh y có màn cửa, rèm che giường, bất cứ món gì người khác có thể ẩn nấp được. Cánh cửa hé mở đủ để cho một con chó len vào nhưng thay vì con chó, cái đầu hói nhăn nhúm của Poskrebychev rồi bộ mặt lúc nào cũng có vẻ trung thành lương thiện của gã hiện ra.

Chú ý đến tình trạng sức khỏe đêm nay của Lãnh tụ, Poskrebychev thấy Stalin nằm dài trên ghế với chiếc khăn lông lạc đà đắp trên vai, nhưng gã không hỏi thăm đêm nay Lãnh tụ có mạnh khỏe hay không - sức khỏe Stalin bao giờ cũng được coi là hoàn hảo - gã chỉ nói nhỏ đủ nghe: "Yos Sarionich Abakumov sẽ có mặt vào lúc hai giờ rưỡi. Ông có tiếp hán không? Có thể cho hán về?"

Iosif Vissarionovich mở nút túi áo ngực rút ra chiếc đồng hồ - (cũng giống như những người sống theo kiểu cách cũ, y không chịu nổi loại đồng hồ đeo cổ tay).

Chưa đến hai giờ sáng.

Y không muốn thay y phục và rời căn phòng này để vào văn phòng. Nhưng y cũng không thể để cho kỷ luật bị lỏng lẻo. Nếu y lỏng tay cương một chút, chỉ cần một chút thôi, bọn họ sẽ biết ngay tức khắc.

Stalin trả lời với vẻ mệt mỏi và đôi mắt chớp luôn mấy cái:

“Để coi. Ta chưa biết”.

“Dạ. Vậy thì cứ để cho hẳn tới, cho hẳn chờ”.

Poskrebychev nói và gạt đầu liền ba cái. (Gã biết rằng càng tỏ ra con nít và khờ khạo chừng nào địa vị của gã càng vững chắc chừng ấy). Rồi nét mặt gã nghiêm lại, gã chú ý nhìn Lãnh tụ:

“Xin ông cho lệnh về đêm nay?”

Stalin nói dưới chòm ria mép:

“Sasha, đi đi. Để ta yên”.

Poskrebychev gạt đầu thêm một lần nữa và lùi ra, khép chặt cánh cửa lại.

Iosif Vissarionovich nhấn nút điện khóa cửa lại và kéo chặt chiếc khăn đắp lên vai, xoay mình nằm nghiêng qua phía bên kia.

Y nhìn thấy trên mặt chiếc bàn nhỏ ở đầu ghế có một quyển sách nhỏ, in trên giấy báo thường, bìa màu đen và đỏ.

Đột nhiên y nhận ra cái gì đã làm cho y khó chịu, cái gì đã đè nặng tim y, đã cháy âm ỉ trong ngực y và làm cho lễ sinh nhật của y mất hứng thú: Cái đó là một người, một người đã can thiệp bậy vào đời y mà y vẫn chưa thanh toán được, người đó là Tito. Tito!

Tại sao chuyện này lại có thể xảy ra được? Sao y lại có thể làm lẫn đến như thế về con bọ cạp đó? Những năm 1936, 1937 là những năm vinh quang rực rỡ nhất trong đời y. Trong hai năm đó y đã trừ khử được những kẻ khó trừ khử nhất, không biết bao nhiêu đầu người đã rơi trong hai năm ấy nhưng vậy mà y đã để cho Tito lọt qua kẽ tay y.

Với một tiếng gừ, Stalin buông hai chân xuống sàn. Y ngồi thẳng lên và giơ tay lên vuốt nhẹ mái tóc hung hung, xám xám, mái tóc đã có một miếng hói thấy rõ. Những sự bất-như-ý, những bất mãn chất chứa trong dĩ vãng ào ào trở lại làm cho y choáng váng. Như một người hùng trong huyền thoại, suốt đời Stalin đã bận rộn với việc chặt đầu con quái long, nhưng vừa chặt xong đầu này con vật lại mọc ngay đầu khác. Trong những năm qua y đã chặt đầu kẻ thù chất lên thành núi, nhưng y đã vấp phải một cái rễ cây.

Iosif đã ngã vì Iosif. [2]

Kerensky, tuy trước đây cũng là kẻ thù của Stalin, vẫn còn sống ở đâu đó nhưng Kerensky không đáng cho y để ý đến nữa. Với Stalin, dù bây giờ Nicholas Đệ nhị hay Kolchak có sống lại cũng vậy thôi, y không thấy thù hận gì với hai người này, họ là những kẻ thù công khai của y, họ không lẫn tránh để rồi bày đặt thực hiện một chế độ xã hội tốt đẹp hơn chế độ xã hội của Đại Lãnh tụ Stalin.

Một chế độ xã hội tốt đẹp hơn? Một chế độ xã hội khác với chế độ xã hội của Stalin? Mẹ kiếp. Ai có thể thành lập được chế độ xã hội mà không có Stalin? Vô lý.

Đó không phải là vấn đề Tito có thành công hay không. Làm sao tên ngu dốt đó có thể thành công cho được. Nhất định là thế rồi. Stalin nhìn Tito như một ông bác sĩ già ở đồng quê, đầy kinh nghiệm, từng mổ không biết bao nhiêu là bộ phận trong cơ thể những người bệnh, trong những túp lều không có lò sưởi, trên những tấm ván đặt ngay bên cạnh đường đi, nhìn một chú y sĩ tập sự bận áo trắng loay hoay giải phẫu.

Những công trình do Lênin để lại đã được đổi mới ba lần, những lý thuyết của Marx và Hegel đã được sửa lại hai lần. Tất cả những kẻ không đồng ý với Stalin, những kẻ được nhắc đến từ thời Lênin còn sống, những kẻ đòi thực hiện xã hội chủ nghĩa theo những đường lối khác với chủ trương của Stalin đều ngủ yên dưới đáy mồ, đều đã bị quên lãng, khi từ cả những cánh rừng xa xôi nhất ở miền Bắc không còn vang lại qua một hoài nghi, một chỉ trích nào, đột nhiên Tito từ trong bóng tối chui ra với lão lý thuyết gia - tín điều Kardel và tuyên bố chủ nghĩa xã hội cần được thực hiện theo một lối khác.

Nghĩ tới đây Stalin nhận thấy con tim y đập mạnh hơn, mắt y mờ đi và toàn thân y có những cái co giật bắp thịt khó chịu.

Y cố gắng điều hòa nhịp thở. Y đưa tay vuốt mặt và sờ nhẹ bộ ria mép. Y không thể bỏ qua được. Nếu y chịu bỏ qua, Tito sẽ làm cho y mất hoan lạc trong những năm cuối cùng của đời y, sẽ làm cho y ăn mất ngon ngủ mất yên.

Khi mắt y đã nhìn rõ lại, một lần nữa Stalin lại nhận thấy cuốn sách hai bìa màu đen đỏ nằm trên bàn. Cuốn sách này không có tội gì cả. Stalin với tay cầm cuốn sách mở ra xem và y tỏ vẻ hài lòng, y đặt lại cái gối dựa để thoải mái hơn, và y lại nửa nằm, nửa ngồi với cuốn sách mở trên tay trong nhiều phút.

Đây là cuốn sách được ấn hành nhiều chục triệu cuốn, được dịch ra 10 tiếng Âu Châu, nhan đề của nó là: “Tito, tên phản bội” và tác giả của nó là Renaud de Jouvenel - (Nội dung cuốn này giá trị ở chỗ tác giả, một người Pháp, một người có cái tên quý phái, đã đứng ngoài cuộc tranh chấp, đã tỏ ra hoàn toàn vô tư và khách quan) - Stalin đã đọc kỹ cuốn sách này trước đó ít ngày và cũng như đối với những cuốn sách làm y khoan khoái, y vẫn để nó quanh quẩn bên mình y.

Cuốn sách này sẽ làm cho tên độc tài tàn ác, hèn nhát, gian trá đó phải mở mắt. Tên phản bội dơ dáy. Tên ngu dần đê nhất thiên hạ. Điều đáng giận nữa là cả những đảng viên Cộng sản ở Tây Âu cũng có nhiều người bị tên phản bội này làm hoang mang. Lão André Marty - già đầu rồi mà còn ngu si, lão đã bị khai trừ khỏi Đảng Cộng sản Pháp - đã lên tiếng bênh vực Tito.

Y lật dần những trang sách. Những sự thực được ghi rõ ở đây. Sau khi đọc cuốn này, không ai còn có thể ca tụng được tên phản bội Tito nữa: Sự thực là đã hai lần vì hèn nhát, Tito đã muốn đầu hàng quân đội Đức Quốc Xã, nhưng Arso Jovanovich, Tổng trưởng Bộ Nhân viên, đã ép buộc Tito phải ở lại chức vụ Tổng Tư lệnh. Arso đã bị giết, Petrichevich cũng bị giết: “Bị giết vì yêu mến Stalin”. Sách ghi như thế. Ở khắp nơi người ta giết lẫn nhau, những người tốt nhất bị giết chết trước nhất, bọn người xấu xa nhất được để dành cho Stalin giết.

Tất cả sự thật đều nằm trong sách này, tất cả - Tito rõ ràng là một tên gián điệp của bọn Ăng-lê, bằng chứng là hắn tỏ ra kiêu hãnh với những chiếc quần soọc trắng đi vớ cao tới đầu gối bắt chước bọn Ăng-lê của hắn, hắn tỏ vẻ vênh vang với những huy hiệu hoàng gia thêu trên ngực áo, trên mũ hắn, người ngợm, mặt mũi hắn trông ghê tởm, y như là tên Goering, hắn còn khoái phô trương lòe loẹt, nào là cả trăm huy chương trên ngực, nào là nhẫn kim cương đeo ở ngón tay (với một gã dốt nát về binh pháp như hắn còn có cái gì để mà kiêu căng nữa?)

Một cuốn sách vô tư đứng đắn. Không rõ Tito có tật xấu nào về tình dục chẳng? Chuyện đó cũng cần viết vào đây chứ!

“Đảng Cộng sản Yugoslav nằm trong tay bọn sát nhân và bọn gián điệp. Tito chỉ có thể nắm được quyền lãnh đạo nhờ có Béla Kun và Traicho Kostov ủng hộ”.

Kostov! Cái tên này làm cho Stalin khó chịu đến là chừng nào. Cơn giận cuộn cuộn chảy trong máu y. Y đá mạnh chân y ra như y đá vào mặt tên khốn kiếp Kostov. Và đôi mi mắt xám của Stalin rung động vì cảm giác công lý đã được thi hành.

Tên Kostov đồn mặt, tên chó đẻ dơ dáy.

Và giờ đây khi hồi tưởng, Stalin thấy rõ những thủ đoạn của bọn khốn kiếp đó. Y đã tự hóa trang một cách tài tình, khéo léo. Y đã thắng được Bela Kun vào năm 1937 nhưng mới trước đây có mười ngày, Kostov đã làm ô danh tòa án Xô Viết, bằng thủ đoạn tráo trở thâm độc của hắn. Stalin từng thành công rực rỡ trong nhiều vụ kết án ly kỳ, không biết bao nhiêu kẻ thù của y đã bị y làm cho thành hèn hạ, tự hạ và thú nhận những tội lỗi đều giả nhất - vậy mà y đã thất bại trong vụ kết án Kostov. Đó là một xấu xa nhục nhã cho chế độ xã hội vì vụ này bị cả thế giới biết. Kostov trong lúc bị thẩm vấn đã lừa được cả những chuyên viên thẩm vấn kinh nghiệm nhất, hắn khóc lóc, van xin, hắn lê gối lay lục - để rồi khi ra trước phiên tòa xử công khai, trước mắt những thông tin viên ngoại quốc được mời đến nghe hắn thú tội, Kostov đã chối tất cả, chối hết. Hắn không còn biết gì đến liêm sỉ. Lương tâm đảng viên cộng sản của hắn để đâu? Còn đâu là tình đoàn kết vô sản thiêng liêng? Hắn chết nhưng hắn phải biết chết có lợi gì cho đảng mới phải chứ?

Stalin ném cuốn sách xuống bàn. Không, y không thể nằm yên ở đây được. Y phải tiếp tục chiến đấu.

Một quốc gia không lo âu có thể ngủ yên nhưng vị cha hiền của dân tộc không thể ngủ được, Stalin đứng dậy nhưng không đứng thẳng hắn người. Y mở cánh cửa thứ hai trong phòng - cánh cửa này không phải là cánh cửa hồi nãy Poskrebychev thò đầu vào - bước qua và khóa cửa lại. Y lê chân đi qua một hành lang hẹp, quanh co, không có cửa sổ, hành lang được soi sáng bởi

những miếng kiến lợp bên trên, y đi ngang những tấm gương soi chỉ thông suốt có một chiều: Y có thể nhìn qua gương ra bên ngoài nhưng người bên ngoài không thể nhìn được vào trong, để vào phòng ngủ. Phòng ngủ này cũng hẹp, trần thấp, không cửa sổ, cũng có máy điều hòa không khí. Phòng này có những tấm thép dày gắn trong vách gỗ dát kín bốn bức tường và bên ngoài là đá tảng.

Dùng chiếc chìa khóa nhỏ xíu đeo ở dây lưng Stalin mở nắp kim khí của một bình đựng rượu và rót chất rượu kích thích mà y thích uống nhất và một chiếc ly nhỏ, y uống cạn ly rượu ấy rồi lại khóa nắp bình rượu lại.

Đi tới đứng trước gương, y soi mặt y trong gương. Đôi mắt y trong, sắc và nghiêm kinh khủng. Ngay cả những vị Chủ tịch Hội đồng Nội các cũng không sao giữ được trầm tĩnh trước đối mới này. Bên ngoài của y nghiêm trang, đơn giản, đúng là bên ngoài của một lãnh tụ.

Y nhấn chuông gọi tên hầu cận người miền Georgia của y vào sửa soạn y phục cho y thay.

Ngay cả trước mắt những kẻ hầu hạ luôn luôn ở sát bên y, Stalin cũng tỏ ra trang nghiêm y hết hình ảnh của y trong lịch sử.

Lúc nào y cũng là con người thép. Tinh thần, ý chí lúc nào cũng như thép.

[1] Cheka: Tên tắt để gọi Cơ quan Chrezvychainaya Kommissia, cơ quan mật vụ chuyên dò xét, bắt bớ và khủng bố những người bị coi là phản cách mạng ở Liên bang Xô Viết. Về sau, cơ quan này còn có những cái tên khác là GuePeou hoặc MVD. Nhân viên Cheka bị dân Nga sợ và thù nhất.

[2] Tito, Thống chế và hiện nay là Thủ tướng chính phủ nước Nam Tư, cũng tên là Iosif (Joseph) như Stalin. Ra đời năm 1891, Tito cũng theo chủ nghĩa xã hội nhưng chống lại chính sách của Stalin, ly khai với Nga Xô. Stalin rất thù vì Tito chống lại bọn lãnh tụ Cộng sản Nga. Có thể nói Tito là mối hận sâu cay nhất của Stalin. Stalin chết không nhắm mắt nổi là vì không hạ được Tito.

19 Ngôn ngữ là dụng cụ của sản xuất

Đêm là thời gian làm việc tốt nhất của Stalin.

Bản tính đa nghi của y như một cuộn dây mở dần vào buổi sáng. Trong những buổi sáng âu sầu, y nghi ngờ tất cả mọi người. Y cách chức những tên cần bị cách chức, y cắt giảm những ngân khoản dự chi, y ra lệnh cho hai hoặc ba Bộ tổ hợp làm một. Ban đêm, tinh thần y sáng suốt và mềm dẻo, y quyết định việc gia tăng một số Bộ trong chính phủ lên bằng cách đem một Bộ chia ra thành hai, thành ba Bộ mới, y tìm tên đặt cho những Bộ mới lập, y ký chấp thuận những ngân khoản dự chi mới và y ký sắc lệnh công nhận những nhân viên mới được đặt vào những chức vụ mới.

Những tư tưởng giá trị nhất thường đến với Stalin vào khoảng từ nửa đêm đến bốn giờ sáng. Vào thời gian này, y nghĩ ra cách phát hành quốc-trái-phiếu mới thay thế những quốc-trái-phiếu cũ để tránh phải trả tiền lời cho những kẻ có quốc-trái-phiếu, y quyết định đạo luật trừng phạt những kẻ trốn lao động, y nghĩ ra những biện pháp kéo dài số giờ làm việc trong ngày và số ngày làm việc trong tuần, biện pháp buộc chặt bọn nông dân và công nhân vĩnh viễn vào những công việc họ đang làm, những đạo luật về tù khổ sai và cấm cố, cũng trong khoảng thời gian đêm khuya này, y quyết định giải tán Đế Tam Quốc Tế và đặt kế hoạch lâu dài lưu đầy bọn phản bội đến Tây Bá Lợi Á. [1]

Kế hoạch lưu đầy một số người gồm đủ mọi quốc tịch lên vùng băng tuyết ấy để cho họ tạo thành một chủng tộc riêng là một thí nghiệm trong những thí nghiệm táo bạo nhất của Stalin, một đóng góp trong những đóng góp lớn nhất của Stalin cho nhân loại, nhưng giờ đây y chẳng còn gì để làm cho kế hoạch đó nữa. Suốt đời y, Stalin là người nhìn xa, thấy rộng nhất trong lịch sử Xô Viết.

Y còn là cha đẻ ra nhiều đạo luật giá trị đáng kể khác nữa. Tuy vậy, y thấy còn những nhược điểm trong toàn thể hệ thống cơ cấu tổ chức xã hội và những đạo luật mới vẫn tiếp tục thành công trong việc đóng chặt, khóa kỹ tất cả, mọi chống đối đều bị tận diệt, mọi dị biệt đều bị san bằng, mọi kẻ hở đều bị bịt kín, tất cả 200 triệu người đều biết họ phải làm gì, nghĩ gì - chỉ còn có bọn trẻ tuổi trong những nông xã sản xuất là thoát ra khỏi vùng kiểm soát mà thôi.

Tất nhiên là mọi chuyện đều tốt đẹp trong những nông xã. Rất tốt đẹp nữa là khác. Stalin biết chắc như thế sau khi xem phim Nông dân miền Kuban và đọc tiểu thuyết Người kỵ mã sao vàng. Tác giả của cuốn phim và cuốn sách trên đều tới sống ở những nông xã. Họ đã nhìn, đã thấy và ghi lại những gì họ nhìn, họ thấy trong tác phẩm của họ, và rõ ràng là tất cả những gì được ghi lại đó chứng tỏ sự tốt đẹp trong những nông xã. Chính Stalin cũng từng nói chuyện với những nông xã viên khi y đến chủ tọa những đại hội của họ.

Nhưng vì là một nhà cai trị sâu sắc và có đức tính tự chỉ trích, tự kiểm thảo, Stalin đã đào sâu vào vấn đề hơn những nghệ sĩ kia. Một viên bí thư đảng ủy cấp Tỉnh có lần đã lỡ miệng tiết lộ với Stalin rằng (viên bí thư mau mồm mau miệng này chắc đã bị bắn sau đó) - không phải tất

cả đều tốt đẹp ở những nông xã: Những người đàn ông, đàn bà từng ghi tên làm việc trong những nông xã từ năm 1930 đều hăng hái làm việc, nhưng bọn trẻ - tất nhiên không phải là tất cả bọn trẻ, chỉ có một thiểu số vô trách nhiệm mà thôi - sau khi học hết cấp trung học, đua nhau xin sổ thông hành bằng đủ mọi cách bất lương để bỏ nông xã thành phố, Stalin nghe chuyện này và lập tức trong óc y sắp đặt kế hoạch sửa chữa.

Giáo dục! Chương trình học bảy năm rồi mười năm chung cho tất cả, con cái bọn bồi bếp cũng vào được trường đại học này đã tạo ra một tình trạng lộn xộn, bê bối. Lênin lầm lẫn lớn về điểm này nhưng bây giờ hãy còn quá sớm, chưa phải là lúc nên nói cho quần chúng biết như thế. Lênin chủ trương bất cứ anh bếp nào, chị đàn bà nội trợ nào cũng có thể điều khiển tốt guồng máy nhà nước! Lênin tưởng tượng ra sao mà lại có thể chủ trương kỳ cục như thế? Lại còn cho bọn bồi bếp cái quyền nghỉ làm bồi bếp trong ngày thứ sáu mỗi tuần để đi dự hội thảo trong Ủy ban hành chính tỉnh! Một chị bếp chỉ là một chị bếp, công việc của chị ta chỉ là việc nấu ăn. Còn việc cai trị cần phải có những người có biệt tài, việc cai trị chỉ có thể trao cho một số người đặc biệt nào đó đã được chọn lọc kỹ và được thử thách trong nhiều năm. Và việc điều khiển số người đặc biệt này chỉ có thể nằm trong tay một người. Người đó là Lãnh tụ.

Quy chế tổ chức nông xã phải có ghi điều đó, cũng như điều đất đai vĩnh viễn thuộc về những xã viên, bất cứ ai ra đời trong một làng quê, ngay từ lúc vừa lọt lòng mẹ, đã là một xã viên. Và chỉ có ủy ban hành chính của nông xã mới có quyền cho phép một người đi khỏi nông xã. Đường như có một kẻ nằng đó trong số những kẻ gọi là khuynh tả đã có nói đến vấn đề như thế sẽ xảy ra ở các nông xã. (Thực ra, nhóm gọi là “khuynh tả” không hề có thực, chính Stalin bày ra chuyện gọi một số người bằng cái tên đó để khi cần đến thanh toán họ cho dễ).

Không biết vì sao người ta thường thấy bọn kẻ thù của Stalin, bọn chủ trương khác với Stalin, hay nói đúng về nhiều chuyện. Những kẻ ấy đều đã chết. Nhưng Stalin như vẫn nghe thấy tiếng họ nói từ dưới đáy mồ vắng vẻ.

Mặc dù việc ban hành những sắc luật mới về nông xã là cần thiết, cũng như rất nhiều sắc luật mới cần ban hành trong mọi địa hạt, đêm nay khi bước vào văn phòng, Stalin cảm thấy tâm trí y bị lôi cuốn vì một vấn đề mơ hồ hơn.

Trên ngưỡng cửa những năm sắp tám mươi tuổi, Stalin thấy rằng y không có quyền hoãn lại những việc cần làm này lâu hơn nữa.

Người khác có thể nghĩ rằng tất cả mọi việc có thể làm được để giữ cho Stalin bất tử đều đã được làm, nhưng với Stalin - mặc dù đã được những người đồng thời suy tôn là Lãnh tụ vĩ đại nhất, người anh minh nhất, tài ba nhất - những suy tôn đó, những lời ca ngợi đó vẫn chưa đủ, y còn xứng đáng được suy tôn hơn thế nhiều. Y thấy sự thần phục của mọi người đều nông cạn, họ vẫn chưa thấy rõ thiên tài bao la của y.

Trong những ngày gần đây, một ý nghĩ thường ám ảnh Stalin: Thực hiện một thành công vĩ đại nào đó trong địa hạt khoa học để có thể nổi tiếng ngoài địa hạt triết học và lịch sử. Tất nhiên là y có thể thành công rực rỡ trong địa hạt sinh vật học nhưng y đã trao việc này cho Lysenko, một người lương thiện và cương nghị. Ngoài ra, toán pháp và vật lý hấp dẫn Stalin nhiều hơn. Mỗi lần đọc những bài thảo luận về Số Không và Kém-Số-Không đăng trong tạp Biên chứng luận về thiên nhiên, y lại cảm thấy ước ao cũng viết được như thế.

Cũng trong thời gian gần đây, sự tìm tòi làm cho Stalin chú ý đến trường hợp của giáo sư Chikobava, trường hợp này làm cho y chú ý đến ngôn ngữ học. Giáo sư Chikhobava vừa viết một cuốn khảo luận về ngôn ngữ với nội dung chống chủ thuyết Mác-xít, ông chứng minh rằng ngôn ngữ chỉ là tiếng nói của một quốc gia, một dân tộc, ngôn ngữ tự nó không có đặc tính, rõ hơn, ngôn ngữ không thể là “ngôn ngữ vô sản” hoặc “ngôn ngữ tư sản”. Nhiều học giả đã lên tiếng chỉ trích nặng nề Chikhobava và vào giờ này, nhà ngôn ngữ học hỗn xược đó chỉ còn có nước ngồi chờ nhân viên Mật vụ KGB đến nhà gõ cửa đưa đi.

Không còn gì có thể cứu được Chikhobava nếu Stalin không đích thân nhắc điện thoại lên và ra lệnh để cho ông ta sống. Stalin để cho Chikhobava sống không phải là không có mục đích: Chính y sẽ lấy ý kiến của nhà ngôn ngữ học này, y sẽ khai triển ý kiến tầm thường đó thành một chủ thuyết rực rỡ với hy vọng chủ thuyết đó sẽ giúp y trở thành bất tử.

Nếu y có thể đập tan được những lý thuyết phản động của bọn phản cách mạng, như lý thuyết về luật tương đối chẳng hạn, y sẽ làm cho dư luận thế giới rung động hơn, nhưng y đã làm quá nhiều việc, trách nhiệm của y đối với nhân dân thế giới đã quá nặng nề, y không sao còn thì giờ

để làm việc đó. Thay y phục xong Stalin ngồi vào bàn viết. Y dự định viết một thiên khảo luận về tính chất của ngôn ngữ. Viết chưa được nửa trang y đã thấy mệt. Y ngáp dài và vươn vai. Rồi y đứng dậy đi tới nhìn ô kiếng nhỏ ra vườn. Tấm kiếng này đạn bắn không thủng. Bên ngoài là một khu vườn chỉ có người làm vườn được phép đặt chân vào với một binh sĩ gác. Vào giờ này y chỉ nhìn thấy có sương mù. Y không nhìn thấy những vì sao trên nền trời, cũng không thấy qua một vật gì. Ở một mình trong căn phòng kín này Stalin không chút lo âu, y cũng không chút băn khoăn, lo ngại mỗi khi nghĩ tới nửa trái đất kia - nửa trái đất mà y vẫn chưa đặt tay lên được - y cảm thấy y có đủ sức để nắm lấy nửa trái đất đó, bẻ cong nó theo như ý muốn. Y chỉ cảm thấy e ngại mỗi khi y phải đến dự những đại tiệc, khi y phải đi trên khoảng cách từ cửa xe hơi tới cửa tòa nhà, đi một mình lên cầu thang và đi qua hai dãy người - những người đứng kính cẩn đến nhiều khi trở thành khúm núm - quá đông, quá xa lạ. Những lúc ấy Stalin cảm thấy y yếu đuối, không được bảo vệ, y không biết phải dùng hai tay y như thế nào, hai bàn tay đã quá lâu không còn được dùng đến nên đã trở thành vô dụng. Y đặt hai tay lên bụng và mỉm cười. Người ta tưởng nhà độc tài cười vì nhân từ, vì mến họ, nhưng sự thật y cười vì sợ. Chính Stalin từng nói rằng không gian là điều kiện cần bản cho đời sống của vật chất, nhưng sau khi đã làm chủ được một phần sáu đất đai toàn trái đất, y bắt đầu kính sợ không gian. Vì vậy mà y thoải mái sống trong văn phòng chật hẹp này: Ở đây không có không gian. Stalin đóng cánh cửa thép sau tấm kiếng và chậm chậm đi trở lại bàn ngồi. Đêm đã khuya quá rồi, ngay cả một thiên tài cũng không còn làm việc được nữa. Những sự kiện xảy ra trong cuộc đời không giúp y, không làm y hài lòng, nhưng y vẫn cứ phải làm việc. Những thế hệ sắp tới rồi sẽ biết công trạng của Stalin vĩ đại. Tất cả mọi người đều trông cậy vào Stalin. Quần chúng lạ kỳ và nhát sợ quá đáng. Mất bao nhiêu công lao dạy cho họ biết thế nào là dân chủ, nhưng họ vẫn ỷ lại. Nhai sẵn thức ăn mớm cho họ, việc của họ chỉ là việc nuốt vậy mà họ cũng không nuốt nổi. Khuôn mặt nâu xám, làn da gợn những vết sẹo đầu mùa cúi xuống những tờ giấy trắng trên bàn, Stalin muốn viết nhưng cảm hứng không đến, y không biết nên viết gì. Có tiếng gõ nhẹ ở cửa, Stalin nhấn nút điện mở khóa. Bộ mặt anh hề của Sasha hiện ra giữa hai cánh cửa, gã hỏi nhỏ như tiếng thì thầm: “Yos Sarionich, ông cho phép tôi gọi Abakumov vào hay cho hắn về?” “À, Abakumov”. Mãi mê sáng tác Stalin đã quên mất Abakumov “Được rồi. Cho hắn vào”. Y rút chìa khóa ở dây lưng ra mở nắp kim khí một bình rượu khác để sẵn trong ngăn bàn viết và uống một ly rượu nhỏ. Lúc nào y cũng phải tỉnh táo, sáng suốt và mạnh như một con chim ưng.

[1] Đệ Tam Quốc Tế là tên gọi tổ chức kết hợp tất cả những đảng cộng sản trên khắp thế giới để hành động hợp nhất. Tổ chức này được thành lập năm 1919 ở Đại hội Mạc Tư Khoa và giải tán năm 1943. Tổ chức này được gọi bằng tiếng Anh là Third International, hoặc Communist International, hoặc Comintern, Komintern.

20 Iosif Vissarionovich, xin cho lại chúng tôi án tử hình

Gần như trên cõi đời này không có ai dám mơ đến chuyện gọi gã bằng cái tên Sasha - trừ Đại Lãnh tụ ra, tất cả mọi người đều gọi gã bằng tên Aleksandr Nikolayevich - cũng ít ai dám gọi gã bằng cái tên dài ấy ngay trước mặt gã. "Poskrebychev gọi" có nghĩa là "Ông gọi", hoặc "Lãnh tụ gọi", và "Poskrebychev ra lệnh" có nghĩa là "Ông ra lệnh", hoặc "Lãnh tụ ra lệnh".

Aleksandr Nikolayevich Poskrebychev giữ chức vụ Bí thư Trưởng Đặc biệt của Stalin đã hơn mười lăm năm. Thời gian đó là một thời gian dài, và những người không được biết rõ con người thật của Poskrebychev thường ngạc nhiên vì sau từng ấy năm ở cạnh nhà độc tài, đầu của gã vẫn còn nguyên ở trên hai vai. Nhưng sự bí mật thật là đơn giản. Trong tâm hồn, anh chàng Thú y sĩ ở miền Penza là một tên đầy tớ hầu vặt, và chính bản chất đầy tớ ấy đã bảo đảm an ninh cho Poskrebychev. Ngay cả sau khi gã đã được ban cấp bậc Trung tướng, được là nhân viên của Trung ương Đảng Bộ và giữ chức vụ Chánh ủy Sở Kiểm soát mật Nhân viên Trung ương Đảng Bộ, Poskrebychev vẫn tự coi gã là một cái gì nhỏ hơn cả con số không ở trước mặt Lãnh tụ Tối cao. Linh tính đa nghi của Stalin không bao giờ phát giác được sự nghi ngờ hoặc ý muốn chống đối ở Poskrebychev.

Nhưng khi gã tiếp xúc với hạ cấp, anh đầy tớ trán hói có vẻ khờ khạo ấy có đủ khả năng để tự làm cho gã trở thành quan trọng ghê gớm. Với những kẻ dưới quyền gã, Poskrebychev nói vào điện thoại nhỏ đến nỗi người nghe phải áp chặt ống nghe vào tai để có thể hiểu gã nói gì. Đôi khi người ta cũng có thể nói đùa với gã về những vấn đề lật vặt nhưng không một ai dám hỏi thẳng gã: "Hôm nay ở đó ra sao?". Ngay cả đến cố con gái của Lãnh tụ cũng không bao giờ được biết rõ tình hình ở đó ra sao? Mỗi lần cô gọi điện thoại tới hỏi thăm, cô chỉ được cho biết mơ hồ: "Người hoạt động" hoặc "Người tĩnh dưỡng"... tùy theo Poskrebychev có nghe thấy tiếng chân của người hay không.

Đêm nay Poskrebychev nói với Abakumov:

"Iosif Vissarionovich đang làm việc. Người có thể tiếp ông. Người bảo ông chờ".

Gã cầm chiếc cặp da của Abakumov, đưa y vào phòng đợi và bỏ y ngồi một mình ở đó.

Và cũng như mọi lần Abakumov không dám hỏi câu hỏi mà y cần hỏi nhất: "Hôm nay tinh thần Lãnh tụ ra sao?" Y ngồi trong phòng đợi và nghe tiếng trái tim đập mạnh.

Người đàn ông vạm vỡ, to lớn, khỏe mạnh này vẫn đứng cứng người ra vì sợ mỗi lần y đến gặp Stalin để báo cáo y hết như những công dân trong thời gian phát động những cuộc bắt bớ tập thể khi nghe tiếng chân người rầm rập lên cầu thang ban đêm. Trước hết hai vành tai y lạnh như đá vì sợ, sau đó biến thành rát như lửa bị đốt. Và trong những giờ kinh khủng ấy, Abakumov kinh hoàng nghĩ đến chuyện Lãnh tụ có thể nghi ngờ cả đến những sự kiện nhỏ nhất. Tỉ dụ như Stalin không thích thấy ai thò tay vào túi trước mặt mình. Vì vậy trước khi tới đây Abakumov đã cẩn thận chuyển hết ba cây bút vẫn dắt trong túi áo ngực bên trong của y ra hết túi áo ngoài, lát nữa đây y sẽ cần dùng đến chúng để ghi những chỉ thị của Lãnh tụ.

Những chỉ thị thường ngày được truyền xuống cho Abakumov từ Beria, nhưng mỗi tháng một lần nhà Cai trị Tối cao muốn đích thân gặp để kiểm soát kẻ mà người trao cho trách nhiệm bảo vệ an ninh cho chế độ do người lãnh đạo.

Những cuộc hội kiến dài hàng giờ đồng hồ này là cái giá đắt mà Abakumov phải trả để đổi lấy những sức mạnh uy quyền mà y mơ ước. Y chỉ sống và chỉ hưởng thụ cuộc đời trong khoảng thời gian ở giữa hai cuộc hội kiến. Mỗi lần đến gặp Stalin xong, khi yên ổn ra về, Abakumov thoáng hân hoan nhưng càng gần đến ngày phải đi gặp vị chúa tể y càng lo sợ. Tất cả những dây thần kinh đều chùng xuống, hai tay y lạnh giá và mỗi lần đưa cái cặp da mang theo Poskrebychev, y lại hoang mang không biết lát nữa đây y có còn được cầm lại nó hay không. Y cúi đầu như đầu trâu trước cánh cửa văn phòng của vị chúa tể trước khi bước vào đó với cảm nghĩ đen tối là không biết y có còn được ngẩng đầu cao để đi ra khỏi đây hay không.

Stalin làm cho người ta khiếp sợ bởi vì một lỗi lầm nhỏ trước mặt y có thể là lỗi lầm của cả một đời, lỗi lầm đó dù nhỏ cũng có thể làm nổ ra một trận lôi đình với hậu quả ghê gớm không ai có thể lường trước được. Stalin làm người ta khiếp sợ bởi vì y không bao giờ chấp nhận những lời xin lỗi. Y cũng không bao giờ mở miệng kết tội, ánh mắt cọp vàng của y chỉ sáng rực lên và đôi mắt y chỉ khép nhỏ hơn đôi chút - và như vậy là trong óc y, sự kết tội đã thành hình, những

trùng phạt đã được quyết định, nhưng người bị kết án vẫn không hay biết gì hết. Nạn nhân ra về để rồi nửa đêm bị nhân viên mật vụ đến bắt đi, bị bắn chết vào lúc mờ sáng ở một nơi nào đó.

Sự im lặng và cái nheo mắt của vị chúa tể biểu lộ tình trạng đáng sợ nhất. Nếu Stalin nổi giận quát mắng, nếu người ta bị y nhốt vào mặt, giẫm lên chân, chửi rửa thô tục, người ta vẫn còn hy vọng được sống, vì cơn giận đó sẽ tiêu tan. Abakumov sẽ mừng rỡ nếu được Stalin chửi rửa, vì chửi y như thế tức là Stalin vẫn còn hy vọng rằng y có thể sửa đổi và vẫn để cho y giữ trách vụ y đang giữ.

Trong những giây phút kinh hoàng trước mặt Stalin, đôi khi Abakumov cũng hiểu rằng y đã trèo quá cao. Nếu y ở dưới hàng thấp hơn, y sẽ ít bị nguy hiểm hơn. Stalin thường tỏ ra dễ tính, vui vẻ với những người ở xa y, những người cả đời chỉ được gặp y một lần, nhưng khi người ta đã được gần Stalin rồi, người ta không còn có thể tự rút lui được nữa.

Người ta chỉ còn có thể chết. Cái chết của chính mình. Hoặc...

Trước mặt Stalin, Abakumov luôn luôn run rẩy vì sợ vị chúa tể sẽ khám phá ra được một tội lỗi gì đó ở y.

Trong vài ngày qua, Abakumov đã ăn không ngon, ngủ không yên vì cuộc hội kiến này. Y lo sợ cái tội mà y đã phạm ở nước Đức trước đây có thể đến tai vị chúa tể.

Y từng làm giàu ở Đức quốc. Ở đoạn cuối cuộc đại chiến thế giới thứ hai, Abakumov giữ chức Tổng Giám đốc cơ quan SMERSH kiêm Sở Phản gián Mặt trận, phạm vi quyền lực của y bao trùm toàn thể quân đội. Khi ấy có một thời gian các binh sĩ Nga hành quân trên đất Đức được tha hồ cướp bóc, vơ vét tiếng của dân Đức. Để đánh một đòn quyết liệt tối hậu xuống nước Đức đang chiến bại, Stalin áp dụng đòn độc của Hitler là cho phép binh sĩ cướp bóc, chấp thuận cho toàn thể binh sĩ được quyền gửi đồ cướp được từ mặt trận về nhà riêng. Quyết định này đặt căn bản trên sự biết rõ tâm trạng người lính chiến của Stalin, nếu y là người lính, y cũng nghĩ như thế: Chiến đấu cho quê hương, tổ quốc, dân tộc là một lý tưởng cao đẹp, rất nên - chiến đấu và hy sinh cho Stalin lại càng cao đẹp hơn nữa - xong khi đòi hỏi người lính phải liều mạng trong lúc chiến tranh sắp kết liễu, người ta cần phải cấp cho người lính một động lực thúc đẩy nào đó mạnh hơn, thực tế hơn, hấp dẫn hơn. Vì vậy y cho phép mỗi người lính hành quân trên lãnh thổ Đức mỗi tháng được gửi từ mặt trận về nhà 20 ký đồ vật không phải kiểm soát, mỗi sĩ quan được gửi về 50 ký, mỗi tướng lãnh được gửi về 100 ký. Quyết định cho phép gửi đồ về nhà đó tỏ ra đúng, vì người lính không phải vất vả mang theo những món đồ họ lấy được trên khắp các mặt trận, hành lý của họ không bao giờ quá nặng và do đó họ vẫn tấn công được, họ còn hăng hái tấn công để chiếm những đất mới, lấy những đồ vật mới. Được phép gửi đồ về nhà như thế, những quân xa vẫn còn được dùng để chở lính chứ không đầy ắp những đồ vật.

Trong số những người tiến sang lãnh thổ Đức có quyền cướp đồ và gửi đồ về nhà, những kẻ trong cơ quan SMERSH có nhiều điều kiện để vơ vét nhất. Bọn này cũng ở trên mặt trận nhưng luôn luôn ở ngoài tầm súng của địch, không sợ bị phi cơ địch tấn công, họ ở những nơi mà cán bộ hành chánh, bọn công an chưa kịp tới. Những sĩ quan SMERSH lại hoạt động bí mật. Không ai dám kiểm soát những quân xa được niêm phong của họ, họ có quyền xung công những tài sản lớn của địch để giữ cho chính phủ và họ tha hồ chiếm công vi tư. Từng đoàn quân xa, từng đoàn tàu, từng đoàn phi cơ chuyển đồ của SMERSH từ mặt trận về. Các sĩ quan áp úy chỉ cần tinh khôn một chút là có thể gửi về cả ngàn ký, sĩ quan cấp tá có thể gửi về cả chục ngàn ký và Abakumov gửi về cả triệu ký.

Abakumov hiện có nhiều vàng, y gửi số vàng này ở Thụy Sĩ nhưng y cũng biết rõ hơn ai hết là số vàng lớn này vẫn không thể cứu được y thoát chết nếu y mất chức Tổng trưởng Bộ An ninh. Vàng bạc không còn giá trị gì cả khi người ta đã bị mất đầu. Trong cơn say sưa vơ vét tài sản của những ngày chiến tranh gần kết liễu ấy Abakumov không thể điềm nhiên khoanh tay nhìn bọn sĩ quan thuộc cấp thi nhau gửi đồ về nhà cho vợ con chúng, y đặc phái những đội đặc biệt đi tìm đồ vật quý giá. Y ngần ngại xuất thần trước hai va ly đựng đầy dây thắt lưng da. Y cũng bị làn sóng tham lam ấy cuốn đi.

Nhưng cái tài sản vơ vét được đó cũng là một tai họa cho Abakumov. Nó vô du nguyên đối với y và lúc nào y cũng sợ tội trạng của y bại lộ. Thực ra chẳng có ai dám tố cáo Tổng trưởng Bộ An ninh nắm quyền sinh quyền sát trong tay nhưng nếu vị chúa tể biết tội đó thì tình hình khác hẳn. Nếu Abakumov gửi những vật quý ấy về cho Beria hay Stalin thì không sao, nhưng y lại

giấu đi làm của riêng. Đó là một tội trạng không thể tha thứ được. Nhiều lúc Abakumov hối hận vì đã quá tham lam nhưng bây giờ muộn quá mất rồi.

Abakumov đến vào lúc 2 giờ 30 sáng tới 3 giờ 30 sáng y vẫn còn đi đi lại lại quanh quẩn ở phòng đợi, hai bàn tay uớt đầm mồ hôi nắm quyển sổ mới tinh y mang theo để ghi chỉ thị, sự hồi hộp mỗi lúc được tăng mạnh hơn trong y, hai vành tai y bắt đầu bồng cháy. Đêm nay, đặc biệt là đêm nay, Abakumov ước mong Stalin sẽ hỏi đến giàn máy điện thoại đặc biệt và y chưa nghĩ được lời nói dối nào cho xuôi cả.

Nhưng cánh cửa gỗ dày đã mở, nhưng chỉ mở hé. Poskrebychev từ trong thò đầu ra, giơ tay vẫy y. Abakumov bước vào, cố gắng đi cho thật nhẹ. Không dám mở cánh cửa lớn hơn, y lên tấm thân hộ pháp của y qua khe cửa. Chưa qua hẳn cửa, y đã hỏi vào:

“Kính chào Iosif Vissarionovich, cho phép tôi được vào”.

Vì quá hấp tấp y đã quên hắng giọng trước từ bên ngoài. Giọng nói của y khàn khàn nghe thiếu âm thanh trung thành.

Stalin bận bộ áo khuy vàng chói và nhiều huy chương trên ngực, nhưng không có cầu vai đang ngồi viết ở bàn. Viết xong hàng chữ Stalin mới ngẩng lên chiếu đôi mắt cú vọ nhìn người vừa vào phòng.

Người không nói gì cả.

Một dấu hiệu xấu. Người không nói nửa tiếng.

Người lại cúi xuống viết.

Abakumov đóng cánh cửa sau lưng lại nhưng không dám tiến lên khi chưa nhận được một cái gật đầu hoặc một cử chỉ cho phép đến gần. Y đứng đó người hơi cúi về đằng trước, hai tay để xuôi bên mình, nu cười chào mừng kính cẩn nở trên môi. Hai tai y như bị lửa đốt.

Abakumov từng đến cả hai văn phòng của Lãnh tụ - văn phòng chính thức để làm việc ban ngày và căn phòng nhỏ ban đêm này.

Văn phòng chính thức ở trên lầu rộng lớn hơn nhiều, sáng sủa hơn, có ánh nắng và nhiều cửa sổ như mọi cửa sổ, có những tủ sách trong xếp đầy những quyển sách bìa màu ghi lại những tư tưởng của nhân loại cùng những nền văn minh do loài người tạo được kể từ ngày trái đất có loài người. Ở đó trên bức tường cao có bức hình được Lãnh tụ ưa thích nhất, trong hình Lãnh tụ bận bộ quân phục Thống chế mùa đông. Ở đó có nhiều ghế lớn ghế nhỏ, đi văng, bàn vuông, bàn tròn. Đó là nơi Lãnh tụ tiếp những phái đoàn ngoại giao hoặc mở hội nghị. Đó cũng là nơi Lãnh tụ ngồi chụp hình.

Ở đây, trong nhiều văn phòng ban đêm này, đồ vật không có nhiều, không có hình treo trên tường và những ô cửa sổ đều nhỏ xíu. Bốn kệ sách thấp kê sát vào những tấm vách lát gỗ và một bàn viết kê ở cuối phòng. Góc phòng đối diện với bàn viết kê một giàn máy hát và một giá đựng đĩa hát. Ban đêm Stalin thích nghe lại những bài diễn văn của chính y được thâu vào đĩa. Abakumov kính cẩn cúi mình và chờ đợi.

Stalin vẫn tiếp tục viết. Y viết với sự nhận thức là những dòng chữ này sẽ đi thẳng vào lịch sử. Ánh đèn đặt bàn chỉ chiếu sáng những trang giấy, những bóng đèn giấu trong tường trên cao chỉ soi mờ mờ. Stalin không viết luôn tay, thỉnh thoảng y ngừng viết và đưa mắt nhìn lên trần, hoặc nhìn vào tường, hoặc nhìn Abakumov với vẻ mặt như khó chịu vì sao gã này lại đứng đó. Nhiều lúc Stalin ngừng viết, nghiêng tai như đang nghe như một tiếng gì đó mặc dù trong phòng không có qua một tiếng động nhỏ.

Không ai biết vì sao, lúc nào, từ bao giờ Stalin bắt đầu có thái độ chỉ huy này? Mỗi cử chỉ nhỏ nhất của y đều mang ý nghĩa, một hiệu lệnh. Ngày xưa chú Koba - ở miền Caucase người ta gọi Stalin bằng cái tên ấy - chắc cũng giơ tay, cũng nhíu mày, cũng nhìn người ta y như bây giờ nhưng ngày xưa những cái đó chẳng làm cho ai kính sợ, không ai nhìn thấy những mệnh lệnh nằm trong những cử chỉ ấy. Chỉ sau khi số người bị bắn chết lên tới một con số nào đó người ta mới bắt đầu nhìn thấy ở những cử chỉ này những ý nghĩa ghê gớm của chúng. Người ta thấy chúng là những mệnh lệnh, những quyết định, những cảnh cáo, những hài lòng hoặc bất mãn. Và nhận thấy mọi người nhận thấy như thế về mình, Stalin tự nhận xét y, và y cũng thấy trong cử chỉ, trong mắt nhìn của y có những ý đe dọa ngầm, y tìm cách kết thúc chúng, do đó mỗi ngày những cử chỉ của y càng ảnh hưởng mạnh hơn đến những người quanh y.

Sau cùng Stalin nghiêm khắc nhìn Abakumov. Y ra lệnh bằng dấu thuốc gắn trên miệng cho biết Abakumov được ngồi trên chiếc ghế nào.

Abakumov run lên, đi tới và ngồi xuống - nhưng y chỉ ngồi móm trên mép ghế để có thể đứng dậy được ngay khi cần đến.

“Sao?”

Stalin miêng hỏi, tay xếp lại những tờ giấy trên bàn.

Giây phút chờ đợi đã đến.

Đây là lúc Abakumov biết y phải nắm lấy cơ hội đừng để vuột mất, y phải nói, nói nhiều, nói liên tiếp để cho Lãnh tụ không còn đủ thì giờ đặt câu hỏi. Y hắng giọng và bắt đầu nói, giọng y, đúng với giọng để báo cáo, không lên bổng xuống trầm, nó đều đều, trơn tru, như học trò đọc bài. (Sau đó Abakumov có thể tự sỉ nhục y vì thái độ quy lụy, khiếp nhược quá đáng của y trước mặt Stalin, nhất là những lời hứa bừa bãi của y, nhưng y không biết rằng Nhà Độc tài còn càng có vẻ lãnh đạm với y chừng nào, càng không đòi hỏi gì ở y, y càng sốt sắng phơi bày gan ruột, càng hứa hẹn nhiều và càng ngày y càng rơi sâu xa hơn trong vực thẳm khiếp nhược và hèn hạ).

Trong những cuộc báo cáo ban đêm này của Abakumov, Stalin có vẻ chú trọng nhất đến tình trạng những nhóm chống đối được phát giác. Abakumov biết như thế và trọng tâm bản báo cáo của y đặt vào việc phát giác những nhóm chống đối. Đêm nay y báo cáo với nhà độc tài về nhóm sĩ quan chống đối chế độ trong Trường Võ bị Frunze. Y có thể nói nhiều và nói vào chi tiết vụ này.

Nhưng thoát đầu, y trình bày những thắng lợi, những tiến triển như ý, khách quan - chính y cũng không biết chắc những thắng lợi, tiến bộ này có thật hay chỉ là những chuyện bày đặt do bọn thuộc viên báo cáo lên y - đa số những tiến bộ này nằm trong kế hoạch ám sát Tito. Y nghiêm trọng báo rằng một trái bom nổ chậm sẽ được đặt dưới du thuyền của Tito trước khi du thuyền này rời bến đưa Tito đến hải đảo Brioni.

Stalin ngẩng đầu lên, đưa tẩu thuốc tắt vào miệng, hút vài hơi không có khói. Người không tỏ vẻ gì là chú ý đến âm mưu này nhưng Abakumov cũng đủ thông minh và đủ biết về người để biết rằng y đã nói đúng vào chuyện phải nói.

“Còn Rankovich? Stalin hỏi”.

“Thưa, Tito, chúng ta sẽ lo cho bọn Rankovich, cả tên Kardel, tên Moja Pijade... Cả bọn chúng sẽ tan xác. Việc đó sẽ xảy ra vào cuối mùa xuân năm nay”.

(Trái bom nổ chậm được nói là sẽ giết Tito trên nguyên tắc cũng làm tan xác cả thủy thủ đoàn của chiếc du thuyền, nhưng Abakumov không đề cập gì đến chuyện và Người Bạn Thân Nhất của Các Thủy Thủ cũng không hỏi gì đến).

Nhưng ngay lúc này người đang nghĩ gì trong lúc người ngậm tẩu thuốc tắt trên miệng, nhìn mà như không thấy vào bộ mặt kính cẩn của Abakumov qua đầu mũi khoằm của Người?

Tất nhiên là lúc đó Người không nghĩ đến sự kiện Đảng đã công khai lên tiếng không chấp nhận, không sử dụng những hành động khủng bố cá nhân. Chính người nữa, người cũng từng tuyên bố là không bao giờ người dùng đến thủ đoạn khủng bố. Trong lúc nhìn bộ mặt no đủ, đôi má phệ và đỏ hồng của gã đàn ông hầy còn trẻ ngồi trước mặt, người bận nghĩ đến cái chuyện vẫn làm người suy nghĩ mỗi khi người nhìn một tên dưới quyền.

Ý nghĩ thứ nhất của người luôn luôn là câu hỏi: Tên này đáng cho mình tin đến chừng nào?

Và ý nghĩ thứ hai là: Đã đến lúc mình phải thanh toán tên này chưa?

Stalin biết rõ tội trạng của Abakumov trong chiến tranh, biết Abakumov rất giàu và gửi tài sản ở ngoại quốc, nhưng chưa thấy cần trừng phạt y. Stalin không bất mãn vì chuyện Abakumov làm giàu cho cá nhân y, trái lại là khác, nhà độc tài thích dùng những tên tham lam như thế. Bọn tham lam bao giờ cũng dễ sai khiến hơn, dễ trừng phạt hơn nữa. Những kẻ không tham, không cần gì cả luôn luôn là bọn khó trị. Stalin đã chán ngấy những kẻ cam phận chịu nghèo. Lý tưởng của những kẻ chịu nghèo này là một cái gì Stalin không bao giờ hiểu.

Tuy vậy Stalin cũng vẫn không thể tin được Abakumov. Đa nghi là bản tính của Iosif Djugashvili. Không tin ai hết là phương châm xử thế của Stalin.

Người không tin cả bà mẹ đẻ ra người. Người không tin ở vị Chúa Trời mà người từng cúi đầu dưới chân trong suốt mười một năm trời khi người còn trẻ. Sau đó, người không tin những đồng chí cùng đảng với người, nhất là những kẻ giỏi nói, nói hay. Người không tin ở bọn nông dân trừ trường hợp họ bị cưỡng bách lao động và năng suất của họ được kiểm soát chặt chẽ. Người không tin bọn công nhân trừ khi năng suất của họ có tiêu chuẩn và thời hạn nhất định

phát đạt được. Người không tin bọn trí thức: Bọn này luôn luôn chống đối và phá hoại. Người không tin bọn tướng lĩnh và binh sĩ: Bọn này chỉ chịu chiến đấu vì sợ những tiểu đoàn trùng giõi và những giàn súng máy bắn bỏ ở hậu tuyến. Người không tin những người thân. Cả vợ người, những tình nhân của người, cũng không được người tin. Người không tin con cháu. Và luôn luôn những sự kiện xảy ra cho người thấy rằng người không tin như vậy là đúng.

Trong suốt cuộc đời đa nghi ấy, Stalin chỉ tin có một người, một người mà thôi, một người có thể là bạn tri kỷ cũng có thể là kẻ thù bất đội trời chung. Một mình trong số những kẻ tử thù của Stalin, trước sự nhìn xem đầy hồi hộp, kích động của toàn thế giới, người ấy đã quay mặt lại với Stalin, đã long trọng mời Stalin làm bạn.

Và Stalin đã tin người đó.

Người đó là Adolf Hitler.

Stalin đã ngồi yên nhìn ngắm một cách thích thú khi quân đội của Hitler chiếm Ba Lan, Pháp quốc, Bỉ quốc, khi những đoàn phi cơ của Hitler bay đen kịt trên nền trời Anh quốc, Molotov sợ hãi bay về từ Bá Linh. Những sĩ quan tình báo tới tấp báo cáo Hitler đang tập trung quân đội để mở mặt trận miền Đông. Hees bay sang Anh quốc. Churchill khuyến cáo Stalin về một trận tấn công vào lãnh thổ Nga sắp xảy ra. Mọi người la hoảng chiến tranh sắp đến, Đức sắp tấn công Nga. Bọn đàn bà đi chợ bán tán về chiến tranh. Riêng một mình Stalin vẫn thảnh thơi vô tư lự. Stalin tin tưởng ở Hitler.

Lòng tin ấy, chỉ còn thêm chút nữa, là làm cho Stalin mất đầu.

Sau lần tin người duy nhất ấy, Stalin hoàn toàn không tin bất cứ ai, không bao giờ còn tin ai. Abakumov có thể tỏ ra cay đắng vì tình trạng không được tin cẩn ấy, nhưng y không dám. Theo y, Stalin đã hành động không đúng đắn khi cho gọi Petro Popivod, gã nhà báo khù khờ ấy đến để ra chỉ thị mở chiến dịch báo chí đả kích Tito, Stalin không nên từ chối trao công tác ám sát Tito cho những đặc viên của Abakumov đã khổ công tuyển chọn chỉ vì lý lịch của bọn này không mấy minh bạch. Lẽ ra Stalin phải tin mới phải. Kế hoạch ám sát Tito mà y đang báo cáo đây là do chính Stalin đặt ra. Do đó y không thể biết chắc được kết quả sẽ ra sao nhưng y vẫn cứ phải trả lời về sự thành công hay thất bại của kế hoạch.

Nhưng Abakumov cũng biết rõ tình hình ông chủ của y. Y biết người ta không nên làm việc hết cho mình Stalin, không nên trở hết tài ba, bản lĩnh với Stalin. Stalin không chấp nhận thất bại nhưng cũng không chấp nhận cho người khác thành công. Người khác càng thành công rực rỡ chừng nào càng bị Stalin thù ghét và càng sớm chết chừng ấy. Sự thành công của người khác làm cho Stalin cảm thấy giá trị cùng tài ba của mình kém đi. Không ai khác có quyền thành công trừ Stalin. Với Stalin, chỉ có Stalin mới có thể thành công mà thôi.

Vì vậy, mặc dù luôn luôn tỏ ra cố gắng tận tình, Abakumov thực sự chỉ làm nửa vời - tất cả mọi người khác cũng đều như thế.

Như ông vua Midas trong truyện Ngụ ngôn Thần thoại sờ tay vào vật gì là vật đó biến ra vàng, Stalin làm cho tất cả biến thành tầm thường.

Nhưng đêm nay Abakumov thấy rằng nét mặt Stalin có vẻ tươi lên khi nghe y báo cáo. Trình bày xong những chi tiết về kế hoạch ám sát Tito, Abakumov chuyển ngay sang nhóm chống đối ở Trường Võ bị Frunze, rồi đến nhóm chống đối ở Trường Thần học, y nói liên tiếp, nói tới tấp. Y tránh không nhắc đến hai tiếng điện thoại và tránh nhìn cả vào chiếc máy điện thoại để cho Lãnh tụ khỏi nhớ đến.

Nhưng Stalin đang nhớ.... Ngay lúc đó người đang nhớ đến một chuyện gì đó và chuyện ấy có thể là giàn máy điện thoại đặc biệt. Trán người nhăn lại vì nhiều nếp răn và gân mũi người chun lại. Người chiếu cặp mắt sắc nhìn vào mặt Abakumov (ông Tổng trưởng làm ra vẻ thẳng thắn, lương thiện) nhưng rồi người không nhớ được. Ý nghĩ mơ hồ trôi tuột đi trong óc người. Rồi những nếp nhăn trên trán người mờ đi.

Stalin thở dài, nhồi thuốc vào tẩu và đốt hút.

“À” - Người đã nói với việc thở ra làn khói đầu tiên. Người đã nhớ, nhưng mà là nhớ một chuyện khác chứ không phải chuyện người muốn nhớ lại hồi này - “Gomulka bị bắt chưa?”

Mới đây Gomulka đã bị cách chức và lập tức rơi ngay vào vực thẳm.

“Thưa, đã”.

Abakumov nói ra như người vừa trút được gánh nặng, y nhô người trên ghế (việc bắt Gomulka đã được báo với Stalin, chắc là người chỉ hời để kiểm soát). Bắt người là công tác dễ nhất trong

những công tác mà Bộ An ninh phải làm.

Ấn một nút điện trên bàn Stalin bật sáng đèn phòng. Những bóng đèn điện trong tường sáng lên. Stalin đi xa bàn viết và với tẩu thuốc thả khói sau lưng, bắt đầu đi đi lại lại trong phòng. Abakumov hiểu rằng cuộc báo cáo của y đã đến lúc Lãnh tụ ra chỉ thị. Y mở quyển sổ ghi mới tinh để trên lòng và rút viết máy ra chờ sẵn. Lãnh tụ ư thấy những chỉ thị của mình được cẩn thận ghi lại.

Nhưng Stalin đi tới chỗ đặt giàn máy hát đĩa rồi đi trở lại, vừa đi vừa hút thuốc, không có câu nào. Người như đã hoàn toàn quên Abakumov. Khuôn mặt có làn da xám, điểm những vết sẹo đầu mùa của Stalin nhả lại trong một cố gắng nhớ lại thiếu não. Khi người đi ngang mặt Abakumov, y nhìn thấy hai vai người gù xuống làm chón có vẻ thấp hơn, nhỏ bé hơn. Và - mặc dù Abakumov vẫn sợ hãi gạt bỏ những ý nghĩ tương tự ra ngay khỏi óc, vì sợ có thứ máy móc bí mật nào giấu trong tường ghi nhận được chẳng - khi nhìn thấy Lãnh tụ gù xuống như thế, Abakumov nghĩ rằng người chưa chắc đã sống được nổi mười năm nữa. Người sắp chết.

Abakumov mong mỗi cái chết của người đến thật nhanh. Tất cả những người sống gần Lãnh tụ đều thầm nghĩ rằng sau khi người chết, họ sẽ được sống một đời tự do, dễ dãi và sung sướng. Stalin cảm thấy khó chịu nhiều vì sự quên lãng này. Người vừa nhớ rằng có một chuyện gì đó cần hỏi Abakumov nhưng không sao nhớ ra đó là chuyện gì. Bộ óc của người dường như đã từ chối không chịu làm việc. Trong cơn bất lực, Stalin không biết phải ra lệnh cho phần óc nào làm việc để có thể nhớ lại.

Bỗng dưng Stalin ngẩng đầu nhìn lên bức tường. Người vừa nhớ lại một chuyện, nhưng chuyện này vẫn không phải là chuyện người cần nhớ. Chuyện nhớ lại đó có liên hệ đến Viện Bảo tồn Cách mạng. Ở Viện này từng xảy ra một vụ làm cho người khó chịu.

Vụ này xảy ra năm 1937, nhân lễ Kỷ niệm Cách mạng lần thứ Hai mươi. Đó là thế gian Đảng đang bận rộn với việc diễn tả lại lịch sử, đem lại cho những sự kiện lịch sử một ý nghĩa mới. Năm ấy Stalin đến Viện Bảo tồn Cách mạng xem người ta có để ở đó vật nào phản cách mạng hay không. Trong một căn phòng rộng - cũng là căn phòng bày giàn máy Tivi người vừa đứng lại coi hai hôm trước đây - Stalin nhìn thấy khi vừa đặt chân vào hai bức họa chân dung lớn treo ở bức tường trước mặt. Đó là chân dung của Zhelyabov và Perovskaya [1]. Hai khuôn mặt này hồn nhiên, hiền ngang, và họ như la lớn với tất cả những ai bước vào phòng:

“Giết tên độc tài!”

Stalin, bị tia nhìn của họ đánh trúng như hai viên đạn, đứng sững lại, khúc khắc ho. Rồi ngón tay của Stalin đưa lên, điểm điểm vào hai tấm chân dung.

Lập tức hai tấm họa đó được mang đi.

Cùng lúc đó di vật thứ nhất của cuộc Cách mạng - những ảnh vụn còn lại của chiếc xe ngựa của Nga Hoàng Alexander Đệ nhị - được mang đi khỏi Cung điện Kshesinskaya.

Từ ngày đó và ngay ngày đó, Stalin ra lệnh xây những hầm bí mật và những nhà riêng để ở khắp nơi. Người mất cái thích sống trong những khu đông dân cư ở thành phố để về sống trong căn nhà nhỏ ở vùng ngoại ô hẻo lánh này với bọn vệ sĩ, hầu cận thân tín nhất.

Càng làm mất cuộc sống của người chừng nào, Stalin càng lo âu, sợ hãi về cuộc sống của chính mình. Người nghĩ ra nhiều biện pháp tinh vi để đề phòng ngay cả bọn lính có nhiệm vụ canh gác bảo vệ an ninh cho người, như việc những binh sĩ đến gác chỉ được biết trước phiên gác của mình một tiếng đồng hồ, binh sĩ gác được tuyển từ khắp các đơn vị và được thay đổi luôn luôn để tránh những cuộc âm mưu. Người tự vẽ lấy những tòa nhà đường đi rắc rối như những mê cung, những tòa nhà có ba hàng rào bao quanh, có những khung cổng thông thẳng với nhau. Và người có nhiều phòng ngủ ngay trong một nhà, ngay cả bọn hầu cận cũng không thể biết trước đêm nay người sẽ vào ngủ ở phòng nào.

Với Stalin, những biện pháp đề phòng ấy không phải là triệu chứng của sự khiếp nhược. Đó chỉ là những việc hợp lý cần làm. Giá trị cá nhân của người vô giá. Nhưng có nhiều kẻ khác vẫn không biết như thế. Để cho đồng đều tất cả Stalin ra lệnh cho tất cả lãnh tụ lớn nhỏ dù ở bất cứ đâu cũng phải đề phòng như thế: Người cấm họ không được vào nhà vệ sinh nếu không có vệ sĩ đi theo, ra lệnh cho họ mỗi khi di chuyển phải có ba chiếc xe hơi giống hệt nhau chạy nối đuôi nhau

Đêm nay, chợt nhớ lại hai bức họa chân dung, Stalin dừng lại ở giữa phòng, quay lại nhìn Abakumov và múa tẩu thuốc trong không khí:

“Đồng chí đã làm những gì để bảo vệ an ninh cho những lãnh tụ Đảng?”
Nghiêng đầu hẳn về một phía, người nheo mắt nhìn vị Tổng trưởng của người với vẻ hiềm độc. Với quyển sổ ghi mở trên lòng, Abakumov ngồi thẳng lưng, mặt nhìn lên Lãnh tụ - y không đứng lên, cũng không múa tay, vì y biết Stalin thích thấy những thuộc viên ngồi im, y nói ngay vào những vấn đề y không hề chuẩn bị tới đây để nói. Với Stalin, người được hỏi phải trả lời ngay và rõ ràng, đích xác, người coi do dự là một bằng chứng tội trạng mà người nghi ngờ có ở kẻ được người hỏi.

“Iosif Vissarionovich” - Abakumov nói bằng cái giọng xúc động của kẻ trung thành mà bị chủ nghi oan - “đó chính là lý do sự hiện diện của chúng tôi, tất cả Bộ chúng tôi, chúng tôi phải ngày đêm lo gìn giữ an ninh để Lãnh tụ có thể yên tâm suy nghĩ đến những biện pháp dẫn đường cho dân tộc”.

Stalin nói đến “an ninh của những lãnh tụ Đảng” nhưng Abakumov hiểu rằng Stalin chỉ muốn nói đến cá nhân mình và chỉ muốn nghe câu trả lời liên can đến mình.

“Mỗi ngày tôi đều kiểm soát, bắt giam, tầm nã, thẩm vấn không biết bao nhiêu là vụ...”

Với cái đầu vẫn nghiêng như con gà gáy cổ, Stalin vẫn chăm chú nhìn thẳng xuống mặt Abakumov:

“Vẫn còn những tên âm mưu ám sát, phá hoại sao? Bộ chúng vẫn chưa sợ hay sao? Lãnh tụ hỏi”.

Abakumov thở dài như người đang cay đắng nhất đời:

“Tôi rất muốn thưa là chúng đã sợ, đã hết dấm. Nhưng sự thật là vẫn còn. Chúng tôi bắt được những vũ khí giấu ở trong bếp, ở cả các chợ”.

Stalin nhắm một mắt lại, mắt kia mở và sáng lên sự hài lòng.

Lãnh tụ phán:

“Vậy là tốt. Việc đó chứng tỏ là các anh có làm việc”.

Abakumov không còn có thể ngồi trước mặt Lãnh tụ vĩ đại của y lâu hơn nữa, y nhồm dầy, nhưng y vẫn không đứng thẳng người, y cúi khom khom để cho đầu y khỏi cao hơn đầu lãnh tụ: “Nhưng kính thưa Chủ tịch, chúng tôi không bao giờ để cho những âm mưu đó có thể thành hình, chúng tôi bóp nát chúng khi chúng mới nhen nhúm. Chúng chỉ mới có ý định là đã bị chúng tôi bắt rồi. Chúng tôi diệt chúng theo tinh thần Điều luật số 19”.

“Tốt, tốt lắm”.

Stalin ra hiệu cho Abakumov ngồi xuống, người không thú vị gì khi thấy tên hộ pháp ấy đứng sừng sững trước mặt.

“Như vậy tức là đồng chí nhận thấy có sự bất mãn trong quần chúng?”

Abakumov lại thở dài và trả lời như tiếc hận:

“Dạ. Tôi nhận thấy có một thiểu số nào đó”.

Y rất muốn nói là: Không, hết thấy quần chúng đều hài lòng, mọi người đều sung sướng. Nhưng nếu nói như vậy Bộ An ninh của y còn bày ra để làm gì?

“Đồng chí nhận xét đúng đấy” - Stalin gật đầu - “Chỉ vì thế mà các người ở Bộ An ninh còn có việc mà làm. Có nhiều người nói với tôi rằng không còn ai bất mãn nữa, tất cả mọi người đều hài lòng”.

Tới đây Lãnh tụ nở một nụ cười mỉa mai:

“Nói như thế là mù tịt về chính trị. Bọn kẻ thù cả chúng ta có thể luôn miệng nói...đồng ý, tán thành, chúng có thể hoan hô ta nhưng đó là chúng giả dối, đó chỉ là chúng ẩn nấp trong những cái vỏ. Trong lòng chúng vẫn chống đối. Chừng năm phần trăm? Đúng không, hay là tám phần trăm?”

Stalin đặc biệt kiêu hãnh vì khả năng nhận thức sâu sắc của mình, khả năng tự chỉ trích và sáng suốt nhất định mọi việc. Người cũng tự cho mình là Lãnh tụ không ưà mình.

Abakumov trở thành can đảm hơn, đôi vành tai y không còn bồng rạt nữa:

“Thưa Chủ tịch, sở dĩ còn tình trạng ấy là do lỗi của chúng tôi. Chúng tôi chưa làm tròn bổn phận”.

Stalin không công nhận nhưng cũng không phủ nhận lời nhận tội đó. Người gõ nhẹ tẩu thuốc lên thành đĩa gạt tàn:

“Còn bọn trẻ? Đồng chí thấy sao?”

Những câu hỏi theo nhau đến với Abakumov như những lưỡi dao nhọn. Y phải làm sao hóa giải được những lưỡi dao ấy mà không bắt lấy cũng không được né tránh. Chỉ một câu trả lời bầy là hỏng hết. Nếu y trả lời: “Bọn trẻ có tinh thần tốt. Bọn trẻ hăng hái, bọn trẻ không có gì đáng trách”, đó là y ngu ngốc, y mù tịt về chính trị, nếu y trả lời: “Bọn trẻ bầy bạ, lười biếng, bọn trẻ chống đối”, đó là y không tin tưởng ở tương lai. Abakumov làm một cử chỉ bằng tay và không nói gì cả.

Stalin cũng không chờ đợi y trả lời. Người nói bằng một giọng biết chắc chắn, biết đúng: “Chúng ta cần phải chú ý hơn nữa đến bọn trẻ. Phải đặc biệt nghiêm khắc với những lỗi lầm của bọn trẻ”.

Abakumov chợt nhớ và hí hoáy viết.

Stalin như bị lôi cuốn, bị thôi miên vì những ý nghĩ của chính mình. Đôi mắt sáng lên một thứ ánh sáng như mắt còp ban đêm. Stalin nhồi thuốc vào tẩu và đi đi lại lại trong phòng:

“Chúng ta phải gia tăng việc kiểm soát tinh thần bọn sinh viên. Không những chỉ cần diệt từng cá nhân mà thôi, phải diệt cả nhóm. Chúng ta phải sử dụng đến tối đa những biện pháp trừng phạt mà luật pháp cho phép ta - hai mươi lăm năm tù chứ không phải là mười năm. Mười năm tù - đó là chúng đi học chứ không phải là đi tù. Bọn thiếu niên có thể được hưởng án mười năm nhưng tên nào có râu là phải tù hai mươi lăm năm. Chúng nó còn trẻ, chúng nó có thể sống sau đó”.

Abakumov viết như máy. Bánh xe đầu tiên trong một guồng máy vĩ đại vừa được quay.

“Đã đến lúc phải chấm dứt những tiện nghi trong những nhà giam chính trị phạm. Chúng đi tù chứ không phải chúng đi nghỉ mát. Beria cho tôi biết những gói thực phẩm vẫn còn được phép gửi từ ngoài vào những nhà giam chính trị phạm. Đúng không?”

“Chúng tôi sẽ chấm dứt ngay tình trạng ấy. Chúng tôi sẽ cấm. Tuyệt đối cấm”.

Abakumov với một giọng đau đớn trong khi tay y vẫn viết. Lẽ ra y phải biết chấm dứt tình trạng đó trước, y phải cấm từ trước.

“Đó là lỗi của chúng tôi. Xin tha lỗi cho chúng tôi”.

“Biết bao nhiêu lần tôi đã giải thích kỹ những gì phải làm cho các người? Đã đến lúc các người phải hiểu. Đừng có bất cứ cái gì cũng chờ tôi ra lệnh”.

Người khiển trách nhưng người không giận dữ. Người diu dàng khuyên răn vì người biết rằng Abakumov sẽ hiểu, sẽ làm được việc. Đã lâu lắm rồi Abakumov mới lại được đảng Từ phụ dạy bảo như thế. Y đã hết hẳn sợ hãi. Bộ óc y hoạt động như bộ óc của một người thường trong một trường hợp rất thường, với những điều kiện thường. Và vấn đề từ lâu đã ám ảnh y, làm cho y khổ sở như cục xương mắc nghẹn trong cổ họng, giờ đây được diễn tả thành lời.

Khuôn mặt sáng lên Abakumov nói:

“Thưa, chúng tôi hiểu. Cuộc đấu tranh giai cấp sẽ được đẩy mạnh hơn nữa. Nhưng thưa chủ tịch, xin chủ tịch xét lại cho, tay chúng tôi bị trói chặt vì việc bãi bỏ án tử hình. Chúng tôi như những kẻ lao đầu vào tường từ hai năm rưỡi nay. Bây giờ chúng tôi không còn được quyền công khai xử tử những tên đáng phải chết nữa. Chúng tôi phải giết chúng. Không có ngân khoản nào để thanh toán tiền công cho những người làm việc ấy. Việc trả tiền trở thành rắc rối. Các trại tập trung, những nhà giam không còn làm cho họ sợ nữa. Chúng tôi cần có án tử hình. Xin cho lại chúng tôi án tử hình!”

Abakumov van xin với tất cả sự chân thành, y đặt hai tay trước ngực và ánh mắt tràn đầy hy vọng, nhìn lên khuôn mặt khô khan của Lãnh tụ.

Dường như là Stalin mỉm cười - mỉm cười nhưng không để lộ, chỉ hàng ria là rung động. Và người nói thản nhiên, thông cảm:

“Tôi biết. Tôi đã suy nghĩ nhiều về chuyện ấy”.

Kỳ diệu, tuyệt vời. Người biết tất cả mọi việc, người suy nghĩ đến tất cả mọi vấn đề. Ngay cả trước khi người khác hỏi đến, người đã biết. Người như một vị thánh sống, như bậc đại giác, đại trí tuệ, người biết trước ý nghĩ của kẻ khác.

“Sẽ có ngày tôi trả lại cho các người án tử hình. Cũng không lâu lắm đâu” - Người nhìn thẳng ra trước mặt với vẻ suy tư, như người đang nhìn vào tương lai - “Việc đó sẽ là một biện pháp giáo dục tốt”.

Quả thật người đã suy tư nhiều lắm về vấn đề này. Trong vòng hai năm trở lại đây người đã khổ tâm nhiều với việc thi đua xây dựng xã hội với Tây phương. Người từng tin tưởng rằng con

người không đến nổi quá tồi tệ, quá sa đọa.

Quan niệm sau đây là đặc tính của người: Loại trừ, tẩy chay cho đi đây, bỏ tù chung thân vẫn chưa đủ để đối phó với những kẻ bị người coi là thành phần nguy hiểm. Chỉ có cái chết, chỉ có giết đi mới có thể trừ tiết được tai họa tận gốc. Và khi mí mắt người rung động, án lệnh ánh lên trong mọi người là án tử hình. Bao giờ cũng là án tử hình.

Ở kích thước của người không thể có tội nào nhẹ hơn là tội phải chết. Không có sự trừng phạt nào thấp hơn là phải giết.

Từ khoảng không sáng rõ mắt người đang nhìn, người chuyển đôi mắt về bộ mặt nở nang của Abakumov và bỗng dưng, mắt người nheo lại, đe dọa:

“Anh không sợ anh là người thứ nhất sẽ bị bắn sao?”

Người không nói lớn tiếng “bắn”. Người để nó rơi nhẹ qua vành môi như đó là một tiếng cố ý bắt người nghe phải đoán.

Nhưng tiếng đó xoáy vào da thịt Abakumov như một luồng gió mạnh. Vị Lãnh tụ anh minh và duy nhất đứng đủ xa tầm tay của Abakumov và chăm chú nhìn vào mặt y xem phản ứng của y với câu hỏi đùa này ra sao.

Không dám đứng lên nhưng cũng không còn dám ngồi, Abakumov nửa đứng nửa ngồi, toàn thân y lom khom trên cặp giò đang run.

“Iosif Vissarionovich, nếu tôi đáng bị.... Nếu cần...”

Stalin nhìn, thông cảm sâu sắc. Ngay lúc này, óc người đang nghĩ trở lại sự thắc mắc hồi nãy: Đã đến lúc mình cần thanh toán tên này chưa? Từ lâu rồi người vẫn sử dụng thâm độc tuyệt vời là: Trước hết khuyến khích kẻ khác làm tới, và sau đó, chờ đúng lúc, kết tội kẻ khác đã đi quá mức, làm quá trớn. Người từng áp dụng thủ đoạn này nhiều lần và lần nào cũng hữu hiệu, cũng thành công. Như vậy nghĩa là đến một lúc nào đó nhất định Abakumov cũng sẽ phải chịu chung số phận với những kẻ bị trừng phạt.

“Đúng lắm” - Stalin nở nụ cười đầy thiện cảm như để ca ngợi Abakumov - “Khi nào anh đáng bị, chúng tôi sẽ bắn anh”.

Người lại ra hiệu cho Abakumov ngồi xuống, người suy nghĩ một lúc rồi bằng một giọng ấm áp, thân thiện mà Tổng trưởng Bộ An ninh chưa từng bao giờ được nghe thấy người nói:

“Abakumov. Anh sắp có nhiều việc phải làm. Chúng ta sẽ phát động một chiến dịch thanh trừng cũng lớn rộng như năm 1937. Trước một cuộc chiến tranh lớn, một cuộc thanh trừng lớn là cần thiết”.

“Nhưng thưa Chủ tịch,” - Đây là lần thứ nhất Abakumov dám thốt ra tiếng “nhưng” - “Chủ tịch nghĩ rằng chúng tôi đã ngừng thanh trừng tội kẻ thù hay sao?”

“Anh gọi đó là thanh trừng ư? Bậy. Thanh trừng đâu phải là việc bắt bớ lẻ tẻ mỗi ngày vài chục tên. Rồi anh sẽ thấy, chúng ta phải củng cố tổ chức, kiên toàn nội bộ. Anh sẽ có thêm nhân viên, thêm ngân khoản. Đủ thứ. Tôi sẽ không từ chối anh bất cứ cái gì”.

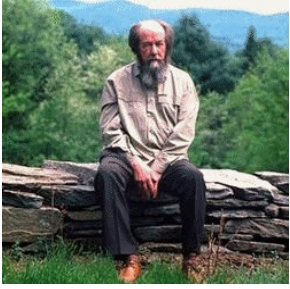
Rồi người buông thả Abakumov bằng câu:

“Xong rồi, đi đi...”

Abakumov không biết rõ là y đi bằng hai chân hay y bay ra khỏi văn phòng, qua phòng đợi, đỡ cái cặp da trong tay Poskrebychev và ra khỏi nhà. Không những là y còn được sống yên lành trong một tháng trời nữa mà thôi, cuộc hội kiến đêm nay dường như là đã mở đầu một kỷ nguyên rực rỡ mới trong đời y, dường như y vừa được Lãnh tụ tỏ ý tin cần và thương mến hơn ai hết.

Lãnh tụ có nói đến chuyện bắn y - nhưng đó chỉ là Lãnh tụ nói đùa.

sát Nga hoàng Alexander Đệ nhị. Hành động này mở đầu cho cuộc Cách mạng của dân Nga chống lại chế độ quân chủ. Zhelyabov và Perovska ya cùng nhiều người khác trong nhóm sau đó bị bắt và bị xử tử. Khi ôm bom từ bên đường chạy ra ném vào xe của Nga Hoàng. Hai người trẻ tuổi trên đây hô lớn câu: “Giết tên độc tài”. Alexander Đệ nhị, Nga Hoàng, trị vì từ năm 1855 đến 1881.



21 Tuổi già

Vì Bất tử, tâm trí xúc động vì những tư tưởng lớn, đi đi lại lại trong văn phòng đêm. Một thứ âm nhạc nội tâm dùi dặt vang lên trong hồn người, một bản nhạc vô hình vĩ đại dường như đang tấu nhạc cho riêng người thưởng thức.

Những kẻ bất mãn? Không sao. Ở đâu cũng có những kẻ bất mãn, thời nào cũng có những kẻ bất mãn. Sẽ không bao giờ hết được những kẻ bất mãn.

Kiểm điểm lại quá trình tiến hóa không mấy phức tạp lắm của lịch sử nhân loại, Stalin biết rằng với thời gian, con người sẽ tha thứ tất cả, sẽ quên hết, hơn thế nữa, sẽ nhớ lại những cái xấu như những cái tốt. Con người đều như Lady Anne, nàng sương phụ trong vở kịch Richard III của Shakespeare. Con giận của họ ngắn ngủi, chóng tàn, ý chí của họ không kiên cường, trí nhớ của họ yếu kém - và bao giờ con người cũng vui lòng thuận phục hoàn toàn kẻ thắng.

Chính vì vậy Stalin nghĩ rằng y phải sống cho đến chín mươi tuổi - bởi vì cuộc chiến đấu chưa chấm dứt, cuộc xây dựng chưa hoàn thành và ở đời này không có người nào thay thế được y. Sống để phát động và để thắng cuộc chiến tranh cuối cùng. Sống để tiêu diệt bọn địa cầu xã hội Tây phương như loài sâu bọ, để giết hết tất cả những kẻ chưa chịu thua trận trên thế giới. Sau đó, tất nhiên tăng cao năng suất lao động đến mức độ kỷ lục, giải quyết những vấn đề kinh tế. Chỉ có ý, Stalin, biết con đường đưa nhân loại đến hạnh phúc, biết cách nắm cổ nhân loại đi vào hạnh phúc như nắm cổ một con chó mù dí vào đĩa sữa - “Đó, ăn đi”.

Và sau đó?

Trước đây có một người đích thực là người - người đó là Bonaparte. Người này đã không thêm để ý gì đến những lời sửa bậy của bọn Jacobin, đã tự tuyên bố mình là Hoàng đế. Và Bonaparte làm vậy là đúng.

Danh từ “Hoàng đế” không có gì là xấu cả. Danh từ ấy cũng chỉ có nghĩa là “Lãnh tụ, Chỉ huy”.

“Hoàng đế Địa cầu”. Nghe được đấy chứ?

Đối với tư tưởng cộng sản thế giới, việc xưng danh Hoàng đế không có gì là mâu thuẫn.

Stalin vẫn bước đi trong phòng, bản nhạc vẫn tấu nhạc.

Sống đến chín mươi tuổi và từ nay đến đó, rất có thể họ sẽ tìm ra được một thứ thuốc, hoặc những biện pháp nào đó làm cho y trở thành bất tử. Liệu có thể như thế không? Không, chắc không kịp đâu.

Nhưng bỏ nhân loại lại cho ai? Ai sẽ kế tục lo lắng cho nhân loại? Chúng sẽ làm hỏng hết cho mà coi.

Sẽ có nhiều cơ sở vĩ đại nữa được dựng lên vì Stalin. Kỹ thuật khoa học sẽ có thể giúp sức vào

việc tuyên truyền chủ nghĩa. Ta sẽ có thể gọi cách đó là cách tuyên truyền bằng đài kỷ niệm. Sẽ đặt một đài kỷ niệm trên đỉnh núi Kazbek, một đài khác ở trên đỉnh núi Elbrus - đầu của mình sẽ vĩnh viễn cao hơn mây trắng. Đến lúc đó mình sẽ có thể chết được. Người vĩ đại nhất những người vĩ đại, vĩ nhân của những vĩ nhân, thiên tài vô song trong lịch sử trái đất.

Bỗng dưng Stalin dừng lại.

Ở trên cao kia thì sao? Trên trái đất này không có ai bằng được Stalin, điều đó đúng rồi, nhưng còn ở trên kia?

Y lại bước đi, nhưng giờ đây những bước đi của y chậm hơn, nặng hơn trước.

Thỉnh thoảng, vấn đề chưa được giải quyết đó lại trở về ám ảnh tâm trí Stalin.

Thật ra, vấn đề đó chẳng có gì mơ hồ. Tất cả những gì cần chứng minh đều đã được chứng minh đầy đủ từ lâu, những gì dựng chặn ở giữa đường đều đã bị dẹp đi, bị chứng minh là sai bậy. Đã chứng minh rằng vật chất không hề bị tiêu diệt và cũng không hề được sinh ra. Đã chứng minh rằng vũ trụ này vô biên. Đã chứng minh rằng đời sống bắt đầu một cách dễ dàng ở trong khoảng không ấm áp. Đã chứng minh rằng người ta không thể chứng minh được sự hiện hữu của Chúa Trời, sự đã sống thật của Jesus Christ. Đã chứng minh rằng tất cả những phép lạ, những tiên tri, những sự kiện tinh thần không có vật chất đều là những chuyện bà già lẩm cẩm. Nhưng sự cấu tạo của linh hồn, những gì ta yêu ghét, những gì ta quen đều được thực hiện trong tuổi trẻ, không phải sau tuổi trẻ. Trong thời gian gần đây những ký ức về tuổi thơ xưa đã trở thành mạnh mẽ trong tâm trí Stalin.

Cho đến số tuổi mười chín y đã sống trong tinh thần Cựu ước và Tân ước, sống với Cựu ước và Tân ước, sống với cuộc sống của những vị Thánh Gia Tô và lịch sử đạo Gia Tô. Y giúp lễ trong nhà thờ, hát trong ban đồng ca, và y thích hát bài ca của Stroikin nhân đề: “Giờ đây các người đã được tha thứ”. Ngay cả bây giờ y vẫn có thể hát bài đó không sai một âm giai. Cũng không biết bao nhiêu lần trong khoảng mười một năm học ở trường nhà Dòng và trong Tu viện, y từng đến gần những pho tượng và nhìn vào những đôi mắt huyền bí ấy. Y ra lệnh cho bức hình chụp y những năm đó phải in vào tập Tiểu sử ấn hành nhân lễ Kỷ niệm Sinh nhật năm nay của y. Djugashvili, tốt nghiệp Chung học viện. Trong bức hình ấy y là một gã thiếu niên mới lớn, khuôn mặt mệt mỏi vì những giờ cầu nguyện dài, bận chiếc áo dòng xám kín cổ, mái tóc dài rẽ đường ngôi nghiêm khắc ở giữa, vẻ mặt khắc khổ dọn mình cho cuộc sống tu hành khổ hạnh, những sợi tóc y dính dầu đèn phủ xuống tận hai tai, chỉ có đôi mắt và đôi lông mày hơi nhúu lại cho người ta thoáng thấy gã tu sinh ngoan ngoãn ấy sẽ có ngày trở thành một nhân vật quốc tế. Linh mục Abakumov, vị Thanh tra của Tòa Tổng Giám mục, người đã trục xuất Djugashvili ra khỏi tu viện, được chính Stalin ra lệnh để yên không được chạm đến. Để cho ông già ấy sống nốt những ngày còn lại trong đời ông.

Và trong ngày mừng ba tháng bảy năm 194 ấy, trước những ống micro cổ họng y nghen lại vì sợ và tự thương hại mình (ở đời này không có kẻ nào hoàn toàn không thương hại mình).

Không phải là tự nhiên mà những “đám con chiên” thốt ra trên môi Stalin, Lênin hay bất cứ một lãnh tụ nào khác, không thể nghĩ đến chuyện nói ra những tiếng ấy.

Mỗi y đã nói ra những lời y từng học nói khi y còn trẻ.

Đúng, và trong những ngày tháng bảy năm ấy có thể y đã thầm cầu nguyện, cũng như nhiều kẻ vô đạo vẫn làm dấu thánh giá mỗi khi có những trái bom rơi xuống.

Trong những năm gần đây y hài lòng nhiều khi thấy những bài kinh cầu trong các giáo đường kể y là lãnh tụ được Chúa chọn. [1] Chính vì thế mà y đã tích cực giúp đỡ bằng tiền của Krelín Trung tâm Gia Tô giáo Chính Thống Nga La Tư ở Zagorsk. Stalin không tiếp bất cứ một vị nguyên thủ của một cường quốc nào trên thế giới trịnh trọng và thân thiết như khi y tiếp vị Giáo chủ già lão, lẩm cẩm của chính y. Y đi ra tận cửa ngoài để đón ông này, y cầm tay ông đưa đến tận bàn. Y từng nghĩ đến việc mua tặng ông già này một trang trại nào đó, như những kẻ muốn cho linh hồn mình được bảo đảm vẫn từng tặng những giáo sĩ ngày xưa.

Stalin từng nhận thấy y có khuynh hướng ngã về không những chỉ là Giáo hội Chính Thống mà thôi, y ngã về tất cả những sự kiện, những ngôn ngữ thuộc về thế giới cũ, cuộc sống cũ - thế giới sản xuất ra y, cái thế giới mà vì bốn phần, y từng tiêu diệt bằng đủ mọi cách trong bốn mươi năm qua.

Trong những năm 30, vì nhu cầu chính trị, y đã làm sống lại danh từ “quê hương” bị lãng quên và không được dùng đến trong vòng mười lăm năm qua, đã trở thành một danh từ gần như xấu

xa. Rồi với thời gian, chính y cũng cảm thấy thích thú khi nói đến những danh từ như “Nga La Tư” và “quê hương”. Y trở thành yêu mến những người dân Nga - những người không bao giờ phản bội y, những người chịu đói khổ trong nhiều năm và còn chịu đói khổ trong nhiều năm nữa nếu cần, những người thản nhiên đi ra mặt trận, đi đến trại tập trung, đến mọi tình trạng khổ cực và không bao giờ chống đối, phản kháng. Sau cuộc chiến thắng, Stalin nói một cách thành thật rằng dân Nga có một tinh thần trong sáng, một ý chí cứng cỏi và sự nhẫn nại. Với năm tháng, Stalin càng ngày càng ước muốn ngay cả y cũng được công nhận là một người dân Nga.

Y cảm thấy cả sự thích thú trong việc dùng danh từ gọi lại thế giới cũ: Y không dùng danh từ “Trường Trường” mà dùng “Hiệu trưởng”, không dùng “Ban Chỉ huy” mà dùng “Ban Sĩ quan”, không dùng cái tên Ủy ban Hành pháp Trung ương Toàn Nga mà là Hội đồng Xô Viết Tối cao Sĩ quan (Tối Cao là một danh từ nghe hay đấy chứ). Sĩ quan phải có “cận tá”, tức quân hầu. Nữ học sinh trung học phải học riêng lớp, bận đồng phục với áo có yếm, trả học phí. Dân Xô Viết phải có ngày nghỉ cũng giống như dân Gia Tô giáo, và ngày nghỉ đó cũng là chủ nhật chứ không phải là một ngày nào khác. Chỉ những hôn nhân hợp pháp mới được công nhận, tình trạng này, không khác gì tình trạng hôn nhân dưới thời Nga Hoàng, mặc dù chính cá nhân Stalin từng khổ sở, khổ nạn vì cái luật ấy trước kia. Y quyết định như thế và y không cần biết Engels đã nghĩ gì về vấn đề ấy.

Chính là ở trong văn phòng làm việc ban đêm này y đã đứng trước gương bận thử bộ áo có cầu vai cổ điển của dân Nga - và cảm thấy hài lòng thật sự.

Sau cuộc phân tích cuối cùng, y thấy chẳng có gì đáng để xấu hổ nếu y mang chiếc vương miện lên đầu. Vương miện là cái gì? Nó chỉ là vật biểu hiệu của một quyền uy tối thượng, vật làm một người khác thường khác hẳn với người thường. Dù ai nói gì thì nói, chế độ quân chủ cũng là một chế độ lâu bền nhất, vững vàng nhất trong lịch sử nhân loại. Tại sao ta lại không dùng những cái hay, cái tốt của nó?

Mặc dù cuộc đầu hàng của hải cảng Arthur chỉ làm cho y hài lòng trong thời gian y đang lưu vong sau khi trốn khỏi tỉnh Irkutsk, y vẫn không lầm khi Nhật Bản đầu hàng năm 1945 rằng vụ hải cảng Arthur là một vết đau đớn trên tự ái riêng của y và của toàn thể dân Nga thế hệ cũ. Đúng, đúng, dân Nga thế hệ cũ. Đôi khi Stalin nghĩ rằng có lẽ không phải là do sự ngẫu nhiên hay may mắn mà y trở thành người lãnh đạo xứ sở này, người được toàn thể dân chúng yêu thương, tin cậy - y được chọn chứ không phải là bọn người nói giỏi, ưa phản đối nhưng mất gốc, bọn người không có ý kiến rõ rệt nào cùng nổi tiếng một thời với y.

Bọn người đó ở đây, ngay trong phòng này - chúng sắp hàng trên những kệ sách kia. Tư tưởng của chúng bị dồn nén ở đây giữa những trang giấy trong khi chúng đã bị bóp cổ cho đến chết, thắt cổ, bắn, vùi trong những đồng mật cưa, những đồng phân bón ở những trại tập trung, bị đốt, bị đánh thuốc độc, bị chết vì những ai nạn xe hơi hoặc chết vì chính tay chúng. Chúng đã bị tiêu trừ, bị tận diệt - nhưng mỗi đêm chúng vẫn trình bày với Stalin những ý tưởng của chúng trên những trang sách. Từ những kệ sách, chúng lắc đầu, đong đưa những bộ râu, chúng vãn hai bàn tay vào nhau tức tối, chúng la lối: “Tôi đã cảnh cáo trước về tình trạng ấy. Tôi đã nói làm như thế không được, đồng chí phải làm cách khác!”. Chính vì thế mà Stalin đã thu thập chúng về đây, để y thêm thù hận khi y quyết định ban đêm.

Ban nhạc vô hình tấu nhạc theo bước chân y đã ngừng tiếng.

Hai chân Stalin bắt đầu tê nhức, y cảm thấy y như sắp hết còn đi lại được. Hai chân y, từ cạnh sườn trở xuống, nhiều lần đã không còn đáp ứng được ý muốn của y.

Vị chủ nhân của nửa trái đất, trong bộ quân phục hàm Thống chế, từ từ lướt ngón tay trên gáy những cuốn sách trong kệ sách, y duyệt lại những kẻ thù của y.

Và khi từ kệ sách cuối cùng quay lại, y trông thấy cái máy điện thoại trên bàn.

Ý nghĩ vẫn lẩn trốn trong tâm trí y suốt đêm này một lần nữa, quấy mình như một con rắn thoắt hiện rồi lại biến mất.

Hồi này y đã nhớ đến chuyện này. Y nhớ rằng y cần hỏi Abakumov về một chuyện gì đó nhưng không sao nhớ đó là chuyện gì. Hồi này y đã hỏi Abakumov về chuyện Gomulka. Nhưng đó không đúng là chuyện y muốn hỏi.

Nhớ rồi. Y bước vội tới bàn, cầm cây bút và viết xuống cuốn sổ ghi: “Điện thoại bí mật”.

Họ đã báo cáo với y là họ đã tập trung được những chuyên viên tài giỏi nhất, họ đã có đủ dụng

cụ cần thiết, và tất cả mọi người đều sốt sắng, hăng hái thực hiện bộ máy điện thoại đặc biệt cho Lãnh tụ dùng. Một hạn kỳ được ấn định - vậy mà tại sao đến bây giờ vẫn chưa thấy hoàn thành? Abakumov, thẳng chỗ để, ngồi đây cả tiếng đồng hồ nhưng không hề nói nửa tiếng đến công tác đó.

Tác phong chung của chúng ta là như thế, trong mọi ngành, mọi cơ sở, tên nào cũng chỉ lo chăm chăm đánh lừa Lãnh tụ. Làm sao có thể tin được bọn chúng? Làm sao mà không làm việc ban đêm cho được?

Choáng váng và sây sẩm mặt mày, Stalin ngồi vội xuống ghế. Y không ngồi xuống chiếc ghế y vẫn ngồi sau bàn mà là ngồi xuống chiếc ghế nhỏ đặt ngay cạnh bàn.

Nửa đầu bên trái của y như bị siết chặt ở chỗ thái dương, như có một sức mạnh kéo đầu y nghiêng về phía đó. Luồng tư tưởng của y tan vỡ. Với mắt nhìn thất thần, y nhìn một vòng quanh phòng, nhưng không thấy cả bốn bức tường.

Già đi như một con chó già. Một tuổi già không có bạn. Một tuổi già không có tình yêu thương. Một tuổi già không có lòng tin. Một tuổi già không có ước muốn.

Y không còn cả cần đến cô con gái yêu của y, cô con y chỉ còn được phép gặp y vào những ngày nghỉ lễ.

Cái cảm giác trí nhớ phai nhạt, tinh thần yếu ớt, cô đơn gặm nhấm thân thể y như bệnh tê liệt, làm cho y kinh hoàng.

Cái chết đã làm tổ trong y nhưng y vẫn từ chối không chịu tin như thế.

[1] Đây chỉ là chuyện xảy ra trong những giáo đường ở Nga Xô.

22 Hố thẳm kêu gọi

Khi Đại tá Kỹ sư Yakonov ra khỏi Bộ An ninh bằng khung cửa sau mở ra đường Dzherzhinsky và đi vòng tòa nhà dưới những thân cột đá ở công viên Furkasovsky, y không còn nhận ra chiếc xe Podeba của y đậu ngay trước mặt, y toan mở cửa xe của người khác để ngồi vào đó.

Đêm vừa qua và vào giờ này, sắp hết, là một đêm sương mù dày đặc. Tuyết rơi từ lúc chập tối lập tức chảy tan ra nước ngay và ngừng rơi ngay. Giờ đây, trước khi trời bình minh, sương mù che kín mặt đất và dòng nước chảy trong rãnh cống được phủ trên mặt bằng một làn băng mỏng.

Trời trở lạnh.

Mặc dù đã gần 5 giờ sáng, nền trời tối đen như mực.

Một sinh viên năm thứ nhất, đứng với cô bạn gái của chàng suốt đêm trong một vòm cổng, nhìn Yakanov bằng đôi mắt ước muốn, thềm thuồng khi y chui vào lòng chiếc xe ấm. Chàng sinh viên thở dài nghĩ đến chuyện không biết chàng có thể sống đủ lâu để có một chiếc xe hơi hay không. Không những chưa bao giờ chàng có điều kiện đưa cô bạn của chàng đi chơi bằng xe hơi, chiếc xe duy nhất mà chàng từng được ngồi trong đời chàng chỉ là chiếc xe vận tải đưa chàng tới làm công tác lao động ở một nông xã.

Nhưng chàng không biết rõ về người đàn ông mà chàng đang ao ước, thêm muốn được giống. Gã tài xế của Yakanov hỏi:

“Đại tá về nhà?”

Yakanov trở mắt nhìn gã. Y cầm chiếc đồng hồ ở tay nhưng y không nhìn thấy kim đồng hồ chỉ mấy giờ.

“Gì? Không...”

“Đại tá về Mavrino?”

Gã tài xế ngạc nhiên hỏi câu thứ hai. Tuy gã có bận áo da cừu với mũ da che kín đầu mặt, cuộc thức chờ gần hết đêm cũng làm cho gã run rẩy và gã mong được về giường nằm.

“Không...”

Ông Đại tá Kỹ sư lại đáp, bàn tay đặt lên ngực như để chặn trái tim.

Gã tài xế quay lại nhìn vào mặt chủ gã dưới ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn đường chiếu qua khung kiếng đầy sương trắng vào trong lòng xe.

Gã thấy người đàn ông ngồi đó như không phải là ông chủ gã. Vành môi của Yakanov lúc nào cũng mím chặt với vẻ kiêu ngạo, lúc này đang run rẩy.

Yakanov vẫn cầm chiếc đồng hồ trên tay. Y như người không còn hiểu gì cả.

Và mặc dù gã tài xế đã phải vất vả chờ suốt đêm và bức bối rửa thềm Yakanov trong khi gã nhớ lại những hành động tàn nhẫn, quái ác của Yakanov trong vòng hai năm trôi qua, gã vẫn mở máy cho xe chở đi không chủ đích trong thành phố. Dần dần việc lái xe làm cho thần kinh gã dịu đi, cơn hờn giận trong gã cũng biến đi.

Đêm đã quá khuya để có thể gọi là trời đã sáng. Thỉnh thoảng chiếc xe chở Yakanov chạy lang thang gặp một chiếc xe cô đơn khác trong những đường phố vắng của thủ đô. Thành phố không có cảnh sát, không có người đi bộ, không có trộm cướp. Chỉ lát nữa thôi những chiếc xe chuyên chở công cộng sẽ bắt đầu chạy.

Vừa lái xe, gã tài xế vừa nhìn lại ông chủ, gã phải tự quyết định cho xe chạy đi đâu, một việc mà ít khi nào gã phải làm. Gã đã cho xe chạy qua Myasnitsky, chạy suốt hai đại lộ Sretensky và Rozhdesvensky tới công trường Trubny rồi từ đó quẹo về Neglinnaya. Nhưng gã không thể cứ lái xe chạy như vậy mãi cho đến sáng.

Yakanov nhìn ngây ra trước mặt, đôi mắt của y là đôi mắt thất thần, bất động và hoàn toàn vô cảm thụ. Y có mở mắt nhìn nhưng không thấy gì hết.

Yakanov cư ngụ ở đường Bolshaya Serpukhovaka. Gã tài xế, nghĩ rằng khung cảnh quen thuộc của khu này có thể gợi cho chủ nhân của gã tỉnh lại và quyết định đi về nhà nên gã cho xe chạy qua cầu để quay về khu đó. Xe chạy xuống con đường Okhotny Ryad đổ dốc, quẹo ở Manège và đi ngang Công trường Đỏ lạnh lẽo, vắng tanh.

Những nền đá của những bức tường quanh điện Kremlin và đỉnh những ngọn tháp nhô lên trên đầu tường bám đầy băng giá. Mặt đường xám và trơn trượt. Sương mù như biến mất ở đầu xe.

Xe chạy cách xa bức tường chừng ba trăm thước, trong những bức tường đó, như hai người trong xe có thể tưởng tượng - bậc Vĩ nhân vĩ đại nhất của trái đất đang ngủ những giờ phút cuối cùng của một đêm dài và lạnh. Nhưng họ đi qua đấy và không ai nghĩ đến Vĩ nhân.

Khi xe chạy ngang Giáo đường Basil và hướng về phía bờ sông Mạc Tư Khoa, gã tài xế cho xe giảm tốc độ và hỏi lớn:

“Đồng chí Đại tá... Đồng chí về nhà chưa?”

Đáng lẽ ra Yakanov nên về nhà. Trong thời gian gần đây y sống ở nhà quá ít, nhưng như một con chó già thường tìm đến những nơi vắng vẻ để chết một mình, Yakanov có thể đến khắp mọi nơi trừ nhà y.

Chiếc Pobeda ngừng lại. Năm lấy vạt áo da dày trong khi chui ra khỏi xe, Yakanov nói với gã tài xế:

“Chú đem xe về nhà ngủ đi. Tôi đi bộ về”.

Y thường gọi gã tài xế bằng tiếng “chú” thân mật, nhưng lúc này giọng nói của y rầu rĩ, não nề quá làm cho câu nói rất thường của y thắm đậm như một lời vĩnh biệt.

Một bức màn sương bao phủ mặt sông Mạc Tư Khoa kín lên tận tới bờ.

Không gài nút áo, với cái mũ lông thú của sĩ quan cấp Tá đội hơi lệch sang một bên, Yakanov, đôi lúc loạng choạng vì mặt đường trơn, đi dọc theo bờ sông.

Gã tài xế muốn cất tiếng gọi chú, gã nghĩ đến chuyện lái xe đi theo ông chủ nhưng sau đó gã lại

nghe: “Vớ cặp bậc ấy chẳng đời nào ông lại nhảy xuống sông tự tử”. Gã bèn quẹo xe trở lại và yên chí về thẳng nhà gã.

Yakanov lần bước đi trên mặt con đê dài, con đê này không có những đường phố cắt ngang, bên trái y là một hàng rào gỗ dài như vô tận, bên phải y là dòng sông. Y đi giữa con đê, mắt nhìn ngầy về những ánh đèn đường trước mặt.

Khi đã đi được một quãng khá xa, Yakanov cảm thấy cuộc đi bộ theo kiểu đi đưa đám ma này gợi lên trong y một sự thoải mái mà từ lâu lắm rồi y không được hưởng.

Hồi đêm, khi bộ ba bị gọi trở lại trước mặt Tổng trưởng Abakumov, tình hình đã đi đến độ không còn cứu vãn gì được. Yakanov có cảm giác như vũ trụ đổ ụp xuống đầu y. Abakumov nổi cơn điên như một con thú rừng hóa dại. Hắn giẫm lên chân ba người bị hắn gọi trở lại để sỉ nhục, đe dọa, hắn đuổi họ chạy vòng vòng trong căn phòng, hắn chửi rủa họ, hắn khạc nhổ và thiếu chút nữa thì đơm rãi trong miệng hắn bay trúng vào mặt họ. Rồi với mục đích gây đau đớn rõ rệt, hắn dẫm vào mũi Yakanov. Kết quả là Yakanov bị chảy máu mũi.

Abakumov đã gầm gào lên rằng Sevastyanov sẽ bị lột lon, giáng xuống cấp Trung úy và đày đi phục vụ trong những cánh rừng ở Bắc bán cầu, Oskolupov sẽ chỉ còn là lính gác cửa như trước kia và sẽ bị phái đến phục vụ ở nhà tù Butyrskaya, nơi y đã bắt đầu sự nghiệp vào năm 1925. Riêng với Yakanov, vì tội gian dối và tội “phá hoại tái phạm”, sẽ bị bắt và bị gởi đến nhà tù Mavrino như một tên tù thường để làm việc trong phòng sống bầy dưới quyền điều khiển của Kỹ sư Bobynin, ở đó Yakanov sẽ phải làm việc bằng chính hai tay y chứ không còn sai khiến được người khác.

Sau cùng, Abakumov đã nín thở và cho họ một dịp may cuối cùng, một kỳ hạn tối hậu: Ngày 22 tháng giêng, ngày kỷ niệm Lenin từ trần.

Cảnh vật trong văn phòng rộng trang hoàng chường mắt, quay cuồng trước mắt Yakanov. Y cố gắng dùng khăn tay thấm máu mũi. Y đứng đó yếu đuối và hoàn toàn không có một phương tiện nhỏ nào tự vệ trước Abakumov và trong lúc đó y nghĩ đến ba người, một người đàn bà và hai đứa trẻ, những người mà trong những tháng gần đây y chỉ được sống gần nhiều nhất là một tiếng đồng hồ một ngày, những người mà y đã khổ sở tranh đấu bảo vệ, để giữ cho được an toàn, sung sướng, những người đó là hai đứa con nhỏ của y, đứa lớn lên chín, đứa thứ nhì lên tám, và Varyusha, vợ y, Yakanov thương yêu vợ vì y kết hôn với nàng quá muộn. Năm nay y ba mươi sáu tuổi, y mới cưới nàng. Y cưới vợ sau khi y ở tù ra. Và giờ đây nắm đấm tàn nhẫn của Ông Tổng trưởng của y lại đe dọa đẩy y trở lại nhà tù.

Từ văn phòng Tổng trưởng ra, Sevastyanov bắt Oskolupov và Yakanov vào văn phòng của lão và ở đây, lão đe dọa sẽ tống hai người vào tù, lão nhất định không chấp nhận tình trạng lão bị giáng xuống cấp Trung úy và bị đi phục vụ ở Bắc cực.

Từ văn phòng Sevastyanov, Oskolupov bắt Yakanov vào văn phòng Va. Ở đây với những lời lẽ thẳng thắn đến thô tục, Oskolupov cho Yakanov biết rằng Va sẽ làm một báo cáo buộc y vào tội phá hoại, bằng chứng là kỳ đi tù trước đây của y.

Yakanov đi tới cây cầu xi-măng cao bắc ngang sông Mạc Tư Khoa. Y không đi vòng để đi lên cầu, y đi dưới chân cầu, ngang chỗ có một viên cảnh sát đang đi tuần.

Viên cảnh sát nghi ngờ nhìn gã đàn ông say rượu đang đi loạng choạng đầu đội cái mũ lông thú đặc biệt của những sĩ quan cấp tá.

Đây là khúc dòng sông Yauza đổ vào sông Mạc Tư Khoa. Yakanov đi qua dưới chân cầu nhưng y vẫn không biết là y đang ở đâu, y sẽ đi đâu.

Một cuộc tranh đấu sống chết đang diễn ra và sắp đến hồi kết thúc, Yakanov nghĩ đến cuộc tranh đấu gay gắt ấy và y cảm thấy cái vội vã, cuống quýt chạy chết của một kẻ bị trói chặt cả tay lẫn chân. Hơn lúc nào hết y ghi nhận sự vô lý, độc đoán, tàn ác của những hạn kỳ thời gian. Đó là một tình trạng thúc đẩy, dồn ép ghê gớm, ác liệt, làm nhanh hơn, nhanh hơn nữa, hết hạn rồi, tranh thủ thời gian, làm xong trước giờ ấn định. Và khi mọi việc được làm theo cách này, những tòa nhà được xây lên sẽ không đứng vững, những cây cầu sẽ sụp, những công thợ sẽ đổ, những vụ mùa thật thu và những mầm giống được gieo sẽ nhất định không chịu nhô lên khỏi mặt đất. Nhưng cho đến khi nào sự thật nổ ra trước mắt mọi người, những kẻ nào chẳng may bị cuốn hút vào cơn giông bão tranh thủ thời gian ấy không có lối nào thoát ra được trừ lối đau ốm, lối tự đứt tay vào guồng máy để bị thương, gặp một tai nạn - và để được nằm chờ trong một bệnh viện hay một nhà dưỡng đường.

Từ trước cho đến bây giờ luôn luôn Yakanov nhảy ra được những tình trạng cấp bách một cách an toàn để lên vào ở trong những tình trạng khác yên bình hơn, chắc chắn hơn hoặc còn lâu mới đến hồi kết thúc.

Nhưng lần này, lần này, y cảm thấy y không sao thoát ra được. Y không thể nào thực hiện xong dự án chế tạo máy điện thoại bí mật trong thời hạn ngắn ngủi ấy. Y không thể làm được gì hết. Và y cũng không thể thoát ra được bằng cách cáo ốm.

Y đứng vịn tay vào thành cầu và nhìn xuống. Sương mù nằm trên mặt nước sông lạnh đóng thành đá nhưng không che kín mặt sông. Ngay dưới chỗ y đứng, nơi đá tan, Yakanov nhìn thấy một hố đen nước chảy.

Hố đen như miệng giếng - cái hố đen của dĩ vãng - nhà tù - một lần nữa lại mở ra trước chân y, một lần nữa kêu gọi y trở xuống.

Yakanov coi khoảng thời gian sáu năm y sống ở đó, trong hố đen đó, là khoảng thời gian đến đũa nhất, xui xẻo nhất, là thất bại nặng nhất đời y.

Y bị vào tù năm 1932 khi y là một kỹ sư vô tuyến điện trẻ tuổi, tuy trẻ nhưng y đã được xuất ngoại vì công tác hai lần (chính vì những cuộc xuất ngoại này mà y bị bắt). Y là người tù thứ nhất trong những tù nhân đầu tiên sống là làm việc trong những nhà tù theo quan niệm của Dante.

Y muốn quên đi cái dĩ vãng tù đầy đó biết là chừng nào! Y muốn quên và muốn những kẻ khác cũng quên. Muốn cho định mệnh quên. Y từng cố gắng bằng đủ mọi cách xa lánh những kẻ nào gọi cho y nhớ lại dĩ vãng đen tối ấy, xa lánh những kẻ nào từng biết y bị tù.

Đột ngột Yakanov lùi phát lại. Y lùi xa thành cầu và đi qua đường dề leo một con dốc lên ngọn đồi. Một con đường mòn lách qua hàng rào gỗ của một dự án xây cất nào đó ở chân đồi, con đường mòn đầy đá băng nhưng không đến nỗi quá trơn.

Chỉ có cơ quan Mật vụ MGB Trung ương là biết rõ, nhờ những phiếu lý lịch hồ sơ trong phòng lưu trữ, những tên tù cũ nay được bận đồ đồng phục của nhân viên MGB.

Có hai tên cựu tù nhân, ngoài Yakanov, có mặt ở Viện Mavrino.

Yakanov vẫn cẩn thận tránh gặp, tránh gần hai tên ấy. Y cố giữ để khỏi phải trò chuyện với càng ngoài khi bắt buộc phải nói về công việc chung, nhưng không bao giờ y chịu ở lại một mình trong văn phòng với hai tên ấy, để cho người khác khỏi thấy và khỏi suy luận.

Một trong hai tên ấy là Kynazhetsky, giáo sư hóa học. Lão này đã bảy mươi tuổi. Trước kia lão là học trò ưu tú của Giáo sư Mendeleyev. Lão bị án tù mười năm và đã sống hết hạn tù. Nhờ một số những thành quả khoa học, lão được gửi đến làm việc ở Viện Mavrino với tư cách là nhân viên tự do và lão đã làm việc ở đó yên lành được ba năm sau chiến tranh cho đến ngày ban hành Luật Củng cố hậu phương quật lão ngã lần thứ hai. Lần này có lẽ là lần ngã cuối cùng trong đời lão. Vào một buổi trưa, có lệnh bằng điện thoại từ Bộ An ninh gọi lão về Bộ trình diện. Lão về và không thấy lão trở lại nữa. Hák nhớ kỹ hình ảnh Knyazhetsky khi lão đi xuống trên tấm thảm đỏ trải trên những bậc thang của Viện, vừa đi vừa lắc lắc mái tóc bạc, không hiểu vì sao người ta lại gọi lão về Bộ để hỏi về một vấn đề gì đó trong “nửa tiếng đồng hồ”. Trong khi đó ở sau lưng lão, trên tầng lầu trên, Thiếu tá Shikin, sĩ quan an ninh của Viện, đã dùng con dao bỏ túi cạy tấm hình ra khỏi bản danh sách nhân viên danh dự của Viện.

Người thứ hai là Altynov. Lão này không phải là một khoa học gia nổi tiếng, lão chỉ là một chuyên viên làm những công tác khoa học như buôn bán kiếm lời. Cũng giống như trường hợp của Giáo sư Knyazhetsky, Altynov từng ở hết hạn tù và nhờ thành tích đạt được trong thời gian phục vụ trong tù, lão được cho làm nhân viên tự do đến làm việc ở Viện Mavrino. Bề ngoài Altynov có vẻ ham lam và hơi ngu nhưng lão hơn người ở điểm lo xa và nhất là lão nghi ngờ. Lão nghi rằng người ta có thể sẽ không để cho lão được yên ổn sống nốt những năm còn lại trong nhà lão. Lão bèn giả vờ đau tim. Khi Luật Củng cố hậu phương được ban hành sau chiến tranh, lão đã nằm trong một bệnh viện chuyên trị bệnh đau tim. Lão giả vờ đau tim hữu hiệu đến nỗi bác sĩ điều trị cho lão đều hết hy vọng cứu sống được lão. Và lão cứ sống vật vờ mãi cho đến bây giờ.

Và Yakanov, đoạn đời trước đen tối vì thời gian ở tù, đoạn đời sắp đến đen vì tội phá hoại. Cả dĩ vãng và tương lai y đều khốn khổ.

Hố thăm tù đầy vừa lên tiếng kêu gọi y trở lại.

...

Yakanov đi qua bãi đất trống nhưng y vẫn không biết là y đi đâu, đến đâu, y cũng không nhận thấy mặt đất thoải dốc và y đang vấp vả lần bước lên dốc. Sau cùng, y phải đứng lại vì hụt hơi. Hai chân y mỏi, hai cổ chân y nhức nhối vì mặt đất không được phẳng. Đứng trên đỉnh cao nơi y vừa trèo lên, giờ đây Yakanov mới phóng tầm mắt nhìn ra chung quanh. Mắt y bây giờ mới ghi nhận cảnh vật và mới tìm hiểu nơi này là nơi nào. Trong khoảng thời gian một tiếng đồng hồ vừa qua kể từ lúc y ra khỏi xe hơi, đêm đã lạnh hơn và đêm đã gần hoàn toàn trôi qua. Sương mù đã bắt đầu tan và tan đi rất mau. Mặt đất dưới chân y đầy những mảnh gạch vụn đá nhỏ, thủy tinh vỡ, gần chỗ y đứng có một căn nhà gỗ nhỏ xíu. Bên dưới là một hàng rào gỗ vây quanh khu đất chưa được khởi công xây cất. Không có tuyết rơi nhưng tất cả đều nằm dưới một làn băng mỏng. Trên ngọn đồi trung tâm quá gần thành phố này, ngọn đồi có nhiều dấu vết của sự tàn phá, y nhận thấy có những bậc đá trắng sót lại của một lối đi bằng đá. Y lẩm nhẩm đếm. Có bảy bậc thang đá tất cả. Ký ức của Yakanov gọi lên một ghi nhớ mơ hồ nào đó khi y nhận thấy những bậc thang đá trắng trên lưng đồi xác xơ. Y đi tới và bước lên những bậc đá, tâm trí vẫn hoang mang chưa nhớ đây là đâu và tại sao y lại có vẻ quan thuộc với những bậc đá này. Y đi lên, đi lên mãi và sau cùng, y thấy một tòa nhà ẩn hiện trong màn sương và bóng tối. Tòa nhà có hình thể thật lạ. Tòa nhà như đã đổ nát, hoang tàn nhưng vẫn còn giữ nguyên được hình thể bên ngoài. Phải chăng đây là một nơi đổ nát vì trúng bom đạn trong thời chiến tranh? Chắc không phải. Chiến tranh đã qua lâu rồi. Tất cả những nơi bị bom đạn tàn phá trong thủ đô này đều đã được xây cất lại. Nơi này dường như bị tàn phá vì một cái gì khác bom đạn. Một thềm đá lớn ngăn cách những bậc thang đá Yakanov vừa đi qua với những bậc thang khác. Rồi khối đá lù lù che tầm mắt y. Những bậc đá trên cao này dẫn tới cửa tòa nhà như lối dẫn lên cửa một nhà thờ. Yakanov tới trước một khung cửa sắt lớn. Cửa sắt đóng kín, gạch đá vụn chặn kín dưới chân cửa cao tới nửa thước. Đứng rồi, đứng rồi, Yakanov đã nhớ ra đây là đâu. Y nhìn quanh để kiểm soát lại. Dòng sông dưới kia nằm như một đường sáng lượn vòng, chìm mất dưới chân cầu và chảy mãi, chảy xuôi về điện Kremlin. Nhưng còn tháp chuông? Không thấy có tháp chuông. Những tảng đá xếp đồng này? Phải chăng đây là những gì còn sót lại của tháp chuông ngày xưa? Hai mắt Yakanov bỗng nong nóng, cay cay, như khi y chảy nước mắt. Y nhận ra, y nhớ lại và toàn thân y bủn rủn. Yakanov nhẹ nhàng ngồi xuống bậc đá ở trước cửa nhà thờ. Trước đây hai mươi hai năm có lần y đã ngồi trên thềm đá này với một người thiếu nữ tên là Angiya.

23 Giáo đường Thánh John

Yakanov gọi lớn tên nàng - Angiya - và, như một làn gió, những cảm giác xưa cũ đã bị lãng quên trở lại như mới hoàn toàn làm cho tấm thân đàn ông trung niên, no đủ của y xúc động. Ngày đó y hai mươi sáu tuổi và nàng hai mươi mốt. Người thiếu nữ ấy không phải được sinh ra từ trái đất này. Nàng bất hạnh vì nàng có một linh hồn cao thượng và nàng đòi hỏi đến một mức độ nhiều không sao chấp nhận được. Đôi khi, trong lúc nàng nói, đôi mày và hai cánh mũi nàng rung động như những cánh chim bồ câu. Chưa ai từng nói những lời nghiêm khắc đến như nàng với Yakanov, nàng xét nét với một vẻ cực kỳ nghiêm trọng những hành động của Yakanov, những hành động mà y cho là rất thường. Mà rất lạ lùng, khó hiểu làm sao, nàng coi những hành động ấy là ti tiện, hèn hạ. Và nàng càng

tìm thấy nhiều tội lỗi ở Yakanov chừng nào, y lại càng bị nàng hấp dẫn, càng muốn được gần nàng chừng ấy. Mỗi tình của họ thật là lạ kỳ.

Người ta chỉ có thể nói chuyện với nàng một cách rất thận trọng. Nàng yếu đuối đến nỗi chỉ cần đi lên một ngọn đồi cũng đủ làm nàng kiệt sức, hoặc chỉ chạy vài bước. Ngay cả một cuộc nói chuyện hơi gay gắt cũng đủ làm nàng thở mệt. Người ta dễ dàng làm cho nàng phật lòng, buồn rầu.

Tuy vậy, nàng vẫn có đủ sức đi trong rừng hết ngày này sang ngày khác và, đây cũng là sự lạ kỳ, không bao giờ nàng đem theo quyển sách nào vào rừng. Sách ngăn cản sự thông cảm giữa nàng và rừng cây, sách làm cho nàng xao lãng sự chú ý vào rừng cây. Nàng chỉ đi lang thang trong rừng cây và ngồi nhìn ngắm những huyền bí của rừng. Những khi Yakanov cùng vào rừng chơi với nàng, y ngạc nhiên vì những nhận xét của nàng: Tại sao thân cây lau chừng xuống mặt đất? Bằng cách nào màu sắc trên những lá cỏ trong rừng đổi màu khi chiều tối? Y chưa từng bao giờ để ý đến những điều ấy. Với y, rừng cây là rừng cây, không khí trong rừng mát dịu và tất cả mọi thứ trong rừng đều có màu xanh. Nhưng nàng, nàng phê bình cả những đoạn tả cảnh thiên nhiên trong tác phẩm của Turgenev, sự nông cạn của những đoạn ấy làm nàng bất mãn.

“Suối Rừng” - đó là cái tên Yakanov gọi nàng trong mùa hè năm 1927, năm ấy họ ở gần nhà nhau. Họ đi với nhau, họ về với nhau và trước mắt tất cả mọi người, họ là hai người trẻ tuổi đã hứa hôn với nhau.

Nhưng sự thực, khác hẳn như thế.

Angiya không đẹp nhưng cũng không xấu, khuôn mặt nàng thay đổi luôn luôn: nàng có thể cười vui và đầy thiện cảm, nhưng nàng cũng có thể trình bày một bộ mặt dài thượt, mệt mỏi, thiếu hấp dẫn. Nàng cao hơn đa số đàn bà một chút, thân hình nàng mảnh mai và yếu đuối, bước đi của nàng nhẹ đến nỗi người ta tưởng như hai bàn chân nàng không hề chạm đất. Trong thời gian đó tuy rằng Yakanov đã có khá nhiều kinh nghiệm về đàn bà, tuy y đặt cao giá trị về da thịt trên thân thể đàn bà, một cái gì khác hơn nhan sắc và thân thể của Angiya vẫn hấp dẫn y tới nàng. Và bởi vì y bị nàng hấp dẫn, y tự nhủ rằng y yêu nàng vì nàng là đàn bà và rồi thân thể nàng sẽ nảy nở.

Nhưng trong khi nàng vẫn vui vẻ đi chơi những ngày mùa hạ dài với Yakanov, đi với nhiều dặm sâu vào trong rừng, nắm với y trên cỏ, nàng vẫn tỏ ra không thích để cho y nắm tay. Mỗi khi y nắm tay nàng, nàng hỏi: “Tại sao lại cứ phải nắm tay nhau mới được?”, và nàng gỡ tay nàng ra. Thái độ này của nàng không phải có nguyên nhân là nàng mắc cỡ hay sợ người khác nhìn thấy, vì sau khi Yakanov đòi hỏi nàng phải để y nắm tay cho tự ái của y khỏi bị tổn thương, nàng vui vẻ để cho y nắm tay.

Tự nghĩ rằng mình yêu nàng, Yakanov nói với nàng về tình yêu của y trong lúc y quỳ dưới chân nàng trên cỏ trong rừng. “Buồn biết chừng nào...” - Nàng nói - “Em có cảm tưởng như em đang làm cho anh thất vọng. Em không thể trả lời được anh em có yêu anh hay không. Em không cảm thấy gì cả. Vì vậy em không muốn cả sống nữa. Anh thông minh, anh thật tốt, lẽ ra được anh yêu em phải thấy sung sướng mới phải chứ? Nhưng thật là em không muốn sống”. Nàng nói như thế nhưng mỗi buổi sáng nàng vẫn hồi hộp tìm xem có sự thay đổi nào hiện lên trên nét mặt y hay trên thái độ của y hay không.

Nàng nói như thế nhưng nàng cũng nói: “Ở Mạc Tư Khoa có biết bao nhiêu là thiếu nữ đẹp. Đến mùa thu này anh sẽ gặp một cô thật đẹp và anh sẽ không còn yêu em”.

Nàng để cho y ôm nàng và hôn nàng, nhưng những khi ấy, môi nàng và tay nàng bất động, vô hồn. “Khó quá đi” - Nàng than thở - “Em tưởng rằng tình yêu đến phải sôi nổi ghê gớm lắm, nhưng anh yêu em và em sẽ không bao giờ còn gặp được ai tốt hơn anh, vậy mà sao em vẫn không thấy sung sướng, em chỉ thấy em không muốn sống”.

Có một cái gì đó như rất lạc hậu ở nàng, một cái gì rất trẻ con. Nàng sợ hãi những sợi dây vô hình, bí mật buộc liền như một người đàn ông với một người đàn bà qua hôn nhân, với giọng nói tê tái, nàng thều thào hỏi: “Chúng mình có thể cưới nhau mà không làm việc ấy không?”

Trong cơn kích động, Yakanov trả lời: “Vợ chồng đâu có phải chỉ lấy nhau để làm việc ấy? Đó chỉ là một cái gì phụ thuộc đi sau sự hòa hợp, cảm thông của hai tâm hồn”. Khi nghe y nói câu đó, lần thứ nhất môi nàng yếu đuối hôn y, và nàng nói: “Cảm ơn anh. Nếu không có tình yêu, tại sao con người ai cũng muốn sống? Em nghĩ em đã bắt đầu yêu anh. Em sẽ cố gắng yêu anh”.

Mùa thu năm ấy, một buổi chiều gần tối họ đi bên nhau trong một con phố vắng cạnh công

trường Taganka, Angiya bỗng nói bằng giọng nói trong rừng của nàng, giọng nói khó nghe trong tiếng động của thành phố:

“Anh có muốn em đưa anh tới coi một nơi đẹp nhất của Mạc Tư Khoa không?”

Nàng đưa Yakanov lên một ngọn đồi, tới một hàng rào gỗ bao quanh một giáo đường nhỏ, sơn trắng và đỏ, tòa giáo đường có hậu đường và bàn thờ chính nằm dựa vào một con phố khúc khuỷu không tên. Bên trong hàng rào chỉ có một lối đi nhỏ vòng quanh giáo đường để rước Thánh giá, lối đi vừa đủ rộng cho ông cha sở và ông trợ tế cùng đi cạnh nhau. Qua khung kiếng mờ của những ô cửa sổ người ta có thể nhìn thấy, sâu trong lòng tòa giáo đường, những ngọn lửa nên lung linh bình yên và những ánh lửa đèn màu thấp dưới những pho tượng. Ở một góc nằm trong hàng rào có một cây sồi cổ thụ, cây sồi lớn và cao hơn mái giáo đường. Cành lá nó đã ngã vàng phủ lên trên cả nóc tròn trên mái giáo đường và con phố bên cạnh, làm cho tòa giáo đường đã nhỏ còn có vẻ nhỏ hơn.

“Đây là giáo đường Jonh”. Angiya nói.

“Nhưng đây đâu có phải là nơi đẹp nhất Mạc Tư Khoa?”

“Chờ xem”.

Nàng dẫn Yakanov đi qua cổng và trong sân giáo đường. Nền sân đá có những chiếc lá sồi màu vàng và màu cam bao phủ. Trong vùng bóng tối dưới vòm cành lá sồi có một lầu chuông cổ, hình cái lều. Lầu chuông và căn nhà nhỏ dính liền vào giáo đường ngăn chặn những tia nắng của mặt trời đang lặn. Cánh cửa sắt của hành lang phía bắc mở rộng và một người đàn bà nghèo đứng ở đó cúi đầu lễ và làm dấu thánh giá một mình trong tiếng ca cầu rục rờ từ bên trong vọng ra.

“Giáo đường này nổi tiếng vì đẹp và lộng lẫy, huy hoàng”.

Angiya nói thì thầm, nàng để cho vai nàng sát vào vai Yakanov.

“Giáo đường này được làm vào thế kỷ nào?”

“Sao anh lại cần phải biết thế kỷ nào? Anh có thấy đẹp không?”

“Đẹp lắm, nhưng mà...”

“Anh coi này...”

Angiya gỡ tay nàng ra và kéo y tới khung cổng chính của tòa giáo đường. Họ từ trong vùng bóng tối đi ra làn ánh sáng chan hòa của mặt trời hoàng hôn, và nàng ngồi xuống trên bậc đá thềm cửa.

Yakanov hít vào một hơi thở dài. Họ như những người vừa từ một khu phố đông của thị trấn bước lên một đỉnh cao và phóng tầm mắt nhìn vào một khoảng xa, rộng. Những bậc thang đá trắng chạy dài từ chân thềm của giáo đường qua lưng ngọn đồi, xuống dòng sông Mạc Tư Khoa dưới kia. Mặt sông cháy rực dưới ánh nắng chiều. Bên trái là tòa nhà Zamoskvorechye với những khung cửa kiếng phản chiếu ánh nắng vàng đến chói mắt người nhìn và bên dưới, gần như ở ngay dưới chân họ, những ống khói đen của nhà máy điện Mạc Tư Khoa tỏa khói lên nền trời chiều. Dòng sông Yauza nhỏ hơn chảy vào dòng sông Mạc Tư Khoa. Gần chỗ hai dòng sông giao nhau là Bệnh viện Foundling. Sau bệnh viện này, những ngọn tường sắc của điện Kremlin nổi lên. Xa hơn nữa, năm tòa tháp tròn mạ vàng của Giáo đường Chúa Cứu Thế sáng rực trong nắng.

Và trong ánh vàng rực rỡ ấy, Angiya, với chiếc khăn mỏng choàng trên đôi vai, toàn thân như được dát vàng, ngồi nhìn về phía mặt trời.

“Người Nga này ngày xưa chọn chỗ để xây giáo đường và tu viện thật là khéo” - Nàng nói, giọng nàng như vỡ vụn - “Em đã đi xuôi dòng Volga, em cũng từng đi xuôi dòng Oka nữa, bất cứ chỗ nào giáo đường cũng được họ xây ở những chỗ đẹp nhất, trang nghiêm nhất...”

Yakanov đáp lời nàng như một tiếng vang:

“Đúng đấy. Mạc Tư Khoa là nhất...”

“Nhưng những cảnh đẹp ấy đang mất đi” - Angiya nói - “Mạc Tư Khoa đang bị tiêu diệt”.

“Em nói bị tiêu diệt nghĩa là sao? Em nói vậy vô nghĩa”.

“Họ sắp phá giáo đường này”.

“Sao em biết là sắp phá?”

Yakanov hỏi lại. Y bắt đầu cảm thấy bức bối vì giọng nói có vẻ như kết tội của Angiya.

“Đây là một kiến trúc cổ. Họ sẽ giữ nguyên nơi đây...”

Y nhìn lên lầu chuông nhỏ xíu, nơi những cành lá sồi xuyên vào gần chạm cả tới chuông.

“Họ sắp phá đi mà...”

Angiya tiên đoán với vẻ biết chắc, nàng vẫn ngồi bất động với chiếc khăn choàng vàng trên vai, trong ánh vàng.

Không những là gia đình Angiya không dạy dỗ Angiya để nàng tin ở Chúa mà trong dĩ vãng, khi tất cả mọi người đều phải đi lễ nhà thờ, bà mẹ nàng và bà ngoại nàng đều không đi lễ, không giữ những luật cấm, không rước lễ, họ luôn luôn làm cho tôn giáo trở thành lỗ bịch bởi vì tôn giáo đã chấp nhận nông nô một cách quá ư dễ dãi. Bà ngoại nàng, mẹ nàng và các dì, các cô nàng đều có một tật chung: họ luôn luôn đứng về phía những người bị đàn áp, bắt bớ, săn đuổi, hành hạ bởi chính quyền. Bà ngoại nàng được những người cách mạng trong Phong trào “Dân ý” biết mặt, biết tên vì bà cho họ trốn nấp trong nhà bà và giúp đỡ họ tất cả những gì bà có thể. Những cô con gái bà nối tiếp bà giúp đỡ, che giấu những người cách mạng Xã hội và Dân chủ Xã hội. Và cô bé Angiya bao giờ cũng đứng về phía những con thỏ bị người ta đuổi bắn, những con ngựa bị người ta đánh đập. Khi nàng lớn lên, mọi người trong gia đình nàng đều ngạc nhiên khi thấy nàng bênh vực Giáo hội Gia Tô vì nàng cho rằng Giáo hội này đang bị đàn áp, khủng bố. Không biết là vì nàng tự nhiên tin ở Chúa hay nàng cố làm cho nàng phải tin, Angiya nói rằng kẻ nào trốn tránh đi nhà thờ là hèn, và trước sự khó chịu của bà ngoại và mẹ nàng, Angiya đến nhà thờ rước lễ. Dần dần nàng cho chuyện đi lễ là quan trọng.

Yakanov hỏi nàng với vẻ ngạc nhiên thực sự:

“Tại sao em lại nghĩ rằng Giáo hội Gia Tô đang bị đàn áp? Có những chuyện gì xảy ra làm cho em nghĩ thế? Các giáo dân vẫn được tự do đến nhà thờ. Không ai cấm linh mục làm lễ, kéo chuông, rước Thánh giá - họ chỉ không được quyền can thiệp vào những vấn đề công dân và giáo dục mà thôi”.

“Rõ ràng là Giáo hội đang bị đàn áp” - Angiya cãi lại bằng giọng nói ôn hòa, nhỏ nhẹ như mọi khi của nàng - “Khi người ta nói ra những lời kết tội Giáo hội phản động, khi người ta in ra tất cả những gì người ta muốn để bôi xấu Giáo hội họ không cho Giáo hội được quyền trả lời, quyền tự biện hộ, khi người ta kiểm tra tài sản của Giáo hội và lưu đầy những linh mục - những việc đó chẳng phải là đàn áp thì còn là gì nữa?”

“Em thấy những linh mục bị lưu đầy ở đâu, hồi nào?”

“Tất nhiên là không thấy ở trong những thành phố đó rồi”.

“Dù cho họ có đàn áp thật đi nữa” - Yakanov nói - “họ cũng mới chỉ đàn áp có mười năm thôi. Em có biết Giáo hội đàn áp con người đã bao lâu không? Từ 10 thế kỷ nay”.

Angiya nhún vai gầy:

“Thời đó chưa có em. Em đang sống ở thời này, em chỉ thấy những gì xảy ra trong đời em”.

“Nhưng em phải biết lịch sử chứ! Em không thể viện lý do gì để bào chữa cho sự ngu dốt. Có bao giờ em nghĩ đến chuyện Giáo hội đã làm cách nào để sống trong suốt 250 năm tổ quốc ta bị bọn Tatar đô hộ không?”

“Giáo hội Gia Tô sống được có thể là vì lòng tin của giáo đồ mạnh. Cũng có thể là vì tinh thần Gia Tô mạnh hơn tinh thần những tôn giáo khác”.

Nàng nói câu trên như một câu hỏi chứ không phải là một lời quả quyết.

Yakanov nở nụ cười tha thứ:

“Em tưởng tượng nhiều quá. Tổ quốc ta có bao giờ thực sự thấm nhuần tinh thần Thiên Chúa giáo trong linh hồn không? Em có thực nghĩ rằng suốt trong cả ngàn năm Thiên Chúa giáo có mặt ở đây người ta có thực sự tha thứ cho những kẻ đàn áp, bóc lột người ta không? Người ta có yêu thương được những kẻ thù của người ta không? Giáo hội chỉ sống được là vì sau cuộc xâm lăng, trước hơn bất cứ một người dân Nga nào, Giáo chủ Cyril đã cúi đầu trước tên Khan của bọn Tatar xâm lăng và yêu cầu tên này bảo vệ cho hàng ngũ giáo sĩ. Với những lưỡi kiếm của bọn Tatar, giới giáo sĩ Nga đã bảo vệ được đất đai, những nông nô và những giáo đường của họ. Tuy vậy, ta cũng phải công nhận là Giáo chủ Cyril đã hành động đúng khi làm như thế, ông ta là một nhà chính trị thực tế. Lẽ ra ai khôn ngoan cũng phải làm như ông. Chỉ có cách đó mới có thể thắng”.

Khi Angiya bị dồn vào đường cùng, nàng không cãi nữa. Nàng chỉ mở rộng đôi mắt ngạc nhiên nhìn người thanh niên vị hôn phu của nàng:

“Nhờ cách đó những giáo đường đẹp đẽ này mới được xây dựng trên những cảnh trang nghiêm, hùng vĩ này” - Yakanov nói lớn - “Trong khi những tín đồ ly khai bị đốt lửa đến chết,

những giáo đồ của những tôn giáo khác bị đánh bằng roi gây đến chết. Em thương hại những kẻ làm những việc đó ư? - Giáo hội bị đàn áp? Giáo hội nào bị đàn áp?"

Y ngồi xuống cạnh nàng trên thềm đá ẩm vì nắng:

"Em bắt công với những người Bôn-xê-vích về tất cả mọi mặt. Em không thềm cả đọc những quyển sách chính của họ. Họ rất kính trọng nền văn minh thế giới. Họ tin rằng không một ai có quyền độc đoán quyết định thay cho người khác hay bắt người khác phải nghĩ, phải làm theo mình, họ tin ở sự hợp lý, ở lẽ phải. Điều duy nhất mà họ muốn là: công bằng. Em thử tưởng tượng coi: công bằng hoàn toàn, công bằng tuyệt đối. Không ai được hưởng những đặc quyền mà người khác không được hưởng. Không ai được lợi thế hơn người khác về những điều kiện để sống. Còn có gì có thể tốt đẹp hơn một xã hội như thế? Xã hội ấy có đáng để chúng ta hy sinh hay không?"

Em phải biết những phản đối vô lý của em chỉ là những trở ngại chằng đường em vào đại học. Những phản đối của em sẽ có ảnh hưởng gì? Em có thể làm được gì?"

"Một người đàn bà như em có thể làm gì được?"

Nàng vừa nói vừa đưa tay hất những lọn tóc của nàng về sau lưng - trong lúc không một thiếu nữ nào kết tóc cả, nàng kết tóc thành lọn, khi mọi người cắt tóc ngắn, nàng để tóc dài, nàng chỉ làm thế để phản đối mặc dù kiểu tóc dài không hợp với mặt nàng. Một lọn tóc rơi trên lưng nàng, lọn kia nằm trên ngực nàng - và nàng nói tiếp:

"Một người đàn bà không làm được việc gì hết ngoài việc ngăn cản cho người đàn ông yêu mình làm những việc trọng đại, anh hùng. Ngay cả đến người đàn bà khác thường như Natasha Rostov cũng vậy. Đó là lý do vì sao em không chịu nổi được nàng".

Một lần nữa Yakanov ngạc nhiên:

"Sao vậy?"

"Bởi vì nàng không chịu để cho Pierre gia nhập vào nhóm 'Thánh Chạp'."

Giọng nói của nàng lại tan vỡ khi nàng nói câu trên.

Nàng vẫn có những ý nghĩ dị kỳ như vậy.

Chiếc khăn choàng mỏng rời khỏi đôi vai nàng rơi xuống mắc ở hai cánh tay nàng như đôi cánh vàng.

Yakanov bọc nhẹ hai bàn tay y quanh bàn tay nàng như sợ bàn tay nàng có thể vỡ:

"Nếu em là Natasha, em sẽ để cho Pierre đi?"

"Vâng".

Angiya trả lời bình thản như đó là chuyện tất nhiên.

Yakanov không thể tưởng tượng ra một hành động quan trọng nào đó y có thể làm để cần phải có sự đồng ý của Angiya. Đời sống của y hoạt động, nhưng bình thường như mọi người. Y ham thích công việc đang làm và việc này càng ngày càng đưa y lên địa vị cao hơn.

Trước mặt họ có những tín đồ đi dâng lễ muộn đi từ dưới chân đồi lên, họ làm dấu thánh giá trước cửa vào giáo đường. Vào tới trong sân, những người đàn ông bỏ mũ xuống. Dường như trong số những người đi lễ đàn ông ít hơn đàn bà, họ toàn là người già, không thấy một người trẻ tuổi nào.

"Anh có sợ người ta thấy anh ở gần giáo đường không?"

Angiya hỏi. Nàng không có ý chế nhạo Yakanov nhưng câu hỏi tự nó đã có sự chế nhạo.

Trong những năm đó việc bị một người làm cùng sở nhìn thấy ở gần nhà thờ là một chuyện nguy hiểm. Tuy vậy ngài Yakanov tự cho là y không có sự nguy hiểm ấy.

Không trả lời câu hỏi của Angiya, Yakanov nói, y bắt đầu thấy bức bối vì thái độ của nàng:

"Cẩn thận đấy, Angiya. Ta phải biết có những gì mới xảy ra trong đời ta, biết kịp thời, biết trước khi quá muộn. Vì bất cứ ai không biết như thế nhất định sẽ lạc lõng sau lưng mọi người. Em bị Giáo hội Gia Tô quyến rũ vì tinh thần của giáo lý này khuyến khích khuynh hướng lạnh nhạt với cuộc sống này ở trong em. Đây là lần cuối cùng khuyến cáo em: em phải tỉnh lại, em phải sống, em phải chú ý đến việc nào đó trong đời, chỉ có như thế em mới sống được".

Angiya cúi đầu xuống, bàn tay cô ngón tay đeo chiếc nhẫn hứa hôn của Yakanov buông rơi, bất động. Tầm thân giống như thân trẻ con của nàng lúc này như chỉ có toàn xương là xương và rất mỏng:

"Anh nói đúng. Đúng... Em cũng nhận thấy có nhiều lúc em không muốn sống. Cuộc đời không cần có những người như em".

Yakanov cảm thấy tình yêu tan tành trong tim y. Nàng làm tất cả những gì giết chết tình yêu ấy. Sự can đảm thực hiện lời hứa hôn và cưới Angiya làm vợ, sống với nàng suốt đời, yếu đi trong tim Yakanov.

Nàng ngược mắt lên nhìn y, đôi mắt nàng lộ ánh tò mò, nàng không cười.

Yakanov nghĩ: “Cô ả này tinh thần nông cạn quá chừng”.

Nàng nói, vẻ mặt buồn và giọng nói buồn:

“Danh vọng và thành công đang chờ đợi anh. Chắc chắn anh sẽ thành công, anh sẽ có danh vọng. Nhưng Anton, liệu anh có được *sung sướng* hay không? Rồi đời anh sẽ có hạnh phúc hay không? Anh cũng nên cẩn thận. Những người chú ý đến cuộc đời như anh... sẽ... sẽ mất... Em không thể nào nói rõ với anh được...”

Những ngón tay gầy của nàng tìm lời cho môi nàng nói, sự khó khăn, khổ sở của cuộc tìm kiếm ấy hiện rõ trên nụ cười gương trên môi nàng:

“Đó, có tiếng chuông. Tiếng kinh cầu đã ngừng, tiếng ca đã mất. Những tiếng ấy sẽ không còn trở lại nữa. Tuy vậy, âm thanh vẫn còn văng vẳng quanh đây. Anh hiểu gì không?”

Rồi nàng cố rủ y vào giáo đường. Dưới những vòm tường tròn một dãy cửa sổ nhỏ gắn kiếng mờ chạy quanh tòa giáo đường. Qua khung cửa sổ trên nóc tròn trên cao, ánh nắng chiều làm bên trong tòa giáo đường sáng lên, ánh vàng trải lên những pho tượng và những bức hình vẽ cổ.

Tín đồ thừa thốt. Angiya đốt một cây nến gầy cắm lên cây cột đồng và nàng làm thoáng dấu thánh giá, rồi nàng đứng trang nghiêm, hai tay chắp lại trước ngực, mắt nhìn thẳng, xuất thần. Ánh vàng của trời chiều, ánh đỏ cam của những ngọn nến mang lại đời sống và hơi ấm cho hai má nàng.

Chỉ còn hai ngày nữa là đến ngày đản sinh Đức Mẹ. Trong nhà thờ, một bài kinh dài được cầu để ca tụng Đức Mẹ. Lời kinh thật hay, những danh từ ca ngợi Thánh Nữ Đồng Trinh nối tiếp nhau trôi đi như nước trong một dòng suối, và đây là lần đầu tiên Yakanov hiểu tính chất huyền diệu và thơ mộng của những lời cầu nguyện. Không phải là một nhà thần học vô hồn nào đó đã viết ra được lời kinh cầu này, người sáng tác phải là một thi sĩ lớn nhưng vô danh, một tù nhân trong một tu viện, và trong giây phút đó Yakanov xúc động. Y không xúc động vì sự hấp dẫn thoáng qua của những thân thể đàn bà mà là vì một cái gì đó cao thượng hơn, trong sạch hơn mà một người đàn bà có thể gọi cho đàn ông cảm thấy.

Yakanov tỉnh lại từ cơn mơ mộng. Y đang ngồi trên thềm của Giáo đường Thánh Jonh, đồng đất đá vụn trên thềm làm dơ vạt áo da của y.

Đúng thật, không biết vì lý do nào, có khi không có lý do gì hết, người ta đã phá lầu chuông kia, người ta đã phá cả những bậc thang đá trắng từ đây đi xuống bờ sông. Không thể tưởng tượng được rằng ánh bình minh hôm nay cũng chiếu cùng trên khoảng đất ở Mạc Tư Khoa từng sáng ánh nắng vàng buổi chiều xa xưa, buổi chiều y và người thiếu nữ đó ngồi bên nhau. Nhưng ngọn đồi vẫn là ngọn đồi này, cảnh vật dưới chân đồi vẫn là cảnh cũ, và khúc sông queo được soi sáng bởi dãy đèn điện dưới kia vẫn là dòng sông ngày xưa.

Ít ngày sau buổi chiều đó Yakanov lãnh công tác xuất ngoại khi y trở về, người ta bảo y viết một bài đăng báo - thực ra bài đó đã được viết sẵn y chỉ có việc ký tên vào đấy - bài báo viết về cảnh sa đọa, trụy lạc tàn rã của xã hội các nước Tây phương đều tồi tàn: dân chúng đói khổ, nghèo nàn, văn hóa đồi trụy, luân lý xuống thấp, khoa học không có điều kiện tiến bộ. Những chuyện đó không đúng hẳn sự thật nhưng cũng không hẳn là bịa đặt hoàn toàn. Những sự kiện đó có thật nhưng cũng không được bài báo nói đến. Nếu Yakanov tỏ ra do dự, y có thể bị nghi ngờ. Và một bài báo như bài này làm hại được ai?

Bài báo đó được đăng lên mặt báo.

Angiya gửi trả lại chiếc nhẫn đính hôn buộc vào một tờ giấy nhỏ trên đó nàng viết: “Gửi cho Cyril”.

Và Yakanov không buồn, y còn cảm thấy nhẹ người, dễ chịu.

Y đứng lên và nhón gót cho thật cao, nhìn qua một khung cửa sổ gắn kiếng mờ nhìn vào bên trong giáo đường. Không khí có mùi gạch vụn, lạnh và ẩm. Y không thể nhìn rõ những vật bên trong, y chỉ lờ mờ thấy đó là những đồng đá nhỏ và rác rưởi.

Yakanov rời xa khung cửa sổ, nhịp đập của trái tim y chậm xuống và y dựa vai vào thành đá của khung cửa sắt han rỉ nhiều năm nay không được mở.

Một lần nữa sức nặng của khối đe dọa lạnh như đá băng do Abakumov ném ra lại đập trúng ngực y.

Lúc này Yakanov đang ở vị trí quyền hành cao nhất đời y. Y đang giữ một chức vụ quan trọng với một cấp bậc cao trong một Tổng Bộ mạnh nhất. Y thông minh, tài ba - và nổi tiếng là người thông minh, tài ba. Người vợ trẻ đẹp, khả ái của y chờ đợi y về ở nhà riêng của y. Những đứa con kháu khỉnh má đỏ hồng của y ngủ bình yên trên những chiếc giường của chúng. Y có một nơi ở đẹp trong một tòa chung cư ở Mạc Tư Khoa gồm nhiều căn phòng trần cao và một ban-công nhìn xuống đường. Lương tháng của y được tính bằng nhiều ngàn đồng. Một chiếc xe Popeda được dành riêng cho y bất cứ lúc nào y cần đi. Vậy mà trong buổi sáng lạnh này y vẫn đứng dựa vào thành đá chết và y không còn muốn sống lâu hơn nữa. Trong tâm hồn y chỉ còn có tuyệt vọng, tất cả đều vô vọng ở trong y đến nỗi y không còn cả sức để bước đi.

Trời đã sáng.

Không khí của buổi sáng tinh sương trong vắt. Sương đọng lại thành băng ở quanh gốc cây sồi bị chặt đổ, bám trắng những đầu mái giáo đường gần sụp đổ hoàn toàn, băng đá cũng bám trên những khung sắt cửa sổ, trên những sợi dây điện chạy ngang và trên hàng rào bao quanh khu sắp xây cất tòa nhà chọc trời dưới chân đồi.

24 Việc làm của ông Trung tá

Trung tá Klimentiev có những sợi tóc đen nhánh như than đá, như nước sơn đen được sơn lên sắt, những sợi tóc ấy nằm phẳng trên đầu y, chia ra làm hai phần, bộ ria tròn dưới mũi y trông như được bôi mỡ. Bụng y chưa to và tuy đã bốn mươi năm tuổi, Klimentiev vẫn đi đứng như một quân nhân trẻ tuổi, thân thể cuộc đời, quá thước. Trong giờ làm việc không bao giờ y cười hoặc mỉm cười, bộ mặt rầu rầu, u ám của y vì thế lại càng thêm nặng nề. Tuy hôm nay là ngày Chủ nhật, y đến Viện còn sớm hơn ngày thường. Y đi ngang sang sân vận động trong lúc đám tù nhân đang giờ đi lại trong sân. Chỉ cần liếc mắt nhìn qua một cái, y đã ghi nhận hết tất cả những vi phạm. Nhưng việc can thiệp ngay vào những vi phạm của bọn tù nhân không phải là việc xứng đáng với cấp bậc của y, Klimentiev đi thẳng vào tòa nhà chính và vừa đi y vừa ra lệnh cho Trung úy Nadelashin đi gọi tù nhân Nerzhin đến trình diện y, cả Nadelashin cũng phải đến văn phòng gặp y nữa. Trong lúc đi qua sân, y nhận thấy rằng có nhiều tù nhân đi trước y bước vội hơn và nhiều tù nhân khác ở ngang đường y đi bước chậm lại hơn hoặc là đổi hướng đi. Y biết họ làm thế để khỏi phải chào y, y biết nhưng vẫn lạnh lùng, vẫn không cho đó là một chuyện đáng để y bực bội. Y biết sở dĩ những tù nhân có thái độ đó là vì càng thêm thuồng địa vị của y, phần lớn là vì chúng bối rối, ngượng nghịu trước những người bạn tù của chúng, chúng không muốn tỏ ra hèn hạ, nịnh bợ. Gần như bất cứ tù nhân nào cũng tỏ ra hòa nhã, thân thiện với y khi được gọi riêng tới văn phòng y, nhiều tên còn năn nỉ, xin xỏ đặc ân nữa. Có nhiều hạng người ở trong tù và giá trị của họ khác nhau xa. Klimentiev đã hiểu như thế từ lâu rồi, y tôn trọng quyền tự kiêu của những tù nhân, y giữ vững quyền của y là bắt tất cả phải giữ đúng luật lệ. Là một quân nhân thuần túy, y tin rằng y đem đến cho nhà tù Mavrino một kỷ luật - không phải thứ kỷ luật làm cho con người mất phẩm giá mà là thứ kỷ luật chính đáng của quân đội.

Y mở cửa văn phòng. Trong phòng đầy hơi nóng và máy sưởi điện tỏa ra một thứ mùi sơn cháy khó ngửi. Người Trung tá mở khung thông hơi trên cánh cửa sổ, cởi áo khoác ngoài xuống ghế, thân hình vạm vỡ của y làm chật căng bộ quân phục, và y cúi nhìn mặt bàn bừa bộn giấy tờ. Tờ lịch ngày thứ Bảy trên tập lịch để bàn vẫn chưa được lật qua. Trên trang lịch đó có ghi hàng chữ:

“Cây Mùa Xuân?”

Trong văn phòng trơ trụi này, nơi vật duy nhất có công dụng là cái tủ sắt đựng hồ sơ lý lịch của

tù nhân, nửa tá ghế, một máy điện thoại và một ổ máy nhấn chuông gọi. Đó là nơi mà Trung tá Klimentiev - không cần có dụng cụ gì khác - kiểm soát, điều động cuộc sống của 281 người và việc làm của 50 giám thị dề lao.

Mặc dù sự kiện y đến làm việc ngày Chủ nhật - y sẽ được nghỉ trọn một ngày trong tuần - và y đến sớm hơn giờ hành chánh nửa tiếng, Klimentiev vẫn không để lạc tác phong làm việc đúng đắn thường ngày của y.

Trung úy Nadelashin đứng trước mặt y với vẻ bối rối, sợ hãi thấy rõ. Trên hai gò má phính phính của Nadelashin hiện ra hai vết tròn đỏ. Gã sợ bị Trung tá này tuy rằng chưa bao giờ Klimentiev ghi những sơ suất, lỗi lầm quá nhiều của gã vào hồ sơ riêng. Nadelashin mặt tròn lố bịch, quề kệch, không có qua một vẻ quân nhân nào, cố gắng tỏ ra thoải mái mà không được. Nadelashin báo cáo rằng đêm trực của gã đêm qua đã trôi qua trong trật tự hoàn toàn, không có qua một vi phạm nào nhưng có hai sự kiện lạ đã xảy ra. Một sự kiện đã được gã viết thành báo cáo. Đã đặt tờ báo cáo lên góc bàn và lập tức tờ giấy bay xuống đất, lượn vòng và chui vào gầm ghế. Nadelashin vội vã đuổi theo, chống hông lên lượn tờ giấy đem trở lại bàn. Sự kiện đáng kể thứ hai là hai tù nhân Bobynin và Pryanchikov được gọi về Tổng Bộ An ninh trong đêm qua.

Ông Trung tá An ninh nhếch lông mày khi hỏi viên Trung úy những chi tiết về việc hai tù nhân được gọi đi và trả về. Tin này là một tin không những là không vui mà lại còn chứa đựng đe dọa nguy hiểm nữa. Người phụ trách vấn đề an ninh trong nhà tù đặc biệt này như lúc nào cũng ngồi trên miệng núi lửa - lúc nào cũng ở ngay dưới lỗ mũi của ông Tổng trưởng. Nơi đây không phải là một nhà tù ở một khu rừng xa xôi nào đó, nơi người sĩ quan chỉ huy có thể có cả một tiểu đội vợ bé và muốn làm gì thì làm như một lãnh chúa. Ở đây người ta phải theo đúng luật lệ và không bao giờ được hành động theo sự giận dữ hay theo lòng thương hại. Nhưng chính Klimentiev lại là loại người không bao giờ để cho việc làm của y bị ảnh hưởng bởi giận dữ hay thương hại, y không sợ rằng hai tù nhân Bobynin và Pryanchikov có thể than phiền với cấp trên về những hành động trái luật của y. Sau một thời gian hành nghề lâu năm kinh nghiệm sống cho Klimentiev thấy rằng y không có gì phải sợ những tù nhân, những người làm hại y đều là những bọn đồng nghiệp của y.

Sau đó Klimentiev nhìn xuống bản báo cáo của Nadelashin và thấy ngay cả bản viết này chỉ là một cái gì ngớ ngẩn, ngu ngốc. Y bắt đầu khiển trách Nadelashin. Y nhớ lại tất cả những lỗi lầm mà Nadelashin đã phạm trong thời gian vừa qua, như chuyện buổi sáng để cho bọn tù đi chậm mất hai phút để cho rất nhiều chiếc giường của bọn tù trong tình trạng bê bối không ngăn nắp, Nadelashin không bao giờ tỏ ra đủ cứng rắn cần thiết để có thể gọi những tên tù làm giường không cẩn thận trở lại, bắt chúng làm lại giường của chúng cho thật ngay ngắn. Y từng nhiều lần nói với Nadelashin về vấn đề này nhưng y chỉ mất công vô ích. Và có những chuyện gì đã xảy ra trong buổi tập thể dục sáng nay? Gã Doronin đứng ngay trên ranh cấm của sân tập, nhìn vào khu đất cấm, nơi gã nhìn là một vùng đất hoang rất tiện cho một cuộc vượt ngục. Và án tù của Doronin là hai mươi lăm năm, hồ sơ của hắn có ghi tội giả mạo giấy tờ và từng bị tầm nã trên khắp Liên bang trong hai năm trời. Vậy mà không một ai bắt hắn phải đi vào hàng. Lại còn tên Rerasimovich nữa. Tên này không đi trong hàng như mọi người mà lại một mình đi lững thững về phía nhà máy điện sau hàng cây sồi. Và Gerasimovich phạm tội gì? Hắn đang sống hạn tù thứ hai - hắn bị bắt vì vi phạm điều 58, khoản IA, liên can đến điều 19. Nói cách khác, hắn bị tù vì tội phản nghịch của hắn cũng không sao chứng minh được rằng hắn tới Leningrad trong những ngày đầu tiên của cuộc chiến tranh không phải là để chờ đợi bọn Đức Quốc Xã. Phải chăng Nadelashin đã quên rằng bốn phần của một sĩ quan an ninh là phải luôn luôn xem hồ sơ của tù nhân và luôn luôn kiểm soát những hành động của tù nhân? Và sau cùng, đồng chí bạn quân phục bê bối như vậy mà đồng chí được coi ư? Áo đồng chí sộc sệch - Nadelashin vội kéo lại vạt áo. Ngôi sao trên mũ đồng chí lệch - Nadelashin vội sửa lại. Đồng chí chào yếu xiu như một bà già. Vì đồng chí bê bối như vậy nên bọn tù coi thường đồng chí, chúng không chịu làm giường mền ngay ngắn khi chúng thấy đồng chí trực nhật. Để giường mền không ngay ngắn là một đe dọa nguy hiểm cho kỷ luật chung của nhà tù. Hôm nay chúng không chịu làm giường, ngày mai chúng sẽ từ chối làm việc.

Sau đó Trung tá Klimentiev cho lệnh tập hợp những viên giám thị sắp đưa tù nhân đi gặp thân nhân vào phòng họp để nhận chỉ thị. Nerzhin được để đứng chờ ngoài hành lang. Nadelashin

được phép ra khỏi phòng.

Trung úy Nadelashin cảm thấy tinh thần gã xuống thấp. Gã rầu rĩ và hối hận nhiều mỗi lần hẳn bị khiển trách, gã nhận rằng những gì cấp trên nhận xét về gã đều đúng và gã tự hứa nhất định sẽ không vi phạm những lỗi lầm ấy nữa. Nhưng rồi công việc bắt buộc gã phải tiếp xúc với những tù nhân kéo gã đi theo ý muốn của họ, tù nhân nào cũng thêm khát được hưởng một chút tự do, và Nadelashin không sao từ chối được. Gã chỉ còn hy vọng rằng những nhượng bộ của gã cho tù nhân không bị cấp trên phát giác.

Klimentiev rút cây bút ra gạch bỏ hàng chữ “Cây Mùa Xuân” trên tờ lịch đi. Hôm qua y đã quyết định về vấn đề này.

Trong những nhà tù đặc biệt này chưa từng bao giờ có Cây Mùa Xuân. Klimentiev nhớ rằng chưa từng bao giờ có một phép lạ như thế xảy ra. Nhưng năm nay, ở đây, một số đông tù nhân - những tù nhân có giá, được trọng nể - nhất định đòi họ phải có Cây Mùa Xuân. Và thoát đầu, Klimentiev nghĩ: tại sao lại không cho phép họ có một Cây Mùa Xuân? Tù nhân có Cây Mùa Xuân thì đã sao? Hại gì? Không thể có chuyện xảy ra hỏa hoạn vì chạm điện rồi, ở đây toàn là những kỹ sư điện và giáo sư điện khí. Trong đêm cuối năm, một Cây Mùa Xuân sẽ quan trọng và cần thiết cho các tù nhân, nhất là khi tất cả những nhân viên tự do đều về vui chơi ở Mạc Tư Khoa, cuộc kiểm soát ở đây sẽ lỏng lẻo vì thiếu nhân viên. Klimentiev biết rằng đêm cuối năm là đêm khổ sở nhất cho những kẻ bị tù, trong đêm ấy rất có thể có những tù nhân làm những hành động cuồng dại và vô vọng. Vì vậy đêm qua y đã gọi điện thoại về Bộ để hỏi ý kiến thượng cấp của y về việc cho những nhà tù có điều cấm tù nhân không được dùng nhạc khí, nhưng họ tìm mãi không thấy điều luật nào nói về Cây Mùa Xuân. Vì vậy mặc dù họ không chính thức chấp nhận cho tù nhân làm Cây Mùa Xuân, họ cũng không ra mặt cấm. Kinh nghiệm và sự khôn ngoan sáng suốt cho Trung tá Klimentiev biết y phải làm sao trong trường hợp này. Đêm qua, trong khi ngồi xe điện ngầm để về nhà, y đã quyết định: được rồi, cho họ làm Cây Mùa Xuân.

Trên đường đi vào trạm xe điện ngầm, Klimentiev đã nghĩ ngợi về y với sự hài lòng. Y thấy y là một người thông minh, một người có khả năng quyết định công việc không cần cấp trên phải bảo. Y không phải là một viên chức ngu ngốc không có sáng kiến, y còn là một người tốt nữa, nhưng bọn tù sẽ không bao giờ biết y là một người tốt, chúng sẽ không bao giờ biết rằng vì ai chúng có Cây Mùa Xuân, ai muốn cho chúng có Cây Mùa Xuân, ai không muốn.

Chính vì cảm nghĩ mình là một người tốt nên Klimentiev không len lỏi chen vào toa xe điện như những thị dân Mạc Tư Khoa vội vã về nhà và muốn chiếm chỗ ngồi trong xe, y để cho mọi người vào trước và y là người cuối cùng bước vào toa xe trước khi cánh cửa đóng lại. Không tìm ghế ngồi, y đứng vịn cánh tay vào cột và nhìn khuôn mặt cương nghị, can đảm của y phản chiếu trên làn kiếng cửa sổ toa xe, sau làn kiếng ấy là hăm tối và những ống hơi, những dây điện chạy dài vô tận. Rồi y rời mắt nhìn về một thiếu phụ ngồi gần chỗ y đứng. Thiếu phụ này ăn bận gọn ghẽ, dáng hoàng nhưng không đắt tiền, chiếc áo đen nàng bận thuộc loại hàng nhân tạo, vai nàng choàng chiếc khăn cũng bằng thứ hàng này. Một chiếc cặp da đặt ngay ngắn trên hai đùi nàng, Klimentiev nghĩ rằng khuôn mặt nàng khá xinh, dễ thương nhưng mệt mỏi, và về mặt nàng có một cái gì khác với những thiếu phụ hãy còn trẻ khác, nàng có vẻ như không hề chú ý gì đến những chuyện xảy ra quanh nàng.

Đúng lúc Klimentiev đang nhìn nàng, người thiếu phụ ngược mắt lên và mắt nàng bắt gặp mắt y. Hai người nhìn nhau với những đôi mắt vô hồn, vô tình cảm như những kẻ đi tàu, đi xe tình cờ nhìn nhau trong khoảnh khắc thời gian nào đó. Rồi khi đôi mắt người thiếu phụ chớp chớp như để dò hỏi, Klimentiev, nhờ thói quen nghề nghiệp, đã nhớ lại được mặt nàng. Y biết nàng là ai và y không sao dấu nổi vẻ y biết nàng là ai. Về phần người thiếu phụ, nàng nhìn thấy vẻ do dự của Klimentiev và nàng biết rằng nàng đã đoán đúng.

Người thiếu phụ này là vợ của tù nhân Nerzhin. Klimentiev từng nhìn thấy nàng khi nàng đến thăm chồng ở nhà tù Taganka.

Nàng nhú đôi lông mày, đưa mắt nhìn đi, rồi lại nhìn trở lại mặt Klimentiev. Bây giờ Klimentiev nhìn qua cửa toa ra đường hầm nhưng ở góc mắt y, y cảm biết là người thiếu phụ đang nhìn y. Rồi nàng đứng dậy và với một vẻ quả quyết thấy rõ, nàng đi tới chỗ Klimentiev. Y bắt buộc phải quay lại nhìn nàng.

Nàng đứng lên với sự quả quyết nhưng vừa rời khỏi chỗ ngồi, vẻ quả quyết của nàng tan rã ngay và nàng trở thành bối rối, ngần ngại, do dự, mặc dù có cái cặp da nặng trên tay, nàng có vẻ

như người đứng dậy để nhường chỗ ngồi cho ông Trung tá đứng trước mặt nàng. Trên đầu nàng treo nặng cái sổ phận không may của những người vợ những tù nhân chính trị - vợ của những kẻ bị coi là kẻ thù nhân dân, dù rằng những người đàn bà này làm gì, đi đâu, ở đâu, một khi người ta biết họ là vợ những chính trị phạm đang bị tù họ cũng như kéo theo cái xấu xa ghê gớm của chồng họ. Trước mắt mọi người, họ cùng chịu chung tình trạng khốn nạn của những kẻ bất lương mà họ đã đại dột lỗ trao thân, gửi phận. Và những người đàn bà khốn khổ này cảm thấy họ có tội thực sự, họ đáng bị khinh bỉ thực sự trong khi người chồng họ, những kẻ thù đích thực của nhân dân, vì chỉ sống ở trong tù, không cảm thấy.

Đứng ngay trước mặt Klimentiev để cho y có thể nghe được tiếng mình nói trên tiếng động của con tàu, người thiếu phụ cất tiếng:

“Đồng chí Trung tá... Xin tha lỗi cho tôi... Ông là vị chỉ huy chồng tôi, phải không ạ?”

Trong nhiều năm sống với chức vụ sĩ quan an ninh nhà tù, Klimentiev từng thấy đủ các hạng đàn bà đứng trước mặt y, và y không thấy có gì lạ trong vẻ sợ hãi, do dự, bối rối của họ. Nhưng trong lòng con tàu này, giữa mọi người và trước mắt mọi người, mặc dù người thiếu phụ này tỏ ra thận trọng, vẻ sợ hãi van xin của nàng cũng là một cái gì lạ chỗ.

“Ngồi xuống chứ... Sao lại đứng lên? Ngồi đi”.

Klimentiev bối rối nói. Ý muốn nắm tay áo người thiếu phụ, đưa nàng trở lại chỗ ngồi, nhưng nàng nói:

“Thưa... không sao...”

Người thiếu phụ lùi xa hơn một chút để Klimentiev khỏi nắm được tay áo nàng, nàng nhìn vào mặt y, đôi mắt nàng biểu lộ một ý van xin mạnh mẽ gần như là cuồng dại:

“Trung tá làm ơn cho tôi biết... tại sao gần một năm nay tôi không được thăm chồng tôi? Tại sao vợ chồng tôi không được gặp nhau? Bao giờ tôi được gặp? Xin cho biết...”

Có một sự ngẫu nhiên vừa xảy ra, lạ lùng như là một hạt cát tình cờ bay trúng một hạt cát khác nằm cách xa cả trăm thước: vừa mới tuần trước đây Cơ quan MGB phụ trách an ninh nhà tù vừa mới cho phép một số tù nhân được quyền gặp vợ con, cha mẹ, trong số tù nhân này có Gleb Nerzhin, chồng của người thiếu phụ này. Gleb Nerzhin sẽ được gặp mặt trong ngày Chủ nhật 25 tháng Chạp ở nhà tù Lefortovo. Nhưng cùng với giấy phép này, những thượng cấp của Klimentiev còn ghi lệnh cuộc thăm viếng không được “niêm yết” và tù nhân không được tự mình báo tin về cho vợ, tù nhân phải cho ban quản đốc biết địa chỉ của vợ và ban quản đốc sẽ gửi thư đến địa chỉ đó báo cho người đàn bà biết.

Nerzhin đã được Klimentiev gọi vào văn phòng để hỏi địa chỉ của vợ hắn, nhưng Nerzhin nói là hắn không biết. Kinh nghiệm cho Klimentiev biết rằng Nerzhin không muốn tiết lộ địa chỉ của vợ vì hắn không muốn làm hại vợ hắn. Bởi vì một khi thư gọi của nhà tù gửi đến, tất cả những người sống quanh vợ tù nhân sẽ biết và tự nhiên, họ sẽ tẩy chay người vợ tù nhân. Không một tù nhân nào muốn cho vợ con còn sống ở ngoài rơi vào cảnh bị tẩy chay, bị nghi ngờ, khinh bỉ ấy.

Khi Nerzhin nói rằng hắn không biết địa chỉ của vợ, Klimentiev nói rằng nếu không biết, hắn sẽ không được gặp vợ hắn. Và Klimentiev đã quyết định gạch tên Gleb Nerzhin khỏi bản danh sách những tù nhân được gặp vợ trong ngày Chủ nhật này.

Và giờ đây, sự tình cờ dần xếp cho Klimentiev gặp người vợ của Nerzhin trong toa xe điện ngầm đang chạy. Nàng đang đứng bối rối trước mặt y và những kẻ khác đang chú ý nhìn họ.

“Chị được phép thăm nhưng chị phải cho chúng tôi biết địa chỉ” - Klimentiev nói lớn để người thiếu phụ có thể nghe rõ được tiếng y trên tiếng động của con tàu đang di chuyển - “Lệnh thăm không được niêm yết”.

“Nhưng tôi sắp phải đi xa” - Nét mặt người thiếu phụ trở nên linh động, tràn đầy hy vọng bất ngờ, nàng nói lớn - “Tôi sắp phải đi xa. Tôi không có địa chỉ nhất định”.

Klimentiev nghĩ rằng nàng nói dối. Y tính đến trạm tới y sẽ tới toa tàu và nếu người thiếu phụ này theo y, trong khung cảnh tương đối vắng vẻ của trạm xe buổi tối y sẽ giải thích cho nàng hiểu rằng y không thể tiếp chuyện nàng ở ngoài đường như thế này, muốn hỏi gì về chồng nàng, nàng phải làm đơn gửi về Bộ An ninh.

Trong khi đó người vợ của tù nhân Gleb Nerzhin, kẻ thù của nhân dân, như quên tư cách đáng khinh của mình, nàng nhìn thẳng vào mặt viên Trung tá và đôi mắt nàng lúc đó là đôi mắt sôi nổi nồng nàn, đòi hỏi, đó là đôi mắt của một người bất mãn khi thấy quyền lợi của mình không

được tôn trọng. Klimentiev ngạc nhiên vì ánh mắt ấy. Y tự hỏi không biết có một sức mạnh gì đã buộc chặt người đàn bà này vào gã đàn ông tù nhân kia, có sức mạnh nào đã làm cho nàng mù quáng hy vọng chờ đợi được đoàn tụ với người chồng mà nàng đã phải sống xa không biết bao nhiêu năm, với những chồng chỉ đem đến cho đời nàng những bi thảm, những chồng có thể tàn phá cả đời nàng.

“Tôi cần được gặp chồng tôi. Tôi cần lắm...”

Nàng nói, đôi mắt mở lớn, như nàng cần làm cho Klimentiev tin rằng nàng cần gặp chồng nàng. Klimentiev nhớ lại tờ chỉ thị về luật mới quy định việc tù nhân được thăm viếng nằm trên bàn giấy y, theo chỉ thị này, những người vợ nào không chịu khai địa chỉ sẽ không bao giờ được phép thăm chồng. Nhưng nếu sáng mai đây người thiếu phụ này đến nhà tù Lefortovo, nàng có thể tình cờ được gặp chồng nàng ở đấy, sẽ không ai biết rằng Trung tá An ninh Klimentiev là người báo tin ấy cho nàng.

Con tàu điện bắt đầu chạy chậm lại.

Nhiều ý nghĩ mâu thuẫn theo đuổi nhau đến trong óc Trung tá Klimentiev. Y nhớ lại lỗi lầm y đã mắc phải trong thời gian chỉ vì sự tốt bụng, chỉ vì lòng thương người, y biết rõ hơn bất cứ ai và y thường khuyên những thuộc viên của y không bao giờ được hành động theo tình cảm, một sĩ quan an ninh chỉ biết có luật lệ, sĩ quan an ninh không có tình cảm. Nhưng khi con tàu dừng lại trước trạm xe bằng đá trắng, Klimentiev nói với người thiếu phụ:

“Chị được phép gặp vào ngày mai. 10 giờ sáng mai”.

Y không nói ra những tiếng “nhà tù Lefortovo” vì đám hành khách đã đứng vây quanh y chờ đi ra cửa xe, y chỉ hỏi mơ hồ nhưng y tin rằng người thiếu phụ hiểu:

“Chị biết Lefortovo chứ?”

Người thiếu phụ cuống quýt gật đầu:

“Tôi biết... Tôi biết...”

Và đôi mắt nàng đang ráo hoảnh bỗng tự nhiên tràn đầy nước mắt.

Tránh nhìn nước mắt, tránh sự cảm ơn làm y trở thành khả nghi trước mắt mọi người, Klimentiev bước vội ra khỏi toa xe. Y đứng trên sân ga lạnh chờ chuyến xe tới. Y ngạc nhiên không hiểu tại sao y lại hành động trái luật đến như thế và y bực dọc với chính y.

Trung tá An ninh Klimentiev cố tình để cho tù nhân Nerzhin đứng chờ thật lâu ngoài hành lang vì Nerzhin là một tên tù hỗn hào, một tên tù luôn luôn đòi áp dụng đúng luật.

Klimentiev tính đúng tâm trạng của Nerzhin: bị đứng chờ lâu như thế, Nerzhin sẽ tiêu tan hy vọng được gặp mặt vợ trong chuyến viếng thăm hôm nay, và càng chờ lâu chừng nào, hắn càng nghĩ rằng sắp có sự không may xảy đến cho hắn. Khi được biết rằng trong vòng một tiếng đồng hồ nữa hắn sẽ được gặp vợ, Nerzhin sẽ mừng đến không còn tự chủ được. Và đúng như Klimentiev nghĩ, Nerzhin tươi hắn nét mặt, hắn còn nồng nhiệt cảm ơn, một việc mà Klimentiev chưa từng thấy hắn làm bao giờ.

Trước sự vui mừng của tên tù, Trung tá Klimentiev lập tức ra chỉ thị cho tiểu đội giám thị có nhiệm vụ đưa bọn tù đến nhà tù Lefortovo hôm nay.

Y nhắc lại với tiểu đội giám thị nhiều điều quan trọng, trong đó điều đáng kể nhất là nhấn mạnh cho họ nhớ lại tinh thần ngoan cố của bọn tội phạm: chúng sẽ lợi dụng cuộc thăm viếng này để truyền những tin tức mật ra ngoài, vợ chúng sẽ đem những tin tức có hại cho quốc gia đó đi bán cho bọn Hoa Kỳ - đa số giám thị không biết có những công tác gì đang được thực hiện trong Viện Mavrino và dễ dàng làm cho họ tin rằng chỉ một mảnh giấy nhỏ cũng đủ làm tan nát cả Liên bang Xô Viết - rồi y đọc lại cho bọn họ nhớ bản danh sách liệt kê những nơi mà bọn tù có thể giấu giếm tài liệu và họ phải khám kỹ - thực ra, những tù nhân được đi thăm đều được phát một bộ quần áo riêng, chúng chỉ được bận quần áo lạnh lặn này trước khi lên xe đi và khi về tới phải cởi trả lại ngay, nhưng giám thị cũng vẫn phải đề phòng. Sau đó Klimentiev chất vấn các giám thị để kiểm soát xem họ hiểu nhiệm vụ của họ đến chừng nào. Cuối cùng, y nói với họ một số tỷ dụ về các lời trao đổi giữa các tù nhân với vợ chúng để các giám thị có thể can thiệp kịp thời, cắt đứt những lời có hại. Tù nhân và vợ chỉ được phép nói toàn chuyện riêng và chuyện gia đình chúng.

Trung tá An ninh Klimentiev là một sĩ quan biết rành luật lệ và thích trật tự.

25 Lên cao tuyệt đỉnh

Giáo sư Toán học Chelnov, một ông già, là nhân vật quen thuộc của nhiều nhà tù đặc biệt như Viện Mavrino. Giáo sư Chelnov là người đã nhiều lần viết danh từ “tù nhân” để trả lời câu hỏi “quốc tịch” trong những bản khai lý lịch. Vào năm 1950, Giáo sư Chelnov hoàn thành năm tù thứ mười tám trong cuộc đời tù tội của ông, ông cũng là người từng đặt cây viết chì trong tay ông lên rất nhiều phát minh khoa học, từ việc phát minh ra máy hơi nước đến những động cơ phản lực, trong nhiều phát minh có nằm rải rác và thấp thoáng những mảnh linh hồn của ông.

Ở trong Viện Khoa học Mavrino, Giáo sư Chelnov là người tù duy nhất không bị bắt buộc phải bận bộ đồng phục giống kiểu quân phục của binh chủng Nhảy dù. (Vấn đề này đã được đưa lên tới tận Tổng trưởng Abakumov để xin giải quyết). Nguyên nhân chính làm cho Giáo sư Chelnov không bị bắt buộc phải ăn bận như mọi người khác ở đây là vì ông không phải là một tù nhân thường trực của Mavrino, ông chỉ là một tù nhân tạm, ông chỉ được đưa đến đây khi có việc cần đến ông, khi hết việc hoặc khi nơi khác cần đến ông hơn, ông sẽ được đưa đi nơi khác. Trong dĩ vãng, Giáo sư Chelnov từng là hội viên của Hội Khoa học gia Nhà nước và từng giữ chức Viện trưởng Viện Toán học. Hiện nay tuy bị tù, ông vẫn được đặt dưới quyền sử dụng của riêng Beria.

Nhưng Giáo sư Chelnov không lợi dụng đặc quyền của ông để lựa chọn y phục như những kẻ tầm thường sẽ làm khi được cái quyền ấy. Ông chỉ bận những bộ y phục rẻ tiền, màu áo với màu quần không hợp nhau, ông đi đôi giày nỉ dưới chân, đội một cái mũ len đan như mũ của những người trượt tuyết trên mái tóc bạc thưa, y phục của ông nổi bật lên với chiếc khăn len choàng trên vai, chiếc khăn choàng vai này quá rộng, khăn phủ kín cả lưng ông như kiểu khăn choàng của những bà già nhà quê.

Nhưng trong cái mũ len ấy, dưới chiếc khăn choàng quê kệch ấy, Giáo sư Chelnov có một vẻ uy nghi riêng, sự hiện diện của ông bao giờ cũng làm cho người khác kính nể, không một ai dám cười ông vì chiếc khăn choàng đàn bà ấy. Khuôn mặt dài và thon của ông, những nét sắc của mắt mũi ông, thái độ đường bệ và ngôn ngữ nghiêm chỉnh của ông khi ông giao thiệp với những kẻ có quyền trong Viện, màu mắt xanh nhạt của ông - màu mắt mơ hồ mà người ta chỉ có thể nhìn thấy ở mắt những người suy nghĩ nhiều làm cho Giáo sư Chelnov giống một cách kỳ lạ với triết gia Descartes hoặc những nhà toán học thời Phục hưng ở Âu Châu [1].

Giáo sư Chelnov được đặc biệt gửi tới Viện Mavrino để giúp việc thực hiện giàn máy điện thoại bí mật cho Stalin. Nhưng ông không phải phụ trách riêng một việc gì cả, ông là một thứ cố vấn hướng dẫn tất cả những nhà khoa học khác. Tất cả mọi người trong Viện Mavrino đều có thể đem những thắc mắc về toán học của mình đến trình bày với Giáo sư Chelnov, ông sẽ giải thích, sẽ cho họ biết họ đúng hay sai, phát minh của họ sẽ có giá trị hay không.

Có thể nói là tất cả những nhà khoa học sống trong Viện Mavrino đều bận rộn với việc chế tạo giàn máy điện thoại bí mật, trừ một người. Người đó là Sologdin.

Kỹ sư Sologdin được tuyển từ một trại tập trung ở miền Bắc Inta đưa về Viện Mavrino. Nhưng vừa về tới Viện, Sologdin đã khai với tất cả mọi người rằng tinh thần của mình bị yếu đuối vì thời gian đau ốm, thiếu thốn vật chất dài ở trại tập trung, ký ức của mình bị quên lãng và khả năng của mình nhạt kém. Nói tóm lại, Sologdin yêu cầu được có một thời gian để phục hồi trước khi nhận công tác. Sologdin yên tâm đòi hỏi như vậy vì ở trại tập trung, anh cũng là một kỹ sư, được dùng vào xưởng máy, nếu có phải trở về trại, anh cũng không đến nỗi khổ sở, vất vả lắm.

Sologdin được ở lại Viện trong tình trạng chờ xem, thử thách. Tuy ngày ngày anh vẫn vào phòng nghiên cứu làm việc như mọi người nhưng anh không có trách vụ rõ rệt, việc anh làm không bị kiểm soát, thúc giục, anh ở ngoài dòng nước cuồn cuộn chảy về hướng giàn máy điện thoại bí mật cần hoàn thành gấp để dâng cho Lãnh tụ Tối cao. Và Sologdin đã thành thạo nhàn nhã và bí mật hoàn thành được một hệ thống phân thanh đặc biệt cần thiết cho việc chế tạo giàn máy điện thoại bí mật. Anh làm việc ban đêm cho đến nay, chưa ai trong Viện biết là anh đã thành công, anh đã nắm trong tay vật báu mà Yakanov đang mơ ước.

Trong thời gian nửa năm, Sologdin đã tìm được một giải pháp mà 10 kỹ sư chuyên môn khác được giao cho trách nhiệm tìm đã không ra. Những kỹ sư kia không phải là bất tài hoặc tài năng kém Sologdin, họ tìm không ra chỉ vì họ bị kiểm soát vô lý và thúc giục không đúng cách. Hai ngày trước đây Sologdin đã trao phát minh của anh cho Giáo sư Chelnov để ông này kiểm soát giữ. Đây là một việc riêng giữa Sologdin và Chelnov và buổi sáng Chủ nhật này, Sologdin kính cẩn đi bên Chelnov lên cầu thang, anh thận trọng đỡ nhẹ cánh tay ông già để phòng ông trượt chân hoặc bị đám tù nhân xô đẩy, anh đi theo ông già vào phòng nghiên cứu để nghe ông phán quyết về phát minh của anh.

Trên con đường đi qua những hành lang và, Giáo sư Chelnov không dả động gì đến vấn đề đang làm cho Sologdin bồi hồi, kích động, ông không nói là “được” hay “hỏng” để cho Sologdin an tâm. Ông cũng vui vẻ nói chuyện buổi sáng sớm hôm nay ông gặp Lev Rubin và Rubin đã đọc cho ông nghe bài thơ hân mớ sáng tác được về một đề tài trong Kinh Thánh. Ông công nhận văn điệu của bài thơ không đến nỗi dở lắm xong tinh thần của đề tài, theo ông, không được chỉnh tề. Bài thơ diễn tả lại việc Moses đưa đám dân Do Thái đi qua sa mạc trong bốn mươi năm, chịu đói khát, khổ ải, thiếu thốn đủ thứ, vì vậy đám dân nổi điên vì tuyệt vọng và chống lại Moses, nhưng họ sai và Moses đúng, vì cuối cùng Moses vẫn dẫn họ được tới vùng đất hứa ở đó tất cả mọi người đều sung sướng. Rubin có vẻ đã đặt hết tâm hồn của hân vào bài thơ này. Nhưng Giáo sư Chelnov không đồng ý với Rubin về sự quả quyết là Moses đã hành động đúng. Ông nhắc cho Rubin nhớ về điều kiện *địa dư* của chuyến đi ấy. Từ sông Nil tới Jerusalem đoàn người Do Thái chỉ phải đi có 250 dặm đường, điều này có nghĩa là dù cho họ có nghỉ đi trong những ngày Sabbath, họ cũng chỉ phải đi nhiều lắm là ba tuần lễ. Vậy mà Moses đã dẫn họ đi mất hết 40 năm. Đó là một sự quá đáng. Nếu Moses không lầm lẫn đưa họ đi quanh quẩn trong sa mạc thì đó là vì Moses cố ý không muốn cho họ đến ngay nơi họ muốn đến. Và thời gian quá đáng này là một nghi vấn về thiện chí của Moses [2].

Giáo sư Chelnov lấy chìa khóa mở cửa phòng làm việc của ông ở bàn giấy của người sĩ quan trực ngồi trước cửa văn phòng Yakanov. Trong số những tù nhân ở đây chỉ có ông và Mặt Nạ Sắt, tức Mamurin, được đặc quyền này. (Không một tù nhân nào được quyền có mặt nửa phút trong phòng nghiên cứu khi không có sự kiểm soát của một nhân viên tự do, người ta phải thận trọng như thế bởi vì tù nhân có thể lợi dụng phút không bị kiểm soát này để mở tủ sắt bằng chìa khóa giả, chụp hình những tài liệu mật bằng một cái nút quần, cho nổ một trái bom nguyên tử rồi bay thẳng lên mặt trăng).

Chelnov làm việc trong một căn phòng được gọi là “Bộ Óc”, nơi đồ đạc chỉ vồn vện có một cái tủ áo bằng gỗ và hai cái ghế trơ trọi. Người ta phải xin lệnh của Tổng Bộ An ninh để có thể phát cho Giáo sư Chelnov một chìa khóa riêng để ra vào phòng này. Kể từ ngày đó căn phòng này là một vấn đề làm cho sĩ quan An ninh Shikin mất ăn, mất ngủ. Đêm khuya, khi bọn tù đều bị nhốt chặt trong phòng giam sau nhiều lớp cửa sắt, Shikin từng nhiều lần vào căn phòng này mò mẫm, lục lọi, y gõ lên vách, sờ soạng trên những khe ván sàn phòng nhìn vào gầm tủ, vặn từng chân ghế và âu lo lắc đầu với những ý nghĩ nhất định rằng việc thượng cấp cho tù nhân được tự do đến thế này chỉ có hại chứ không có lợi.

Nhưng Giáo sư Chelnov không phải chỉ lấy được chìa khóa là có thể vào được căn phòng nhỏ này. Ông còn phải đi qua một trạm kiểm soát trên hành lang. Đi qua trạm này là vào khu gọi là Tối Mật. Trạm kiểm soát gồm một cái chòi gỗ như chòi canh của lính gác cửa, trong đặt một cái bàn, trên bàn là một máy điện thoại và sau bàn có một nữ kiểm soát viên ngồi hỏi giấy phép. Giấy phép ra vào khu Tối Mật này do Tổng Bộ An ninh cấp phát, gồm ba loại: giấy phép thường trực, giấy phép tuần và giấy phép một kỳ. Việc phân loại giấy phép này là do sáng kiến đề nghị của Thiếu tá An ninh Shikin.

Mặc dù Giáo sư Chelnov biết rõ người kiểm soát ngồi đó là Marya Ivanovna và chị này xem giấy phép của ông mỗi buổi sáng, khi ông đi tới, chị này vẫn nghiêm trọng hỏi:

“Giấy phép?”

Chelnov xuất trình giấy phép thường trực in trên miếng giấy dày và Sologdin xuất trình giấy phép tuần in trên tờ giấy mỏng.

Hai người đi qua trạm kiểm soát, qua hai khung cửa nữa, và Chelnov mở khóa cửa văn phòng làm việc riêng của ông.

Phòng này âm cúng, gọn ghẽ, sạch sẽ với một khung cửa sổ nhìn xuống sân tập thể dục của tù

nhân, nhìn xa ra hàng cây sồi cổ thụ vòm lá đọng sương đêm kết lại thành băng trắng xóa. Một bầu trời trắng xám phủ trên trái đất.

Ở bên trái hàng cây sồi, ngoài vùng cấm, có một căn nhà gỗ rất xưa, những vách gỗ của căn nhà này đã chuyển thành xám vì thời gian và giờ đây trắng như vôi. Căn nhà có hai tầng lầu và mái nhà lợp tôn trông giống như một chiếc thuyền. Trước đây nhiều năm người chủ khu đất này từng sống trong căn nhà gỗ đó. Xa kia là những mái nhà thấp của làng Mavrino, rồi đến một cánh đồng, rồi xa nữa là đường xe hỏa chạy về Mạc Tư Khoa. Vào lúc này ở trên đường xe hỏa đó có một làn khói trắng từ một đầu tàu bốc lên - đứng trong khung cửa sổ này người ta không thể nhìn thấy con tàu và đường tàu.

Nhưng Sologdin không để ý gì đến cảnh vật dần trải trước mắt anh. Mặc dù được mời, anh cũng vẫn không ngồi xuống ghế. Khoẻ khoắn với cảm giác biết chắc là hai chân mình còn trẻ, còn mạnh, anh đứng dựa vai lên thành cửa sổ và nhìn lên tập giấy của anh đặt trên mặt bàn của Chelnov.

Chelnov ngồi xuống cái ghế có thành dựa cao, sửa lại chiếc khăn choàng lên vai, mở quyển sổ ghi đến trang chết, cầm cây bút chì lên và nghiêm trọng nhìn Sologdin. Giọng nói thân mật, nhẹ nhàng vừa qua đã hoàn toàn biến mất.

Sologdin có cảm tưởng như anh nghe thấy tiếng gió lộng trong phòng, như có những chiếc cánh lớn của một loài chim khổng lồ nào đó đang bay quanh anh. Giáo sư Chelnov chỉ nói trong có hai phút, nhưng những gì ông nói ra quan trọng và chính xác đến nỗi Sologdin phải nín thở để nghe. Chelnov đã làm cho Sologdin nhiều hơn điều mà Sologdin yêu cầu ông làm giùm.

Không những ông chỉ kiểm soát phát minh của Sologdin mà thôi, ông còn dùng toán học giải quyết cho Sologdin những rắc rối mà anh mắc phải mất cả tháng trời mò mẫm cũng chưa chắc đã giải quyết được.

Nói xong, như quan tòa tuyên án, Chelnov gập quyển sổ lại và ngồi im lặng.

Sologdin nhắm mắt như ánh sáng vừa lóa lên làm anh bị mù, anh cũng đứng ngậy ra đó, không sao nói được nên lời.

Từ những tiếng nói đầu tiên của ông già, Sologdin đã cảm thấy một làn sóng nước nóng chảy mạnh trong cơ thể anh. Giờ đây anh phải đưa hết sức nặng của thân thể anh lên thành cửa sổ để khỏi bay lên trần nhà vì sung sướng. Sologdin thành thật nghĩ rằng anh có thể bay vọt lên trần nhà nếu anh muốn.

Những ý nghĩ quay cuồng như bão tố trong óc Sologdin. Điều đáng kể là anh không nghĩ đến những gì chờ đợi anh với thành công khoa học này, anh nhớ lại cá nhân anh trước ngày anh bị tù. Trước kia anh là một con người như thế nào? Chắc chắn là trước kia anh không phải là một kỹ sư. Trước kia anh chỉ là một gã trẻ tuổi thích ăn diện, lo ăn diện hơn là làm việc, cho đàn bà là quan trọng hơn tất cả trên đời. Chính là vì đàn bà mà một kẻ ghen tuông với anh cho anh đi tù.

Rồi anh sống ở những nhà tù Butyrskaya, Presnya, Sevurallag, Ivdellag, Kargopollag...

Ngay cả vào tù, anh cũng vẫn chưa hết rắc rối với đàn bà. Sologdin nhớ đến cái tên cai tù Kamyshan chuyên đánh tù nhân bằng gậy vào mồm cho gãy răng - hôm nào gã đi ngựa đến trại giam, gã đánh tù bằng roi ngựa - một nữ y tá phốp pháp thương hại Sologdin và không chịu Kamyshan. Vì chuyện này Sologdin lãnh thêm án mười năm tù vì báo cáo của tình địch Kamyshan. Anh gần chết vì chuyện này nhưng anh vẫn không oán hận gì người nữ y tá đó hết. Đó là lần Sologdin bị khiêng từ tòa án xuống thẳng nhà thương. Anh hấp hối. Thân thể anh từ chối ăn uống. Anh nằm như xác chết cho đến ngày người ta khiêng anh xuống nhà xác, ở đây người ta dùng búa bổ vỡ sọ anh trước khi đem đi chôn, nhưng trên đường đi, không biết vì sao anh lại cựa quậy và ú ớ nói được lên tiếng.

Và bây giờ anh ở đây, bây giờ anh sắp được ra khỏi đây. Nhờ phát minh này, anh sắp được trở lại với cuộc sống tự do. Đó là một giấc mơ không thể có thật. Ông già thông thái này vừa nói những lời ca tụng ai đó chứ không phải là nói với anh.

Chelnov gập tờ giấy của Sologdin lại làm bốn, rồi làm tám cho đến khi nó có thể nằm gọn trong lòng bàn tay:

“Chú vẫn còn nhiều việc phải làm lắm” - Ông nói - “Nhưng tôi có thể nói chắc rằng kiểu mẫu này là kiểu mẫu tiện lợi nhất, tối tân nhất. Nó sẽ đem tự do lại cho chú. Án tù của chú có thể được xóa bỏ”.

Vì một nguyên nhân nào đó mà người trẻ tuổi kia không thể hiểu, khi nói đến câu này, ông già mỉm cười. Nụ cười của ông cũng sắc và thông minh như nét mặt của ông.

Chelnov cười vì mình chứ không cười vì Sologdin. Tuy ông từng thực hiện được nhiều việc quan trọng hơn việc của Sologdin, ông vẫn không bị đe dọa bởi chuyện được trả tự do hay không, được thủ tiêu án tù hay không. Bởi vì ông không có án tù. Lâu rồi ông đã công khai nói lên ý nghĩa của ông về Lãnh tụ Anh minh, vị Cha Hiền của Dân tộc, ông coi hắn là một con rắn độc và vì vậy, ông bị bắt đưa đi tù, không ra tòa, không có án, không hy vọng.

Sologdin mở cặp mắt xanh sáng rực, đứng thẳng người lên và nói một câu cứng ngắc như một kịch sĩ tập sự nói trên sân khấu:

“Vladimir Erastovich... ông giúp tôi rất nhiều. Ông đem lại cho tôi niềm tin và hy vọng. Tôi không biết dùng lời nào để cảm ơn ông. Tôi chỉ có thể là tôi chịu ơn ông rất nặng”.

Đưa tờ giấy gấp nhỏ trả lại cho Sologdin, như chợt nhớ ra, ông già nói:

“Tôi phải xin lỗi chú. Chú có yêu cầu tôi là đừng cho Yakanov nhìn thấy đồ hình kiểu mẫu này, nhưng hôm qua hắn đến phòng tôi và hắn tình cờ mở xem đúng tờ giấy này. Chú hiểu cho ... tôi chỉ có thể không tự ý đưa cho hắn xem nhưng tôi không thể ngăn được hắn xem giấy tờ trên bàn tôi. Hắn nhìn và hắn hiểu ngay đây là kiểu mẫu gì. Hắn hỏi và tôi phải nói đến chú”.

Nụ cười biến mất trên môi Sologdin. Ông già thấy người trẻ tuổi cau mặt lại. Ông ngạc nhiên:

“Chuyện hắn biết có gì quan trọng đâu? Trước sau gì chú cũng phải cho hắn biết...”

Sologdin cũng không biết rõ tại sao anh khó chịu. Anh nhìn xuống để tránh tia mắt soi mói của ông già:

“Tôi không biết phải nói sao... nhưng tôi chắc ông hiểu. Đây là một phát minh không có lợi cho tất cả mọi người. Tôi do dự nghĩ đến *người đó* dùng phát minh của tôi. Tôi không sáng tạo ra vật này với mục đích cho ý dùng. Tôi chỉ làm để thử sức tôi, để chứng minh với tôi rằng tôi có thể làm được. Tôi làm cho tôi”.

Sologdin ngẩng mặt lên.

Chelnov hiểu hơn ai hết câu nói của người trẻ tuổi. Làm cho mình là biểu dương cao nhất của việc nghiên cứu, tìm kiếm.

Nhưng ông cũng thản nhiên nói:

“Tôi hiểu... Xong trong trường hợp của chú, tôi sợ chú không thể nào làm theo ý chú được”.

“Dạ...” - Nụ cười sung sướng nở lại trên môi Sologdin - “Tôi xúc động nên tôi nói bậy. Xin ông đừng nghĩ ngợi gì. Tôi cảm ơn, cảm ơn...”

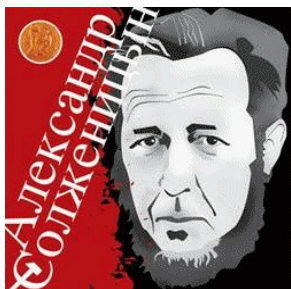
Anh kính cẩn nắm lấy bàn tay nhăn nheo, yếu xù của ông già rồi cẩn thận bỏ tờ giấy vào túi, anh đi ra khỏi phòng.

Khi đi tới căn phòng này, anh là một người tương đối tự do, lòng anh đầy hy vọng, anh ra khỏi đây như một kẻ chiến thắng nhưng lệ thuộc quá nhiều điều kiện. Anh không còn làm chủ được ý muốn của anh, phát minh của anh.

Còn lại một mình trong phòng, ông già không dựa lưng lên ghế, ông ngồi thẳng người, hai mắt nhắm lại trong một lúc lâu.

[1] Decartes, triết gia kiêm toán học gia người Pháp, sinh năm 1596, mất năm 1650, nổi tiếng nhất thời Phục hưng (Renaissance, thế kỷ XIV-XV) - thời kỳ chuyển tiếp từ Trung cổ sang Cận đại và cũng là thời khoa học, nghệ thuật phát triển rực rỡ nhất ở Âu châu.

[2] Nội dung bài thơ này có một ý nghĩa thời sự. Lev Rubin, tuy bị tù, nhưng vẫn là một người Cộng sản. Y muốn bào chữa cho Stalin, muốn chứng minh việc làm của Stalin là đúng. Y ngầm ví Stalin với Moses: cũng như Moses hướng dẫn dân Do Thái qua sa mạc khổ sở đến đất lành, Stalin hướng dẫn dân Nga đến hạnh phúc. Chỉ với một điểm thắc mắc rất khoa học về địa dư,



26 Dấu phạt

Vẫn hân hoan sung sướng, Sologdin đẩy mạnh cánh cửa phòng Đồ Hình và bước vào. Nhưng thay vì cảnh đông đảo hoạt động mà anh chờ đợi trông thấy, trong căn phòng rộng sáng nay chỉ có mỗi một người đàn bà đứng bên cửa sổ.

“Larisa Nikolayevna... Chỉ có mình cô ở đây thôi sao?”

Sologdin ngạc nhiên hỏi. Anh vừa hỏi vừa rảo bước đi tới bàn làm việc của anh.

Larisa Nikolayevna Emina, một thiếu phụ ba mươi tuổi, nhân viên tự do và là nữ họa viên, quay lại từ cửa sổ, nàng cười với Sologdin.

“Dmitri Aleksandrovich...? Tôi tưởng cả sáng hôm nay tôi sẽ ngồi buồn một mình ở đây chứ...”

Giọng nói của nàng như chứa đựng một ý nào đó. Sologdin nhìn nàng và ánh mắt ghi nhận nhanh của anh bao bọc tấm thân nảy nở của nàng nằm trong bộ y phục bằng sợi len đan màu trắng sáng. Không trả lời nàng, anh đi thẳng tới bàn và trước khi ngồi xuống ghế, anh cầm bút vạch một nét lên tờ giấy hồng để sẵn trên bàn. Xong, đứng quay lưng về phía Emina, anh đặt một tờ giấy vẽ lên bàn vẽ của anh.

Phòng Đồ hình là một căn phòng rộng ở tầng lầu ba. Phòng có ba khung cửa sổ rộng mở về phía nam. Giữa những bàn viết và kệ sách thường phòng có chừng mười bàn vẽ giống như bàn vẽ của Sologdin và Emina. Bàn vẽ của Sologdin đặt hướng về cửa ra vào và ánh nắng tràn vào từ cửa sổ chan hòa trên tờ giấy gắn trên đó.

Sau cùng Sologdin hỏi:

“Sáng nay họ đi đâu hết? Sao không thấy ai đến cả?”

Tiếng nói trong và nhịp nhàng của người thiếu phụ vút cao:

“Tôi đang định hỏi anh câu ấy”.

Sologdin quay phắt lại nhìn nàng và nói:

“Tôi chỉ có thể trả lời cô về bốn tên tù khổ nạn làm việc ở đây hiện đang ở đâu mà thôi. Một tên được đưa đi gặp vợ. Tên Hugo Leonardovich đang dự lễ Giáng sinh Latvia. Tôi đang trả lời có tên thứ tư Ivan Ivanovich xin được phép ngồi vá lại đôi vợ. Kể từ ngày hấn vào tù đến giờ, đôi vợ rách này là đôi vợ thứ hai mươi của hấn. Những người tôi muốn hỏi sáng nay đi đâu không đến làm việc là mười sáu nhân viên tự do, những đồng chí có tinh thần trách nhiệm và yêu công tác hơn chúng tôi kia”.

Emina nhìn rõ nụ cười kiêu hãnh, khinh mạn trên đôi môi mỏng của Sologdin, nụ cười nở giữa hàng ria mịn và bộ râu đen gọn ghẽ để treo kiểu người Pháp ấy làm cho nàng thích thú.

“Sao? Bộ anh không biết là đồng chí Trưởng toán của chúng tôi đã thỏa thuận với đồng chí Viện trưởng là chúng tôi được nghỉ trọn ngày hôm nay sao? Chỉ có tôi là không may phải đi trực thôi”.

“Ngày nghỉ? Vì lý do gì mà nghỉ?”

“Lý do gì nữa? Hôm nay là Chủ nhật”.

“Từ bao giờ Chủ nhật được coi là ngày nghỉ nhỉ?”

“Đồng chí Trưởng toán chúng tôi nói rằng chúng tôi có quyền nghỉ một ngày vì lúc này không có công tác gì phải làm cấp bách cả”.

“Các người không có công tác gì phải làm?” - Sologdin kêu lên giận dữ - “Các người nghỉ sao nếu tôi dàn xếp cho các người, tất cả mười sáu người, có việc ngồi vẽ cả ngày lẫn đêm. Cô có muốn thế không?”

Việc phải ngồi vẽ lại những đồ hình phức tạp là một đe dọa hãi hùng cho Emina cũng như cho những cô bạn của nàng, xong nàng vẫn thản nhiên. Vẻ thản nhiên, trầm tĩnh hợp với sắc đẹp nảy nở toàn diện như một bông hoa của nàng. Nàng đứng dựa bụng vào cạnh bàn vẽ và chiếc áo len đan ôm vừa vặn da thịt nàng làm nổi bật bầu ngực dày của nàng. Nàng đu đưa hai chân và nhìn Sologdin bằng cặp mắt thiên cảm:

“Chúa cứu chúng tôi! Mà anh có nhẫn tâm làm nổi cái việc đó không chứ?”

Sologdin lạnh lùng nhìn nàng:

“Tại sao cô lại kêu Chúa? Cô là vợ một nhân viên Mật vụ mà?”

Emina ngạc nhiên:

“Là vợ nhân viên Mật vụ thì sao? Có gì khác?” - Nàng hỏi lại - “Đến lễ Giáng sinh chúng tôi cũng làm bánh Giáng sinh. Chúng tôi có gì khác mọi người đâu?”

“Bánh Giáng sinh?”

“Chứ sao?”

Emina ngồi xuống và Sologdin đứng cao nhìn xuống nàng. Màu len trắng hợp với nước da hồng hào của nàng. Cả chiếc áo và chiếc xiêm nàng bận đều bó sát lấy thân thể nàng, để cho người nhìn thấy được da thịt đầy đặn của nàng. Nút áo cổ mở để hở chút ngực và vai nàng. Sologdin vạch một nét nữa trên tờ giấy hồng và nói, giọng anh thản nhiên nhưng không có ác cảm:

“Cô nói chồng cô là Trung tá Mật vụ? Phải không nhỉ?”

“Phải. Nhưng đó là chồng tôi. Còn mẹ tôi với tôi đều là đàn bà”.

Emina nói câu đó với nụ cười ngây thơ có sức quyến rũ thật lạ. Mái tóc đen dày của nàng quấn lại thành từng vòng quanh đầu nàng làm cho nàng, có cái vẻ trang trọng của những nữ hoàng ngày xưa. Nàng mỉm cười và đột nhiên nàng giống như một thiếu phụ nông thôn, nhưng là một thiếu phụ nông thôn do nữ kịch sĩ nổi tiếng Emma Tsesarskaya đóng.

Sologdin không nói gì nữa, anh ngồi xuống ghế để khỏi phải nhìn Emina và anh bắt đầu nghiên cứu đồ hình trên bàn vẽ.

Anh vẫn còn xúc động vì những lời phán quyết của Giáo sư Chelnov và anh muốn dành hết thì giờ và tâm trí vào việc hoàn thành sáng chế của anh. Giáo sư Chelnov có nói anh còn nhiều việc phải làm. Anh muốn anh hoàn toàn thanh thoi tâm trí và tin tưởng khi anh phải đối phó với Yakanov để tính chuyện đi ra khỏi đây.

Vì vậy Sologdin muốn cắt đứt mọi liên lạc với Emina để trở về với công việc. Emina từng ngồi cạnh anh cả nửa năm trời nay nhưng chưa bao giờ anh có dịp nói chuyện nhiều với nàng như hôm nay, chưa bao giờ chỉ có anh và nàng ngồi riêng với nhau trong căn phòng rộng này. Đôi khi Sologdin cũng nói đùa vài câu với nàng theo đúng chương trình làm việc hai tiếng đồng hồ lại có năm phút nghỉ của anh. Emina là chuyên viên họa đồ làm việc dưới quyền anh, nàng là một bà ở một giai cấp khá cao trong xã hội trong khi anh chỉ là một tên nô lệ có học và anh khó chịu nhiều hơn là thoải mái khi anh nhìn thấy tấm thân đàn bà nảy nở của nàng ở cạnh anh suốt ngày dài.

Emina vẫn chống hai cùi chỏ tay lên bàn, nàng vẫn đong đưa nửa người trên của nàng và nàng hỏi:

“Còn anh, Dmitri Aleksandrovich... Ai vá những chiếc vớ rách cho anh?”

“Tôi hả?” - Đôi lông mày của Sologdin nhướng lên nhưng anh vẫn nhìn vào đồ hình - “Tôi không vá vớ. Tôi đi rách là thay đôi khác”.

“Độ bao lâu thì anh phải thay vớ mới?”

“Tôi đi liền một đôi vớ trong một năm, một năm thay một đôi...”

Emina kêu lên như hoảng sợ:

“Một năm mới thay một đôi vớ, anh nói thật hay giỡn chơi?”

Sologdin cười lớn, tiếng cười của anh còn trong và vô tư:

“Một năm chứ sao. Cô tưởng bọn tôi có thừa tiền để mua vớ sao? Lương tháng của cô bao nhiêu?”

“1.500 đồng ruble”.

“Cô... cô là người vẽ lại những gì do tôi vẽ ra, cô lãnh mỗi tháng 1.500 đồng ruble trong khi tôi, tôi là “nhà sáng chế”, tôi được lãnh mỗi tháng 30 đồng ruble. Nếu cô ở vào địa vị tôi, cô cũng không phí tiền mua vớ. Đúng không?”

Đôi mắt Sologdin sáng lên niềm vui. Lời anh nói chẳng có nghĩa gì với Emina hết nhưng vậy mà đôi má nàng cũng đỏ hồng lên.

Anh chồng của Emina, nói rõ ra, là một gã vô tích sự. Từ lâu rồi gã coi gia đình gã như một nơi để gã nương tựa, với Emina, vợ gã, từ lâu rồi gã đã trở thành một vật vô hồn như bàn ghế trong nhà. Khi ở sở về nhà, gã dành hết thì giờ và tâm trí vào việc ăn uống, gã ăn tham lam và tục tĩu, ăn no gã lăn ra ngủ. Trở dậy gã đọc báo và nghe radio. Gã mê radio. Tháng nào gã cũng bán cái máy radio cũ đi để mua cái mới. Đề tài duy nhất làm gã chú ý ăn ngủ và kích thích được gã là những trận đá banh. Vì là nhân viên Mật vụ, đôi banh được gã ủng hộ nhiệt liệt là đội Dynamo (đa số cầu thủ trong đội này là nhân viên Mật vụ). Tâm hồn gã phẳng lặng; nồng nặc và con người gã tầm thường đến nỗi Emina hẳn không còn muốn gần gã nữa. Nàng gần Sologdin nhiều hơn là gần chồng nàng. Và Sologdin với những cử chỉ nhanh nhẹn, với lối nói sắc sảo, với khả năng biến đổi thật nhanh từ vẻ nghiêm trọng sang đùa giỡn hấp dẫn nàng ghé góm mặc dù không cố ý. Điều đáng nói nhất là Sologdin không hề hay biết là anh hấp dẫn Emina mạnh đến như thế.

Sologdin lại nhìn xuống đồ hình trên bàn vẽ và Emina có dịp nhìn ngắm lâu khuôn mặt anh, hàm râu đen và đôi môi dày của anh. Nàng tưởng tượng đến cảm giác những sợi râu ấy di động trên da thịt nàng.

Một lần nữa, Emina lại phá cái yên lặng của Sologdin:

“Dmitri Aleksandrovich ... tôi có làm phiền anh không?”

“Chút ít”.

Sologdin đang cần tập trung tư tưởng nhưng anh không thể suy nghĩ đến công việc khi người đàn bà này ở gần anh. Anh quay vào bàn giấy và quay lưng hẳn về phía Emina, anh soạn lại những giấy tờ trên bàn.

Anh có thể nghe rõ tiếng tích tắc phát ra từ chiếc đồng hồ đeo tay của Emina.

Emina chấp hai bàn tay lại và đặt má nàng lên đấy. Đôi mắt nàng mệt mỏi và trù mến nhìn người đàn ông ngồi đó.

“Ngày nào cũng vậy, giờ nào cũng vậy” - Giọng nàng thì thầm với những âm thanh thần phục -

“Anh ở trong tù mà anh vẫn học thêm, vẫn nghiên cứu thêm. Anh là một người thật lạ...”

Sologdin đang đọc nhưng rõ ràng là anh không đọc được gì hết, vì anh ngẩng đầu lên ngay:

“Tôi học trong khi ở tù thì đã sao? Tôi ở tù từ năm tôi hai mươi năm tuổi, tôi sẽ ra khỏi tù vào năm tôi bốn mươi hai. Có điều là tôi không tin là tôi có thể ra được nhà tù, người ta sẽ cho tôi một hạn tù nữa. Tôi sống những năm tháng đẹp nhất của tôi ở trong tù. Trong trường hợp tôi, nếu tôi không học ở tù, tôi học ở đâu? Ở bất cứ đâu ta cũng phải sống. Dựa vào hoàn cảnh để buông xuôi là thái độ hèn nhát”.

Emina đưa ngón tay trở có móng tay dũa tròn và tô sơn hồng ra di di trên góc một tờ giấy trên bàn Sologdin:

“Tôi có chuyện này phải xin lỗi anh..”

“Chuyện chi vậy?”

“Có lần tôi đứng cạnh bàn anh và tình cờ tôi nhìn thấy anh viết thư. Tôi tình cờ nhìn thấy thật mà... Ít ngày sau tôi lại thấy...”

“Ít ngày sau cô lại tình cờ thấy nữa...?”

“Tôi lại thấy anh viết thư. Mà cái thư thứ hai này anh viết dường như giống hệt cái thư trước...”

“Như vậy có nghĩa là cô đã đọc hơi kỹ thư của tôi. Rồi, còn lần thứ ba, thứ tư cô tình cờ đọc thư của tôi nữa? Đúng không?”

Nàng mở rộng đôi mắt nhìn anh. Miệng nàng không nhận nhưng mắt nàng nhận.

“Nếu cô còn tiếp tục như thế nữa tôi rất tiếc sẽ phải miễn sự cộng tác của cô. Tôi sẽ tiếc cô... vì cô vẽ không đến nỗi quá dở”.

“Nhưng chuyện đó lâu rồi. Từ ngày ấy đến nay tôi không còn thấy anh viết gì nữa”.

“Cô lập tức báo cáo với Thiếu tá Shikinidi...?”

“Sao lại... Shikinidi?”

“Thì Shikin. Cô viết báo cáo dài mấy trang?”

“Sao anh lại nghi tôi như thế?”

“Tôi không cần phải nghi. Tôi biết chắc. Bộ cô định nói với tôi là Thiếu tá Shikin không hề chỉ thị cho cô là phải do thám tôi? Phải biết hết cả những việc tôi làm, ngay cả ý nghĩ của tôi nữa?” Sologdin vạch một nét bút chì lớn lên tờ giấy trắng.

“Hắn có chỉ thị cho cô làm thế không? Nói đi. Nói thật đi”.

“Có”.

“Và cô đã tố cáo tôi bao nhiêu lần, bao nhiêu tội rồi?”

“Dmitri Aleksandrovich ...! Anh nghĩ rằng tôi làm được cái việc ấy sao? Tôi có báo cáo nhưng tôi không tố cáo gì anh hết. Trái lại. Tôi chỉ viết toàn chuyện tốt về anh”.

“Hừm. Được rồi, tôi tạm tin cô. Về chuyện cô muốn biết tôi viết gì thì... nếu cô chỉ hỏi vì tò mò, tôi sẵn sàng làm thỏa mãn sự tò mò đàn bà của cô. Chuyện đó xảy vào tháng Chín. Năm ngày liền tôi viết thư cho vợ tôi”.

“Tôi chỉ muốn hỏi anh về chuyện đó. Anh có vợ ư? Vợ anh chờ anh ư? Anh viết gì cho vợ anh mà dài thế?”

Trước những câu hỏi dồn dập ấy, Sologdin trả lời nghiêm trang và chậm rãi:

“Tôi, có vợ, nhưng cũng như tôi chưa có vợ vậy. Tôi không còn có thể viết thư cho nàng được nữa. Khi tôi viết cho nàng - không, tôi không viết hết bức thư dài đó mặc dù tôi suy nghĩ về nó trong năm tháng trời. Nghệ thuật viết thư là một nghệ thuật thật cao, thật khó. Chúng ta thường viết thư quá cầu thả, để rồi chúng ngạc nhiên khi chúng ta thấy mất những người mà chúng ta mến thương. Vợ tôi không được gần tôi từ nhiều năm nay nhưng nàng vẫn cảm thấy vòng tay tôi ôm xiết nàng. Thư từ là những sợi dây liên lạc duy nhất tôi có với nàng trong mười hai năm nay”.

Emina đột nhiên nhô người về đằng trước. Ngực nàng gần cánh tay Sologdin hơn và nàng áp hai bàn tay lên đôi má ửng hồng của nàng:

“Anh tin rằng anh có thể giữ được nàng ư? Mà anh giữ nàng để làm gì? Tại sao anh lại giữ nàng?”

Đã mười hai năm qua, anh còn xa nàng năm năm nữa. Mười bảy năm xa nhau tất cả. Anh làm nàng mất tuổi trẻ. Tại sao? Hãy để cho nàng sống”.

“Ở đời này có một loại đàn bà đặc biệt. Đó là những người đàn bà ra đời để làm chinh phụ, làm vợ những chiến sĩ Vikgin vượt biển đi chinh phục thế giới, những nàng Isolde linh hồn bằng kim cương. Cô sống trong một xã hội thấp kém nên cô không sao biết được họ”.

Emina nhắc lại:

“Để cho nàng sống. Và nếu có thể được, anh cũng nên sống”.

Hơi thở nàng dồn dập và Sologdin nhìn đi. Tay anh gạch một nét lên tờ giấy hồng.

“Dmitri Aleksandrovich ... tôi muốn hỏi anh chuyện này từ lâu... Sao anh lại cứ vạch luôn tay những nét này? Ý nghĩa gì? Tôi để ý thấy anh hết vạch lên tờ giấy trắng lại vạch lên tờ giấy hồng”.

“Lần này tôi sợ cô tò mò quá rồi đấy...”

Sologdin giơ tờ giấy trắng có những nét vạch lên:

“Mỗi lần tôi nghĩ được điều hay, làm được việc gì đúng, tôi vạch một nét lên đây...”

“Còn tờ giấy hồng?”

“Còn tờ giấy hồng... Chắc cô cũng nhận thấy tôi hay gạch lên tờ giấy hồng này những lúc nào chứ?”

Trong phòng không có qua một tiếng động nào, câu trả lời của Emina gần như tiếng thì thầm:

“Có. Tôi có nhận thấy”.

Khuôn mặt Sologdin cũng đỏ lên, anh giận dữ thú tội:

“Tôi vạch lên đây những dấu để phạt tôi...”

“Sao anh... lại... phạt anh?”

“Phạt tôi... vì tội tôi... thèm muốn cô. Đây tôi đánh liền ba dấu. Dấu này là vì đôi mắt ướt đa tình của cô... tôi phạt tôi vì tội rung động vì đôi mắt ấy. Dấu này là vì... vì... cổ áo cô hở và tôi nhìn thấy ngực cô. Dấu này là vì tôi muốn... muốn hôn lên đấy”.

Emnina nói như người mất hồn:

“Anh muốn... sao anh không hôn đi?”
“Cô điên ư? Cô ra khỏi đây ngay... Đi ra...”
Sologdin quay phắt lại cùng một lúc với Emina đứng bật lên. Cái ghế nàng ngồi đổ sau nàng. Sologdin nhìn ngay lên bàn vẽ nhưng anh không thấy cái gì trên đó hết. Đột nhiên anh cảm thấy bộ ngực đầy của người đàn bà dựa vào lưng anh.
“Lasira...” Anh nói, và anh quay lại ôm nàng.
“Dmitri...” Nàng như người nghẹn thở.
“Cho tôi... Để tôi khóa cửa lại...”
Emina không lùi lại, nàng nói trong hơi thở:
“Phải đấy. Khóa cửa lại”.

27 Giây in tiếng

Không một ai, kể cả những nhân viên tự do, muốn làm việc trong ngày Chủ nhật. Họ đến sở làm với sự chán nản trong tâm hồn, những chuyến xe buýt vắng người hơn mọi ngày càng làm cho họ thêm chán nản, họ nghĩ đến cách làm cách nào để có thể ngồi hết một ngày đến sáu giờ chiều.
Nhưng buổi sáng Chủ nhật hôm nay, quang cảnh Viện Khoa học Mavrino hoạt động hơn mọi ngày thường. Sau 10 giờ sáng có một dãy xe hơi theo nhau chạy qua cổng Viện. Bọn lính gác tới tập đứng chào nghiêm. Những chiếc xe hơi bóng loáng chạy qua vườn trên con đường vừa mới được quét tuyết phủ, tới đậu ở trước cửa tòa nhà chính, những sĩ quan cao cấp với những cầu vai áo mang lon vàng đỏ rực rỡ bước ra khỏi ba chiếc xe đầu. Không chờ ai tiếp đón, những vị này đi thẳng lên văn phòng Viện trưởng Yakanov ở tầng lầu ba. Không một ai có đủ thì giờ để nhìn kỹ họ và để biết họ là những ai. Vài tù nhân kháo nhau rằng Tổng trưởng An ninh Abakumov đến với tám ông Tướng, nhưng ở nhiều phòng nghiên cứu khác, nhiều tù nhân vẫn không biết gì cả về đoàn quan khách sang trọng vừa đến.
Sự thật chỉ bằng một nửa lời đồn: chỉ có Phụ tá Tổng trưởng Sevastyanov đến Viện cùng với bốn ông Tướng thuộc Bộ An ninh đi theo.
Nhưng có nhiều chuyện bất ngờ xảy ra: Đại tá Kỹ sư Yakanov sáng nay chưa đến Viện. Người sĩ quan trực sợ hãi bỏ vội quyển tiểu thuyết y đang đọc vào ngăn kéo - y không có quyền đọc bất cứ sách báo gì trong giờ trực - và cuống quýt gọi điện thoại đến nhà riêng của Yakanov, sau đó y đứng nghiêm báo cáo với ông Phụ tá Tổng trưởng rằng Đại tá Yakanov sáng nay khó ở vì chứng bệnh đau tim nhưng đang trên đường đến Viện. Trong thời gian đó Thiếu tá Roitman, Phó Viện trưởng, người phụ tá của Viện trưởng Yakanov, sửa lại bộ quân phục và đi như chạy trên những hành lang để tới trình diện với quan khách, y vội vã không phải chỉ vì luật lệ bắt buộc y phải vội vã như thế mà còn vì y ít có dịp gặp được các quan to, Yakanov tìm đủ cách ngăn chặn không cho y gặp được các vị thượng cấp. Roitman đã được biết hôm qua hai tù nhân Bobynin và Pryanchikov được gọi về Bộ để hỏi về việc gì và y đoán biết sáng nay các vị quan to ở Bộ tới Viện chỉ cốt là để kiểm soát công tác, y cần được gặp các quan để trình bày về việc làm của y trước khi Yakanov đến và nhận hết mọi thành tích. Dù chỉ mới ba mươi tuổi, Roitman đã được lãnh một giải Stalin về khoa học và y là người ngày đêm chỉ sống để làm việc phục vụ Lãnh tụ Tối cao.
Mười vị quan to ngồi nghe Roitman thuyết trình về những dự án khoa học đang được thực hiện trong Viện xong chỉ có hai vị hiểu được y nói gì, tám vị kia chỉ ngồi trầm ngâm với một vẻ nghiêm trọng đầy bí mật. Mamurin, người được Oskolupov gọi đến, chỉ chăm chăm chờ dịp là cướp lời Roitman. Rồi Yakanov hấp tấp tới nơi. Sáng nay hai mắt Yakanov sâu trũng xuống với hai quầng đen, da mặt y tái nhợt như người đang đau nặng. Sau khi chào nghiêm, Yakanov ngồi xuống chiếc ghế cạnh tường. Cuộc thuyết trình của Roitman phải ngưng.

Đám sĩ quan an ninh đứng hết ngoài hành lang trước cửa phòng, sẵn sàng chờ được gọi đến. Trong bầu không khí nghiêm trọng này, không ai để ý đến cửa Phòng Đồ hình được khóa kín liền trong mấy tiếng đồng hồ.

Sau khi hội họp trong văn phòng Viện trưởng Yakanov, đám quan khách phân tán thành nhiều toán đi thăm các phòng. Chỉ có Phụ tá Tổng trưởng Sevastyanov cùng đi với Thiếu tá Roitman xuống Phòng Âm thính. Yakanov bận tiếp Oskolupov trong Phòng Số bảy.

Trên đường đi, Sevastyanov hỏi Roitman:

“Thiếu tá định dùng biện pháp nào tìm ra được tên ấy?”

Roitman chỉ mới được biết về việc Viện Mavrino phải dò tiếng nói thu được từ máy điện thoại để tìm bắt được một tên phạm tội ở Bộ Ngoại giao, nhưng năm phút cũng đã đủ để y sửa soạn được lời nói:

“Thưa ông Tổng trưởng” - Roitman nói - “ở đây chúng ta có một giàn máy tuy còn đang thí nghiệm nhưng đã có thể dùng được. Chúng tôi tạm gọi máy đó là máy VIR. Tiếng nói của người ta được ghi lên giấy với những ký hiệu đặc biệt. Không tiếng nói của ai hoàn toàn giống ai. Cũng như dấu tay vậy. Và chúng ta có một chuyên viên tên là Lev Rubin đọc được những ký hiệu ấy...”

“Lev Rubin? Hẳn là tù nhân ư?”

“Thưa vâng. Hẳn là nhà ngôn ngữ học. Chúng ta sẽ đem tiếng nói của kẻ phạm tội in lên giấy rồi so sánh với tiếng nói của những kẻ bị tình nghi. Bằng cách ấy, ta sẽ tìm ra tên phạm tội”.

“Hừm...” - Sevastyanov vừa nói vừa lắc đầu - “tôi cần xin sự đồng ý của Đồng chí Tổng trưởng về việc dùng nhà ngữ học này”.

“Vì vấn đề an ninh?”

“Phải”.

Vào lúc này, ở trong Phòng Âm thính, mặc dù mọi người đều biết rằng có Ủy ban Điều tra Kiểm soát từ Tổng Bộ đến Viện, vẫn chưa ai vượt khỏi được sự bất động của buổi sáng Chủ nhật để bắt tay vào việc, họ lười biếng mở những ngăn tủ chứa đầy những bóng đèn radio cũ, nhìn ngáy lên qua cửa sổ và ngáp dài. Những thiếu nữ trong đám viên chức tự do đứng xúm lại ở những cửa sổ, bàn tán nho nhỏ với nhau. Trước khi Roitman và Sevastyanov tới Phòng Âm thính, những thiếu nữ ở đó đều đã được sĩ quan an ninh mời hết sang phòng khác.

Nerzhin đang ngồi trong Phòng Âm thính. Trước vẻ bối rối quan trọng và nhộn nhịp của những người chung quanh. Nerzhin có cảm tưởng chàng làm một ông khách xa lạ hẳn với họ. Đây là lần thứ ba chàng vào Phòng Âm thính. Chàng không có việc gì ở đây cả, chàng đang nóng ruột chờ đợi đợi xe Maria Đen đến đưa đi gặp vợ và chàng vào đây để ngồi nói chuyện với Lev Rubin, Nerzhin ngồi dựa lưng lên thành cửa sổ, chàng khoan khoái thưởng thức khói thuốc Belomor trong khi nghe Lev Rubin trình bày bài thơ về Moses vừa làm xong sáng nay. Rubin đã đọc bài thơ này cho Giáo sư Chelnov nghe nhưng anh không tin tưởng lắm ở khiếu thưởng ngoạn văn nghệ của ông giáo sư già ấy. Anh nòng nọc và quan trọng trình bày lại bài thơ với Nerzhin và hội họp chờ đợi Nerzhin khen ngợi.

Đúng lúc ấy thì Thiếu tá Roitman hướng dẫn Phụ tá Tổng trưởng Sevastyanov vào phòng. Hai người đi thẳng tới chỗ Rubin ngồi.

“Thưa Đồng chí Tổng trưởng ... tôi xin giới thiệu nhà ngôn ngữ học Lev Rubin, người duy nhất trong Liên bang Xô Viết hiện nay đọc được những ký hiệu của tiếng người nói ghi trên giấy”.

Rubin đứng dậy lặng lẽ cúi đầu chào.

Ngay từ lúc nghe thấy tiếng Roitman nói đến “máy VIR” khi y và Sevastyanov còn đi ngoài hành lang, cả Rubin và Nerzhin cùng bất giác giật mình. Họ ngạc nhiên vì công tác nghiên cứu về tiếng nói của họ, từ trước tới nay vẫn không được ai coi trọng - những nhà khoa học đồng từ thường chỉ hỏi thăm họ về sự tiến triển của cuộc nghiên cứu này để cười nhạo họ - bỗng dưng được thiên hạ chú ý đến. Chỉ trong khoảng 45 giây đồng hồ cần thiết để cho Roitman đưa Sevastyanov đến bàn Rubin, với sự thông cảm tình hình rất nhanh đặc biệt của những người đã sống lâu năm trong tù, Rubin và Nerzhin cùng hiểu rằng như vậy là Rubin sắp trình diễn một cuộc đọc tiếng nói ghi trên giấy bằng ký hiệu, và mặc dù Rubin có thể đọc được, vẫn từng đọc, họ cũng tính ngay đến chuyện phải làm sao cho Rubin thành công trong cuộc thí nghiệm này. Nếu chẳng may mà Rubin đọc sai, cuộc nghiên cứu của họ có thể bị bãi bỏ không chút xót thương.

Họ đưa mắt nhìn nhau thông cảm và Rubin khẽ nói:
“Nếu họ bảo anh, hãy đọc câu: ‘Giấy in tiếng có thể làm cho người điếc dùng được máy điện thoại’.”
Nerzhin cũng thì thầm lại rất nhanh:
“Nếu hẳn đọc lấy, tôi sờ tay lên tóc là anh đúng, sờ cổ áo là sai”.
Và Rubin đứng lên để chào người mới đến.
“Bây giờ” - Roitman nói tiếp - “Lev Grgiorich sẽ trình bày để ông Tổng trưởng thấy tận mắt việc đọc giấy in tiếng nói. Chúng tôi có sẵn một xướng ngôn viên chuyên môn đây, anh Gleb Vikentich Nerzhin. Anh này sẽ ghi câu này lên giấy và anh Lev Grgiorich sẽ cố gắng đọc ra câu ấy”.
Cả phòng thí nghiệm ngừng hoạt động. Mọi người đều hồi hộp chờ đợi. Roitman xúc động ra mặt. Đọc xong, Nerzhin ra khỏi phòng ghi âm và đứng ở xa, lãnh đạm nhìn lại phía Rubin. Mọi người đứng xúm quanh bàn Rubin. Tất cả đều đứng, chỉ có một mình Rubin là ngồi. Với những cử chỉ trang trọng của một giáo sĩ hành lễ, Rubin cầm cây viết chỉ lên tờ giấy ghi ký hiệu vừa lấy trong máy ra và giảng giải.
Nerzhin cười thầm khi Rubin yêu cầu cử tọa đưa cho anh cái kiếng khuếch đại để nhìn cho rõ hơn. Thực ra, không cần gì phải dùng đến kiếng khuếch đại, Rubin chỉ bày vẽ ra như vậy cho công việc quan trọng hơn. Và trong lúc tất cả mọi người - tất nhiên là trừ Nerzhin - say mê theo dõi việc Rubin đọc lên từng tiếng, vừa đọc vừa viết xuống giấy: “Giấy...in... tiếng... có... thể...”, không ai chú ý đến Trung úy An ninh Shusterman nhón gót đi vào phòng.
Shusterman đứng lại bên cửa. Ý ra hiệu cho Nerzhin đi ra. Nerzhin hiểu rằng giờ đi thăm đã đến và chàng rảo bước đi ngay. Shusterman còn muốn gọi Rubin nữa. Y muốn bắt Rubin trở về phòng ngủ để làm lại giường cho ngay ngắn. Y từng nhiều lần hành hạ Rubin với việc này. Rubin đã đọc được hai tiếng “người điếc” và đang nhịu mảy tìm tiếng tiếp theo, chợt anh ngược mắt nhìn lên và nhìn thấy bộ mặt rạng rỡ, tươi rói của Roitman - Roitman có vẻ như chính y là người đọc được những chữ này - và anh bắt gặp tia nhìn của Shusterman. Anh hiểu ngay tên sĩ quan an ninh lăm chuyện này đến đó làm gì và tia mắt khô hài, chế nhạo của anh nói với y: “Đi chỗ khác chơi...”
“Người điếc... dùng được... máy điện thoại...” Rubin nói lớn, viết và quăng bút... “*Máy điện thoại* là ba tiếng chúng tôi vẫn dùng đến nhiều trong những cuộc thí nghiệm nên nhìn thấy là tôi đọc được ngay...”
“Kỳ diệu...”
Sevastyarov nhắc lại:
“Kỳ diệu... Tôi xin lỗi, tên anh là gì?”
“Lev Grgiorich Rubin”.
“Lev Grgiorich... Anh có thể nhận ra tiếng một người nhờ những bản giấy in tiếng này chứ?”
“Đó chính là mục đích của cuộc nghiên cứu của chúng tôi”.
“Tốt. Sẽ có một công tác... rất... quan trọng nhờ anh làm”.
Nghe thấy quan to nói câu này, Trung úy An ninh Shusterman lủi mất.

28 Cấm không được hôn

Chiếc xe Maria đen được dùng để chở tù nhân đi gặp thân nhân sáng nay hư máy, không chạy được. Người ta phải gọi điện thoại về Bộ xin xe khác và vào lúc 11 giờ sáng Chủ nhật ấy, khi Nerzhin được gọi xuống từ phòng Âm thính, đến phòng kiểm soát, sáu tù nhân được đi thăm hôm nay đã có mặt ở đó. Vài người đang bị khám, vài người đã khám xong đi quanh quần hoặc ngồi ở bàn. Trung tá Klimentiev đứng gần tường, thẳng người, hai tay chấp sau lưng, thanh thản như người không liên hệ đến công việc khám xét đang được làm ở đây, nhưng

Klimentiev biết rõ hơn ai hết là sự có mặt của y bắt buộc bọn giám thị phải khám xét kỹ hơn. Vừa bước vào khu khám, Nerzhin gặp ngay vòng tay chờ đợi của Krasnogubenky, tên giám thị khám kỹ nhất, lục lợi nhất và đáng ghét nhất bọn.

“Trong túi có gì?” Krasnogubenky hỏi ngay.

Từ lâu rồi Nerzhin không còn cái vẻ vội vã làm theo lời hèn hạ của những người mới ở tù trước mặt bọn giám thị. Chàng không cần trả lời và cũng không thèm nhìn lại cái túi bộ áo mới may bằng hàng cheviot vừa được phát cho chàng để mặc đi thăm. Chàng chỉ nhìn tên giám thị bằng cặp mắt vô hồn và giơ hai cánh tay lên vừa đủ để cho gã khám túi chàng. Sau năm năm ở tù và qua không biết bao nhiêu là lần khám xét như thế này. Nerzhin không còn cảm thấy, như những người mới vào tù ai cũng thấy, việc bị khám thân thể là dã man, những ngón tay dơ bẩn chạm vào người mình như chạm vào chính trái tim rướm máu của mình. Sáng nay, đặc biệt là sáng nay, không một việc gì xảy ra có thể làm cho tâm hồn chàng mất vui sướng.

Krasnogubenky mở hộp thuốc lá do Potapov tặng chàng làm quà sinh nhật và kéo từng điều thuốc gài trong đó ra coi xem có vật gì giấu trong đó không. Gã đồ cả những que diêm ra lòng bàn tay gã. Gã vuốt đường viền chiếc khăn mùi-soa của Nerzhin. Ngoài mấy vật đó ra, trong túi Nerzhin không có gì khác. Rồi gã nắn bóp khắp người Nerzhin, sờ cả vào bẹn, vào hậu môn chàng. Gã ngồi xuống sau lưng chàng để sờ kỹ hai chân chàng từ đùi trở xuống.

Nhờ Krasnogubenky ngồi xuống, Nerzhin nhìn thấy người tù đang bị khám sau chàng. Người này là một anh thợ điêu khắc. Chàng thấy rõ anh này đang bối rối và chàng biết vì sao anh bối rối. Nguyên lại là sống trong tù, anh thợ điêu khắc bỗng phát giác được rằng anh có khiếu viết truyện ngắn - và anh cặm cụi viết những truyện ngắn kể lại kinh nghiệm tù binh của anh thời chiến tranh trong những trại tù binh của Đức Quốc Xã, về những cuộc gặp gỡ trong phòng giam, về tòa án. Nhờ vợ anh, anh từng chuyển được vài truyện ngắn của anh ra ngoài, nhưng những truyện ngắn như thế làm sao có thể đăng được? Ngay cả ở bên ngoài, chị vợ anh cũng phải khổ sở giấu giếm những gì chồng chị gửi ra và chỉ dám cho những bà con thân nhất đọc. Nhưng một ông có học, dường như ông chủ của vợ anh, đã được đọc những truyện ngắn ấy và nói với vợ anh rằng anh viết truyện ngắn còn hay hơn cả Chekhov. Lời khen này làm cho anh càng hứng chí sáng tác. [1]

Ở trong tù, tất nhiên là nhà văn tập sự này phải giấu kín những gì anh viết. Việc mang được một tờ giấy có chữ viết ra khỏi tù là một việc khó khăn không thể tưởng tượng được. Hôm nay anh thợ khắc mang theo một đoạn thiên mà anh cho là tuyệt tác của anh, nhưng khi thấy có mặt Krasnogubenky trong phòng khám, anh sợ bị gã xét thấy và anh đã bỏ tờ giấy có những chữ viết nhỏ li ti vào miệng nuốt đi. Giờ đây, khi anh thấy Krasnogubenky không khám anh, anh hồi hận đến đờ đẫn cả người - nếu anh gan hơn một chút, nếu anh đừng vội nuốt đi, biết đâu anh chẳng mang lọt đoạn thiên ấy ra ngoài?

“Cởi giày ra”.

Krasnogubenky nói và Nerzhin đặt chân lên chiếc ghế đầu để cởi dây giày, rồi chàng vung chân đá chiếc giày không cần biết là nó bay đi đâu, Krasnogubenky lượm chiếc giày lên nhìn kỹ bên trong và uốn cong xem có vật gì giấu trong đế giày đó không. Với vẻ mặt thản nhiên như chàng từng làm việc này mỗi ngày, Nerzhin đã đá nốt chiếc giày kia ra khỏi chân. Cả hai chiếc vớ của Nerzhin đều rách và có những lỗ thủng lớn. Những lỗ thủng này cho gã giám thị cái quyền nghĩ rằng chàng không thể giấu vật gì ở trong vớ nên gã không cần bắt chàng tháo cả vớ.

Klimentiev chớp mắt liên mấy cái khi Nerzhin đá đôi giày văng ra khỏi chân. Y coi đó là một hành động sỉ nhục giám thị. Và một lần nữa Klimentiev cảm thấy hồi hận vì để cho tên tù hỗn láo Nerzhin được đi gặp vợ hôm nay. Y nghĩ đến chuyện tìm cách bắt lỗi tên tù này để hủy cuộc đi thăm của hắn, y thấy rõ tên tù này không những là không cảm thấy xấu hổ, nhục nhã vì tình cảnh tù đầy khốn nạn của hắn, trái lại, hắn còn có vẻ hợm hĩnh khinh thường những người có nhiệm vụ canh giữ hắn.

“Nghe đây...”

Klimentiev đột ngột nói lớn và bảy người tù cùng bảy viên giám thị đều quay về cả phía y: “Các người đã biết luật lệ. Các người không được nhận bất cứ một vật gì do thân nhân các người đưa, hoặc vật gì các người muốn đưa cho thân nhân, đều phải đưa cho tôi, qua tay tôi. Trong khi nói chuyện, các người không được nói đến công tác, điều kiện công tác, điều kiện sinh hoạt, ăn uống, không được nói đến tên Viện này hoặc bất cứ một điều gì dính dáng đến

Viện. Các người không được nói tên bất cứ ai. Các người chỉ nên nói rằng mọi việc đều tốt và các người không cần gì hết, không thiếu gì hết”.

“Nếu cấm hết thì chúng tôi còn có chuyện gì để nói với nhau?” - Một người nào đó đứng cuối hàng kêu lên - “Nói chuyện chính trị ư?”

Klimentiev không thèm trả lời câu hỏi này. Y thấy đó là một câu hỏi ngu ngốc.

“Hãy nói đến tội lỗi của bạn” - Một tù nhân nào đó rầu rĩ lên tiếng - “hãy nói đến chuyện bạn hối lỗi”.

Klimentiev can thiệp ngay:

“Không được nói đến án tù của các người. Phải giữ bí mật về án tù, hạn tù. Hãy hỏi về chuyện gia đình, cha mẹ, con cái. Còn điều này nữa. Đây là luật mới: từ nay trở đi các người không được nắm tay vợ, không được hôn vợ. Cấm nắm tay, cấm hôn”.

Nerzhin từ đầu vẫn thản nhiên trước cuộc khám xét và việc nhắc lại những luật lệ ngớ ngẩn - chàng biết cách qua mặt bọn giám thị ngồi canh chàng - cảm thấy máu chàng chạy mạnh khi nghe chuyện cấm hôn, mắt chàng sáng rực lên:

“Mỗi năm chúng tôi chỉ gặp được nhau có một lần...”

Chàng la lên và Klimentiev nghiêng bản mặt hồng hào của y nhìn chàng. Klimentiev có vẻ hân hoan chờ đợi chàng nói tiếp và Nerzhin nghe thấy tiếng nói chưa được phát ra trong cổ họng y:

“Tôi hủy cuộc đi thăm của anh. Anh ở lại...”, chàng nghẹn lời và im lặng.

Nerzhin hiểu rằng cuộc đi thăm của chàng được báo vào phút cuối, có một cái gì không được hợp lệ và Klimentiev dễ dàng hủy bỏ, y đang muốn hủy bỏ.

Là một tù nhân giàu kinh nghiệm, chàng biết nén giận.

Không gặp sự phản đối, Klimentiev thản nhiên nói tiếp:

“Nếu các người hôn nhau, nắm tay, hay vi phạm điều gì khác, cuộc gặp mặt sẽ chấm dứt tức khắc”.

Người thợ điêu khắc lên tiếng:

“Nhưng vợ tôi không biết điều cấm ấy. Vợ tôi hôn tôi thì sao?”

Klimentiev vẫn thản nhiên:

“Vợ anh sẽ được nói cho biết trước khi gặp anh”.

“Chưa từng có luật cấm hôn bao giờ”.

“Bây giờ có”.

Bọn ngu dốt - Klimentiev nhìn những bộ mặt ngơ ngác và nghĩ thầm - Chúng thật ngu. Phản đối với mình thì ích gì? Chúng nó làm như mình đặt ra không bằng. Luật do thượng cấp đặt ra, mình chỉ là người thi hành.

Bọn tù nhao nhao hỏi:

“Được gặp nhau bao lâu?”

“Nếu mẹ tôi đến thay cho vợ tôi, mẹ tôi được vào không?”

“Được gặp trong ba mươi phút. Chỉ có người nào có tên trong giấy mới được vào”.

“Con gái tôi năm tuổi có được theo mẹ nó vào không?”

“Trẻ con mười lăm tuổi được vào theo người lớn”.

“Còn mười sáu tuổi?”

“Không được vào. Còn ai hỏi gì nữa không? Xong rồi. Đi ra”.

Tuyệt diệu. Hôm nay họ không phải ngồi kín trong chiếc xe Maria Đen chở tù đi thăm những lần trước, một chiếc xe buýt nhỏ sơn xanh chở họ ngoài sân.

Ba nhân viên giải tù, cả ba đều lại mặt ở Viện Mavrino, bận thường phục, đội mũ nỉ mềm, tay cầm súng lục trong túi áo, lên xe trước. Họ ngồi cách nhau trong xe. Hai tên trong bọn trông có vẻ như tướng cướp giải nghệ hoặc võ sĩ quyền Anh về già. Họ bận những chiếc áo khoác mới và đẹp.

Sương mù buổi sáng đã tan nhưng còn lạnh.

Bảy người tù lục đục lên xe.

Trung tá an ninh Klimentiev cũng đi nhưng đi bằng xe riêng.

[1] Anton Chekhov: Văn sĩ viết truyện ngắn nổi tiếng nhất của Nga ở cuối thế kỷ XIX.

29 Dấu tiếng

Tới 12 giờ trưa Yakanov vẫn chưa được thanh thoi ngồi trong văn phòng lịch sự của y, y bận rộn trong phòng Số bảy với việc tổ chức sáp nhập hai phòng nghiên cứu lớn nhất trong Viện làm một - Phòng Số bảy và Phòng Âm thính - Sáng nay Oskolupov đã quyết định như thế và nhiều người đồng ý. Chỉ có ba người phản đối là Bobynin, Paryanchikov và Roitman nhưng họ chỉ là thiểu số không đáng kể.

Nhưng trong lúc ấy có bốn người ngồi trong văn phòng Viện trưởng Mavrino. Bốn người ấy là Phụ tá Tổng trưởng Sevastyanov - lão đã báo cáo bằng điện thoại với Tổng trưởng Abakumov về những việc có thể làm ngay ở Viện Mavrino - Trung tướng Bulbanyuk, Trung úy Smolosidov và tù nhân Lev Rubin.

Trung úy Smolosidov là một gã đàn ông vạm vỡ, mặt vuông, vai to và hơi lùn. Những người lạc quan nhất đời, những người tin rằng trong bất cứ người nào cũng phải có ít nhất là một vài điểm tốt, khó có thể tìm được một điểm nào gọi là tốt trên khuôn mặt khó đăm đăm không bao giờ vui của Smolosidov, trên vành môi dày của hắn. Địa vị của Smolosidov ở trong Viện là một địa vị thấp kém, hắn được xếp hạng không cao hơn một người thợ ráp máy radio bao nhiêu và lương bổng của hắn chỉ bằng lương của người nữ lao công thấp nhất. Y thường kiếm thêm được mỗi tháng chừng một ngàn ruble bằng cách lấy cắp những bộ phận radio trong Viện đem ra ngoài bán chợ đen và nhiều người biết rằng hắn không chỉ kiếm tiền bằng cách đó mà thôi. Những viên chức tự do làm việc trong Viện đều sợ Smolosidov, kể cả những người thường chơi bóng chuyền với hắn. Bộ mặt không bao giờ để lộ một chút thành thật nào của hắn trông thật đáng kinh sợ. Và sự kiện hắn được cấp trên tin tưởng còn đáng sợ hơn nữa. Nhà hắn ở đâu? Không ai biết. Hắn có gia đình, vợ con không? Cũng không ai biết. Smolosidov không bao giờ đến nhà riêng thăm ai, hắn chỉ giao thiệp với mọi người ở trong Viện. Không ai biết gì về đời tư cũng như dĩ vãng của hắn ngoài những huy chương huân công hắn mang trên ngực và một lời hắn khoe rằng trong suốt trận đại chiến vừa qua, một vị Thống chế nổi tiếng không nói qua một câu gì mà tai hắn lại không được nghe, khi người ta hỏi tại sao lại như thế, hắn nói thêm hắn là chuyên viên truyền tin riêng của ông Thống chế.

Khi vấn đề được đặt ra là viên chức nào trong Viện Mavrino đủ tư cách phụ trách giữ những cuốn băng ghi âm tối mật do Bộ An ninh gửi đến, không do dự, Trung tướng Bulbanyuk, người mang những cuốn băng ghi âm đến, nói ngay: Smolosidov.

Và giờ đây Smolosidov ngồi như một con chó lớn, dữ dội giữ cái máy ghi âm và những cuộn băng đặt trên một chiếc bàn nhỏ trong lúc Trung tướng Bulbanyuk, cái đầu tròn và nhăn như một củ khoai tây khổng lồ và nghiêm trọng nói với Rubin:

“Hiện nay anh là một tù nhân, Rubin. Nhưng trước đây anh từng là một người Cộng sản, rồi có thể có ngày anh sẽ trở lại là một người Cộng sản”.

Rubin muốn nói: “Tôi hiện đang là người Cộng sản...”, nhưng nếu nói thế, anh sẽ phải giải thích nhiều với Bulbanyuk và anh thấy việc giải thích, phân trần lúc này là hèn hạ.

“Vì vậy chúng tôi tin ở anh” - Bulbanyuk nói tiếp - “Rubin, anh sắp được nghe một bí mật quốc gia qua cái máy ghi âm này. Chúng tôi hy vọng anh sẽ giúp chúng tôi sớm bắt được tên khốn nạn này, tên đồng lõa của bọn phản quốc. Chúng muốn tiết lộ những phát minh khoa học quan

trong của tổ quốc ta với bọn ngoại nhân. Tất nhiên anh hiểu việc tiết lộ...”

“Tôi hiểu...”

Rubin ngắt lời, anh chỉ sợ anh không được nghe những cuộn băng này. Không phải vì anh tò mò nhưng anh muốn biết anh có thể làm được gì, công trình nghiên cứu của anh trong những tháng qua có thực sự giá trị như anh nghĩ hay không.

Smolosidov nhấn nút cho máy chạy.

Rubin chăm chú nhìn vào cuộn băng xoay trên máy như anh đang nhìn mặt kẻ tử thù của anh. Khi Rubin chăm chú và bất động như thế, làn da mặt anh căng ra và nét mặt anh trở thành tàn ác. Không ai có thể xin tình thương ở một người có bộ mặt như thế.

Trong sự im lặng của căn phòng, họ nghe cuộc đối thoại giữa một gã đàn ông vội vã, khích động với một thiếu phụ thản nhiên, nhẵn nhụi.

Những câu nói qua đi và nét mặt Rubin dần mất vẻ tàn ác, rồi mặt anh trở thành suy tư, bối rối. Trời đất, anh không chờ đợi nghe những lời nói này, anh tưởng anh sắp được nghe những lời ghê gớm...

Cuộn băng ngừng quay.

Rubin biết người ta chờ đợi anh nói ra một lời gì đó, nhưng anh chưa biết anh nên nói gì. Anh cần thì giờ để suy nghĩ và anh cần thì giờ để đốt lại điều thuốc lá vừa để tắt nửa chùng và nói: “Cho nghe lại”.

Smolosidov nhấn nút cho cuộn băng quay trở lại.

Rubin nhìn bàn tay có những ngón tay đen đui của Smolosidov với hy vọng ánh lên trong mắt Smolosidov có thể làm lần nhấn nút xóa tiếng nói trên băng và làm cho cuộn băng này sạch trơn tiếng nói. Nếu cuộn băng này mất tiếng, Rubin sẽ không còn phải suy nghĩ lựa chọn gì nữa.

Nhưng Smolosidov không làm lần. Hắn sử dụng máy rất đúng cách.

Một lần nữa họ lại nghe tiếng nói của người trẻ tuổi, tiếng nói hồi hộp, cấp bách, gần như tuyệt vọng xen lẫn những tiếng ong óng, khó chịu của người đàn bà. Rubin phải cố gắng nhiều mới tưởng tượng ra được người thanh niên có tội đang bị tìm bắt nhưng anh thấy hiện ra dễ dàng bộ mặt người thiếu phụ. Đó là một người đàn bà có mái tóc dày nhuộm màu hung hung, mái tóc có thể là tóc giả.

Anh úp mặt vào lòng hai bàn tay. Chỉ có những kẻ điên, những kẻ tâm trí cuồng loạn mới có thể coi những phát minh về y học, nói rõ hơn là những phương thuốc chữa bệnh, là những bí mật quốc gia cần giữ kín và việc phổ biến những phương thuốc này là một trọng tội cần bị trừng trị. Y học không đòi hỏi quốc tịch ở bệnh nhân. Người thanh niên gọi điện thoại đến nơi bị gài bẫy này dường như không biết rõ y sẽ gặp những nguy hiểm gì - Rubin bỗng thấy có cảm tình với người thanh niên xa lạ này.

Nhưng Lãnh tụ quyết định rằng - quyết định có thể độc đoán nhưng dù sao, đó vẫn là một quyết định phải được tôn trọng - mọi phát minh khoa học đều phải được coi là những điều kiện làm vững mạnh quốc gia, mọi người nghĩ khác như thế đều là bọn phản tiến bộ, bọn chặn đường tiến bộ, bọn có hại cho quốc gia và cần phải loại trừ.

Rubin cố nghĩ đến chuyện phản quốc. Người thanh niên này nhắc nhiều lần đến những tiếng “người ngoại quốc”, như vậy có nghĩa là có “ngoại nhân” dính líu trong vụ này. Ngay cả tiếng “thuốc” cũng có thể là một ám hiệu. Đó có thể không phải là thứ “thuốc” mà là một thứ gì khác. Trong lịch sử, những vụ tương tự thường xảy ra. Những thủy thủ Baltic đã nổi dậy bằng cách nào? Bằng điện tín: “Gửi Bộ Tán luật Hàng hải đến...”. Câu này có nghĩa: “Cho tàu chiến vào bến và nổ súng”.

Cuộn băng lại ngừng. Rubin nhấc tay ra khỏi mặt và nhìn bộ mặt hung hăng của Smolosidov, rồi nhìn sang bộ mặt dần dần, quan trọng hóa của Rulbanyuk. Hai kẻ này làm anh ghê tởm, anh không muốn nhìn chúng, muốn ngồi gần chúng chút nào, nhưng chúng là đại diện của sức mạnh độc đoán đang ngự trị cõi đời này, anh không biết đến chúng không được.

Chính là những tên đồ tể như hai tên này ở trong Chính trị Cục đã đẩy Rubin đi tù vì chúng không thể chịu đựng được tài năng của anh, sự lương thiện tâm hồn của anh. Chính là những tên đồ tể như hai tên này ở Tòa án Quân sự từ bốn năm trời nay đều tay xé và liệng vào thùng đựng giấy vụn những tờ đơn tường trình, khiếu oan của Rubin.

Hai tên khốn nạn này chỉ đáng được người ta tặng cho chúng một trái tạc đạn, để cho thân xác

chúng tan nát, vậy mà người ta vẫn cứ bắt buộc phải phục vụ chúng, như phục vụ Tổ quốc, phục vụ quốc kỳ...

Rubin dụi mắt thuốc lá lên đĩa gạt tàn và nhìn thẳng vào mặt Sevastyanov. Trong gian phòng này, với Rubin, Sevastyanov là người tương đối đáng hoàng nhất, có tư cách nhất:

“Được rồi. Tôi sẽ cố gắng”. - Anh nín thở rồi thở ra một hơi dài - “Nhưng nếu các ông không nghĩ cho ai, tôi không thể tìm ra được đâu. Làm sao có thể thấu được tiếng nói của tất cả mọi người đàn ông ở Mạc Tư Khoa? Tôi phải so sánh tiếng nói trong băng này với tiếng nói của những ai chứ?”

Bulbanyuk giơ tay trấn an:

“Chúng tôi đã bắt được bốn người tình nghi ở gần phòng điện thoại công cộng mà tên phản quốc đã dùng. Nhưng chắc không phải là họ. Chúng tôi có năm tên tình nghi ở Bộ Ngoại giao. Chắc chắn là một trong năm tên này là tên phạm tội. Tôi ghi tên chúng lại đây nhưng không ghi chức vụ của chúng để cho anh khỏi bị ảnh hưởng”.

Y đưa cho Rubin một tờ giấy nhỏ trên ghi năm tên người:

1. Petrov.
2. Syagovity.
3. Volodin.
4. Schhevronok.
5. Zavarin.

Rubin đọc và gấp tờ giấy lại định bỏ vào túi.

“Không được” - Sevastyanov nói vội - “Smolosidov giữ giấy này”.

Rubin đưa trả tờ giấy. Sự đề phòng này không làm cho anh bất mãn, trái lại, nó chỉ làm cho anh vui vui. Bọn đồ tể ngu si này không biết rằng chỉ cần đọc qua một lần như thế là những cái tên người đó đã ghi sâu vào ký ức anh: Petrov, Syagovity, Volodin, Schhevronok, Zavarin. Không những anh chỉ nhớ kỹ những cái tên đó mà thôi, khả năng đặc biệt về ngôn ngữ của anh còn tự động ghi nhận cả những ngữ-nguyên của những danh từ ấy: “syagovity” có nghĩa là “người nhảy xa” và “schhevronok” là tên một con chim.

“Tôi yêu cầu các ông cung cấp cho tôi” - Rubin nói - “tiếng nói trong điện thoại được thu vào băng của cả năm người này”.

“Sáng mai chúng tôi sẽ mang đến đây cho anh”.

Rubin suy nghĩ vài giây rồi nói:

“Tôi cần biết cả số tuổi của từng người. Tôi cần cuộn băng này suốt ngày kể từ bây giờ”.

“Trung úy Smolosidov sẽ giữ băng và máy. Hai người sẽ có một phòng làm việc riêng ở khu Tối mật”.

Kinh nghiệm cho Rubin biết rằng anh không nên hỏi hai tiếng “bao giờ”, bởi vì nếu anh hỏi chúng hai tiếng ấy, chúng sẽ hỏi lại anh hai tiếng ấy ngay lập tức. Chẳng hạn như nếu bây giờ anh hỏi chúng: “Bao giờ các anh cần kết quả?” chắc chắn chúng sẽ nói: “Sáng mai” hoặc chúng hỏi lại anh: “Theo anh, bao giờ có kết quả?”. Vì vậy, anh chỉ hỏi:

“Tôi sẽ nói về công việc này với ai?”

Sevastyanov nhìn Bulbanyuk rồi đáp:

“Anh chỉ được nói với Thiếu tá Roitman. Với Oskolupov. Và ông Tổng trưởng”.

Bulbanyuk nghiêm trọng hỏi:

“Anh có cần tôi phải nhắc lại những lời khuyên cáo?”

Rubin đứng lên mặc dù anh chưa được phép đứng, anh nheo mắt nhìn ông Tướng ngồi đó như y là một vật gì rất nhỏ, khó nhìn thấy và anh nói trống không:

“Tôi cần có chỗ yên tĩnh để suy nghĩ”.

Không ai phản đối anh hết và Rubin đi ra khỏi phòng, vừa đi vừa suy nghĩ. Anh cần tìm cách đưa Nerzhin vào làm việc chung với anh trong công tác này, anh cần ý kiến của Nerzhin. Tìm ra đúng tiếng người nói nhờ hai cuộn băng ghi âm không phải là việc dễ. Một khoa học mới bắt đầu thành hình. Từ trước tới giờ, người ta chỉ tìm ra tội phạm nhờ *dấu tay*. Và người ta đã phải mất nhiều thế kỷ tìm tòi mới hoàn thiện được khoa *dấu chỉ tay*. Giờ đây loài người sắp có khoa tìm người qua tiếng nói, gọi là *dấu tiếng*.

30 Đi đày? Dễ lắm!

Không biết được một phần mười thành phố Mạc Tư Khoa, Nadya đã biết được bản địa dư về những nhà tù nằm trong thủ đô này. Những nhà tù được rải rác đều đặn ở khắp thủ đô và có những khoảng cách đều bằng nhau từ nhà tù nọ sang nhà tù kia. Trong những chuyến đi gửi đồ cho chồng nàng là Gleb Nerzhin, đi xin gặp chồng và đi thăm chồng, Nadya dần dần biết rõ về tình trạng nhà tù ở Mạc Tư Khoa hơn cả những chuyên viên quản trị khám đường của chính phủ. Nàng phát giác ra rằng ở tất cả những nhà trạm xe hỏa đều có đặt một nhà tù gọi là “nhà tù thẩm vấn” - người bị bắt chỉ bị tạm giữ để cho tới những nhà tù chính thức - những “nhà tù thẩm vấn” này có tên riêng là KPZ. Hơn một lần Nadya đã đến những nhà tù Butyrskaya và Taganka. Nàng biết những chiếc xe buýt công cộng nào, mặc dù đường xe chạy và những trạm ngừng không được công bố, đi tới Lefortovo và tới vùng Krasnaya Presnya. Nàng hiện sống ở gần nhà tù tên cũ là Bến Thủy Thủ, nhà tù này bị đổ hồi năm 1917 và mới được sửa lại, củng cố chắc chắn hơn.

Kể từ ngày Gleb từ một trại tập trung nào đó được đưa trở về Mạc Tư Khoa và hiện chàng làm việc trong Viện Khoa học nào đó, nơi chàng được ăn uống tương đối đầy đủ và được phụ trách những công việc khoa học, Nadya lại thỉnh thoảng có dịp được gặp mặt chồng. Nhưng nàng, cũng như tất cả những người vợ tù khác, không bao giờ được đến tận nhà tù chồng nàng đang sống để thăm chồng. Những tù nhân được mang đi những nhà tù khác khắp thủ đô để gặp thân nhân họ.

Những cuộc thăm viếng dễ chịu nhất thường xảy ra trong khung cảnh nhà tù Taganka. Nhà tù này không phải là nơi giữ tù chính trị nên kỷ luật có phần lỏng lẻo. Những cặp vợ chồng được gặp nhau trong hội quán của những viên giám thị, nơi những tù nhân biết chơi nhạc - tất cả đều phạm tội ăn trộm, ăn cắp - được quyền ngồi đàn hát. Những tù nhân được đưa tới trên một chiếc xe buýt mở mui chạy trên con đường Kamenschikov vắng vẻ. Vợ họ đứng chờ họ bên vệ đường và trước cả khi những sĩ quan phụ trách cho lệnh gặp gỡ, những tù nhân đã ôm vợ, hôn vợ, đứng nắm tay vợ, nói với nhau những chuyện cấm nói và có thể truyền tay cho nhau những vật muốn đưa cho nhau. Cuộc gặp gỡ sau đó diễn ra trong dễ dãi và tự do. Từng cặp vợ chồng được ngồi sát bên nhau trên những chiếc ghế gỗ dài và chỉ có một viên giám thị ngồi canh chừng một nhóm bốn tù nhân.

Butyrskaya cũng là một nhà tù có kỷ luật lỏng lẻo và đời sống của tù nhân tương đối sung sướng, vẫn làm cho những người vợ tù lạnh da thịt vì cảnh tượng lạnh lẽo, u ám của nó. Những tù nhân từ những nhà tù khác được tới Butyrskaya đều lập tức hào hứng vì những điều kiện “tự do” của những tù nhân ở đây: tù nhân có thể đi lại thoải mái trong những hành lang mà hai tay không phải luôn luôn chấp lại sau lưng, tù nhân có thể nói chuyện không cần thì thầm trong nhà ngủ và nhìn qua những ô vuông đục trên cánh cửa ra hành lang nếu họ muốn, họ được nằm dài trên những tấm ván giữa ban ngày hoặc chui xuống ngủ dưới gầm giường. Tù nhân ở nhà tù Butyrskaya còn được sung sướng về nhiều điểm nữa, chẳng hạn như ban đêm khi ngủ, họ được đút tay vào túi cho khỏi lạnh trong khi ở nhà tù Mavrino, tù nhân khi ngủ phải để hai tay ra khỏi mền, tù nhân không bị tước mất kiếng đeo mắt ban đêm, dù là kiếng cận, tù nhân được quyền có diêm quẹt ở trong mình và những ổ bánh mì chỉ được cắt ra làm bốn chứ không cắt

ra thành những mảnh nhỏ. Vợ tù không biết gì đến điều kiện hơn đời ấy, họ chỉ nhìn thấy một bức tường pháo đài cổ cao tới ba mươi thước dài trọn cả một góc phố. Họ nhìn thấy những cánh cổng sắt vĩ đại nằm giữa những cột đá khổng lồ và thấy nhiều cánh cửa sắt nhỏ khác được kéo ra bằng máy để cho những chiếc xe Maria đen chạy ra, chạy vô. Và khi những người đàn bà này được vào nhà tù thăm chồng, họ được dẫn đi qua những hành lang lạnh có những bức tường gạch dày cả thước. Và cảnh làm cho họ xúc động nhất là cảnh chồng họ như từ những bức tường dày đột nhiên hiện ra với họ trong nửa tiếng đồng hồ, người chồng nở nụ cười ma quái trên môi xám và nói với vợ rằng y không cần gì cả, không thiếu thốn gì cả, y sống đầy đủ và sau đó y biến vào những bức tường dày.

Hôm nay là lần thứ nhất Nadya được gặp chồng nàng ở nhà tù Lefortovo.

Người gác đánh một dấu trên bản danh sách và chỉ cho nàng đi tới dãy nhà một tầng dài gần công.

Trong một căn nhà trọ trụi chỉ có một chiếc bàn gỗ dài và hai chiếc ghế gỗ dài kê hai bên bàn đã có nhiều người đàn bà ngồi đợi. Trên mặt bàn để những giỏ mây, những túi vải đi chợ bên trong đáng chừng đựng đầy món ăn. Mặc dù biết rằng hiện nay chồng nàng ăn uống tương đối đầy đủ, túi giấy đựng thức ăn quá nhỏ của Nadya cũng làm cho nàng buồn tủi, nàng hối hận vì ý nghĩ chỉ một năm nàng mới được gặp chồng có một lần vậy mà nàng cũng không đem đến cho chồng được một món gì đặc biệt. Trong túi giấy của nàng chỉ có mỗi một cái bánh ngọt do chính tay nàng làm sáng sớm nay, trong lúc những cô bạn sinh viên ở trọ chung với nàng vẫn còn ngủ. Nàng không mua được kẹo bánh ở hiệu và nàng còn quá ít tiền. Cuộc viếng thăm này trùng với ngày sinh nhật của chồng nàng và nàng không mua được một tặng phẩm nào đem đến cho chồng. Nàng muốn đem đến cho chồng nàng một quyển sách nhưng sau những rắc rối gây ra vì quyển thơ Yesenin nàng đem đến cho chồng ở lần thăm trước, nàng không còn nghĩ đến chuyện mang sách đến cho chồng nữa.

Lần thăm trước đây nàng đem đến cho chồng quyển thơ Yesenin. Quyển thơ này giống hệt quyển thơ Yesenin mà chồng nàng đem theo khi chàng ra mặt trận và đã bị mất khi chàng bị bắt. Trên trang đầu quyển thơ này, Nadya viết hàng chữ: "Cũng như quyển thơ này, những gì anh mất sẽ trở lại với anh".

Nhưng Trung tá Klimentiev đã xé tờ giấy ghi hàng chữ này ra khỏi quyển thơ ở trước mặt nàng và đưa tờ giấy đó trở lại cho nàng, y nói không một tờ giấy viết chữ nào được đưa cho tù nhân - muốn viết gì cho tù nhân, nàng phải viết thành thư hợp lệ và đưa nộp kiểm duyệt.

Khi biết chuyện này, Gleb tức giận bảo nàng:

"Đừng bao giờ em mang sách cho anh nữa".

Bốn người đàn bà ngồi quanh bàn. Trong số có một thiếu phụ trẻ ôm đứa con lên ba trong lòng. Nadya không quen một ai cả. Nàng chào họ, họ chào trả nàng và họ lại tiếp tục nói chuyện.

Ở góc phòng xa kia có một người đàn bà trạc ba mươi năm đến bốn mươi tuổi, bận cái áo lông thú thật cũ, ngồi trên chiếc ghế đẩu cách xa hẳn mọi người. Bà này ngồi hai tay khoanh trước ngực, mắt nhìn ngây xuống sàn nhà. Tất cả con người của bà biểu lộ ý muốn được thiên hạ để yên cho ngồi một mình, được thiên hạ đừng ai hỏi chuyện. Không thấy có một giỏ mây hay một túi vải nào bên cạnh bà này.

Đám đàn bà ngồi quanh chiếc bàn dài sẵn sàng tiếp nhận Nadya vào cuộc nói chuyện nhưng Nadya không muốn nói gì với họ hết. Nàng cũng muốn ngồi một mình để tận hưởng sự sung sướng sắp được gặp chồng trong buổi sáng này, nàng đi đến gần người đàn bà ngồi ở góc phòng:

"Tôi ngồi đây có được không ạ?"

Nàng chỉ xuống chiếc ghế cạnh đó và hỏi. Người đàn bà nhìn lên, đôi mắt hoàn toàn không màu. Bà ta có vẻ như không hiểu câu nói lịch sự của Nadya. Bà ta nhìn như xuyên qua người nàng.

Nadya ngồi xuống ghế, nàng kéo vạt áo caracul nhân tạo che kín ngực rồi cũng ngồi yên lặng. Lúc này nàng không muốn nghe chuyện gì ngoài chuyện nói về chồng nàng, nàng không muốn nghĩ đến bất cứ chuyện gì ngoài nghĩ về chồng nàng. Và về những chuyện lát nữa đây vợ chồng nàng sẽ nói với nhau. Những chuyện đã chìm trong quá khứ và mờ mịt trong tương lai. Những chuyện không những chỉ liên can đến một mình chàng hay một mình nàng mà là liên can đến

cả hai người. Những chuyện mà người ta thường gọi là “tình yêu”. Nhưng nàng không thể không nghe câu chuyện đang được nói ở quanh chiếc bàn kia. Những người đàn bà ngồi đó đang bàn tán tới chuyện chồng họ được ăn những món gì mỗi ngày, mấy ngày chồng họ được tắm, được giặt quần áo một lần. Họ có vẻ biết rành những chuyện ấy. Tại sao họ lại biết được nhỉ? Trong những lần gặp chồng họ, họ hỏi về những chuyện ấy ư? Họ đang kê khai số lượng và giá tiền những thực phẩm họ mang đến cho chồng họ hôm nay. Với sự kiên nhẫn tỉ mỉ của họ, những người đàn bà đó làm cho những gia đình trở thành gia đình và giữ cho loài người khỏi bị tàn diệt. Họ không có lỗi gì cả khi sáng nay Nadya nghĩ khác. Nàng bất mãn vì thái độ chấp nhận quá đơn giản của họ. Nàng nghĩ: Họ thật ngu, thật đáng thương. Họ biến những giây phút quý báu, thiêng liêng thành một cái gì thật tầm thường. Họ không bao giờ nghĩ đến chuyện tại sao người ta lại bỏ tù chồng họ, ai đã dám bỏ tù chồng họ? Nếu chồng họ không phải tù, họ sẽ không phải khổ sở vì việc lo sao có những thức ăn này. Họ sẽ còn phải chờ lâu. Cuộc thăm định trước vào lúc 10 giờ sáng nhưng bây giờ đã 11 giờ rồi vẫn chưa thấy gì cả.

Người đàn bà thứ bảy, một bà tóc đã xám bạc, đến muộn hơn tất cả. Bà này vừa đi vừa thở. Nadya từng gặp bà này trong một lần đi thăm trước đây. Bà này là người vợ thứ nhất của anh thợ điêu khắc và bà sẵn sàng kể chuyện về đời tư mình cho bất cứ ai muốn nghe. Bà vẫn tôn thờ ông chồng, vẫn coi chồng như một thiên tài nhưng ông chồng bà đã bỏ bà để đi sống với một ả tóc hung vàng mặc dù họ đã có ba con với nhau. Sau ba năm chung sống chung với ả tóc hung ông chồng nhập ngũ đi ra mặt trận chiến đấu. Vừa ra tới mặt trận y đã bị bắt làm tù binh và đưa sang Đức ngay. Ở bên Đức, tuy là tù binh, y sống tự do và dường như là y còn đủ thì giờ để lấy một cô vợ Đức. Từ Đức trở về, y bị bắt ở biên giới và kết án mười năm tù. Ở trong tù, y nhắc cho ả tóc hung biết là y bị tù và yêu cầu ả tiếp tế, nhưng ả nói: “Chẳng thà anh phản bội tôi thì tôi còn có thể tha thứ cho anh, nhưng anh phạm tội tổ quốc thì không thể tha cho anh được...”. Sau đó anh thợ điêu khắc xin người vợ trước tha thứ, y được tha thứ và được vợ đến thăm, gửi đồ nuôi đều đều - giờ đây y nói và y chỉ yêu vợ và sẽ yêu vợ mãi mãi.

Nadya nhớ đến những lời cay đắng của người đàn bà tóc xám từng bị chồng bỏ này là khi có chồng ở tù, việc làm tốt nhất cho người đàn bà là “ngủ với trai”, để “khi nào hẵn được ra hẵn sẽ trọng mình. Nếu không như thế hẵn sẽ nghĩ là đàn ông không ai thèm muốn mình, hẵn sẽ cho mình là quá tệ...”.

Và giờ đây, người đàn bà tóc xám mới đến đã làm thay đổi đề tài cuộc nói chuyện ở quanh chiếc bàn dài. Bà ta đang kể về những rắc rối của bà với bọn luật sư ở cái sở gọi là Trung tâm Cố vấn Pháp luật ở phố Nikolsky. Trung tâm này được gọi là một “kiểu mẫu”. Bọn luật sư ở đây lấy cả ngàn đồng ruble của thân chủ và chăm chỉ lui tới những hàng ăn sang nhất Mạc Tư Khoa trong khi tình trạng được thân chủ nhờ giải quyết thì vẫn được chúng để nằm nguyên chỗ cũ, nghĩa là không biết ở chỗ nào hết. Thế rồi sau một thời gian hành nghề cố vấn như thế, bọn luật sư này đi quá trớn và cả lũ dắt díu nhau đi tù với những án tù 10 năm. Thế rồi những luật sư khác tới, mở những văn phòng cố vấn pháp luật khác và lại lấy những khoản tiền lớn của thân chủ. Những luật sư này giải thích bằng một giọng bí mật rằng họ cần lấy nhiều tiền vì không phải là họ được ăn một mình, họ còn phải chia với nhiều người nữa. Họ chia với ai và họ có chia hay không, điều đó những thân chủ của họ không sao có thể biết. Những người đàn bà khổ sở có chồng tù tội chỉ biết đóng tiền và chạy đi lại giữa những tấm lưới luật pháp trùng trùng điệp điệp, họ bất lực trước những tấm lưới này cũng như họ bất lực trước bức tường cao vút của nhà tù Butyrskaya - họ không thể có cánh để bay qua bức tường đó - và họ bắt buộc phải cúi đầu trước tất cả những khung cửa mở cho họ đi qua. Họ nộp tiền cứu chồng không phải là để chờ đợi phép lạ xảy ra - chồng họ được thả - mà là để được mơ rằng phép lạ sẽ xảy ra.

Người đàn bà tóc xám, người vợ của người thợ điêu khắc, có vẻ tin chắc thể nào mình cũng thành công trong việc minh oan được cho chồng. Theo những lời bà ta nói, người nghe chuyện được biết rằng bà ta đã gom góp được số bạc bốn mươi ngàn ruble nhờ tiền bán nhà và tiền vay mượn của bà con, và bà ta đã nộp hết số tiền ấy cho các luật sư. Đã có bốn luật sư giúp bà thực hiện việc minh oan. Đã có ba đơn xin ân xá và bốn đơn yêu cầu xử lại được các luật sư đệ nạp đúng chỗ. Bà ta đã nhận được lời hứa hẹn sẽ cứu xét ở nhiều nơi quan trọng, bà ta biết tên tất cả những ông Biện lý đang tại chức ở ba Công tố viện chính và từng thở hít không khí ở

những phòng đợi ở Tòa án Tối cao và Xô Viết Tối cao. Như nhiều người cả tin và cần được niềm tin để sống, bà ta quan trọng hóa giá trị của những lời nhận xét có thiện cảm và những ánh mắt nhìn không ác cảm.

“Mình phải làm đơn, phải gửi đơn khiếu nại cho tất cả mọi người” - Bà ta nồng nhiệt nói, thúc giục những người đàn bà khác cũng làm như mình - “Chồng chúng ta đang khổ. Tự do không phải là tự nhiên mà có. Chúng ta phải làm đơn”.

Những chuyện đang được nói làm cho Nadya xao lãng dòng tư tưởng của nàng, những chuyện đó cũng làm cho lương tâm nàng thêm xúc động. Nghe giọng nói nồng nàn, tin tưởng của người đàn bà nọ người ta không thể không nghĩ ra rằng bà ta đã tiến xa hơn tất cả và bà ta nhất định sắp đem được ông chồng ra khỏi tù - và người ta tự hỏi: “Tại sao mình lại không làm được như bà ấy? Tại sao mình lại không chịu hết sức...”

Có một lần Nadya đã giao thiệp với một luật sư ở một văn phòng cố vấn pháp luật vừa được nói đến. Với sự chỉ dẫn và giúp đỡ của luật sư này, nàng làm một đơn khiếu nại và gửi đi, nhưng nàng chỉ có thể trả cho luật sư 2.500 ruble. Số tiền này có vẻ quá ít. Luật sư có vẻ giận, tuy y cũng nhận tiền nhưng sau đó y không làm gì cả.

“Phải... Phải” - Nadya bỗng nói lớn nhưng nàng vẫn bình thản như nàng chỉ nói với chính nàng - ... Mình đã làm hết những gì mình có thể làm được cho chồng mình chưa? Lương tâm mình có trong sạch không?

Những người đàn bà đang tranh nhau nói ở quanh chiếc bàn dài không nghe thấy tiếng nàng nhưng người đàn bà ngồi cô đơn và yên lặng trên chiếc ghế cạnh nàng quay phắt lại nhìn Nadya như nàng vừa chửi bà ta vậy.

“Còn gì nữa để mà làm?” - Người đàn bà đột ngột hỏi bằng một giọng nặng những ác cảm -

“Đây là một cơn ác mộng. Luật số 58 không phải là luật dành cho kẻ phạm tội mà là luật lành cho kẻ thù. Chị không thể mua được chồng chị ra khỏi Luật số 58 dù chị có cả triệu đồng”.

Mặt bà ta đầy những nếp nhăn. Giọng nói của bà ta đầy những âm thanh khổ ải không sao chịu đựng nổi.

Trái tim Nadya mở ra với người đàn bà đã có tuổi này. Bằng giọng nói như để xin lỗi câu nói mơ hồ vừa rồi của nàng. Nadya nói:

“Tôi muốn nói là chúng ta chưa làm hết những gì chúng ta có thể làm. Như trước đây vợ của những nhà cách mạng tháng Chạp đã bỏ tất cả để đi theo chồng không chút do dự, không chút hối tiếc. Nếu chúng ta không thể xin được cho chồng chúng ta tự do, biết đâu chúng ta chẳng xin được cho họ đi đày? Tôi có thể chịu được nếu chồng tôi được đi tới một nơi hẻo lánh nào đó, một nơi hẻo lánh ở bất cứ đâu, ở Bắc cực cũng được, nơi không bao giờ có ánh mặt trời. Tôi sẽ đi theo chồng tôi, tôi sẽ bỏ tất cả...”

Người đàn bà với khuôn mặt rầu rĩ của một nữ tu sĩ và bộ áo cũ đến nỗi từng sợi len đan đã rời nhau, nhìn Nadya bằng đôi mắt vừa ngạc nhiên vừa thán phục.

“Chị vẫn còn đủ sức theo chồng chị đi đày ư? Chị còn may mắn và chị hãy còn sung sướng. Tôi không còn chút sức lực nào cả. Tôi không còn làm nổi được bất cứ việc gì. Tôi nghĩ nếu có ông già nào có tiền chịu lấy tôi làm vợ, tôi sẽ lấy...”

Nadya run lên:

“Bà bỏ được ông ấy sao? Bà bỏ được ông ấy trong... đó?”

Người đàn bà nắm lấy tay áo Nadya:

“Này chị... Người ta dễ yêu ở thế kỷ XIX. Những người vợ của những nhà cách mạng tháng Chạp đó - chị nghĩ họ có tinh thần cao ư? Họ hăng say nhiều hơn chúng ta ư? Họ đâu có cần phải làm việc để khỏi bị chết đói? Họ đâu có bị bọn trưởng phòng nhân viên gọi đến bắt kê khai những bản khai an ninh dài dằng dặc? Họ đâu có phải giấu những tờ hôn thú của họ như giấu một thứ bệnh kín? Giấu để còn giữ được việc làm, để cho số tiền năm trăm ruble cuối cùng trong một tháng của họ khỏi bị tước đoạt nốt, để họ khỏi bị sỉ nhục ngay trong phòng riêng của họ, để khi họ đi ra sân lấy nước họ không bị người ta chửi, người ta nguyên rủa với những câu như “kẻ thù của nhân dân”. Mẹ đẻ của họ, và chị em ruột của họ, có dùng áp lực ép buộc họ phải ly dị với chồng họ không? Không, trái lại nữa là khác. Họ được mọi người kính nể, thán phục. Cuộc đời và hình ảnh họ được những nhà thơ làm thơ, họ trở thành những hình ảnh đẹp trong những huyền thoại. Họ đi sang Tây Bá Lợi Á theo chồng họ trên những cỗ xe tứ mã, họ đi nhưng họ vẫn còn nguyên cái quyền được sống ở Mạc Tư Khoa, họ vẫn còn là sở hữu của mười

mẫu đất, họ đâu có phải lo lắng về những dấu đen trong sổ lao động, hoặc rã rời trước những căn bếp lạnh không có nồi niêu, không dầu mỡ, không một miếng bánh đen. Họ nói: “Đi đây...” thật dễ, mà dễ thật chứ. Đường như chị chưa phải chờ đợi lâu lắm thì phải”.

Giọng nói của người đàn bà bật thành tiếng khóc.

Nước mắt chan hòa trong mắt Nadya khi nàng nghe những lời trình bày ghê gớm của người đàn bà ngồi cạnh nàng.

“Chồng tôi đi tù đã gần được năm năm rồi” - Nadya nói như để tự biện hộ - “Trước đó chồng tôi ở mặt trận”.

“Đừng hy vọng gì ở chuyện đó”.

Người đàn bà hung hãn cướp lời nàng.

“Ở mặt trận không giống như ở tù. Chồng ở mặt trận mình dễ chờ đợi. Lúc đó ai cũng chờ. Lúc đó mình có thể nói chuyện với tất cả mọi người về chồng mình. Đọc thư. Nhưng nếu mình vừa phải chờ vừa phải giấu, vừa phải trốn - làm sao mình sống được?”

Người đàn bà ngừng lại. Bà ta không cần phải nói gì nhiều hơn về tình trạng ấy với Nadya.

Bây giờ đã là 11 giờ 30. Sau cùng, Trung tá Klimentiev bước vào phòng, theo sau là một viên Trung sĩ mập lù, mặt mũi khó khăn. Viên đội này bắt đầu mở những túi đồ, tháo tung những bao bánh, dùng dao cắt những ổ bánh ngọt được làm lấy ở nhà ra làm hai. Y cũng cắt ổ bánh nhỏ xíu của Nadya để tìm xem trong đó có giấu thư, tiền, hay thuốc độc. Trong lúc đó, Klimentiev thu hồi giấy phép thăm tù của mọi người, ghi tên họ vào một quyển sổ lớn rồi đứng thẳng người theo kiểu nhà binh, đồng dục nói:

“Các người chú ý. Tôi chắc các người đã biết luật lệ? Thời hạn thăm là ba mươi phút. Các người không được đưa riêng bất cứ vật gì cho tù nhân, không được hỏi về công việc họ làm, về đời sống của họ. Vi phạm những điều cấm ấy sẽ bị trị tội nặng. Và từ nay trở đi, khi thăm, không được nắm tay, không được hôn. Nếu vi phạm, cuộc đi thăm sẽ bị cắt đứt ngay lập tức...”

Những người đàn bà quen chịu đựng không ai nói gì cả.

Klimentiev đọc tên cặp vợ chồng đầu trên danh sách:

“Gerasimovich... Natalya Pavlovna...”

Người đàn bà ngồi cạnh Nadya đứng dậy, xiết chặt chiếc áo cũ, bà ta đi vào hành lang.



31 Cuộc gặp

Tuy trong lúc ngồi chờ, Nadya khóc ròng, nhưng khi đến lượt nàng được vào gặp chồng, lòng nàng vui như mở hội.

Khi nàng hiện ra giữa khung cửa, Nerzhin đứng lên đón nàng và môi chàng mỉm cười. Nụ cười chỉ ở trên môi chàng khoảnh khắc nhưng Nadya cảm thấy tình yêu và hạnh phúc dào dạt trong tim nàng. Chồng nàng vẫn gần nàng như ngày xưa. Với nàng, chàng không thay đổi.

Người đàn ông thứ hai trong phòng có cái cổ bự như cổ trâu, bận bộ quần áo xám, trông như một tay găng-tơ về già giải nghệ, đi tới đứng ở đầu chiếc bàn nhỏ, nơi hai vợ chồng sẽ ngồi nói chuyện. Cái bàn và sự có mặt của gã này trong căn phòng nhỏ ngăn không cho họ chạm tay vào người nhau.

Nerzhin bực dọc nói:

“Thôi mà... Để cho tôi cầm tay vợ tôi chứ...”

“Trái luật...”

Gã an ninh nói. Gã chỉ hé quai hàm nặng của gã đủ để hai tiếng đó lọt ra ngoài miệng. Nadya nở nụ cười vô hồn và ra hiệu cho chồng dừng cãi cọ. Nàng ngồi xuống chiếc ghế có tay dựa trước bàn. Mặt da bọc nệm ghế đã rách. Nhiều thể hệ thẩm vấn viên đã ngồi trong chiếc ghế này và đã cho nhiều trăm người đi xuống mồ để rồi sau đó không lâu, chúng cũng đi theo những nạn nhân của chúng.

“Chúc mình một ngày sinh nhật thật vui...”

Nadya cố lấy giọng vui và vẽ mặt vui.

“Cảm ơn em”.

“Thật là tình cờ, vợ chồng mình được gặp nhau đúng vào hôm nay”.

“Nhờ tình tú đàn xếp...”

Hai vợ chồng đã bắt đầu quen nói chuyện với nhau.

Nadya cố gắng không để ý gì đến sự cố mặt nặng nề của gã an ninh canh chừng vợ chồng nàng.

Nerzhin cố gắng ngồi nghiêng để khỏi nhìn thấy mặt gã.

Chiếc bàn nhỏ từng đứng trước mặt nhiều thể hệ tù nhân bị thẩm vấn giờ đây chia cách đôi vợ chồng.

“Em có đem tới cho anh cái bánh ngọt. Bánh như má em vẫn làm cho anh ăn ngày xưa. Em rất tiếc - em chẳng có gì khác...”

“Em kỳ quá. Em không cần phải mang đến cho anh cái gì hết. Anh đã có đủ”.

“Nhưng chắc là không có bánh ngọt loại này. Anh bảo em đừng mang sách đến nên em không mang. Anh vẫn đọc tập thơ Yesenin chứ?”

Nét mặt Nerzhin trầm xuống. Trước đây hơn một tháng có một tên chỉ điểm nào đó trong số tù nhân đã báo cáo với Shikin về việc chàng có tập thơ đó và Shikin đã đến tịch thu tập thơ, viện lẽ việc tù nhân đọc thơ là vi phạm luật cấm.

“Có. Anh vẫn đọc”.

Chỉ được gặp nhau trong ba mươi phút, làm sao họ có thể nói với nhau vào chi tiết của từng chuyện?

Mặc dù không khí trong phòng không nóng, trái lại, còn lạnh giá, Nadya cũng mở nút áo cổ ngoài, nàng muốn cho chồng nàng nhìn thấy chiếc áo mới bên trong của nàng. Nàng hy vọng ánh hồng của màu áo sẽ làm hồng khuôn mặt của nàng. Nàng sợ chồng nàng thấy nàng quá gầy.

Với một cái nhìn bao bọc, Nerzhin ghi toàn thể hình ảnh của vợ vào tâm khảm - khuôn mặt nàng, cổ nàng, một chút làn da trắng trên ngực nàng. Dưới cái nhìn ấy, Nadya xúc động cả hồn lẫn xác - đây là sự kiện quan trọng nhất trong cuộc gặp - và toàn thân nàng như dâng lên để ôm ghì lấy chàng.

“Em có cái áo mới. Mở thêm áo ngoài cho anh ngắm”.

“Còn áo ngoài của em?” Mặt nàng thoáng hiện nét thất vọng.

“Áo ngoài của em làm sao?”

“Áo ngoài của em cũng mới”.

“Ồ, áo ngoài của em cũng mới...”

Gleb nhìn kỹ mặt vải caracul. Chàng nhìn nhưng không thể biết đó là vải tơ thiên nhiên hay nhân tạo, chàng là người đàn ông cuối cùng trên trái đất này có thể phân biệt được một chiếc áo giá năm trăm ruble với chiếc áo giá năm ngàn ruble.

Nadya cởi hẳn chiếc áo ngoài vắt lên thành ghế và Gleb nhìn thấy nàng, cần cổ thanh như cổ của một thiếu nữ - từ ngày chàng gặp nàng, lúc nào cổ nàng cũng thanh, cũng đẹp và trẻ như thế - và bờ vai thon chàng từng muốn làm cho vỡ ra khi chàng hôn nàng, và dưới làn vải áo, đôi gò ngực đã mềm đi vì năm tháng.

Ý nghĩ oán trách về việc nàng có áo mới, nàng quen biết nhiều người mới... chỉ thoáng hiện trong óc Gleb, ngay sau đó chàng nghĩ rằng nàng cũng đau khổ nhiều dù nàng không bị tù, đời nàng cũng bị tan nát, và chàng nói, giọng âu yếm:

“Em gầy quá. Em nên ăn nhiều. Em có điều kiện ăn uống khá hơn không?”

Trông em có còn được không? Ánh mắt nàng hỏi.

Em vẫn tuyệt vời như ngày nào. Ánh mắt chồng nàng đáp.

Mặc dù những lời trên đây không bị ông Trung tá An ninh cấm, họ cũng không thể nói với nhau được trước mặt một người khác.

“Em ăn được. Em vẫn ăn uống đều” - Nadya nói dối - “Chỉ vì em bận nhiều, phiền muộn nhiều”.

“Em sống ra sao? Nói cho anh nghe đi...”

“Không. Anh nói trước...”

Gleb mỉm cười:

“Anh có thể nói gì với em? Chẳng có gì hết...”

“Để em nói vậy...”

Nàng bối rối, do dự như người không muốn nói.

Ở đầu bàn, gã an ninh mập lùn đứng gù bờ vai ụ nhìn xuống cặp vợ chồng như con chó săn nhìn xuống hai con mèo.

Bộ mặt gã lạnh như đá.

Họ phải lựa giọng nói đúng để cho nhau có thể hiểu sự thật lẫn trong những câu nói vô vị đó.

Họ phải dùng đến lối nói bóng gió. Ngôn ngữ đặc biệt của những sinh viên đại học giúp họ thực hiện việc này.

“Bộ quần áo này phải của anh không?” Nàng hỏi.

Nerzhin nhăn mặt và lắc đầu.

“Trong ba tiếng đồng hồ. Em đừng để ý đến chuyện vật ấy”.

“Em phải để ý chứ”.

Nàng nói, làn môi dưới hơi trề ra, làm điệu, như cô gái đang làm dáng trước mặt người yêu, nàng sung sướng vì nàng đã có lý do tin chắc chồng nàng vẫn còn yêu nàng, vẫn thêm muốn nàng.

“Bọn anh quen rồi. Bọn anh chỉ thấy khía cạnh khô hài của mọi vấn đề”.

Nadya nhớ lại những lời bà vợ của tù nhân Gerasimovich nói với nàng và nàng thở dài:

“Nhưng bọn đàn bà không thể...”

Nerzhin phải cố gắng tự chế ngự nhiều lắm để khỏi dùng chân mình khỏi chạm vào chân vợ dưới gầm bàn, nhưng thực ra, nếu chàng có muốn chạm cũng không được. Thanh gỗ đóng ngang dưới gầm bàn được đóng với mục đích không cho họ làm việc ấy. Chàng chống hai cùi chỏ trên mặt bàn và nhô người ra giữa bàn để được gần vợ hơn một chút nữa và giọng chàng đầy những âm thanh thất vọng:

“Chướng ngại ở khắp nơi...”

Em còn là của anh không? Của riêng anh? Ánh mắt chàng hỏi.

Em vẫn là người đàn bà anh yêu và yêu anh. Em không thay đổi. Em không xấu hơn. Tin em. Ánh mắt xám, rực sáng của nàng trả lời.

“Về việc học của em? Em đang phải giải quyết những vấn đề gì? Theo anh tính thì em không còn là sinh viên nữa?”

“Dạ”.

“Em trình luận án chưa?”

“Chưa”.

“Sao vậy?”

“Tình trạng như vậy...” - Nàng bắt đầu nói vội, nói nhanh, sợ hãi đến cuống quýt vì sự nhận thức thời gian đã trôi qua quá nhiều - “Từ ba năm nay không còn ai trình luận án nữa. Họ tạm đình tất cả. Tỉ dụ một sinh viên bỏ ra hai năm để viết luận án về đề tài “Những vấn đề của việc phân phối thực phẩm” và khi viết gần xong, người ta bảo bỏ đi, viết về đề tài khác. (Sao mình lại nói về chuyện này? Có gì đáng để mình nói đâu?). Luận án của em đã viết xong từ lâu nhưng người ta không nhận... (Em viết đề tài “Chống lại thói a dua”)... Người ta bảo em sửa lại nhưng em không biết mình phải sửa như thế nào. Nhiều chuyện rắc rối lắm”.

“Nhưng em vẫn còn được hưởng học bổng?”

“Hết rồi”.

“Thế em sống bằng gì?”

“Tiền lương của em”.

“Em đi làm rồi sao? Làm ở đâu?”

“Ở ngay trong Viện Đại học”.

“Em làm gì?”

“Việc em làm không thường trực, không hẳn là việc. Em sống tạm bợ, cả trong ký túc xá em cũng chỉ là sống tạm... Thực ra, em...”

Nadya liếc nhìn người gác. Chuyện mà nàng muốn nói là Nha Công an đã gửi giấy báo cho nàng biết là nàng không còn được phép ở lại Mạc Tư Khoa nữa nhưng cùng một lúc, Bộ Giáo dục lại cho phép nàng được học thêm sáu tháng. Sự lằng lộn này có thể được người ta phát giác và sửa lại cho thống nhất bất cứ ngày giờ nào. Chính vì vậy nàng lại càng không thể nói với chồng chuyện đó ở trước mặt nhân viên an ninh này.

Nàng rầu rĩ nói tiếp:

“Em cũng chỉ được phép gặp anh lần này vì... Chuyện xảy ra như thế này...”

Làm sao nàng có thể kể lể được tất cả trong vòng nửa giờ?

“Đừng. Để chuyện đó nói sau. Anh muốn hỏi em: Có phải những rắc rối đó là vì *anh* không?”

“Em gặp nhiều khó khăn lắm. Họ muốn em làm... việc ấy, nhưng em cố không làm”.

“Việc ấy là việc gì?”

Nadya thở dài khổ sở và một lần nữa, nàng lại liếc nhìn gã nhân viên an ninh. Bộ mặt hung hãn của gã, như sẵn sàng sửa lên những tiếng đe dọa hoặc đốp nàng như một con chó dữ, chỉ ở xa mặt vợ chồng nàng chưa đầy hai thước.

Nàng giơ tay lên trong một dáng điệu bất lực. Nếu nói, nàng phải nói rằng ở trường đại học, nếu muốn xin theo học một khóa mới, nàng phải khai lại lý lịch, những tờ khai lý lịch bây giờ nhiều câu hỏi hơn trước, chẳng hạn nàng phải khai về chồng, về họ hàng của chồng nàng, về họ hàng của những người họ hàng này. Nếu nàng khai “Chồng tôi bị tù vì Điều 58” thì không những là họ chỉ từ chối không cho nàng học mà họ càng không cho nàng sống thêm một ngày trong ký túc xá sinh viên của trường. Nếu nàng khai dối “Chồng tôi là sĩ quan bị mất tích” nàng vẫn phải khai tên chồng, số quân nhân của chồng và họ chỉ cần làm một cuộc sưu tra là nàng sẽ bị đưa ngay ra tòa vì tội khai gian. Nàng còn có thể làm được một việc nữa để giải quyết tình trạng của nàng nhưng trước mắt nhìn chăm chú của chồng, nàng không thể nói ra được.

Và nàng hấp tấp nói sang chuyện khác:

“Em chơi nhạc trong ban nhạc của trường. Em đi trình tấu nhiều nơi. Mới tháng trước ban nhạc của em được trình tấu ở Đại Hí Viện cùng một đêm với Yakov Zak...”

Gleb mỉm cười gật đầu, như chàng không hào hứng lắm trong việc tin đó là sự thật.

“Em gặp một chuyện tức cười lắm trong đêm ấy... Em bận bộ y phục đẹp nhất của em nhưng người ta bảo là bận bộ ấy lên sân khấu không được. Họ mượn ở kho y phục của Hí Viện cho em một bộ áo, đẹp lắm, dài đến mắt cá chân”.

“Trình tấu xong, họ lại bảo em trả?”

“Dạ. Các bạn em thường trách em mất thì giờ vì âm nhạc, em trả lời họ là thà em mất thì giờ vì âm nhạc còn hơn là mất thì giờ vì *người* nào...”

Sự cảm ơn hiện rõ trong ánh mắt của Gleb, rồi chàng hỏi bằng một giọng thắc mắc, chú ý:

“Em nói cho anh biết về “việc ấy”? Việc mà em nói em cố không làm?”

Mắt Nadya nhìn xuống:

“Em muốn nói... Nhưng anh phải hứa là anh đừng coi đó là chuyện quan trọng em mới nói... Có lần trước đây anh bảo em ly dị đi”.

Nàng cố gắng giữ thần nhiên để nói những lời này. Đây là giải pháp cuối cùng có thể giúp cho nàng sống. Trong bản khai lý lịch, nàng vẫn phải khai tên tuổi, chức vụ nghề nghiệp của chồng cũ, địa chỉ cũ và hiện tại, bà con thân quyến và cả ngày sinh, tháng đẻ, địa chỉ của thân quyến. Nàng chỉ có thể khai là “không có chồng” và khai như thế, nàng cũng vẫn có thể bị nguy hiểm nếu bị phát giác.

Đúng như Nadya vừa nói, có lần Gleb đã thúc giục nàng ly dị, ly dị đi để sống, đợi bao giờ chàng ra khỏi tù sẽ tính lại. Nhưng lúc này khi nghe nàng nói đến hai tiếng ấy, Gleb run lên. Và chỉ đến giây phút này chàng mới nhận thấy là chiếc nhẫn cưới nàng vẫn đeo không còn trên ngón tay nàng nữa.

Nhưng chàng vẫn quả quyết nói:

“Phải, phải. Anh có bảo em như thế. Em nên làm thế...”

“Anh sẽ không buồn lắm, anh sẽ không chống lại... nếu em... bắt buộc phải làm như thế?”

Nadya cố gượng ngẩng mặt lên nhìn chồng. Đôi mắt nàng mở lớn. Ánh cầu vồng ngũ sắc trong đôi mắt nàng sáng lên với ý van xin chồng tha thứ và thông cảm. Nàng nói tiếp trong hơi thở,

tiếng nói gần như thì thầm:

“Chúng ta không làm thật...”

“Em yêu... Lẽ ra em phải làm việc ấy lâu rồi mới phải”.

Gleb nói bằng một giọng quả quyết và tin tưởng mặc dù trong lòng chàng không có chút quả quyết hay tin tưởng nào - chàng gác lại sau cuộc gặp gỡ này tất cả những suy tư về hậu quả của những lời chàng nói. Và về những gì đã xảy ra, sẽ xảy ra.

“Em vẫn muốn em không phải làm thế. Em vẫn hy vọng sự việc sẽ không đến nỗi phải như thế...”

Nadya nói như năn nỉ, như van xin, nàng kéo cổ áo che kín ngực và trong lúc đó, nàng có vẻ mệt mỏi, rã rời, già đi, nàng như người sắp phải khóc:

“Em chỉ muốn nói chuyện đó với anh... để anh biết, để anh thuận cho... trong trường hợp em không làm không được. Nhưng em vẫn hy vọng nó sẽ không xảy đến...”

“Dù có cũng đã sao? Không sao hết. Em yêu... Em làm vậy là đúng... Đúng lắm...”

Nerzhin thần thờ nói. Trong lúc đó tâm trí chàng đã chuẩn bị nói với nàng những lời ghê gớm:

“Đó là việc quan trọng. Bởi vì... em yêu, em đừng hy vọng quá ở việc anh sẽ về với em khi anh mãn hạn tù này...”.

Chàng đã chuẩn bị chờ đón hạn tù thứ hai và tiếp đó là án tù chung thân, tù vĩnh viễn không bao giờ được trả lại tự do. Trường hợp đó xảy ra với nhiều người bạn cùng tù với chàng.

Những người ngay cả trong tù đầy vẫn không chịu khuất phục. Chàng không thể viết chuyện đó trong thư gửi ra cho vợ và ngay cả trong buổi gặp mặt này, chàng cũng không thể nói.

Cảm giác kinh hãi hiện trên khuôn mặt Nadya:

“Hạn tù có thể kéo dài...” - Nerzhin nói vội vã, chàng nhấn mạnh những tiếng không cần nhấn mạnh để cho gã an ninh không theo dõi được, không kịp hiểu chàng nói gì nhưng vợ chàng sẽ hiểu khi nàng nhớ lại, nàng hiểu vì nàng chăm chú nghe, vì chuyện đó quan hệ đến đời nàng -

“Thời hạn có thể kéo dài mãi mãi. Lịch sử đầy những trường hợp như thế. Mà dù cho có mãi vì một phép lạ nào đó, đừng tưởng tượng hảo huyền anh và em sẽ có thể trở lại được đời sống như xưa, trở về thành phố... Em phải hiểu và em phải ghi nhớ: họ không cho ta trở về dĩ vãng.

Điều anh ân hận nhất là anh đã không học nghề đóng giày. Một nghề như thế sẽ có ích cho chính mình biết chừng nào khi chính mình sống ở một làng quanh hiu nào đó miền Bắc Tây Bá Lợi Á, ở Krasnoyarsk, hay ở miền hạ lưu Angara. Chúng ta nên chuẩn bị để sống một cuộc đời như thế. Ở đó ai cần đến những công thức toán học Euler?”

Chàng thành công: gã gác-tơ về hưu không làm một cử động, gã chỉ nháy mắt khi những tư tưởng của Nerzhin bay qua mặt gã.

Nhưng Nerzhin đã quên - không, thực ra chàng không quên, chàng chỉ không hiểu, như đa số những người ở tù không hiểu - là những người quen đi trên mặt đất bằng không thể nào vượt qua ngay được những ngọn núi lớn. Chàng không biết rằng cho đến bây giờ vợ chàng vẫn còn đếm, như trong những tháng đầu tiên, từng ngày, từng tuần chàng còn phải sống trong tù. Với chàng, hạn tù là một chuỗi dài ngày tháng vô tận nhưng với nàng, thời gian đó là 264 tuần lễ, là 61 tháng, là hơn 5 năm, bởi vì trước khi ở tù chàng đã xa nhà để lên mặt trận, chàng đã xa nàng từ lâu lắm.

Trong lúc Nerzhin nói, vẻ kinh hoàng trên mặt Nadya càng lúc càng nặng.

“Đừng, mình...” - Nàng kêu lên - “Mình đừng nói thế...”

Nàng đã quên người gác, nàng không còn xấu hổ khi để lộ những cảm nghĩ thực của nàng:

“Đừng làm em mất hết hy vọng. Em không muốn tin. Không thể như thế được. Hay là mình nghĩ rằng em có thể bỏ được mình?”

Môi trên nàng run run, nét mặt nàng nhăn nhúm, mắt nàng hiển hiện sự trung thành, chỉ có chung thủy trong mắt nàng.

Nerzhin nói, giọng chàng khác đi:

“Anh tin em, anh tin em, Nadya ... Anh hiểu lòng em...”

Nàng ngồi im và rũ rượi trong lòng ghế.

Trong khung cửa mở hiện ra bóng dáng tối và vạm vỡ của người sĩ quan an ninh. Y lặng lẽ nhưng sắc sảo đứng nhìn ba người tụm gần vào nhau trong phòng. Rồi y ra hiệu gọi người gác.

Gã còn đồ giải nghệ, với vẻ bất đắc dĩ như người đang ăn ngon phải rời khỏi bàn, đi về phía Trung tá. Bốn bước sau lưng Nadya chúng chỉ nói với nhau có hai tiếng ngắn nhưng trong

khoảng thời gian ngắn ngủi ấy Nerzhin cũng kịp hạ giọng nói với Nadya:

“Em biết vợ Sologdin không?”

Đã quen với những cuộc thay đổi đề tài đột ngột như thế này, Nadya đáp:

“Có”.

“Biết chỗ ở?”

“Có”.

“Họ không cho anh ấy gặp vợ. Em hãy đi tìm và nói với chị ấy...”

Gã còn đồ trở lại.

Gleb nói rõ và lớn:

“Ảnh yêu, ảnh tin và ảnh hy vọng”.

“Yêu, tin và hy vọng...” Nadya nhắc lại trong một tiếng thở dài. Nàng nhìn ngay lên khuôn mặt chồng. Nàng từng quan sát chàng trong nhiều năm nhưng giờ đây, nàng vừa nhìn thấy chồng nàng có một khía cạnh mới.

Nàng cũng dòi lại tất cả những suy tư đến sau cuộc gặp, nàng sẽ nhớ lại và phân tích tỉ mỉ tất cả những lời chàng nói và nàng cũng không biết sẽ có những gì xảy đến, nhưng ngay lúc này trái tim nàng khao khát được thấy người đàn ông nàng yêu để lộ sự yếu đuối, sự ao ước được giúp đỡ, sự kêu gọi mà người đàn bà cần thấy để có thể hy sinh cả đời mình, để có đủ sức đợi chờ mười năm nữa và theo người yêu đi đây.

Nhưng nàng chỉ thấy chàng mỉm cười, chàng mỉm cười tự tin như bất cứ lúc nào. Bao giờ chàng cũng tự tin. Chàng không cần cảm tình của bất cứ ai. Chàng thoải mái ngồi trên chiếc ghế đầu.

Chàng có vẻ như hài lòng nhìn quanh gian phòng. Chàng có vẻ khoẻ mạnh và ánh mắt chàng long lanh sáng. Chàng có thực sự cần sự chung thủy của một người đàn bà để sống hay không?

Nhưng Nadya không có đủ thì giờ để trả lời câu hỏi ấy.

Và Nerzhin không biết rằng vợ chàng cần thấy những gì, vợ chàng đang nghi ngờ.

“Hết giờ rồi...”

Klimentiev nói vào từ ngưỡng cửa.

Nadya ngạc nhiên:

“Đã hết rồi sao?”

Nerzhin nhú đôi lông mày, chàng cố gắng nhớ lại điều quan trọng nhất trong số những điều quan trọng chàng đã dự định sẽ nói với vợ.

“Em đừng ngạc nhiên nếu họ cho anh đi xa, thật xa và anh không gửi được thư cho em...”

Nadya kêu lớn:

“Tại sao? Họ đưa anh đi đâu?”

Chàng nhún vai:

“Đi đâu? Chỉ có Chúa biết...”

“Mình bắt đầu tin ở Chúa ư?”

Chàng mỉm cười:

“Như Pascal, Newton, Einstein...”

Gã an ninh sửa:

“Không được nói tên người. Thôi đi...”

Người chồng và người vợ cùng đứng bật dậy. Giờ đây, khi họ không còn sợ cuộc gặp mặt của họ bị cắt ngang nữa, người chồng nhào người qua mặt bàn để ôm vợ. Nerzhin hôn Nadya lên má rồi lên môi. Toàn thân chàng như níu chặt lấy môi nàng, đôi môi mà chàng đã quên. Một năm sau nữa chàng không còn hy vọng được ở Mạc Tư Khoa để có thể lại hôn nàng. Giọng chàng run lên vì triu mến: “Em cứ làm tất cả những gì em thấy tốt cho em. Còn anh...”. Chàng không nói được hết câu.

Họ nhìn vào mắt nhau.

“Làm cái gì vậy?”

Gã an ninh nắm lấy vai Nerzhin và kéo chàng ra.

“Tôi hủy cuộc gặp này của anh...”

Nerzhin giằng mạnh:

“Hủy đi, đồ khốn...”

Nhưng chàng chỉ nói lớn câu đó trong cổ họng chàng.

Nadya lảo đảo lùi về phía cửa, với những ngón tay của bàn tay không đeo nhẫn, nàng vẫy chào

từ biệt chồng.
Và nàng biến mất giữa khung cửa.

32 Một cuộc gặp mặt khác

Gerasimovich hôn vợ.

Người canh chừng họ là một gã trẻ tuổi, ít nói và có vẻ hơi đần. Gã không coi chuyện vợ chồng tù nhân hôn nhau là quan trọng. Gã còn bối rối vì gã thấy gã xen vào cuộc gặp gỡ của vợ chồng người ta, gã muốn ngồi quay mặt vào tường trong suốt nửa tiếng đồng hồ nhưng không thể được, Trung tá Klimentiev đã ra lệnh là không một giây nào gã rời mắt nhìn tù nhân và cửa vào bảy phòng thẩm vấn phải mở rộng để ông có thể đi lại ngoài hành lang và nhìn được vào phòng để kiểm soát.

Thực ra, Trung tá Klimentiev cũng không coi việc vợ chồng tù nhân hôn nhau hay nắm tay nhau là quan trọng và cần phải cấm đoán. Y biết rằng những bí mật quốc gia không thể nào truyền đạt từ người này qua người khác nhờ những chiếc hôn nhưng mệnh lệnh của thượng cấp, y phải thi hành. Và y còn phải đề phòng cả những thuộc viên dưới quyền y, cả những tên tù, trong bọn này có những tên làm chỉ điểm cho thượng cấp và có thể báo cáo cả về y. Gerasimovich và vợ hôn nhau nhưng đây không phải là chiếc hôn làm cho người hôn xúc động như thời họ còn trẻ mạnh. Chiếc hôn vụng trộm, ăn cắp từ những người có quyền, từ định mệnh không có màu sắc, không hương vị, không có mùi - đó là chiếc hôn xanh xám mà người ta thường trao đổi với một người thân đã chết ở trong giấc mơ.

Rồi vợ chồng họ ngồi xuống, ngăn cách bởi mặt bàn vẫn dùng để hỏi cung tù nhân. Cái bàn nhỏ này có thể có một tiểu sử nhiều chi tiết hơn nhiều cuộc đời loài người. Trong nhiều năm, không biết bao nhiêu người đã ngồi cạnh nó, đã khóc, đã rùng mình vì kinh sợ, đã cố gắng chống cự mặc dù tuyệt vọng với cơn buồn ngủ rã rượi, đã nói lên những lời hào hùng, kiêu ngạo hoặc giận dữ, hoặc líu ríu cầm lấy bút ký lên những bản tố cáo những người thân của họ. Những người ấy không có bút chì hay bút mực, họ chỉ được cầm bút những khi họ phải ký hoặc trong vài trường hợp họ phải viết, nhưng họ vẫn để lại được trên mặt bàn này những vết tích của họ.

Gerasimovich nhìn vào mặt vợ.

Ý nghĩ đầu tiên của anh là vợ anh đã trở thành quá xấu xí. Hai mắt nàng nhỏ lại. Có nhiều vết nhăn ở hai đuôi mắt và quanh miệng nàng. Làn da mặt nàng nhão, chảy xuống và Natasha như người lâu rồi không còn biết trang điểm là gì. Chiếc áo ngoài của nàng ra đời từ trước thời chiến tranh và cần được lộn mặt trong ra ngoài từ lâu. Những sợi lông thú trên cổ áo xác xơ và dính bết vào nhau, chiếc khăn choàng trên tóc nàng phải già đến cả mấy chục năm.

Gerasimovich nhìn chiếc khăn choàng cũ kỹ ấy và anh lơ mờ nhớ rằng dường như anh đã mua cho vợ chiếc khăn choàng này bằng một phiếu trưng thu và vợ anh từng đội nó trong thời gian thành phố Leningrad bị quân Đức bao vây những khi nàng đi ra sông Neva lấy nước.

Gerasimovich cố ngăn chặn ý nghĩ chính nổi lên từ trong tận cùng sâu thẳm của tâm hồn anh. Đó là ý nghĩ vợ anh trước kia trông hấp dẫn và gợi tình đến chừng nào. Trước mặt anh bây giờ là một người đàn bà, người đàn bà duy nhất trên đời này là một phần nửa của anh. Trước mặt anh bây giờ là người đàn bà chia sẻ những ký ức của anh. Những người thiếu nữ tươi trẻ nhưng hoàn toàn xa lạ với anh, những người có những kỷ niệm riêng, những ghi nhớ riêng, làm sao có thể có giá trị với anh bằng người đàn bà này?

Natasha chỉ mới bắt đầu bước vào tuổi mười tám khi họ gặp nhau lần đầu tiên trong một căn nhà ở Srednaya Podyacheskaya, gần cầu Livniny. Ngày đó là đầu năm 1930. Chỉ còn sáu ngày nữa là đúng hai mươi năm.

Năm Natasha mười chín tuổi, anh bị bắt lần đầu vì tội phá hoại.

Gerasimovich bắt đầu làm việc như là một kỹ sư trong một giai đoạn mà danh từ “kỹ sư” được coi là đồng nghĩa với danh từ “kẻ thù”. Và trong giai đoạn ấy người ta sẵn sàng nghi cho những

kỹ sư làm công tác phá hoại. Ngày đó Gerasimovich vừa mới tốt nghiệp, anh mang kiếng trắng vì mắt kém và cặp kiếng trắng này làm cho anh giống hệt với hình vẽ những tên trí thức làm gián điệp cho địch in trên những tờ bích chương dán khắp nơi trong những năm 30. Anh gật đầu chào tất cả mọi người, kể cả những người anh không cần phải chào, và anh luôn miệng nói: "Tôi xin lỗi" bằng một giọng dịu dàng, lễ độ. Trong những cuộc mít-tinh, anh hoàn toàn im lặng và ngồi như con chuột. Anh không hiểu cả rằng anh làm cho người ta khó chịu đến là chừng nào.

Nhưng dù họ có chuẩn bị buộc tội anh kỹ càng đến thế nào đi nữa, họ cũng chỉ có thể ghép anh vào tội phá hoại mơ hồ và kết án anh ba năm tù. Khi anh đi đến sông Amur, anh được sống tự do không bị kiểm soát. Vợ chưa cưới của anh theo anh đến đó và họ trở thành vợ chồng. Trong thời gian họ sống ở bên sông Amur, gần như là không đêm nào hai vợ chồng không mơ thấy thành phố Leningrad. Họ bắt đầu chuẩn bị để trở về Leningrad vào năm 1935, nhưng cũng đúng năm ấy, nhiều lần sóng tù nhân mới đổ dồn về phía họ.

Natasha Pavlovna cũng quan sát chồng nàng rất kỹ. Từng có thời gian nàng trông thấy khuôn mặt chồng nàng có đôi khác. Nàng từng thấy đôi môi Gerasimovich trở thành cứng rắn, đôi mắt anh trở thành lạnh lùng, gần như tàn ác, sau làn kiếng trắng. Illarion Pavlovich thôi không còn chào người lạ nữa, thôi không nói: "Tôi xin lỗi" nữa. Anh luôn luôn bị người ta chê bỏ vì quá khư của anh. Anh bị người ta cho nghỉ việc liên tiếp và sau đó, anh bị người ta trao cho làm những việc không xứng đáng với tài năng và học thức của anh. Vợ chồng họ lang thang, phiêu bạt khắp nơi, sống đói khổ và nghèo nàn, thiếu thốn đủ thứ. Họ chết mất đứa con gái, rồi con trai họ cũng chết. Cuối cùng, họ đánh nước liều: đảng nào cũng chết, họ trở về Leningrad. Họ về tới đó vào tháng sáu năm 1941.

Ở đó họ lại càng khó sống, những bản khai lý lịch làm cho Gerasimovich không sao tìm được việc làm trong những cơ xưởng, những phòng thí nghiệm. Anh phải làm những việc lao động chân tay để sống. Suốt một mùa thu năm ấy anh đào chiến hào, giao thông hào và hầm hố quanh Leningrad. Chiến sự lan đến. Khi những bóng tuyết đầu tiên của mùa đông rơi xuống, anh trở thành phu đào huyết chôn người chết.

Trong thành phố bị bao vây, nghề phu đào huyết là nghề cần đến nhiều nhân công nhất và cũng là nghề kiếm ăn dễ nhất. Để đền ơn cho những kẻ chôn những người bạn của mình, những chiến sĩ chưa chết đưa cho những người đào huyết những phần bánh mì của họ.

Người ta không thể không xúc động đến run rẩy khi ăn những mẩu bánh ấy, xong Gerasimovich tìm được một lý do để tự bào chữa, anh nói: "Người ta thương hại mình nhưng mình không cần ai thương hại hết".

Và vợ chồng họ sống sót. Nhưng trước khi thành phố được giải tỏa hoàn toàn, Gerasimovich đã bị bắt lại vì tội mưu toan phản quốc. Năm đó ở Leningrad, rất nhiều người bị bắt vì tội mưu toan như thế.

Natasha Pavlovna nhìn kỹ lên khuôn mặt chồng nàng, nàng ngạc nhiên khi không tìm thấy trên khuôn mặt ấy những dấu vết của cuộc sống tù tội. Đôi mắt anh vẫn biểu lộ sự thông minh bình thường sau làn kiếng trắng. Hai má anh không nhão, mặt anh không có một vết nhăn. Bộ y phục anh mang trên người là một bộ đắt tiền. Chiếc cravatte anh thắt trên cổ áo trắng và gọn.

Người ta có thể nghĩ trong hai vợ chồng, người vợ là người ở tù chứ không phải là người chồng. Và ý nghĩ không đại lượng đầu tiên hiện lên trong óc Natasha là chồng nàng thực sự sống sung sướng trong cái nhà tù đặc biệt ấy. Anh không bị hành hạ, anh bận rộn với công tác khoa học mà anh thích làm và anh không bận tâm gì đến người vợ sống khổ sở bên ngoài.

Nàng cố đè nén ý nghĩ oán trách đó.

Nàng hỏi bằng một giọng yếu ớt:

"Mình sống trong đó ra sao?"

Như là nàng đã chờ đợi mười hai tháng để được gặp mặt chồng, đã nghĩ đến người chồng trong 360 đêm dài nằm lạnh trên chiếc giường nhỏ kê bên khung cửa sổ bám đầy băng tuyết chỉ để hỏi chồng: "Mình sống trong đó ra sao?".

Và Gerasimovich, người mà cuộc đời chỉ là một chuỗi ngày tù đầy dài và liên tiếp, bình thản trả lời:

"Không đến nỗi nào..."

Họ chỉ có ba mươi phút đồng hồ để ngồi trước mặt nhau. Những giây phút đó đang trôi qua. Họ

có cả trăm câu hỏi để hỏi nhau, cả ngàn ao ước và than thở để thổ lộ với nhau. Và Natalya Pavlovna hỏi chồng:

“Mình biết cuộc gặp này từ bao giờ?”

“Cách đây hai ngày. Còn em?”

“Hôm thứ ba. Ông Trung tá hồi nãy còn hỏi em là có phải em là em gái của mình không”.

“Bởi vì chính mình trùng tên thánh?”

Natalya gật đầu.

Khi họ bắt đầu hứa hôn với nhau, và nhất là trong thời gian họ sống với nhau trên sông Amur, mọi người đều tưởng rằng họ là anh em. Họ có cái vẻ bên ngoài sung sướng, hồn nhiên và sự giống nhau trong tâm hồn làm cho họ gần nhau hơn cả vợ chồng.

“Còn em sao? Có khổ sở lắm không?”

“Sao anh lại hỏi em thế?” - Nàng lo âu hỏi lại - “Anh biết ư?”

“Biết gì?”

Anh biết, nhưng anh không biết rõ, không biết hết. Anh biết rằng ở bên ngoài, cuộc đời những người vợ tù khổ sở ghê gớm. Họ bị hành hạ, họ bị tẩy chay vì chồng họ là tù.

Nhưng làm sao anh có thể biết rằng trong ngày thứ tư vừa qua vợ anh đã bị đuổi khỏi sở làm vì nàng là vợ anh? Và từ ba ngày nay, sau khi nhận được giấy gọi đi thăm chồng, nàng đã ngừng không còn đi tìm việc nữa. Nàng chờ đợi cuộc gặp mặt này như nó sẽ gây ra một phép lạ, và nó sẽ đem ánh sáng đến chan hòa đời nàng, chỉ cho nàng biết nàng phải làm gì.

Xong làm sao chồng nàng có thể khuyên được nàng nên làm gì, vì chồng nàng là người đã ở tù quá nhiều năm, chồng nàng hoàn toàn không còn quen thuộc gì với những cách sống của người thường.

Natalya phải chọn một quyết định: ly dị chồng hay không.

Trong căn phòng lạnh, xám và trơ trụi mà ánh sáng chỉ yếu đuối len vào được qua khung cửa sổ có chấn song sắt, cuộc gặp mặt và hy vọng ở một phép lạ của nàng đã trôi đi.

Natalya Pavlovna, trong nửa tiếng đồng hồ ngắn ngủi này, hiểu rằng nàng không thể diễn tả được sự cô đơn và đau khổ của nàng với chồng nàng. Nàng thấy rõ chồng nàng đi theo một dòng đời riêng, sống một cuộc đời riêng. Đàng nào chồng nàng cũng không thể hiểu, làm cho chồng nàng hoảng loạn nào có ích lợi gì?

Người gác đi tới gần tường và đứng chắp hai tay sau lưng nhìn ngắm màu vôi quét trên đó.

“Nói cho anh biết em sống ra sao đi...”

Illarion Pavlovich nắm bàn tay vợ trên mặt bàn. Ánh mắt anh sáng lên niềm triu mến từng an ủi nàng nhiều trong thời gian đôi vợ chồng sống cực khổ trong thành phố bị bao vây.

“Larik... Mình có thể... Mình có cách nào ra khỏi đó sớm hơn không?”

Nàng muốn hỏi chồng về những biện pháp để có thể sớm ra khỏi tù. Trước đây, hồi sống trong trại tập trung bên sông Amur, anh đã làm việc mỗi ngày nhiều bằng hai người và nhờ vậy, hạn tù của anh đã được giảm đi.

Illarion lắc đầu:

“Không có cách nào tháo ngắn hạn tù cả. Công việc ở đây không giống như việc anh làm trước kia. Ở đây người ta phải phát minh ra được một cái gì lớn, quan trọng mới hy vọng được ra sớm. Nhưng có điều đáng nói là ở đây” - anh liếc nhìn người gác - “...không ai muốn phát minh gì hết”.

Anh không còn có thể nói được rõ hơn.

Anh đưa bàn tay vợ lên áp vào má anh.

Ở trong thành phố Leningrad bằng giá năm xưa anh có thể nhận những mẩu bánh mì của những người sắp chết trong ngày mai. Nhưng ở đây anh không thể...

“Em có cô đơn lắm không? Em có buồn lắm không?”

“Buồn?”

Trái tim Natalya se thắt lại vì giờ đây cuộc gặp mặt đã gần chấm dứt và nàng sắp phải đi một mình trên những đường phố vắng của khu Lefortovo, tâm hồn không được thêm một điều gì mới, không một khuyến khích, một an ủi, nàng sẽ lại trở về với cô đơn. Về với cuộc sống không mục đích, vô nghĩa, cuộc sống như bông xám.

“Natalochka...! Em nên nghĩ đến chuyện hạn tù của anh đã qua được nhiều rồi. Chỉ còn ba năm nữa. Ba năm nữa thôi...”

“Chỉ còn ba năm...”
Natalya ngắt lời chồng, giọng nàng run lên và nàng biết nàng không sao còn tự chế ngự được nữa:
“Chỉ còn ba năm? Với anh... thì đúng là chỉ còn ba năm. Người ta có cho anh ra ngay bây giờ anh cũng không muốn. Anh sống với những người bạn của anh, sống với công việc anh thích. Anh không bị ai xô đẩy... Còn em... Em đã mất sở làm, em không còn gì bám víu để sống. Em hết sức rồi, em không còn chịu đựng được nữa. Em chết ngay đi còn hơn. Bọn sống cùng một nhà với em hành hạ em đủ cách. Họ liệng rương của em ra sân, họ phá đồ đạc trong phòng em. Họ biết em không dám nói nửa tiếng. Họ biết họ có thể đẩy em ra khỏi Mạc Tư Khoa. Em không còn đi lại với các em của em, với dì Zhenya. Họ bảo em là con ngu. Họ khuyên em ly dị và làm lại cuộc đời. Bao giờ thì em hết khổ? Anh thấy em tàn tạ như thế nào không? Em mới có ba mươi bảy tuổi nhưng ba năm nữa em sẽ là bà già. Em về nhà nhưng em không còn sức nấu ăn cho em, em không còn sức dọn dẹp trong phòng. Em nằm xuống và em không còn dậy nổi. Larik... anh yêu... nếu còn thương em, anh hãy nghĩ cách làm sao mau ra khỏi đó. Anh có thể nghĩ được cách nếu anh muốn. Hãy sáng chế cái gì cho họ đi. Cứu em với. Cứu em!”
Nàng không muốn nói như thế nhưng nàng đã nói. Tim nàng như vỡ trong ngực nàng. Nàng run lên vì những tiếng nấc nghẹn và nàng hôn lên bàn tay chồng. Rồi nàng gục đầu xuống mặt bàn, nơi từng hứng không biết bao nhiêu giọt lệ.
“Xin đừng làm ồn...”
Người gác nói như chính y là người có lỗi, y lăm lét nhìn ra cửa.
Nét mặt Gerasimovich sắt đánh lại. Những tiếng nức nở nghe không êm tai, không đẹp chút nào vang ra tận hành lang. Bóng dáng Klimentiev hiện ra giữa khung cửa. Y trợn mắt nhìn vào lưng người đàn bà đang khóc. Y muốn bước vào nhưng lại do dự. Sau cùng, y đưa tay ra với cánh cửa, đóng lại.
Trong những điều cấm không có điều nào cấm khóc. Tuy nhiên nếu những cuộc gặp gỡ này không có nước mắt vẫn tốt hơn.

33 Chuyện vặt trong tù

Nerzhin đến giúp Potapov chế tạo cái bánh ngọt. Trong những năm dài đói khát vì bị quân Đức bắt làm tù binh rồi ở tù trong những nhà tù Xô Viết, Potapov đã học được sự thật là ăn không phải là một cái gì đáng để cho con người xấu hổ, chê bỏ, chán ghét, ngược lại, ăn là một thống khoái của đời sống, ăn là tinh hoa của đời sống con người.
Tôi muốn biết thì giờ
Qua những bữa ăn...
Ăn sáng, ăn trưa, ăn tối...
Người kỹ sư điện cao thế hát nho nhỏ. Mặc dù anh đã dâng hiến trọn vẹn cuộc đời cho những dòng điện tới cả ngàn kilowatt, Potapov, nhờ khéo tay và thông minh, rất sớm đã trở thành một chuyên viên nấu bếp cừ khôi: anh có thể chế tạo những chiếc bánh cam bằng vỏ khoai tây và trong Viện Mavrino, anh nổi tiếng với tài làm bánh ngọt và những món tráng miệng.
Lúc này, Potapov đang bận rộn trước hai cái bàn nhỏ kê liền lại, đặt giữa giường anh và giường của Pryanchikov. Khi Nerzhin tới Potapov đang long trọng pha sữa đặc, sô-cô-la và hai quả trứng gà (đa số những món này do Rubin cung cấp, Rubin thường được nhận được đồ tiếp tế và bao giờ cũng ăn chung với anh em) thành một thứ dung dịch không có tên trong ngôn ngữ của nhân loại. Potapov đưa ra nhận xét là Nerzhin đến muộn và sau đó, ra lệnh cho Nerzhin đi tìm ngay hai cái ly sắt có thể dùng làm khuôn bánh. Nerzhin đề nghị để anh đi mượn hai cái ca dùng để cạo râu, anh sẽ rửa hai cái ca sắt này bằng nước nóng.
Cảnh nghỉ ngơi thanh thoi của ngày Chủ nhật ngự trị trên gian phòng đầy những giường ngủ. Nhiều người nằm trên giường nói chuyện với bạn, nhiều người khác đang đọc sách, những mẫu đối thoại bay đi, bay lại quanh họ. Nhiều người khác nằm yên, hai tay đặt dưới đầu, nhìn

ngay lên trần phòng.
Tất cả những thứ tiếng ấy hòa hợp thành một âm thanh hỗn độn.
Tù nhân Zemelya, nằm phây phây trên chiếc giường trên, anh bận quần cụt, ở trần, tay mân mê những sợi lông trên ngực, miệng mỉm nụ cười vui và hiền lành thường trực, đang kể một câu chuyện với tù nhân Miska Mordvin nằm cách anh hai giường:
“Nếu chú muốn biết sự thật... Tất cả những bê bối này bắt đầu bằng một nửa đồng kopeck”. [1]
“Sao? Liên can gì đến đồng kopeck?”
“Trước đây, trong năm 1926, 1928 gì đó - năm đó chú còn nhỏ xíu - ở trước những ghi-sê phát tiền người ta có treo tấm bảng “Nhớ lấy cả những đồng một nửa kopeck tiền lẻ”. Thời đó có đồng nửa kopeck. Bọn phát tiền có bốn phen phải trả đủ cả từng đồng. Đó là thời thanh bình...”
“Thời đó không có chiến tranh sao?”
“Không có chiến tranh - chú có thể tưởng tượng được không? Đó là thời trước chiến tranh. Thanh bình. Phải đó, thanh bình. Trong những công sở người ta làm việc sáu tiếng đồng hồ một ngày, không phải làm quá nhiều giờ như bây giờ. Và mọi việc đều êm đẹp. Mọi người làm việc tốt. Chỉ cần chú phải làm việc thêm mười lăm phút là người ta trả chú tiền phụ trội liền. Chú nghĩ coi cái gì biến mất trước nhất? Những đồng nửa kopeck. Tình trạng bê bối bắt đầu. Rồi đến những đồng tiền biến mất. Tới năm 1930, những đồng bạc biến nốt. Không còn tiền lẻ nữa. Đôi khi, họ không thèm trả chú cả những đồng ruble lẻ. Kể từ đó, những sai lầm theo nhau đến. Ở ngoài phố, bọn hành khất không thèm hỏi xin đồng kopeck nữa, họ nói: “Bạn công dân, cho tôi một đồng ruble...”. Khi lãnh tiền lương do nhà nước trả, chú chớ dại mà đòi họ trả cho chú cả những đồng kopeck ghi trên sổ lương - họ sẽ cười vào mũi chú, họ sẽ gọi chú là... đồ bần tiện, bần xỉn. Nhưng họ đã lầm: đồng nửa kopeck tuy nhỏ nhưng nó tượng trưng cho sự lương thiện của con người, cho sự kính trọng con người. Nói cách khác, họ coi thường con người, họ đá lên đầu con người. Không ai đòi hỏi quyền được hưởng những đồng nửa kopeck. Và con người mất giá trị vì thế”.
Trên một chiếc giường khác, một tù nhân đang đọc sách ngừng lại để nói với người nằm ở giường bên:
“Chính phủ của Nga Hoàng thối nát. Một chính phủ yếu xìu như thế không đổ sao được. Anh nghe này: Một thiếu phụ cách mạng tuyệt thực trong tám ngày để bắt một anh quản đốc nhà tù phải xin lỗi... [2]. Và anh quản đốc ngu dần này chịu xin lỗi... Bây giờ làm gì có ai dám nghĩ đến chuyện đòi Quản đốc Nhà tù Krasnaya Presnya xin lỗi...?”
“Bây giờ họ sẽ nhét thức ăn vào ruột bà ta vào ngày tuyệt thực thứ ba. Sau đó, họ cho bà ta thêm một hạn tù nữa vì tội khiêu khích. Anh đọc chuyện đó ở đâu vậy?”
“Trong tiểu thuyết của Gorki”.
Tù nhân Dvoyetyosov nằm gần đó ngóc đầu lên:
“Ai đọc Gorki đó?”
“Tôi”.
“Đọc làm chi vậy?”
“Đọc để biết chuyện ngày xưa ra sao, cũng có lợi lắm chứ. Như những chi tiết Gorki tả về khám đường Niznhy Novgorod chẳng hạn. Ở khám đường này, anh có thể bắc thang treo qua tường mà không ai ngăn cản anh hết. Anh có thể tưởng tượng nổi chuyện ấy không? Về bọn giám thị thì Gorki tả cho ta biết rằng họ có súng lục nhưng lâu quá không được dùng đến nên súng rỉ hết, họ chỉ có thể dùng súng vào việc thay búa đóng đinh lên vách. Biết được những chuyện ấy cũng có lợi lắm chứ?”
Ở bên dưới họ, đề tài thảo luận được nói đến luôn trong những nhà tù đang được nhiều người tham dự. Đó là đề tài *Người ta nên ở tù lúc nào nhất?* Cách đặt câu hỏi này cho người ta thấy quan niệm chung là ở đời này không ai tránh khỏi việc ở tù, chẳng sớm thì muộn ai cũng phải tù. Những người ở tù thường có khuynh hướng phóng đại số người ở tù. Thực ra hiện giờ chỉ có khoảng từ mười hai triệu đến mười lăm triệu người đang ở tù song những tù nhân tin rằng có tới hai mươi triệu đến ba mươi triệu người đang ở tù. Họ cho rằng bên ngoài nhà tù gần như không còn đàn ông nữa. Câu hỏi “Người ta nên ở tù lúc nào nhất?” ngụ ý muốn hỏi người ta nên ở tù khi còn trẻ hay ở tù khi đã già? Nhiều tù nhân thường là những anh trẻ. Ở tù trẻ, người ta có dịp tìm biết nghĩa lý của đời sống, biết những gì có giá trị thực trong đời và những gì tầm thường, để tới năm ba mươi năm tuổi, sau khi đã ở tù mười năm, người đàn ông vừa

trưởng thành có thể xây dựng đời mình trên những căn bản hiểu biết khôn ngoan và đứng đắn. Những người ở tù khi đã già có thể khổ sở khi thấy rằng đời mình là một chuỗi dài những sai lầm đó. Nhiều tù nhân khác - đa số là những ông tù già - cũng lạc quan không kém khi nói rằng người ta nên ở tù khi về già, về già đi tù là nhất. Vì khi đã già, người ta vào tù như vào Viện Dưỡng Lão vậy. Lúc đó người ta đã tận hưởng được tất cả những lạc thú ở đời. (Trong ngôn ngữ của tù nhân, "tất cả" có nghĩa là việc có một tấm thân đàn bà, quần áo tốt, thức ăn tốt và rượu mạnh). Họ đưa ra nhận xét là đời sống trong tù không làm hại gì được những người già trong khi nó có thể làm hại rất nhiều những người trẻ. Có những người trẻ, sau khi được ra khỏi tù, trở thành "không còn thích đàn bà".

Đó là đề tài đang được bàn cãi sôi nổi nhất trong phòng. Tù nhân thường rất ham nói. Nhiều người nói để trấn an mình, để an ủi mình, nhiều người nói để tự hành hạ mình, tự làm mình thêm khổ sở. Nhưng rốt cuộc, vấn đề vẫn không được sáng tỏ hơn, vẫn không ai nắm được sự thật. Trong những buổi chiều Chủ nhật người ta thấy ở tù là một lạc thú, nhưng khi họ trở dậy vào sáng thứ Hai, ở tù bao giờ cũng là một cực hình.

Nhưng việc thảo luận về đề tài ở tù vào tuổi nào tốt trên đây tuy có nhiều người tham dự nhưng không bao giờ đưa những người tham dự đến chỗ kích động, to tiếng. Trái lại, cuộc trao đổi ý kiến đưa họ đến gần nhau hơn trong nỗi buồn chung. Cuộc thảo luận không dẫn người ta đến đâu hết, nhất là không làm cho người ta cáu giận.

Cuộc thảo luận về đề tài ở tù tàn đi, gian phòng im lặng trong một lúc, sau đó người ta nghe tiếng Khorobrov nói:

"Khi người mình bắt đầu chuyến bay đầu tiên lên mặt trăng, tự nhiên là sẽ có một cuộc họp cuối cùng trước khi hỏa tiễn khai hỏa. Phi hành đoàn sẽ nguyện tiết kiệm đến tối đa nguyên liệu, nguyện phá kỷ lục tốc lực, nguyện không ngừng phi thuyền đang bay lại để sửa chữa... Một trong ba phi hành gia phải là một cán bộ chính trị. Trong chuyến bay, cán bộ này sẽ yêu cầu hai phi hành gia kia học tập chính trị và lấy lời tuyên bố của họ gửi về đăng báo".

Pryanchikov nghe được lời tiên đoán này trong lúc anh đi ngang gian phòng với chiếc khăn tắm và hộp đựng xà bông. Như người biểu diễn một động tác vũ điệu, anh nhảy tới bên giường Khorobrov và nghiêm trọng nói:

"Ilya Terentich... cho phép tôi được cải chính: việc xảy ra sẽ không như anh nói đâu... Bởi vì..." Pryanchikov đưa ngón tay trở lên môi với vẻ bí mật như một diễn viên trong một phim trình thám:

"... người Hoa Kỳ sẽ lên mặt trăng nước".

Chàng cười, tiếng cười trong như tiếng của một đứa trẻ, rồi nhảy đi.

Anh thợ khắc ngồi cạnh Sologdin trên giường. Anh và Sologdin đang say mê thảo luận về đề tài đàn bà. Anh thợ khắc đã ngoài bốn mươi, tuy nét mặt anh còn trẻ, tóc anh đã có nhiều sợi bạc. Mái tóc ấy hợp với anh.

Hôm nay, anh thợ khắc đang hài lòng. Quả thực là anh đã làm khi anh vội nuốt bản truyện ngắn của anh trong phòng khám trước khi lên xe đi gặp vợ, nếu anh dừng quá vội, anh có thể đem truyện ra ngoài và trao cho vợ anh. Nhưng trong cuộc gặp mặt, vợ anh có nói cho anh biết rằng chị đã đưa cho nhiều người tin cẩn và có uy tín đọc những truyện ngắn gửi ra trước đây của anh và tất cả mọi người đều khen là hay, là truyện rất giá trị. Anh cũng biết rằng vợ anh có thể phóng đại những lời khen và những người thân được chị cho coi những đoạn thiên ấy thường chỉ khen chứ không chê, nhưng dù sao anh vẫn thấy sung sướng. Anh nghĩ rằng dù anh viết hay hoặc viết dở, anh cũng đã ghi lại được cho hậu thế những sự thật về sự đối xử của Stalin với những chiến sĩ Nga bị Đức bắt làm tù binh trong trận thế chiến thứ Hai, anh nói lên tiếng kêu thương ai oán của cả triệu người không may đó. Anh cảm thấy kiêu hãnh và anh tự nguyện sẽ tiếp tục viết truyện. Cuộc gặp gỡ hôm nay còn đem lại cho anh nhiều tin vui: vợ anh vẫn trung thành với anh, vẫn chờ đợi anh, chị đã gửi nhiều đơn xin cho anh được tự do, chị đã nhờ nhiều luật sư uy tín biện hộ cho anh và chắc chắn là trong thời gian tới, họ sẽ có tin vui hơn nữa.

Trước hết, anh thợ khắc nói về hai chị vợ người Nga của anh, sau đó anh nói đến cuộc sống của anh khi anh là tù binh Đức ở trên đất Đức và những chị đàn bà Đức khả ái mà anh được gần ở đó. Anh so sánh đàn bà Nga với đàn bà Đức và đây là lần đầu tiên Sologdin được nghe nói đến sự cách biệt này. Anh thợ khắc nói rằng đàn bà Nga quá tự lập, quá tự tin, không chịu chấp

nhận thiết thòi khi yêu, họ quan sát người đàn ông họ yêu, tìm hiểu những nhược điểm của người yêu, và tấn công vào những lúc người họ yêu ít can đảm nhất. Đàn bà Nga bao giờ cũng ngang hàng với đàn ông trong tình yêu. Trong khi ấy, người đàn bà Đức mềm như một cây lau trong bàn tay người đàn ông họ yêu. Đàn bà Đức coi người đàn ông họ yêu là ông chúa, là người đàn ông duy nhất trên trái đất, người tốt nhất, đáng quý nhất. Họ hoàn toàn lệ thuộc và theo ý muốn người họ yêu. Họ chỉ mơ đến chuyện làm sao làm cho người họ yêu hài lòng. Vì vậy, anh thợ khắc thấy rằng với đàn bà Đức, anh sung sướng hơn, anh là ông chủ, là ông chúa.

[1] Kopeck: Đơn vị tiền tệ nhỏ nhất của Nga, cũng giống như đồng trinh của ta cách đây 30 năm.

[2] Những người tù này đang nói đến cuốn tiểu thuyết Người mẹ của Maxime Gorki.

34 Cái thùng sắt

Buổi sáng thứ Hai ấy trong Phòng Đồ hình của Viện Khoa học Mavrino cũng có một phiên họp học tập chính trị. Những tù nhân và viên chức tự do ngồi lẫn nhau trong phòng. Mặc dù phòng này ở trên lầu và có những khung cửa sổ mở về hướng nam nhưng ánh sáng xanh xám của buổi sáng cũng không chiếu được nhiều vào phòng, đây đó trên những mặt bàn vẽ, người ta bật sáng những ngọn đèn điện.

Ông Trưởng phòng, một Trung tá, không đứng lên khi nói với mọi người. Ông ngồi như mọi người và ông nói không được hùng hồn, quyết liệt mấy về sự thực hiện kế hoạch, về những kế hoạch mới và sự nhất định phải thành công của “chủ nghĩa xã hội”, về trách nhiệm của những người xã hội trong cuộc thách đố này. Ông ta nói, mặc dù chính ông ta là người không tin tưởng hơn ai hết, là vào khoảng cuối năm sắp tới, họ sẽ thành công rực rỡ trong địa hạt phát minh về âm thanh, những phát minh của họ sẽ làm chấn động thế giới.

Sologdin ngồi ở hàng ghế cuối cùng, mắt anh nhìn ngây lên bức tường sau lưng ông Trưởng phòng. Ánh mắt anh sáng trong, nét mặt anh dịu dàng và tươi tỉnh. Chỉ nhìn ánh mắt và nét mặt đó không ai có thể ngờ rằng tâm trí anh không được thanh thản hoặc anh đang có chuyện suy nghĩ, bối rối, lo âu. Ngược lại, người ta có thể nghĩ là anh đang lợi dụng cuộc họp tập này để không suy nghĩ gì cả.

Nhưng Sologdin đang suy nghĩ rất nhiều. Anh không thể biết chắc là anh còn nhiều giờ đồng hồ - hay là chỉ còn có vài phút - để suy nghĩ và giải quyết vấn đề lớn của đời anh, giải quyết thỏa đáng và không lầm lỗi. Suốt buổi sáng hôm nay, Sologdin đã đứng chặt những khúc cây làm củi đun ở ngoài sân Viện - anh không bắt buộc phải làm việc này nhưng anh tự ý làm để có dịp hoạt động - và trong lúc làm việc ấy, óc anh đã suy nghĩ ráo riết.

Cũng buổi sáng nay, anh đã nghe Thiếu tá An ninh Shikin đọc những điều luật mới áp dụng cho tù nhân về việc gửi thư cho thân nhân và thăm viếng. Anh nghe với nụ cười mỉa mai trên môi vì anh đã nhìn thấy trước những luật lệ ấy từ lâu rồi. Và anh là người đầu tiên trong nhà tù này chuẩn bị đón chúng: chính anh đã cắt đứt mọi liên lạc với thân nhân bên ngoài. Việc ban hành những luật lệ này chỉ là sự chứng minh những gì anh xét đoán là đúng: chế độ lao tù sẽ càng

ngày càng khắc khe hơn, con đường đi trở về với tự do được gọi là “mãn hạn tù” đã bị đóng lại. Cuộc học tập chính trị chấm dứt, mọi người trở về chỗ làm việc của mình.

Sáng nay, Larisa Emina không có mặt trong phòng. Nàng được nghỉ bù vì ngày Chủ nhật hôm qua nàng đi làm. Sologdin cảm thấy ngậm hải lòng vì hôm nay Emina không có mặt ở bên anh. Một người đàn bà thân thiết với mình hôm qua có thể trở thành kẻ hại mình trong hôm nay. Đứng trước bàn vẽ, Sologdin gỡ một đồ hình ra khỏi mặt bàn. Đồ hình kiểu mẫu giàn máy Âm thính do anh sáng chế và đã được Giáo sư Chelnov kiểm soát, xác nhận có giá trị, hiện lên trên mặt giấy.

Anh đứng im một lúc lâu nhìn xuống đồ hình.

Càng nhìn lâu sáng chế của mình, trái tim Sologdin càng hồi hộp. Anh không còn bối rối nữa, anh đã biết chắc anh phải làm gì.

Hai viên chức tự do, cả hai cùng là phụ nữ làm việc trong phòng, theo đúng luật, mỗi tuần một lần đi khắp các bàn thu thập, những giấy tờ cũ, không cần thiết, đem đi đốt bỏ. Tất cả những giấy tờ trong phòng Đồ hình đều không được vò xé vứt vào giỏ đựng giấy vụn mà là phải nộp cho viên chức phụ trách thiêu hủy. Những tờ giấy này được đếm kỹ, ghi số lại trước khi đem đốt trong thùng sắt ở ngoài sân Viên.

Trước khi hai viên chức phụ nữ tới bàn mình, Sologdin cầm cây viết chì mờ mạnh tay gạch nhiều nét lên mẫu đồ hình giàn máy do anh sáng tạo. Xong, anh tháo nó ra khỏi bàn vẽ, đặt nó vào giữa hai tờ giấy có vẽ hình khác và đưa cho một trong hai chị đàn bà:

“Tôi có ba tờ”.

Rồi anh ngồi xuống mở một quyển sách nhưng không đọc, anh lặng lẽ nhìn xem có những chuyện gì sẽ xảy đến với ba tờ giấy của anh.

Hai chị đàn bà đếm lại tất cả những tờ giấy thu được để đem đi thiêu hủy và ghi con số này vào sổ lưu trữ. Sologdin chú ý nhìn kỹ để biết chắc rằng không có một nhân viên nào khác của phòng này xem kỹ những tờ giấy bỏ đi ấy. Cũng không có ai cần đến gần hai chị đàn bà cầm tập giấy này.

Hai sĩ quan an ninh Shikin, Myshkin, với việc thiêu hủy tất cả những giấy tờ trong phòng Đồ hình, đã tỏ ra cẩn thận nhưng không khôn ngoan. Ít nhất, sự kiểm soát này cũng chưa hoàn toàn hữu hiệu. Đã quá tin tưởng ở sự lương thiện của người đời. Họ không ngờ rằng có những người sáng tạo nhiều khi muốn đốt đi những sáng tạo của mình. Nếu Shikin và Myshkin thật khôn ngoan lập một ban kiểm soát lại từng tờ giấy, xem có mẫu hình nào có giá trị bị đưa đi thủ tiêu hay không, Sologdin sẽ gặp rắc rối nhiều.

Sau cùng, hai chị đàn bà cuộn những tờ giấy lại thành nhiều cuộn và mượn bao quẹt của một người hút thuốc lá, đi ra khỏi phòng.

Sologdin cầm cây viết vạch những vòng tròn đều nhau trên mặt giấy nhưng tâm trí anh theo dõi bước đi của hai chị đàn bà, đếm từng giây đồng hồ: họ đang đi trên thang, họ xuống tới cửa sau, họ đang bận áo lạnh trước khi ra sân... Và bây giờ họ đã ra tới sân...

Sologdin ngồi sau bàn vẽ để không một ai trong phòng có thể nhìn thấy anh nhưng anh nhìn được xuống sân, nơi có chiếc thùng sắt lớn dùng làm lò đốt giấy tờ. Hai chị đàn bà bỏ những cuộn giấy vào thùng và cúi húi đánh diêm. Nhưng họ lúng túng mãi vẫn chưa đốt được tờ giấy nào, khi thì diêm tắt, khi thì diêm gãy, khi thì lửa bốc quá nhanh làm họ phải liệng cây diêm đi.

Sau cùng, lão gác cửa Spiridon được gọi tới giúp. Sologdin thở ra một hơi dài khi thấy có ánh lửa và khói xanh bốc lên từ miệng thùng sắt.

Cũng vừa đúng lúc ấy có tin gọi xuống bằng điện thoại: Sologdin phải lên trình diện ngay ở Phòng Viện trưởng Yakanov.

35 Hai kỹ sư

Yakanov chưa từng bao giờ nói chuyện nhiều với Sologdin, cũng chưa bao giờ Sologdin được mời tới Phòng Viện trưởng. Đôi khi có việc đến Phòng Đồ hình, Đại tá Kỹ sư Yakanov chưa từng bao giờ để ý đến nhân vật không còn đáng để ý làm việc ở đó là Sologdin. Nhưng giờ đây, sau khi đã nhìn bản danh sách tên họ tù nhân để dưới mặt kiếng trên bàn, Yakanov, như một vị chủ

nhân hòa nhã, lịch thiệp hết sức, ngược mắt nhìn người tù vừa bước vào phòng mình và nói lớn bằng một giọng thân mật:

“Dmitri Aleksandrovich... mời ngồi... mời ngồi... Tôi rất vui được tiếp riêng anh hôm nay...”

Hai cánh tay áp chặt hai bên mình, Sologdin đến gần bàn, anh lặng lẽ cúi đầu chào, nhưng sau đó, anh vẫn đứng thẳng, cứng ngắc.

Yakanov vẫn vui vẻ nói:

“Theo tôi được biết... anh đang dự định dành cho chúng tôi một ngạc nhiên lớn. Mới cách đây hai ngày, vào sáng thứ Bảy - đúng không nhỉ? Tôi nhìn thấy mẫu hình giàn máy Âm thính của anh trên bàn Giáo sư Chelnov. Sao anh không ngồi? Tôi có nhìn qua mẫu hình ấy và hôm nay, tôi mời anh tới đây để chúng mình thảo luận vào chi tiết...”

Vẫn không rời mắt nhìn vào mắt Yakanov - cặp mắt đầy những thiện cảm và thông cảm - Sologdin vẫn đứng thẳng và bất động, như một trận bắn lộn bằng súng đã bắt đầu và anh đang chờ địch thủ nổ súng trước. Anh nói rõ ràng:

“Thưa ông Viện trưởng, ông lầm mất rồi. Tôi cũng cố gắng làm việc hết sức tôi để góp công vào việc chế tạo giàn máy điện thoại, xong tôi bắt tài, tôi không thành công. Vật mà ông nhìn thấy đó chỉ là một sản phẩm do bộ óc ngu xuẩn của tôi tạo ra, nó không có giá trị gì cả...”

Yakanov ngồi ngả lưng lên thành ghế và phản đối bằng một giọng vừa vui vừa lạc quan:

“Thôi mà bạn, bạn đừng tỏ ra khiêm tốn quá. Mặc dù tôi chỉ mới nhìn qua mẫu hình đó, tôi cũng đủ biết giá trị của nó. Hai nữa, Giáo sư Chelnov, người có thẩm quyền hơn chúng ta nhiều, đã kiểm soát nó và ca tụng nó hết lời. Tôi đã ra lệnh không cho bất cứ ai vào đây làm phiền chúng ta. Anh đi lấy mẫu hình tới đây, chúng ta cùng thảo luận vào chi tiết. Anh có muốn tôi mời cả Giáo sư Chelnov tới giúp chúng ta không?”

Yakanov là một kỹ sư, Sologdin cũng làm một kỹ sư. Giữa hai người chỉ có điều khác là lâu rồi Yakanov không phải làm việc như một kỹ sư trong khi Sologdin đã phải sống trong tù mười hai năm.

Cổ họng Sologdin như nghẹn lại làm anh khó nói:

“Thưa ông Viện trưởng, tôi xin nhắc lại là ông lầm. Mẫu hình của tôi không có gì cho ông phải để ý”.

Yakanov nhú mày. Y bắt đầu bực tức trước vẻ ngoan cố của kẻ y cố tình lấy cảm tình:

“Được rồi. Để coi. Anh cứ về lấy nó tới đây”.

Trên cầu vai áo nền vàng viền xanh của Yakanov có ba ngôi sao lớn nằm theo hình tam giác.

Trên cầu vai áo của Trung úy Kamyahan, người cố tình đánh cho Sologdin phải chết ở trại tập trung Gornaya Zakrytka năm xưa, cũng có ba ngôi sao như thế, chỉ khác là ba ngôi sao của Trung úy Kamyashan nhỏ hơn ba ngôi sao của Đại tá Yakanov.

Giọng nói của Sologdin bắt đầu rung động:

“Mẫu hình ấy không còn nữa. Vì thấy nó không có giá trị gì... nên... tôi đã đốt nó đi rồi...”

Yakanov xanh mặt. Trong cái yên lặng khủng khiếp của căn phòng, tiếng thở của y nổi rõ. Song y cố gắng thở nhỏ hơn.

“Anh nói sao? Tự tay anh đốt?”

“Thưa không. Tôi nộp cho người phụ trách đốt. Tôi theo đúng luật”.

Sologdin nói lí nhí khó nghe. Vẻ tự tin và thản nhiên của anh đã biến mất hoàn toàn.

Yakanov choàng đứng dậy:

“May ra vẫn còn chưa bị đốt...?”

Với vẻ ngoan cố rõ rệt, Sologdin làm Yakanov tiêu tan hy vọng vừa chớm:

“Đã đốt rồi. Tôi nhìn thấy họ đốt...”

Một tay nắm vào thành ghế, một tay nắm chặt cây chặn giấy bằng đá, Yakanov nhô người qua mặt bàn. Y như có vẻ muốn bừa đôi đầu Sologdin bằng cây chặn giấy.

Đầu hơi rụt xuống hai vai, Sologdin đứng như pho tượng bên bộ y phục xanh.

Giữa hai người kỹ sư những câu hỏi thêm và những lời giải thích đều không còn cần thiết. Hai đôi mắt họ chiếu vào nhau những tia sáng điên cuồng.

“Tôi sẽ giết anh...” - Đôi mắt ông Đại tá gầm lên.

“Cứ việc làm đi. Cho tôi một hạn tù nữa, đồ khốn...” - Ánh mắt người kỹ sư tù nhân trả lời.

Nhưng không ai to tiếng, họ không cả nói lớn. Bỗng dưng Yakanov buông cây chặn giấy và đưa bàn tay lên che mắt như ánh sáng làm mắt y chói và y lảo đảo đi ra đứng bên cửa sổ.

Sologdin cũng cảm thấy hai chân mềm nhũn làm anh đứng hết nổi, anh vịn tay lên thành ghế. “Mình chỉ còn sống được có một tháng nữa thôi. Lần này, mình phải chết thật sao?”. Đứng bên cửa sổ, ông Đại tá nghĩ.

“Một hạn tù nữa? Mình phải chết, không thể sống nổi...”. Vịn tay vào thành ghế, người tù nghĩ trong ghê rợn.

Yakanov quay lại. Mắt y nhìn Sologdin với câu hỏi: “Kỹ sư. Anh có thể hủy được sáng chế của anh sao?”

Đôi mắt Sologdin trả lời: “Tôi là tù nhân. Đừng quên tôi là tù nhân”.

Họ nhìn nhau thù hận - người nọ biết rằng vì người kia mà mình phải chết - nhưng họ vẫn không sao có thể rời mắt nhìn nhau.

Hắn sắp la hét, sắp đập bàn, hắn sắp nhắc điện thoại ra lệnh cho mình vào xà lim. Sologdin nghĩ như thế và chờ đợi những việc đó xảy ra.

Nhưng Yakanov rút trong túi ra chiếc khăn tay trắng, sạch đưa lên lau mắt. Rồi một tay vịn vào thành cửa sổ, tay kia y vẫy tù nhân đến gần.

Sologdin bước ba bước tới cửa sổ.

Lưng hơi gù xuống như một ông già, Yakanov hỏi:

“Sologdin, anh từng sống ở Mạc Tư Khoa, phải không?”

Sologdin nhìn vào mặt y:

“Thưa phải”.

“Anh nhìn xuống dưới kia” - Yakanov chỉ tay qua khung cửa sổ - “Anh nhìn thấy trạm xe buýt trên đường kia không?”

Sologdin nhìn và thấy rõ trạm xe buýt.

Yakanov dịu dàng nói:

“Lên xe ở trạm ấy, chỉ mất có nửa giờ là về đến trung tâm Mạc Tư Khoa”.

Bỗng dưng, như người sắp ngã, Yakanov đặt vội cả hai tay lên vai Sologdin. Y nói vội vàng, nùng năn, như thúc giục, như năn nỉ:

“Sologdin ... Anh có thể đành lòng bước lên chiếc xe buýt ấy vào một buổi sáng tháng Sáu hay tháng Bảy tới. Anh không thích như vậy sao? Rồi đến tháng Tám, anh có thể được đi nghỉ phép - tới Hắc Hải. Tắm biển, anh có thể tưởng tượng được tắm biển là thế nào không? Đã bao năm rồi anh không được trắm mình dưới làn nước? Tù nhân có bao giờ được tắm ở ngoài trời đâu?”

“Có chứ” - Sologdin phản đối - “Đi chặt củi trong rừng, chúng tôi được tắm suối”.

Vẫn đặt hai tay trên vai Sologdin, y lắc đầu:

“Không phải việc tắm khốn khổ khốn nạn ấy. Tắm biển khác. Nhưng mà thôi, anh không thể hiểu được. Bởi vì anh sẽ kết liễu đời anh ở Bắc cực, nơi những con sông không bao giờ có nước chảy. Nay, tôi không thể tin được rằng ở đời này lại có những người không muốn được sống sung sướng. Anh hãy nói cho tôi biết tại sao anh lại đốt mẫu hình đó?”

Trong tròng mắt đen láy của Sologdin, Yakanov nhìn rõ cái đầu tròn của y. Trong tròng mắt ấy là thế giới sâu thẳm của một cá nhân, thế giới không người nào khác có thể vào được.

“Ông nghĩ vì sao tôi lại làm thế?”

Sologdin trả lời bằng một câu hỏi khác. Giữa hàng ria và bộ râu, vành môi ướt của anh rung động như chế giễu.

Yakanov nhắc tay ra, quay lưng lại và bắt đầu bước đi:

“Tôi không thể hiểu được. Làm như vậy là anh tự tử. Làm sao tôi hiểu...”

Và sau lưng y, Yakanov nghe thấy giọng nói vững vàng, trong lạnh lạnh cất lên:

“Đồng chí Đại tá... Tôi làm thế là bởi vì tôi là một gã không quan trọng, ở đây không ai biết tôi. Tôi không muốn đánh mất cơ hội tôi có thể được tự do một cách ngu xuẩn...”

Yakanov quay phắt lại.

“Nếu tôi không đốt sáng chế của tôi, nếu tôi đặt nó nguyên vẹn trước mặt ông... thì ông Trưởng phòng tôi, hoặc ông, hoặc Oskolupov, hoặc bất cứ ai... ngay sáng mai sẽ đẩy tôi lên xe bít bùng và ngồi vào bàn ung dung ký tên lên sáng chế của tôi. Chuyện ấy từng xảy ra. Và, ở những nơi tôi được đưa đến, tôi không sao có điều kiện khiếu nại, họ tịch thu từ mẫu bút chì cùn, tôi không có nổi một mảnh giấy, làm sao tôi làm đơn? Mà có làm được đơn, họ cũng chẳng thèm gửi đi...”

Yakanov nghe Sologdin nói với một cảm giác gần như sung sướng. Y đã thầm có cảm tình với

Sologdin ngay từ phút từ nhân này bước vào đây.
“Như vậy có nghĩa là anh bằng lòng tạo lại mẫu hình?”
Người hỏi câu đó không phải là ông Đại tá Viện trưởng mà là một người tuyệt vọng, mệt mỏi, không có chút quyền hành.
“Sẽ làm lại một bản mẫu giống hệt như bản tôi đã nhờ Giáo sư Chelnov kiểm soát... trong ba ngày”.
Đôi mắt Sologdin sáng rực lên:

“Và trong năm tuần lễ nữa, tôi sẽ thực hiện cho ông một mẫu hình đầy đủ chi tiết, một mẫu hình hoàn hảo về kỹ thuật chỉ còn có việc ráp lại là dùng. Được không?”

Yakanov nói như rên rỉ:

“Một tháng. Một tháng. Phải xong nó trước một tháng”.

Sologdin thản nhiên gật đầu:

“Thì một tháng. Tôi sẽ làm xong cho ông trong một tháng”.

Yakanov bỗng trở thành nghi ngờ:

“Sao vừa rồi anh nói với tôi là mẫu hình ấy không giá trị gì?”

Sologdin cười thành tiếng:

“Ha... ha... Đó là cái bệnh riêng của tôi. Tôi có bệnh hay quên. Sống quá lâu trong tù, tôi thiếu sinh tố và dưỡng khí nên lâu lâu tôi quên. Song bây giờ tôi nhớ kỹ lắm rồi. Bây giờ tôi hoàn toàn đồng ý với Giáo sư Chelnov: đó là một sáng chế hoàn hảo về mọi mặt”.

Yakanov cũng mỉm cười. Y ngồi xuống ghế và thở ra một hơi dài như để đuổi hết ưu tư ra khỏi lồng ngực. Y bị hấp dẫn vì thái độ tự chủ của Sologdin, vì cách thức chỉ huy cuộc nói chuyện theo ý mình của người tù hầy còn trẻ này.

“Bạn chơi cái trò hơi liều đấy. Nếu gặp người khác, bạn có thể bị nguy...”

Không cần để ý tới lời trách của Yakanov, Sologdin ngồi xuống ghế và nhìn Yakanov với ý cười trong mắt:

“Bây giờ chúng ta làm gì?” Yakanov hỏi.

Sologdin nói như người đọc trên một tờ giấy:

“Trước hết, tôi không chịu giao thiệp với Oskolupov. Hắn là người thô tục và rất có thể, chuyên môn thích đòi đứng tên chung với người sáng chế. Tôi tin rằng ông không như hắn. Đúng không?”

Yakanov gật đầu. Sologdin nói gì y cũng thấy là đúng.

“Tôi cũng cần nhắc lại và nhấn mạnh để ông biết rằng mẫu hình của tôi đã thực sự bị đốt. Nếu ông thực lòng muốn cho việc tôi làm tiến triển mau lẹ, ông phải tìm cách nói riêng với ông Tổng trưởng Abakumov về tôi. Nếu không thể nói với ông Tổng trưởng được, ông nói với ông Phụ tá Tổng trưởng Sevastyanov. Ông ấy phải đích thân ký một Sự vụ lệnh chỉ định tôi làm Trưởng ban Chế tạo Đặc biệt cho công tác này. Đó sẽ là vật bảo đảm cho tôi và tôi sẽ hăng hái bắt tay vào việc. Tôi cần chữ ký của ông lớn bởi vì tôi cần tuyển chọn chuyên viên và làm việc theo ý tôi, lề lối làm việc của tôi sẽ khác hẳn với lề lối quen được áp dụng ở đây. Nghĩa là... tôi không chấp nhận chuyên viên làm việc đêm, làm thêm cả ngày Chủ nhật. Tôi chống lại việc biến những chuyên viên khoa học thành những hồn ma lơ dờ, ngái ngủ. Chuyên viên khoa học phải đến với công việc của mình với sự say sưa, hào hứng, sung sướng... như khi họ đi đến nơi hẹn ân ái với một người đàn bà đẹp, đa tình...”

Càng nói, Sologdin càng nói dễ dàng, trôi chảy hơn. Giờ đây anh thân mật với Yakanov như hai người từng chơi thân với nhau từ thuở nhỏ:

“Hãy để cho người ta ngủ, cho người ta nghỉ ngơi, cho người ta ăn uống đầy đủ để người ta làm việc. Đừng làm bận trí người ta với những lời vớ vẩn. Ông phải lo cho người ta những chuyện đó. ông cũng phải lo cho người ta cả chuyện ăn uống nữa. Đồng ý?”

Yakanov gật đầu.

“Như vậy là mọi việc đã được giải quyết xong? Tôi chỉ còn chờ đợi có đủ điều kiện là bắt tay vào việc?”

Yakanov lại gật đầu.

Kỹ sư Sologdin bước ra khỏi phòng. Chân anh đi những bước đi nhẹ nhàng, thơ thới nhưng vẫn vững chắc.

36 Không phải nghề tôi

Yakanov đi sau Foma Oskolupov lên cầu thang, nhưng khi tới hành lang, y tiến lên đi cạnh Oskolupov. Oskolupov không ưa phải đi cạnh Yakanov vì hắn vừa mập vừa lùn, thân thể hắn chỉ có bề ngang. Dù đội mũ, hắn cũng chỉ cao tới vai Yakanov.

Yakanov có thể chọn lúc này để báo cho Oskolupov biết về chuyện kỹ sư tù nhân Sologdin đã chế ra được mẫu hình giàn máy điện thoại bí mật. Y biết nếu y nói ra, thái độ bất nhã và hung hăng của Oskolupov sẽ biến đi ngay. Kể từ đêm oan nghiệt cả hai cùng bị Tổng trưởng Abakumov đe dọa, Oskolupov gần như không còn nể nang gì y nữa.

Nhưng Yakanov vẫn chưa nắm được mẫu đồ hình nhưng sự can đảm cùng vẻ mặt, lời nói của Sologdin có một cái gì làm cho y tin chắc rằng Sologdin sẽ chịu chết chứ không chịu cho không sáng chế của mình. Sự tin chắc làm cho Yakanov thấy rằng y phải giữ lời hứa với Sologdin, phải làm theo những điều kiện của Sologdin. Đêm nay, y sẽ báo cáo vụ này với Sevastyanov, làm như vậy là y qua mặt Oskolupov. Oskolupov sẽ giận điên lên, chắc chắn như thế, nhưng rồi hắn cũng sẽ phải dịu ngay. Hắn sẽ xun xoe tìm cách chia phần, không ai dám gây sự với những người thành công. Chỉ cần thành công là xong hết.

Hai nữa, Yakanov đã có dịp thấy rõ Oskolupov lo âu, sợ hãi, cuống quýt là chừng nào khi bị Tổng trưởng Abakumov đe dọa. Vì y quyết định để mặc cho Oskolupov sợ hãi thêm ít ngày nữa. Y thấy Sologdin đã nhận xét đúng khi nói rằng Oskolupov là hạng người thế nào cũng đòi ký tên chung với người sáng chế. Chỉ cần Oskolupov biết được rằng Sologdin đã sáng chế ra được mẫu hình giàn máy điện thoại, hắn sẽ lập tức nhốt riêng Sologdin vào một phòng, ngăn trở những người ra vô, sẽ đe dọa Sologdin, sẽ gọi điện thoại đến giục Sologdin cả ngày lẫn đêm để rồi sau cùng, hắn sẽ huênh hoang khoe rằng chính là nhờ sự đốc thúc của hắn mà công tác này thành công.

Tất cả những chuyện đó đều không phải là chuyện lạ với Yakanov - Y buồn nôn mỗi khi nghĩ đến những người thô bỉ như Oskolupov và những nghi kỵ, tranh giành, chèn ép ở trong ngành - nên y lặng yên không tiết lộ gì hết với Oskolupov. Tuy vậy, như để đền bù cho Oskolupov, khi vào văn phòng Viện trưởng, Yakanov làm một việc y chưa bao giờ làm trước mặt thuộc cấp là đứng ra đỡ cho Oskolupov cởi áo khoác ngoài.

Vẫn đội mũ, Oskolupov ngồi vào chỗ của Viện trưởng:

“Tên Gerasimovich làm gì ở đây?”

Yakanov ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh:

“Gerasimovich? Thưa để tôi coi... Hắn tới đây từ Stesnevka từ tháng Mười. Từ ngày đó, hắn đã làm cái máy Tivi để biểu Đồng chí Stalin làm quà mừng sinh nhật”.

“Gọi hắn đến đây”.

Yakanov ra lệnh bằng điện thoại.

Stesnevka cũng là một nhà tù đặc biệt giống như Viện Mavrino nằm trong vùng Mạc Tư Khoa. Mới đây, kỹ sư Bobyer, một tù nhân ở đó, đã thành công trong việc sáng chế một bộ phận điện tử gắn vào máy điện thoại tư nhân để nhân viên mật vụ nghe kiểm soát. Nhớ sáng chế này, kỹ sư Bobyer đã được giảm án và trả tự do ngay.

Viên sĩ quan trực mở cửa thò đầu vào:

“Thưa... tù nhân Gerasimovich xin vào”.

Yakanov gật đầu:

“Cho vào”.

Gerasimovich bước vào phòng. Anh vừa đi vừa sửa lại cặp kiếng trắng trên sống mũi, chân anh

vướng vào mép thảm trải trên sàn phòng. Đứng trước hai viên chức cao cấp mập mạp, hồng hào, Gerasimovich càng có vẻ gầy ốm, xanh xao.

“Các ông cho gọi tôi?”

Gerasimovich vừa đi gần tới gần vừa hỏi, mắt anh nhìn vào khoảng tường ở giữa Oskolupov và Yakanov.

“Ờ... ờ...” - Oskolupov đáp - “Ngồi xuống đây”.

Gerasimovich ngồi xuống. Tầm thân xương xẩu lép kẹp của anh chưa đầy một nửa lòng chiếc ghế.

“Anh... Gerasimovich... Anh là một chuyên viên nhãn quang học? Địa hạt chuyên môn của anh không phải là tai mà là mắt, phải không?”

“Thưa phải”.

Oskolupov tiếp tục hỏi. Hắn lướt đầu lưỡi trên hàm răng y như muốn chùi răng bằng lưỡi:

“Và anh là một người khá, hạnh kiểm tốt. Không ai than phiền gì anh, hả?”

Gerasimovich giữ yên lặng.

Oskolupov nheo một mắt lại để nhìn Gerasimovich:

“Anh có được biết gì về tình trạng của kỹ sư Bobyer, người cùng ở tù với anh trước đây ở Stresnevka không?”

“Tôi có được nghe nói”.

“Nhờ sự dễ dãi và bảo đảm của chúng tôi. Bobyer đã được giảm án và trả tự do ngay. Anh biết chuyện ấy chưa? Anh còn phải ở bao nhiêu năm nữa?”

“Ba năm”.

“Ba năm? Lâu dữ vậy sao?”

Oskolupov làm ra vẻ ngạc nhiên, như chuyện tù nhân còn phải ở vài ba năm nữa là chuyện hiếm có, như hắn chỉ gặp toàn những tù nhân ở tù vài ba tháng. Cách đây không lâu, hắn cũng hỏi thăm một tù nhân về hạn tù, và với mục đích làm tù nhân này đỡ buồn, Oskolupov đã nói:

“Ở tù có mười năm? Ăn thua gì, người ta ở tù hai mươi nhăm năm kia...”

Và hắn hỏi tiếp:

“Bây giờ nếu có dịp có thể được ra trước bạn ấy, anh có thích không?”

Trái tim mà Gerasimovich tưởng đã chai cứng trong lồng ngực anh bỗng nhiên rung động. Câu hỏi này của Oskolupov trùng hợp một cách lạ kỳ với lời năn nỉ của Natasha, vợ anh, trong cuộc gặp ngày hôm qua.

Gerasimovich thực hiện sự tự chủ của anh, từ lâu rồi anh đã quyết định sẽ không hòa nhã, không vui vẻ với những kẻ có quyền, vành môi anh chỉ hơi nhếch trong một nụ cười ngạo mạn:

“Làm sao tôi thích cho được? Tôi không thấy có dịp nào để tôi có thể ra khỏi đây trước hạn...”

Oskolupov gật gù cái đầu vuông:

“Ha... Anh sẽ không thể ra sớm được nếu anh chỉ ngồi chế máy Tivi. Tôi dự định đưa anh trở về Stresnevka trong ít ngày nữa và đặt anh cầm đầu một công tác. Nếu anh hoàn thành được dự án công tác ấy trong sáu tháng, anh có thể về nhà với vợ anh vào cuối mùa thu này”.

“Tôi có thể được biết việc đó là việc gì không?”

“Nhiều việc lắm. Tôi có thể cho anh biết là tất cả những dự án đó đều đích thân do đồng chí Beria đặt ra. Chẳng hạn như có việc chế tạo và đặt những máy nghe ở những hàng ghế công viên. Người ta thường quen nói chuyện tự do, bữa bãi ở ngoài công viên. Nhờ những máy nghe ấy, ta có thể nghe được tất cả mọi chuyện. Nhưng việc chế tạo máy nghe không phải là nghề của anh phải không?”

“Dạ phải. Không phải nghề tôi...”

“Hiện có hai dự án công tác này hợp với khả năng của anh. Cả hai dự án đều quan trọng và cấp thiết. Một là việc chế tạo những máy chụp hình có thể chụp được ban đêm mà không cần ánh sáng. Người ta gọi là ... cái gì nhỉ? Hồng ngoại tuyến gì đó. Nhờ máy đó, mình có thể chụp hình một người ban đêm, ở trong nhà hoặc ngoài phố, tìm ra kẻ mà người đó liên lạc, gặp gỡ và bắt luôn cả hai. Tên bị chụp hình sẽ không bao giờ có thể biết vì sao những cuộc gặp gỡ ban đêm của hắn lại bị bại lộ. Ở ngoại quốc, người ta đã bắt đầu sáng chế những máy chụp hình hồng ngoại tuyến này nhưng chưa được hoàn hảo. Mình có thể tiến nhanh hơn họ. Điều cần nhớ là những máy chụp hình kiểu này phải đơn giản, dễ sử dụng, những nhân viên điều tra không phải ai cũng là khoa học gia. Đây là việc thứ hai. Tôi tin chắc anh có thể thực hiện nó dễ dàng.

Ngành an ninh của ta đang rất cần có những chiếc máy này. Đó là máy chụp hình, cũng là máy chụp hình, nhỏ thôi để có thể gắn ở những cánh cửa mà không ai biết. Mỗi lần cửa mở là một lần máy tự động chụp hình. Như vậy là khỏi cần canh gác phiền phức, chỉ cần gắn cái máy nhỏ đó, ta có thể kiểm soát được hữu hiệu những nhà khả nghi. Bao nhiêu kẻ ra vào nhà đó sẽ bị chụp hình hết. Ta nắm được luôn bằng chứng. Máy này chỉ cần chụp ban ngày. Anh khỏi lo việc chụp hình ban đêm. Chúng tôi đang cần sản xuất thật nhiều loại máy này”.

Gerasimovich đã hướng khuôn mặt gầy, khô héo của anh về phía cửa sổ, anh không còn nhìn vào bộ mặt vuông của Oskolupov.

Người tù thấy hiện ra trước mắt bộ mặt nhăn nheo của vợ anh, anh nhìn thấy những giọt nước mắt khô hoen trên gò má tái nhợt. Đây là lần đầu tiên trong nhiều năm dài ý nghĩ sớm được trở về với cuộc sống tự do cuộn cuộn nổi lên trong tim anh.

Việc mà anh cần làm để có thể được trở về là nhận lời đề nghị đến rất đúng lúc này, anh chỉ cần làm như kỹ sư Bobyer đã làm: chế tạo một số máy làm cho một số dân ngu đần, không đề phòng bị bắt vào tù.

Làm thế, anh sẽ được ra khỏi tù nội trong năm nay, vợ anh sẽ còn sống...

Do dự, bối rối, Gerasimovich hỏi:

“Tôi có thể... ở lại đây với việc chế tạo máy Tivi?”

“Anh từ chối ư?”

Oskolupov bất mãn hỏi lại. Mặt hằn cau có. Với bộ mặt hung hãn ấy, hẳn dễ biến thành giận dữ hơn là hòa nhã:

“Tại sao?”

Oskolupov gần giọng hỏi.

Luật tù dày cho Gerasimovich biết rằng anh sẽ bị coi là lỗi bịch nếu anh tỏ ra thương hại những người dân ngu ngốc, khinh bạc sống lúc nhúc ở bên ngoài, cũng như khi anh từ chối giết một con heo thịt. Bọn dân ngu bên ngoài không biết hưởng tình trạng tự do của họ. Họ tự làm họ mất phẩm giá bằng những trò ganh tị, tranh giành bần tiện.

Natasha là người bạn đời của anh, nàng đã hy sinh cho anh cả tuổi xuân của nàng, nàng đang chờ đợi anh, đang mong đợi anh về với nàng. Nàng sắp chết, nàng đã sắp hết sức sống và khi nàng chết, anh cũng chết theo nàng.

“Lý do của tôi ư? Sao ông lại còn phải hỏi? Tôi không thể làm được việc đó!”

Gerasimovich trả lời thần nhiên, minh bạch.

Yakanov ngạc nhiên, nhìn ngay vào mặt người tù.

Oskolupov cố gắng dịu giọng để thuyết phục:

“Từ lâu rồi anh không được làm những việc quan trọng, nên anh sợ? Phải không? Anh nhút nhát quá đấy. Tôi biết anh thừa sức làm được việc này. Không cần anh nhận lời ngay, về suy nghĩ đi...”

Gerasimovich ngồi yên lặng, hai bàn tay gầy guộc như ôm chặt lấy hai thái dương.

Yakanov xen vào:

“Có gì mà cần anh suy nghĩ? Đó là nghề của anh mà?”

Gerasimovich có thể cứ nhận lời để rồi không làm, theo như lối phản đối tiêu cực của những tù nhân, nhưng anh đứng dậy, anh chiếu cặp mắt sáng rực nhìn khinh bỉ xuống bộ mặt vuông, phì nộn, đỏ au, ngu độn của tên đàn ông ngồi phì phị sau bàn:

“Không. Đó không phải là nghề của tôi...”

Giọng anh vút cao:

“Cho người ta vào tù không phải là nghề của tôi. Tôi không thể giảng bầy bắt người. Họ bắt chúng tôi vào tù, vào tù đã là một điều bậy rồi...”

37 Không, không phải em...

Tất cả những người dự cuộc học tập chính trị buổi tối này đều nóng ruột muốn được ra sớm để về nhà. Họ đều đi ra khỏi nhà họ vào lúc bảy giờ hoặc tám giờ sáng nay để hấp tấp đến những trạm xe lửa, trạm xe buýt đón xe đi đến đây, và bây giờ họ biết chắc họ không thể nào về được đến nhà họ trước 9 giờ 30 tối.

Simochka còn nóng ruột mong cho cuộc học tập này sớm chấm dứt mặc dù đêm nay nàng ở lại viện làm nhân viên trực nhật và nàng không phải bận tâm với việc đón xe về nhà. Những làn sóng sợ hãi và sung sướng theo nhau dồn dập đến trong nàng và hai chân nàng run run, hai đầu gối nàng yếu như khi nàng say champagne. Cuộc hẹn ái ân giữa nàng với Nerzhin sẽ đến trong vài giờ đồng hồ nữa. Nàng không thể để cho giây phút quan trọng nhất đời nàng trôi qua một cách cẩu thả, không chuẩn bị, chính vì vậy nên cách đây hai ngày nàng mới không gặp Nerzhin và hẹn chàng đến hôm nay. Suốt ngày hôm qua và cả nửa ngày hôm nay nàng chuẩn bị như người sắp đi dự một đại lễ. Nàng ngồi ngay bên cạnh bà thợ may để thúc giục bà này hoàn thành cho nàng chiếc áo mới - chiếc áo thật đẹp. Nàng đã tắm thật lâu, tắm toàn bộ, trong cái bồn thiếc để gần chắt cả căn phòng nhỏ xíu của nàng ở Mạc Tư Khoa. Đêm qua, nàng đã để ra nhiều giờ để uốn tóc trong những chiếc kẹp và sáng nay, nàng mất nhiều giờ nữa để mở kẹp, chải tóc trước gương, nàng nghiêng mặt nhìn nàng trong gương, cố gắng tìm những góc cạnh để có thể nghĩ rằng nàng cũng có những nét đẹp, quyến rũ.

Nàng nghĩ nàng sẽ gặp Nerzhin vào lúc ba giờ trưa, ngay sau đó nghỉ trưa, nhưng vào giờ đó nàng không thấy chàng đến. Rồi nàng bị gọi gia nhập vào một toán kiểm soát những bộ phận rò rỉ trong các phòng thí nghiệm. Sáu giờ tối nàng trở lại Phòng Âm thính nhưng vẫn không thấy Gleb. Rồi nàng phải dự cuộc học tập chính trị này. Suốt một ngày dài, nàng hay biết rằng trong ngày Chủ nhật hôm qua, Gleb Nerzhin đã được đưa đi gặp vợ, người vợ mà suốt một năm dài vừa qua chàng không được gặp.

Nhờ thân hình nhỏ bé, Simochka dễ dàng tìm được một chỗ ngồi chìm mất trong hàng ghế đông người nhất. Nàng cảm thấy hai má nàng mỗi lúc một nóng hơn mỗi lần nàng nhìn lên đôi kim của chiếc đồng hồ điện treo trên tường. Sau 8 giờ, nàng sẽ được gần Gleb.

Cuộc học tập năng nề rồi cũng tan, mọi người vội vã ra về. Đến phút cuối cùng, Simochka cảm thấy hết can đảm, nàng chần chừ mãi với việc đi tới chỗ hẹn gặp người yêu.

Mãi tới 8 giờ kém 2 phút, trái tim đập liên hồi - mặc dù những lời khen chiếc áo đẹp do những bạn đồng nghiệp thốt ra đã đem lại cho nàng thêm nhiều can đảm - Simochka mới bước vào Phòng Âm thính. Những tù nhân làm việc buổi tối ở đây đã để nạp những hồ sơ, tài liệu để cất vào tủ sắt. Bàn làm việc của Gleb nổi bật lên: chàng không có ở đó. Tại sao chàng không nhớ? Chàng đi đâu? Ngọn đèn bàn vẫn bật sáng, chàng đã nộp những tài liệu để cất đi nhưng nàng thấy có một điểm khác thường: những giấy tờ trên bàn chàng chưa được xếp dọn gọn ghẽ như mọi tối, một tập san khoa học của Hoa kỳ còn mở rộng trên bàn. Phải chăng đây là ám hiệu của chàng để riêng cho nàng: "Anh sẽ trở lại ngay".

Trung tá Roitman đưa cho nàng chìa khóa phòng và cục si dùng để gần cửa - đêm nào các cửa phòng thí nghiệm cũng phải niêm phong. Nàng thấy tối nay Trung tá Roitman có vẻ âu sầu:

"Serafima Vitalyevna... đêm nay có trực ư?"

Ông ta hỏi nàng câu đó trong lúc ông mặc áo ngoài và đội mũ.

Một hồi chuông điện dài vang dội trong những hành lang và tất cả những căn phòng trong Viện. Những người tù cuối cùng ra khỏi phòng. Simochka, với nét mặt nghiêm trọng, đi đi lại lại trong phòng. Những khi nàng không mỉm cười như thế, nàng để lộ vẻ nghiêm khắc và không chút hấp dẫn - nét xấu chính trên mặt nàng là sống mũi quá dài, quá nhọn của nàng.

Bây giờ chỉ còn có một mình nàng ở đây.

Bây giờ là lúc chàng phải đến.

Simochka đi khắp phòng, hai bàn tay khổ sở nắm chặt lại với sự bất lực. Nàng vừa phát giác ra một sự ngẫu nhiên tai hại: những tấm màn vẫn che những khung cửa sổ phòng này hôm nay được tháo xuống đem đi giặt, cả ba khung cửa sổ đều trần trụi. Bất cứ ai đứng ngoài bóng tối ngoài sân cũng có thể nhìn rõ khắp cả phòng này, trừ một khoảng nhỏ cuối cùng. Đó là chưa kể tháp canh ở đầu bức tường kia, người lính canh trên đó nhìn rõ mọi vật, mọi người trong phòng này.

Nàng có nên tắt hết đèn trong phòng không? Tắt thì được nhưng lỡ có người đi qua, tò mò vì chuyện có nhân viên trực trong phòng mà phòng lại tối om thì sao?

Không sao, không cần tắt đèn, mặc cho thiên hạ nhòm ngó. Nàng và Gleb vẫn có một chỗ kín đáo không ai thấy được. Đó là phòng ghi âm. Simochka đi tới đứng dựa vào khung cửa căn phòng nhỏ xíu này, nàng nhắm mắt lại. Lát nữa, nàng sẽ không tự ý bước vào đây. Chàng sẽ ôm nàng, kéo nàng, bồng nàng vào.

Do những cô bạn gái đã có kinh nghiệm của nàng kể lại, Simochka đã biết sẽ có những gì xảy ra. Nhưng đó chỉ là hình ảnh mơ hồ. Cơn xúc động trong nàng mỗi lúc một tăng, hai gò má nàng nóng rát như bị hơi lửa.

Cái mà nàng giữ gìn quá lâu nay trở thành một gánh nặng mà nàng cần bỏ đi. Nàng ao ước nàng sẽ có một đứa con với Gleb. Nàng sẽ đi làm nuôi con chờ đợi ngày chàng ra khỏi tù. Chỉ có năm năm nữa thôi, năm năm ngắn ngủi.

Những bước chân đi vững chắc, nhanh mau của Gleb vang lên ngoài hành lang, Simochka vội đi về bàn nàng, ngồi xuống ghế, tay cầm cây vện đính vít, nàng nhìn xuống giàn máy radio đặt sẵn trên bàn như nàng đang bận rộn làm việc.

Nerzhin đóng nhẹ cánh cửa để tiếng cửa đóng khỏ vang trên hành lang. Chàng nhìn ngay thấy Simochka cúi mặt trên bàn như một con chim nhỏ.

“Chim cút...”, đó là danh từ âu yếm chàng vẫn gọi nàng.

Nerzhin đi thẳng tới chỗ nàng, chàng tới để nói với nàng những lời chàng phải nói, chàng tới để lạnh lùng và tàn nhẫn giết nàng.

Simochka ngẩng lên nhìn Gleb với đôi mắt rực sáng yêu đương, toàn thân nàng lạnh giá ngay lập tức. Nét mặt Gleb lúc đó không phải là nét mặt của người đàn ông đến để yêu đương.

Cho đến lúc này Simochka vẫn tin chắc khi vào đến phòng, Gleb sẽ hôn nàng và nàng sẽ chống cự, không phải nàng không chịu mà vì sợ người lính gác trên tháp canh nhìn thấy.

Nhưng chàng không nhào đến ôm nàng như nàng tưởng, chàng là người đầu tiên lên tiếng nói, giọng càng nghiêm trọng và buồn rầu:

“Cửa sổ không có màn che. Anh sẽ không đến gần em quá...”

Chàng đứng ở bàn làm việc chàng, hai tay chống lên mặt bàn, nhìn về phía nàng như ông quan tòa:

“Nếu không có ai đến làm phiền chúng ta, anh với em có đủ thì giờ thảo luận một chuyện quan trọng...”

“Thảo luận?”

Simochka ngơ ngác hỏi. Nàng quay mặt nhìn Gleb trong lúc chàng ngồi xuống bàn. Có sự việc vừa xảy đến với chàng mà nàng không hay biết? Sự việc này chắc là liên hệ với vụ Viện trưởng Yakanov gọi chàng lên văn phòng tối hôm thứ Bảy? Chàng sắp đi khỏi đây? Nhưng tại sao chàng lại không tới hôn nàng?

Cổ họng Simochka nghẹn lại khi nàng hỏi:

“Có chuyện gì?... Chuyện gì...?”

Yên lặng như chết bao vây họ. Không một tiếng động nào từ ngoài vang tới họ.

“Simochka ... Anh không thể giấu không nói cho em biết...”

Nàng chờ đợi.

“Anh có lỗi với em, anh đã hành động thiếu suy nghĩ...”

Nàng vẫn không nói.

“Hôm qua... anh gặp vợ anh. Hôm qua anh được đi thăm”.

Simochka rúm người lại trong lòng ghế. Thân hình đã nhỏ bé của nàng càng thêm nhỏ xíu.

“Sao anh không cho em biết trong ngày thứ Bảy?”

Giọng nàng lạo xạo như tiếng thủy tinh vỡ vụn.

“Simochka ... Em nghĩ rằng anh có thể giấu em một chuyện như thế sao?”

“Tại sao không?”, nàng nghĩ nhưng không nói.

“Mãi tới sáng qua anh mới biết. Thật bất ngờ. Anh được họ cho biết một tiếng đồng hồ trước khi đi. Suốt một năm nay anh không được gặp vợ anh nhưng sau lần gặp nhau hôm qua, anh... anh... thấy rằng...”

Chàng nói khổ sở, khó khăn, và chàng biết rằng người đàn bà kia còn khổ sở, đau đớn hơn chàng vì những lời này:

“... anh chỉ yêu có một mình nàng. Em không biết có những gì đã xảy ra giữa vợ chồng anh. Khi anh ở trại tập trung, nàng cứu sống anh. Không có nàng, anh đã chết. Nàng đã chết. Nàng đã hy

sinh tuổi xuân cho anh, nằng cho anh cả đời nằng. Em nói em chờ anh nhưng... không thể được. Anh phải trở lại với nằng. Anh không thể... không thể..."

Gleb không còn có thể ngừng nói. Chàng đã nói rồi, chàng phải nói hết, như người bắn ra phát súng không thể hối hận chạy theo nín viên đạn lại. Phát súng giết người đã trúng đích, nạn nhân đã chết. Nói nữa hay ngừng cũng vậy thôi. Simochka gục xuống trên bàn, nằng gục xuống theo nghĩa đen, mặt nằng úp trên bàn và tóc nằng xõa vào giàn máy vô tuyến vẫn còn đỏ đèn. Gleb nghe thấy những tiếng nức nở vang lên.

"Simochka... con chim cú của anh... Đừng khóc. Xin em đừng khóc".

Chàng âu yếm nói, nhưng chàng vẫn ngồi xa nằng hai mặt bàn, chàng vẫn không thêm xê dịch. Nếu nằng phản ứng bằng cách dữ dội, sỉ nhục chàng, chàng đã thản nhiên bỏ đi, thoải mái, nhẹ người. Nhưng sự yếu đuối không chút tự vệ của nằng làm cho tim chàng thắt lại vì hối hận.

"Đừng khóc. Em đừng khóc. Lỗi tại anh. Hoàn toàn do lỗi ở anh. Anh đã làm em khổ nhưng anh không còn cách nào khác. Em bảo anh phải làm sao bây giờ?"

Chàng đau khổ khi thấy người đàn bà này khóc nhưng chàng cũng không sao có thể làm cho Nadya, vợ chàng, phải khóc. Sau cuộc gặp mặt Nadya hôm qua, chàng không còn có thể nghĩ đến chuyện ôm, hôn một người đàn bà nào khác, dù người đó có là người đàn bà chàng đã hẹn hò như Simochka.

Nằng khóc mãi và sau cùng, Gleb cũng ngừng việc yêu cầu nằng thôi khóc, chàng đốt điếu thuốc lá và đi ra đứng bên cửa sổ nhìn trời đêm.

Khi chàng quay lại, Simochka mở lớn đôi mắt nhìn chàng. Mặt nằng ràn rụa nước mắt và nằng không lau đi, nhưng ánh mắt nằng rực sáng. Lúc ấy, đôi mắt nằng thật đẹp:

"Anh và vợ anh chưa ly dị ư?"

Nằng hỏi, rõ ràng, và nằng đã hỏi đúng vào câu nằng cần hỏi. Gleb sẽ không còn có trách nhiệm gì nữa nếu vợ chàng đòi ly dị - trường hợp ấy thường xảy ra với các tù nhân - Hôm qua, Nadya cũng có nói đến chuyện ly dị nhưng chàng không nên nói lại với Simochka.

"Không..."

Chàng đáp nhưng cố không để cho Simochka cảm thấy là chàng tránh nói đến tiếng "ly dị".

"Vợ anh chắc là đẹp lắm?"

"Với anh thì nằng đẹp..."

Simochka thở dài:

"Nếu nằng đẹp, nằng sẽ không chờ đợi anh..."

Simochka không thể nào chấp nhận được quyền làm vợ của người đàn bà xa lạ nào đó mà nằng chưa hề gặp. Người đàn bà đó chỉ sống với Gleb một thời gian nào đó thôi, nhưng đã lâu lắm rồi, đã tám năm người đàn bà đó không ở gần Gleb, không chia sẻ buồn vui với Gleb, chắc chắn thì phải đi lại với nhiều người đàn ông khác. Không một người đàn bà trẻ đẹp nào lại có thể chịu đựng nổi tám năm. Gleb phải thuộc về nằng, về Simochka. Đêm nay, nằng có quyền làm vợ Gleb.

"Nằng sẽ không chờ anh đâu..."

Simochka nhắc lại. Lời nằng nói như mũi kim nhọn đâm vào tim Gleb.

"Nằng đã chờ trông tám năm..."

Gleb phản đối, nhưng bản tính lý luận của người khoa học trong chàng bắt buộc chàng phải nói thêm:

"Tất nhiên những năm cuối cùng là những năm khó khăn nhất..."

Simochka đưa mu bàn tay lên chùi nước mắt, nằng nhắc lại, thì thầm như nói một mình:

"Nằng sẽ không chờ..."

Nerzhin nhún vai. Quay lại nhìn ra những điểm sáng rải rác trong vùng trời đêm bên ngoài, chàng cũng nói như người nói một mình:

"Nếu nằng không chờ cũng không sao. Điều quan trọng là mình không có lỗi..."

Đột nhiên, luồng tư tưởng lồi cuốn chàng, Gleb nói đều đều:

"Simochka... tôi không tự cho tôi là người tốt. Khi nhớ lại những gì tôi đã làm - như nhiều người khác đã làm - ở trên đất Đức, tôi thấy rõ tôi không phải là người tốt. Lúc ấy, tôi không biết thế nào là tốt, xấu, tôi chưa hề nghĩ đến chuyện con người có thể làm những việc gì và không nên làm những việc gì. Nhưng từ ngày ở tù, tôi thấy, tôi biết. Càng sống mất phẩm giá chừng nào, tôi càng thấy giá trị của con người... Nếu vợ tôi không chờ tôi? Nếu vợ tôi không

chung thủy với tôi? Cũng không sao. Không có gì thay đổi. Tôi sẽ chết vô ích ở Bắc cực. Nhưng khi nào ta chết, ta được biết chắc rằng ta không phải là một thằng đểu, ta còn là một người, đó là một điều làm ta hài lòng. Ta chỉ cần có thể mà thôi...”

Chàng có thể nói dài, nói lâu về đề tài trừu tượng này, nhất là khi chàng chẳng còn chuyện gì để nói. Nhưng Simochka không còn nghe bài giảng của chàng. Nàng đang kinh hoàng tưởng tượng đến cảnh thê thảm của đời nàng, nàng sẽ về nhà tả tơi như cái mền rách, nằm vật xuống giường - chiếc giường trong nhiều đêm nàng ngủ với cảm giác có chàng nằm bên - Nàng đã chuẩn bị long trọng đến chừng nào cho đêm nay. Nàng đã tắm kỹ, đã thoa nước bông... Thật nhục nhã và cay đắng.

Nhưng nếu một cuộc gặp gỡ chớp nhoáng diễn ra trong nửa giờ, với sự có mặt của nhân viên an ninh, có sức mạnh hơn cả một năm dài nàng ngồi cạnh chàng, hơn cả sự hy sinh của nàng, nàng đành chịu thua, đành bất lực.

Nerzhin ngừng nói khi thấy rằng Simochka không nghe, và nàng không cần chàng giải thích, an ủi. Chàng lén nhìn lên đồng hồ: còn những hai mươi năm phút nữa mới đến 9 giờ.

Simochka không thể bảo chàng đi đi, và Nerzhin cũng không thể bỏ ngay đi được, mặc dù cả hai người cũng biết rõ là họ chẳng còn có gì để nói với nhau, họ ngồi bên nhau vô ích và chỉ làm cho nhau thêm khó chịu.

Những ngón tay vô hồn của Simochka vặn một nút điện trên giàn máy radio và tiếng nhạc bỗng tràn đầy gian phòng. Giữa tiếng đàn dây rền rĩ họ nghe tiếng hát ấm và nồng nàn của danh ca Obukhova:

Không...! Không phải em là người tôi yêu...
Nhan sắc em không làm tôi xúc động...

Thật là lạ lùng. Như người ta cố ý hát lên bài này để làm tăng thêm nỗi đau khổ của Simochka. Nàng run rẩy lắng nghe...

Tuổi trẻ...
Tuổi trẻ qua đi...
Chúng ta mất hết...
Không còn gì...
Không...! Không phải em là người tôi yêu...

Nerzhin đến gần đưa tay ra định tắt máy, nhưng với vẻ cương quyết hiếm có, Simochka nói lớn:

“Đừng. Mở lớn hơn đi!”

Và nàng lại khóc.

Gleb rung động, khẽ nói:

“Em tha lỗi cho tôi”.

“Không sao...”

Simochka can đảm gượng cười nhưng những giọt nước mắt vẫn rơi trên má nàng.

Và lạ lùng thay, Obukhova càng hát, cả hai người cùng cảm thấy dễ chịu. Mười phút trước, họ

xa cách nhau đến nỗi họ không còn đủ ý chí để chào từ biệt nhau. Giờ đây một cái gì dịu dàng tươi mát đã đến với họ.

Khi nào chúng ta xa nhau...
Hãy hôn nhau...
Dù chỉ là chiếc hôn...
Rất nhỏ...

Không nghĩ đến việc người lính canh bên ngoài có thể nhìn thấy, Nerzhin cúi xuống, nâng mặt Simochka bằng hai bàn tay, hôn lên trán nàng.

“Simochka... Em đi rửa mặt đi. Họ sắp tới xét tù đấy...”

Nàng giật mình, nhìn lên đồng hồ và hiểu. Đôi lông mày mỏng của nàng nhếch lên, như đến giây phút này nàng mới thật hiểu có những gì đã xảy đến với nàng tối nay. Ngoan ngoãn và buồn rầu, nàng đi tới bồn sứ có vòi nước ở cuối phòng



38 Hãy bỏ lại hy vọng, hỏi những ai vào đây

Một ngày nữa lại trôi qua, mặc dù sự lo âu của Innokenty không giảm, vẫn không có gì khả nghi là việc làm của chàng bị bại lộ xảy ra hết. Tuy vậy, Innokenty biết rằng đêm xuống, chàng sẽ lo sợ nhiều hơn, bởi vậy chàng quyết định sẽ đi coi hát cùng với Dotty, vợ chàng. Chàng sẽ trốn trong rạp hát để khỏi phải giật mình mỗi khi có tiếng chuông cửa.

Bỗng tiếng chuông điện thoại reo vang. Đây là lúc vợ chồng Innokenty sửa soạn đi coi hát.

Dotty, tươi trẻ và quyến rũ trong bộ áo tắm mặc sơ trên người, vừa đi ra khỏi phòng tắm.

Innokenty đứng đó, chàng mệt mỏi nhìn xuống máy điện thoại:

“Dotty” - Chàng bảo vợ - “em trả lời cho anh. Có ai hỏi anh em trả lời anh không có nhà, không biết đến bao giờ anh về. Họ có thể làm hỏng đêm nay của vợ chồng mình”.

Một tay nắm ngực áo. Dotty nhắc ống nói:

“Alô? Nhà tôi không có nhà... Ai? Ai đó?”

Bỗng giọng nói và vẻ mặt của nàng đổi thành thân thiện:

“Alô... Kính chào Đồng chí Đại tướng... Dạ... dạ...để tôi hỏi lại xem... Xin chờ...”

Nàng che ống nói và đôi mắt sáng lên, nhìn chòng:

“Đại tướng muốn nói chuyện với anh. Ông ấy có vẻ vui lắm...”

Nghi ngờ nổi lên trong Innokenty. Việc ông Đại tướng đích thân gọi tới nhà một nhân viên dưới quyền ban đêm, và ông lại tỏ ra vui vẻ nữa, là một việc ít có.

Dotty ghi nhận sự do dự của chồng, nàng linh động nói vào máy:

“Có người mở cửa. Chắc là nhà tôi về... Dạ, đúng là nhà tôi. May quá.... Ini... lại đây mau... Đại tướng gọi anh...”

Mặc dù Dotnara chưa từng bao giờ học về diễn xuất, nàng cũng chưa bao giờ lên sân khấu đóng kịch nhưng giọng nói của nàng làm cho kẻ đa nghi nhất ở đầu dây nói bên kia cũng phải nhìn thấy cảnh Innokenty vừa mở cửa vào nhà, giơ tay định cởi áo ngoài và trước tiếng gọi của vợ, đi tới chỗ đặt máy điện thoại.

Giọng nói của ông Tướng đúng là giọng nói vui vẻ như Dotty đã nhận thấy. Ông hiền hòa báo cho Innokenty biết rằng sự ủy nhiệm của chàng đã được cấp tối cao chấp thuận: sáng thứ Tư, chàng sẽ ngồi phi cơ bay đi Paris, ngày mai chàng sẽ bàn giao chức vụ ở Bộ và ngay bây giờ,

chàng phải tới sở để nhận những chỉ thị mật cuối cùng. Chàng sẽ mất chừng nửa tiếng đồng hồ. Một chiếc công xa đã được Bộ Ngoại giao cho tới nhà chàng để đón chàng.

Innokenty đặt máy xuống. Chàng thở ra một hơi dài, hài lòng, nhẹ người. Cùng với hơi thở này, chàng trút hết cơn sợ hãi và nghi ngờ dồn ập ở trong ngực chàng kể từ phút chàng gọi điện thoại đến nhà Giáo sư Dobroumov.

“Dotty... anh sẽ bay đi Paris vào sáng thứ Tư. Ngay bây giờ anh phải tới sở...”

Vợ chàng đã ghé tai vào ống nghe và nàng cũng đã nghe rõ tất cả, nàng nghiêng đầu, duyên dáng hỏi chồng:

“Chỉ thị mật là những chỉ thị gì? Có chỉ thị nào liên can đến em không?”

“Có thể”.

“Anh sẽ nói gì với họ về em? Không có em, làm sao anh đến Paris được? Anh cứ nói là không có em, anh không thể làm việc được. Em muốn đi Paris với anh”.

“Tất nhiên là em cũng đi chứ, nhưng không đi ngay thôi. Anh phải đến Paris trước, làm quen với mọi việc, mọi người...”

“Nhưng em muốn đi Paris ngay kia”.

Innokenty mỉm cười, chàng hôn nhẹ lên má vợ:

“Để anh gắng xem, cũng có thể là em cùng đi ngay với anh, có thể là em phải đi sau. Chưa thấy họ quyết định gì cả. Bây giờ anh tới Bộ. Họ cho xe đón anh, em cứ sửa soạn, nhưng từ từ thôi. Đừng vội. Chúng mình sẽ bỏ màn đầu. Đêm còn dài. Trước khi về, anh sẽ gọi điện thoại từ Bộ cho em biết”.

Chàng vừa bận xong bộ sắc phục ngoại giao thì có tiếng chuông cửa, người tài xế của Bộ đem xe đến đón. Người tài xế này không phải là Victor, người vẫn thường đến đón chàng mọi ngày. Hắn hơi gầy, cử chỉ nhanh nhẹn, nét mặt vui và có vẻ có học. Hắn đi sát sau Innokenty trên đường xuống thang lầu, tay hắn quay quay dây chìa khóa xe.

“Tôi không nhớ mặt anh...” Innokenty vừa gài nút áo ngoài vừa nói.

“Tôi có được đến đón ông hai lần...”

Gã tài xế nhanh nhẩu đáp. Nụ cười của hắn vừa ngây thơ vừa tinh quái. Innokenty nghĩ rằng hắn thuộc tài xế khôn lanh rất được việc và làm được nhiều việc khác ngoài việc lái xe.

Họ vào chiếc xe đen đầu trước cửa và xe mở máy chạy đi. Innokenty ngồi ở băng sau. Hai lần, gã tài xế gợi chuyện nói với chàng nhưng chàng không nghe. Bỗng chiếc xe quẹo gấp vào vỉa hè và dừng lại. Innokenty nhìn thấy một người đàn ông hầy còn trẻ đứng ở bên hè với ngón tay giờ lên:

“Ông này là Ủy viên Kiểm soát Công xa...” - Gã tài xế giải thích - “chúng tôi bắt buộc phải cho ông đi nhờ...”

“Được. Được. Không sao...”

Gã tài xế nhào người ra mở cánh cửa băng trên, nhưng khóa cửa bị kẹt, hắn tắc lưỡi rồi ngoảnh lại nói:

“Đồng chí Cố vấn... xin phép đồng chí cho ông ấy được ngồi băng sau... Tôi bị bắt buộc...”

“Được. Được. Không sao”.

Innokenty nhắc lại. Chàng đang ở trong trạng thái tâm hồn phơi phới, chàng như đang nhìn thấy chàng nhận sổ thông hành, chiếu khán, đi theo đoàn hành khách vô tư lên phi cơ, bay vút lên trời, bỏ hết mọi nguy hiểm, âu lo lại sau lưng.

Gã Ủy viên Kiểm soát Công xa, một điều thuốc dài gắn trên vành môi, cúi mình vào xe. Gã nói: “Xin lỗi” và buông mình ngồi phịch xuống.

Chiếc xe chồm trên mặt đường.

Trong khoảnh khắc, Innokenty cảm thấy cái cảm giác ghê tởm phải ngồi ăn với một gã đàn ông lạ mà chàng nghi là không được sạch sẽ lắm. Chỉ trong nửa phút xe chạy, gã đàn ông lạ đó đã làm không khí trong xe tràn đầy khói thuốc lá.

Innokenty nói, giọng hơi gay gắt:

“Hạ cửa xe cho khói ra chứ”.

Nhưng gã đàn ông lạ như không nghe rõ chàng nói gì. Gã không hạ cửa kiếng xe, thay vì làm thế, gã nghiêng người móc trong túi ra một tờ giấy, mở rộng, đưa cho Innokenty:

“Này, đồng chí, đọc giùm tôi cái này, để tôi chiếu đèn cho sáng”.

Xe chạy vào một con đường tối, có thể là đường Pushechnaya. Gã đàn ông lạ móc túi lấy ra cây

đèn bấm làm theo kiểu cây viết. Gã chiếu vòng ánh sáng vàng lên mặt giấy xanh. Innokenty nhún vai, chàng đỡ lấy tờ giấy với cảm giác ghê tởm và bắt đầu lơ đãng đọc:

“Tôi, Trưởng lý Công tố viện Liên bang Xô Viết ra lệnh...” Vừa đọc chàng vừa nghĩ đến chuyện tại sao gã lạ mặt này lại đưa cho chàng đọc tờ giấy này, bộ gã không biết chữ hay sao, hay là gã say rượu? - “bắt giam” - Chàng đọc nhưng vẫn chưa hiểu là chàng đang đọc gì - “tên Volodin, Innokenty Aratemyevich, sinh năm 1919...”

Chỉ đến lúc đó, khi thấy tên mình hiện lên trên tờ trát tổng giam, Innokenty mới thấy chàng bị đâm suốt từ đầu đến chân, bằng một mũi kim dài và nhọn hoắt. Chàng mở lớn miệng, nhưng không một âm thanh nào thoát ra được. Bàn tay, vẫn cầm tờ giấy, rơi xuống đùi chàng và gã đàn ông lạ mặt, đưa tay trái lên nắm cổ áo chàng, chiếu đèn bấm vào mặt chàng, gằn giọng:

“Ngồi im. Ngồi im. Đừng làm bậy. Chết ngay lập tức...”

Gã làm Innokenty hoa mắt vì ánh đèn và thở khói thuốc mù mịt mặt chàng.

Mặc dù Innokenty vừa đọc lệnh bắt giam chàng, và mặc dù chàng hiểu rằng đời chàng đến đây là hết, ngay lúc đó, điều làm chàng không sao chịu nổi là những ngón tay cứng như sắt của kẻ lạ túm lấy cổ áo chàng, và ánh đèn, khói thuốc phả vào mặt chàng:

“Buông ra...”

Chàng đưa những ngón tay run rẩy lên gỡ bàn tay nắm cổ chàng, tuy chàng biết hơn ai hết rằng trát bắt giam không phải là trát giả mạo, chàng bị bắt thực sự nhưng chàng vẫn còn tin rằng nếu chàng tới được Bộ Ngoại giao, gặp được những thượng cấp quen biết của chàng, lệnh này sẽ được hủy bỏ. Chàng run rẩy mở cửa xe, nhưng khóa cửa không mở.

“Tài xế...” - Chàng giận dữ kêu lên - “Thế này là nghĩa lý gì? Các người định làm gì tôi?”

Gã tài xế thay đổi hẳn thái độ, vừa gia tăng tốc lực cho xe chạy mau hơn, gã vừa hung hãn trả lời:

“Tôi phục vụ Liên bang Xô Viết...”

Xe chạy qua công trường Lubyanka sáng trưng ánh đèn như cố ý để cho Innokenty nhìn thấy lần cuối cùng không những là thế giới mà chàng sắp rời bỏ mà còn cho chàng thấy cả hai tòa nhà Lubyanka Cũ và Mới, một trong hai tòa nhà đó, năm tầng cao, là nơi kết liễu cuộc sống của chàng.

Nhiều dãy xe hơi dừng lại khi đèn đỏ và từ từ chuyển bánh khi đèn đổi màu xanh. Những chiếc xe buýt chở đầy người. Hai bên vỉa hè, người ta chen vai nhau đi. Không ai biết gì đến nạn nhân đang bị bắt đi đến chỗ chết thê thảm ngay ở trước mắt họ.

Chiếc xe chạy tới ngang mặt tòa nhà nổi tiếng khắp thế giới và quẹo vào đường Lubyanka Bolshaya. Những cánh cổng sắt đen mở ra khi xe vừa tới và đóng ngay lại khi xe vừa đi qua. Khi xe chạy qua cổng sắt, nắm tay trên cổ áo Innokenty mới nói lỏng, khi xe vào đến sân, gã lạ mặt mới hoàn toàn buông chàng. Gã nhanh nhẹn mở cửa xe bên phía gã và bước ra:

“Đi ra...”

Gã tài xế cũng xuống xe. Gã mở cánh cửa xe phía Innokenty. Rõ ràng là ở trong xe mở không được cửa nhưng ở ngoài thì mở được.

“Đi ra. Tay để ra đằng sau”.

Gã cũng nói bằng giọng ra lệnh. Lúc này, gã không còn giống chút nào với gã tài xế tươi tỉnh, vui vẻ khi Innokenty mới nhìn thấy gã.

Innokenty ra khỏi xe. Chàng đứng thẳng người lên và làm theo lời ra lệnh, mặc dù chàng không biết tại sao chàng lại làm theo, chàng đặt hai tay ra đằng sau.

Bọn đi bắt chàng đã đối xử với chàng một cách thô bạo nhưng dù sao, việc bị bắt, đối với chàng, cũng không đến nỗi ghê khiếp quá như chàng tưởng tượng trong thời gian chờ đợi bị bắt. Chàng có cái cảm giác gần như là dễ chịu. Như vậy là chàng không có cái gì phải sợ nữa, không còn gì để phải chiến đấu, phải giả vờ. Chàng có cảm giác tê dại như người lính khi bị thương.

Chàng nhìn quanh mặt sân nhỏ, tăm tối. Mặt sân này là đáy một cái giếng sâu, thành giếng là những tòa nhà cao bao quanh.

“Không được nhìn” - Gã tài xế đẩy chàng - “Đi”.

Họ đi thành hàng một, Innokenty đi giữa, qua những nhân viên mật vụ bận đồng phục MGB thản nhiên, qua một cổng đá thấp, xuống vài bậc đá, vào một mặt sân nhỏ khác - sân này có mái che nên u tối hơn - rồi rẽ trái. Gã tài xế mở một cánh cửa, cánh cửa này trông sang và đẹp

như cửa phòng mạch bác sĩ nhà giàu.
Cửa mở vào một hành lang nhỏ, sạch, sáng đèn. Gã tài xế đi đầu bắt đầu tắc lưỡi như để gọi chó mặc dù không thấy bóng một con chó nào hết.
Hành lang ngừng trước một cánh cửa khác. Nửa trên của cánh cửa này là kiếng nhưng có màn nhung che bên trong. Trên tường có tấm bảng đồng khắc hàng chữ: PHÒNG TIẾP NHẬN NGƯỜI BỊ BẮT.
Gã tài xế nhấn chuông cửa. Tấm màn bên trong được vạch ra và bộ mặt dài như mặt ngựa của người gác, bận đồng phục mang cấp bậc Trung sĩ, thản nhiên nhìn ra. Rồi y mở cửa và gã tài xế một mình bước vào phòng. Cánh cửa đóng lại sau lưng chúng.
Innokenty và gã mặt lạ đứng im lặng trước khung cửa.
Tấm bảng PHÒNG TIẾP NHẬN NGƯỜI BỊ BẮT là thứ bảng giống như bảng NHÀ XÁC hoặc PHÒNG TIẾP NHẬN XÁC CHẾT - và nghĩa của nó cũng như thế. Innokenty không còn có cả ý lực để tỏ thái độ bất bình với gã đàn ông lạ mặt đã đóng kịch để bắt chàng, gã đàn ông đầy hỗn xược. Chàng nên phản đối, la hét, đòi hỏi pháp luật và công lý, nhưng lúc này, chàng quên mất cả việc chàng vẫn giữ hai tay sau lưng. Tâm trí chàng đã ngừng hoạt động và chàng nhìn ngây, như bị thôi miên, lên tấm bảng PHÒNG TIẾP NHẬN NGƯỜI BỊ BẮT.
Cánh cửa lại mở và gã nhân viên mặt dài ra hiệu cho họ bước vào. Gã đi trước họ, lưỡi tắc tắc như gọi chó.
Trong phòng này cũng không có chó.
Phòng có đèn sáng và sạch như phòng bệnh viện.
Trong phòng có hai cửa sơn xanh, gã nhân viên mở một cánh cửa và nói:
“Vào đây”.
Innokenty bước vào. Chàng vừa vắn kịp nhìn quanh để biết rằng phòng này không có cửa sổ và đồ đạc trong phòng chỉ là một cái bàn gỗ dài và hai cái ghế đầu, hai tên mặt vụ đi bắt chàng đã tới sau lưng chàng. Một tên khóa hai tay chàng ra sau lưng, tên kia lục soát các túi chàng.
“Các người ăn cướp à?” - Innokenty kêu lên, nhưng tiếng kêu của chàng đã yếu “...Ai cho các anh có quyền khám tôi...?”
Chàng yếu đuối chống cự, nhưng tự biết rõ rằng đây không phải là bọn cướp bóc và hai gã mặt vụ này chỉ làm công việc được giao phó cho chúng làm sức lực của chàng tiêu tan và giọng nói của chàng thiếu những thanh âm quyết liệt.
Họ lấy chiếc đồng hồ vàng ra khỏi túi chàng cùng hai cuốn sổ tay, một cây bút bằng vàng, và một chiếc khăn tay. Chàng nhìn thấy trong tay chúng cái phù hiệu đeo ở vai áo của nhân viên ngành ngoại giao nhưng ngay lúc đó chàng không biết đó chính là phù hiệu của chúng lộ ra ở vai áo của chính chàng. Cuộc giằng co tiếp tục. Gã mặt vụ đóng vai Ủy viên Kiểm soát đưa trả chàng cái mùi-soa.
“Cầm lấy”.
“Bàn tay bẩn thỉu của các anh đã cầm nó...”
Innokenty rút lên và lùi lại, như chàng bị bắt cầm một vật gì ghê tởm.
Chiếc khăn rơi xuống sàn.
“Người ta sẽ cho anh một tờ biên nhận những vật này...”
Gã mặt vụ lái xe nói, sau đó cả hai đi vội ra khỏi phòng.
Gã Trung sĩ mặt dài, trái lại, đứng đĩnh không chút vội vàng. Nhìn chiếc khăn tay nằm dưới sàn, gã khuyên:
“Nên nhặt lên là hơn”.
Nhưng Innokenty vẫn không chịu cúi xuống.
“Chúng nó lộ phù hiệu của tôi...”
Chàng điên lên vì giận. Đến lúc này chàng mới biết là cặp phù hiệu trên vai áo của chàng đã bị hai tên mặt vụ lộ mất.
“Hai tay sau lưng” - Gã Trung sĩ nói bằng một giọng máy móc - “Đi”.
Và gã tắc lưỡi.
Hành lang đi vòng và mở vào một hành lang khác, hai bên có những ô cửa nhỏ sơn màu xanh ô-liu. Mỗi ô cửa có một bảng số ghi hình bầu dục. Trong lúc Innokenty và gã Trung sĩ đi qua hành lang, một cô nữ nhân viên mặt vụ đã có tuổi, cũng bận đồng phục MGB, cũng mang cấp bậc Trung sĩ, đang đứng nhìn qua lỗ nhòm đục trên cánh cửa vào một văn phòng. Mụ thản nhiên

buông miếng gỗ che lỗ nhòm xuống và quay lại nhìn Innokenty như chàng từng đi qua đi lại trước mặt mù cả trăm lần trong ngày và không hề có gì lạ đáng để ý trong việc chàng đi trước mặt mù một lần nữa. Mụ tra một chìa khóa dài vào ổ khóa thép của ô cửa ghi số 8, đẩy cánh cửa và ra hiệu cho chàng:

“Vào đi”.

Innokenty bước qua cánh cửa vào phòng. Trước khi chàng kịp quay lại để hỏi, cánh cửa đã đóng lại.

Như vậy đây là nơi chàng phải sống? Một ngày? Một tháng? Một năm? Nhiều năm? Không thể gọi đây là một căn phòng, cũng không thể gọi đây là một xà lim, bởi vì, qua những gì ta biết nhờ sách vở, một căn phòng ít nhất cũng phải có một cửa sổ, và có chỗ để có thể đi đi lại lại, dù rất nhỏ, rất hẹp. Ở đây Innokenty không thể bước đi, cũng không thể nằm xuống được, chàng chỉ có thể ngồi. Một cái bàn gỗ và một cái ghế đầu chiếm hết chỗ. Ngồi lên ghế, chàng không duỗi thẳng chân ra được.

Không còn gì nữa trong cái ô nhỏ này. Tường và trần sơn trắng được chiếu sáng rực bởi một bóng điện 200 nến nằm trong cái giỏ dây thép trên trần.

Innokenty ngồi xuống. Hai mươi phút trước chàng còn đang tưởng tượng ra cảnh chàng đến Paris nhận chức vụ mới. Hai mươi phút trước cuộc đời chàng là một dòng sự kiện êm đẹp, trôi chảy nhịp nhàng, những sự kiện ăn khớp với nhau, soi sáng cho nhau và mỗi sự kiện đánh dấu một thành công. Nhưng hai mươi phút đã qua, giờ đây trong cái bẫy nhỏ hẹp này, cuộc đời cũ đối với chàng chỉ là một xâu những lỗi lầm, những thất bại.

Không có tiếng động nào vang từ ngoài hành lang vào, trừ đôi khi có tiếng mở cửa đầu đó.

Chỉ hai phút một lần, một số gỗ che lỗ nhòm nhìn được nhắc lên và một con mắt nhìn qua làn kiếng vào chỗ chàng. Ở trong nơi nhỏ hẹp này, người tù không thể có chỗ tránh được mắt nhìn soi mói của người canh.

Innokenty bắt đầu cảm thấy ngột thở và nóng bức. Chàng cởi chiếc áo ngoài và buồn rầu nhìn vai áo bị lột mất cầu vai. Không có đinh treo áo trên tường, chàng phải để áo và mũ lên bàn.

Một chuyện kỳ lạ nữa xảy ra, giờ đây cuộc đời chàng đã bị sét đánh trúng, Innokenty vẫn không thấy trí óc mình tê liệt vì sợ hãi. Thực ra, trí óc chàng lại bắt đầu làm việc, nó tập trung vào những lầm lỗi chàng đã phạm. Tại sao chàng không đọc kỹ, đọc hết trát bắt giam? Tờ trát ấy có hoàn toàn hợp pháp không? Có con dấu của nhà nước trên đó không? Có chữ ký của ông Biện lý không? Có. Chàng nhớ rằng chữ ký ở ngay trên đầu tờ giấy. Nhưng chàng không nhớ trát được ký vào ngày nào. Và chàng bị kết tội gì? Không biết ông Đại tướng có biết vụ này hay không khi ông gọi điện thoại cho chàng? Chắc chắn là ông phải biết. Như vậy nghĩa là cuộc điện đàm đó cũng chỉ là một phần trong màn kịch bắt chàng. Tại sao họ phải bày ra hai tên tài xế và Ủy viên Kiểm soát?

Chàng cảm thấy có vật gì nhỏ và cứng nằm trong một túi áo. Móc ra xem, chàng thấy đó là cây viết chì nhỏ rơi ra từ một quyển sổ tay của chàng. Innokenty mừng rỡ khi tìm thấy cây bút. Nó có thể hữu dụng với chàng. Bọn này thật tồi. Ngay cả trong khám đường Lubyanka bọn mật vụ cũng không thực hiện được một cuộc khám xét chu đáo. Sau khi lựa chỗ tốt nhất để giấu cây bút, Innokenty bẻ bút làm hai, đặt mảnh bút vào trong giày, chỗ giữa lòng bàn chân.

Ồ, chàng đã quá vội vã. Lẽ ra, chàng phải đọc hết trát lệnh bắt giam để xem họ bắt chàng vì tội gì. Rất có thể chàng bị bắt không phải vì tội chàng gọi điện thoại đến báo tin cho Giáo sư Dobroumov. Rất có thể là họ bắt lầm, cũng có thể là sự tình cờ. Chàng phải có thái độ gì bây giờ?

Chỉ có một thời gian ngắn trôi qua, nhưng chàng đã nhiều lần nghe thấy có tiếng kêu của một thứ động cơ nào đó sau bức vách đối diện với cánh cửa. Giàn máy nào đó nổi lên, chạy đều chừng hai phút, rồi ngừng bật. Innokenty bị ám ảnh với việc tìm hiểu cái máy đó là máy gì? Đây là một khám đường, đây không phải là một xưởng máy. Với một người đàn ông bắt đầu lớn lên trong những năm 40, từng nghe nhiều chuyện đồn đại về những giàn máy giết người, ý nghĩ về cơ khí lập tức gọi cho người nghĩ một cái gì ghê gớm. Ý nghĩ đến trong óc Innokenty - chàng biết nghĩ vậy là vô lý nhưng cùng một lúc, chàng vẫn nhận là rất có thể như thế - rằng giàn máy mà chàng nghe tiếng đó là giàn máy nghiền nát bộ xương của những người tù bị giết chết.

Chàng bắt đầu kinh sợ.

Cùng một lúc, một ý nghĩ khác đến như mũi kim nhọn đâm sâu vào trái tim Innokenty: chàng

đã phạm một lỗi lầm sơ hở quá nặng, một lỗi lầm ghê rợn, không những là chàng chỉ không đọc trát bắt giam từ đầu đến cuối mà thôi, tệ hơn nữa là chàng đã quên không phản đối mà là trình bày, là kêu la - rằng chàng vô tội. Chàng chịu đựng cuộc bắt bớ này với thái độ quá mềm yếu làm cho họ có lý để tin rằng chàng có tội. Tại sao chàng lại có thể quá mềm yếu như thế được? Sao chàng lại có thể để cho họ bắt chàng mà không kêu lớn là chàng oan? Thái độ của chàng cho họ có lý khi nghĩ rằng chàng đã chờ đợi để bị bắt, chàng đã chuẩn bị để bị bắt! Chàng điếng người vì sự sơ hở oan nghiệt này. Ý nghĩ đầu tiên của chàng là phải chồm ngay lên, đập cửa, đá mạnh vào cánh cửa, hả họng la lớn là chàng vô tội, đòi hỏi phải mở cửa... Nhưng ngay sau đó một ý nghĩ khác tới trong óc chàng, ý nghĩ thứ hai này sáng suốt hơn: dù chàng có làm như vậy ở đây cũng sẽ chẳng có ai ngạc nhiên, chắc chắn là đã có nhiều người trước chàng từng đập cửa, từng kêu oan, và sự im lặng của chàng từ nãy đến giờ đã làm hư hỏng tất cả. Ô... Tại sao chàng có thể tự để cho chàng rơi vào tay họ một cách quá dễ dàng như thế? Không một cử chỉ chống cự, không cả một lời phản đối, một nhân viên ngoại giao cao cấp đã để cho mình bị thiên hạ đến tận nhà riêng bắt đi, bị tóm cổ trên đường phố Mạc Tư Khoa đưa tới nhốt trong phòng giam nhỏ xíu này.

Tới đây chàng không còn lối thoát. Từ đây chàng hết lối thoát.

Rất có thể, những vị thương cấp của chàng vẫn chờ chàng đến ở Bộ Ngoại giao? Bằng cách nào chàng có thể tới được đó bây giờ? Dù là tới đó với sự áp giải của nhân viên mật vụ?

Giàn máy bí mật ở bên kia bức tường lại chuyển động, gừ lên rồi lại ngừng.

Hai mắt Innokenty mở và đau nhức vì ánh đèn điện quá sáng trong phòng giam quá hẹp, dừng lại ở một khung đen trên trần - đây là khung đen Chúa nhật trong phòng giam này - đó là một ô vuông nhỏ có lưới sắt, có vẻ là ống thông hơi.

Đột nhiên, chàng nghĩ rằng đó không phải là ống thông hơi, ô vuông đó là lỗ người ta xì hơi độc vào phòng này, và giàn máy chàng nghe thấy chuyển động đó là máy thổi hơi độc, và hơi độc đã được xì vào phòng này ngay từ lúc cánh cửa đóng lại sau lưng chàng, gian phòng nhỏ xíu, kín mít, với cánh cửa đóng khít chặt này chỉ có thể là một phòng dùng để giết người bằng hơi độc. Chính vì vậy mà họ luôn luôn nhìn vào phòng này qua ô kiếng trên cánh cửa: họ nhìn để xem chàng còn tỉnh hay đã chết.

Vì hơi độc mà trí óc chàng không còn được minh mẫn. Chàng sắp bị mê man. Vì hơi độc mà chàng khó thở. Vì hơi độc mà đầu chàng nhức như búa bổ.

Hơi độc đang tràn vào - không màu, không mùi.

Kinh sợ, niềm kinh sợ hoàn toàn thú vật, niềm kinh sợ từng làm cho những con thú dữ săn mồi và những con mồi cùng cuống cuống chạy trốn lửa rừng, ào đến chụp lấy Innokenty. Không còn suy nghĩ, tính toán gì nữa, chàng đâm loạn lên cánh cửa, đá rầm rầm lên cửa và miệng chàng kêu lớn:

“Mở cửa... Mở cửa... Tôi ngạt...”

Đề phòng tù nhân đập cửa, người ta đã đặt mặt kiếng của lỗ nhìn nằm sâu trong lòng gỗ, nắm tay của tù nhân không thể chạm được vào mặt kiếng để có thể làm vỡ kiếng.

Một con mắt man rợ, quái đản, một con mắt mở không chớp, hiện ra ở mặt kiếng bên ngoài, con mắt đó nhìn cơn hoảng loạn của Innokenty với vẻ thú vị tình quái.

Đó là một sự xuất hiện đáng sợ: một con mắt rời khỏi mặt người, một con mắt đứng riêng rẽ, một con mắt có tinh thần riêng nhìn ngắm cảnh người sắp chết.

Không còn lối thoát.

Innokenty gục xuống ghế.

Hơi độc làm cho chàng ngạt thở.

39 Tổng giam vĩnh viễn

Đột ngột, cánh cửa mở - mặc dù khi đóng lại, cửa phát ra một tiếng rầm, khi mở ra, nó hoàn toàn im lặng.

Gã nhân viên mặt dài như mặt ngựa bước qua khung cửa hẹp, gã hỏi bằng một giọng nói trầm trầm nhưng đe dọa:

“Sao lại đập cửa?”

Innokenty cảm thấy đỡ sợ hãi. Nếu gã này dám bước vào phòng tức là nơi này chưa có hơi độc. “Tôi khó chịu, tôi đau” - Chàng ấp úng nói, sự tự tin của chàng tan biến đi đâu mất rất nhanh - “Cho tôi chút nước”.

Gã nhân viên nghiêm khắc cảnh cáo:

“Nghe đây... Anh không được đập cửa vì bất cứ lý do gì. Nếu không, anh sẽ bị trừng phạt”.

“Nhưng... nếu tôi đau thì sao? Tôi phải gọi người chứ?”

“Đừng có la. Nếu anh cần người, chờ lúc nào có người nhìn vào, giơ một ngón tay lên. Hiểu chưa?”

Gã nhân viên thản nhiên và lơ đãng nói, như gã từng nói câu đó cả ngàn lần với cả ngàn người.

Gã lùi qua khung cửa và đóng ngay cửa lại.

Giàn máy sau bức tường chuyển động một lúc rồi lại ngừng.

Cánh cửa lại mở, lần này cửa mở với những tiếng động lớn, Innokenty bắt đầu hiểu rằng bọn gác tù ở đây đã được huấn luyện để có thể mở cửa êm nhẹ hoặc là gây tiếng động tùy theo từng trường hợp.

Gã nhân viên đưa cho Innokenty một ly nước.

“Tôi đau” - Innokenty nói trong khi tay chàng đưa ra đỡ ly nước - “Tôi cần nằm...”

“Trong “thùng” không được nằm”.

Innokenty sửng sốt, chàng hỏi vội:

“Cái gì? Anh nói trong cái gì?”

Chàng đang cần được nói chuyện, dù là nói với gã mặt vụ mặt khô như gỗ đá này.

Nhưng gã đã lùi ra và đóng cánh cửa lại.

Đến lúc đó Innokenty mới nhớ chàng cần nói những gì:

“Này... Kêu giùm tôi ông Quản đốc... Vì sao tôi bị bắt?”

Nhưng khóa cửa đã vang lên một tiếng “cách”.

Gã nhân viên vừa dùng danh từ “thùng” để gọi gian phòng này. Đúng đây là một cái thùng.

Không còn tiếng nào đúng hơn là tiếng thùng để gọi nơi này.

Innokenty đưa ly nước lên miệng. Nước trong ly ít quá. Chàng cần uống nhiều hơn. Cái ly bằng sứ màu xanh có một hình vẽ khá kỳ: một chú mèo mang mắt kiếng đang ngồi đọc sách nhưng thực sự là đang rình một con chim đại đột đứng gần bên.

Tất nhiên là người ta không hề có dụng ý khi chọn những cái ly có hình vẽ này để dùng trong khám đường Lubyanka, nhưng sự ngẫu nhiên này thật là thích hợp. Quyển sách mà chú mèo đang đọc là sách Luật, và con chim nhỏ khờ dại kia chính là Innokenty - một Innokenty trong ngày hôm qua.

Ý nghĩ ấy làm cho Innokenty mỉm cười, rồi bỗng dừng, chàng biết là chàng đang cười, và nụ cười ấy cho chàng thấy rõ cả bề sâu ghê gớm của vực thẳm tai họa mà chàng vừa rơi xuống.

Nhưng cùng một lúc, nụ cười ấy cũng làm cho chàng vui vui. Vì khi con người còn cười được là con người còn sống. Trong chàng vẫn còn sức sống.

Chưa bao giờ chàng tin rằng có thể cười được trong khoảng thời gian nửa giờ đầu tiên bị bắt vào khám đường Lubyanka.

Innokenty đặt cái ly bên cạnh chiếc áo ngoài của chàng trên mặt bàn.

Khóa cửa động. Cánh cửa mở. Một Trung úy bước vào, tay cầm tờ giấy. Bộ mặt dài trơ như gỗ của gã Trung sĩ trực nhật hiện ra sau viên sĩ quan.

Trong bộ đồng phục của nhân viên ngành ngoại giao màu xám thêu nhành lá vàng trước ngực, Innokenty đứng lên trước mặt viên sĩ quan.

“Trung úy” - Chàng nói bằng một giọng thân mật - “Sao lại có chuyện này xảy ra? Chắc là làm lộn sao đó chứ. Cho tôi đọc trát tổng giam. Tôi chưa được đọc cả trát...”

Đôi mắt người sĩ quan nhìn chàng vô hồn như mắt bằng thủy tinh. Y hỏi chàng bằng một giọng hoàn toàn vô tình:

“Họ gì?”

“Volodin”.

Người tù sốt sáng trả lời.

“Tên riêng và tên thánh?”

“Innokenty Artemich”.

“Năm sinh?”

Người sĩ quan kiểm soát lại những câu trả lời của chàng với những gì được ghi trên tờ giấy y cầm nơi tay.

“Một ngàn chín trăm mười chín”.

“Nơi sinh?”

“Leningrad”.

Đúng lúc vị Phụ tá Cố vấn Ngoại giao của chính phủ sửa soạn nói đến chức vụ của mình và yêu cầu được can thiệp, viên Trung úy lùi ra và cánh cửa được đóng vào mũi vị Phụ tá Cố vấn.

Innokenty ngồi xuống ghế và nhắm mắt lại. Chàng bắt đầu cảm thấy sức mạnh của bộ máy hệ thống đưa hàm răng vĩ đại ra cắn lấy đời chàng.

Tiếng động cơ bên kia tường nổi lên, rồi lại im lặng.

Nhiều việc mà chàng cần phải làm, những việc quan trọng cũng như nhỏ nhặt, ào ào đến trong óc chàng cuồn cuộn lên với ý muốn chạy vội đi để làm những việc đó.

Nhưng trong cái “thùng” này không có đủ chỗ để chàng bước được một bước dài, nói gì đến chuyện có thể chạy.

Nấp che lỗ nhìn chuyển động, Innokenty đưa một ngón tay lên. Mụ đàn bà nạ dòng bận đồng phục nhân viên MGB với hai cầu vai nền xanh da trời, với bộ mặt có những nét nặng nề, buồn nản, mở cánh cửa:

“Tôi phải...”

Mụ ra lệnh:

“Chấp hai tay sau lưng. Đi...”

Làm theo lời, Innokenty bước ra hành lang. Sau bầu không khí ngột ngạt trong cái thùng hẹp ấy, chàng cảm thấy không khí trong hành lang này mát rượi.

Mụ nạ dòng dẫn Innokenty đi một quãng ngắn trên hành lang. Mụ chỉ tay vào một cánh cửa:

“Đó...”

Innokenty vào đó. Cánh cửa được đóng lại sau lưng chàng.

Nơi chàng bước vào cũng hẹp như nơi chàng vừa bước ra. Trên sàn chỉ là một cái lỗ nhỏ và hai bậc sắt để đặt chân hai bên lỗ. Sàn và tường đều được lát bằng gạch đỏ. Có nước chảy trong lỗ. Dễ chịu với ý nghĩ là ở đây, chàng có thể tránh bị nhòm ngó, dù chỉ là trong chốc lát, Innokenty ngồi xuống bậc sắt.

Nhưng có tiếng động trên cánh cửa. Innokenty nhìn lên và thấy cánh cửa này cũng có lỗ nhìn.

Sau làn kiếng, con mắt quái đản nhìn chàng không lúc nào ngừng.

Không thể làm được việc này khi có người nhìn, Innokenty đành đứng lên. Chàng giơ ngón tay trở tổ dấu chàng sẵn sàng đi ra. Cánh cửa mở.

“Chấp hai tay sau lưng. Đi...”

Mụ đàn bà ra lệnh như một cái máy.

Trở vào “thùng”, Innokenty muốn biết bây giờ là mấy giờ, theo thói quen chàng vạch cổ tay áo nhìn đồng hồ. Nhưng “thời giờ” không còn ở cổ tay chàng nữa. Hai gã mặt vụ hồi nãy đã lột mặt đồng hồ của chàng.

Chàng thở dài và ngồi nhìn ngắm hình vẽ con mèo đọc sách trên cái ly, nhưng chàng không có thì giờ để suy tưởng. Cửa mở. Lần này, người vào là một gã đàn ông vạm vỡ, vai to, bận chiếc áo choàng ngoài màu xám. Y hỏi:

“Họ gì?”

Innokenty bất mãn đáp:

“Tôi đã nói rồi”.

Gã đàn ông nhắc lại, vô hồn như một chuyên viên vô tuyến gọi một trạm vô tuyến khác:

“Họ gì?”

“Được rồi - Volodin”.

“Lấy đồ. Đi...”

Gã áo xám ra lệnh.

Innokenty cầm mũ, áo trên bàn và bước ra. Chàng được đưa trở lại gian phòng tiếp nhận, nơi chàng bị lục soát các túi và lột mất hai cầu vai áo, hai quyển sổ tay và chiếc đồng hồ.

Cái khăn mùi-soa chàng để rơi không còn trên sàn.

Innokenty nói bằng một giọng khiêu nại:

“Họ lấy đồ của tôi...”

Gã áo xám nói như chó sủa:

“Cởi quần áo”.

Innokenty ngạc nhiên.

Gã áo xám nhìn vào mắt chàng. Gã nghiêm khắc hỏi:

“Anh có phải là người Nga không?”

“Phải”.

Innokenty vẫn hoạt bát, nhưng lúc này chàng không còn nói gì được ngoài tiếng “phải” ngoắt ắt.

“Tôi nói anh phải hiểu chứ? Cởi quần áo”.

Innokenty gượng khôi hài:

“Người Nga thì cởi quần áo, không phải là người Nga thì khỏi cởi sao?”

Gã áo xám yên lặng như đá, gã đứng chờ đợi chàng.

Với nụ cười mỉa mai và sau cái nhún vai, Innokenty ngồi xuống chiếc ghế đầu. Chàng cởi giày, rồi cởi bộ đồng phục. Chàng đưa cái áo cho gã áo xám. Tuy chàng không coi trọng gì lắm bộ đồng phục này nhưng chàng cũng không thể coi thường được nó.

Áo xám hất hàm:

“Bỏ xuống sàn”.

Innokenty do dự. Áo xám giăng chiếc áo ra khỏi tay chàng, quăng xuống sàn và đột ngột nói:

“Cởi nữa”.

“Cởi nữa?”

“Cởi hết”.

“Sao được? Đồng chí không thấy trời lạnh ư?”

Gã áo xám cảnh cáo:

“Không chịu, anh sẽ bị lột”.

Innokenty suy nghĩ: Chàng đã bị chúng dùng sức mạnh lột đồ một lần, nhất định là chúng sẽ làm việc đó lần nữa. Rùng mình vì lạnh và ghê tởm, chàng cởi bộ đồ lót ra khỏi người và ngoan ngoãn vắt lên đồng quần áo.

“Cởi bí tất”.

Sau khi cởi đôi vớ, Innokenty đứng trần truồng trên sàn, cặp giò trắng, không có lông của chàng cũng trần như nửa người trên.

“Há miệng ra. Lớn hơn. Nói... Aaaa... Nữa... Aaaa... Thè lưỡi ra...”

Sau khi dùng những ngón tay bẩn nắm hai má Innokenty vành ra để nhìn vào miệng chàng như khi gã xem rằng một con ngựa trước khi mua, gã áo xám vành hai mắt chàng lên xem, sau khi tin chắc rằng chàng không giấu vật gì hết ở trong mồm, trong răng, trong mắt, gã nắm tóc chàng kéo ra đằng sau cho mắt chàng ngửa lên để nhìn vào hai lỗ mũi chàng. Rồi gã vành hai tai chàng ra để nhìn vào hai lỗ tai. Gã bắt chàng xòe những ngón tay ra để kiểm soát chàng có giấu vật gì giữa những ngón tay không, gã bắt chàng vung hai tay để xem chàng có giấu vật gì trong nách không.

Sau cùng, bằng giọng nói máy móc không cần trả lời, gã ra lệnh:

“Cầm dương vật bằng hai ngón tay, kéo lại. Nữa. Rồi. Đưa sang bên trái, sang bên phải. Thôi.

Buông ra. Đứng quay lưng lại tôi. Dạng hai chân ra. Nữa. Cúi xuống. Thấp nữa. Vành hai hông ra. Thôi, ngồi xổm xuống. Lẹ lên”.

Trong mấy ngày vừa qua, khi Innokenty tưởng tượng đến việc chàng có thể bị bắt, chàng vẫn nghĩ rằng tinh thần chàng sẽ chống cự lại quyết liệt và dữ dội lắm. Chàng đã chuẩn bị tinh thần để bảo vệ những thói quen và những tin tưởng, những giá trị nhân phẩm của chàng. Chưa bao giờ chàng ngờ rằng những gì xảy ra sẽ đơn giản, vô nghĩa và tàn nhẫn đến như thế này. Những kẻ có quyền với chàng ở đây đều là bọn nhân viên hạ cấp, bọn vô học, bọn óc thông minh và hiểu biết bị giới hạn, chúng lạnh lùng và thần nhiên không cần biết chàng là ai, vì sao chàng bị đưa đến đây. Cùng một lúc, chúng coi trọng và chú ý đến những sự kiện nhỏ nhặt mà Innokenty

không hề ngờ trước, những sự kiện mà chàng không thể nào chống cự được. Dù chàng có chống cự cũng chẳng ích lợi gì cho chàng. Vì những lý do khác nhau, chúng bắt chàng làm những việc nhỏ nhen không có ý nghĩa gì so với việc quan trọng ghê gớm là việc chàng bị bắt - những việc nhỏ mà chàng thấy là không cần phải phản đối. Xong thủ tục này có cái tác dụng lớn không ngờ là bẻ gãy hoàn toàn tinh thần của người tù.

Rã rời và tuyệt vọng, Innokenty chịu đựng những nhục nhã ấy trong im lặng. Gã áo xám ra lệnh cho chàng ngồi lên chiếc ghế đầu thấp ở bên cửa. Ý nghĩ đầu tiên của chàng là chàng không thể để cho da thịt trần truồng của chàng chạm vào vật lạnh ấy, nhưng chàng vẫn ngồi xuống, và chàng cảm thấy sung sướng khi thấy mặt gỗ như làm ấm da thịt chàng. Chàng từng cảm thấy nhiều cảm giác dễ chịu trong đời, nhưng cảm giác này là một cái gì mới tinh, đặc biệt. Chàng ngồi thu hai chân lại, hai tay ôm lấy đầu gối, ngồi co ro như thể chàng thấy ấm hơn.

Chàng ngồi bó gối như thế trong lúc gã áo xám đứng trên đóng quần áo của chàng, cầm từng cái lên xem thật kỹ. Gã cẩn thận giơ từng thứ lên để nhìn làn vải qua ánh đèn. Gã nắm kỹ từng ly những đường viền áo, gấu quần, xem kỹ từng cái nút. Xét kỹ xong mỗi cái, gã liệng về phía Innokenty. Chàng run rẩy đứng dậy mặc dần từng thứ vào người và cảm thấy ấm lại.

Gã áo xám lộn đôi vớ của chàng từ trong ra ngoài và vút trả chàng. Rồi gã móc trong túi ra một con dao nhíp khá lớn và bắt đầu kiểm soát đôi giày của chàng. Gã đồ hai mẫu viết chì giấu trong giày ra nhưng không để lộ vẻ gì coi đó là chuyện quan trọng, gã tiếp tục khám. Gã bẻ cong đế giày xem trong đó có giấu vật gì cứng hay không. Gã dùng mũi dao cạy hai vòng dây thép cong trong giày ra, đặt lên bàn rồi cầm cái dùi xiên vào đế giày.

Innokenty đứng nhìn gã làm việc và chàng nghĩ đến chuyện đời gã cũng chẳng sung sướng gì: quanh năm và hết năm này đến năm khác, gã phải lục tìm trong quần áo lót của thiên hạ, đục đế giày, nhìn vào lỗ hậu môn. Phải làm những việc đó, mặt mũi gã rầu rĩ cũng không có gì lạ. Nhưng ý nghĩ mỉa mai thoáng đến trong đầu óc Innokenty biến đi ngay, thay vào đó là những cảm nghĩ buồn rầu lo âu. Gã áo xám cắt và đứt hết những đường thêu trên áo chàng, rồi cắt hết nút áo. Gã cắt hết những đường viền và vải lót bên trong áo chàng. Quần chàng cũng bị cắt hết nút và vải lót. Tới chiếc áo lạnh bên ngoài của chàng, gã có vẻ chú ý hơn, vì gã thấy có cái gì cứng ở trong miếng đệm vai áo. Một bản danh sách? Hay một ve thuốc độc? Tháo được hai miếng đệm vai ra khỏi áo, gã xem xét rất lâu, nét mặt gã lúc nào cũng chú ý và nghiêm trọng như gã là một bác sĩ giải phẫu đang thực hiện cuộc mổ tìm người.

Cuộc kiểm soát này kéo dài tới nửa tiếng đồng hồ. Sau cùng, khi đã tin chắc rằng không còn có vật gì gã muốn tìm còn sót trong quần áo, giày vớ của Innokenty, gã vút nốt cái áo cuối cùng cho chàng và bắt đầu nhặt nhạnh những chiến lợi phẩm cất đi. Dây lưng và dây nịt vớ của chàng đều bị tước. Cùng với hai thứ đó là cà-vạt, nút cài cà-vạt, nút cài cổ tay áo, hai vòng dây thép cong trong giày, hai mẫu viết chì, những sợi dây vàng thêu trên áo chàng và những nút quần, nút áo. Đến lúc đó Innokenty mới bắt đầu hiểu và sợ phục công cuộc tàn phá mà gã áo xám đã làm. Không hiểu vì sao việc phải mặc quần không có dây thắt lưng, không có nút, làm cho Innokenty xúc động và khổ sở hơn tất cả những hành hạ chàng đã phải chịu từ lúc bị bắt tới giờ.

“Sao lại cắt nút quần tôi?” Chàng hỏi.

“Cấm”.

Gã áo xám đáp gọn.

“Không có dây lưng làm sao tôi giữ quần khỏi tụt?”

Đã đi ra tới cửa, gã nói không ngoảnh lại:

“Lấy dây buộc”.

“Lấy dây? Làm gì có dây? Lấy ở đâu?”

Nhưng cánh cửa đã đóng lại và khóa ở bên ngoài.

Innokenty không đấm cửa, không kêu la, không năn nỉ. Chàng nhận thấy vẫn còn vài cái nút được để lại trên áo chàng và việc này là một điều đáng mừng.

Chàng học hỏi được rất nhanh.

Hai tay xốc quần cho khỏi tụt, chàng đi vài bước trong phòng. Nhưng chàng thường thức khoảng không gian tương đối rộng rãi này chưa được lâu - chàng mới được có một vòng phòng - khóa cửa đã lách cách vang lên. Một gã đàn ông khác bước vào, bẻ cái áo choàng bẩn. Gã

nhìn Innokenty như nhìn một vật quen thuộc vẫn có từ lâu lắm trong phòng này và đột ngột ra lệnh:

“Cởi quần áo!”

Innokenty muốn tỏ ra giận dữ, hung hãn, nhưng những gì thốt ra được từ cổ họng tắc nghẹn vì xúc động của chàng chỉ là một câu than thở yếu ớt:

“Tôi vừa mới mặc quần áo vào xong. Sao họ không bảo tôi đừng mặc vội?”

Nhưng chàng than thở vô ích. Gã đàn ông thần nhiên đứng đó nhìn chàng với nét mặt vô hồn, chờ đợi chàng làm theo lệnh gã, Innokenty cởi quần áo, cởi giày.

“Ngồi xuống”.

Gã đàn ông chỉ tay xuống cái ghế đầu Innokenty vừa co ro ngồi hồi nãy.

Người tù trần truồng ngồi xuống, chàng không còn nghĩ tại sao phải ngồi, ngồi để làm gì. Thói của những người tự do nghĩ đến việc mình làm trước khi làm đã biến mất trong chàng. Gã đàn ông nắm lấy gáy chàng và những lưỡi kéo nghiêng mạnh vào tóc chàng.

“Anh làm gì?” - Innokenty rùng mình nói, chàng cố nghiêng đầu - “Ai cho anh quyền cắt tóc tôi?”

Tôi vẫn chưa bị bắt mà”.

Trong cơn xúc động, chàng không biết là chàng phải nói: “Tôi vẫn chưa bị tòa kết án”.

Nhưng gã thợ hớt tóc nắm tay vẫn ghì chặt ót chàng và những nhát kéo đẩy mạnh. Đốm lửa phản kháng vừa lóe lên trong Innokenty tắt đi ngay. Nhà ngoại giao trẻ tuổi, kiêu hãnh, lịch sự, hào hoa, tự tin, quen thuộc với việc lên xuống những chiếc phi cơ chở khách liên lục địa, thường thần nhiên trước cảnh hào nhoáng và đông đảo của đô thị Âu châu phồn hoa, nay chỉ còn là một sinh vật giống đực, gầy gò, trần truồng, yếu đuối với cái đầu có mái tóc bị cắt sát vào đến sọ.

Những lọn tóc nâu của Innokenty rơi xuống từng nắm như tuyết. Chàng cầm lấy ít sợi và trùu mển xoe xoe chúng giữa hai ngón tay. Chàng cảm thấy tự yêu chàng và yêu cuộc sống đang rời bỏ thân thể chàng.

Chàng nhớ lại ý nghĩ hồi nãy của chàng là thái độ đầu hàng, sự cam chịu có thể bị coi là có tội.

Chàng nhớ lại quyết định hồi nãy của chàng là phải phản kháng, phải tranh luận, phải cãi cò, phải đòi gấp cho bằng được kẻ đã ký giấy bắt giam chàng, nhưng trái ngược với những quyết định ấy, tinh thần chàng đã bị tiêu diệt. Chàng đang ở trong trạng thái thần nhiên êm đềm của người từ từ chết vì lạnh trong băng tuyết.

Sau khi gã thợ hớt tóc đã cắt xong tóc Innokenty, gã bắt chàng đứng lên và giơ cao hai tay để gã cắt lông nách chàng. Rồi gã ngồi xổm xuống và cũng với cây kéo ấy, cắt lông ở bụng chàng. Việc này làm cho Innokenty ngạc nhiên, bất giác chàng rùng mình và gã thợ gù lên một tiếng cảnh cáo chàng.

“Bây giờ tôi mặc áo vào được chưa?”

Innokenty hỏi khi gã nọ đã làm xong.

Nhưng gã không đáp, gã chỉ lẳng lặng đi ra và khóa cửa lại.

Lần này, kinh nghiệm cho Innokenty biết rằng chàng không nên vội bận quần áo. Chàng cảm thấy da thịt ngứa ngáy khó chịu và đưa tay lên sờ đầu, lần đầu tiên chàng cảm thấy những sợi tóc dựng đứng tua tủa trên đó. Ngay từ thời còn là trẻ thơ, chưa lần nào Innokenty cắt tóc ngắn hết.

Chàng bắt đầu bận quần áo. Nhưng khi chàng vừa kéo được cái quần không dây lưng lên, khóa cửa lách cách vang lên, một gã nhân viên bước vào, tay cầm một tấm giấy dày khá lớn. Gã này có cái mũi bự.

“Họ gì?”

“Volodin”.

Người tù trả lời ngay mặc dù chàng cảm thấy buồn nôn vì những câu hỏi lý lịch liên tiếp và dài lê thê này.

“Tên họ và tên thánh?”

“Innokenty Artemich”.

“Năm sinh?”

“Một ngàn chín trăm mười chín”.

“Nơi sinh?”

“Leningrad”.

“Cởi ra”.

Chỉ lơ mờ hiểu có những việc gì đang xảy ra quanh mình, Innokenty lại cởi quần áo. Chiếc áo lót của chàng rơi từ mặt bàn xuống sàn nhà dơ dáy nhưng chàng chỉ nhìn nó rơi xuống không chút kinh tởm, và chàng cũng không vội vã cúi xuống lượm nó lên.

Gã mũi bự đi quanh người chàng, nhìn kỹ mặt mũi, thân thể và ghi những nhận xét của gã xuống tờ giấy. Khi thấy gã chú ý tìm những dấu vết đặc biệt của chàng, Innokenty hiểu rằng gã đang thiết lập bản lý lịch thân xác chàng để cho vào hồ sơ.

Rồi gã Mũi Bự cũng xong việc và đi ra.

Không bận quần áo, Innokenty ngồi xuống ghế.

Cánh cửa lại động. Một thiếu phụ to lớn, tóc đen, bận áo choàng trắng tinh bước vào. Ắ có nét mặt kiêu căng, thô bạo và những cử chỉ giả tạo của một người trí thức.

Innokenty giựt mình khi thấy người vào phòng là đàn bà, chàng vớ lấy cái quần lót che thân, nhưng ả đàn bà trừng mắt nhìn chàng với vẻ khinh thị không cần che giấu, hơi trề môi dưới ra, ả hỏi:

“Có chảy, rận không?”

“Tôi là một nhà ngoại giao”.

Innokenty bị chạm tự ái nặng, chàng nhìn thẳng vào đôi mắt đen đặc biệt của dân Armenia trên mặt ả đàn bà trong khi chàng nói câu đó, hai tay chàng vẫn khư khư giữ cái quần lót trước bụng.

“Thì sao? Anh có gì cần khai không?”

Innokenty vội vã:

“Có chứ. Nhiều lắm. Tại sao tôi lại bị bắt? Tôi muốn đọc kỹ trát bắt tôi. Tôi muốn gặp ông

Chương lý, ông Quản đốc...”

Ả đàn bà nhú lông mày:

“Không ai hỏi anh những chuyện ấy. Có bệnh hoa liễu không?”

“Cái gì?”

“Anh có bị giang mai, lậu, hột xoài? Phong cùi? Ho lao? Có bệnh gì khác không?”

Và ả đi ra không cần chàng trả lời.

Gã nhân viên đầu tiên chàng gặp ở đây, gã có bộ mặt như cái mặt ngựa, bước vào phòng.

Innokenty cảm thấy ấm lòng khi chàng nhìn thấy mặt gã, vì gã này là người duy nhất ở đây không nạt nộ chàng, không làm chàng phải đau đớn.

“Sao không bận quần áo vào?” - Gã mặt dài hỏi như gắt - “Mặc vào. Lẹ lên!”

Nhưng bây giờ, việc mặc quần áo với Innokenty không còn là việc dễ làm nữa. Gã mặt dài để chàng ở đó một mình và Innokenty giải quyết tình trạng thiếu dây lưng của chàng bằng cách mà cả triệu tù nhân trước của chàng đã dùng: lấy dây giày buộc lưng quần. Chỉ đến lúc này chàng mới biết rằng những miếng sắt nhỏ xíu gắn ở những đầu dây giày đã bị cắt mất. Chàng chưa được biết rằng trong khám đường Lubyanka, những người có quyền tin rằng tù nhân có thể dùng những mẩu sắt nhỏ ấy làm cửa và cửa được song sắt.

Chàng buộc được lưng quần nhưng chưa biết làm cách nào giữ cho hai vạt áo mất nút khép lại được.

Gã mặt dài, nhìn qua lỗ nhòm trên cánh cửa thấy tù nhân đã mặc xong quần áo, mở cửa vào, ra lệnh cho tù nhân chấp hai tay sau lưng, đi sang một gian phòng khác. Ở đây có gã mũi bự mà Innokenty đã biết, đang ngồi.

Gã mũi bự nói ngay khi Innokenty vừa bước vào:

“Cởi giày”.

Việc này không có gì khó, vì đôi giày của Innokenty không còn dây buộc, cả hai chiếc vớ của chàng, bị mất dây thun chằng, tụt xuống cổ chân chàng.

Sát tường có một cái cân bàn và một cây đo để lấy chiều cao của chàng, ghi xuống giấy.

“Đi giày”.

Ra đến cửa, gã mặt dài ra lệnh:

“Tay chấp sau lưng”.

Từ đó về đến thùng số 8 chỉ có mấy bước nhưng gã vẫn ra lệnh cho chàng phải chấp hai tay sau lưng.

Innokenty bị nhốt trở lại trong “thùng”.

Bên kia bức tường, giàn máy nào đó vẫn chạy, vẫn ngừng.

Hai tay nắm hai vạt áo, kéo sát vào người, Innokenty mệt mỏi ngồi xuống ghế. Kể từ giây phút vào khám đường Lubyanka, chàng chỉ được thấy ánh đèn sáng rực, những bức tường như muốn ép chàng, nghiêng chàng và những bộ mặt vô hồn của bọn cai ngục lầm lì. Những thủ tục mà bọn cai ngục bắt chàng phải qua, đối với chàng, đều khôi hài như trò trẻ con. Chàng không nhận thấy là những trò đó là một chuỗi dài sự kiện hợp lý và có nghĩa: trước hết là cuộc khám xét tù nhân do những kẻ đi bắt về thực hiện, rồi đến việc lập hồ sơ lý lịch tù nhân, việc vào sổ tên tuổi tù nhân do ban quản đốc khám đường thực hiện sau khi tiếp nhận tù nhân, cuộc khám xét căn bản khi tù nhân tiếp nhận, cuộc khám xét về y tế, việc ghi nhận những dấu vết đặc biệt trên thân thể tù nhân. Việc kiểm soát vệ sinh. Những thủ tục này làm cho kẻ bị bắt mất thăng bằng về tinh thần, mất khả năng lý luận và sức đối kháng. Giờ đây, nỗi khổ sở duy nhất đang hành hạ, dày vò Innokenty chỉ là nỗi khổ thêm ngủ. Sau khi nghĩ rằng như vậy là họ sẽ không còn hỏi đến chàng nữa trong đêm nay và đây là lúc chàng có thể ngủ, Innokenty đặt cái ghế đầu lên mặt bàn để lấy chỗ nằm dưới sàn. Chàng trải cái áo ngoài lên sàn và nằm co quắp trên đó. Chỉ trong ba tiếng đồng hồ đầu tiên phải sống trong khám đường Lubyanka, chàng đã có được những quan niệm về vấn đề ăn ngủ. Với hai đầu gối co sát lên tới cằm, đầu ngoẹo trong góc tường, trước khi toàn thân chàng tê cứng, chàng cảm thấy dễ chịu.

Nhưng chàng chưa ngủ được say, cánh cửa “thùng” đã mở với những tiếng động cố ý.

“Đứng lên...”

Mụ đàn bà ra lệnh.

Innokenty chỉ còn đủ sức để mở mắt nhìn hai bàn chân thô trong đôi giày nhà binh đặt gần mặt chàng.

“Đứng lên... Đứng lên...”

Chàng nghe tiếng giục đã cấp bách vang trên đầu chàng.

“Tôi buồn ngủ. Tôi mệt quá, cho tôi ngủ”.

“Đứng lên... Đứng lên...”

Chàng nghe tiếng giục đã cấp bách vang trên đầu chàng.

“Tôi buồn ngủ. Tôi mệt quá, cho tôi ngủ”.

“Đứng lên...”

Mụ đàn bà quát lớn, mụ cúi xuống chỗ chàng nằm như một mụ phù thủy hiện ra trong ác mộng. Innokenty khó khăn ngồi dậy rồi đứng lên. Chàng thều thào:

“Làm ơn cho tôi đến đâu đó, chỗ nào tôi có thể nằm ngủ...”

“Cấm không được ngủ”.

Mụ phù thủy mặc đồng phục nhân viên Mật vụ màu xanh chặn lời chàng, mụ lùi ra, đóng cửa lại.

Innokenty đứng dựa lưng vào tường trong lúc mụ đàn bà nhìn chàng qua lỗ nhòm. Mụ nhìn chàng như thế một lúc lâu, bỏ đi, rồi trở lại nhìn nữa, rồi bỏ đi.

Một lần nữa, Innokenty lại nằm gục trên sàn. Chàng lợi dụng khoảng thời gian ngắn mụ đàn bà không nhìn để ngủ.

Và một lần nữa, khi chàng vừa chợp ngủ, cánh cửa lại mở với một tiếng động lớn.

Lần này, người tới là một gã đàn ông, gã cao lớn, vạm vỡ như một anh thợ rèn hoặc một công nhân chuyên đập đá tảng. Gã đứng giữa khung cửa trong chiếc áo choàng trắng.

“Họ gì?” Gã nói.

“Volodin”.

“Mang đồ đi”.

Innokenty nhặt áo và mũ, với đôi mắt lơ đãng, chàng loạng choạng đi theo gã đàn ông. Lúc này, chàng ở trong tình trạng kiệt lực, hai chân chàng bước đi với những bước cao thấp không đều, chàng chỉ còn vừa đủ sức để đi nhưng không ghi nhận được gì chung quanh. Nếu có thể được, chàng nằm vật xuống lối đi và ngủ say ngay tức thì.

Chàng bị dẫn đi qua một lối đi nhỏ, hẹp, đục sâu trong những bức tường dày, rồi vào một hành lang khác, hành lang này bẩn thỉu, dơ dáy hơn hành lang chàng vừa rời bỏ, sau cùng, chàng được dẫn tới một cửa phòng tắm. Ở đây, sau khi dúi vào tay chàng một miếng xà-bông nhỏ hơn bao quẹt, gã đàn ông bảo chàng cởi quần áo vào đó tắm.

Innokenty phản ứng chậm chạp. Chàng quen tắm trong phòng tắm sáng choang, sạch bóng như

guơng. Phòng tắm bằng gỗ này, có thể là sạch với một người thường, đối với chàng thật bẩn. Chàng tìm một chỗ tương đối sạch trên mặt ghế dài và cởi quần áo để lên đấy. Rồi chàng co ro bước đi trên bậc gỗ còn ướt những vết chân, vết giày. Chàng không muốn cởi quần áo, không tắm, chỉ vào đấy rồi đi ra nhưng gã thợ rèn theo vào tận nơi, giục chàng vào đứng dưới vòi nước.

Có bốn vòi nước trên cao chảy vào chỗ đứng tắm, có đủ nước nóng, nước lạnh - nước nóng là thứ hiếm có trong nhà tù - nhưng Innokenty chưa biết nước nóng là quý. Và chàng cũng chưa biết thưởng thức điều kiện hy hữu là bốn vòi nước cho một người tắm. Nếu chàng biết rằng bốn người tù phải đứng tắm chung dưới một vòi nước, có thể chàng đã khoan khoái khi thấy một mình chàng được hưởng thụ bằng mười sáu người. Chàng đã vớt miếng xà bông ghê tởm đi. Trong suốt ba mươi năm trời chàng sống, chưa bao giờ chàng phải cầm đến một miếng xà-bông bẩn thỉu đến như vậy, hơn thế nữa, chàng còn không biết rằng ở đời này có những miếng xà-bông bẩn như thế. Trong vài phút đứng dưới vòi nước, chàng chỉ chú ý đến việc làm cho bụng dưới chàng sạch những sợi lông, tóc bị cắt làm cho chàng ngứa ngáy. Rồi, với cảm giác chàng chưa hề tắm gì cả, chàng chỉ vừa làm cho da thịt chàng dơ bẩn hơn, chàng trở lại chỗ để quần áo.

Nhưng quần áo của chàng không còn để trên mặt ghế nữa. Họ đã lấy mang đi hết quần áo của chàng, kể cả đồ lót, chỉ còn đôi giày của chàng là còn nằm dưới gầm ghế. Cửa phòng đóng, khóa bên ngoài. Innokenty không còn có thể làm được việc gì khác ngoài việc ngồi lom khom trên ghế, trần truồng, như pho tượng “người suy tưởng” của nhà điêu khắc Rodin.

Rồi gã đàn ông đem vào cho chàng một bộ đồ lót nhà tù bằng vải dày, thô cứng, từng được giặt nhiều lần. Mặt trước, mặt sau cái áo lót, cái quần lót này đều có in hai chữ “Khám đường”. Ngoài hai thứ đó là một mảnh vải vuông gấp tư mà Innokenty không nhận được ngay đó là cái khăn tắm. Nút quần lót bằng giấy bồi và đã bị mất một, hai nút. Lưng quần thắt bằng dây, nhưng sợi dây này cũng đã đứt. Cái quần cụt quá chật, quá ngắn, bó sát hai mông chàng, cái áo lót lại quá rộng, quá dài. Gã thợ rèn không nghe nói đến chuyện đổi cho chàng bộ khác bởi vì chàng đã bận bộ này vào người rồi.

Khó chịu, ngượng ngịu trong bộ đồ lót mới này, Innokenty ngồi chờ rất lâu trong gian phòng bên ngoài. Họ cho chàng biết rằng quần áo của chàng đang nằm trong “lò hấp”. Danh từ này mới lại với Innokenty, chàng không tưởng tượng được “lò hấp” là cái gì.

Cuộc tắm đêm bất đắc dĩ đã xua đuổi cơn buồn ngủ ra khỏi Innokenty, bây giờ chàng chỉ còn thấy mệt. Cơn mệt mỗi ghê gớm đến đè nặng lên chàng. Chàng khao khát được ngả lưng trên một cái gì khô và ấm, nằm bất động và phục hồi sức lực. Nhưng chàng cũng không muốn nằm trên mặt sàn ướt nhớp nháp này.

Cửa mở, nhưng người vào không phải là gã thợ rèn, quần áo của chàng cũng chưa được mang vào. Người vào phòng là một thiếu nữ có bộ mặt vuông hồng hào, bận thường phục, Innokenty lúng túng vì cái quần cụt mất nút, lom khom đứng lên. Người thiếu nữ đưa cho chàng tờ biên nhận bằng giấy hồng, bảo chàng ký lên đó - tờ biên nhận ghi rằng: Hôm nay ngày 26 tháng 12, Khám đường của Cơ quan MGB, Liên bang Xô Viết, có nhận tạm giữ của tên Volodin: 1 đồng hồ tay bằng kim khí vàng, 1 bút máy cũng bằng kim khí vàng, một cây cà-vạt có viên đá nhỏ, một cặp nút cài tay áo có hai viên đá xanh.

Innokenty lại ngồi chờ, đầu gục xuống. Sau cùng, họ đem áo quần tới trả chàng. Chiếc áo choàng ngoài còn nguyên không hề hấn gì trong khi cái áo veste và quần của chàng nhàu nát, co rúm và hầy còn nóng ran.

“Sao các anh không cẩn thận bộ đồng phục cũng như cái áo ngoài này giùm tôi có được không?” Innokenty giận dữ hỏi.

Gã thợ rèn nghiêm giọng trả lời:

“Cái áo ngoài này bằng lông thú. Anh phải hiểu chứ”.

Giờ đây, sau khi bị hấp trong “lò hấp”, cả bộ quần áo của Innokenty cũng trở thành xa lạ với chàng. Với cảm giác khó chịu do áo quần lạ gây ra, Innokenty được đưa trở về “thùng” số 8. Chàng hỏi xin hai ly nước và uống ngon lành. Ly đựng nước cũng có vẽ hình con mèo đọc sách. Rồi một thiếu nữ khác lại đến, đưa cho chàng một tờ biên nhận màu xanh để chàng ký. Biên nhận này ghi: Hôm nay, ngày 27 tháng 12, Khám đường của Cơ quan MGB, Liên bang Xô Viết, có nhận để tạm giữ của tên Volodin những món sau đây: một sơ-mi lụa, một bộ đồ lót lụa, một

dây lưng da, một dây cà-vạt. Bây giờ đã là 27 rồi ư?
Giàn máy bí mật sau bức tường vẫn tiếp tục phát ra tiếng động.
Sau khi bị nhốt trở lại, Innokenty ngồi khoanh hai tay trên mặt bàn và gục đầu xuống đó, chàng định ngủ ngồi.
“Cấm”.
Một viên canh tù mới mở cửa sủa vào.
“Cái gì cấm?”
“Cấm gục đầu xuống bàn”.
Innokenty đành ngồi chờ, tâm trí chàng hoảng loạn.
Một hồi nữa, họ lại mang đến một tờ biên nhận để chàng ký. Biên nhận này bằng giấy màu trắng, trên ghi Khám đường của Cơ quan MGB, Liên bang Xô Viết có nhận để tạm giữ của tên Volodin số tiền là 123 đồng ruble.
Thêm một nhân viên nữa tới, người này bận cái áo choàng màu xám. Mỗi lần mang biên nhận đến cho Innokenty ký, người ta đều hỏi tên họ chàng. Lần này, nhân viên mới đến lại hỏi lý lịch chàng từ đầu đến cuối. Họ gì? Tên riêng và tên thánh? Năm sinh? Nơi sinh?
Rồi gã nhân viên bảo chàng:
“Xong rồi. Đi...”
“Xong gì? Đi đâu?” Innokenty ngơ ngác hỏi lại.
“Bỏ đồ của anh lại đó. Đi theo tôi. Hai tay chấp đằng sau...”
Trong hành lang, bọn cai tù nói nhỏ hơn, đề phòng tù nhân bị nhốt trong những “thùng” bên cạnh nghe thấy.
Tắc lười theo kiểu gọi chó, gã nhân viên áo xám mới đến đưa Innokenty tới một gian phòng lớn. Phòng này không có vẻ là một gian phòng trong nhà tù, các cửa sổ phòng đều có màn che kín, trong phòng có bàn ghế, tủ. Innokenty được chỉ cho ngồi xuống một cái ghế đặt ở giữa phòng. Chàng yên trí là họ sắp thẩm vấn chàng.
Nhưng họ chỉ đẩy ra trước mặt chàng một giàn máy chụp hình đặt trên giá gỗ. Họ bật đèn sáng trưng chung quanh chàng và họ chụp hình chàng.
Gã áo xám đưa Innokenty đến đây nắm lấy từng ngón bàn tay mặt của chàng, lăn trên mặt kiếng dính mực in nhôm nhóp rồi ấn xuống mặt giấy. Dấu chỉ tay của năm ngón tay chàng hiện trên mặt giấy.
Sau tay mặt, đến lượt những ngón tay của bàn tay trái.
Trên những dấu ấy là hàng chữ “Volodin, Innokenty Artemich, 1919, Leningrad” và trên tất cả là hàng chữ in đen đậm:
TỔNG GIAM VĨNH VIỄN
Đọc bốn chữ này, Innokenty rùng mình. Những chữ này có một cái gì huyền bí, siêu nhân, siêu nhiên.
Họ đưa chàng đến rửa tay ở bồn nước trong góc phòng. Ở đây có xà bông, bàn chải, nước lạnh. Dấu mực in không chịu đi và không ăn nước. Innokenty dùng bàn chải có xà-bông đánh ngón tay, chàng không nghĩ đến sự hợp lý của việc cho đi tắm trước rồi lấy dấu tay sau.
Tâm trí nhàu nát và cam chịu của chàng đang bị thôi miên ám ảnh bởi những chữ ghê gớm, những chữ địa chấn:
TỔNG GIAM VĨNH VIỄN

40 Trận gió thứ nhì

Trong đời Innokenty, chưa bao giờ chàng phải sống một đêm dài vô tận đến như thế. Chàng không ngủ qua một phút nào và chỉ nội trong một đêm, những tưởng tượng quay cuồng trong óc chàng nhiều hơn số tư tưởng của một người thường có trong cả một tháng. Chàng đã nghĩ nhiều kể từ lúc đồng phục nhân viên ngành ngoại giao của chàng bị họ lột mất những dây vàng, khi chàng trần truồng ngồi chờ sau khi tắm và trong lúc chàng bị nhốt trong “thùng”.

Giờ đây tâm trí chàng lại bận suy nghĩ vì những chữ “Tổng giam vĩnh viễn”. Như vậy có nghĩa là dù họ có chứng minh được rằng chàng có đúng là người gọi điện thoại hay không - ít nhất bây giờ chàng cũng đã biết chắc rằng cuộc điện đàm ấy bị nhân viên mật vụ nghe lén - một khi họ đã bắt chàng, họ sẽ không để chàng trở ra nữa. Chàng đã biết rằng Stalin sẽ không bao giờ để cho ai trở lại với cuộc sống. Chàng sẽ may mắn nhiều nếu mai đây, họ cho chàng đến một trại tập trung, với tội trạng của chàng, họ sẽ nhốt chàng vào một nhà tù kín được cải biến thành nhà giam, ở đó họ sẽ cấm chàng không được ngồi suốt ban ngày hoặc không được nói nửa tiếng trong nhiều năm. Sẽ không một ai biết gì về chàng, và chàng sẽ không được biết qua sự kiện gì xảy ra trên thế giới, ngay cả khi nguyên một lục địa thay đổi màu cờ, hay loài người đặt chân lên mặt trăng, chàng cũng không hề hay biết. Và những tù nhân không có tiếng nói có thể bị bắn chết trong những phòng giam cô đơn. Việc ấy từng xảy ra...

Nhưng chàng có thực sự sẵn sàng chờ đón cái chết hay không?

Thoạt đầu, Innokenty sốt sắng chờ đợi bất cứ một việc nhỏ nhặt nào xảy đến với chàng, như cửa mở, người vào, bất kỳ việc gì làm ngừng sự cô đơn của chàng trong cuộc sống xa lạ mới trong tù. Nhưng giờ đây, chàng lại muốn được ngồi yên để suy nghĩ, để nắm bắt cái tư tưởng tuy rất quan trọng nhưng hãy còn mơ hồ trong óc chàng. Vì vậy, chàng hài lòng khi họ đưa chàng trở lại nhốt vào “thùng” và để chàng ngồi yên đấy trong một thời gian khá lâu mặc dù họ vẫn đều đều nhóm ngó chàng qua lỗ nhìn.

Bỗng dưng, làn sương mờ bao phủ tâm trí chàng tan đi. Tất cả những gì Innokenty đã đọc, đã suy nghĩ trước đây về cuộc sống, cái chết của con người hiện ra, rõ ràng, minh bạch.

Bây giờ, khi chàng không thể có giấy bút để ghi lại chúng, nhưng tư tưởng hiện trong óc chàng trở thành quý báu hơn. Chàng nhớ lại rõ rệt một câu từng làm chàng suy nghĩ và nghi ngờ trước kia:

“Không nên sợ những đau khổ vật chất. Đau khổ vật chất không đáng kể, những đau đớn do vật chất gây ra bao giờ cũng chóng qua”.

Phải ngồi không được ngủ trong một cái “thùng” hẹp, không có khí trời, không duỗi thẳng được chân ra, trong nhiều ngày... là một đau đớn đáng kể hay không đáng kể? Sự đau đớn ấy dài lâu hay ngắn ngủi? Nếu phải sống mười năm không được nghe tiếng người, con người có đau đớn hay không?

Trong phòng chụp hình và lặn tay, Innokenty để ý thấy thời gian lúc đó là một giờ đêm. Bây giờ chắc đã quá hai giờ đêm. Một ý nghĩ vô lý kéo theo một ý nghĩ nghiêm trọng khác đến trong óc chàng: chiếc đồng hồ đeo tay của chàng đã bị người ta bỏ vào một ngăn tủ kín, nằm trong đó sẽ chạy mãi cho đến lúc dây thiêu của nó giãn hết, đến lúc đó nó sẽ ngừng chạy. Sẽ không ai lên dây nó và cho đến lúc chủ nhân nó chết hoặc những vật sở hữu của y bị sung công, cái đồng hồ ấy chỉ còn chỉ giờ - giờ lúc nó ngừng chạy. Cái đồng hồ của chàng sẽ chỉ mấy giờ, mấy phút?

Và Dotty, vợ chàng, có chờ đợi chàng về đón nàng đi coi hát không? Nàng có gọi điện thoại đến Bộ Ngoại giao hỏi về chàng không? Chắc là không, nhân viên mật vụ sẽ đến khám xét nhà chàng. Với một tầng lầu rộng như thế, năm người sẽ phải lục soát suốt đêm mới xong. Bọn đó sẽ tìm thấy những gì?

Chắc là Dotty sẽ xin ly dị và sẽ sớm lấy chồng khác.

Và ông già vợ của chàng, ông Biện lý Pyotr Makarygin, chắc sẽ hận chàng lắm - chàng làm cho sự nghiệp của ông ta đổ vỡ, việc có một anh con rể bị tù chung thân sẽ như là một án tích trên lý lịch của ông ta - Ông ta sẽ công khai tố cáo chàng tội phản quốc trước hơn hết mọi người. Tất cả mọi người từng quen biết Cố vấn Volodin sẽ, vì lòng yêu nước - quên chàng, xóa chàng trong ký ức của họ.

Con thủy quái khổng lồ cầm nín sẽ bóp nghẹt chàng và sẽ không còn ai trên mặt đất này được biết gì về chàng.

Và chàng còn náo nức muốn sống để xem thế giới này sẽ ra sao. Rồi đây mọi khác biệt trên trái đất sẽ dung hòa, chiến tranh sẽ không còn xảy ra nữa. Những biên giới phân chia giữa những quốc gia sẽ được xóa bỏ, cả những quân đội sẽ không còn. Sẽ có một quốc hội chung cho cả thế giới. Sẽ có một ngày ông Tổng Thống chế Thế giới được bầu lên. Ông này sẽ ngả mũ trước nhân loại và nói...

“Mang đồ đi”.

“Cái gì?”

“Mang đồ đi”.

“Đồ gì?”

“Mấy cái quần áo rách của anh đó”.

Innokenty đứng dậy, hai tay ôm cái áo ngoài và cái mũ của chàng. Trong hành lang, bên cạnh người gác hành lang, xuất hiện một gã Trung sĩ vạm vỡ, hớn hào bận đồng phục MGB. Innokenty nghĩ đến chuyện họ tuyển lựa những tên này ở đâu ra và họ trao cho chúng những chức vụ gì.

Nhìn vào tờ giấy trên tay, gã Trung sĩ hỏi:

“Họ gì?”

“Volodin”.

“Tên riêng, tên thánh?”

“Innokenty Artemich”.

“Năm sinh?”

“Các anh còn hỏi tôi bao nhiêu lần nữa?”

“Năm sinh?”

“1919”.

“Nơi sinh?”

“Leningrad”.

“Lấy đồ đi. Mau”.

Gã đi trước, miệng tắc lưỡi.

Lần này Innokenty được đưa đi qua hành lang xuống một cái sân tối. Ý nghĩ chợt đến trong óc Innokenty: họ đưa chàng đi bắn. Người ta nói rằng những cuộc xử bắn bao giờ cũng được thực hiện trong đêm khuya.

Rồi chàng tự hỏi: Nếu họ định bắn mình, họ còn đưa cho mình ký giấy nhận đồ làm gì? Không, chắc là không phải đâu.

Cho đến lúc này Innokenty vẫn còn tự tin ở sự hợp lý của những con quái vật trăm tay này.

Vừa đi vừa tắc lưỡi theo kiểu gọi chó, gã Trung sĩ hỗn xược đưa chàng qua sân, vào một tòa nhà khác và tới một thang máy. Một người đàn bà trẻ, đứng cạnh một bao quần áo vừa giặt xong, tránh sang một bên trong lúc chị nhìn Innokenty theo gã Trung sĩ bước vào thang máy. Mặc dù chị thợ giặt này không đẹp, lại ở một giai cấp thấp kém, và cũng nhìn Innokenty với cái vẻ thản nhiên, lạnh lùng như tất cả mọi người chàng gặp ở đây, Innokenty vẫn cảm thấy bị xúc động vì những người thiếu nữ đem biên nhận đến cho chàng ký. Có thể chị thợ giặt này còn thương hại chàng vì chàng tội tã, khổ sở quá.

Nhưng thương hại hay không thì có quan trọng gì đâu, khi chàng bị “tống giam vĩnh viễn”.

Gã Trung sĩ đóng cửa thang máy và nhấn một nút điện không đánh số tầng lầu.

Giàn máy kéo thang vừa chuyển động, Innokenty nhận ra ngay đây là một tiếng máy bí mật đã làm chàng nghĩ rằng đó là máy nghiền nát xương người trong những phút đầu chàng bị nhốt vào “thùng” số 8.

Chàng mỉm cười buồn rầu, sự lầm lẫn vô hại này làm cho tinh thần chàng lên được đôi chút.

Thang máy ngừng. Gã Trung sĩ đưa Innokenty đi thẳng tới một gian phòng rộng có viên giám thị bận đồng phục. Chàng bị nhốt ngay vào một “thùng” không có số. “Thùng” này rộng hơn nhưng có vẻ dơ dáy hơn. Sát tường có một cái bọc gỗ dính liền vào tường đủ chỗ cho ba người cùng ngồi. Không khí trong “thùng” này lạnh giá. Cửa cũng có lỗ nhìn nhưng chàng không bị nhòm ngó nhiều bằng bên kia.

Từ bên ngoài vang vào tiếng chân đi, tiếng giày lên trên sàn. Những viên giám thị tấp nập đi ngang. Khám đường này có cuộc sống ban đêm thật nhộn nhịp.

Lúc mới bị đưa vào đây, Innokenty tưởng rằng chàng sẽ bị nhốt mãi trong cái “thùng” số 8 quá hẹp, quá nóng, quá sáng đèn ấy, và chàng đã lo sợ, khổ sở vì ở đó không có chỗ cho chàng duỗi chân, ở đó không đủ không khí cho chàng thở và ánh đèn sáng rực làm chàng chói mắt. Giờ đây chàng thấy chàng đã lầm, và chàng hiểu rằng chàng sẽ phải sống trong cái “thùng” khá rộng nhưng lạnh giá, tro trọi và không có đèn này. Chàng lại khổ sở vì ở đây, nền xi-măng lạnh sẽ làm hai chân chàng tê cóng, tiếng chân đi liên tiếp ngoài kia làm chàng khó ngủ và sự thiếu ánh sáng làm chàng khó chịu. Chàng thèm muốn, ước ao có được một cái cửa sổ đến là chừng nào!

Một khung cửa sổ nhỏ thôi, nhỏ xíu, như những khung cửa sổ trên sân khấu những vở tuồng cổ. Nhưng ngay cả khung cửa sổ nhỏ xíu đó chàng cũng không sao có thể có.

Người ta có thể nghe thật nhiều chuyện kể về khám đường, đọc thật nhiều hồi ký về khám đường nhưng người ta vẫn không sao có thể tưởng tượng nổi cảnh khám đường: hành lang, cầu thang, những dãy cửa vô số, giám thị đề lao đi lại, sĩ quan, trung sĩ, lao công. Khám đường Lubyanka vĩ đại nhộn nhịp với những hoạt động ban đêm, vậy mà người tù cô đơn không nhìn thấy qua một người tù nào khác. Y không sao nhìn thấy được một người khác ở trong cảnh ngộ của y, y không nghe được một lời nói nào khác ngoài những lời nói vì trách vụ, cả những lời nói vì trách vụ này cũng hiếm hoi. Y có cảm giác như cả cái tổ chức lớn này đêm nay chỉ thức vì một mình y, chỉ bận rộn vì tội trạng của riêng y.

Không phải vì ngẫu nhiên mà người tù không được nhìn thấy người tù nào khác. Người ta cố tình đặt y vào tình trạng đó trong thời gian đầu y bị bắt, để người tù mới bị bắt không nhận được qua một khuyến khích, một an ủi nào, để cho sức nặng của cả guồng máy tù đầy giáng xuống một mình y mà thôi.

Tư tưởng của Innokenty xoay chuyển theo một chiều hướng mà không mấy thuận lợi cho tâm trạng của chàng. Cuộc gọi điện thoại đến cho Giáo sư Dobroumov, mới hôm qua đây còn được chàng coi là một hành động cao quý, nay chỉ còn là một việc làm vô ích, thừa thãi và vô giá trị không khác việc tự tử.

Bây giờ, chàng có đủ chỗ để có thể đi đi, lại lại, nhưng chàng đã mệt nhoài, đã rã rời vì những thủ tục mà chàng vừa phải qua, đến nỗi chàng không còn cả sức để mà đi lại nữa. Sau vài vòng đi quanh quẩn, chàng ngồi xuống bục gỗ và để hai tay xuôi bên mình.

Biết bao dự định vĩ đại đã bị chôn giữa những bức tường này, bị niêm phong trong những cái “thùng” giam ác ôn này, bị tiêu diệt, thui chột, chết ngúm mà đời sau không được biết?

Hôm nay hoặc là ngày mai, Innokenty sẽ đáp phi cơ bay đến Paris, ở đó chàng sẽ hoàn toàn quên người mà chàng định cứu, người mà ... chàng đã cố gắng hết sức mà vẫn không sao cứu được.

Khi chàng tưởng tượng ra cảnh chàng đến Paris, nhất là những giờ đầu tiên chàng sống ở Paris, Innokenty rung mình choàng dậy vì cuộc sống tự do thần tiên mà chàng vừa mất. Chàng muốn cào cấu lên tường cho hả cơn tức hận.

Nhưng cánh cửa mở đúng lúc giúp chàng khỏi làm cái việc vi phạm đến luật cấm của khám đường là việc cào cấu hay đâm lên tường. Một lần nữa họ chất vấn lý lịch chàng. Innokenty trả lời như người đang ngủ say. Rồi chàng được lệnh ra khỏi đó đem theo đồ. Vì trong “thùng” lạnh giá, chàng đội mũ và khoác áo ngoài lên vai. Chàng để áo như vậy để đi ra cửa, không biết rằng với cách khoác áo như thế chàng có thể cầm hai lưỡi dao nhọn hoặc hai khẩu súng lục đã nạp đạn giấu dưới vạt áo. Chàng bị ngăn lại để xỏ hai tay vào áo đằng hoàng, sau đó chấp hai tay sau lưng trước khi bước ra khỏi đó.

Chàng được dẫn đi - người dẫn chàng cũng tắc lưỡi như những người trước - tới cầu thang nằm cạnh thang máy và đi xuống thang. Nếu chàng nhớ được đường đi, bao nhiêu lần quẹo, lên xuống bao nhiêu bậc thang, để rồi sau đó khi không có chuyện gì để nghĩ, hồi tưởng lại và tưởng tượng ra vị trí của khám đường, việc đó sẽ là một việc hay ho, nhưng lúc này năng khiếu ghi nhận của chàng đã mòn đến nỗi chàng đi như người hoàn toàn không còn cảm giác. Chàng không biết rằng chàng đã xuống sâu đến bao nhiêu trong lòng khám đường khi bất chợt ở trước mặt chàng đi tới một người gác, người này cũng tắc lưỡi y hệt người gác dẫn chàng, và người gác dẫn chàng mở ngay một cánh cửa bên lối đi, đẩy mạnh chàng vào đó và đứng lấy lưng để chặn bên ngoài.

Nơi Innokenty bị đẩy vào giống như một cái tủ, bên trên không có trần, vừa vặn đủ chỗ để chàng đứng. Phản ứng tự nhiên của con người trong trường hợp này là phản đối nhưng Innokenty đã quen với những thứ khác khó hiểu và sự im lặng của khám đường Lubyanka, đứng yên chịu đựng. Chàng vô hồn làm tất cả những gì khám đường đòi hỏi chàng làm.

Nhưng sự kiện này, sau cùng, đã cho Innokenty hiểu tại sao bọn giám thị trong khám đường Lubyanka lại tắc lưỡi khi đưa tù nhân đi. Đó là tiếng báo cho bọn giám thị khác biết rằng y dắt tù nhân đi. Chúng bị cấm không được để cho tù nhân trông thấy nhau, để cho tù nhân không thể dùng mắt nhìn an ủi nhau, khuyến khích nhau thêm can đảm.

Một tù nhân được dắt qua hành lang, rồi một người nữa. Sau đó Innokenty được ra khỏi ngăn

tủ nắp và đưa xuống sâu nữa.

Ở những bậc thang đá cuối cùng, Innokenty nhận thấy mặt đá mòn lõm xuống. Chưa bao giờ chàng nhìn thấy những bậc đá mòn đến thế.

Vết mòn sâu đến nửa gang tay, lõm tròn trong mặt đá.

Chàng rung mình. Trong ba mươi năm, có biết bao nhiêu bàn chân đã giẫm lên đây để cho mặt đá lõm đến như thế? Cứ mỗi hai người đi qua là có một người tù, một người gác tù.

Chàng được đưa tới một khung cửa khóa có một ô nhìn gần song sắt ở trên. Tới đây, Innokenty được biết một thủ tục mới của khám đường: chàng bị người gác bắt đứng áp mặt vào tường, tuy không nhìn lại, chàng biết là người gác nhấn chuông vì có tiếng chuông reo, ô nhìn trên khung cửa được mở ra rồi đóng lại ngay. Tiếp đó là tiếng cửa mở. Có một người mà Innokenty không nhìn thấy, cất tiếng hỏi:

“Họ gì?”

Theo phản ứng tự nhiên, Innokenty quay đầu lại để nhìn kẻ hỏi mình, chàng nhìn thoáng thấy một bộ mặt không rõ đàn ông hay đàn bà, sừng sãi, chảy xệ, bộ mặt có một vết sẹo đỏ hồng thật lớn, và chàng nhìn thấy bên dưới bộ mặt ấy cặp cầu vai gắn cấp hiệu Trung úy.

Viên Trung úy quát:

“Không được nhìn lại”.

Innokenty quay mặt vào tường và cuộc hỏi lý lịch đều đều bắt đầu. Innokenty trả lời, chàng nói với mảnh tường vôi trắng trước mặt chàng.

Sau khi kiểm soát và thấy rằng tù nhân trả lời đúng tên tuổi được ghi trên phiếu lý lịch được đưa đến, và tù nhân vẫn còn nhớ được năm sinh, nơi sinh của y, viên Trung úy mặt sẹo nhấn chuông trên cánh cửa gã vừa bước ra nhưng đã khóa lại sau lưng gã. Một lần nữa ô nhìn được mở, có một kẻ nào đó bên trong cửa nhìn ra, ô nhìn đóng lại và cánh cửa được mở.

“Đi vô”. Gã Trung úy mặt sẹo ra lệnh.

Họ bước vào và cánh cửa đóng lại, tiếng khóa rồn rảng nổi lên.

Innokenty chỉ mới kịp trông thấy một hành lang tối có nhiều khung cửa hai bên, một cái bàn, một cái tủ có nhiều ngăn như chuồng chim bồ câu, nhiều tên giám thị đứng trong hành lang, gã Trung úy mặt sẹo đã ra lệnh cho chàng:

“Nhìn vào tường. Đừng động đây”.

Gã bắt chàng đứng như thế trong lúc gã xem kỹ hơn hồ sơ của chàng, rồi gã lại ra lệnh, gã nói nhỏ thôi nhưng tiếng nói của gã vẫn vang lớn trong bầu không khí im lặng lạnh giá:

“Số 3”.

Người giám thị đưa Innokenty tới đây đi vào hành lang:

“Hai tay sau lưng. Đi...”

Innokenty đi theo gã vào hành lang. Chàng nhìn thấy những chữ số ghi trên cánh cửa chàng đi ngang:

47, 48, 49

Dưới những hàng số ấy là những lỗ nhìn. Cảm thấy toàn thân ảm đạm vì sự gần cận những người bạn tù, Innokenty muốn nhắc một nắp che lỗ nhìn kia lên để dán mắt vào đó, nhìn cuộc sống bị nhốt trong đó. Gã gác kéo chàng đi mau và Innokenty rảo bước đi theo, chàng đã bị lấy cái bệnh thụ động của những tù nhân, mặc dù một người đã mất tất cả, lẽ ra không còn gì để phải lo sợ nữa.

Nhưng không may cho loài người, và đây là điều may mắn cho những kẻ thống trị, con người được tạo thành với nhược điểm là còn sống thì vẫn còn sợ khổ, đã khổ hết sức, khổ đến cùng nhưng vẫn luôn luôn sợ mình sẽ khổ hơn. Ngay với một kẻ đã bị tù suốt đời, bị tước quyền hành động, không còn được nhìn thấy trời xanh, mất gia đình, mất hết của riêng, vẫn còn có thể bị trừng phạt cho khổ hơn bằng cách nhét xuống những hầm tối ẩm ướt, không cho ăn, đánh bằng gậy, và người tù này vẫn cảm thấy những trừng phạt nhỏ mọn này làm cho y khổ sở y hết ngày nào y vừa mới mất tự do, tức là như ngày y mới bị bắt. Để tránh những khổ sở tối hậu này, người tù ngoan ngoãn tuân theo những luật lệ làm mất nhân cách của chế độ lao tù, và thói quen tuân lệnh, khuất phục dần dần giết chết con người ở trong y.

Những khung cửa ở đầu hành lang nằm sát gần nhau hơn, mỗi cửa chỉ còn ghi một số:

3, 2, 1

Người gác mở cửa số 3 và làm một cử chỉ mời chào bằng tay, trong khung cảnh này, cử chỉ ấy

trở thành khô hời. Innokenty nhận thấy sự khô hời ấy và chàng nhìn người gác kỹ hơn. Gã là một thanh niên hãy còn trẻ, hơi thấp, vai to, tóc đen, hai mắt nhỏ như hai vết dao chém. Về mặt gã cũng khá ác ôn, gã không cười, nhưng sau khi gặp chừng một tá viên chức khám đường Lubyanka đêm nay, Innokenty thấy rằng bộ mặt của gã này đáng kể là một bộ mặt dễ chịu. Bị nhốt trong “thùng” số 3, Innokenty nhìn quanh. Sau đêm nay, chàng đã có thể tự hào là người biết khá nhiều về “thùng giam người” trong khám đường Lubyanka, chàng đã bị nhốt vào nhiều “thùng” và có dịp so sánh. “Thùng” số 3 này rộng, đẹp, sạch sẽ hơn tất cả. Chiều ngang của nó khoảng thước rưỡi, chiều dài chừng hai thước rưỡi, sàn gỗ, một cái ghế gỗ dài gắn liền vào tường, bên cửa có một cái bàn gỗ nhỏ. “Thùng” này, tất nhiên cũng kín mít và không có cửa sổ, chỉ có một lỗ thông hơi nhỏ có lưới sắt che nằm cao trên trần, trần cao tới 4 thước. Tường quét vôi trắng, rực sáng vì bóng đèn điện 200 nến nằm trong cái giỏ sắt treo trên cửa. Ánh đèn mạnh làm ấm không khí nhưng cũng làm cho chàng chói mắt.

Rất nhanh, Innokenty đã nắm vững được nghệ thuật sống của tù nhân. Lần này, Innokenty không còn mơ mộng hão huyền rằng chàng sẽ có thể ở lâu trong phòng giam thoải mái này. Khi nhìn thấy cái ghế dài, người tù tập sự trước chàng - người tù tập sự mỗi phút qua là thêm một phút trở thành lão luyện - biết rằng vấn đề cần làm ngay bây giờ của mình là ngủ. Như một con thú mới được xình ra đời trong rừng thẳm đã mất mẹ vôi vãi tìm cách sống một mình, Innokenty cuộn chiếc áo ngoài của chàng lại thành cái gối, chàng nằm ngay xuống ghế và cảm thấy dễ chịu. Chàng nhắm mắt và sửa soạn ngủ.

Nhưng giấc ngủ trốn chàng. Trước đây, chàng đã hai lần ngủ gục khi chàng không được quyền ngủ, chàng đã qua tất cả những hình thức mệt mỏi, nhưng tới đây, khi chàng có thể ngủ được, chàng lại tỉnh thức. Những kích động liên tục làm cho thần kinh chàng căng thẳng không chịu rời bỏ chàng. Cố gắng không suy nghĩ để khỏi tiếc hận hoặc mơ màng, Innokenty nằm im, thở đều và đếm nhẩm trong miệng... Thật là một điều tai hại khi được nằm ấm, hai chân duỗi dài mà không ngủ được, nhất là khi không biết vì nguyên do nào, người gác bên ngoài lại không mở nắm lỗ nhìn nhòm vào luôn luôn như ở trong phòng giam khác.

Chàng nằm im như thế trong khoảng nửa tiếng, cuối cùng, chàng cảm thấy trí óc bắt đầu không suy nghĩ nữa, rồi một cảm giác nặng nề nhầy nhụa đè nặng lên toàn thân chàng.

Nhưng đến lúc này, Innokenty lại thấy rằng chàng không sao có thể ngủ nổi với ánh đèn rực sáng này. Chàng nhắm mắt lại nhưng vẫn thấy một màu đỏ ối, ánh đèn như một vật hữu hình ép xuống mi mắt chàng. Đây là lần đầu tiên Innokenty cảm thấy sức ép của ánh sáng, sự nhận thức này làm cho chàng như điên lên. Sau khi thử nằm đủ mọi kiểu để tránh sức ép của ánh đèn, Innokenty tuyệt vọng ngồi dậy, buông hai chân xuống sàn.

Thỉnh thoảng, người gác bên ngoài mở nắp lỗ nhìn ngó vào phòng. Giờ đây, nghe tiếng nắp gỗ di động trên cánh cửa, Innokenty nhìn lên và giơ ngón tay trở.

Cửa mở êm. Gã nhân viên gác mắt ti hí yên lặng đứng nhìn.

“Làm ơn... Tắt đèn”. Innokenty nói.

Gã đứng dưng:

“Cấm không được tắt đèn”.

“Nếu cấm... cho tôi cái bóng nhỏ hơn. Cái phòng nhỏ như vậy, cần gì phải dùng bóng đèn lớn quá?”

“Đừng có nói lớn...” - Gã mắt hí thản nhiên nói, và quả thật, sau lưng gã, hành lang vắng và toàn thể khám đường im lặng như một tòa cổ mộ - “Không có chuyện thay bóng đèn”.

Tuy vậy, bộ mặt lạnh lùng của gã vẫn có một nét gì sống động, một nét gì đó giống như với mặt người thường. Thấy rằng mình đã hết chuyện để nói và cánh cửa sắp đóng lại, Innokenty vội vã:

“Cho tôi xin ly nước”.

Gã mắt hí gật đầu và lùi ra, đóng cửa lại. Gã đi rất êm trên hành lang. Ngồi trong “thùng” Innokenty biết là gã đi và chàng lắng nghe nhưng cũng không nghe thấy tiếng chân gã. Khi gã trở lại, tiếng khóa cửa mở rồi gã hiện ra giữa khung cửa, tay cầm ly nước. Cái ly này cũng cùng một kiểu với chiếc ly Innokenty đã được uống ở phòng tiếp nhận người bị bắt, ly cũng vẽ hình con mèo, chỉ khác là con mèo trên ly nước này không đeo kiếng, không đọc sách, và không còn có con chim nhỏ đứng gần.

Innokenty uống và thưởng thức chất nước. Vừa uống, chàng vừa nhìn gã gác. Gã này không

bước hẳn ra ngoài, gã chỉ khép cửa và đứng dựa vai vào thành cửa nhìn chàng. Đột nhiên, trong lúc Innokenty không ngờ nhất, trái hẳn với những luật lệ trong khám đường, gã nheo mắt hỏi chàng:

“Trước kia, anh là ai?”

Việc được một người hỏi thăm lần thứ nhất trong suốt một đêm dài đầy những người lạ, làm cho Innokenty sửng sốt. Chàng xúc động đến nghẹn ngào vì lời hỏi thăm hiền hòa mặc dù được thốt ra một cách vụng trộm, và nhất là vì hai tiếng “trước kia”, hai tiếng thật tàn nhẫn, nhưng cũng thật đúng, chàng cũng thì thào trả lời:

“Trước kia, tôi là một nhà ngoại giao. Nhân viên ngoại giao của chính phủ”.

Gã mắt hí gật đầu, nét mặt gã để lộ cảm tình:

“Còn tôi, trước kia tôi là thủy thủ của Hạm đội Baltic”.

Chậm hơn và nhỏ hơn, gã tiếp:

“Tại sao anh lại bị bắt vào đây?”

“Tôi cũng không biết tại sao nữa” - Đột nhiên, Innokenty trở lại đề phòng - “Tôi chẳng biết tôi có tội gì cả”.

Gã gác lại gật đầu:

“Ai mới bị bắt vào đây cũng nói như anh hết”.

Rồi với nét mặt hơi đều, gã hỏi:

“Anh có muốn đi đái không?”

“Không. Chưa...”

Innokenty để lộ tình trạng tù mới của chàng qua sự từ chối ấy, chàng chưa biết rằng cho phép tù nhân đi tiểu là quyền hạn lớn nhất của bọn gác tù, và đó cũng là một đặc ân lớn lao đối với tù nhân, bởi vì tù nhân chỉ được đi giải đúng giờ chứ không phải bất cứ lúc nào một là cũng được đi.

Sau cuộc đối thoại ngắn này, cánh cửa đóng lại và Innokenty lại nằm dài trên mặt ván, cố gắng chống cự ánh đèn sáng chiếu qua mi mắt. Chàng đưa tay lên che mắt nhưng che như thế, cánh tay chàng bị tê dại. Chàng nghĩ đến việc gấp cái khăn tay lại che lên mắt nhưng khăn tay của chàng đâu rồi? Thật bậy, tại sao chàng không chịu lượm cái khăn tay lên? Lúc mới bị bắt tới đây, chàng hành động như một thằng ngu.

Những vật nhỏ mọn - một cái khăn mùi-soa, một hộp quẹt rỗng, một sợi dây, một cái nút áo - là những vật chi bảo của tù nhân. Thế nào cũng có lúc người tù cần đến những thứ ấy, đôi khi, chúng có thể cứu vãn người tù khỏi quá khổ sở.

Đột ngột, cánh cửa mở. Gã gác mắt hí vút lên người Innokenty một cái chiếu có những vạch sơn đỏ. Thật là tuyệt diệu. Ban quản đốc khám đường Lubyanka không những là chỉ lo giữ tù nhân không ngủ được mà thôi, họ còn lo cho tù nhân nằm thức êm ái hơn nữa. Cuộn trong cái chiếu là một cái gối nhồi lông nhỏ, một cái mền nỉ hẹp. Tất cả những thứ này đều in hàng chữ “Khám đường”.

Hay quá. Giờ đây, với những thứ này, chàng đã có thể ngủ được. Innokenty thấy rằng những ý nghĩ đầu tiên của chàng về khám đường quá đen tối, quá bi quan. Chàng trải chiếu, đặt gối, nằm xuống, đắp mền lên mặt. Hai chân chàng từ đầu gối trở xuống không có mền nhưng hai mắt chàng không còn bị ánh đèn chói nữa. Chàng trôi vào giấc ngủ say lịm.

Nhưng cánh cửa mở với một tiếng động lớn và gã gác nói vào:

“Ê... Lấy hai tay ra...”

Innokenty nói như gần khóc:

“Cái gì? Sao lại đánh thức tôi? Để cho tôi ngủ chứ, tôi ngủ không được...”

“Lấy hai tay ra khỏi mền” - Gã gác lạnh lùng nói - “Cấm không được giấu hai tay trong mền. Bỏ tay ở ngoài”.

Innokenty làm theo lời gã. Nhưng đã quen ngủ hai tay ở trong mền, chàng khó có thể ngủ với hai tay đặt ngoài mền. Luật này thật là luật quái đản, ác độc. Con người ở bất cứ thời nào, bất cứ đâu, vẫn quen ngủ hai tay giấu trong mền, để sát vào mình.

Innokenty lăn lộn trên mặt ván, nhưng rồi sau cùng, cơn mệt mỏi cũng thắng, chàng ngủ lịm đi. Bỗng một tiếng động liên tục ngoài hành lang vang đến tai chàng, tiếng động rầm rầm mỗi lúc một đến gần. Có người đang dậm mạnh lên những cánh cửa. Họ dậm lên cánh cửa bên cạnh rồi cánh cửa phòng giam Innokenty bật mở:

“Dậy...!” Gã cự thủy thủ biển Baltic la lớn.
“Cái gì? Sao lại dậy?” - Innokenty cũng la lên - “Suốt đêm tôi không ngủ được”.
“Sáu giờ sáng là dậy”.
Gã cự thủy thủ đi sang phòng bên.
Đúng lúc ấy, Innokenty cảm thấy buồn ngủ hơn bao giờ hết. Suốt đời, chưa bao giờ chàng thấy cần ngủ đến như thế. Chàng nằm vật xuống và ngủ lịm đi ngay lập tức.
Nhưng cũng ngay lúc đó, gã cai tù trở lại, gã đập cửa rầm rầm và giục chàng:
“Dậy... Dậy đi. Cuốn chiếu”.
Innokenty nhòm người trên cũi chỏ nhìn ra kẻ hành hạ chàng, kẻ mà trước đó một tiếng đồng hồ từng tỏ cảm tình với chàng và được chàng coi là một người còn là con người.
“Suốt đêm tôi không được ngủ, anh biết không?”
“Không biết gì cả. Sáu giờ sáng là phải dậy. Cuộn mền chiếu lại”.
“Cuộn mền chiếu lại rồi tôi làm gì?”
“Chẳng làm gì cả. Ngồi đó”.
“Tại sao lại không cho tôi ngủ?”
“Tại vì bây giờ đã 6 giờ sáng rồi”.
“Tôi sẽ ngủ ngồi”.
“Ban ngày không được ngủ. Anh ngủ, tôi sẽ đánh thức anh”.
Innokenty đưa hai tay ôm lấy đầu. Đầu chàng lắc lư như người say rượu. Một chút gì giống như là thương hại thoáng hiện trên mặt gã gác tù mắt ti hí:
“Anh muốn rửa mặt không?”
Innokenty đổi ý, chàng vội vã đáp:
“Muốn, muốn. Cho tôi rửa mặt...”
“Tay chấp sau lưng. Đi...”
Phòng rửa mặt ở trong góc. Sau khi đã tuyệt hy vọng có thể ngủ được trong những giờ sắp tới, Innokenty cởi áo sơ-mi và vã nước lạnh lên người tự do trên mặt nền xi-măng lạnh của phòng rửa mặt rộng, vắng. Cửa phòng đóng, gã gác tù mắt ti hí không để ý gì đến chàng.
Có thể gã gác cũng còn chút nhân đạo, nhưng tại sao gã lại không chịu nói trước cho Innokenty biết rằng ở đây, tù nhân phải dậy vào lúc 6 giờ?
Nước lạnh làm tiêu tan cơn mệt mỏi của Innokenty. Ra tới hành lang, chàng hỏi gã gác tù về chuyện ăn sáng. Gã ra hiệu cấm nói, nhưng vào tới trong “thùng” gã cũng cho chàng biết là ở đây không có ăn sáng.
“Tới 8 giờ, anh được phát nước trà đường và món khô”.
“Món khô là cái gì?”
“Là bánh khô”.
“Bánh khô thì gọi là bánh khô có được không? Còn được ăn những gì nữa?”
“Hết. Muốn ăn, chờ đến trưa”.
“Bộ tôi phải ngồi suốt ngày sao?”
“Hỏi ít chứ”.
Gã gác tù đã đóng cửa, nhưng Innokenty giơ ngón tay trở lên. Cánh cửa lại mở, gã cự thủy thủ hỏi vào:
“Anh còn muốn gì nữa?”
“Họ cắt hết nút quần, nút áo của tôi. Ai khâu lại cho tôi bây giờ?”
“Mất bao nhiêu nút?”
Hai người cùng đếm số nút thiếu trong bộ quần áo Innokenty bận trên người. Cửa đóng lại nhưng chỉ lát sau, lại mở, gã gác tù đem vào cho chàng một cây kim khâu, một tép chỉ nhỏ, chừng một chục cái nút đủ thứ, nút bằng xương, gỗ, plastic, đủ cỡ lớn nhỏ khác nhau.
“Nút này xài không được. Không cùng cỡ với những nút họ cắt đi của tôi”.
“Xài đi. Hết rồi. Chỉ còn mấy cái nút này thôi”.
Đây là lần đầu tiên trong đời Innokenty cầm kim khâu. Chàng không biết cách nhấm nước miếng cho ướt đầu chỉ trước khi xỏ chỉ vào lỗ kim, chàng cũng không biết cách thắt chỉ khi khâu xong. Vì không biết những bí quyết về khâu vá mà loài người đã truyền thụ cho nhau sau cả ngàn năm kinh nghiệm, chàng tự sáng chế ra một lối khâu nút riêng. Chàng bị kim đâm vào ngón tay nhiều lần, hai ngón tay trở của chàng đau nhói nhói. Chàng phải mất một thời gian để

khâu liền lại những viền áo, viền quần bị xé và những nút áo, nút quần. Chàng khâu lệch chỗ những nút áo nên khi mặc vào và gài nút, cái áo của chàng xộc xệch, méo mó một cách thảm hại.

Nhưng việc làm tần mẩn, mất mát thì giờ và cần chú ý này, không những chỉ làm cho Innokenty quên thì giờ mà thôi, nó còn sợ hãi hay bối rối nữa. Chàng đã có thể nhận biết và biết đúng, biết chắc rằng ngay ở trong đáy cái vực thẳm rừng rợn là khám đường Lubyanka này, vẫn còn có những người bằng xương, bằng thịt, rằng khám đường Lubyanka thực ra, không phải là nơi khủng khiếp ghê gớm như người ta vẫn tưởng. Bây giờ, chàng chỉ còn khao khát được gặp mặt những người bằng xương, bằng thịt đó ở đây.

Chàng là một người không được ngủ suốt đêm qua, một người không được ăn, một người có cuộc đời bị tan vỡ nội trong mười hai tiếng đồng hồ, nhưng chàng vừa nhận được một trận gió sức mạnh thứ hai, nhờ hơi thở thứ hai này, những tấm thân được luyện của những lực sĩ cảm thấy khoẻ lại và không mệt.

Một người gác tù mới tới lấy cây kim khâu đi.

Rồi họ mang tới cho cùng một miếng bánh khô vừa đen, vừa ẩm, hai cục đường rắn. Họ rót nước trà vào cái ly có vẽ hình con mèo. Họ hứa sẽ cho chàng thêm nước trà.

Tất cả những việc này cho Innokenty biết rằng thời gian bây giờ là 8 giờ sáng.

Innokenty bỏ cả số lượng đường để dùng cả một ngày dài của chàng vào ly nước và khuấy cho đường tan bằng ngón tay trở. Nhưng nước nóng quá, chàng đành lắc lắc ly cho tan đường. Uống hết ly trà nóng, chàng giơ ngón tay xin nữa. Chàng không cần ăn.

Với một cái rung mình sung sướng, Innokenty uống ly nước trà thứ hai. Ly trà này không có đường nhưng nhờ vậy, chàng cảm thấy mùi trà đậm hơn.

Tâm trí chàng bừng sáng, mình vẫn như chưa bao giờ chàng mình mẫn đến như thế.

Chàng bắt đầu đi đi, lại lại trong khoảng hẹp giữa mép ván và bức tường trong khi chờ đợi cuộc chiến đấu mới.

Một tư tưởng của Epicurus [1], một tư tưởng mà chàng vẫn không hiểu rõ trong thời gian chàng còn tự do bên ngoài, đột ngột trở về trí óc chàng:

“Cảm nghĩ nội tâm hài lòng hay mẫn thích, bất mẫn hay chán ghét, là tiêu chuẩn cao nhất để định giá trị của Thiện và Ác”.

Như vậy nghĩa là, theo Epicurus, những gì mình mẫn thích là tốt, những gì mình không mẫn thích là xấu?

Đó là những triết lý của những kẻ man rợ.

Stalin thích giết người - như vậy phải chăng với Stalin, giết người là một tính tốt? Và bị tù vì định cứu một người, việc bị tù không làm cho người bị tù hài lòng, cũng không ai thích bị tù cả, phải chăng việc ở tù là một điều xấu, một tội lỗi?

Không! Thiện và Ác, tốt và xấu, giờ đây đã được phân chia rõ rệt mà Innokenty! Đã được chàng nhận thấy rành rẽ, nhờ cánh cửa có ánh đèn sáng rực này, nhờ những bức tường này, nhờ đêm ở tù đầu tiên trong đời chàng.

Trên những đỉnh cao chiến đấu và đau đớn mà chàng vừa được nhắc lên, sự hiểu biết của triết gia cổ xưa ấy là chỉ sự hiểu biết nông cạn của một đứa trẻ.

Cánh cửa chuyển động.

“Họ gì?”

Một gã giám thị mới đột ngột hỏi vào. Gã này có một cái bộ mặt người Á châu.

“Volodin”.

“Đi chấp cung. Hai tay chấp sau lưng”.

Innokenty chấp hai tay sau lưng, đầu ngẩng cao như con chim uống nước, chàng đi ra khỏi “thùng”.

[1] Epicurus, triết gia Hy Lạp, sống khoảng từ 200 đến 300 năm trước Công nguyên.

41 Buổi sáng hành quyết

Trong Viện Mavrino, giờ này cũng là giờ ăn sáng và uống trà.

Không có sự kiện gì báo trước ngày hôm nay sẽ là một ngày có những chuyện đặc biệt xảy ra. Buổi sáng, Trung úy Shusterman tỏ ra nghiêm ngặt với việc bắt mọi tù nhân phải dậy hết sau 6 giờ, nhưng đó là chuyện thường xảy ra. Bên ngoài trời lạnh, mặt sân và lối đi nằm dưới một lớp đá trơn trượt. Không ai muốn ra khỏi phòng. Vài tù nhân đi ra sân nhưng họ trượt ngã, đi không được, nên lại kéo nhau vào nhà tù. Trong phòng ngủ, nhiều người còn ngồi trên giường, bỏ thòng chân xuống sân, không ai sốt sắng ra khỏi giường. Họ ngồi đó gãi, ngáp, buồn rầu trêu chọc nhau hoặc nhạo báng chính số phận khốn nạn của họ. Họ kể cho nhau nghe những giấc mộng của họ trong đêm vừa qua - việc kể lại cho nhau nghe những giấc mộng là một trò giết thì giờ thú vị của tù nhân.

Hoàn toàn không có sự kiện gì báo cho những tù nhân trong Viện Mavrino biết rằng trong buổi sáng hôm nay sẽ có cuộc chuyển tù nhân ra khỏi Viện.

Sáng nay, Sologdin vẫn đi ra sân bồ củ như mọi sáng. Suốt đêm qua, anh đã mở hé cánh cửa sổ mặc dù trời lạnh, và sáng nay, trước khi ra khỏi phòng anh đã mở lớn cánh cửa sổ.

Rubin, nằm trên chiếc giường sát ngay khung cửa sổ này, không nói một tiếng với Sologdin. Đêm qua, anh vào giường muộn và suốt đêm, anh trần trọc vì mất ngủ. Anh khổ sở vì gió lạnh từ cửa sổ lùa vào nhưng anh nhất định không thốt ra nửa tiếng phản đối. Anh bận cả áo dạ để nằm ngủ, anh đội mũ nỉ có vành che kín hai tai, trùm mền kín từ đầu đến chân. Nằm co quắp trong giường, không dậy ăn sáng, bất kể những lời thúc giục của Shusterman và những tiếng động trong phòng, Rubin cố gắng một cách tuyệt vọng kéo dài giờ ngủ.

Potapov, người xung phong đi ra sân, là người đến bàn ăn sáng trước nhất. Anh đã uống trà, làm giường và ngồi trên giường đọc báo. Trong thâm tâm, anh nóng ruột mong đến giờ lên phòng làm việc. Hôm nay, anh sẽ thử dùng một bộ phận cơ khí anh vừa làm xong hôm qua. Món ăn sáng hôm nay là món cháo kê. Nhiều tù nhân chê cháo kê nên không đến bàn ăn sáng. Gerasimovich ngồi lại rất lâu trong phòng điểm tâm, anh cẩn thận xúc từng muỗng kê nóng đưa lên miệng.

Nerzhin bước vào gian phòng ăn tương đối vắng hơn mọi sáng, số người ngồi ăn sáng nay không đầy nửa số ghế, chàng gật đầu chào Gerasimovich và ngồi xuống một bàn riêng, ăn ngon lành.

Ăn sáng xong, Nerzhin trở về giường chàng, và trong khoảng thời gian mười lăm phút còn được tự do buổi sáng, chàng nằm dài trên giường, nhìn lên trần nhà.

Quanh chàng, các bạn tù bàn tán rì rào về số phận của Ruska - Ruska là một tù nhân trẻ bị tố cáo vì tội âm mưu trốn khỏi Viện, người tố cáo Ruska là một tù nhân làm gián điệp cho ban quản đốc, rõ hơn là làm chỉ điểm cho hai sĩ quan an ninh Shikin và Myshin - Đêm qua, Ruska không về ngủ và những tù nhân biết rằng người tù trẻ tuổi này đã bị nhốt trong một phòng giam ở gần văn phòng của Thiếu tá Shikin.

Họ bàn tán đến chuyện có thể nào “hai mươi lăm năm cải huấn” của Ruska có thể bị chuyển thành “hai mươi lăm năm cấm cố” hay không? Những nhà tù đặc biệt gồm toàn những xà lim nhỏ để giam cầm cố tù nhân được xây dựng nhiều trong năm qua và án tù cấm cố mỗi ngày một nhiều.

Giữa tiếng cười ồ của mọi người, Rubin tung mền ngồi dậy. Các bạn tù cười Rubin vì anh bận cả áo nỉ và đội mũ che kín tai để ngủ. Rubin không bao giờ giận dữ khi thấy người khác cười mình. Anh lột cái mũ nỉ ra khỏi đầu nhưng vẫn bận áo nỉ, anh yêu cầu người bạn tù đứng gần bình trà rót cho anh một ly. Ngồi trên giường, với bộ râu tóc rối, anh ăn bánh, uống nước trà. Và trước

vẻ ngái ngủ biến hẳn trên mặt anh, Rubin đã chăm chú vào những trang tiểu thuyết của Upton Sinclair. Sáng nay, Rubin ở trong trạng thái tinh thần u sầu hết sức.

Trong Viện, những hoạt động của buổi sáng đang diễn ra liên tục. Trung úy Shusterman bước vào phòng, lớn tiếng nói chung cho tất cả mọi người:

“Chú ý... Tù nhân được thông báo để biết rằng từ hôm nay trở đi, sau bữa tối, sẽ không một ai còn được vào nhà bếp để xin nước nóng. Cũng không ai được làm rộn sĩ quan trực về chuyện nước nóng”.

Pryanchikov nhảy từ trên giường xuống, anh hỏi như gào lên:

“Lệnh của ai vậy?”

“Lệnh của Viện trưởng!” Shusterman đáp.

“Lệnh này ra từ bao giờ?”

“Hôm qua”.

Pryanchikov nắm chặt bàn tay và giờ nắm tay lên đấm đấm về phía trần phòng như anh kêu gọi trời, đất làm chứng cho anh:

“Không thể được, chuyện này không thể xảy ra được” - Anh tức giận nói - “Tối thứ Bảy, chính Tổng trưởng Abakumov hứa với tôi là sẽ có nước nóng để pha trà ban đêm cho chúng ta. Chuyện này không hợp lý chút nào. Chúng ta phải làm việc đến nửa đêm mà”.

Một tràng cười của các tù nhân nổi lên đáp lời Pryanchikov.

“Vậy thì đừng làm việc đến nửa đêm nữa, có gì phải thắc mắc”.

Người nói câu trên là tù nhân Dvoyeysov.

Shusterman giải thích:

“Không có tiền trả lương cho người nấu bếp ban đêm”.

Rồi Shusterman mở một bản danh sách ra đọc. Y chỉ mới nói hai tiếng “Chú ý...”, tất cả mọi tù nhân trong phòng đã im lặng để nghe. Họ linh cảm được rằng họ sắp được nghe một chuyện quan trọng.

Shusterman lớn tiếng:

“Chú ý... Những người có tên dưới đây sẽ không phải đi làm việc ở Viện sáng nay... Những người có tên dưới đây chuẩn bị ngay để di chuyển. Trong phòng này: Khorobrov, Mikhailov, Nerzhin, Syemushin. Bốn người hãy mang trả tất cả những đồ được Viện phát ngay bây giờ...” Shusterman bước ra khỏi phòng.

Như trong một cơn lốc, bốn người vừa được đọc tên được tất cả mọi anh em trong phòng xúm xít bao quanh.

Những người tù bỏ những ly nước trà, bỏ những mẩu bánh ăn dở để xúm lại quanh những người sắp phải ra đi. Với tổng số hai mươi lăm người trong phòng ngủ này, số bốn người phải ra đi là một tỷ lệ quá cao. Tất cả mọi người cùng nói một lúc, những giọng nói ghen ngào, những giọng nói buồn rầu, những giọng nói giận dữ chen lẫn nhau. Có những người lắc đầu, có những người đấm ngực, có những người run rẩy vì giận. Cảnh phòng ngủ lúc đó là một cảnh lộn lộn những buồn rầu, lo âu, giận hờn, khuất phục, chịu đựng và muốn nổi loạn. Bỗng Rubin đứng cao lên mặt giường, anh giờ hai tay lên, la lớn:

“Sáng nay là một sáng đáng ghi nhớ của Viện Mavrino... Buổi sáng hành quyết...!”

Cuộc di chuyển là một khúc quanh trong dòng đời của tù nhân, nó cũng quan trọng và quyết định như vết thương đối với một người lính. Vết thương có thể nhẹ hoặc nặng, có thể sẽ lành hoặc làm cho người lính chết, người tù có thể bị di chuyển đi xa hoặc gần, đi đến chỗ không mấy khổ hơn hoặc đi đến chỗ chết.

Khi người ta đọc những hồi ký về những nhà giam khổ sai ghê gớm nhất được Dostoyevski viết lại, người ta phải ngạc nhiên khi thấy ở đấy những tù nhân được sống êm đềm biết là chừng nào. Trong những nhà giam được tả trong hồi ký tù đầy của Dostoyevsky, cả mười năm không có quá một lần di chuyển tù nhân.

Người tù sống ở một chỗ, quen thuộc với những bạn tù, quen thuộc với việc làm mỗi ngày của mình, quen thuộc cả với những kẻ có quyền giam giữ, kiểm soát mình. Dù không muốn thu thập tư sản, người tù đó cũng dần dần có những vật sở hữu của riêng y: y có thể có một cái va-li bằng vải từ bên ngoài gửi vào, hoặc một va-li bằng plastic do một bạn tù nào đó chế tạo, hoặc do chính y làm lấy, y có một khung hình trưng hình vợ y hoặc hình con gái y. Y có một đôi giày

vải mềm để đi ban đêm và cất giấu ban ngày để tránh bị tịch thu, y có thể có thêm một cặp quần lót, hoặc một đôi giày cũ phải trả lại ban quản đốc nhưng y lén giữ lại được. Y có thể có một bộ kim chỉ riêng, một lỗ nút áo riêng. Lúc nào y cũng có thuốc lá để hút. Nếu y chịu khó, y có thể có được một gói bột đánh răng và thỉnh thoảng y chà răng cho trắng. Y sưu tập được một tập thư do người thân của y gửi vào tù cho y, có được một hai quyển sách riêng, nhờ khéo léo và dối chác, y có thể đọc được hết những quyển sách riêng của những tù nhân khác.

Nhưng cuộc di chuyển là một tai họa đánh vỡ tan cuộc sống yên ổn tạm bợ đó của người tù - tai họa đến như tiếng sét, luôn luôn bất ngờ, không bao giờ đến trước để nạn nhân kịp chuẩn bị, tai họa đến vào những lúc nạn nhân không ngờ nhất - chỉ tới phút cuối cùng, người ta mới chịu báo cho nạn nhân biết y bị di chuyển. Người ta vội vã xé nhỏ những bức thư của thân nhân. Nếu y được đưa đi bằng xe vận tải, loại xe dùng để chở bò tới lò thịt, nhân viên áp giải tù sẽ cắt hết nút quần, nút áo của y và vứt gói bột chà răng, gói thuốc lá của y đi vì những thứ đó có thể dùng để ném vào mắt họ trong trường hợp tù nhân vượt ngục. Nếu người tù được đưa đi bằng loại xe Stolopyn nhỏ, bọn giải tù sẽ làm gãy góc va-li của y vì thùng chứa đồ trong xe quá nhỏ, khung hình trong va-li sẽ bị gãy. Dù đi bằng xe vận tải hay xe Stolopyn, họ sẽ tịch thu những cuốn sách của tù nhân, vì luật cấm tù nhân không được quyền mang sách báo theo khi di chuyển, tịch thu cây kim khâu vì cây kim này có thể dùng đâm người giải tù, những món đồ dư thừa không được khai báo của người tù sẽ bị vứt lại.

Và như vậy là người tù bị di chuyển mất hết những vật sở hữu hiếm hoi, nghèo nàn của y, mất hết bạn hữu, y chấp hai bàn tay không sau lưng và đi thẳng - chỉ cần y bước trệt sang bên cạnh một bước là nhân viên giải tù nổ súng ngay - giữa những con chó dữ và những người gác, y leo lên xe.

Đôi khi, người tù được đưa ra nhà ga xe hỏa để lên toa xe bít bùng, loại toa tàu chở súc vật, để đi đến một nơi nào đó mà y không được báo trước. Đôi khi, bạn có dịp nhìn thấy những người tù này ở sân ga, họ bó gối ngồi xồm ở một góc sân ga chờ lên tàu, và bạn quay mặt nhìn đi chỗ khác. Bạn sợ viên sĩ quan an ninh chỉ huy cuộc chuyển tù này nhìn thấy, nghĩ là bạn có liên hệ gì đó đến bọn tù và kéo bạn vào phòng thẩm vấn.

Bọn tù được đưa lên toa xe, và toa xe này sẽ được nối liền với toa chở thư, hai bên toa kín mít, họ mang những kỷ niệm, những ký ức, những hy vọng và sợ hãi đi theo họ trên con đường sắt dài thăm thẳm.

Họ đi đâu? Họ không được biết. Cái gì chờ đợi người tù ở cuối cuộc du hành này? Một mỏ đồng? Một xưởng chặt cây trong rừng thẳm hoặc một nông trại ở một miền hoang vu, nơi họ thỉnh thoảng có dịp được ăn lén vài trái su, trái bắp. Người tù sẽ bị phù thũng hay tê liệt sau những tháng đầu lao động vất vả hay y sẽ may mắn được gặp người quen, được trao cho làm những việc đỡ vất vả như gác kho, quét xưởng, lao công bệnh viện, hoặc may mắn hơn nữa, thư ký bàn giấy lo việc giấy tờ, sổ sách? Y có được ban quản đốc cho phép gửi thư báo cho thân nhân biết địa chỉ mới của y hay không? Hay gia đình y sau khi bắt tin y, sẽ nghĩ rằng y đã chết? Cũng có thể, người tù sẽ không đi hết cuộc đi này. Trong một toa xe chở súc vật kín mít, đi trong nhiều ngày, nhiều đêm, y có thể chết vì bệnh kiệt lý hoặc vì đói, vì kiệt sức: y không được ăn trong sáu ngày. Hoặc bọn giải tù có thể đánh y bằng búa vì trong bọn y có kẻ âm mưu trốn đi. Khi xe ngừng và cửa xe mở, bọn giải tù đập những xác tù cứng đờ lăn ra khỏi toa xe như những khúc gỗ.

Những chuyến xe hỏa chở tù sơn màu đỏ phải mất một tháng rưỡi mới tới Sovetskaya Gavan. Xin Chúa cho những kẻ không tới nơi được yên nghỉ ngàn đời!

Mặc dù những nhân viên ở Viện Mavrino đã tỏ ra dễ dãi với những kẻ ra đi - họ cho phép tù nhân phải di chuyển được mang theo dao cạo mặt tới nhà tù mới - những câu hỏi trên đây vẫn đè nặng trên trái tim hai mươi người tù được lệnh chuẩn bị di chuyển trong buổi sáng thứ Ba ấy.

Với những người này, cuộc sống tự do một nửa, cuộc sống không bị đầy dọa, hành hạ quá đổi của những tù nhân được làm việc trong những Viện khoa học đã chấm dứt.

42 Vĩnh biệt, vĩnh biệt...!

Tuy rằng Nerzhin đang bối rối vì cuộc di chuyển, chàng vẫn thấy cần, và chàng tin chắc rằng, để vĩnh biệt Viện Mavrino, chàng phải cho Thiếu tá Shikin một bài học, hoặc làm cho y phải khó chịu. Vì vậy, khi chuông báo giờ làm việc reo vang, Nerzhin không chịu ngồi chờ trong phòng ngủ như những người sắp phải di chuyển, chàng đi thẳng lên tầng lầu thứ ba, gõ mạnh lên cánh cửa văn phòng của Thiếu tá Shikin.

Thiếu tá Shikin không sao có thể chịu đựng nổi gã tù nhân gầy guộc, khó chịu có thái độ cứng nhắc và có sự hiểu biết tỉ mỉ về pháp luật tên là Gleb Nerzhin. Đã nhiều lần Shikin đề nghị với Viện trưởng Yakanov tổng khử tên tù Gleb Nerzhin ra khỏi Viện nhưng đề nghị ấy đến hôm nay mới thực hiện được. Khi Nerzhin lừ lừ bước vào phòng. Shikin nhận thấy nét mặt lầm lì của Nerzhin và ý cảm thấy sung sướng, thỏa thuê trong lòng. Y tin chắc Nerzhin tới để hỏi y về lý do và nguyên nhân mình bị di chuyển đi khỏi Viện Mavrino.

Nerzhin là người tù có khả năng thiên phú có thể thu gọn cả một bản văn khiêu nại trong vài câu nói vắn tắt nhưng rõ rệt, đánh thép, hoặc viết lại những lời phản đối ấy thành chữ trên những tờ giấy vệ sinh mà ban quản đốc nhà tù cấp cho các tù nhân. Sau năm năm ở tù, chàng cũng đã luyện thành được một lối đối thoại đặc biệt với bọn nhân viên cao cấp trong ban quản đốc - lối nói này, theo ngôn ngữ của tù nhân, là lối nói “khiêu khích hợp pháp”. Lời lẽ của Nerzhin tuy vẫn lễ độ nhưng ẩn chứa sự mỉa mai, châm biếm mà người nghe dù có ngu si hay vô ý đến đâu cũng phải nhận thấy - lối nói ấy gần giống như lối nói của những bậc lão thành thường dùng để nói với bọn trẻ. Nói được như thế là cả một nghệ thuật. Người bị nghe chỉ khó chịu nhưng không làm gì được, càng dễ lộ sự khó chịu của mình là càng thú nhận sự thua kém.

“Công dân Thiếu tá” - Nerzhin nói ngay khi chàng vừa bước vào phòng - “tôi tới để lấy lại quyển sách ông đã tịch thu trái luật của tôi. Tôi có đủ dữ kiện để nghĩ rằng khoảng thời gian sáu tuần lễ đã đủ, căn cứ trên những phương tiện thông tin ở Mạc Tư Khoa, để ông tìm biết rằng quyển sách đó không bị cấm đọc”.

“Sách?” Shikin hỏi lại. Trong lúc ấy y không nghĩ ra được điều gì thông minh hơn để nói. Y tưởng nói riêng tới than thở, y không ngờ chàng tới để đòi sách - “Sách nào?”

“Tôi biết chắc rằng ông dư biết tôi đang nói đến quyển sách gì” - Nerzhin nói tiếp - “Đó là quyển thơ Yesenin của Thi sĩ Sergei Yesenin, do Nhà xuất bản “Thơ dân tộc” ấn hành”.

“Yesenin? Quyển thơ Yesenin?”

Thiếu tá Shikin thẳng thốt kêu lên, như Yesenin là một cái tên người làm cho y ghê tởm:

“Sao anh lại có thể nghĩ đến chuyện đòi lại quyển thơ đó trong lúc này?”

Y muốn nói là “trong lúc anh sắp đi đến chỗ chết...”.

“Tại sao lại không? Quyển thơ đó được ấn hành ở ngay trên Liên bang Xô Viết, được phát hành vào năm 1940 chứ không phải là trong khoảng thời gian bị cấm từ 1917 đến 1938”.

Shikin nhú đôi lông mày rậm:

“Sao anh biết rõ như thế?”

Nerzhin trả lời ngay, trôi chảy, như chàng đã biết trước sẽ có câu hỏi đó và chàng đã thuộc lòng câu trả lời:

“Một nhân viên kiểm duyệt ấn phẩm đã cho tôi biết như thế. Có lần ông ta định tịch thu quyển Tự điển Dahl của tôi, với lý do là quyển tự điển này được ấn hành năm 1935, năm đang có lệnh cấm, nhưng khi tôi cho ông ta thấy rằng quyển tự điển của tôi chỉ là ấn bản in lại đúng như ấn bản được ấn hành năm 1881, ông ta chấp thuận để tôi giữ nó, vì tiêu chuẩn kiểm duyệt không đụng tới những ấn phẩm ấn hành trước cuộc cách mạng. Ông ta nói rõ là “thời đó kẻ thù của nhân dân chưa hoạt động mạnh”. Điều phiền cho Thiếu tá là quyển Thơ Yesenin của tôi được ấn hành năm 1940”.

“Được lắm. Nhưng anh đã đọc kỹ quyển thơ đó chưa? Anh có thể viết lại những lời anh vừa nói xuống giấy được không?”

“Theo điều 95 Luật Đại hình của Liên bang Xô Viết, ông không có quyền đòi hỏi tôi phải khai

trên giấy về một sự kiện như thế. Tôi chỉ cần khai bằng miệng: quyển thơ đó thuộc quyền sở hữu của tôi, và, vì vậy, tôi đòi hỏi được giữ nó”.

Shikin giơ hai bàn tay ra trong một cử chỉ muốn nói: “Anh chỉ khổ thêm thôi, chẳng có lợi gì cho anh hết”.

Nerzhin làm cho Shikin cut hứng vì câu nói tiếp:

“Để kết luận, tôi nhắc lại lời yêu cầu của tôi. Theo tinh thần Khoản 7, Điều B trong nội quy khám đường, ông làm ơn trả lại tôi quyển sách ông đã lấy của tôi một cách bất hợp pháp”.

Như ngồi không yên vì sự ngược đời ấy: một sĩ quan an ninh bị một tù nhân đem luật pháp ra bắt bẻ, Shikin đứng lên. Khi y ngồi, cái đầu to tướng của y cho người nhìn cái cảm giác là y rất to lớn, nhưng khi y đứng lên, thân hình co rúm lại, vì hai chân y quá ngắn. Y hăm hăm đi tới mở tủ, lấy ra quyển thơ xinh xắn, bìa vàng nhạt. Y đã đánh dấu nhiều đoạn trong quyển thơ này. Dem quyển thơ trở về bàn. Y ngồi xuống ghế và không mời Nerzhin ngồi, y chậm chạp lật từng tờ, tìm những đoạn y đánh dấu. Nerzhin thản nhiên ngồi xuống ghế. Chàng nhìn thẳng vào mặt Shikin, chờ đợi y dở những trò gì.

“Rồi, anh nghe đây...” Viên Thiếu tá an ninh nói sau tiếng thở dài và y bắt đầu đọc những lời thơ Yesenin, giọng y vô cảm giác, y nhấn mạnh vần điệu của những câu thơ theo nhịp chày máy giã gạo:

Trong kìm kẹp xa lạ vô hồn
Những bài thơ của tôi rồi cũng chết,
Những hàng cây cổ thụ cúi đầu
Để tang chủ nhân của chúng.

“Chủ nhân được nói đến trong đoạn thơ này là ai? Kìm kẹp nào?”

Người tù nhìn những ngón tay mập trắng của viên sĩ quan an ninh:

“Nói theo tinh thần giai cấp, Yesenin là một thi sĩ ít học” - Nerzhin nói như ông thầy giảng bài - “Có nhiều điều mà thi sĩ không hiểu. Cũng như Pushkin, như Gogol...”

Trong giọng nói của Nerzhin có những âm thanh lạ lùng làm cho Shikin ngại ngùng. Trước mặt những tù nhân không ngán sợ y, Shikin cảm thấy sợ hãi, nỗi sợ hãi thâm kín của những kẻ ăn no, mặc ấm, có tiền, có quyền khi phải đối phó với những người ăn bận rách rưới, thiếu thốn đủ thứ. Quyền lực của y lúc này là một cái gì không còn bảo vệ được y hữu hiệu nữa. Để được yên tâm, Shikin đứng dậy đi ra, mở hé cánh cửa phòng.

Trở lại ghế ngồi, y mở quyển thơ đọc tiếp:

“Còn câu này nữa...”

“Một bông hồng trắng và một con cóc đen

Tôi muốn cho chúng kết hôn...”.

Như vậy là nghĩa lý gì? Hẳn định ám chỉ ai đây?”

Cổ họng người tù se lại:

“Không có gì khó hiểu” - Nerzhin nói - “Bông hồng trắng là hình ảnh tượng trưng cho sự thật, con cóc đen tượng trưng cho sự giả dối, xấu xa, ác độc...”

Đúng như một con cóc đen, viên sĩ quan an ninh đầu to, tay ngắn, ngây mặt nhìn người tù.

“Công dân Thiếu tá” - Nerzhin nói nhanh - “Tôi tiếc không có thì giờ để thảo luận văn nghệ với Thiếu tá. Tôi sắp đi khỏi đây. Người ta đang chờ tôi. Sáu tuần lễ trước đây, khi tạm giữ quyển thơ này của tôi, ông nói rằng ông sẽ hỏi Sở Kiểm duyệt. Ông đã hỏi rồi chứ?”

Shikin gập mạnh quyển thơ:

“Tôi không bắt buộc phải cho anh biết về việc làm của tôi. Tôi nhất định không trả anh quyển thơ này. Dù tôi có trả, anh cũng không mang đi được”.

Nerzhin giận dữ đứng dậy, hai mắt chàng vẫn nhìn vào quyển thơ Yesenin. Chàng nhớ lại

những nét chữ yêu đương, triền miên của vợ chàng đã viết trên trang đầu quyển thơ nhỏ ấy: “Cũng như tập thơ này, những gì anh mất sẽ trở lại với anh”.

Tiếng nói vượt ra khỏi vành môi chàng một cách dễ dàng:

“Công dân Thiểu tá... tôi hy vọng ông không quên rằng tôi là kẻ, trong suốt hai năm trời, đã liên tiếp đòi Bộ An ninh phải trả lại tôi số tiền Ba Lan mà những sĩ quan an ninh như ông đã tịch thu của tôi lúc tôi bị bắt. Hội đồng Xô Viết Tối cao sau cùng, đã ra lệnh hoàn trả tôi số tiền đó, mặc dù khi họ trả lại tôi, những đồng tiền đó đã hết lưu hành. Họ cười tôi, nhưng sau cùng, họ vẫn phải trả lại tôi nguyên số. Còn nhiều vụ nữa. Tôi nói trước cho ông biết: Tôi sẽ không cho ông quyển thơ này. Tôi sẽ chết ở băng tuyết Tây Bá Lợi Á nhưng từ cuộc sống bên kia tôi sẽ trở về giảng ra khỏi tay ông quyển thơ của tôi. Tôi sẽ gửi đơn đi khắp nơi kiện ông. Ông nên đưa trả tôi để khỏi phải bức bối”.

Và ông Thiểu tá An ninh đành phải chịu thua gã tù nhân khốn khổ sắp lên đường đi đến chỗ chết dần mòn. Thực ra Shikin đã hỏi Sở Kiểm duyệt và ngạc nhiên khi được trả lời là quyển thơ Yenesin không bị chính thức cấm đọc. “Chính thức” có nghĩa là y có thể cấm nếu y thấy có hại hoặc y có thể cấm được. Hôm nay, y chịu trả lại vì tự vệ, y không muốn rắc rối vì tên tù chuyên môn gây sự này.

“Được rồi. Tôi trả anh, nhưng tôi sẽ không cho anh mang nó đi theo”.

Như vậy có nghĩa là lát nữa đây, trong cuộc kiểm soát trước khi ra khỏi Viện, quyển thơ này của Nerzhin sẽ bị vứt lại, vì luật cấm tù nhân khi di chuyển không được mang theo sách báo, nhưng lúc này, đó là một chiến thắng của Nerzhin. Chàng ôm quyển thơ trước ngực, rảo bước đi trên cầu thang.

Trên hành lang, chàng gặp một nhóm tù nhân đang đứng bàn tán về tin di chuyển. Siromakha cũng có mặt trong đám người này. Họ nói nhỏ với nhau để bọn có quyền không nghe thấy: “Họ làm chi vậy? Cho những người tài năng như thế đi khỏi Viện sao? Tại sao? Còn Ruska Doromin? Chẳng có nào đã tố cáo Ruska?”

Ôm chặt quyển thơ Yesenin trước ngực, Nerzhin rảo bước đi tới Phòng Âm thính. Chàng đang mãi nghĩ đến chuyện chàng sẽ làm cách nào để thủ tiêu cho xong những tờ giấy chàng ghi chép những cảm nghĩ của chàng về lịch sử trước khi bọn giám thị tới kéo chàng đi, ngồi yên một chỗ đợi giờ di chuyển. Theo luật, những tù nhân di chuyển kể từ phút được nhân viên quản đốc cho biết sự di chuyển này không được đi lại bừa bãi trong Viện nữa.

Chàng đẩy cánh cửa Phòng Âm thính và bước vào: Simochka hiện ra trước mắt chàng, nàng đang đứng giữa hai cánh cửa tủ sắt đựng hồ sơ, tài liệu; nàng đang lấy hồ sơ, tài liệu trao cho mọi người làm việc trong phòng này. Sáng nay, nàng lại bận bộ áo kẻ sọc dài không hợp với nàng chút nào với cái khăn choàng xám phủ trên đôi vai gầy.

Kể từ cuộc đối thoại tàn nhẫn hôm qua, đây là lần đầu họ gặp lại nhau.

Nàng không nhìn thấy nhưng nàng cảm thấy Nerzhin vào phòng, và nàng xúc động, nàng đứng ngây, như nàng đang suy nghĩ nên lấy những gì và không nên lấy những gì ra khỏi tủ sắt.

Trong khi đó, không suy nghĩ, không đắn đo, Nerzhin đi thẳng tới đứng sau lưng nàng, chàng khẽ nói:

“Serafima Vitolyevna... sau ngày hôm qua, tôi không còn có thể nhờ vả gì em được nữa, nhưng tôi sắp ra đi, những gì tôi viết lại trong nhiều năm trường sắp bị tiêu hủy. Tôi nên đốt chúng đi, hay là em có thể giữ giùm tôi?”

Nàng đã biết tin chàng đi, nàng không xúc động nữa khi nghe nói chuyện chàng sắp đi, nàng chỉ ngược đôi mắt buồn lên nhìn chàng và đáp:

“Đưa cho em”.

Có người tới, Nerzhin đi về bàn làm việc của chàng. Chàng mở ngăn kéo, lấy hết giấy tờ, sổ sách ra để lên mặt bàn. Tất cả những thứ này đều phải trao lại cho Simochka. Chàng đã đặt ba quyển sổ ghi của chàng lên mặt bàn nhưng trong thâm tâm chàng, như có một viên cổ vắn nội tâm khuyên chàng không đưa nên đưa những quyển sổ tay này cho người đàn bà kia, không nên tin ở nàng.

Nerzhin nhìn sang khuôn mặt bí mật, khó hiểu của Simochka. Bỗng dưng chàng nghĩ: Phải chăng đây là một cạm bẫy? Một thủ đoạn trả thù của đàn bà? Dù sao nàng cũng vẫn là một Trung úy MGB.

Dù nàng có không lừa dối mình hôm nay, liệu nàng có giữ được lời hứa mãi hay không? Có một

ngày nàng sẽ có chồng và sẽ đưa những quyển sổ ghi này cho chồng nàng coi. Chàng bỏ ba quyển sổ tay vào túi và cầm lấy bao quẹt, chàng đi vào cầu tiêu. Mười phút sau, chàng đi trở ra, da mặt chàng xanh xao nhưng thần nhiên. Rubin từ trên Phòng Tối mật đi xuống. Đôi mắt anh buồn và có quầng thâm. Tay cầm quyển thơ, Nerzhin nói với Rubin: “Nếu anh thích đọc Yenesin, tôi biếu anh ngay...” “Thật ư?” - Rubin ngạc nhiên hỏi. Rồi không chờ Nerzhin trả lời, anh rút trong túi áo ra một cái bàn chải để quét xà-bông cao râu, cán bàn chải làm bằng xương, đối với tù nhân, một cái bàn chải nhìn thấy này được kể là rất lịch sự - “Anh không có bàn chải, còn tôi thì đã thề bao giờ được miễn tố tôi mới cạo râu, anh cầm lấy...” Không bao giờ Rubin nói rằng “đến ngày tôi ra khỏi tù”, vì nói như thế tức là công nhận án tù của mình. Rubin vẫn cho là mình vô tội, mình bị tù oan. “Cám ơn bạn...” - Nerzhin cười nhẹ - “Anh đã quen thuộc với cuộc sống trong Viện rồi, anh đã quen những luật lệ ở trại tập trung. Ở nơi tôi sắp tới, người ta đâu có cho phép tôi cạo râu?” Hai người bạn đứng nhìn nhau. Rồi Nerzhin nói: “Này bạn... trong ba năm qua chưa bao giờ chúng ta đồng ý với nhau lấy một lần, chúng ta tranh luận, đả kích nhau, chế nhạo nhau, nhưng giờ đây khi tôi sắp mất bạn, có thể là mất mãi mãi, tôi thấy là đối với tôi bạn là... là...” Giọng nói của chàng vỡ ra. Đôi mắt đen của Rubin sáng lên niềm trù mẫn và ngượng ngùng. “Đây là chuyện đã qua” - Rubin gạt đầu - “Chúng ta là bạn...” Anh ghé bộ râu quai nón vào mặt Nerzhin, hôn lên má Nerzhin.

43 Thịt

Khi những tù nhân được lệnh di chuyển vào tới Phòng An ninh, họ bị khám xét. Khi khám xét xong, họ được đưa vào một gian phòng chỉ có hai cái bàn và một cái ghế dài. Thiếu tá Myshin có mặt trong suốt cuộc khám xét. Y không thèm cúi xuống những túi hành lý của bọn tù nhân - việc làm này không xứng đáng với cấp bậc của y - nhưng y tin rằng sự có mặt của y thúc đẩy bọn Giám thị làm tròn bốn phần. Bọn giám thị dỡ xem từng cái quần áo rách của tù nhân, chúng đặc biệt để ý đến giấy tờ. Luật ghi rằng những tù nhân ra khỏi những Viện Khoa học tuyệt đối không được đem theo bất cứ một mảnh giấy có chữ viết, hay chữ in nào. Vì vậy, đa số tù nhân đã đốt những bức thư gia đình của họ trước khi chịu cuộc khám xét. Hai mươi người tù được đưa vào phòng chờ với những món đồ được phép mang theo. Cửa phòng này khóa lại, một người gác đứng gác ở cửa này chờ xe Maria Đen tới đưa tù nhân đi. Sự liên lạc như vậy là đứt đoạn giữa 20 ra đi và 261 người còn ở lại. Những người tù ra đi vẫn còn ở trong Viện, nhưng cũng như họ không còn ở đó nữa. Họ tìm chỗ ngồi nghỉ chân trong phòng. Thoạt đầu, tất cả đều im lặng. Mọi người kiểm soát lại xem họ còn mang theo được những gì, họ bị lấy mất những gì. Họ nghĩ đến cuộc sống vừa qua trong Viện, họ mất những gì khi phải đi khỏi Viện, họ đã sống được bao nhiêu năm tháng trong Viện và họ còn phải sống bao nhiêu năm tháng nữa mới hết hạn tù. Như tất cả những người tù trên cõi đời này, họ đếm đi đếm lại những năm tháng: những năm tháng họ đã mất và những năm tháng họ còn phải mất. Rồi họ nghĩ đến gia đình họ, đến những người thân họ phải xa cách, đến chuyện họ sẽ phải xin người thân viện trợ, giúp đỡ, vì ở nơi họ sắp tới, người đàn ông khoẻ mạnh làm việc mười hai tiếng một ngày vẫn không được ăn no đủ để sống. Họ nghĩ lại những việc làm vô ý thức hoặc cố tình mà họ đã làm, những việc đưa họ đến chuyển đi này. Họ nghĩ đến nơi họ có thể bị đưa tới, đến những gì chờ đợi họ ở đó, họ nghĩ trước đến những việc họ phải làm để có thể sống ở đó.

Không ai thổ lộ tâm trạng của mình với ai, nhưng tất cả đều u buồn, lo âu. Mọi người đều muốn được trấn an và hy vọng. Vì vậy, khi họ bắt đầu nói chuyện với nhau, một người trong bọn nói rằng rất có thể họ sẽ không bị đưa đến trại tập trung, họ chỉ phải qua một Viện Khoa học khác, cả những người không tin cũng lắng nghe. Ngay cả Đấng Christ khi ở trong vườn Gethsemani, biết rõ số mệnh cay đắng của mình, vẫn còn cầu nguyện và hy vọng.

... Bên ngoài bức tường, họ nghe thấy tiếng động cơ xe hơi. Rồi tiếng nói gắt gỏng của Trung tá Klimentiev. Họ được gọi ra khỏi phòng từng người một. Những người tù tay xách hành lý, cúi thấp đầu xuống khi bước lên xe để khỏi đụng đầu vào vách cửa xe. Mười tám người tù cúi đầu lên xe như thế, không một ai nhìn từ biệt hàng cây cổ thụ ủ rũ trong sương. Có hai người tù không cúi đầu khi đi lên xe. Hai người đó là Khorobrov và Nerzhin - nhưng hai người này cũng không nhìn về phía hàng cây. Họ tò mò nhìn chiếc xe chở họ đi. Lâu rồi người ta không còn dùng chiếc xe bít vùng sơn đen chở tù đi trong các đường phố nữa - loại xe này làm cho dân chúng sợ hãi - bây giờ họ chở tù trong những chiếc xe giống hệt xe chở hàng tạp hóa, chở thực phẩm. Thùng xe cũng sơn màu cam và màu trắng xanh vui mắt. Thành xe cũng kẻ những hàng chữ bằng bốn thứ tiếng:

Khleb
Pain
Brot
Bread
Myaso
Viande
Fleish
Meat

Trước khi bước lên cửa xe Maria Đen, Nerzhin bước sang cạnh xe và chàng nhìn được một chữ kẻ trên thùng xe. Đó là chữ "Meat".

Trong lòng xe tối om, người ngồi và hành lý chật cứng. Sau khi đẩy người tù cuối cùng lên xe, người gác đóng cửa và khóa lại.

Ở phía đầu xe, sát với thùng tài xế ngồi, có một ngăn nhỏ để nhốt tù nhân chống đối, làm dữ.

Tiếng nói của Ruska trong ngăn đó vang ra:

"Anh em... Tôi bị đưa đi Butyrskaya để thẩm vấn. Anh em nào đó? Những ai bị đưa đi?"

Cả hai mươi người tù cùng trả lời một lúc.

"Ruska... Ai tố cáo chú?" Nerzhin la lên.

"Thằng Siromakha".

Một người chửi trong bóng tối:

"Thằng khốn nạn".

"Có bao nhiêu anh em phải đi?" Ruska hỏi lớn.

"Hai mươi người".

"Đừng sợ, Ruska" - Một người la lớn - "Mình sẽ gặp nhau ở Trại Tập trung".

Xe chạy, Nerzhin và Gerasimovich va mạnh vào nhau. Cả hai cùng giương mắt nhìn để nhận ra nhau trong bóng tối. Có một cái gì đó ngoài sự chật chội của thùng xe này làm cho họ gần nhau hơn.

Ilya Khorobrov, tinh thần đã lên cao hơn được một chút, đột nhiên nói lớn và rõ:

"Đừng sợ, anh em. Đừng sợ khi chúng mình phải đi. Anh em đừng thêm coi cuộc sống trong Viện này là cuộc sống đáng để cho ta luyến tiếc. Ở đó chúng ta phải sống chung với những thằng khốn nạn như thằng Siromakha. Ở đó cứ trong năm mươi tên lại có một thằng chỉ điểm. Mình đánh rắm trong cầu tiêu bọn quản đốc chúng nó cũng biết. Chúng nó không cho mình nghỉ ngày Chủ nhật trong suốt hai năm nay. Ở đó mình phải làm việc mười hai tiếng một ngày. Chúng nó còn cấm mình không được viết thư về cho gia đình. Còn công việc mình phải làm cho chúng ở đó nữa. Đó là địa ngục".

Khorobrov yên lặng. Anh như người nói không nổi vì hờn giận. Trong tiếng máy xe nổ êm và tiếng bánh xe lăn trên mặt nhựa xa lộ, giọng nói từ tốn của Nerzhin cất lên:

“Không, Ilya Terentich... Đó không phải là địa ngục. Bây giờ chúng ta mới đi vào địa ngục. Chúng ta trở về địa ngục. Nơi chúng ta vừa rời bỏ là tầng cao nhất, tầng tốt nhất, tầng đầu tiên của địa ngục. So với những tầng địa ngục chúng ta sắp xuống, tầng đầu tiên ấy có thể coi là thiên đường”.

Chàng không nói thêm nữa, vì thấy không cần phải nói. Mọi người đều biết rằng nơi họ đến cuộc sống sẽ khổ sở, ghê rợn hơn cuộc sống ở Viện Khoa học nhiều, ở những trại tập trung lạnh giá, họ nhớ lại Viện trong giấc mơ, như những giấc mơ vàng. Nhưng ngay lúc này, để khỏi mất can đảm, để có thể nghĩ là mình làm đúng, họ phải chê bỏ cuộc sống trong Viện, để đừng ai hối hận, đừng ai tự trách mình đại dột...

Khorobrov nói bằng một giọng quả quyết:

“Anh em nên nghe tôi... Thà mình ăn bánh hăm với nước lã mà lương tâm vẫn yên ổn hơn là ăn thịt mà hèn hạ”.

Những người trong xe yên lặng.

Đúng thế, những cánh rừng hoang ở Tây Bá Lợi Á chờ đón họ, miền Oymyakon lạnh nhất trái đất và những mỏ đồng ở Dzhezkazan chờ đón họ, ở đó họ sẽ đói, sẽ chết. Nhưng trái tim họ được yên ổn.

Trái tim họ tràn đầy cảm giác vô úy của những kẻ đã mất tất cả, sự vô úy này không tự nhiên mà có, người ta chỉ vô úy khi người ta chịu đựng.

Chở đầy nhóc những người, chiếc xe sơn màu cam vui mắt chạy qua những đường phố đông trong thành phố. Xe chạy qua cửa một trạm xe hỏa và dừng lại ở ngã tư chờ đèn xanh. Một chiếc xe du lịch nhỏ cũng đậu chờ đèn xanh ở đây. Người lái chiếc xe du lịch nhỏ này là đặc phái viên của tờ nhật báo tiến bộ Libération của Pháp quốc. Chàng đặc phái viên này đang trên đường tiến tới Vận động trường Dynamo để coi trận đấu hockey. Chàng nhìn sang chiếc vận tải sơn màu cam đậu bên cạnh và những chữ viết trên thành xe cho chàng biết đó là xe chở thịt. Chàng nhớ rằng trong buổi sáng hôm nay, chàng đã nhìn thấy nhiều chiếc xe chở thịt như xe này chạy trong những đường phố của Mạc Tư Khoa, chàng lấy quyển sổ tay ra ghi vội vài dòng:

“Trong đường phố Mạc Tư Khoa người ta thường thấy những chiếc xe chở thực phẩm rất sạch sẽ, vệ sinh được bảo đảm đến mức tối đa. Ta có thể kết luận rằng việc tiếp tế thực phẩm cho thủ đô này thật là hoàn hảo”.

1955 - 1964

HẾT

44 Hoàng Hải Thủy - Tầng đầu địa ngục và lương tâm của một văn sĩ

Khảo luận về tác phẩm *Tầng đầu địa ngục*

Là một dân tộc tương đối nhỏ yếu, tuy chúng ta vẫn giữ được một nền văn hóa riêng, giữ được độc lập và những bản chất đặc biệt của dòng giống, nhưng trong lịch sử, dân tộc chúng ta đã quá nhiều lần phải chịu đựng nạn ngoại xâm. Vì vậy, chúng ta quen thuộc nhiều với nền văn chương ngoại quốc.

Trước đây, chúng ta quen thuộc văn chương Trung Hoa, ông cha chúng ta học chữ Hán, viết

chữ Hán, làm thơ Đường luật. Sử sách của chúng ta ngày xưa cũng được ghi bằng chữ Hán. Rồi trước đây năm mươi năm, chúng ta học chữ Pháp, kiếm ăn bằng tiếng Pháp, dân tộc ta đã sản xuất ra được vài nhà văn viết tiểu thuyết hoặc khảo luận bằng tiếng Pháp.

Gần đây, chúng ta quen biết, gần gũi với văn chương Hoa Kỳ, qua sách báo, phim ảnh, Tivi, nhất là trong những năm nửa triệu người lính Mỹ lên đất ta giúp chúng ta đánh lại Cộng sản.

Ngoài văn chương Pháp và Hoa Kỳ, chúng ta cũng được biết khá nhiều về văn chương Anh. Chúng ta chỉ được biết rất ít về văn chương Nga.

Sự kiện này không có gì khó hiểu. Nước Nga, từ một nửa thế kỷ này, nói rõ hơn, từ ngày chế độ Cộng sản được thiết lập trên nước Nga, đã trở thành một quốc gia thù hằn với tất cả những quốc gia không Cộng sản trên thế giới. Những người Cộng sản cầm quyền ở Nga thực hiện một chính sách bất thân thiện với toàn thể thế giới. Họ chỉ gây hận thù và chỉ nghĩ đến chuyện phá hoại để rồi nhuộm đỏ cả thế giới. Họ bao vây đất nước họ, đồng bào họ trong một bức màn sắt. Người thế giới tất nhiên là không thể liên lạc được với người dân Nga trong khi người dân Nga sống như những tù nhân trong lãnh thổ bị bưng bít của họ.

Văn chương Nga, từ trước thời Cộng sản vẫn là một thứ văn chương đứng hàng đầu ở Âu châu. Những văn hào Nga như Tolstoy, Dostoyevsky, Gogol, Tchekov nổi tiếng khắp thế giới. Tác phẩm của họ được kể là những sản phẩm tinh thần quý báu của toàn thể nhân loại.

Nhưng từ khi chế độ Cộng sản được thiết lập trên đất Nga, nửa thế kỷ qua, văn chương Nga Cộng sản không còn đóng góp được gì đáng kể cho nhân loại. Số nhà văn Nga được thế giới biết đến có thể được đếm trên một ngón tay. Đó là những Ilya Ehrenbourg, Vladimir Dudintsev... Và mới đây Boris Pasternak, Chukovsky, rồi nhà văn Nga mới nhất: Aleksandr I. Solzhenitsyn.

Đáng kể nhất là điều mỉa mai nhất là Boris Pasternak và Aleksandr I. Solzhenitsyn, cả hai cùng đoạt giải Văn chương Nobel, lại nổi tiếng ở ngoại quốc hơn là nổi tiếng ở trong nước Nga, tác phẩm của cả hai nhà văn này đều được ấn hành, xuất bản ở Âu châu và Mỹ châu trước khi được ấn hành, xuất bản ở ngay trong nước Nga cho người Nga đọc. Tại sao có sự lạ lùng như vậy?

Hai nhà văn lớn này có muốn thấy những đứa con tinh thần của họ có cuộc sống trái ngược với tự nhiên như vậy không: sách của văn sĩ Nga hiện sống trong đất Nga được đưa từ ngoại quốc vào đất Nga cho người Nga đọc lén? Họ có lén gửi tác phẩm của họ ra ngoại quốc để được dịch và xuất bản ở ngoại quốc hay không? Và nếu có, vì sao họ phải làm như thế?

Trường hợp đặc biệt của Aleksandr I. Solzhenitsyn và tác phẩm *Tầng đầu địa ngục* của ông đặt trước mặt nhân loại một vấn đề lớn - ta có thể gọi đây là vấn đề nan giải nhất của thế kỷ XX - đó là vấn đề tự do của con người bị giới hạn vì những quyền lợi chủ nghĩa, quốc gia, con người bị tan vỡ, bị tiêu diệt khi con người đụng chạm với những quyền lực lớn ở ngay trong đất nước của mình. Aleksandr I. Solzhenitsyn, với tác phẩm *Tầng đầu địa ngục*, kêu lên tiếng kêu xé trời của những người bị áp bức, tù đầy trong Liên bang Xô Viết, nơi từng được tất cả những đảng viên Cộng sản trên khắp thế giới thành kính hướng về như những tín đồ hướng về đất thánh.

Aleksandr I. Solzhenitsyn cũng là nhà văn Nga duy nhất hiện còn sống được ví cùng một lúc với Tolstoy và Dostoyevsky. Ông được coi giống với Tolstoy về văn pháp, về cách sử dụng văn Nga tài tình và phong phú, ông được coi giống với Dostoyevsky về tư tưởng, về sự đề cao giá trị con người trước những bất công của xã hội, những đè nén của bạo lực, và nhất là vì việc đưa tiểu thuyết những kinh nghiệm tù đầy của chính bản thân. Cũng như Dostoyevsky từng bị tù đầy nhiều năm ở Tây Bá Lợi Á, bị kết án tử hình, Aleksandr I. Solzhenitsyn đã phải ở tù mười một năm trong các trại tập trung và cưỡng bách lao động của chế độ Nga Xô Viết. Và cũng như Dostoyevsky, tù đầy và những hành hạ về thể xác không thể làm mất được ý chí tinh thần của Aleksandr I. Solzhenitsyn, con người trong ông vẫn đứng thẳng và người văn sĩ trong ông vẫn tiếp tục ghi nhận sự thật, vẫn can đảm viết ra những sự thật ấy.

Chúng ta không thể hiểu được Aleksandr I. Solzhenitsyn và *Tầng đầu địa ngục* nếu chúng ta không được hiểu biết khá đủ về tình trạng "chế độ cai trị bằng công an, mật vụ" ở các nước Cộng sản, điển hình nhất là ở Nga Xô Viết. Nhân viên mật vụ là bọn nắm quyền và được tả kỹ nhất trong những trang *Tầng đầu địa ngục*. Bọn Yakanov, Klimentiev, rồi cao hơn là Oskolupov, Sevastyanov, Abakumov chiếm nhiều trang ngang với những tù nhân vai chính như Gleb Nerzhin, Lev Rubin, Pryanchikov. Vì vậy, trước khi đi sâu vào đời tư nhà văn và tác phẩm, chúng tôi thấy sự cần thiết phải trình bày với bạn đọc về lịch sử những cơ quan Mật vụ của Nga Xô kể từ ngày chế độ Cộng sản được thiết lập ở đó.

Trước hết, chúng ta thấy rằng trong *Tầng đầu địa ngục*, nhà tù như Viện Khoa học Mavrino không phải là một nhà tù thường. Trên khắp trái đất này, có lẽ chỉ có ở Nga Xô mới có loại nhà tù đặc biệt ấy. Tiếng lóng của tù nhân Nga gọi nhà tù này là “Sharaska”, theo tiếng Nga, sharaska có nghĩa là “một nơi bịp bợm và giả dối”. Người tù trong những sharaska này được gọi bằng tiếng lóng là Zek. Những tiếng này không thể dịch đúng sang được các thứ tiếng khác tiếng Nga. Trong bản dịch *The First Circle* của Thomas P. Whitney (bản tiếng Mỹ này được bạn Hải Triều dùng để chuyển ngữ tiếng Việt) - chúng tôi thấy hai danh từ sharaska và zek được giữ nguyên.

Năm 1917, trước năm Aleksandr I. Solzhenitsyn ra đời được một năm, Cơ quan Mật vụ Nga Cộng được thành hình. Kể từ ngày đó, cơ quan này đã nhiều lần đổi tên, nhưng dù nó có mang bất cứ tên gì, công việc chính của nó là việc tìm tòi, bắt bớ, tra tấn và thủ tiêu những người mà những đảng viên Cộng sản coi là có hại, bất lợi cho họ, bất kể những người này có làm hại nhân dân hay không. Trong số những nạn nhân của Mật vụ Nga có cả những đảng viên Cộng sản Nga, như trường hợp anh chàng Lev Rubin chẳng hạn.

Từ tháng 12 năm 1917 cho tới năm 1922, Cơ quan Mật vụ Nga Cộng được gọi là Cheka, bọn nhân viên của Cheka được gọi là Chekist. Cái tên Chekist này cho tới bây giờ vẫn còn được dùng mặc dù cái tên Cheka đã bị đổi. Từ năm 1922, Cheka trở thành GPU - đọc là GuépéÔu - cũng trong năm 1922, GPU được đổi lại là OGPU. Hai cái tên GPU và OGPU được dùng lẫn lộn mãi cho đến năm 1934.

Tới năm 1934, OGPU được sáp nhập vào Cơ quan NKVD: Ủy ban Nội vụ Nhân dân, Ủy ban này này dưới quyền chỉ huy của Tổng Ủy viên Yezhov. Trong khoảng ba năm trời từ 1935 cho tới 1939, theo lệnh của Stalin, Tổng ủy Yezhov, với Cơ quan NKVD đã phát động một chiến dịch thanh trừng nội bộ lớn lao, khủng khiếp, đẫm máu. Hàng triệu người Nga bị giết trong chiến dịch này, hàng trăm ngàn đảng viên Cộng sản Nga, trong số đó cả những đảng viên cao cấp, kỳ cựu trung kiên nhưng chỉ vì không tán thành chủ trương của Stalin, không chịu phục Stalin, đã bị đưa ra tòa, bôi lọ, bắt nhận tội phản quốc, bị xử tử hoặc bị giết chết trong ngục tù.

Để rồi sau đó, đến 1939, ít ngày trước khi trận Thế chiến thứ hai bùng nổ, Tổng Ủy viên Yezhov bị Stalin ra lệnh tước quyền, bắt giam, đổ cho tội đã làm bậy, đã giết oan nhiều người, đi sai đường lối của đảng (?) và bị... xử tử. Stalin cho Lavrenty Beria nắm quyền chỉ huy Mật vụ Nga. Qua suốt thời kỳ chiến tranh, mãi tới năm 1946, Mật vụ Nga mới có cái tên mới là MGB, thuộc quyền Bộ Nội vụ Nga. Cũng năm 1946, Victor S. Abakumov được trao quyền Tổng Bộ trưởng Bộ An ninh và chỉ huy Cơ quan MGB. Như vậy là chúng ta thấy Tổng trưởng Abakumov được Aleksandr I. Solzhenitsyn tả trong *Tầng đầu địa ngục* là người thật, là Tổng trưởng thật.

Abakumov tuy rất trung thành với Stalin nhưng vẫn không được Ông chúa đỏ tin dùng lâu. Vào khoảng giữa hai năm 1951-1952, Abakumov bị Stalin cất chức và bỏ tù vì tội... làm bậy. Stalin đã quyết định giết Abakumov nhưng chưa kịp ra lệnh thì Stalin chết. Vào tháng 12 năm 1954, khoảng một năm rưỡi sau ngày Stalin chết, tên tù Abakumov bị Krushchev, người hạ bệ Stalin, lôi từ nhà tù ra tòa vì tội đã vu cáo một số lãnh tụ Xô Viết và thủ tiêu những ông này trong vụ án bôi lọ gọi là “Vụ Leningrad” năm 1950. Abakumov bị tòa xử bắn.

Do đó, ta có quyền tin rằng Viện Khoa học Mavrino tả trong *Tầng đầu địa ngục* là có thật, tất cả những nhân vật trong *Tầng đầu địa ngục* cũng đều có thật. Toàn truyện *Tầng đầu địa ngục* là có thật. Vì là sự thật, nên ngoài giá trị văn chương *Tầng đầu địa ngục* còn có giá trị như một bản cáo trạng kết án nặng nề cuộc đời phi nhân của những người Cộng sản.

Trong *Tầng đầu địa ngục*, nhân vật Gleb Vikentyevich Nerzhin chính là hình ảnh của Aleksandr I. Solzhenitsyn.

Gleb Nerzhin là một giáo sư toán học, gia nhập quân đội trong những năm đầu của trận Thế chiến thứ hai, sau khi quân Đức Quốc Xã ồ ạt tiến vào đất Nga như vào chỗ không người. Chàng trở thành một sĩ quan pháo binh, mang cấp bậc Đại úy, chỉ huy một pháo đội ở mặt trận biên giới. Chàng bị bọn Mật vụ bắt khi còn đang ở trên mặt trận.

Aleksandr I. Solzhenitsyn cũng là giáo sư toán học, ông cũng gia nhập quân đội với chức vụ sĩ quan pháo binh. Và ông cũng bị bọn Mật vụ bắt khi còn đang ở trên mặt trận.

Theo chính lời kể chuyện của Solzhenitsyn, ông gia nhập quân đội với đơn tình nguyện nhập

ngũ ghi rõ ông có khiếu viết văn - trước đó ông đã hoàn thành vài cuốn tiểu thuyết nhưng chưa được xuất bản - và xin làm phóng viên báo chí chiến trường. Nhưng người ta không xét đơn ông, họ cho ông vào ngành Yểm trợ Tiếp vận và ông phải phục vụ trong một đơn vị dùng toàn xe ba bánh đẩy đồ tiếp tế ra chiến trường. Trong những năm đầu của cuộc chiến, vì Stalin ngu xuẩn tin chắc là Hitler sẽ không xua quân đánh Nga nên không cho chuẩn bị gì cả, khi bị tấn công, quân Nga thiếu thốn đủ thứ. Nhập ngũ từ 1940 mãi 1942, Solzhenitsyn mới được đưa vào học ở Trường Huấn luyện Sĩ quan Pháo binh. Tới năm 1945, khi trận chiến sắp kết liễu, quân Đức Quốc Xã đã thua và đang rút về Đức, Solzhenitsyn mang cấp bậc Đại úy Pháo binh. Ông dự trận đánh dữ dội ở vùng Orel Kursk. Thắng trận này, Hồng quân Nga vượt qua được Ba Lan để đi vào biên giới Đức Quốc, trực chỉ Bá Linh đổ nát, chấm dứt chiến tranh ở Âu Châu. Tháng Giêng năm 1945, Đại úy Solzhenitsyn nhận được lệnh của Tướng Travkine, Sư đoàn trưởng Sư đoàn Pháo của ông, gọi về ngay Bộ Tư lệnh Sư đoàn. Đại úy Solzhenitsyn về trình diện Tướng Travkine và được ông này, với một vẻ bất đắc dĩ, khổ sở khó hiểu, yêu cầu cởi khẩu súng lục vô khí tùy thân. Đại úy Solzhenitsyn vừa cởi bao súng đặt lên bàn theo lệnh vị chỉ huy của mình thì hai tên Mật vụ áp vào còng tay lột ngay cấp hiệu cùng những huy chương tưởng thưởng trên ngực ông.

Tướng Travkine đứng lặng im nhìn cuộc bắt bớ này. Nhưng khi Đại úy Solzhenitsyn, bây giờ đã thành một tù nhân của Mật vụ Nga, sắp bị đưa ra khỏi phòng, Tướng Travkine đi tới lặng lẽ xiết chặt tay ông trước cái nhìn của hai tên Mật vụ. Nhiều năm sau, khi viết lại chuyện này, văn sĩ Solzhenitsyn cho rằng hành động bắt tay tù nhân của Tướng Travkine là hành động dũng cảm hào hùng nhất ông được chứng kiến ở cấp tướng lãnh trong suốt 5 năm trời đánh nhau với Đức.

Ngay cả khi chưa chiến thắng hẳn, chưa đánh quy hãn Đức Quốc Xã, Stalin đã nghĩ đến chuyện cho mật vụ đi bắt các sĩ quan, tướng lãnh nào mà y biết là không phục y. Stalin sợ rằng khi những chiến sĩ anh hùng này trở về, họ sẽ hach tội những tên cầm quyền ngu ngốc làm cho chiến hữu của họ phải chết quá nhiều và vô ích. Trong số tội phạm này, tội của Stalin là lớn nhất. Về sau, Kruchev, trong chiến dịch hạ bệ Thần tượng Stalin, đã công bố hết những tội ngu dần, tàn ác, mù quáng của Stalin, trong số này có những tội Stalin ngu ngốc không chuẩn bị chiến tranh với Đức Quốc Xã vì tin rằng Hitler sẽ không bao giờ xua quân đánh Nga, ra những mệnh lệnh xuẩn ngốc làm chết oan không biết bao nhiêu binh sĩ Nga v.v...

Đại úy Pháo binh Solzhenitsyn đã phạm tội gì để bị bắt? Chính Solzhenitsyn đã nói ra nguyên do: chỉ vì ông đã dám viết thư cho một người bạn chỉ trích những sai lầm của Stalin, ông quên rằng những thư từ gửi từ mặt trận về đều bị kiểm duyệt kỹ, thư của ông rơi vào tay bọn mật vụ và ông bị bắt chỉ vì thế.

Từ mặt trận, Solzhenitsyn bị đưa về khám đường Lubyanka, khám đường lớn nhất Mạc Tư Khoa, nơi ông tả tỉ mỉ trong *Tầng đầu địa ngục* đoạn nhân vật Innokenty Volodin bị bắt. Khi ấy ông ta có vợ nhưng chưa có con - tình trạng y hết tình trạng của Gleb Vikentich Nerzhin trong truyện - vợ ông đột nhiên mất tin tức của ông. Không cho tù nhân gửi thư về nhà, bọn Mật vụ Nga còn tàn ác hơn nữa ở điểm không nhận là chúng đã bắt người đó với thân nhân của người bị bắt. Người vợ thứ nhất của Solzhenitsyn không trung thành với chồng bằng nàng Nadya, vợ của Nerzhin trong truyện: chừng vài năm sau Solzhenitsyn bị tù, bà vợ này của ông bỏ đi lấy chồng khác.

Đúng ra, Aleksandr I. Solzhenitsyn bị tù 8 năm và 3 năm biệt xứ. Ông ở tù không ra tòa, không có án, ở tù vì một lệnh đặc biệt do bọn Abakumov quyết định. Số tù của ông là số 232. Sau hai năm tù ở Khám đường Lubyanka, Solzhenitsyn được đưa về một Sharaska gần Mạc Tư Khoa vì người ta biết ông là toán học gia. Sống ở đây bốn năm, Solzhenitsyn thu thập tài liệu để viết cuốn *Tầng đầu địa ngục*. Đúng như lời nhân vật Gleb Nerzhin nói ở đoạn cuối của tác phẩm, so với những nhà tù khác, đời sống trong Sharaska Mavrino là sung sướng nhất, ở đó người tù đỡ khổ nhất, tuy cũng vẫn là bị tù.

Sau bốn năm sống tương đối đỡ khổ ở Sharaska, Solzhenitsyn bị đổi đến những trại tập trung ở miền hoang vu Krasnoyarsk. Nơi đây tù nhân phải làm việc trong một mỏ đồng, sự ăn uống khổ cực và khí hậu rét lạnh khủng khiếp làm cho tù nhân chết dễ như ruồi.

Việc tù chết quá nhiều không làm cho bọn Mật vụ Nga xúc động mấy may, bởi vì chúng nó quá nhiều tù. Người ta ước lượng rằng diện tích những nhà tù, trại tập trung đủ thứ, đủ kiểu trong

lãnh thổ Liên bang Xô Viết còn lớn rộng hơn cả toàn thể diện tích lãnh thổ một quốc gia hạng trung ở Âu châu, như Thụy Sĩ chẳng hạn, và số tù nhân trên đất Nga còn đông hơn cả tổng số dân Thụy Sĩ.

Tháng 2 năm 1953, Solzhenitsyn được trả tự do. Lúc này Stalin đã chết và Krushev, người kế vị Stalin, vì chủ trương hạ bệ Stalin nên ra lệnh tha một số người chỉ vì chống Stalin mà bị tù. Tuy vậy, Solzhenitsyn cũng vẫn phải đi lưu đày ở vùng hoang vu tuyết trắng mênh mông xứ Balkan. Tới đây ông sống trong một làng quê, làng Koh-Teren của người Tartare, một giống dân thiểu số sống trong lãnh thổ của họ nhưng bị sáp nhập vào Liên bang Nga Xô Viết. Đây là thời gian Solzhenitsyn bị án biệt xứ. Ông sống ở Koh-Teren ba năm. Ở đây nhờ không có ai giỏi Toán, ông xin được chân giáo viên dạy Toán, và nhờ vậy đời ông đỡ khổ vì số tiền lương giáo viên này.

Nhưng cũng ở đây, ông phát giác ông bị đau ung thư. Thực ra, trong thời gian bị tù 8 năm, ông đã bị ung thư rồi và đã được giải phẫu một lần, nhưng các y sĩ giấu không cho biết ông đau ung thư.

Tù biệt xứ, không tiền, ở một nơi hoang vắng, lạc hậu, không bệnh viện, không thuốc men điều trị, nhà văn nắm chắc cái chết. Sau nhiều ngày nằm liệt giường, ông gắng lần ra Tashkent xin điều trị ở bệnh viện công. Tuy vẫn không có thuốc nhưng có lẽ vì số chưa đến ngày tận, Solzhenitsyn vẫn không chết. Những ngày sống vất vưởng ở bệnh viện với bệnh ung thư thập tử nhất sinh ấy cho nhà văn tài liệu sống để viết thành tiểu thuyết *Viện ung thư* (Cancer Ward) sau này.

* * * * *

Năm 1955, trong khi còn ở Koh-Teren, Aleksandr I. Solzhenitsyn đã bắt đầu viết tác phẩm tiểu thuyết dài và giá trị nhất của ông: *Tầng đầu địa ngục*.

Tác phẩm lớn này được ông hoàn thành vào 9 năm sau - năm 1964 - ở Mạc Tư Khoa.

Tình yêu đến với ông. Một nữ kỹ sư hóa học trẻ đẹp yêu ông và chung sống với ông mặc dù nàng biết rằng ông chỉ là một nhà văn bị chế độ ghét bỏ, bị tù đày và có thể lại bị tù đày bất cứ lúc nào.

Cho đến năm 1964, chỉ có mới có một cuốn tiểu thuyết của Aleksandr I. Solzhenitsyn được xuất bản ở Nga. Đó là quyển *Một ngày trong đời Ivan Denisovich*. Các truyện khác của ông, trong số có nhiều truyện ngắn, kịch bản, đều bị Sở Kiểm duyệt ngầm ra lệnh cho các báo không được đăng. Khi biết chắc rằng ông nhất định không chịu khuất phục chế độ, những người cầm quyền lại mở chiến dịch khủng bố, vu cáo, bôi lọ ông. Nhân viên Mật vụ đến xét nhà ông ban đêm, tịch thu những bản thảo của ông, xét hỏi, làm khó những người bạn đến thăm vợ chồng ông. Những tờ báo của Đảng Cộng sản Nga đăng những bài mạt ly Aleksandr I. Solzhenitsyn: Họ vu cho ông bị tù vì tội phản quốc, tư thông với địch quân, những bài báo họ viết về ông có những đoạn nửa kín, nửa hở cố ý làm cho người đọc nghĩ rằng ông chỉ là một tên bất lương, một phần tử lưu manh của xã hội không đáng được để ý đến. Họ còn ngụy tạo cả những bằng chứng kết tội ông bị tù vì tội phản quốc.

Mật vụ Nga và những người Cộng sản cầm quyền ở Nga có cả ngàn thủ đoạn ác độc để hãm hại những người họ muốn hãm hại. Ngoài việc vu khống Aleksandr I. Solzhenitsyn, họ cô lập vợ chồng ông. Nhà văn không kiếm được tiền vì những truyện ông viết không được đăng báo, không sao có thể xuất bản, ông phải sống nhờ vợ ông, nhưng vợ ông bỗng dưng vô cớ bị sở cho nghỉ việc, rồi đi xin việc ở đâu cũng không được. Nhà văn lại còn bị pháp luật làm khó vì một chuyện cũ: bà vợ thứ nhất của ông bỏ đi lấy chồng khác trong lúc ông bị tù nhưng vẫn chưa ly dị chính thức với ông - có lẽ bà này chưa ly dị vì thời ấy, bà không sao liên lạc được với chồng để làm việc này - thành ra bây giờ nhà văn sống với bà vợ thứ hai này trong tình trạng ... bất hợp pháp, phạm luật v.v.

Boris Pasternak đã gửi tác phẩm *Doctor Zivago* sang Ý quốc để dịch và xuất bản khi thấy bọn "đồ tể văn chương" ở Nga không chịu cho xuất bản, trường hợp của Aleksandr I. Solzhenitsyn hoàn toàn khác. Solzhenitsyn cũng muốn thấy tác phẩm của ông được xuất bản, tất nhiên, nhưng ông muốn tác phẩm của ông được xuất bản ở Nga trước ở ngoại quốc. Từ năm 1967, Solzhenitsyn đã nhiều lần viết thư cho Hiệp hội Những nhà văn Nga Xô yêu cầu can thiệp để tác phẩm của ông có thể được xuất bản trên đất Nga, trong những bức thư này, ông có đề cập đến tình trạng tác phẩm của ông có thể bị lọt ra ngoại quốc và xuất bản trước ở ngoại quốc.

Ông nói rõ đó là tình trạng ông không muốn. Nhưng nếu nhà văn không gửi tác phẩm đi, làm sao tác phẩm của nhà văn lại có thể lọt ra ngoại quốc? Solzhenitsyn giải thích sự kiện này như sau: có những người bạn mượn bản thảo tác phẩm của ông về đọc, những người này đánh máy tác phẩm đó để giữ lại hoặc truyền cho người khác, dưới hình thức bản đánh máy, tác phẩm cứ thế phổ biến, để rồi sau cùng, một bản đánh máy đó được mang ra ngoại quốc mà chính tác giả không hề hay biết.

Chính phủ Nga Xô lại không gia nhập Tổ chức Bảo vệ Quyền tác giả Quốc tế nên các nhà văn Nga không thể thưa kiện gì được khi tác phẩm của họ bị những nhà xuất bản Âu Mỹ xuất bản không có sự đồng ý của họ.

Năm 1970, Viện Hàn Lâm Nobel đã mặc nhiên trở thành giải thưởng quan trọng nhất, giá trị nhất thế giới. Được giải này là sự vinh hạnh nhất cho những người làm văn học, nghệ thuật, khoa học.

Chính quyền và Đảng Cộng sản Nga không muốn thấy Aleksandr I. Solzhenitsyn được giải Nobel vì lẽ dễ hiểu là tác phẩm của nhà văn này tố cáo chế độ cai trị bằng mật vụ, nhà tù tàn ác trên đất Nga. Nhưng nhà văn đã được giải Nobel văn chương, cả thế giới đã biết, giá trị và tài năng của nhà văn đã được quốc tế công nhận. Như vậy cũng có nghĩa là quốc tế công nhận những gì Aleksandr I. Solzhenitsyn viết trong tiểu thuyết là đúng. Đó là điều đau đớn thâm gan, tím ruột cho những người Cộng sản Nga. Họ mất mặt nhưng họ chẳng thể làm gì được.

Họ phản ứng bằng cách trả thù tạt nước lạnh là cấm không cho Aleksandr I. Solzhenitsyn sang Thụy Điển để lãnh giải Nobel. Họ sợ sang đó, nhà văn đã trở thành nhà văn quốc tế, sẽ tuyên bố sự thật về họ và những lời này sẽ được công bố cho toàn thế giới biết, họ sẽ còn tai hại nhiều nữa. Không mời được Aleksandr I. Solzhenitsyn sang Stockholm, Viện Hàn Lâm Nobel đề nghị mời nhà văn tới Tòa Đại sứ Thụy Điển ở Mạc Tư Khoa để trao giải - một đại diện của Viện sẽ tới Mạc Tư Khoa để thực hiện việc này - nhưng chính phủ Nga cũng không chịu. Họ đòi đưa giải đó cho họ để họ trao lại cho người được giải. Viện Hàn Lâm Nobel không chịu, vì việc đó trái với tinh thần của Viện, Viện không nhờ đến bất cứ một thứ chính quyền nào trong việc chọn lựa trao giải. Vì vậy được giải Nobel văn chương từ năm 1970 cho tới nay - 1973 - nhà văn Aleksandr I. Solzhenitsyn vẫn chưa được chính thức lãnh giải.

Tất nhiên là các báo xuất bản ở nước Nga - tất cả đều là báo Đảng, do Đảng chỉ huy - đều không loan tin Aleksandr I. Solzhenitsyn được giải Nobel văn chương cho dân Nga biết.

Thực ra, theo sự tiết lộ của chính Solzhenitsyn với những nhà báo Tây phương đã lên gặp được ông và phỏng vấn ông ở Mạc Tư Khoa, chính quyền Cộng sản Nga không phản đối việc ông đi ra ngoại quốc, nhưng họ muốn ông... đi luôn không trở về nữa. Nếu ông chịu đi luôn, họ sẽ để mặc cho ông đi cùng vợ con. Ông đi luôn không về nữa, họ sẽ nhổ được cái gai trước mắt họ, và họ sẽ có lý do để tuyên truyền với dân Nga: tên văn sĩ bất lương sa đọa đó đã bỏ nước trốn sang Tây phương, tên đó chỉ là tên thèm khát bơ sữa Tây phương, một tên lưu manh trốn tránh trách nhiệm với tổ quốc. Và rồi dân Nga sẽ vĩnh viễn không bao giờ còn được nghe nói đến cái tên Aleksandr I. Solzhenitsyn nữa.

Và mặc dù bị chính quyền bực đãi, bị tù đầy, bị cô lập, bị đói khổ và rất có thể là lại bị tù bất cứ lúc nào, Aleksandr I. Solzhenitsyn vẫn nhất định ở lại trên quê hương ông. Ông coi việc bỏ nước đi sống ở ngoại quốc để được yên thân, được no ấm là việc làm hèn nhát. Ông ở lại để tiếp tục tranh đấu chống những bất công, đàn áp ở Nga Xô - không phải ông ở lại vì yêu mến chế độ Cộng sản - và ông chấp nhận tất cả những hậu quả của việc ông làm.

Trong một bức thư gửi cho Hiệp hội Những nhà văn Liên Xô, Aleksandr I. Solzhenitsyn viết: "... Hiện nay, việc sáng tác của tôi bị bóp chết cứng, cá nhân tôi bị bao vây, cô lập và bôi lọ đủ điều...

Nhưng tôi hoàn toàn yên tâm, vì tôi biết tôi đã và sẽ làm trọn sứ mạng nhà văn trong mọi hoàn cảnh ...

Không ai có thể ngăn cản được sự thực xuất hiện. Riêng tôi, tôi sẵn sàng chấp nhận cái chết để cho sự thực được sống và cho sự tiến bộ của nhân loại.."

Viết về Aleksandr I. Solzhenitsyn và *The First Circle* khi tác phẩm này được ấn hành ở Hoa Kỳ, phê bình gia Harrison E. Salisbury đã viết trên tờ The New York Times Book Review:

"Đây là tác phẩm tiếp tục tập *Hồi ký* của Dostoyevsky. Trong thời kỳ Xô Viết cầm quyền ở Nga,

người ta đã có rất nhiều những tiểu thuyết viết về đời sống trong lao tù trên đất Nga. Và giờ đây, vóc dáng to lớn của Aleksandr I. Solzhenitsyn nổi bật lên. Cũng như Dostoyevsky, Solzhenitsyn là một kẻ sống sót. Ông cũng đã sống nhiều năm trời trong lao tù và lưu đày”. Những nhân vật đàn ông, đàn bà trong tác phẩm của ông đều là những người bằng xương bằng thịt, họ yêu, họ ghét, họ cười, họ khóc, họ trò chuyện, họ ước mơ và đột nhiên ta hiểu rằng thúc đẩy, khủng bố, sa đọa và tàn ác chỉ làm trong sạch thêm tinh thần con người. Cuối cùng, không phải tù nhân là những kẻ bị tiêu diệt dù rằng họ có thể bị mất đời sống. Bọn bị tiêu diệt chính là bọn cai ngục. Bọn đàn áp chính là bọn thất bại ...

Harrison E. Salisbury là người hiểu biết tận tường về đời sống ở Nga Xô Viết, ông đã từng sống nhiều năm trên đất Nga và chính ông tiên đoán từ năm 1956 rằng Nga Xô và Trung Cộng thế nào cũng đi đến tranh chấp, trở thành tử thù và vì việc này, cả Nga Xô lẫn Trung Cộng đều bắt buộc phải hòa hoãn với Hoa Kỳ.

Đọc *Tầng đầu địa ngục*, ta thấy tình trạng xảy ra đúng như Harrison E. Salisbury nhận xét: những tù nhân như Gleb Nerzhin, Pryanchikov, Khorobrov, những người tù vì không chịu khuất phục nên bị bọn mật vụ đẩy ra khỏi Sharashka vẫn là những con người còn nguyên vẹn những đức tính của con người, tình yêu thương và họ vẫn có thể ngẩng đầu cao nhìn trời. Chúng ta chỉ có thể kính phục họ chứ không thể khinh họ. Trong lúc bọn cai ngục như Abakumov, Yakanov chỉ là những tên hèn nhát, quỵ lụy, nịnh bợ, chúng còn chết sớm và chết nhục nhã hơn ai hết.

Aleksandr I. Solzhenitsyn bị tù dưới thời Tổng trưởng Abakumov, ông ra khỏi tù và trở thành nhà văn lớn trong khi Abakumov bị thất sủng và bị bắt nhốt, bị giết như một con quái vật. Theo tôi, những chương tả cuộc gặp gỡ ban đêm giữa hai tù nhân Pryanchikov và Bobyer với Tổng trưởng Abakumov, những chương viết về Stalin trong *Tầng đầu địa ngục* là những chương hay nhất, những chương tả cảnh Innokenty Volodin bị bắt vào khám đường Lubyanka là những chương rùng rợn nhất.

Và lời tù nhân Bobyer nói với Tổng trưởng An ninh Abakumov là một bài học giá trị cho những kẻ cầm quyền ở cõi đời này:

“Công dân Tổng trưởng... Ông có thể quát tháo dọa nạt bọn tướng tá dưới quyền ông. Họ có quá nhiều thứ ở đời nên họ sợ ông vì họ sợ mất những cái đó.

Còn tôi, tôi không có gì cả, tôi không còn gì cả. Ông không thể hại vợ con tôi, vì một trái bom đã hại vợ con tôi từ lâu rồi. Cha mẹ tôi đều đã chết. Những gì tôi có trên thế gian này chỉ là cái khăn tay này, bộ quần áo mất nút tôi đang bận đây. Tất cả đều là của chính phủ phát. Ông đã lấy mất tự do của tôi từ lâu rồi, và ông không có khả năng trả lại tự do cho tôi bởi vì chính ông, ông cũng không có tự do. Năm nay tôi đã bốn mươi hai tuổi và ông bắt tôi tù hai mươi năm năm. Tôi đã sống ở trại khổ sai, bị còng tay, bị chửi rủa, bị đánh đập, tôi đã chết đi sống lại nhiều lần. Ông còn có gì để có thể đe dọa tôi nữa? Ông còn có thể làm tôi mất những gì nữa? Ông không cho tôi làm công việc kỹ sư của tôi ư? Cấm tôi làm việc, ông sẽ thiệt nhiều hơn là tôi thiệt.

Ông nên hiểu một điều và ông nên chuyển lại điều này cho những kẻ có quyền như ông hoặc cao hơn ông, những kẻ không biết rằng các ông chỉ có thể mạnh khi nào các ông không làm cho người ta mất hết tất cả mọi thứ. Một người bị các ông tước đoạt hết tất cả mọi thứ sẽ không còn nằm trong quyền hạn của các ông nữa. Người đó lại hoàn toàn tự do”.

Vì sao người tù Gleb Nerzhin thản nhiên đi khỏi Viện Mavrino mặc dù chàng biết rằng đi là khổ hơn, đi là có thể chết, mặc dù chàng có thể xin ở lại? Bởi vì Nerzhin đã mất tất cả và chàng đã chấp nhận mất hết để được sống thảnh thơi như một con người còn có lương tâm, còn cá tính, còn tự trọng.

Câu nói trên đây của Bobyer có thể coi là *chủ đề* của *Tầng đầu địa ngục*.

1.6.1973

Hoàng Hải Thủy

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>